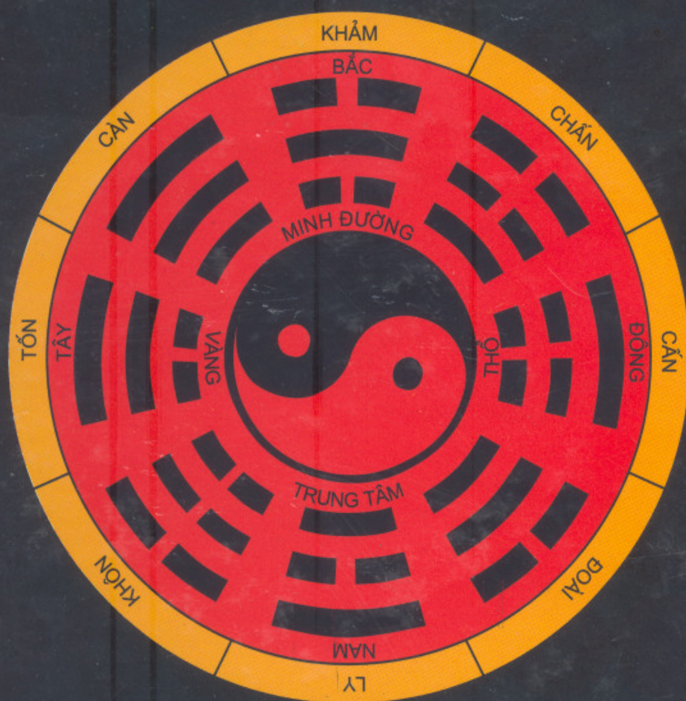
KINH DỊCH

TRỌN BỘ

NGÔ TẤT TỐ
DỊCH VÀ CHÚ GIẢI



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

KINH DỊCH NGÔ TẤT TỐ

KINH DỊCH

TRỌN BỘ

NGÔ TẤT TỐ

(Dịch và chú giải)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRONG lĩnh vực khảo cứu, dịch thuật, Ngô Tất Tố là người có những công trình nghiêm túc, như bộ *Việt Nam văn học* (Tập I - Lý, Tập II - Trần), các bộ *Hoàng Lê nhất thống chí, Đường Thi, Lão Tử, Mặc Tử, Kinh Dịch*... đều được ông dịch và chú giải rõ ràng. Trong *Kinh Dịch* các yếu tố duy vật, tiến bộ của học thuyết Mặc Địch, các triết lý nhân sinh trong *Kinh Dịch* được Ngô Tất Tố trình bày một cách khách quan khoa học. Ông cho rằng, đây là một cuốn sách lạ trong văn học giới của nhân loại, là bộ sách cổ triết học phương Đông. Nhưng *Kinh Dịch* không như *Kinh Thi, Kinh Thư,* nó là thứ sách nói hết sự lý vô cùng, vô tận của thiên hạ đời sau, chỉ một hai chữ đã là một cái đạo lý...

Giới thiệu *Kinh Dịch* của Ngô Tất Tố, chúng tôi mong cung cấp một cuốn sách khảo sát giúp bạn đọc hiểu thêm về văn học cổ Trung Hoa từ thời Phục Hy tới *Xuân Thu,* Hán, Đường... cũng đồng thời giúp các nhà nghiên cứu Hán Nho, bộ sách cổ xưa ẩn khuất bao niềm triết lý về tu, tề, trị, bình và cách xem hình tượng, chiêm đoán để tham khảo, ngẫm suy lẽ hay.

NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT

(Lời người dịch)

1- LAI LỊCH CỦA KINH DỊCH

Cứ như Tiên nho - từ Hán nho đến Minh nho, đã nói thì *Kinh Dịch* bắt đầu ra đời từ vua Phục Hy, một ông vua về đời thần thoại trong sử Tàu, cũng gọi Bào Hy, không biết cách đây mấy nghìn hay mấy vạn năm. Lúc ấy Hoàng Hà có con long mã[1] hiện hình lưng nó có khoáy thành đám, từ một đến chín, vua ấy coi những khoáy đó, mà hiểu được lẽ biến hóa của vũ trụ, mới đem lẽ đó vạch ra thành nét. Đầu tiên vạch một nét liền, tức là "vạch lẻ" để làm phù hiệu cho khí Dương, và một nét đứt, tức là "vạch chẵn" để làm phù hiệu cho khí Âm. Hai cái vạch đó gọi là hai Nghi. Trên mỗi Nghi thêm một nét nữa, thành ra bốn cái "hai vạch", gọi là bốn Tượng. Trên mỗi Tượng lại vạch thêm một vạch nữa, thành ra tám cái "ba vạch", gọi là tám Quẻ[2]. Sau cùng, vua ấy lại đem Quẻ nọ chồng lên Quẻ kia, điên đảo khắp lượt, thành ra sáu mươi tư cái "sáu vạch", gọi là sáu mươi tư Quẻ[3]. Từ thời Phục Hy đến cuối nhà Thương, *Kinh Dịch* vẫn chỉ là một mớ vạch liền, vạch đứt, chưa có tên hiệu chữ nghĩa gì cả[4].

Sang đầu nhà Chu (Trước lịch Tây độ hơn nghìn năm), Văn Vương mới đem những quẻ của Phục Hy mà đặt từng tên và diễn thêm lời ở dưới mỗi quẻ để nói về sự lành dữ của cả quẻ, như chữ 元亨利貞 *(Nguyên hanh lợi trinh)* ở quẻ Kiền, hay chữ 元亨利牝馬之貞 *(nguyên hanh lợi tẫn mã chi trinh)* ở quẻ Khôn v.v... Lời đó vẫn gọi là Lời Quẻ 卦辭 *(quái từ)* hay Lời Thoán 彖辭 *(Thoán từ)*[5].

Kế đó, Cơ Đán, tức Chu Công, con trai thứ Văn Vương, lại theo số vạch của các quẻ mà chia mỗi quẻ ra làm sáu phần, mỗi phần gọi là một hào, và dưới mỗi hào đều có thêm một hoặc vài câu, để nói về

---

[1] Một con thú trong thần thoại, sẽ có lời chua ở dưới.

[2] Tức là quẻ đơn.

[3] Tức là quẻ kép. Có người nói rằng: Phục Hy chỉ đặt ra tám quẻ đơn, còn sáu mươi tư quẻ kép là của Văn Vương đặt ra.

[4] Có người nói rằng: Phục Hy đã có đặt tên cho sáu mươi tư quẻ kép.

[5] Chớ lầm với Lời Thoán của Khổng Tử. Trong bản dịch này, Lời Thoán của Văn Vương ở ngay đầu các quẻ, trên nó không có gì nữa. Còn lời Thoán của Khổng Tử tức là Thoán truyện thì ở liền dưới lời Thoán của Văn Vương, và bắt đầu bằng bốn chữ "Lời Thoán nói rằng."

sự lành dữ của từng hào, như câu 初九:潛龍勿用: *(Sơ Cửu: tiềm long vật dụng)* hay câu 九二:見龍在田 *(Cửu Nhị hiện long tại điền)*, trong quẻ Kiền và câu 初六:履霜堅冰至 *(Sơ Lục lý sương kiên băng chí)* hay câu 六三:含章可貞 *(Lục Tam: Hàm chương khả trinh)* trong quẻ Khôn... Lời đó vẫn gọi Lời Hào (爻辭 *Hào Từ*) vì nó phần nhiều đều căn cứ vào hình tượng của các hào, cho nên cũng gọi là Lời Tượng (象辭 *tượng từ*)[1].

Tiếp đến, Khổng Tử lại soạn ra sáu thứ nữa, là: Thoán truyện, Tượng truyện, Văn ngôn, Hệ từ truyện, Thuyết quái, Tự quái, Tạp quái, *Thoán truyện* có hai thiên: Thượng Thoán và Hạ Thoán; *Tượng truyện* có hai thiên: Thượng và Hạ Tượng; Hệ từ cũng có hai thiên: Thượng Hệ và Hạ Hệ; tất cả mười thiên, **Tiên nho** gọi là "Thập dực" (mười cánh).

Sáu thứ đó tuy đều tán cho ý nghĩa *Kinh Dịch* rộng thêm, nhưng mỗi thứ có một tính cách.

Thoán truyện thích lời quẻ của vua Văn, tức là những câu dưới chữ "Lời Thoán nói rằng".

Tượng truyện thích hình tượng của các quẻ và các hào, tức là những câu dưới chữ "Lời Tượng nói rằng"; thích chung cả quẻ gọi là Đại Tượng, thích riêng từng hào gọi là Tiểu Tượng.

Văn ngôn chuyên thích hai quẻ Kiền, Khôn.

Hệ từ nói về đại thể, phàm lệ của *Kinh Dịch* và công phu cùng ý nghĩa trong việc làm *Kinh Dịch* của Văn Vương Chu Công.

Thuyết quái nói về đức nghiệp, pháp tượng và sự biến hóa của tám quẻ.

Tự quái nói về những cớ tại sao quẻ này lại để ở dưới quẻ kia.

Tạp quái nói về những ý vụn vặt của các quẻ.

Những thiên của Khổng Tử, trước vẫn tách riêng, không phụ hẳn vào lời quẻ, lời hào của Văn Vương Chu Công. Đến đời Hán, Phi Trực mới đem Thoán truyện, Tượng truyện và Văn ngôn thuộc về quẻ Kiền hợp với *Kinh Dịch* của Văn Vương Chu Công, để thay vào lời chú thích. Rồi, Trịnh Huyền lại sáp nhập nốt những câu Văn ngôn của quẻ Khôn và Thoán truyện, Tượng truyện của các quẻ kia. Từ đó bảy thiên Thoán truyện, Tượng truyện, Văn ngôn mới xen vào trong các quẻ. Còn ba thiên kia thì để phụ riêng ở cuối sách. Tới đời Tống, Chu Hy làm sách *Chu Dịch bản nghĩa* đã sắp đặt lại như cũ, nhưng mà

---

[1] Chớ lầm với Lời Tượng của Khổng Tử. Trong bản dịch này, Lời Tượng của Khổng Tử, tức là Tượng truyện, đầu bài bằng chữ "Lời Tượng nói rằng", còn Lời Tượng của Chu Công thì ở ngay đầu các hào, trên nó chỉ có những chữ số mục.

người ta không theo. Những bản được thịnh hành trong hồi gần đây, vẫn là thể tài của bọn Phí Trực, Trịnh Huyền.

Nay nói chính văn *Kinh Dịch*, tức là gồm cả: vạch quẻ của Phục Hy, lời quẻ của Văn Vương, lời hào của Chu Công, và Thoán truyện, Tượng truyện, Văn ngôn, Hệ từ truyện, Thuyết quái, Tự quái và Tạp quái của Khổng Tử.

Đó là theo lời cựu truyền của tiên nho mà thuật ra, để độc giả biết qua lai lịch *Kinh Dịch* là vậy.

2 - KHÁI LUẬT CỦA KINH DỊCH

Dù sao mặc lòng, *Kinh Dịch* vẫn là một cuốn sách lạ trong văn học giới của nhân loại. Thể tài sách này không giống một cuốn sách nào. Bởi vì cái gốc của nó chỉ là một nét vạch ngang, do một nét vạch ngang, đảo điên xoay xỏa thành một bộ sách, vậy mà hầu hết chi tiết ở trong, đều có thể thống luật lệ nhất định, chứ không lộn xộn. Trước khi đọc, phải biết qua loa những thể thống luật lệ ấy, thì sau mới dễ nhận hiểu. Vậy nay, theo sự kê cứu của Tiên nho, nên qua ít điều quan hệ trong những thể thống luật lệ đó, như sau:

Quẻ. - Quẻ có hai thứ: Một là quẻ đơn, tức là tám quẻ: Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, mỗi quẻ có ba nét ngang, Chu Hy gọi là "quẻ ba vạch". Hai là quẻ kép, tức là sáu mươi tư quẻ do tám quẻ đơn đắp đổi chồng nhau mà thành ra, như quẻ Hàm, quẻ Hằng, quẻ Đại tráng, quẻ Gia nhân... các quẻ này mỗi quẻ có sáu nét ngang, Chu Hy gọi là "quẻ sáu vạch". Cả hai thứ đó, trong sách đều gọi là quẻ (卦 *Quái*), thật ra, tính chất rất không giống nhau, quẻ đơn là những yếu tố làm nên quẻ kép, mà quẻ kép thì là hợp thể của hai quẻ đơn chồng nhau.

Hào. - Hào và vạch ngang của quẻ kép, mỗi quẻ sáu vạch, tức là sáu hào. Thứ tự bắt đầu từ dưới kể lên, dưới nhất là hào Đầu, đến hào Hai, đến hào Ba, đến hào Tư, đến hào Năm, cuối cùng là hào Trên. Hào cũng chia làm hai thứ: Những hào thuộc nét ngang liền là hào Dương; những hào thuộc nét ngang đứt, là hào Âm. Ví như quẻ Chuân, do hai quẻ Chấn, Khảm hợp lại thành mà ra, thì hào Đầu, hào Năm là Dương, hào Hai, hào Ba, Hào Tư, hào Trên là Âm. Ở lời Kinh, hào Dương gọi là hào Chín, hào Âm gọi là hào Sáu. Ví như quẻ Chuân: hào Đầu gọi hào Chín Đầu (初九 *Sơ Cửu*), hào Hai gọi là hào Sáu Hai (六二 *Lục Nhị*) v.v... Sở dĩ gọi vậy, - theo Tiên nho - là vì khí Dương số bảy là trẻ, số chín là già, khí Âm số tám là trẻ, số sáu là già, già thì biến đổi, chứ trẻ thì chưa biến đổi, *Kinh Dịch* chú trọng ở sự biến đổi, cho nên mới lấy số Chín làm tên hào Dương và lấy số Sáu làm tên hào Âm.

Tính của các quẻ và các hào - Tám quẻ đơn, mỗi quẻ đều có tính riêng, đại khái, tính Kiền thì mạnh, tính Khôn thì thuận, tính Chấn thì động, tính Tốn là nhún, tính Cấn hay đậu, tính Đoái hay đẹp lòng, tính Ly có khi thì sáng, có khi là trống rỗng, tính Khảm có khi là hiểm, có khi là dầy đặc. Vậy ở sách này, nói mạnh là chỉ về Kiền, nói thuận là chỉ về Khôn, nói động là chỉ về Chấn, nói nhún là chỉ về Tốn, nói động là chỉ về Cấn, nói đẹp lòng là chỉ về Đoái, nói sáng hay trống rỗng là chỉ về Ly, nói hiểm hay dày đặc là chỉ về Khảm - Còn hào, thì hào Dương tất nhiên cứng mạnh thích động và hay đi lên, hào Âm tất nhiên mềm yếu thích tĩnh và hay đi xuống. Vậy ở sách này, nói cứng là chỉ về hào Dương, nói mềm là chỉ về hào Âm.

Tượng của quẻ và hào - Tám quẻ đơn đều làm biểu hiện cho các vật ở vũ trụ, mỗi quẻ là hình tượng của một hoặc nhiều vật. Ví như Kiền là tượng trời, lại là tượng con rồng; Khôn là tượng đất, lại là tượng con trâu; Chấn là tượng sấm, lại là tượng cái cây; Khảm là tượng nước, lại là tượng mây, tượng mưa; Tốn là tượng gió, Ly là tượng lửa; Cấn là tượng núi; Đoài là tượng chằm... Đó là nói qua, sau đây đọc đến các quẻ sẽ thấy rõ hơn. Còn hào, tự nó không có tượng riêng, vì không chuyên hình dung cho vật gì, nhưng khi đã hợp nhau lại thành quẻ, thì cũng có khi có tượng. Ví như hào giữa quẻ Khảm là tượng "dày đặc", bởi vì hào ấy là nét ngang liền, đứng giữa hai nét ngang đứt, giống như một vật đặc giữa; hay như hào giữa quẻ Ly là tượng "trống rỗng bên trong", bởi vì hào này là nét ngang đứt, đứng giữa hai nét ngang liền, giống như một vật rỗng ruột vậy.

Sự áp dụng của hào và quẻ - Trong *Kinh Dịch* phần của Văn Vương Chu Công chú trọng ở sự bói toán, phần của Khổng Tử chú trọng ở cách tu nhân xử thế của từng người, đó là điều rất rõ rệt. Dù là việc bói toán, dù là cách tu nhân xử thế, cũng đều phải lấy nhân sự làm căn cứ, vì vậy, người ta mới chia mỗi quẻ ra làm ba thứ: *thì, ngôi* và *người.*

Thì là thời kỳ. Trong sáu mươi tư quẻ kép, mỗi quẻ là một thời kỳ. Ví như quẻ Thái tức là thời kỳ hanh thái, quẻ Bĩ tức là thời kỳ bế tắc, v.v... Trong mỗi quẻ, hào Đầu là đầu thời kỳ, hào Trên là cuối thời kỳ, còn các hào giữa, cố nhiên là giữa thời kỳ. Đó là nói về đại khái, chính ra một quẻ có khi không chỉ về một thời kỳ mà chỉ về một công cuộc, ví như quẻ Tốn, Ích, Ty, Tụng v.v... Nhưng về nghĩa này rất ít.

Ngôi là thứ tự của các hào. Mỗi quẻ sáu hào, tức là sáu ngôi. Theo lời chú thích của Tiên nho, nhất là lời chú thích của Trình Di và Chu Hy, thì trong một quẻ, hào Đầu là ngôi thứ dân, hào Hai là ngôi

tư mục, hào Ba là ngôi quan Khanh, quan Đại phu, hào Tư là ngôi đại thần, hào Năm là ngôi vua, hào Trên là ngôi các vị lão thành. Đây cũng là nói đại khái mà thôi, không phải các quẻ đều đúng lệ đó.

Tất cả các ngôi, đều có nhiều hạng tương phản với nhau, ví như chính và không chính, giữa và không giữa, có ứng và không ứng. Hào Dương mà ở ngôi lẻ, tức là ngôi Đầu, ngôi Ba, ngôi Năm; hào Âm mà ở ngôi chẵn tức là ngôi Hai, ngôi Tư, ngôi Trên, thế là được chỗ chính; trái lại, nếu hào Dương mà ở ngôi chẵn, hào Âm mà ở ngôi lẻ thì là bất chính. Trong mỗi quẻ, chỉ có hào Hai, hào Năm là giữa, vì một quẻ kép do hai quẻ đơn hợp lại, mà hào Hai là giữa quẻ *(đơn)* dưới, hào Năm thì ở giữa quẻ *(đơn)* trên. Còn các hào khác đều là không giữa.

Ứng là hào nọ ứng với hào kia, như làm ngoại viện cho nhau. Trong một quẻ *(kép)*, hào Đầu ứng với hào Tư, hào Hai ứng với hào Năm, hào Ba ứng với hào Trên, thường lệ như thế. Nhưng phải một hào là Dương, một hào là Âm mới là có ứng. Nếu hai hào cùng một loại, ví như hào Đầu là hào Dương, hào Tư cũng là hào Dương, hào Hai là hào Âm, hào Năm cũng là hào Âm... thì không tương ứng. Vậy nói "chính giữa có ứng" tức là hào Âm ở ngôi Hai mà trên ngôi Năm là hào Dương, hay hào Dương ở ngôi Năm mà dưới ngôi Hai là hào Âm.

Trên đây là lệ nhất định.

Người là bản thân kẻ xem bói, nói rộng ra thì là bản thân kẻ ở địa vị nào, trong thời kỳ nào, ví như hào Đầu quẻ Bĩ tức là thứ dân trong đời bĩ tắc, hào Năm quẻ Thái thì ông vua trong đời hanh thái v.v... *Người* có hai dạng quân tử và tiểu nhân, hay là đàn ông và đàn bà. Tiên nho cho rằng: Hào Dương là quân tử hay đàn ông, hào Âm là tiểu nhân hay đàn bà. Hào Dương ở ngôi Dương, tức là quân tử được ngôi, hào Âm ở ngôi chẵn, tức là tiểu nhân biết điều, trái lại, hào Dương ở ngôi chẵn, thì là quân tử không ngôi, hào Âm ở ngôi lẻ, thì là tiểu nhân càn bậy. Lệ này cũng là thuộc về phần nhiều, không phải hết thảy như thế.

Tượng và Chiêm - Theo ý Chu Hy, một hào thường làm hai thứ, là Tượng và Chiêm. Tượng là hình tượng. Chiêm là lời đoán. Ví như hào Chín Đầu của quẻ Kiền có câu: "rồng lặn chớ dùng", thì "rồng lặn" là tượng, vì Kiền là tượng con rồng, mà ngôi Đầu là chỗ rất thấp, tức là tượng của sự lặn; "chớ dùng" là Chiêm, vì nó là lời khuyên bảo người ta. Tượng thì tùy quẻ tùy hào mà hình dung ra, không có nhất định. Còn Chiêm đại để chia làm hai loại, hay dở. Về mặt hay, hay nhất là *nguyên cát* (cả tốt) đến *cát hanh* (tốt và hanh thông), đến *cát* (tốt), đến *hanh* (hanh thông), đến *lợi* (lợi về sự gì), đến *vô hối* (không

ăn năn), đến *vô cữu* (không lỗi); về mặt dở, dở nhất là *hung* (dữ), đến *lệ* (nguy), đến *vô du lợi* (không lợi về sự gì), đến *lận* (đáng thẹn tiếc), đến *hữu cữu* (có lỗi), đến *hữu hối* (có ăn năn). Đem tính chất của lời Chiêm mà phân tích ra, thì thấy nặng nhẹ khác nhau như vậy. Trong sáu tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào, nhiều hào có Tượng mà không có Chiêm, cũng nhiều hào mà có Chiêm mà không có Tượng, không phải hào nào cũng đủ cả hai thứ đó.

3 - VÀI LỜI PHÂN GIẢI VỀ VIỆC DỊCH

1) *Kinh Dịch* là một pho sách rất cổ trong triết học sử Á Đông. Từ đời nhà Hán mà đi, đến đời nhà Thanh, kể có hàng trăm học giả chú thích. Mỗi nhà chú thích tất nhiên phải có một bộ sách riêng. Học thức hẹp hòi như Dịch giả, cũng đã biết tên được vài chục bộ, lấy trí tưởng tượng mà đoán, số sách chú thích của các nhà *Dịch học*, ít ra cũng phải có hàng trăm bộ. Nguyên văn bản Dịch này là bộ *Chu Dịch đại toàn* của bọn Hồ Quảng và Kim Âu Tư vâng mệnh Thành tổ nhà Minh mà soạn ra, nội dung gom góp hầu khắp các lời chú giải của Tiên nho. Trong các *Kinh Dịch* lưu hành từ trước đến giờ, bộ này đầy đủ hơn hết. Điều đáng nói là trong bộ *Chu Dịch đại toàn*, soạn giả lấy hai cuốn *Dịch truyện* của Trình Di và *Chu Dịch bản nghĩa* của Chu Hy làm phần chính, còn lời chú giải của các học giả khác chỉ là phần phụ mà thôi. Họ Trình họ Chu là hai cự phách trong Tống nho, sự khảo cứu của các ông ấy không khỏi có chỗ vũ đoán và khiên cưỡng, như vậy, thì chữ "đầy đủ" trên kia, chỉ nói được về phần lượng, không nói được về phần phẩm, nghĩa là bộ sách ấy chỉ là sách dầy, không phải là sách chú giải thật đúng. Song thế nào là đúng? Thế nào là không đúng? Đối với chính văn *Kinh Dịch*, những câu hỏi đó, có lẽ loài người tiêu diệt vẫn chưa giải quyết. Thế thì muốn biết *Kinh Dịch* một cách uyên bác, thà đọc *Chu Dịch đại toàn* còn hơn. Vì vậy Dịch giả mới chọn bộ này mà Dịch.

2) Trong bộ *Chu Dịch đại toàn*, Trình Di và Chu Hy là hai tay trọng yếu trong phần chú giải, nhưng mà không phải hết thảy từ đầu đến cuối, hai người đều chung một ý với nhau. Trái lại, có chỗ họ Trình bảo là thế này, họ Chu lại cho là thế kia, có chỗ họ Chu công nhiên phản đối ý của họ Trình là khác. Như thế, thì việc phiên Dịch kinh văn cũng hơi rắc rối, là vì không biết theo ai, theo họ Trình hay theo họ Chu? Gặp những trường hợp ấy, Dịch giả phải tự đặt một cái lệ, là lấy văn pháp chữ Nho làm bằng, hễ lời chua của ai hợp văn pháp chữ Nho hơn thì lời Dịch theo ý của nấy, bất kỳ của họ Chu hay của họ Trình. Còn chỗ nào hai nhà độc giả đó đã không đồng ý mà một nhà độc giả khác lại có ý kiến lạ hơn, thì cũng trích vào làm "Lời

bàn của tiên nho" cho rộng rãi thêm. Nhưng dù theo, dù không theo, Dịch giả chỉ căn cứ ở văn pháp chữ Nho, chứ không hề cho thế này là đúng, thế kia là sai.

3) Trong bản Dịch này, những chỗ Dịch các lời kinh, nhiều khi dùng những tiếng cổ, ví như tiếng "thửa" tiếng "chưng", tiếng "hay", tiếng "khá" v.v... chữ nào nghĩa ấy, như lời kể nghĩa sách học trò chữ Nho ngày xưa. Đọc những chỗ ấy, độc giả chắc phải cho là gàn. Dịch giả cũng tự thấy thế là bướng, có lẽ những kẻ không ưa, sẽ dùng chỗ đó làm cớ công kích người Dịch cũng nên. Song Dịch giả không phải là không thể tìm được đủ tiếng để đặt cho câu văn Dịch được êm tai. Sở dĩ Dịch vậy, là vì một lẽ sau đây:

Từ xưa đến nay, ai ai cũng tin *Kinh Dịch* là một bộ sách khó hiểu. Sự thực cũng đúng như thế. Nhưng cái khó hiểu của *Kinh Dịch*, không tại ý tứ sâu xa, chỉ tại lời văn chủng chẳng rời rã, ngớ ngẩn đột ngột, giống như lời nói của bọn đồng cốt, không đầu đuôi, không mạch lạc, có chỗ lại không đúng với văn pháp nữa. Ấy cũng vì thế mà thường thường một câu có thể hiểu ra mấy nghĩa, rút lại vẫn không thể bảo nghĩa nào là đúng, nghĩa nào là sai. Tinh thần của Kinh Dịch, một phần là ở chỗ đó. Nay nếu đem những đoạn văn chủng chẳng rời rã, ngớ ngẩn đột ngột đó mà Dịch ra những lời trôi chảy, dễ nghe, dễ hiểu thì là làm cho độc giả phải theo ý kiến của mình, đó là mất tinh thần của *Kinh Dịch*. Dịch giả không muốn như thế. Vì vậy trong các chính văn hết thảy Dịch bằng tiếng cổ của ta, cố giữ lấy cái tinh thần "chủng chẳng rời rã, ngớ ngẩn đột ngột" của nó, để độc giả muốn hiểu thế nào thì hiểu, bằng không hiểu nữa, thì đã có lời chú giải của Trình Di, Chu Hy Dịch tiếp ở dưới, coi đó rồi cũng phải hiểu.

Có điều những tiếng cổ ấy, lâu không ai dùng đến, đối với phần đông người, nghĩa nó hầu như đã mất. Vậy xin chua qua mấy tiếng dưới đây, để độc giả khỏi mất thì giờ tra cứu

Thửa: Chữ *thửa* có hai nghĩa: Khi nào đứng trên một động từ (verbe), thì nó thuộc về xưng đại danh từ (Pronom personnel), giống như chữ 所 *(sở)* ở chữ Nho; nghĩa là: a) cái mà, khi nói về việc hay vật; b) kẻ mà, khi nói về người. Thí dụ: Anh *thửa* làm, tức là cái mà anh làm; không *thửa* lợi, tức là không cái gì mà lợi; nó *thửa* ghét, tức là kẻ mà nó ghét v.v... Khi nào đứng trên một danh từ (nom), thì nó thuộc về chỉ thuộc tĩnh từ (adjectif possessif), giống như chữ 其 *(kỳ)* ở chữ Nho, có thể dùng cả ba ngôi, nhưng thường thường hay dùng về ngôi thứ ba, nghĩa là nó, hay là người... của nó hay của người. Thí dụ: "*thửa* công đức ấy ai bằng", tức là công đức ấy của nó, ai bằng.

Chưng: Chữ *chưng* có hai nghĩa, đều thuộc về giới từ (préposition), và đều dùng để làm cho tiếng nọ liên lạc với tiếng kia.

Khi nào đứng ở đầu câu, thì nó giống như chữ 之 *(chi)* ở chữ Nho, chỉ để làm cho lọn nghĩa cái tiếng đứng ở dưới nó. Thí dụ "chưng kiếp nhân sinh đã thỏa". Nhưng nghĩa này ít dùng lắm. Khi nào đứng dưới một động từ, thì nó giống như chữ 於 *(ư)* chữ 于 *(vu)* ở chữ Nho nghĩa là ở. Thí dụ: Đi *chưng* đường, tức là đi ở đường; ngủ *chưng* nhà, tức là ngủ ở nhà.

Hay: Có khi là biết, thí dụ: Chẳng *hay* nàng ở nơi nao, tức là chẳng biết nàng ở nơi nào; có khi là được. Thí dụ: chẳng *hay* giữ, tức là chẳng giữ được.

Khá: Có khi là có thể, thí dụ: Việc này *khá* làm, tức là việc này có thể làm; có khi là đáng, thí dụ: chuyện đó *khá* tiếc, tức là chuyện đó đáng tiếc.

Trở lại, đều là những điều cần phải nói để độc giả biết rõ trước khi đọc bản dịch này. Còn ý kiến của dịch giả đối với *Kinh Dịch* ra sao, cuối sách sẽ xin nói kỹ.

DỊCH GIẢ

TỰA CỦA TRÌNH DI

Dịch là biến đổi, tức là tùy thời biến đổi để theo Đạo. Nó là thứ sách rộng lớn đầy đủ, hầu để thuận theo lẽ tính mệnh[1]*, thông đạt cớ u minh*[2]*, hiểu hết tình trạng muôn vật mà bảo những cách mở mang các vật, làm thành các việc. Thánh nhân lo cho đời sau như thế, có thể gọi là tột bậc.*

Nay cách đời cổ chưa xa, sách sót hãy còn, nhưng bậc tiền nho thì bỏ Ý *để truyền* Lời*, kẻ hậu học thì đọc* Lời *mà quyên* Ý*, Dịch đã thất truyền từ lâu.*

Ta đẻ sau nghìn năm, Đạo ấy đã bị vùi lấp, muốn cho người sau có thể theo dòng mà tìm nguồn, cho nên mới làm Truyện này.

Dịch có bốn điều thuộc về Đạo *của thánh nhân: để* Nói *thì chuộng* Lời*, để* Hành động *thì chuộng sự* Biến đổi*, để chế* Đồ đạc *thì chuộng* Hình tượng*, để* Bói toán *thì chuộng lời* Chiêm đoán *của nó. Cái lẽ lành, dữ, tiêu, lớn*[3]*, cái đạo tiến, lui, còn, mất, có đủ ở* Lời*. Suy* Lời *xét* Quẻ*, có thể biết sự* Biến đổi*, thì sự* Chiêm đoán *tự nhiên ngụ ở trong đó.*

Quân tử khi ở yên thì coi Hình tượng và gẫm Lời lẽ của nó, khi hành động thì coi sự Biến đổi mà gẫm lời suy đoán của nó. Hiểu Lời mà không đạt Ý của nó thì có, chứ chưa có ai không hiểu Lời mà thông được Ý của nó bao giờ.

Rất huyền vi là Lý, rất tỏ rõ là Tượng*, thể chất và công dụng vẫn là một nguồn, huyền vi và tỏ rõ không hề cách nhau*[4]*, xem sự hội*

---

[1] Theo Khổng Dĩnh Đạt, tính là chất của trời sinh, ví như cứng, mền, lanh, chậm..., mệnh là cái mà người ta bẩm thụ, ví như sang hèn, thọ, yểu... Vậy chữ tính mệnh này chỉ về tính chất số mệnh, không phải như chữ tính mệnh chỉ về sinh mạng.

[2] Mờ tối và sáng sủa.

[3] Tiêu đi và lớn lên.

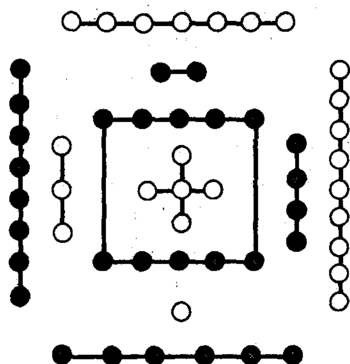
[4] Chy Hy chua rằng: Theo lẽ mà nói, thì dù là thể chất, nhưng có công dụng vẫn ở bên trong, "thể chất và công dụng một nguồn", là nghĩa như thế. Theo Tượng mà nói, thì dù là rõ rệt đấy, nhưng cái huyền vi cũng không thể ở ra bên ngoài. "Rõ rệt và huyền vi không hề cách nhau" là nghĩa như thế.

thông[1]*, để thi hành điển lễ*[2] *của nó, thì* Lời, *không có cái gì không đủ. Cho nên, kẻ khéo học Dịch, tìm kiếm về* Lời, *phải tự chỗ gần trước đã. Nếu mà khinh rẻ chỗ gần thì không phải là kẻ biết nói Kinh Dịch. Còn sự do* Lời *mà biết được* Ý *thì cốt ở người.*

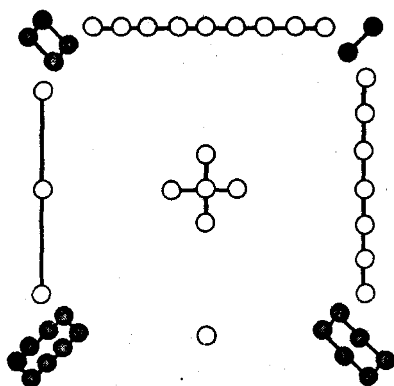
Ngày Canh thân, tháng Giêng năm Kỷ Mão,
tức năm thứ hai hiệu Nguyên phù nhà Tống.
Hà Nam TRÌNH DI
Chính Thúc Tư.

[1] Chu Hy chua rằng: Phàm các sự vật, nên theo chính chỗ tụ hội của nó mà suy, để tìm một con đường thông mà đi. Hội thông là nghĩa như thế.
[2] Chu Hy chua rằng: Điển lễ chỉ là việc thường.

ĐỒ THUYẾT CỦA CHU HY



HÀ ĐỒ



LẠC THƯ

Hệ từ truyện nói: "Sông Hà hiện *đồ*, sông Lạc hiện *thư*, thánh nhân bắt chước các thứ đó"; lại nói "Trời một đất hai, trời ba đất bốn, trời năm đất sáu, trời bảy đất tám, trời chín đất mười. Số của trời là năm, số của đất là năm". Ngôi "năm" tương đắc với nhau mà số nào lại có sự hội hợp của số ấy, thì số của trời là năm mươi nhăm, số của đất là ba mươi. Cộng cả số của trời đất là năm mươi nhăm. Đó là để làm thành sự biến hóa mà thông hành với quỷ thần. Ấy là số của Hà đồ. Lạc thư thì theo ở hình tượng của con rùa, nên số của nó: đội bằng chín, dẫm lên một, phía tả ba, phía hữu bảy, hai và bốn là vai, sáu và tám là chân. Sái Nguyên Định nói rằng: "Tượng của Hà đồ, Lạc thư từ Khổng An Quốc, Lưu Hâm nhà Hán, Quang Lãng nhà Ngụy, Khang Tiết Thiệu tiên sinh nhà Tống, đều bảo như thế. Đến Lưu Mục mới đổi cả hai tên, rồi thì các nhà nhân theo kiểu đó". Cho nên nay khôi phục lại, hết thảy theo đúng như cũ.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Khổng An Quốc nói rằng: "Hà đồ là khi họ Phục Hy[1] làm vua thiên hạ, có con long mã hiện ở sông Hà, họ ấy bèn bắt chước cái vằn của nó để vạch ra tám *quẻ*. Lạc thư là khi vua Vũ[2] chữa được nước lụt, có con rùa thần đội vằn, trên lưng có số tới chín, vua Vũ bèn nhân đó mà xếp thứ tự thành ra chín loài.

Lưu Hâm nói rằng: họ Phục Hy nối trời làm vua, nhận đồ sông Hà mà vạch ra nét, đó là tám *quẻ*. Vua Vũ chữa được nước lụt, trời ban cho thư sông Lạc, vua ấy bắt chước thư đó xếp thành từng loại. Đó là chính *chù*.

Quan Lãng nói rằng: Nét của Hà đồ: bảy trước, sáu sau, tám ở tả, chín ở hữu. Nét của Lạc thư: chín trước, một sau, ba ở tả, bảy ở hữu, bốn ở phía tả đằng trước, hai ở phía hữu đằng trước, tám ở phía tả đằng sau, sáu ở phía hữu đằng sau.

Thiên Ung nói rằng: Tròn là hình sao, số của lịch kỷ[3] có lẽ gây từ đó chăng? Vuông là hình đất, những cách chia châu[4] đặt "tỉnh"[5] có lẽ phỏng theo đó chăng?

---

[1] Theo sử Tàu, Phục Hy là một ông vua nước Tàu trong thời thượng cổ, hiện không thể biết vua ấy xa cách ngày nay mấy nghìn hay mấy vạn năm.

[2] Vua đầu nhà Hạ, trước lịch tây hơn hai nghìn năm. Theo sử Tàu, trong đời vua Nghiêu, nước Tàu bị lụt đến chín năm luôn. Vua Vũ đào sông, khai ngòi, chữa được nạn ấy.

[3] Tức là lịch định ngày tháng

Bởi vì tròn là số của Hà đồ, vuông là nét của Lạc thư, cho nên vua Hy, vua Văn[1], nhân đó mà làm *Kinh Dịch*, vua Vũ, ông Cơ[2], theo đó mà làm ra thiên *Hồng phạm*.

Chu Hy nói rằng: Trong khoảng trời đất, chỉ có một vật là khí; chia ra làm hai, thì là âm, dương; năm hành gây dựng, muôn vật trước sau, đều bị cai quản ở đó. Cho nên ngôi của Hà đồ, một và sáu cùng tông[3], mà ở về Bắc, hai và bảy làm bạn mà ở về Nam, ba và tám đồng đạo mà ở về Đông, bốn với chín thành lứa mà ở về Tây, năm và mười[4] giữ lẫn cho nhau mà ở chính giữa. Nghĩa là cái số của nó, chẳng qua chỉ có một âm, một dương, một lẻ, một chẵn, để làm gấp đôi năm hành mà thôi.

Gọi là trời, tức là khí dương nhẹ trong, ngôi ở bên trên; gọi là đất, tức là khí âm nặng đục, ngôi ở phía dưới. Số dương lẻ, cho nên một, ba, năm, bảy, chín đều thuộc về trời, đó là số của trời có năm. Số âm chẵn, cho nên hai, bốn, sáu, tám, mười, đều thuộc về đất, đó là số của đất có năm. Số của trời và số của đất, đàng nào theo loại đàng ấy, mà cũng tìm nhau. Ngôi "Năm" tương đắc với nhau là thế.

Trời lấy số một mà sinh hành Thủy, đất lấy số sáu mà làm cho thành[5]; đất lấy số hai mà sinh hành Hỏa, trời lấy số bảy mà làm cho

---

(4) Chỉ về chín châu. Sau khi vua Vũ chữa được nước lụt, liền chia nước Tàu ra làm chín khu, mỗi khu gọi là một châu.

(5) Chỉ về các khu tỉnh điền. Theo sách Mạnh Tử, đời Chu chia đất cho dân cày cấy đều theo hình vuông, mỗi khu là chín trăm mẫu, giới hạn giống như chữ 井 (tỉnh), trăm mẫu chính giữa là ruộng công, còn tám trăm mẫu chung quanh cấp cho tám nhà. Đó là phép "Tỉnh điền".

[1] Văn vương nhà Chu

[2] Tức ông Cơ Tử, người đã diễn lại chín "chù", và đem truyền cho Vũ vương nhà Chu.

[3] Như số một ở dưới số năm thì có số sáu, số hai ở bên cạnh số năm thì có số bảy, v.v. coi hình Lạc thư ở trên sẽ rõ.

[4] Chu Hy chua rằng: "Sinh số của trời đất, chỉ có đến năm là hết. Năm đối một, hai, ba, bốn, thì thành sáu, bảy, tám, chín, cuối cùng lại đối với năm thành mười.

[5] Hoàng Miễn Trai chua rằng: "Từ một đến mười, chỉ nói về sự nhiều ít của số lẻ, số chẵn, không phải nói về thứ tự. Trời được số lẻ làm ra nước, cho nên nói rằng: "số một sinh ra hành Thủy". Số một cùng cực thì thành số ba, cho nên nói rằng: "số ba sinh hành Mộc". Đất được số chẵn mà làm ra lửa, cho nên nói rằng: "số hai sinh ra hành Hỏa". Số hai cùng cực thì thành ra số bốn, cho nên nói rằng: "Số bốn sinh ra Kim", sao lại như vậy? Là vì dùng một cạnh mà vặn cho tròn, thì thành ba cạnh, thế là số một cùng cực thì thành số ba; dùng hai cạnh mà bẻ cho vuông thì thành bốn cạnh, thế là số hai cùng cực thì thành số bốn... Số sáu hoàn thành hành Thủy cũng giống như tượng quẻ Khảm (☵); một hào Dương ở giữa, tức là số một của trời sinh ra hành Thủy; số sáu của đất bao bọc ở ngoài. Dương ít, Âm nhiều, thì Thủy mới thịnh. Số bảy hoàn thành hành Hỏa cũng giống như tượng quẻ Ly (☲), một hào Âm ở giữa, tức là số hai của đất sinh ra hành Hỏa, số bảy của trời bao bọc ở ngoài,

thành; trời lấy số ba mà sinh hành Mộc, đất lấy số tám mà làm cho thành, trời lấy số năm mà sinh hành Thổ, đất lấy số mười mà làm cho thành. Đó là "các số đều có hợp nhau".

Chất năm số lẻ thành ra hai nhăm, chất năm số chẵn thành ra ba mươi. Hợp cả hai số thành năm mươi nhăm, tức là toàn số của đồ sông Hà. Đó là ý của Phu tử và thuyết của chư nho.

Đến như Lạc thư, tuy là Phu tử chưa từng nói tới, nhưng *Tượng* và *Thuyết* của nó đã có đủ ở trên đây.

Có người hỏi rằng: Tại sao ngôi và số của Hà đồ Lạc thư lại không giống nhau?

Đáp rằng: Hà đồ dùng năm số Sinh[1] tóm năm số Thành[2] cũng ở một phương, ấy là nêu cái toàn hình để bảo người ta mà nói về *thể* của số thường. Lạc thư dùng năm số lẻ tóm bốn số chẵn, mà số nào ở riêng chỗ của số ấy, đó là chủ về "dương để tóm âm" mà gây cái *dụng* của số biến.

Lại hỏi: Tại sao Hà đồ Lạc thư đều cho số năm ở giữa?

Đáp rằng: Các số lúc đầu, chỉ là một âm dương mà thôi. *Tượng* của Dương tròn, tròn thì đường kính một phần, chu vi ba phần; *tượng* của Âm vuông, vuông thì đường kính một phần, chu vi bốn phần. Chu vi ba phần thì lấy số một làm "một"[3], cho nên nhân với một Dương mà thành ra ba. Chu vi bốn phần thì lấy số hai làm "một"[4] cho nên nhân với một Âm mà thành ra hai. Đó là nhân ba với trời, nhân hai với đất vậy. Hai và ba hợp lại, thì thành ra năm, vì vậy Hà đồ Lạc thư đều lấy số năm làm giữa. Nhưng mà Hà đồ thì lấy số sinh làm chủ, cho nên ở giữa phải năm, cho đủ *tượng* của năm số sinh; một chấm ở dưới là *tượng* số một của trời, một chấm ở trên *tượng* số hai của đất, một chấm phía tả là *tượng* số ba của trời, một chấm phía hữu là *tượng* số bốn của đất, một chấm chính giữa là *tượng* số năm của trời. Lạc thư thì lấy số lẻ làm chủ, cho nên ở giữa phải năm, cho đủ các *tượng* của năm số lẻ: một chấm ở dưới, cũng *tượng* số một của trời, một chấm phía tả cũng *tượng* số ba của trời, một chấm chính giữa cũng *tượng* số năm của trời, một chấm phía hữu là *tượng* số bảy của trời, một chấm ở trên thì *tượng* số chín của trời. Số và ngôi của hai thứ đó ba chỗ giống nhau, hai chỗ khác nhau, là vì Dương không thể đổi mà Âm thì

Âm ít Dương nhiều thì Hỏa mới thịnh. Khảm thuộc về Dương, Ly thuộc về Âm, ở trong là cái để sinh, ở ngoài là cái để làm cho thành.

[1] Số để sinh sản.

[2] Số để hoàn thành.

[3,4] Hai chữ "một" giữa là đơn vị (unité).

có thể đổi, số "thành" tuy thuộc về Dương, nhưng cũng là Âm của số "sinh vậy.

Lại hỏi: "Năm" ở chính giữa, đành là *tượng* của năm số, thế thì cái số của nó ra sao?

Đáp rằng: Nói về số, thì suốt trong một "đồ" đều có những số tích thực có thể ghi chép, nhưng một, hai, ba, bốn của Hà đồ, đều ở bên ngoài phương chốn của năm *tượng*, và sáu, bảy, tám, chín thì lại nhân có số năm mà được cái số của nó để phủ bên ngoài số Sinh; một, ba, bảy, chín của Lạc thư cũng đều ở phía ngoài phương chốn của năm *tượng*, mà hai, bốn, sáu, tám, lại số nào nhân loại số ấy để phụ vào cạnh số lẻ. Bởi vì ở trong là chủ mà ở ngoài là khách, ở giữa là vua, mà ở cạnh là tôi, đều có ngành ngọn, không thể trái lẫn.

Lại hỏi: Bên nhiều, bên ít là cớ làm sao?

Đáp rằng: Hà đồ chủ về hoàn toàn, nên có cùng cực đến số mười, mà ngôi lẻ ngôi chẵn của nó đều xét về sự tích thực, thì sau mới thấy chẵn thừa mà lẻ thiếu. Lạc thư chủ về biến đổi, nên nó cùng cực đến số chín mà ngôi vị và thực chất của nó, đều lẻ thừa mà chẵn thiếu[1]. Ắt đều để trống chỗ giữa rồi sau số của Âm Dương mới đều hai mươi.

Lại hỏi: Thứ tự của nó không giống nhau sao?

Đáp rằng: Hà đồ nói về thứ tự sinh ra, thì bắt đầu từ dưới lên trên, đến tả, đến hữu, vào giữa, rồi lại bắt đầu từ dưới; nói về thứ tự vận hành, thì bắt đầu từ Đông, đến Nam, đến giữa, đến Tây, đến Bắc theo phía tả mà xoay một vòng, rồi bắt đầu từ Đông; trong các số sinh ở trong; số Dương ở dưới về phía tả, số Âm ở trên về phía hữu, trong các số Thành ở ngoài: số Âm ở dưới về phía tả, số Dương ở trên về phía hữu: Thứ tự của Lạc thư thì số Dương bắt đầu từ Tây Nam, đến Đông Nam, đến Tây Bắc, đến Đông Bắc; hợp lại mà nói thì bắt đầu từ Bắc đến Tây Nam, đến Đông, đến Đông Bắc, cuối cùng ở Nam. Còn sự vận hành của nó, thì Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, theo phía hữu mà xoay một vòng, rồi Thổ lại khắc Thủy. Hai thứ đều có thuyết cả.

Lại hỏi: Tại sao những số bảy, tám, chín, sáu của hai thứ lại không giống nhau?

Đáp rằng: Các số sáu, bảy, tám, chín, của Hà đồ đã phụ ở ngoài số Sinh rồi, đấy là phần chính của Âm Dương, già, trẻ, tiến, lui, thừa,

---

[1] Hà đồ chẵn thừa mà lẻ thiếu, tức là số trời hai nhăm (năm nhân với năm), số đất ba mươi (năm nhân với sáu). Lạc thư lẻ thừa mà chẵn thiếu, tức là số trời hai nhăm (năm nhân với năm) số đất hai mươi (năm nhân với bốn). Hà đồ để trống số mười lăm ở giữa. Lạc thư để trống số năm ở giữa, thì số của Âm Dương đều đúng hai mươi. Chu Hy chua vậy.

thiếu. Số chín của nó tức là mấy số một, ba, năm trong số Sinh tích lại mà thành ra, cho nên nó phải từ Bắc sang Đông, từ Đông sang Tây, để làm cho thành phía ngoài của số bốn; số sáu của nó tức là hai số hai, bốn trong số Sinh tích lại mà thành ra, cho nên nó phải từ Nam sang Tây, từ Tây sang Bắc để làm cho thành phía ngoài của số một; số bảy tức là số chín từ Tây sang Nam, số tám tức là số sáu từ Bắc sang Đông. Đó là sự biến đổi của các số Âm Dương, già, trẻ, đắp đổi ở "nhà" của nhau[1]; Lạc thư ngang dọc mười lăm, mà bảy, tám, chín, sáu đắp đổi *tiêu, lớn*, bỏ trống số năm, chia sẻ số mười, mà số một ngậm số chín, số hai ngậm số tám, số ba ngậm số bảy, số bốn ngậm số sáu, thì năm, ba lộn góp, tới đâu cũng gặp số hợp[2], vì vậy mà biến hóa vô cùng mới thành ra sự mầu nhiệm.

Lại hỏi: Thế thì Thánh nhân bắt chước hai cái hình ấy ra sao?

Đáp rằng: Hà đồ thì bỏ trống giữa, Lạc thư thì tóm thực tượng: Hà đồ bỏ trống số năm và số mười, đó là Thái cực; số lẻ hai mươi, số chẵn hai mươi, ấy là hai Nghi, lấy một, hai, ba, bốn, làm năm, sáu, bảy, tám đó là bốn *Tượng*; chia số "hợp" của bốn phương để làm Kiền, Khôn, Ly, Khảm, bù chỗ trống của bốn góc để làm Đoái, Chấn, Tốn, Càn, đó là tám *quẻ*[3].

---

[1] Chu Hy nói rằng: Ngôi của Lão Dương (số Dương già tức là Thái Dương) ở số một, ngôi của Lão Âm (số Âm già tức là Thái Âm) ở số bốn nay Hà đồ để số chín của Lão Dương ở ngoài số bốn, mà số sáu của Lão Âm thì lại ở ngoài số một, đó là Lão Âm Lão Dương ở lẫn nhà nhau. Ngôi của Thiếu Âm (số Âm non) ở số hai, ngôi của Thiếu Dương (số Dương non) ở số ba mà Hà đồ để số tám của Thiếu Âm ở ngoài số ba, số bảy của Thiếu Dương thì lại ở ngoài số hai, đó là Thiếu Âm Thiếu Dương ở lẫn nhà nhau.

[2] Hồ Ngọc Trai chua rằng: Lạc thư tuy là ngang dọc có số mười lăm thật ra, đều là những số bảy, tám, chín, sáu, đắp đổi tiêu lớn: Số một được năm thành sáu, mà đắp đổi tiêu lớn với số chín ở phương Nam; số bốn được năm thành chín, mà đắp đổi tiêu lớn với số sáu ở Tây Bắc; số ba được năm thành tám, mà đắp đổi tiêu lớn với số bảy ở phương Tây; số hai được năm thành bảy mà đắp đổi tiêu lớn với số tám ở Đông Bắc. Nhưng số tiến lên là lớn, lui đi là tiêu, số lớn đã lui thì phải tiêu đi, số tiêu đã tiến thì phải lớn lên. Sáu tiến lên chín thì chín lớn mà sáu tiêu, chín lui làm sáu thì chín tiêu mà sáu lại lớn, bảy tiến lên làm tám, thì tám lớn mà bảy tiêu; tám lui làm bảy thì tám tiêu mà bảy lại lớn. "Bỏ trống số năm, chia sẻ số chín", nghĩa là đem số năm ở giữa mà trừ với các số ở ngoài thì các bề ngang, bề dọc đều chỉ còn mười; đem số mười đó chia sẻ đi, thì: chín là số thừa của một trừ mười, tám là số thừa của hai trừ mười, bảy là số thừa của ba trừ mười, sáu là số thừa của bốn trừ mười. Thế là "ba năm lộn góp, tới đâu cũng gặp số hợp"

[3] Chu Huy chua rằng: Đem hình tứ tượng mà xem, thì Thái dương ngôi ở một mà số là chín, Kiền được số ấy, Đoái được ngôi ấy, cho nên Kiền là chín mà Đoái là một; *Thiếu Âm ngôi ở hai*, mà số là tám, Ly được số ấy mà Chấn được ngôi ấy, cho nên Ly là tám, mà Chấn là hai; Thiếu dương ngôi ở ba mà số là bảy, Khảm được số ấy, Tốn được ngôi ấy, cho nên Khảm là bảy, mà Tốn là ba; Thái Âm ngôi ở bốn, mà số là sáu.

Thực tượng của Lạc thư thì: một là Ngũ hành, hai là Ngũ tự, ba là Bát chính, bốn là Ngũ kỷ, năm là Hoàng cực, sáu là Tam đức, bảy là Kê nghi, tám là Thứ trưng, chín là Phúc cực[1]. Ngôi và số của nó càng rõ rệt lắm.

Lại hỏi: Lạc thư mà nếu bỏ trống số năm ở giữa, thì tức cũng hai mươi, cũng là hai Nghi; chiều ngang là Thái cực: lẻ, chẵn đều chiều dọc, đều mười lăm, có thể đắp đổi làm ra bảy, tám, chín, sáu cũng là bốn *tượng*; bốn phương chính để làm Kiền, Khôn, Ly, Khảm, bốn góc tréo để làm Đoái, Chấn, Tốn, Cấn thì cũng tức là tám quẻ. Hà đồ một, sáu là Thủy: hai, bảy là Hỏa; ba, tám là Mộc; bốn, chín là Kim; năm mười là Thổ, thì vẫn là năm Hành của thiên *Hồng phạm*, mà số năm mươi nhăm lại là "mục con" của chín "chù"[2]. Thế thì Lạc thư vẫn có thể làm ra *Kinh Dịch*, mà Hà đồ cũng có thể làm *Hồng phạm*, biết đâu "đồ" không là "thư", "thư" không là "đồ"?

Đáp rằng: Thời đại tuy có trước sau, số mục tuy có nhiều ít, nhưng lý của nó thì chỉ có một. Có điều *Kinh Dịch*, là vua Phục Hy được Hà đồ trước, không cần đợi đến Lạc thư, thiên *Hồng phạm* thì do vua Đại Vũ được riêng ở Lạc thư không cần khảo lại ở Hà đồ. Vả lại, đem Hà đồ bỏ trống số mười, tức là số bốn nhăm của Lạc thư, bỏ trống số năm tức là số năm mươi của phép đại diễn[3], cộng năm với mười, là số ngang dọc mười lăm của Lạc thư, đem năm nhân mười, đem mười nhân năm, lại đều là số của phép đại diễn, Lạc thư thì năm lại tự ngậm năm, thì được mười, cũng thông nhau với số của phép đại diễn, cộng năm với mười, thì được mười lăm, cũng thông nhau với số của Hà đồ. Nếu rõ lẽ đó, thì dù ngang, tréo, cong, thẳng không cách nào không thông. Hà đồ với Lạc thư há có trước, sau, kia, nọ khác nhau?

Cho Hà đồ Lạc thư là không đủ tin, từ ông Âu Dương[4] trở lại lại đã có thuyết ấy. Nhưng ở thiên *Cố mệnh*[5], thiên *Hệ từ* và sách *Luận ngữ* đều có nói thế cả, và cái số trong hai đồ của Chư nho truyền lại, tuy có na ná giống nhau, nhưng không sai trái với nhau, tính xuôi,

---

Khôn được ngôi ấy. Tốn được số ấy, cho nên Khôn là sáu, mà Tốn là bốn. Nay chia số "hợp" của sáu, bảy, tám, chín để làm Kiền, Khôn, Ly, Khảm mà để vào bốn ngôi chính, theo thứ tự của một, hai, ba, bốn để làm Chấn, Đoài, Tốn, Cấn bù vào chỗ trống của bốn góc.

[1] Tên chín mục trong thiên Hồng phạm kinh Thư tức là chín "chù" (chín loài) vì không dính đến kinh Dịch, cho nên không cần chua rõ.

[2] Tức là chín mục nói trên của thiên Hồng phạm.

[3] Tức là phép bói Dịch bằng cỏ thi (dùng năm chục sợi cỏ thi để gieo quẻ).

[4] Tức Âu Dương Tu, một nhà học giả đời Tống.

[5] Một thiên trong Kinh thư.

suy ngược, ngang dọc, cong thẳng, đều có phép tắc rõ ràng, không thể phá bỏ đi được. Cũng như Hà đồ từ số một của trời đến số mười của đất hợp lại thành số năm nhăm của trời đất, thì *Kinh Dịch* chính do ở đó mà ra; Lạc thư từ thứ một đến thứ chín hợp lại mà đủ số của chín thù, thì thiên *Hồng phạm* vẫn do ở đó mà ra. Thiên *Hệ từ* tuy không nói rõ vua Phục Hy nhận Hà đồ để làm *Kinh Dịch*, nhưng mà ở đó có nói những việc "ngửa xem, cúi xét, nghiệm gần, nghiệm xa", thì biết đâu rằng Hà đồ không phải một việc trong các việc đó? Đại để nguyên do chế tác của thánh nhân, không phải chỉ có một điều, song cái khuôn khổ của *pháp tượng*, chắc phải có chỗ rất quan hệ. Như đời hồng mông, khoảng giữa trời đất, khí của Âm Dương dẫu đều có *tượng*, nhưng mà chưa từng có số. Đến khi Hà đồ hiện ra, rồi sau cái số năm nhăm, hoặc lẻ, hoặc chẵn, hoặc *sinh*, hoặc *thành*, rõ ràng có thể trông thấy, cái đó, là để mở mang trí riêng của thánh nhân, không thể đem ví với những khí tượng mênh mang. Vì vậy, thánh nhân "ngửa lên mà xem, cúi xuống mà xét, gần nghiệm ở mình, xa nghiệm ở vật" tới đó mà sau những sự Âm Dương chẵn lẻ của hai Nghi, bốn Tượng, tám Quẻ có thể nói rõ ra được. Thiên *Hệ từ* nói về nguyên do thánh nhân làm ra *Kinh Dịch*, tuy là không phải một điều, nhưng bảo nhờ có Hà đồ rồi sau việc làm *Kinh Dịch* mới quyết cũng không hại gì.

Cổ nhân làm ra *Kinh Dịch* khéo léo không thể nói xiết được. Số của Thái Dương là chín, số của Thiếu Âm là tám, số của Thiếu Dương là bảy, số của Thái Âm là sáu, lúc trước không biết những cái số ấy, làm sao lại thế! Nguyên là tất cả chỉ có mười số, Thái Dương ở ngôi một, trừ đi số của bản thân, thì còn chín số, Thiếu Âm ở ngôi hai, trừ đi số của bản thân, thì còn tám số, Thiếu Âm ở ngôi ba, trừ đi số của bản thân thì còn bảy số; ở ngôi ba, trừ đi số của bản thân thì bảy số. Thái Âm ở ngôi bốn, trừ đi số của bản thân thì còn tám số; Thiếu Dương ở ngôi ba, trừ đi số của bản thân thì còn bảy số. Thái Âm ở ngôi bốn, trừ đi số của bản thân, thì còn sáu số. Chỗ đó từ xưa chưa ai nhận thấy.

Thiên *Hệ từ* nói rằng: "*Dịch* có Thái cực, sinh ra hai Nghi, hai Nghi sinh ra bốn Tượng, bốn Tượng sinh ra tám quẻ". Thiện Tử[1] chua rằng: "Một chia làm hai, hai chia làm bốn, bốn chia làm tám"

[1] Tức là Thiệu Ung, một học giả đời Tống.

THỨ TỰ TÁM QUẺ CỦA PHỤC HY

八	七	六	五	四	三	二	一	
坤	艮	坎	巽	震	離	兌	乾	八卦
太陰		少陽		少陰		太陽		四象
陰				陽				兩儀

Chuyện Thuyết quái nói: "*Dịch* tức là cách tính ngược". Thiệu Tử chua rằng: "Kiền một, Đoái hai, Ly ba, Chấn bốn, Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám, đều được những quẻ chưa sinh, như kể ngược thứ tự của bốn mùa vậy".

Sau đây là sáu mươi tư quẻ cũng theo lẽ đó. Nhưng dấu đen trắng ở đây, không phải là phép chiêm đoán. Muốn cho dễ hiểu, hãy làm như thế để ngụ ý thôi. Thứ tự sáu mươi tư quẻ sau này cũng vậy.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Chu Hy nói rằng: Thái cực là tên của bầu "Tượng số chưa hình hiện mà lý lẽ đã có đủ", và là mục của đám "hình khí đã đủ, mà lý lẽ không có chút mầm nhú". Ở Hà đồ Lạc thư, nó đều là tượng trống rỗng ở giữa.

Thái cực tách ra, mới sinh một lẻ, một chẵn; thành ra hai cái một vạch: ấy là hai Nghi, số của nó thì Âm một, mà Dương hai, ở Hà đồ Lạc thư, là chẵn với lẻ. Phía trên hai Nghi, mỗi đàng lại sinh thêm ra một chẵn và một lẻ nữa, thành ra bốn cái "hai vạch" ấy là bốn Tượng, ngôi của nó là: Thái Dương một, Thiếu Âm hai, Thiếu Dương ba, Thái Âm bốn; số của nó thì: Thái Dương chín, Thiếu Âm tám, Thiếu Dương bảy, Thái Âm sáu; nói về Hà đồ, thì sáu là số một được số năm, số bảy là số hai được số năm, tám là số ba được số năm, chín là số bốn được số năm; nói về Lạc thư thì: chín là số thừa của mười trừ một, tám là số thừa của mười trừ hai, bảy là số thừa của mười trừ ba, sáu là số thừa của mười trừ bốn. Phía trên bốn tượng, mỗi thứ lại sinh thêm một chẵn và một lẻ nữa, thành ra tám cái "ba vạch", thế là ba Tài[1]

[1] Tức là Trời, Đất và Người.

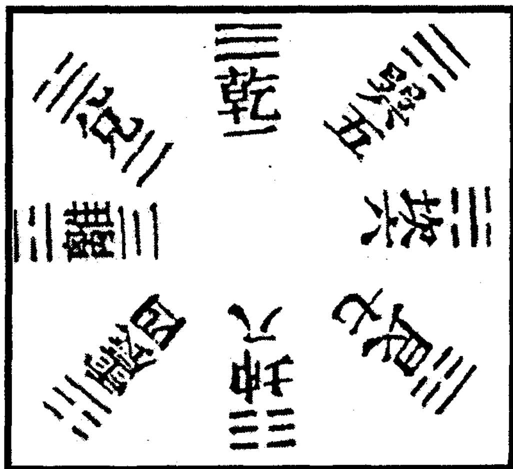
tạm đủ, mà có cái tên tám Quẻ; ngôi của nó là: "Kiền một, Đoái hai, Ly ba, Chấn bốn, Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám; ở Hà đồ thì Kiền, Khôn, Ly, Khảm ở bốn chỗ thực[1]. Đoái, Chấn, Tốn, Cấn ở bốn chỗ hư[2]; ở Lạc thư thì Kiền, Khôn, Ly, Khảm ở giữa bốn phương; Đoái, Chấn, Tốn, Cấn ở ra bốn góc.

Có người hỏi rằng: "*Dịch* có Thái cực, sinh ra hai Nghi, hai Nghi sinh ra bốn Tượng, bốn Tượng sinh ra tám Quái". Thế là thế nào?

Đáp rằng: Chữ Thái cực đó là nói về sự "vạch quẻ"[3]. Trước khi còn chưa vạch quẻ. Thái cực chỉ là cái nghĩa một bầu hỗn độn, ở trong bao hàm các thứ Âm, Dương, mềm, cứng, lẻ, chẵn, không có gì không có. Tới khi vạch ra một lẻ một chẵn, ấy là sinh ra hai Nghi. Rồi trên vạch lẻ, thêm một vạch lẻ, đó là Dương ở trong Dương; trên vạch lẻ thêm một vạch chẵn, đó là Âm ở trong Dương; trên vạch chẵn thêm một vạch lẻ, đó Dương ở trong Âm, ấy là bốn Tượng. Trên một tượng có hai Quái: mỗi Tượng lại thêm một lẻ một chẵn, thế là tám Quẻ.

Có người nói: Một vạch là Nghi, hai vạch là Tượng, ba vạch là Quẻ, Bốn Tượng như Xuân, Hạ, Thu, Đông; Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; Đông, Tây, Nam, Bắc, không gì mà không thể suy ra.

PHƯƠNG VỊ TÁM QUÁI CỦA PHỤC HY



Truyện Thuyết Quái nói: "Trời đất định ngôi, núi chằm thông khí, sấm gió xát nhau, nước lửa không bắn nhau, tám quái mài nhau. Kể

[1] Chỗ có dấu chấm.
[2] Chỗ trống không.
[3] Tức là vạch ra tám quẻ.

cái đi rồi là thuận, biết cái sắp tới là nghịch". Thiệu tử nói rằng: Kiền nam, Khôn bắc, Ly đông, Khảm tây, Chấn đông bắc, Đoái đông nam, Tốn tây nam, Cấn tây bắc; từ Chấn đến Kiền là thuận, từ Tốn đến Khôn là nghịch. Phương vị của sáu tư quẻ sau đây cũng theo lẽ đó.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Thiệu Tử nói rằng: Kiều khôn dọc mà sáu con[1] ngang, đó là gốc của *Kinh Dịch*. Lại nói: Chấn mới giao Âm mà Dương sinh, Tốn mới tiêu Dương mà Âm sinh[2]. Đoái là trưởng Dương, Cấn là trưởng của Âm; Cấn, Đoái, là Âm ở trời; Tốn, Cấn là Dương ở đất, cho nên Chấn, Đoái trên Âm mà dưới Dương, Tốn, Cấn trên Dương mà dưới Âm. "Trời" là nói về sự bắt đầu sinh ra, cho nên Âm ở trên mà Dương ở dưới, ấy là cái nghĩa giao thái. "Đất" là nói về sự đã thành, cho nên Dương ở trên mà Âm ở dưới, ấy là cái ngôi tôn ty[3], Kiền Khôn định ngôi trên dưới, Khảm Ly hay cửa tả hữu. Đó là cái chỗ trời đất khép ngỏ, nhật nguyệt ra vào, mùa Xuân mùa Hạ, mùa Thu, mùa Đông, tuần hối[4], tuần sóc[5], tuần huyền[6], tuần vọng[7], ngày đêm dài ngắn, đường đi dôi rụt[8], gì gì cũng bởi ở đó[9]. Lại nói: Tiết này nói rõ tám

---

1 Tức là sáu quẻ Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khảm, Đoái.

2 Chu Hy chua rằng: Điều này nói về hình vẽ tròn. Chấn tiếp với Khôn, ấy là Chấn mới giao Âm mà một "Dương" sinh. Tốn tiếp với Kiền, ấy là Tốn mới tiêu Dương mà một "Âm" sinh.

3 Từ Tiến Trai nói rằng: Một khi chạy vòng, từ quẻ Phục đến quẻ Kiền là Dương, tức là cuộc đầu của sự sinh ra các vật cho nên Chấn, Đoái, Âm ở trên mà Dương ở dưới. Đó là cái nghĩa giao thái. Ấy là nói về sự động, công dụng của Thái cực do đó mà vận hành. Từ quẻ Cấn đến quẻ Khôn là Âm, tức là cuộc trót của sự làm thành các vật, cho nên Tốn, Cấn, Dương ở trên mà Âm ở dưới. Đó là cái nghĩa tôn ty. Ấy là nói về sự tĩnh, thể chất của Thái cực do đó mà đứng vững.

4 Ngày ba mươi của mỗi tháng.

5 Ngày mồng một của mỗi tháng.

6 Tuần thượng huyền và tuần huyền của mỗi tháng.

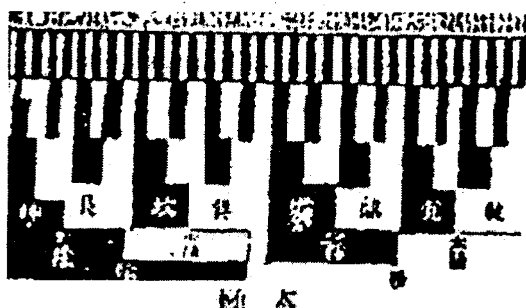
7 Tuần rằm của mỗi tháng.

8 Dôi ra và rụt đi.

9 Ông Tư Trai nói rằng: Mão là cửa của mặt trời, Thái Dương ở đó mà ra. Dậu là cửa của mặt trăng. Thái Âm ở đó mà ra. Chẳng những mặt trời mặt trăng ra vào nơi đó, lớn ra, thì đến công việc trời đất mở ra các vật tuy đầu ở Dần mà tới Mão cửa càng mở càng rộng; công việc trời đất đóng khép các vật tuy đầu ở Tuất mà tới Dậu thì cửa đã khép chặt. Một năm thì Xuân, Hạ, Thu, Đông, một tháng thì hối, sóc, huyền, vọng, một ngày thì ngày và đêm, độ đi đều phải do ở cửa đó. Ấy là tả cho cùng cực cái công dụng của Khảm và Ly lớn lao đến vậy.
Chu Hy nói rằng: *Theo hình vẽ ngang (tức là hình vẽ thứ tự tám quẻ của Phục Hy) mà* xem thì: có Kiền một mới có Đoái hai, có Đoái hai mới có Ly ba, có Ly ba mới có Chấn

quái của Phục Hy. "Tám quái mài nhau" nghĩa là tám quái mài lẫn vào nhau mà thành ra sáu tư quẻ. "Kể sự đi rồi là thuận" ví như đi theo với trời, tức là xoay về phía tả, đều là những quẻ đã sinh, cho nên gọi là "kể cái đi rồi". "Biết cái sắp tới là nghịch, ví như đi ngược với trời, tức là đi về phía hữu, đều là những quẻ chưa sinh, cho nên gọi là "biết cái sắp tới". Ôi, số của *Dịch* do cách xoay ngược mà ra, cho nên tiết này giải thẳng ý của hình vẽ.

THỨ TỰ SÁU MƯƠI TƯ QUẺ CỦA PHỤC HY



Hình vẽ thứ tự tám quẻ trên đây, tức như trong Hệ từ truyện nói rằng: "Tám quái thành hàng", hình này nhân đó mà chồng thêm lên, cho nên ba vạch ở dưới, tức là tám quẻ của hình vẽ trước, ba vạch ở trên thì đều theo đúng thứ tự của nó mà chồng thêm lên, và những quẻ dưới cũng đều diễn ra làm tám. Nếu theo từng hào[1] mà sinh dần dần, thì tức như lời Thiệu Tử đã nói: "Tám chia làm mười sáu, mười sáu chia làm ba hai, ba hai chia làm sáu tư" vậy. Coi đó còn thấy sự màu nhiệm của phép *Tượng* tự nhiên vậy.

---

bốn, mà rồi Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám cũng theo thứ tự đó mà sinh ra. Đó là Kinh Dịch sở dĩ thành ra. Mà hình vẽ tròn (tức là hình vẽ phương vị tám quẻ của Phục Hy), thì phương tả từ đầu Chấn là Đông chí, đến giữa Ly, Khảm là Xuân phân, đến cuối Kiền là Hạ chí, đều tiến lên mà được những quẻ đã sinh, cũng như từ ngày nay mà kể lại các ngày trước vậy, cho nên nói rằng: "Kể cái đi rồi là thuận" phương hữu của nó thì từ đầu Tốn là Hạ chí, đến giữa Khảm Cấn là Thu phân, cho đến cuối Khôn thì giao với Đông chí, đều là tiến lên mà được những quẻ chưa sinh, cũng như từ ngày nay mà kể ngược đến ngày chưa tới, cho nên nói rằng: "Biết cái sắp tới là nghịch". Nhưng nếu nói theo tận gốc cái chỗ Kinh Dịch sở dĩ dựng nên thì trước sau, đầu, trót, của nó như hình vẽ ngang và những chữ về phía hữu của hình tròn mà thôi, cho nên nói rằng: "*Dịch là kể ngược*".

[1] Mỗi vạch trong một quẻ là hào.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Chu Hy nói rằng: "*Dịch* có Thái cực sinh hai Nghi, hai Nghi sinh ra bốn Tượng, bốn Tượng sinh ra tám Quẻ" tiết đó chính là Khổng Tử phát minh hình thể thứ tự tự nhiên trong việc "vạch quẻ" của Phục Hy, rất thiết yếu. Những nhà giải thuyết xưa nay, chỉ có hai ông Khang Tiết, Minh đạo hiểu được, cho nên Khang Tiết nói rằng: "Một chia làm hai, hai chia làm bốn, bốn chia làm mười sáu, mười sáu chia làm ba hai, ba hai chia làm sáu tư, cũng như rễ thì có gốc, gốc thì có cành, cành lớn càng ít, cành nhỏ càng nhiều"; mà ông Minh Đạo thì cho nó là một cách gia bội. Hai ông phát minh lời của Khổng Tử, lại có thể gọi là thiết yếu vậy. Bởi vì nếu lấy Hà đồ Lạc Thư mà nói, thì Thái cực là tượng bỏ trống ở giữa, hai Nghi là tượng Âm, Dương, lẻ, chẵn, bốn Tượng tức là Hà đồ một hợp với sáu, hai hợp với bảy, ba hợp với tám, bốn hợp với chín. Lạc thư một ngậm chín, hai ngậm tám, ba ngậm bảy, bốn ngậm sáu; tám quẻ là bốn số thực, bốn số hư của Hà đồ, và bốn ngôi chính, bốn ngôi góc của Lạc thư vậy. Lấy quẻ mà nói, thì Thái cực là toàn thể của bầu "Tượng số chưa ra hình", hai Nghi thì "⚊ là Dương mà ⚋ là Âm, số Dương một mà số Âm hai; bốn Tượng là: ở trên vạch Dương sinh thêm một vạch dương nữa thành ⚌ gọi là Thái Dương, sinh thêm một vạch âm nữa thành ⚍ gọi là Thiếu Âm, và trên Âm vạch sinh thêm một vạch Dương thành ⚎ gọi là Thiếu Dương, sinh thêm một vạch âm nữa cũng thành ⚏ gọi là Thái Âm. Bốn Tượng đã dựng, thì Thái Dương ở ngôi một ngậm số chín, Thiếu Âm ở ngôi hai mà ngậm số tám, Thiếu Dương ở ngôi ba mà ngậm số bảy, Thái Âm ở ngôi số bốn mà ngậm số sáu, những số sáu, bảy, tám, chín do đó mà định ra. Tám quẻ, tức là ở trên Thái Dương sinh thêm một vạch dương nữa thành ☰, mà gọi là Kiền, sinh thêm một vạch âm nữa thành ☱ mà gọi là Đoài; ở trên Thiếu Âm sinh thêm một vạch Dương nữa thành ☲ gọi là Ly, sinh thêm một vạch âm nữa thành ☳ mà gọi là Chấn; ở trên Thiếu Dương sinh thêm một vạch dương nữa thành ☴ gọi là Tốn, sinh thêm một vạch âm nữa thành ☵ gọi là Khảm, ở trên Thái Âm sinh thêm một vạch Dương nữa thành ☶ mà gọi là Cấn, sinh thêm một vạch Âm nữa thành ☷ mà gọi là Khôn. Thuyết "tiên thiên" của Thiệu Khang Tiết nói rằng: "Kiền một, Đoài hai, Ly ba, Chấn bốn, Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám, tức là ý thế. Đến như: ở trên tám quẻ, lại đều sinh thêm một Âm một Dương thành mười sáu cái "bốn vạch", trong kinh tuy không nói rõ, nhưng Thiệu Tử nói: "bốn chia làm mười sáu, là chỉ về đó. Rồi các cái "bốn vạch" *mỗi cái lại thêm một Âm và một Dương nữa, thành ba hai cái "năm*

vạch", Thiệu Tử bảo mười sáu chia làm ba hai là vậy. Và trên các cái "năm vạch", mỗi cái lại thêm một Âm và một Dương nữa, thành sáu tư cái "sáu vạch". Tám quẻ chồng lẫn lên nhau, lại đều được những thứ tự: Kiền một, Đoái hai, Ly ba, Chấn bốn, Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám, coi hình vẽ trên có thể thấy rõ.

Trong khoảng trời đất, gì cũng là sự mầu nhiệm của Thái cực Âm Dương, Thánh nhân ngửa xem cúi xét, nghiệm xa nghiệm gần, chỉ có hiểu ngầm một cách cao tột trong lòng. Cho nên từ thuở hai Nghi chưa chia, mù mịt một bầu Thái cực, nhưng lẽ hai Nghi, bốn Tượng, sáu mươi tư quẻ cũng đã rõ ràng ở trong. Thái cực chia ra hai Nghi thì Thái cực vẫn là Thái cực, hai Nghi vẫn là hai Nghi; hai Nghi chia bốn Tượng, thì hai Nghi lại là Thái cực, mà bốn Tượng lại là hai Nghi. Theo đó mà suy: bốn rồi tám, tám rồi mười sáu, mười sáu rồi ba mươi hai, ba mươi hai rồi sáu tư, cho đến trăm, nghìn, vạn, ức vô cùng, tuy là hiện ở hình vạch, như có cái trước cái sau là do nhân vi mà ra, nhưng mà cái hình định sẵn, cái thể thành sẵn thì vẫn có đủ trong đám hồn nhiên, không cần nghĩ ngợi tác vi một mảy chút nào ở trong đó cả.

PHƯƠNG VỊ SÁU MƯƠI TƯ QUẺ CỦA PHỤC HY

Các thuyết về bốn hình vẽ trên đây, đều do họ Thiệu[1] vẽ ra. Đó là họ Thiệu học được của Lý (chi tại) Đĩnh Chi, Đĩnh Chi học được của Mục (Tu) Bá Trưởng, Bá Trưởng học được của ông Hy Di Trần (Đoàn) Đồ Nam ở Họa Sơn, vẫn gọi môn học Tiên thiên.

Trong hình vẽ này, chỗ xếp xuông là: Kiền hết giữa ngọ, Khôn hết giữa tý, Ly hết giữa mão, Khảm hết giữa dậu, Dương sinh trong tý, trót ở trong ngọ, Âm sinh trong ngọ, trót ở trong tý, Dương ở về Nam, Âm ở về Bắc; chỗ xếp vuông là: Kiền bắt đầu ở Tây Bắc, Khôn cùng tận ở Đông Nam, Dương ở về Bắc, Âm ở về Nam. Hai cách xếp đặt đó, tức là độ số Âm Dương đối nhau, tròn mà ở ngoài là Dương, vuông mà ở trong là Âm; tròn thì động mà là trời, vuông thì tĩnh mà là đất.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Thiệu Tử nói rằng: Thái cực đã chia, hai Nghi dựng rồi[2] Dương giao lên với Âm, Âm giao xuống với Dương, mà bốn Tượng sinh ra[3]; Dương giao với Âm, Âm giao với Dương sinh ra bốn Tượng của trời; cứng giao với mềm, mềm giao với cứng, sinh ra bốn Tượng của đất[4].

Tám quẻ cọ nhau mà sau muôn vật mới sinh ra.

Cho nên một chia làm hai, hai chia làm bốn, bốn chia làm tám, tám chia làm mười sáu, mười sáu chia làm ba hai, ba hai chia làm sáu tư, như rễ có gốc, gốc có cành, càng lớn càng ít, càng nhỏ càng

---

[1] Tức Thiệu Ung.

[2] Chu Hy nói rằng: Đoạn này nói về hào thứ nhất. Một hào lẻ bên tả là Dương, một hào chẵn bên hữu là Âm, vẫn gọi hai Nghi.

[3] Chu Hy nói rằng: Đoạn này nói về hào thứ nhất sinh hào thứ hai. Nửa hào Dương dưới giao lên với nửa hào Âm trên, thì sinh ra một lẻ và một chẵn về hào thứ hai trong phần Âm, thành ra Thiếu dương Thái âm; nửa hào Âm trên giao xuống với nửa hào Dương dưới, thì sinh ra một lẻ một chẵn, về hào thứ hai trong phần Dương, thành ra Thái Dương Thiếu Âm, gọi là hai Nghi sinh ra bốn Tượng.

[4] Chu Hy nói rằng: Đoạn này nói về hào thứ hai sinh hào thứ ba: Dương là Thái Dương, Âm là Thái Âm, cứng là Thiếu Dương, mềm là Thiếu Âm. Nửa Thái Dương dưới giao với nửa Thái Âm trên thì sinh ra một lẻ một chẵn về hào thứ ba trong phần Thái Âm, thành ra quẻ Cấn, quẻ Khôn; nửa Thái Âm trên giao với nửa Thái Dương dưới thì sinh ra một lẻ một chẵn về hào thứ ba trong phần Thái Dương thành ra quẻ Kiền, quẻ Đoái, nửa Thiếu Dương trên giao với nửa Thiếu Âm dưới thì sinh ra một lẻ một chẵn về hào thứ ba trong phần Thiếu Âm thành ra quẻ Ly, quẻ Chấn, nửa Thiếu Âm dưới giao với nửa Thiếu Dương trên thì sinh ra một lẻ một chẵn về hào thứ ba trong phần Thiếu Dương thành ra quẻ Tốn quẻ Khảm. Đó là bốn Tượng sinh ra tám Quẻ. Kiền, Đoái, Cấn, Khôn do ở Thái Dương Thái Âm sinh ra, cho nên gọi là bốn Tượng của trời; Ly, Chấn, Tốn, Khảm do ở Thiếu Âm Thiếu Dương sinh ra, cho nên gọi là bốn Tượng của đất.

nhiều. Cho nên Kiền dùng để chia, Khôn dùng để hợp, Chấn dùng để làm cho lớn lên, Tốn dùng để làm cho tiêu đi. Lớn thì phải chia, chia thì phải tiêu, tiêu thì phải hợp. Kiền, Khôn là ngôi nhất định, Chấn, Tốn là giao hợp thứ nhất; Đoái, Ly, Khảm, Cấn là cuộc giao hợp thứ hai. Cho nên Chấn Dương ít mà Âm còn nhiều; Tốn Âm ít mà Dương còn nhiều; Đoái, Ly Dương nhiều hơn Khảm, Cấn Âm nhiều hơn.

Lại nói: Trước khi Vô cực, Âm ở trong Dương: sau khi có Tượng, Dương tách với Âm, Âm là mẹ của Dương, Dương là cha của Âm, cho nên mẹ chửa con trai thành ra quẻ Phục, cha sinh con gái cả thành ra quẻ Cấn; vì vậy Dương khởi ở quẻ Phục, Âm khởi ở quẻ Cấn.

Lại nói: Dương ở trong Âm, đi ngược, Âm ở trong Dương đi ngược, Dương lại ở trong Dương, Âm ở trong Âm, thì đều đi xuôi[1]. Đó là lẽ chân thật cùng tột, theo hình vẽ trên mà xét, có thể thấy được[2].

... Lại nói: "Từ quẻ Phục đến quẻ Kiền, tất cả một trăm mười hai hào Dương; từ quẻ Cấn đến quẻ Khôn tất cả tám mươi hào Dương: từ quẻ Cấn đến quẻ Khôn tất cả một trăm mười hai hào Âm; từ quẻ Phục đến quẻ Kiền, tất cả tám mươi hào Âm[3].

---

[1] Chu Hy nói rằng: Trong hình vẽ này phía tả thuộc về Dương, phía hữu thuộc về Âm. Từ Chấn một hào Dương, Ly, Đoái hai hào Dương, Kiền ba hào Dương là Dương ở trong Dương, đi xuôi; từ Tốn một hào Âm, Khảm Cấn hai hào Âm, Khôn ba hào Âm, ở trong Âm đi xuôi, Khôn không có Dương, Cấn Khảm một hào Dương, Tốn hai hào Dương, là Dương ở trong Âm, đi ngược; Kiền không có Âm, Đoái Ly một hào Âm, Chấn hai hào Âm là Âm ở trong Dương, đi ngược.

[2] Ông Từ Trai nói rằng: Hình Tiên thiên tròn, phía tả là Dương, phía hữu là Âm. Hai mươi quẻ phía hữu là Dương, bắt đầu từ hào Chín Đầu quẻ Phục, biến mười sáu lần đến hai hào Dương là quẻ Lâm; lại biến tám lần đến ba hào Dương là quẻ Thái, lại biến bốn lần đến bốn hào Dương là quẻ Đại tráng, lại biến một lần đến năm hào Dương là quẻ Quái, có quẻ Kiền làm chỉ cho những quẻ ấy. Sự tiến của khí Dương, trước thong thả mà sau nhanh chóng, nó tiến dần dần, thế là "Dương ở trong Dương đi xuôi. Khí Dương chủ về bốc lên, từ dưới lên trên, cho nên là xuôi. Từ quẻ Phục đến quẻ Vố vọng ba mươi hào Dương, từ quẻ Minh đi đến quẻ Đồng nhân ba tám hào Dương, từ quẻ Lâm đến quẻ Ly, cũng tám hào Dương, từ quẻ Kiền đến quẻ Thái ba sáu hào Dương. Ba mươi là Dương còn nhỏ, hai tám là Dương đã to, mười sáu thì Dương rất thịnh. Khi Dương ở Bắc thì nhỏ, ở Đông thì to, ở Nam thì thịnh, thế cũng là xuôi, Dương xuôi Âm ngược, không nói cũng biết. Nhưng hào Dương ở hai quẻ phía hữu thì trái hẳn thế. Vì thế mới nói: "Cái lẽ chân thật cùng tột xét theo hình vẽ, có thể biết được."

[3] Hồ Ngọc Trai nói rằng: Từ quẻ Phục đến quẻ Kiền ở về phía tả hình vẽ, là phương Dương, cho nên Dương nhiều mà Âm ít. Từ quẻ Cấn đến quẻ Khôn ở về phía hữu hình vẽ, là phương Âm, cho nên Âm nhiều mà Dương ít. Một vạch Dương bên tả, đối với một vạch Âm bên hữu; một vạch Âm bên tả đối với một vạch Dương bên hữu. Đối nhau để dựng nên thế, Âm Dương đều có một nửa. Theo đó mà xét, thì trong khoảng trời đất, Âm Dương đều chiếm một nửa, vốn không có lẽ "tiệt nhiên là Dương, tiệt nhiên là Âm". Có điều tạo hóa quý Dương rẻ Âm. Thánh nhân phò Dương nén Âm,

Lại nói: Khảm Ly là giới hạn của Âm Dương, cho nên Ly ngang vào Dần. Khảm ngang vào Thân, mà số của nó vẫn thường vượt qua. Đó là Âm Dương thừa ra, nhưng cái dụng số thì chẳng hề quá mực giữa[1].

Chu Tử nói rằng: Hình vẽ tròn, Kiền ở phương Nam, Khôn ở phương Bắc; hình vẽ vuông, Khôn ở phương Nam, Kiền ở phương Bắc. Ngôi Kiền hợp nhiều vạch dương, ngôi Khôn hợp nhiều vạch dương, ngôi Khôn hợp nhiều vạch Âm. Đó là Âm Dương theo loại mà tụ, đều có pháp Tượng tự nhiên.

Lại nói: Hình vẽ tròn giống trời, một đường xuôi và một đường ngược, trong cuộc lưu hành vẫn còn có đăng đối. Như tám quẻ cung Chấn đối với tám quẻ cung Tốn v.v... Hình vẽ vuông giống đất, có đường ngược không có đường xuôi. Trong ngôi nhất định cũng có đăng đối, - bốn góc đối nhau - Như tám quẻ cung Kiền đối với tám quẻ cung Khôn v.v... Đó là sự khác nhau của hình vẽ vuông và hình vẽ tròn.

Hình vẽ tròn giống trời, nghĩa là Trời tròn mà xoay, bao bọc ngoài đất. Hình vẽ vuông giống đất, nghĩa là đất vuông mà đứng im, bị nhốt trong trời. Hình vẽ tròn là *đạo trời*, có Âm có Dương; hình vẽ vuông là *đạo đất*, có cứng có mềm. Chấn, Ly, Đoái, Kiền là phần Dương của trời phần cứng của đất. Tốn, Khảm, Cấn, Khôn là phần Âm của trời phần mềm của đất. Đạo đất phải theo đạo trời, đem cái cứng mềm của đất, ứng với Âm Dương của trời, vẫn cùng một lẽ. Có điều, ở trời thì một đường xuôi, một đường ngược, khí của các quẻ nhờ đó mà vận hành; ở đất chỉ có đường ngược, vạch của các quẻ nhờ đó mà làm nên, thế thôi.

---

cho nên trong khi tiêu lớn, sự khác nhau của thứ ngay (Dương) thứ gian (Âm) không thể không phân biệt cho kỹ.

[1] Hồ Ngọc Trai nói rằng: "Khảm, Ly là giới hạn của Âm Dương". Đó là theo ngôi Dần Thân mà nói. Nói về bốn mùa thì Xuân là Dương, bắt đầu từ tháng Dần, ấy là Ly ngang vào Dần mà là giới hạn của khí Dương; Thu là Âm, bắt đầu từ tháng Thân, ấy là Khảm ngang vào Thân mà giới hạn của khí Âm. "Số thường vượt qua" nghĩa là: Ly tuy ngang vào với Dần mà giữa Mão mới hết, Khảm tuy ngang vào với Thân mà đến giữa Dậu mới hết. Đó là vượt qua giới hạn Dần, Thân, mà Âm Dương thừa ra. "Dụng số không quá mực giữa", nghĩa là lấy Dần Thân không lấy Mão Dậu. Bởi vì, ở ngôi Tý tuy Dương đã sinh, nhưng chưa ra khỏi đất, đến Dần khí ấm nóng mới làm việc; ở ngôi Ngọ, tuy Âm đã sinh nhưng chưa làm hại cho Dương, đến Thân khí giá rét mới làm việc. Thế là dụng số không quá Dần Thân là chỗ chính giữa.

Có người hỏi Triệu Tử nói: "Cái học *Tiên thiên* tức là tâm pháp[1]. Hình vẽ đều bắt đầu từ giữa. Muôn "hóa"[2], muôn việc đều do bụng sinh ra, như thế là nghĩa làm sao?

Đáp rằng: Ở trong hình vẽ, chỗ trắng là Thái cực, ba hai quẻ Âm, ba hai quẻ Dương là hai Nghi; mười sáu quẻ Âm, mười sáu quẻ Dương là bốn Tượng, tám quẻ Âm là tám quẻ Dương là tám Quái. Lại nói: "Muôn vật muôn hóa đều tự trong đó trôi ra". Đó là tâm pháp bắt đầu từ giữa[3].

Lại hỏi: "Hình vẽ dù không có chữ, ta nói suốt ngày cũng vẫn không lìa nó" câu ấy là thế nào?

Đáp rằng: "Hình vẽ *Tiên thiên* nay vẽ ra đó là nói về cuộc vận hành một năm. Nếu lớn ra, mười hai vạn chín nghìn sáu trăm năm của cổ kim chỉ là cái vòng ấy, mà nhỏ lại, mười hai giờ trong một ngày cũng chỉ là cái vòng ấy, đều là quẻ Phục tính đi... Nói về một tháng, thì từ Khôn đến Chấn, là trăng mới mọc, từ ngày mồng ba; đến Đoái là trăng thượng huyền, tức ngày mồng tám; đến Kiền là trăng tuần vọng, tức ngày mười lăm; đến Tốn là trăng mới khuyết, tức ngày mười tám; đến Cấn, là trăng hạ huyền, tức ngày hai ba; đến Khôn, là trăng tuần hối, tức ngày ba mươi... Một ngày có vận một ngày, một năm có vận một năm. Lớn thì đầu trót của trời đất, nhỏ thì sống thác của người và vật, xa thì cuộc thay đổi của đời xưa đời nay, đều không ra ngoài vành ấy và chỉ là lẽ đầy vơi, tiêu, lớn mà thôi.

Chữ *Dịch* chua là biến đổi lại chua là giao đổi, đó là cái nghĩa truyền đổi, cứ coi hình vẽ *Tiên thiên* thì thấy: Một vạch Âm ở phía Đông thì đối với một vạch Dương ở phía Tây. Bởi vì cả một phía Đông

---

[1] Những điều thầy trò truyền trao cho nhau, không có ở trong kinh điển, gọi là tâm pháp.

[2] Chỉ về các sự biến hóa.

[3] Chỗ này Trần Tân An có giải thêm rằng: Trong câu "Cái học tiên thiên tức là tâm pháp, hình vẽ đều bắt đầu từ giữa". Chữ "đều" đó là cớ làm sao? Ấy là nói gồm tất cả hình vuông hình tròn. Trời đất định ngôi, đó là hình tròn bắt đầu từ giữa Sấm (chỉ về quẻ Chấn) dùng để làm cho động, gió, (chỉ về quẻ Tốn) dùng để làm cho tan, đó là hình vuông bắt đầu từ giữa. Giữa là ngôi của năm và mười ký ngụ. Cho nên hình tròn khi xoay về tả bắt đầu từ Khôn, khi xoay về hữu bắt đầu từ Kiền, đó là chỗ giữa khởi đầu ở ngôi nhất định của trời đất. Hình vuông chỗ giao nhau của tây bắc và đông nam, bắt đầu từ Chấn và Tốn; chỗ giao nhau của đông bắc và tây nam bắt đầu từ Hằng và Ích chúng; chỗ gặp nhau của Nam và Bắc bắt đầu từ Hằng Chấn và Tốn Ích; chỗ gặp nhau của Đông và Tây bắt đầu từ Chấn Ích Hằng Tốn: đó là cái giữa khởi đầu ở sự động, tan của sấm và gió. Theo đó mà bàn, thì tròn là hình động, lấy ngôi nhất định làm bản thể; vuông là hình tĩnh, lấy sự động tan làm công dụng, cho nên động mà không động, tĩnh mà không tĩnh. Đó là tâm pháp của môn học tiên thiên đấy chăng? Điều đó không thể không tìm cả ở trong hình vẽ.

vốn đều là Dương, cả một phía Tây vốn đều là Âm; vạch Âm ở phía Đông nguyên đều ở phía Tây sang, vạch Dương ở phía Tây nguyên đều ở phía Đông lại; quẻ Cấn ở phía Tây là năm vạch Dương từ phía Đông sang; quẻ Phục ở phía Đông là năm vạch Âm ở phía Tây lại, truyền đổi lẫn nhau mà thành sự biến đổi của *Dịch*. Tuy có nhiều cách, nhưng đó là cuộc biến đổi thứ nhất...

Trong *Dương* có Âm, trong Âm có Dương, Đông Tây giao Dịch, mỗi chỗ đều có đối nhau. Thật ra, không phải là cái này đi mà cái kia lại, chỉ là Tượng nó như thế. Thánh nhân lúc đầu cũng không nghĩ tính như vậy, chỉ là vạch một nét Âm, vạch một nét Dương, mỗi cái lại sinh ra hai cái nữa: trên một vạch Dương lại sinh ra một vạch Dương và một vạch Âm, trên một vạch Âm lại sinh ra một vạch Âm và một vạch Dương. Chỉ cứ như thế mà đi, từ một ra hai; hai ra bốn, bốn ra tám, tám ra mười sáu, mười sáu ra ba hai, ba hai ra sáu tư, thành rồi, thì liền chỉnh tề như thế. Đó đều là những sự mầu nhiệm bản nhiên của trời đất, chỉ mượn qua tay thánh nhân vạch ra...

Lại khi đáp Diệp Vĩnh Khanh, Chu Hy có nói: Theo thuyết tiên thiên, trước hết nên đem sáu mươi tư quẻ làm hình vẽ ngang, thì Chấn, Tốn, Phục, Cấn vừa ở chính giữa. Trước hãy từ Chấn và Phục đi lùi đến Kiền, rồi lại từ Tốn và Cấn đi xuôi đến Khôn thì thành hình tròn, mà Xuân, Hạ, Thu, Đông, hối, sóc, huyền, vọng, ngày, đêm, sớm, tối, đều có thứ tự, đó là đại ý của việc làm ra hình vẽ.

Lại nữa: Một trăm chín mươi hai hào phía tả đều thuộc về Dương; một trăm chín mươi hai hào phía hữu đều thuộc về Âm, ấy là vì sự đối vọng, truyền đổi với nhau mà thành hình ấy. Nếu không bắt đầu từ giữa đi ra hai đầu, mà chỉ từ đầu đến đuôi, thì những loại ấy đều không thể thông. Thử dùng ý đó mà suy, tự nhiên thấy rõ.

Hình vẽ Tiên thiên vốn của Phục Hy, không phải Khang Tiết chế ra. Tuy nó không có lời lẽ gì cả, nhưng mà cai quát rất rộng, ở trong *Kinh Dịch* ngày nay, không có một chữ hay một nghĩa nào mà không do đó trôi ra.

THỨ TỰ TÁM QUẺ CỦA VĂN VƯƠNG

Khôn mẹ Kiền cha

Đoái Cấn
Ly Khảm
Tốn Chấn

Đoái con gái nhỏ	Ly con gái nhỡ	Tốn con gái lớn	Cấn con trai nhỏ	Khảm con trai nhỡ	Chấn con trai lớn
Được hào trên của Khôn	Được hào giữa của Khôn	Được hào đầu của Khôn	Được hào trên của Kiền	Được hào giữa của Kiền	Được hào đầu của Kiền

Hình vẽ trên đây thấy ở Thuyết quái

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Thiệu Tử nói rằng: Khôn tìm ở Kiền, được hào Chín Đầu[1] của nó mà thành ra Chấn, cho nên nói rằng: "Tìm một lần mà được con trai". Kiền tìm ở Khôn, được hào sáu Đầu[2] của nó mà thành ra Tốn, cho nên nói rằng: "Tìm một lần mà được con gái". Khôn tìm đến lần thứ hai, được hào Chín Hai của Kiền mà thành ra Khảm, cho nên nói rằng: "Tìm hai lần mà được con trai". Kiền tìm đến lần thứ hai, được hào Sáu Hai của Khôn mà thành ra Ly, cho nên nói rằng: "Tìm hai lần mà được con gái". Khôn tìm đến lần thứ ba, được hào Chín Ba của Kiền mà thành ra Cấn, cho nên nói rằng: "Ba lần tìm được con trai". Kiền tìm đến lần thứ ba, được hào Sáu Ba của Khôn mà thành ra

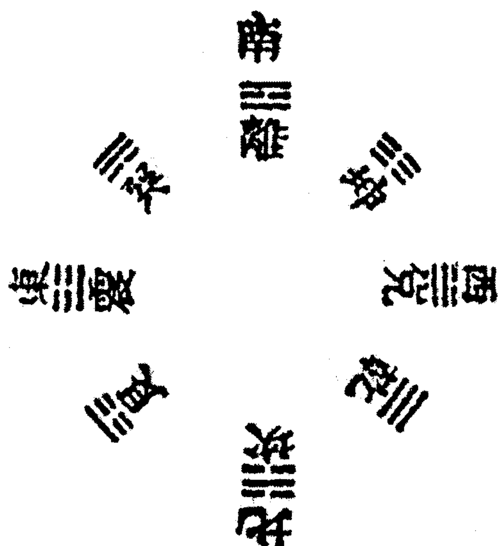
---

[1,2]. Các quẻ đều tính từ dưới lên trên, cho nên những nét dưới nhất của mỗi quẻ đều gọi là hào Đầu. Hào Dương (tức những gạch liền) thì gọi là "Chín", hào Âm (tức những gạch đứt) thì gọi là "Sáu". Rồi coi dưới đây sẽ rõ.
Nghĩa là quẻ Khôn lấy một hào đầu của quẻ Kiền thì thành ra Chấn. Những câu ở dưới theo đó mà suy, sẽ hiểu.

Đoái, cho nên nói rằng: “Ba lần tìm mà được con gái”[1]. Lại nói: “Kiền tìm ở Khôn mà được con gái, Khôn tìm ở Kiền mà được con trai. Lúc đầu vạch quẻ không phải như thế.

Chỉ là sau khi vạch quẻ, thì thấy có những *Tượng* ấy.

PHƯƠNG VỊ TÁM QUẺ CỦA VĂN VƯƠNG



Hình vẽ trên đây thấy ở Thuyết quái Thiệu Tử nói rằng: Đây là tám quẻ của Văn Vương, tức là cái ngôi đi vào chỗ dùng và là cái học hậu thiên.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Thiên tử nói rằng: Cùng tột thay, việc làm *Kinh Dịch* của Văn Vương! Nó được sự dùng của trời đất chăng? Cho nên Kiền, Khôn giao nhau và thành quẻ Thái, Khảm, Ly giao nhau mà thành quẻ Ký tế, Kiền sinh ở Tý, Khôn sinh ở Ngọ, Khảm trót ở Dần, Ly trót ở Thân,

---

[1] Hồ Ngọc Trai nói rằng: ba con trai (tức Cấn, Khảm, Chấn) là Dương giống Kiền, mà lại quy cho Khôn tìm mới được; ba con gái (tức Tốn, Ly, Đoái) là Âm, giống Khôn, mà lại quy cho Kiền tìm mới được, là sao? Bởi vì ba con trai vốn là thể Khôn, mỗi con được một hào Dương của Kiền mà thành ra, đó là Dương gốc ở Âm, cho nên phải quy cho Khôn; ba con gái vốn là thể Kiền, mỗi con được một hào Âm của Khôn mà thành ra, đó là Âm gốc ở Dương, cho nên phải quy cho Kiền. Thiệu Tử bảo: “mẹ chửi con trai lớn mà thành quẻ Phục, cha sinh ra con gái mà thành quẻ Cấn, cái nghĩa "Âm Dương căn cứ lẫn nhau" coi đó có thể thấy rõ.

để ứng với thì giờ của trời; đặt Kiền ở Tây Bắc, lui Khôn về Tây Nam, trai lớn làm việc mà gái lớn thay mẹ, Khảm Ly được ngôi mà Đoái Cấn sánh đôi, để ứng với phương hướng của đất, phép của vương giả đủ hết ở đó[1].

Lại nói: *Dịch* tức là ý một Âm một Dương. Chấn Đoái là cuộc bắt đầu giao nhau, cho nên nó nhằm vào ngôi sớm tối. Khảm ly là cuộc giao nhau đã trót cho nên nó nhằm vào ngôi Tý Ngọ. Tốn Cấn không giao nhau, mà Âm Dương hãy còn lẫn lộn, cho nên ở nơi hơi lệch trong chỗ "dùng", Kiền Khôn thì thuần Âm thuần Dương, cho nên nó nhằm vào ngôi "bất dụng".

Lại nói: Đoái, Ly, Tốn được phần Dương nhiều, Cấn, Khảm, Chấn, được phần Âm nhiều, cho nên mới là chỗ "dùng" của trời đất. Kiền là cực Dương, Khôn là cực Âm, cho nên không có chỗ dùng.

---

[1] Chu Hy chua rằng: Đây nói về ý Văn Vương thay đổi hình vẽ các quẻ của Phục Hy. Bởi vì từ Kiền Nam Khôn Bắc giao lại với nhau thì hóa Kiền Bắc Khôn Nam mà thành quẻ Thái; từ Ly Đông Khảm Tây giao lại với nhau thì hóa Ly Tây Khảm Đông mà thành ra quẻ Ký tế. Kiền Khôn giao nhau từ chỗ "thành ra" trở lại chỗ "sinh ra", cho nên biến đổi lần nữa, thì Kiền lui về Tây Bắc, Khôn lui về Tây nam; Khảm Ly biến đổi thì phương Đông tự tiến lên mà sang phương Tây, phương Tây tự lui xuống mà sang phương Đông, cho nên, Kiền khôn đã lui thấy được ngôi Kiền mà Khảm được ngôi khôn. "Chấn làm việc" là nó phát sinh ở phương Đông."Tốn thay mẹ" là nó trưởng dưỡng ở Đông Nam.

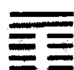
Hồ Ngọc Trai nói rằng: Kiền Nam, Khôn Bắc, Ly Đông, Khảm Tây, đó là ngôi quẻ tiên thiên. Kiền Khôn do chiều Nam Bắc giao nhau: Khôn Nam, Kiền Bắc thấy khôn ở trên, Kiền ở dưới, cho nên hai đàng giao nhau thành ra quẻ Thái, Ly Khảm do chiều Đông Tây giao nhau: Ly Đông, Khảm Tây, thì Khảm ở trên, Ly ở dưới, cho nên hai đàng giao nhau mà thành ra quẻ Ký tế. Trong quẻ Tiên thiên, Kiền ở ngôi Ngọ mà đây lại nói Kiền sinh ở Tý, là vì Kiền là Dương, bắt đầu sinh ở quẻ Phục, quẻ phục chính là ở giữa Tý; Khôn ở ngôi Tý mà đây lại là Khôn sinh ở Ngọ là vì Khôn là Âm, bắt đầu sinh ở quẻ Cấn, quẻ Cấn là giữa Ngọ, Ngọ là chỗ mà Kiền đã thành, nay lại lui xuống mà giao với Khôn ở Tý, đó là "trở lại chỗ đã sinh", cho nên đến khi đổi một lần mà thành ra quẻ hậu thiên thì Kiền lui về Tây Bắc, Khôn lui về Tây Nam. Trong quẻ Tiên thiên Ly nhằm ngôi Dần, mà đây lại nói Ly trót ở Thân, là vì Thân là ngôi của Khảm. Ly giao với Khảm mà trót ở thân. Khảm nhằm ngôi thân mà đây lại là nói Khảm trót ở Dần, là vì Dần là ngội của Ly, Khảm giao với Ly mà trót ở Dần. Đông là bản vị của ly, nó biến đổi đi, thì giao với Khảm mà ngoảnh sang Tây, ấy là "Đông tự tiến lên mà sang Tây". Tây là bản vị của Khảm, nó biến đổi đi, thì giao với Ly mà ngoảnh sang Đông, ấy là "Tây tự lui xuống mà sang Đông", cho nên biến đổi lần nữa thành quẻ hậu thiên, thấy tiến lên mà được ngôi của Kiền, Khảm lui xuống mà được ngôi của Khôn. Chấn thay cha, bắt đầu làm việc mà phát sinh ở phương Đông; Tốn thay mẹ kế tiếp làm việc mà trưởng dưỡng ở Đông Nam. Tiên thiên chủ về sự giao nhau của Kiền Khôn Khảm Ly. Khi giao nhau thì nó biến đổi, không có định vị, đó là thì giờ của trời vô cùng, cho nên nói là "ứng với trời". Hậu thiên chủ về sự giao nhau của Khảm, Ly, Chấn, Đoái, khi giao nhau nó không biến đổi mà có định vị, đó là phương hướng của đất có thường độ, cho nên nói là "ứng với đất"...

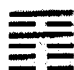
Lại nói: Chấn Đoái ngang mà sáu quẻ nữa thì dọc, nó là chỗ dùng của *Dịch*[1].

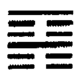
---

[1] Chu Hy nói rằng: Từng xét về hình vẽ này mà giải thêm rằng: Chấn Đông, Đoái Tây, tức là Dương chủ tiến lên, cho nên phải lấy con lớn (Chấn) làm trước mà để ở tả; Âm chủ lui xuống, cho nên phải lấy con nhỏ (Đoái) làm quí mà để ở hữu; Khảm ở Bắc tức là khoảng giữa của sự lui, con trai ở Bắc mà con gái ở Nam, ấy là "ở lẫn nhà nhau". Bốn quẻ ấy đều ở ngôi chính của bốn phương mà là quẻ dùng vào việc, nhưng Chấn, Đoái trước mà Khảm Ly sau là Chấn Đoái khinh mà Khảm Ly trọng. Kiền ở Tây Bắc, Khôn ở Tây Nam là cha mẹ đã già mà lui về chỗ bất dụng, nhưng mẹ thì thân mà cha thì tôn, cho nên Khôn còn có việc làm mà Kiền thì hoàn toàn bất dụng; Cấn ở Đông Bắc, Tốn ở Đông Nam là con trai nhỏ (Cấn) ở sau cuộc tiến mà con gái lớn (Tốn) ở trước cuộc lui cho nên cũng đều bất dụng; nhưng con trai chưa đến thầy học, con gái sắp đi lấy chồng, cho nên Tốn đã hơi quay về chỗ làm việc, Cấn thì hoàn toàn chưa dùng gì cả. Bốn quẻ này đều ở bốn góc, nhưng ở Đông (Tốn Cấn) thì chưa làm việc, mà ở Tây (Kiền Khôn) thì không làm việc nữa, cho nên chương dưới (của thiên Thuyết quái) nói khắp lượt sáu con mà không kể đến Kiền Khôn. Đến như cuộc gặp nhau của nước (Khảm), lửa (Ly), sấm (Chấn), gió (Tốn), núi (Cấn), chằm (Đoài) thì dùng quẻ của Phục Hy. Đông Long Sơn nói rằng: Ly là mặt trời; mặt trời mọc ở Đông, cho nên trong quẻ tiên thiên, Ly ở về Đông: mặt trời soi thẳng ở Ngọ, là quãng giữa ngày, cho nên trong quẻ hậu thiên, Ly ở về Nam, Khảm là mặt trăng; mặt trăng mọc ở Tây, cho nên trong quẻ Tiên thiên, Khảm ở về Tây, mặt trăng soi thẳng ở Tý, là quãng nửa đêm, cho nên trong quẻ Hậu thiên, Khảm ở về Bắc. Trong vòng tiên thiên các quẻ ấy ở - về chỗ "sinh", trong vòng hậu thiên, các quẻ ấy ở vào chỗ "vượng". Chẳng những ngôi quẻ hậu thiên của Khảm và Ly đều theo thứ tự sinh vượng mà Chấn Thủy vượng ở Mão, Đoái Kim vượng ở Dần, Thổ thì vượng ở trung ương, cho nên Khôn vượng giữa quãng Kim Hỏa, Cấn đóng giữa quãng Thủy Mộc, Đoái là Âm Kim, Kiền là Dương Kim, cho nên Kiền tiếp với Đoái ở về Tây Bắc, Chấn là Dương Mộc, Tốn là Âm Mộc, cho nên Tốn tiếp với Chấn ở về Đông Nam, đều theo thứ tự sinh vượng của năm hành. Đó là chỗ dùng của Kinh Dịch.

HÌNH VẼ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CÁC QUẺ

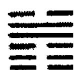

Quán

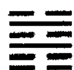

Tấn


Cấn

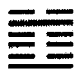

Mông

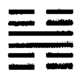

Di

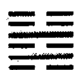

Tụy


Kiển

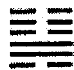

T.Khảm

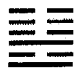

Truân

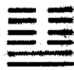

Tiểu quá


Giải

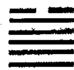

Chấn


Thăng

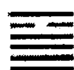

Minh di

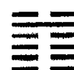

Lâm

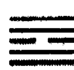
Mười lăm quẻ hai hào Âm và mười lăm quẻ hai hào Dương đều tự hai quẻ Lâm, Độn mà lại

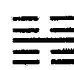

Quải

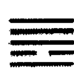

Bác

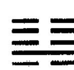

Đ. hữu

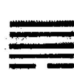

Tỷ

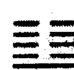

Tiểu súc

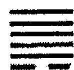

Dự

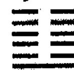

Lý


Khiêm

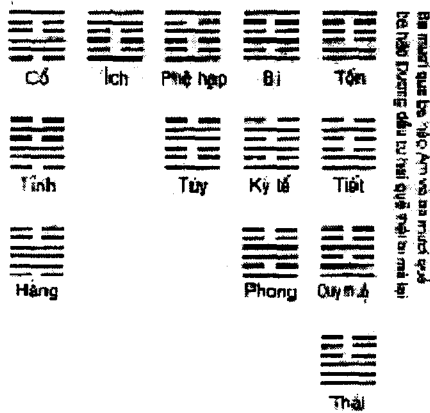

Đồng nhân

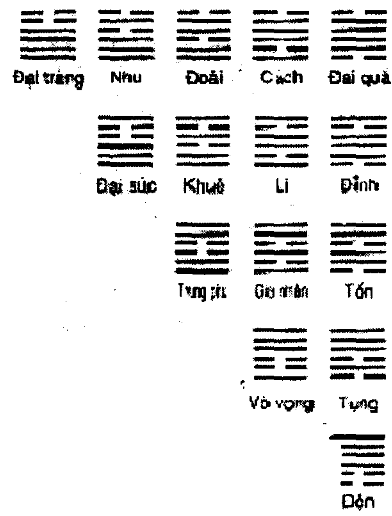

Sư

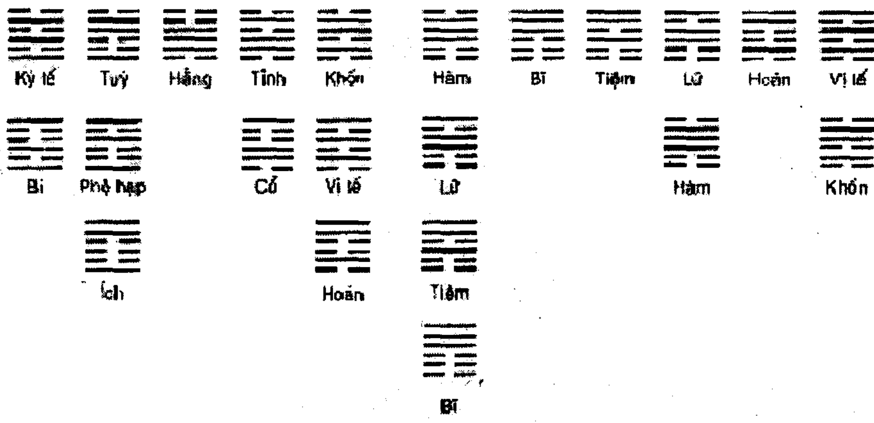

Cấu

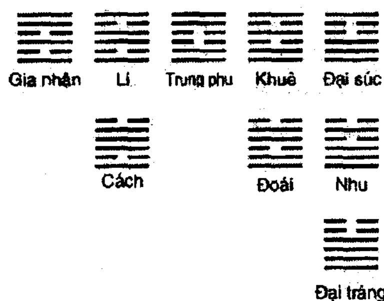

Phục

Sáu quẻ một hào Dương và sáu quẻ một hào Âm đều từ hai quẻ Phục, Cấu mà lại

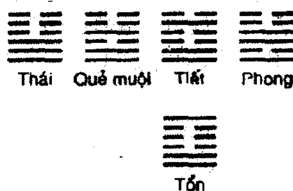

Cổ
Ích
Phệ hạp
Bí
Tốn
Tỉnh
Tùy
Ký tế
Tiết
Hằng
Phong
Quy muội
Thái

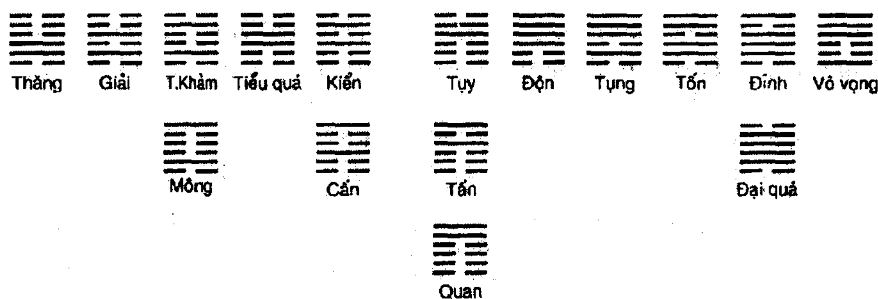

Đại tráng
Nhu
Đoài
Cách
Đại quá
Đại súc
Khuê
Li
Đỉnh
Trung phu
Gia nhân
Tốn
Vô vọng
Tụng
Độn

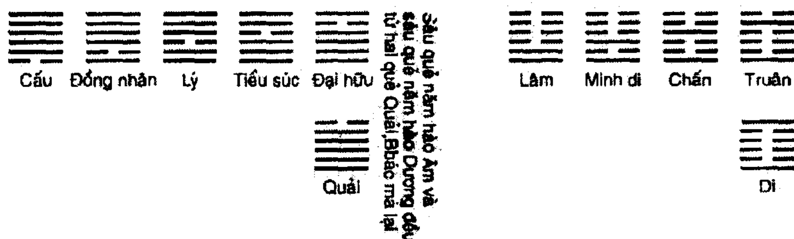

Ký tế
Tuỳ
Hằng
Tỉnh
Khốn
Hàm
Bĩ
Tiệm
Lữ
Hoán
Vị tế
Bí
Phệ hạp
Cổ
Vị tế
Lữ
Hàm
Khốn
Ích
Hoán
Tiệm
Bĩ



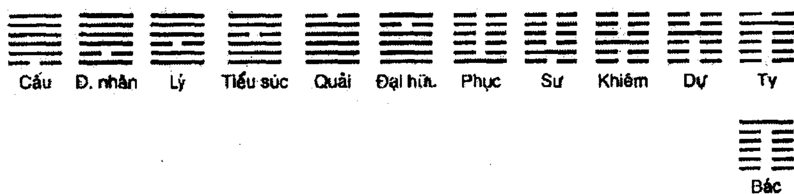
Mười lăm quẻ bốn hào Âm và mười lăm quẻ bốn hào Dương đều từ hai quẻ Đại tráng và Quán mà lại







Sáu quẻ năm hào Âm và sáu quẻ năm hào Dương đều từ hai quẻ Quải, Bác mà lại



TRở lên có chín hình vẽ *Kinh Dịch*, có *Kinh Dịch* của Phục Hy, có *Kinh Dịch* của Văn Vương, Chu Công, có *Kinh Dịch* của Khổng Tử. Từ Phục Hy về trước đều không có chữ, chỉ có nét vẽ, rất nên xem kỹ, thì có thể thấy cái ý rễ gốc tinh vi của việc làm ra *Kinh Dịch*. Từ Văn Vương trở xuống mới có văn tự, tức sách *Chu Dịch* ngày nay, nhưng mà kẻ đọc cũng nên xem theo các bản văn suy ngẫm, không thể nhận thuyết của Khổng Tử làm thuyết của Văn Vương.

LỜI BÀN CỦA TIÊN NHO

Chu Hy nói rằng: Thái cực hai Nghi, bốn Tượng, tám Quẻ là phép vạch quẻ của Phục Hy. Trong thiên thuyết Quái, từ câu: 天地定位 (Thiên địa định vị) đến câu 坤以藏矣 *(Khôn dĩ tàng hĩ)* là để thấy ngôi tám Quẻ của Phục Hy vạch ra; từ câu 帝出乎震 *(Đế xuất hồ Chấn)* trở xuống là lời Văn Vương tựa theo những quẻ của Phục Hy đã làm thành mà suy cho rộng nghĩa loài của nó. Như thuyết "cứng lại, mềm tiến" cũng là tựa theo sau khi các quẻ đã thành, dùng ý giải ra, cho rõ quẻ này do ở quẻ kia mà ra, không phải đích thật trước có quẻ kia mà sau mới có quẻ ấy. Lời chua đời xưa nói là quẻ Bĩ do ở quẻ Thái mà ra, tiên nho đã có công kích, cho rằng: Kiền Khôn hợp nhau thì thành quẻ Thái, há lại có quẻ Thái biến đổi thành ra quẻ Bĩ? Nhưng không biết rằng: Nếu bàn về việc vạch quẻ của Phục Hy thì sáu tư quẻ đủ trong một lúc, dẫu đến Kiền Khôn cũng không có lẽ sinh ra các quẻ; còn nếu theo thuyết của Văn Vương, Khổng Tử thì dọc, ngang, cong, thẳng, sinh đi, sinh lại, thế nào không được? Cốt ở xem được hoạt bát, không câu nệ, thì không cái gì không thông[1].

---

[1] Hồ Song Hồ nói rằng: Số quẻ biến đổi của bài Bản nghĩa trong Thoán từ đã thích có mười chín quẻ. Tụng, Thái, Bĩ, Tùy, Cổ, Phệ hạp, Bí, Vô vọng, Đại xúc, Hàm, Hằng, Tấn, Khuê, Kiển, Giải, Thăng, Đỉnh, Tiệm, Hoán mà thôi. Và lại những quẻ đã thích, trừ ra hai quẻ Tụng, Tấn giống như hình vẽ, còn các quẻ khác đều không hợp cả. Ví như quẻ Tùy vốn từ các quẻ Khốn và Phệ hạp, Ký tế, Vị tế đi lại, mà theo hình vẽ thì nó lại từ hai quẻ Bĩ, Thái đi lại v.v... Là vì hình vẽ tùy theo Thoán truyện làm ra, mà sự các quẻ biến đổi, thì không cách nào không thông, không thể câu chấp bằng sự nhất định. Từng xét về sự biến đổi trong hình vẽ này đều do hai quẻ sinh ra. Phàm những hào Dương biến ra hào Âm, hễ biến thì Dương từ phía dưới lên ở ngôi Âm, Âm từ phía trên xuống ở ngôi Dương, như quẻ Phục biến ra quẻ Sư, hào Đầu quẻ Phục, lên làm hào hai quẻ Sư, hào Hai Quẻ phục xuống làm hào Đầu quẻ Sư v.v... Phàm những hào Âm biến ra hào Dương, hễ biến thì hào Âm từ phía dưới lên ở ngôi Dương, hào Dương từ phía trên xuống ở ngôi Âm, như quẻ Cấn biến ra quẻ Đồng nhân, hào đầu quẻ Cấn lên làm hào hai quẻ Đồng nhân, hào Hai quẻ Cấn xuống làm hào Đầu quẻ Đồng nhân v.v...

PHÉP BÓI BẰNG CỎ THI

CHỌN chỗ đất sạch làm nhà chứa cỏ thi, cửa ngoảnh về Nam. Giữa nhà kê một chiếc giường.

(Chiếc giường chiều dài chừng năm thước, chiều rộng chừng ba thước. Đừng để gần bức vách quá).

Cỏ thi năm chục cây, bọc bằng lụa màu đỏ nhạt, đựng trong chiếc túi màu đen, cho vào hộp, đặt ở phía bắc chiếc giường.

(Hộp bằng ống tre, hoặc bằng gỗ rắn, hay vải sơn, hình tròn, đường kính độ ba tấc, chiều dài bằng chiều dài cỏ thi, một nửa làm đáy, một nửa làm nắp, dưới hộp có hòm làm giá, cho khỏi lăn nghiêng).

Đặt chiếc khay gốc ở phía nam cái hộp, dé về phía bắc cái giường hai phân.

(Khay bằng ván gỗ, bề cao một thước, bề dài vừa suốt cái giường, trong khay chia làm hai ô lớn, ô nọ cách ô kia một thước, phía tây ô lớn làm ba ô nhỏ, mỗi ô cách nhau năm tấc, dưới khay có chân ngang, đặt nghiêng trên một chiếc án).

Đặt một lò hương ở phía nam chiếc khay, một hộp hương ở phía nam cái lò, hằng ngày thắp hương cung kính. Sắp bói thì phải quét rửa lau chùi: để một chiếc nghiên rửa sạch, có rót nước, một cây bút, một thoi mực, một miếng ván sơn vàng ở phía đông lò hương. Trên phía đông, người bói trai khiết, đội mũ mặc áo, ngảnh mặt về bắc, rửa tay đốt hương cúng lễ.

(Nếu sai người khác bói hộ, thì chủ nhân đốt hương xong rồi lui xuống một chút, đừng ngảnh về bắc, kẻ bói tiến lên trước giường đứng hơi dé về tây, ngảnh mặt về nam, nhận lấy việc bói. Chủ nhân thuật thẳng việc mình định xem, kẻ bói vâng lời. Chủ nhân quay về phía hữu, đứng ngảnh về tây, kẻ bói cũng quay về phía hữu, đứng ngảnh về bắc).

Hai tay bưng lấy nắp hộp, đặt xuống phía nam cái khay, phía bắc lò hương. Lấy cỏ thi ở trong hộp ra, tháo túi, cởi bọc, đặt ở phía đông chiếc hộp. Tất cả năm chục cây, cầm bằng hai tay, hơ trên lò hương, khấn rằng: 假爾泰筮有常，假爾泰筮有常!某(官姓名)今以某事未知可否,爰質所疑于神于靈,吉凶得失,悔吝憂虞,惟爾有神,尚明告知. *"Giả nhĩ Thái phệ hữu thường, giả nhĩ Thái phệ hữu thường! Mỗ (quan tính danh) kim dĩ mỗ sự vị tri khả phủ, viên chất sở nghi vu thần vu linh, cát hung đắc thất, hối lận ưu ngu, duy nhĩ hữu thần, thượng minh cáo chi.* (Mượn mày đồ bói lớn tính không thay đổi. Mỗ (quan tước - hoặc chức nghiệp - họ và tên) vì việc (chị đó) chưa biết

nên chăng, phải đem điều nghi ngờ ấy hỏi đấng thần linh. Lành hay dữ, được hay mất, hối tiếc hay lo sợ, người có thiêng hãy bảo cho rõ).

Rồi dùng tay phải nhặt lấy một thẻ (tức là một sợi cỏ thi) trả lại trong hộp.

Rồi lấy hai tay chia đôi bốn mươi chín thẻ, để vào hai chiếc ô lớn tả hữu cái khay.

(Đây là dinh thứ nhất. Nghi lễ bảo là chia ra làm hai, để hình dung hai Nghi)

Rồi tay trái cầm lấy những thẻ ở chiếc ô lớn phía tả, tay phải nhặt lấy một thẻ ở chiếc ô lớn phía hữu cài vào khe ngón tay út tay trái.

(Đây là dinh thứ hai, Nghi lễ bảo là: treo một thẻ để hình dung tam tài).

Rồi dùng tay phải đếm "bốn chiếc một" những thẻ cầm ở tay trái.

(Đây là dinh thứ ba, Nghi lễ gọi là đếm bằng số bốn để hình dung tứ thời).

Rồi trả lại những thẻ còn thừa, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, và kẹp nó vào khe ngón vô danh tay trái[1].

(Đây là nửa dinh thứ tư. Nghi lễ bảo là ra số lẻ về chỗ kẹp để hình dung tháng nhuận).

Rồi dùng tay phải trả lại những thẻ đã đếm vào chiếc ô lớn phía tả cái khay, cầm lấy những chiếc thẻ ở chiếc ô lớn phía hữu cái khay và dùng tay trái đếm "bốn chiếc một".

(Đây là nửa dinh thứ ba)

Rồi lại trả những thẻ còn thừa như trước và giắt vào khe ngón giữa tay trái.

(Đây là nửa dinh thứ tư. Nghi lễ bảo là giắt lần thứ hai để hình dung hai lần nhuận. Nhưng thẻ còn thừa trong lần biến đổi thứ nhất, tay tả một thì tay hữu phải ba, tay tả hai thì tay hữu cũng hai, tay tả ba, tay hữu phải một, tay tả bốn, tay hữu cũng bốn. Kể suốt cả một lần "cài" không năm thẻ thì chín thẻ. Nắm thế được một lần bốn là số lẻ, chín thẻ được hai lần bốn là số chẵn. Lẻ thì ba mà chẵn thì một).

Rồi dùng tay phải trả lại những thẻ đã đếm vào chiếc ô lớn phía hữu, và nhập những thẻ trong một lần "cài" hai lần kẹp ở bàn tay trái làm một, đặt lên ô nhỏ thứ nhất trong cái khay.

---

[1] Thí dụ: số thẻ cầm tay là 19, đếm bốn chiếc một, được bốn lần, hết 16 chiếc, còn thừa ba chiếc. Hay là số thẻ cầm thay là 24 chiếc, đếm bốn chiếc một, được năm lần - vì bao giờ cũng phải để ra một số linh dư - hết 20 chiếc, còn thừa bốn chiếc. Số khác theo đó mà suy.

(Thứ tự ô nhỏ kể từ chiếc ô phía Đông trở đi).

Đây là một lần biến. Lại dùng hai tay nhập những cỏ thi ở hai ô lớn tả hữu làm một.

(Bây giờ còn 44 thẻ hoặc 40 thẻ).

Lại làm bốn dinh như nghi thức lần biến thứ nhất, và đặt những thẻ cài kẹp vào ô nhỏ thứ hai trong cái khay. Đấy là hai lần biến.

(Những thẻ còn thừa trong lần biến thứ hai: tay tả một tay hữu phải ba; tay tả hai, tay hữu phải một; tay tả ba, tay hữu phải bốn, tay tả bốn, tay hữu phải ba. Kể suốt số thẻ trong một lần cài, không bốn thì tám. Bốn được một lần bốn là số lẻ, tám được hai lần bốn là số chẵn. Lẻ chẵn đều được số hai trong số bốn).

Rồi lại lấy những cỏ thi ở hai ô lớn tả hữu nhập lại làm một.

(Bây giờ còn 40 thẻ hoặc 36 thẻ hay 32 thẻ)

Lại làm bốn dinh như nghi thức lần biến thứ hai, và để những thẻ cài kẹp vào chiếc ô nhỏ thứ ba trong chiếc khay. Đó là lần biến thứ ba.

(Số thẻ còn thừa của lần biến thứ ba cũng như lần biến thứ hai).

Xong ba lần biến, mới coi số thẻ cài kẹp và số thẻ đếm qua của mỗi lần mà vạch từng hào vào mảnh ván.

Số thẻ cài kẹp, năm và bốn là lẻ, chín và tám là chẵn. Cài kẹp là ba số lẻ, hết 13 thẻ, thì số đếm qua còn 26 thẻ, là hào Lão Dương, đánh dấu bằng ▭ vẫn gọi là "trùng". Cài kẹp hai lẻ một chẵn, cộng 17 thẻ, thì số đếm qua còn 32 thẻ, là hào Thiếu Âm, đánh dấu bằng — — vẫn gọi là "triết". Cài kẹp hai chẵn một lẻ, cộng 21 thẻ thì số đếm qua còn 28 thẻ là hào Thiếu Dương, đánh dấu bằng —— vẫn gọi là "đạo". Cài kẹp là ba số chẵn, cộng 25 thẻ, thì số đếm qua còn 24 thẻ, là hào Lão Âm, đánh dấu bằng ✕, vẫn gọi là "giao".

Như thế, cứ ba lần thì biến thành một hào.

(Thứ nhất, thứ tư, thứ bảy, thứ mười, thứ mười ba, thứ mười sáu, sáu lần biến đó giống nhau, có điều từ lần thứ ba trở đi thì không khấn nữa, chỉ dùng 49 sợi chỉ cỏ thi mà thôi. Các lần thứ năm, thứ tám, thứ mười một, thứ mười bốn và thứ mười bảy đều giống như lần thứ hai, các lần thứ sáu, thứ chín, thứ mười hai, thứ mười lăm, thứ mười tám, thì giống như lần thứ ba).

Tất cả mười tám lần biến thì thành một quẻ. Xét sự biến đổi trong quẻ, để xem việc dữ hay lành.

Bói xong, lại bọc cỏ thi, đựng vào túi, cho vào hộp, đậy nắp lại, thu xếp bút, nghiên, mực, ván, rồi lại thắp hương cúng lễ lần nữa.

Nếu nhờ người bói hộ, thì chủ nhân thắp hương, vái kẻ bói giúp rồi lui([1]).

[1] Hồ Song Hồ nói rằng: Chu Tử từng bảo Kinh Dịch chỉ là môn sách bói toán, vốn không phải dùng để dạy đời. Nhưng nay hễ đọc một quẻ một hào, liền thấy cũng như bói được. Coi Tượng ngẫm lời, coi sự biến đổi ngẫm lời chiêm đoán mà lại dò tìm cái lẽ tại sao mà thế mới là khéo đọc. Vì vậy cho nên ở các quẻ Kiền, Khôn nên biết cái phận vua tôi, cha con; ở các quẻ Hàm, Hằng, nên biết sự phân biệt giữa vợ và chồng; ở các quẻ Chấn, Khảm, Cấn, Tốn, Ly, Đoài nên biết thứ tự người lớn người nhỏ; ở câu "Lệ trạch Đoài" nên biết sự giảng tập của bè bạn; cho đến những việc cẩn thận sự nói năng, dè dặt sự ăn uống, phải có được ở quẻ Di; ngăn điều tức giận, chừa điều ham muốn, theo điều thiện, đổi điều lỗi, phải có được ở quẻ Tốn, Ích; không nịnh hót, không khinh nhờn, cẩn thận sự giao tế của bậc trên bậc dưới, để làm cái đạo toàn thân, phải có được ở Đại chuyện. Cứ thế mà suy, đọc đâu thì thu dụng đấy. Đó là ý tinh vi về sự theo trung theo hiếu của đấng quân tử. Tuy rằng cầm thẻ mà bói, nhưng cái rễ gốc cũng không có gì hơn thế.

DỊCH THUYẾT CƯƠNG LĨNH

TRÌNH DI nói rằng: Việc của đấng thượng thiên, không tiếng không hơi, cái thể của nó gọi là *Dịch*, cái lý của nó gọi là *Đạo*, cái dụng của nó thì gọi là *Thần*.

* * *

Âm Dương khép ngỏ tức là *Dịch*, một khép một ngỏ gọi là biến.

* * *

Gọi là *Dịch* mới có lý, nếu như xếp đặt nhất định thì có lý gì? Cuộc biến đổi của trời đất, Âm Dương cũng như hai thớt cối xay, lên xuống, đầy vơi, cứng mềm, chưa từng dừng nghỉ. Dương thường đầy, Âm thường thiếu, cho nên mới không đều nhau. Ví như cối xay đã quay, răng nó phải không bằng nhau; đã không bằng nhau thì sẽ sinh hàng vạn sự biến đổi.

* * *

Trong *Kinh Dịch* chỉ nói về lẽ giáo giở, đi lại, lên xuống.

* * *

Làm *Kinh Dịch* trừ trời đất tối sáng, cho đến cây cỏ sâu bọ nhỏ nhặt, không gì không hợp.

* * *

Trương Hoành Trung hỏi: Có phải nghĩa của *Kinh Dịch* vốn khởi ở Số hay không? Đáp rằng: Bảo nghĩa khởi ra tự Số thì sai. Có Lý rồi mới có Tượng, có Tượng rồi mới có Số. *Kinh Dịch* nhân Tượng để biết Số, hễ hiểu được nghĩa của nó, thì Số sẽ ở bên trong. Ắt muốn xét cho cùng cực sự tinh vi của Tượng, biết cho hết từng hào hốt của Số, đó là tìm dòng theo ngọn, cách đó chỉ có những nhà thuật số vẫn chuộng, không phải là việc mà kẻ nho giả nên cần. Nó là cái học của bọn Quản Lộ, Quách Phác vậy.

Lại nói: Lý và vật vô hình, cho nên nhân Tượng để tỏ Lý, Lý hiện ở Lời, thì có thể do Lời mà biết Tượng. Vì vậy nói rằng: "Hiểu được nghĩa của nó, thì Số sẽ ở bên trong".

Xem *Dịch* cần phải biết thời. Tất cả sáu hào ai ai cũng có thể dùng, ông thánh có chỗ dùng của ông thánh, ông hiền có chỗ dùng của ông hiền, người thường có chỗ dùng của người thường, kẻ học có chỗ dùng của kẻ học, vua có chỗ dùng của vua, tôi có chỗ dùng của tôi, không đâu không thông.

* * *

Xem *Dịch* hãy xem nên thời, rồi mới xem đến tài của từng hào. Trong một hào thường có bao hàm mấy ý, thánh nhân thường thích

những ý trọng hơn mà làm ra lời; có điều gì mà trong *Kinh Dịch* nói đến đã nhiều, thì lấy những điều chưa từng nói đến, cũng không cần, phải việc trọng; lại cũng có khi chỉ nói về thời, không nói về tài các hào. Những điều ấy, đều nên lâm thời tham khảo. Phải trước xem quẻ, rồi mới xem được lời "hệ".

* * *

Chu Hy nói rằng: Lúc đầu thánh nhân làm *Dịch* chỉ là ngửa xem cúi xét, thấy rằng: đầy khoảng trời đất, không cái gì không phải là lẽ một Âm một Dương; có lẽ ấy thì có Tượng ấy, có Tượng thì Số của nó tự ở bên trong. Chẳng những Hà đồ, Lạc thư như thế, mà cái gọi là Số kia, chỉ là những chỗ chia hạn, chừng mực có khi; được Dương thì lẻ, được Âm thì chẵn, các vật đều thế. Hà đồ, Lạc thư là thứ khéo hơn, rõ hơn mà thôi. Vì vậy, thánh nhân nhân đó mà vạch ra Quẻ. Lúc mới chỉ là vạch một vạch lẻ để hình dung khí Dương, vạch một vạch chẵn, để hình dung khí Âm mà thôi. Nhưng hễ có hai thì liền có bốn, hễ có bốn thì liền có tám, lại theo đó mà gấp hai lên liền thành mười sáu. Đó là trong đám đông có mầm nhú, mà số vô cùng đã đủ; không đợi xếp đặt mà thế vẫn không thể thôi. Quẻ vạch đã lập, liền có lành dữ, vì là Âm Dương đi lại giao thác ở trong. Thời của nó thì có tiêu đi, lớn lên khác nhau: cái lớn lên là chủ, cái tiêu đi là khách; việc của nó hoặc có nên chăng khác nhau, cái nên là thiện, cái chăng là ác. Theo chỗ chủ khách thiện ác mà phân biệt thì sự lành, dữ sẽ rõ. Vì vậy nói rằng: Tám Quẻ định sự lành dữ. Sự lành dữ đã quyết định không sai, thì dùng nó để dựng các việc, nghiệp lớn sẽ từ đó sinh ra. Đó là thánh nhân làm ra *Kinh Dịch*, dạy dân xem bói, để mở cái ngu của thiên hạ, để định cái chí của thiên hạ, để làm nên các việc của thiên hạ, là thế. Có điều từ Phục Hy về trước chỉ có sáu vạch, chưa có văn tự truyền được; rồi đến Văn Vương Chu Công mới đèo thêm lời, cho nên nói rằng: "Thánh nhân đặt quái xem tượng, đèo lời vào để tỏ lành dữ". Đó là khi Quẻ chưa vạch, nhân xem pháp tượng tự nhiên của trời đất mà vạch ra; đến lúc Quẻ đã vạch rồi, thì Quẻ nào riêng có Tượng của quẻ ấy. Tượng nghĩa là có chỗ giống giống, cho nên thánh nhân mới theo Tượng đó mà đặt ra tên. Nói về sự tiến lui của hào, thì như quẻ Bác, quẻ Phục v.v... nói về sự hệt giống của hình, thì như quẻ Đỉnh quẻ Tỉnh v.v... Đấy là Phục Hy theo chỗ hoàn toàn của hình thể các quẻ mà lập cái tên như thế. Văn Vương coi hình tượng của quái thể mà làm Thoán từ. Chu Công coi sự biến đổi của quái hào, mà làm Hào từ, cái tượng của sự lành dữ lại càng rõ rệt.

Đại để đạo trong gầm trời chỉ là thiện ác mà thôi. Có điều cái ngôi của người ta ở phải khác nhau, cái thời của người ta gặp phải không giống nhau, mà cái cơ của nó rất nhỏ, chỉ vì người trong thiên

hạ không thể hiểu thấu, cho nên thánh nhân dùng phép bói toán đó để dạy người, khiến cho người ta lúc bình cư thì xem Tượng ngẫm lời, lúc hành động thì xem sự biến đổi mà ngẫm lời chiêm đoán, không bị mê muội trong đường phải trái được mất. Bởi vậy, sách này nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu đều dùng. Câu nói trong sách - của các đời đó - tuy không giống nhau, lời nói trong sách - của các đời đó - tuy không thấy hết, nhưng đều do quan Thái bốc coi giữ để dùng vào việc bói toán. Coi như họ Tả đã chép, lại càng có thể thấy chỗ cổ nhân dùng *Dịch*. Bởi vì gọi là Tượng chỉ là mượn những vật mà mọi người cùng biết, để hình dung lý của các việc, khiến cho người ta biết sự nên bỏ, nên lấy mà thôi. Cho nên từ Phục Hy đến Văn Vương Chu Công, tuy là do sơ lược đến tường tận, mà cái gọi là công dụng của việc xem bói vẫn có một. Nghĩa là trong cách xem bói kia vẫn có cái lý dùng để xử trí việc này. Cho nên phương pháp của nó dường như thô thiển, nhưng theo sự hiền ngu của từng người, thảy đều gặp được chỗ dùng. Bởi vì Văn Vương tuy là có tượng nhất định, có lời nhất định, nhưng cũng đều là nói trống chỗ này phải xử như thế, không hề gắn chặt vào các vật. Cho nên mỗi quẻ mỗi hào đều đủ bao bọc những việc vô cùng, không thể chỉ lấy một việc chỉ định.

Ở trong hào quẻ cũng có chỗ chỉ một việc, như "lợi kiến hầu", "lợi dụng tế tự",v.v.. ngoài ra đều không chỉ về một việc mà nói. Vì vậy, mới thấy công dụng của *Kinh Dịch* không gì không cai quát, không gì không lan khắp, chỉ xem người ta dùng nó ra sao mà thôi.

Đến đấng Phu Tử[1] mới thuần theo lý mà nói, tuy rằng vị tất đã là bản ý của vua Hy vua Văn, nhưng mà theo việc nói lý, cũng là như thế. Có điều không thể lấy thuyết của Phu Tử làm thuyết của Văn Vương.

* * *

Trong khoảng trời đất còn có cái gì? Chỉ là hai chữ Âm Dương mà thôi. Bất kỳ việc gì, đều không thể nào lìa nó. Hãy coi trong thân thể mình: hễ mở mắt ra, chẳng Âm thì Dương, khít khịt trong đó, không thể bám được vật khác. Chẳng là nhân thì là nghĩa, chẳng là cứng thì là mềm. Tự mình muốn làm thẳng lên là Dương, hễ mà thu lại lùi lại là Âm; ý tứ hễ động là Dương, hễ im là Âm. Chưa cần coi đến sự khác, chỉ trong một cái động và một cái im cũng đã là Âm Dương rồi. Phục Hy nhân đó mới vạch ra Quẻ để bảo người ta.

Nhưng nếu chỉ nói một Âm một Dương, lại chưa đủ để cai quát mọi lẽ. Vì vậy mới xoay xỏa làm sáu tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào. Lúc đầu chỉ là rất nhiều quẻ, hào, về sau thánh nhân lại đèo thêm rất

1 Chỗ Đức Khổng Tử.

nhiều lời ở dưới. Như ở sách khác, thì phải nguyên có việc ấy, mới nói ra lẽ ấy, *Kinh Dịch* thì là chưa có việc ấy, trước đã mượn sẵn nói ở trong đó.

Lại nói: Âm Dương là khí, hễ có khí ấy thì có lý ấy, hễ có lý ấy thì có khí ấy. Muôn việc muôn vật ở gầm trời, cái gì không ở lý ấy mà ra? Cái gì không ở Âm Dương mà ra?

Dịch chỉ là Âm Dương xoay xỏa, giao đổi thay đổi. Trang Tử bảo "*Dịch* để nói về Âm Dương" không phải không có sở kiến. Ví như lẻ, chẵn, cứng mềm, chỉ là Âm Dương mà ra cuộc thay đổi.

* * *

Dịch là Âm Dương có duỗi, tùy thời biến đổi. Cổ kim vẫn có cuộc khép ngỏ lớn, cuộc khép ngỏ nhỏ. Những người ngày nay nói về *Kinh Dịch* đều không có chỗ rờ, rà. Thánh nhân thì theo sáu mươi tư quẻ mà thay đổi đi, cho đến cái chỗ sở dĩ làm Âm Dương, làm cổ kim, cũng là lẽ ấy.

* * *

Dương Quí Sơn đến nhà Thiềm Quí Lỗ ở Hoàng Đình, Quí Lỗ hỏi về *Kinh Dịch*, Quí Sơn lấy tờ giấy vẽ cái vòng tròn, dùng mực bôi đen một nửa và nói: "Đó tức là *Dịch*".

Câu đó rất hay. Dịch chỉ là một Âm một Dương làm ra rất nhiều kiểu.

* * *

Có người hỏi rằng: "Lời ở dưới quẻ là lời Thoán, *Tả truyện* cho làm lời Do 繇 là cớ làm sao?

Đáp rằng: "Đó chỉ là lời Thoán, cho nên Khổng Tử có nói: "Bậc trí giả xem trong lời Thoán, thì đã nghĩ được quá nửa". Ví như: 元亨利貞 *(nguyên hanh lợi trinh)* là lời của Văn Vương đèo ở dưới quẻ để biết sự lành dữ của một quẻ. Trong sách *Âm ngữ* của họ Lục gọi là "kinh Thoán". Từ chữ 大哉乾元 *(Đại tai kiền nguyên)* trở xuống là lời của Khổng Tử thích kinh, cũng gọi là Thoán, và vẫn bảo là Thoán truyện. Còn những lời ở dưới hào như câu 潛龍勿用 *(Tiềm long vật dụng)*, thì là lời của Chu Công đèo vào để đoán sự lành dữ của một hào; những câu 天行健,君子以自強不息*(Thiên hành kiện quân tử dĩ tự cường bất tức)* vẫn gọi là truyện Đại tượng; những câu 潛龍勿用陽在下也 *(Tiềm long, vật dụng. Dương tại hạ dã)* vẫn gọi là truyện tiểu tượng, đều là lời của Khổng Tử làm ra. Từ câu 天尊地卑 *(Thiên tôn địa ty)* trở xuống là truyện của *Hệ từ* của Khổng Tử thuật ra, bàn góp về những đại thể, phàm lệ của cả cuốn Dịch, nó không phụ vào lời kinh mà tự chia làm Thượng hệ, Hạ hệ. Tả thị gọi là lời Do 繇. Chữ 繇 *(do)* theo ở chữ 系 *(hệ)* ngờ rằng cũng là nói về Hệ từ 系辭. Hệ từ nghĩa là dưới quẻ có đèo lời vào.

* * *

Kinh Dịch có Tượng, lấy những Tượng ấy phải có chỗ theo. Tuy những Tượng ấy, chỉ có chỗ dùng, không phải cẩu thả đặt ra ngụ ngôn, nhưng các nhà Nho trong hai đời Hán[1] cứ muốn xét cùng chỗ "theo" của nó, đã là vướng mắc không thông; rồi từ Vương Bật trở đi, nhưng muốn suy hết chỗ "dùng" của nó, lại thành sơ lược mà không có căn cứ. Cả hai điều đó đều là cái lỗi "chỉ thiên một bề, không biết chừa chỗ nghi ngờ". Hãy lấy một mặt mà bàn, thì Kiền là ngựa, Khôn là trâu, thiên Thuyết quái đã có nói rõ: ngựa là giống mạnh, trâu là giống thuận, trong loài vật vẫn có lẽ thường; đến như theo văn trách quẻ, như quẻ Chuân có nói đến ngựa mà không có hình Kiền, quẻ Ly có nói đến trâu mà không có hình Khôn, rồi sáu rồng trong quẻ Kiền, đó đều là sự không thể hiểu được. Cho nên Hán nho tìm ở thuyết quái không được, thì bèn cùng nhau đặt ra những thứ hộ thể biến quái, những phép "ngũ hành nạp giới phi phục", và lấy làm may khi được thấy nó ngẫu nhiên đúng hợp. Thuyết của họ tuy là tường tận, nhưng mà ở chỗ không thông vẫn không thể thông, còn chỗ thông được thì lại phụ hội xuyên tạc, không có cái vẻ tự nhiên; dẫu rằng có một hai chỗ vừa đúng, không cần phải đợi nói khéo, nhưng nó, trên thì không quan hệ đến nguồn gốc của nghĩa lý, dưới thì không giúp đỡ gì cho sự răn dạy về nhân sự, thế thì can gì lại phải khổ lòng nhọc sức cố tìm cho được!

Cho nên Vương Bật nói rằng: "Nghĩa của nó nếu có ứng với sự "mạnh", thì cứ gì Kiền mới là ngựa? Hào của nó nếu có hợp với sự "thuận" thì cứ gì Khôn mới là trâu? " Trình Tử cũng nói: "Lý là một vật vô hình, nên phải mượn "Tượng" làm cho rõ nghĩa". Phá cái lỗi cố chấp vơ vẩn của Tiên nho mà mở phương pháp ngẫm "Lời" ngẫm "Chiêm" cho hậu học, như thế là cùng tột rồi. Nhưng mà xem ý hai người, thì lại giống như điều cho sự "lấy tượng" của *Kinh Dịch*, không phải tự đâu mà ra, chỉ như lối tỷ hứng của *Kinh Thi* và cách dụ của Mạnh Tử mà thôi. Thế thì Thuyết quái làm ra, là không dính gì đến *Kinh Dịch*, mà câu "gần nghiệm ở mình mình, xa nghiệm ở loài vật" cũng là lời thừa.

Vì vậy, ngờ các thuyết đó nói chưa hết ý, nhân trộm bàn rằng: Sự "lấy Tượng" vẫn phải là tự chỗ nào, mà những thuyết ấy đã có đủ ở quan Thái bốc, có điều bây giờ không thể kê cứu được nữa, thì đành hãy bỏ thiếu đó mà chỉ theo Tượng trong lời để tìm lấy ý trong Tượng, khiến cho đủ làm dạy răn và quyết định sự lành dữ như lời họ Vương, thầy Trình và sách *Bản nghĩa* của ta đã nói, cũng được, không cần cố

[1] Tây Hán, Đông Hán.

tìm cho được cái chỗ Tượng ở đâu ra, nhưng cũng không thể đặt ra giả thiết mà vội quên hẳn chỗ đó.

* * *

Phục Hy vạch tám Quẻ, chỉ có mấy nét, bao quát hết lẽ muôn vật gầm trời. Kẻ học hiểu được ở Lời thì nông, hiểu được ở Tượng thì sâu. Vương Phụ Tự và Trình Y Xuyên đều không tin Tượng, nhưng nay không dám nói thế, chỉ nói không được trông thấy cái đó. Hãy cứ theo Tượng mà nói, thì khỏi xuyên tạc.

* * *

Tượng của *Dịch* hình như cũng có ba thứ: Có thứ do nét của nó tự nhiên sẵn có, như nét lẻ là tượng khí Dương, nét chẵn là tượng khí Âm... Có thứ đích thực bắt chước hình tượng các vật, như Kiền Khôn và sáu con lấy trời, đất, sấm, gió làm Tượng v.v... Có thứ chỉ là thánh nhân tự ý lấy cái hình này để tỏ nghĩa kia, như ngựa trắng có cánh, chở quỷ một xe v.v...

* * *

Coi *Dịch* nên tựa chắc vào Tượng mà coi thì nhiều ý vị, nếu chỉ coi nó bằng cách trống không, thì chẳng có ý tứ gì.

Đành rằng nói được cái lý của nó, thì Tượng, Số sẽ ở bên trong, nhưng theo giòng mà coi, phải thấy Tượng, Số đích đáng ở đâu trước đã, thì khi nói Lý mới khỏi chạy chệch. Nếu không thế, việc mà không có thực chứng, thì cái Lý suông dễ sai.

Trong thời Thượng cổ, lòng dân tối tăm, không biết lành dữ ở đâu, cho nên thánh nhân làm *Dịch*, dạy họ bói toán, lành thì làm, dữ thì tránh, đó là cái lối "mở mang các việc". Hệ từ nói "để thông chí thiên hạ, để định nghiệp thiên hạ, để đoán sự nghi ngờ của thiên hạ", là chỉ chỗ đó.

Lúc đầu chỉ có "Chiêm"[1] mà không có chữ, giống như phép độn Hỏa châu lâm (?) ngày nay, chỉ dùng hào mà không dùng lời - đủ biết cổ nhân xem bói, không phải đợi lời mà sau mới biết lành dữ. Đến Khổng Tử lại sợ người ta không biết tại sao mà thế, cho nên phải lần theo từng hào mà giải "Hào hay sở dĩ lành, vì nó trung chính, hào kia sở dĩ dữ, vì nó không đáng ngôi", nói rõ như thế để cho người ta dễ hiểu mà thôi. Đến như *Văn ngôn*, thì lại theo ở bên trên phát minh ra các đạo lý, đến phải bản ý thánh nhân[2] như thế. Hễ biết chỗ đó, thì mới có thể học *Dịch*.

***

[1] *Tức là sự suy đoán lành dữ.*

[2] Vì là việc bất đắc dĩ mà phải làm.

Thánh nhân trong một số bộ *Dịch*, đều là mượn truyện hư không đặt ra. Vì các công dụng trong thiên hạ, nếu nói thẳng thì chỉ dùng được một việc mà thôi, chỉ có cách nói bằng Tượng, thì lúc bói toán, bao nhiêu việc thiện, có thể ứng vào được cả.

* * *

Dịch vốn là sách bói toán, người sau cho là nó chỉ dùng được trong việc bói toán. Đến Vương Bật mới dùng thuyết của Lão Tử, Trang Tử mà giải, về sau người ta lại cho là sách nói lý, không cho là sách bói toán, như vậy cũng sai. Tưởng rằng trong khi Phục Hy bắt đầu vạch Quẻ, ngẫu nhiên nhận thấy một là Dương, hai là Âm, bèn theo đó mà vạch phóng ra, trong khi đó chỉ là Dương thì lành, Âm thì dữ, không có chữ nghĩa gì hết. Sau đó Văn Vương thấy thế không thể hiểu được, cho nên mới làm lời Thoán; rồi hoặc có kẻ xem nhầm cái hào, không thể hiểu được, cho nên Chu Công mới làm lời hào mà vẫn không thể hiểu được, Khổng Tử mới phải làm ra thập dực[1] đều giải các ý lúc đầu. Ngày nay người ta không xem hào quẻ, mà chỉ xem lời Hệ, cũng như không coi sách luật mà chỉ coi những tự lệ của sách luật vậy, hiểu làm sao được? Ngày nay phải nhận nó là sách bói toán mà coi mới được. Nếu không thế, thì không thể coi *Kinh Dịch*.

* * *

Kinh Dịch chỉ là vì việc bói toán mà đặt ra, cho nên sách *Chu Lễ* mới nói rõ rằng quan Thái bốc giữ ba thứ *Dịch*, tức sách *Liên Sơn*, sách *Qui tàng* và sách *Chu Dịch*. Cổ nhân về quan bói toán, lập ra tất cả mấy người. Nhà Tần cách đời cổ chưa xa, nên sách *Chu Dịch* nhờ về bói toán mà không bị đốt. Những người đời này hễ nói *Dịch* là thứ sách bói toán, thì cho là làm nhục *Kinh Dịch*; thấy Phu Tử nói rất nhiều đạo lý, lại cho *Dịch* là sách đạo lý. Họ không biết rằng: Khi nói lành dữ hối lận[2], đều là có lý, cái mà ý dạy người, không đâu không có. Ngày nay sở dĩ khó lý hội là vì đã mất cái phép bói toán. Như quan Thái bốc coi về phép ba *Kinh Dịch*, tức là *Liên Sơn, Qui tàng, Chu Dịch,* đó là vẫn riêng có phép lý hội *Chu Dịch*; nay chỉ thấy có hai thiên Thượng kinh, Hạ kinh và đều thấy không có mấy nỗi phép. Vì vậy mới khó lý hội. Ngày nay người ta lại bảo "thánh nhân nói lý, mà ở trong đó nhân thể có thuyết bói toán", sau khi thánh nhân nói lý, còn nói việc bói toán đó làm gì?

* * *

Kinh Dịch chỉ cho người ta bói toán để quyết định sự nghi hoặc. Nếu theo đạo lý nên làm, vẫn là cứ làm; nếu theo đạo lý mà không

---

[1] *Tức là những thiên Thuyết quái, Văn ngôn, Hệ từ.*

[2] Tức là nói về sự bói.

nên làm, tự nhiên không thể làm được; thế thì cần gì mà còn phải xem? Là vì có khi cùng trong một việc mà hoặc là lành hoặc là dữ, hay là có thể xử trí hai cách khác nhau. Bởi vậy không thể không xem.

* * *

Học giả ngày nay kiêng nói *Kinh Dịch* vì sự bói toán làm ra, cần nói nó vì nghĩa lý mà làm ra. Nếu quả vì nghĩa mà làm ra, thì sao không nói luôn bằng văn tự, như các sách *Đại học, Trung dung* nói về nghĩa lý để dạy người, còn vẽ tám quẻ làm gì?

* * *

Hào Dương phần nhiều lành, hào Âm phần nhiều dữ, lại xem ngôi chỗ của nó đã ở ra sao. Trong *Kinh Dịch*, đại khái Dương thì lành mà Âm thì dữ. Gián hoặc cũng có Dương dữ mà Âm lành là tại cớ gì? Bởi vì có việc nên làm, cũng có việc không nên làm, nếu nên làm mà không làm, không nên làm mà cứ làm, dù Dương cũng hung.

* * *

Trong *Kinh Dịch*, chỉ có "trinh cát", chưa có chỗ nào không "trinh" mà "cát", chỉ nói "lợi trinh", chưa từng nói "lợi bất trinh". Ví như xem được quẻ Kiền, vẫn là tốt lắm, nhưng mà ở dưới lại nói "lợi trinh". Nghĩa là ngay thẳng chính đính thì lợi, không ngay thẳng chính đính thì không lợi. Bước đầu của chí lý, chí giáo của thánh nhân, ngụ ở trong đó. Đại để nó là thứ sách vì hạng quân tử mà làm ra, không phải là của mà bọn tiểu nhân trộm giặc có thể lấy trộm mà dùng. Trương Hoàng Cừ nói: "*Kinh Dịch* chỉ mưu tính cho quân tử, không mưu tính cho tiểu nhân", phải lắm.

* * *

Chữ "lợi" trong *Kinh Dịch*, phần nhiều vì người xem mà đặt ra. Như "lợi sang sông lớn", tức là lợi cho việc đi thuyền; "lợi có sự đi", tức là lợi cho việc lên đường; "lợi về tế tự", "lợi về hưởng tự", là bói việc cúng được tốt; "săn được ba con cáo", "săn được ba bậc" là bói việc săn bắn được tốt; "công dùng hưởng của thiên tử" là nói việc triều cận được tốt; "lợi dựng tước hầu" là bói việc lập vua được tốt; "lợi về dời nước" là bói việc thiên đô được tốt; "lợi về xâm phạt", là bói việc xâm phạm được tốt v.v...

* * *

Ngày nay đọc *Dịch*, nên chia làm ba bậc mà coi. *Dịch* của Phục Hy, chưa có rất nhiều câu nói của Thoán, Tượng, Văn ngôn, mới có thể thấy bản ý của *Dịch* chỉ cốt dùng về việc bói. Phục Hy vạch Quẻ đâu có rất nhiều văn tự ngôn ngữ? Chỉ là Quẻ ấy thì có Tượng ấy, *như Kiền có rất nhiều văn tự ngôn ngữ? Chỉ là Quẻ ấy thì có Tượng* ấy, như Kiền có Tượng của Kiền, Khôn có Tượng của Khôn mà thôi -

Ngày nay người ta nói về *Kinh Dịch,* có khi chưa hiểu Tượng của Kiền Khôn, đã nói Lý của Kiền Khôn, vì vậy mà họ đã nói một cách không có tình lý gì hết - Đến Văn Vương, Chu Công chia làm sáu tư quẻ, thêm vào những chữ *"Kiền nguyên hanh lợi trinh", "Khôn nguyên hanh lợi tẫn mã chi trinh"*[1] đã không phải ý của Phục Hy, đã là Văn Vương Chu Công tự nói một thứ đạo lý rồi, nhưng cũng còn là theo chỗ của người ta xem mà nói, như xem được quẻ Kiền là rất hanh thông mà lợi cho kẻ ngay thẳng chính đính thế thời. Rồi đến Khổng Tử hệ Dịch[2] làm ra các thiên Thoán Tượng Văn ngôn, thì cho *nguyên, hanh, lợi, trinh* là bốn đức tánh của Kiền, lại không là *Dịch* của Văn Vương nữa.

* * *

Trộm ngờ hào quẻ *Kinh Dịch* vốn là chỉ vì người bói đoán sự lành dữ, mà trong có đủ những lời dạy răn. Đến khi các thiên Thoán, Tượng, Văn ngôn làm ra, mới nhân cái ý lành dữ dạy răn đó, suy cho rộng thêm mà nói về mặt nghĩa lý của nó, cho được rõ ra. Người đời sau chỉ thấy những phần nghĩa lý của Khổng Tử nói, mà không suy tìm bản ý của Văn Vương, Chu Công nhân đó mới cho bói toán là một việc đáng bỉ, không chịu nói tới, mà cái của họ đã nói lại càng xa với sự thực thường dùng trong hàng ngày, đại để đều là gò gập, quanh co, lệch về một mặt, không còn những cái mầu nhiệm của sự bao hàm, cai quản, lan khắp các khúc, thông hết các cạnh nữa; nếu chỉ như thế, thì thánh nhân có thể làm hẳn một cuốn sách khác, nói rõ nghĩa lý để dạy đời sau, cần gì phải mượn quái tượng mà làm những lời hiểm sâu ẩn tối ấy chi? Cho nên nay muốn: hễ đọc quẻ nào hào nào, cũng như xem quẻ bói mà được quẻ ấy, hào ấy, phải giữ sao cho lòng mình trống không, cố tìm cho biết cái nghĩa lời chỉ về cái gì, để mà quyết định những lời lành dữ nên chăng; rồi sau xét đến cái Tượng của nó tại sao mà thế, để tìm cái lẽ tại sao mà thế, và đem suy ra việc làm; khiến cho trên từ các đấng vương công, dưới đến những kẻ dân thứ, trong việc sửa mình trị nước, đều có thể dùng. Trộm nghĩ cứ tìm như thế, hình như mới được ý sót của ba vị thánh nhân.

* * *

Kinh Dịch của Khổng Tử, không phải là *Kinh Dịch* của Văn Vương, *Kinh Dịch* của Văn Vương không phải là *Kinh Dịch* của Phục Hy, *Dịch truyện* của Y Xuyên, tự nhiên phải là *Kinh Dịch* của họ

---

[1] Coi lời giải nghĩa ở hai quẻ Kiền Khôn dưới đây.

[2] Chữ 繫 "hệ" có nghĩa là buộc, là treo, là đèo. Hệ Dịch 繫易nghĩa là đèo thêm lời nói vào các hào quẻ của Kinh Dịch.

Trình, cho nên kẻ học phải theo thứ tự của *Kinh Dịch* đời xưa, trước hết hãy đọc bản văn, thì dễ thấy rõ bản chỉ của nó.

* * *

Coi *Dịch* phải coi khi chưa vạch Quẻ về trước, hình dạng thế nào, rồi theo trong đó mà xem, bao nhiêu quẻ hào tượng số của nó không phải bỗng không bịa ra, mà đều là phải như thế. Khi chưa vạch Quẻ về trước, nó vẫn im lặng không động, giống như cái "trung", trong khi mừng, giận, thương, vui chưa phát, chỉ là một vật rất rỗng rất tĩnh mà thôi. Hốt nhiên trong chỗ rất rỗng rất tĩnh, lại có cái Tượng, mới nói ra rất nhiều đạo lý về những Tượng, Số lành dữ, cho nên *Kinh Lễ* nói rằng: "Khiết tĩnh tinh vi, là giáo hóa của *Kinh Dịch*". Bởi vì *Dịch* là thứ sách do sự hư không làm ra. *Kinh Thư* thật có chính sự mưu mô ấy mới làm ra sách ấy; *Kinh Thi* thật có nhân tình, phong tục ấy mới làm ra thơ ấy; còn *Kinh Dịch* thì không có việc đã qua ấy, chỉ là do sự hư không mà làm ra. Trước khi chưa có hào vạch, *ở Kinh Dịch* thì là một lẽ hồn nhiên, ở người ta tức là tấm lòng im lặng như tờ; đến khi đã có hào vạch, mới thấy hào ấy là thế nào, hào kia là thế nào, nhưng mà vẫn là theo trong những cái rất rỗng rất tĩnh, làm ra rất nhiều Tượng, Số, vì vậy nó mới linh thiêng.

* * *

Kinh Dịch phải xem bằng cách xoay xỏa, việc trong thiên hạ, gì cũng do đó mà ra. Thiện, ác, phải, trái, được, lỗi, cho đến co, duỗi, tiêu, lớn, thịnh, suy, không cái gì không bởi ở đó. Trước đời Phục Hy chưa biết xem xét ra sao; đến khi Phục Hy đem hai cái Âm Dương vạch ra thành Quẻ để bảo người ta, khiến cho người ta xem xét lành, dữ, họa, phúc, một vạch là Dương, hai vạch là Âm, một vạch là chẵn, hai vạch là lẻ, bèn thành tám quẻ, lại xoay xỏa thêm làm sáu tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào, Văn Vương lại làm lời Thoán để thích rõ nghĩa của nó, cũng là cái lẽ Âm Dương tiêu lớn, thịnh suy, co duỗi mà thôi. Thánh nhân sở dĩ vẫn học, là học chỗ đó.

* * *

Kinh Dịch rất khó xem. Nó là thứ sách rộng lớn, đầy đủ, bao hàm muôn lý, không gì không có. Kỳ thực nó chỉ là sách bói toán, bất tất chỉ nói về lý, tượng số cũng có thể nói, không nên câu nệ một mặt. Gần đây, tôi xem *Kinh Dịch*, thấy rằng thánh nhân không phải vất vả bao nhiêu, chỉ vì đời sau một mực tự ý thêm bớt, muốn làm một thuyết, gượng thông với nghĩa của nó, vì vậy ý nghĩa của sách thánh nhân càng thấy không rõ.

Vả lại chú giải *Kinh Dịch*, chỉ thêm chữ hư[1] để đón ý tứ là được. Ngày nay người ta chú giải *Kinh Dịch*, lại thêm những chữ thực[2] vào, đó là mượn nó nói ý mình rồi; lại sợ còn có thuyết khác có thể phá thuyết của mình, họ bèn thêm thắt ra một thuyết nữa để tự bênh vực, nói nghìn, nói vạn, với *Kinh Dịch*, hoàn toàn không ăn thua gì.

Sách này vốn là một vật khó xem, không thể nói bằng cách tiểu xảo, cũng không nói bằng câu to lớn.

Kinh Dịch khó xem không như sách khác. *Kinh Dịch* nói về vật nào, không phải thật là vật ấy, như nói rồng, không phải thật là con rồng. Sách khác thì nói thế nào là thật thế ấy, hiếu đễ thì là hiếu đễ, nhân thì là nhân.

Trong *Kinh Dịch* nhiều chỗ không sao hiểu được.

* * *

Kinh Dịch khó xem, không ngôn ngữ nào có thể hình dung ra được. Bởi vì lời hào chỉ là cái bóng tượng, mà ở trong đó, không gì không có.

Xem *Kinh Dịch* phải bốn ngày xem một quẻ - một ngày xem lời quẻ và lời Thoán lời Tượng, hai ngày xem sáu hào; và một ngày xem gồm tất cả - mới tinh tường.

Hòa Tĩnh học *Kinh Dịch*, mỗi ngày chỉ xem một hào. Nhưng, sự vật đó kết thành một mảnh, hễ động thì động cả mảnh, xem riêng từng hào sao được?

Trước hết phải theo hai quẻ Kiền Khôn xem lấy bản ý cái đã, thì ở đàng sau đều có đường thông.

* * *

Kinh Dịch đại khái muốn cho người ta sợ hãi tu tỉnh. Nay học *Kinh Dịch*, không phải đợi khi gặp việc mà xem mới có răn sợ. Chỉ cốt những lúc bình cư, ngẫm những đạo lý của nó đã nói, so với địa vị của mình đương ở, thì nên thế nào. Cho nên nói rằng: "Lúc ở yên thì xem Tượng mà ngẫm Lời của nó, lúc hành động thì xem sự biến đổi mà ngẫm lời chiêm đoán của nó". Khổng Tử gọi rằng "*học Dịch*" chính là những lúc bình cư, thường thường học luôn. Như vậy, có thể tưởng thấy sự đọc *Dịch* của thánh nhân, khác với sự đọc *Dịch* của người thường, và có thể tưởng thấy trong lòng thánh nhân đã lần về Lý của *Dịch*, không bị che lấp mảy may, vì vậy mới nói "có thể không có lỗi lớn".

* * *

[1] Những chữ thuộc về danh từ (nom) tính từ (adjectif) sách Tàu gọi là chữ thực, còn các loại khác đều là chữ hư.

Hỏi rằng: *Kinh Dịch* nên đọc thế nào?

Đáp rằng: Chỉ nên giữ cho lòng mình trống rỗng[1], để tìm ý nghĩa của nó, không nên giữ ý kiến riêng của mình. Đọc các sách khác cũng vậy.

Hỏi rằng: Đọc *Dịch* chưa được ngấm nghía tràn khắp, là sao?

Đáp rằng: Chỗ đó cần phải giữ cho lòng mình trống rỗng, sáng sủa, êm ả, yên lặng, tự nhiên đạo lý lưu thông, mới bao quát được rất nhiều nghĩa lý. Vì *Dịch* không như *Kinh Thi, Kinh Thư,* nó là thứ sách nói hết sự lý vô cùng, vô tận của thiên hạ đời sau, chỉ một hai chữ đã là một cái đạo lý. Lại nữa, người ta cần phải từng trải rất nhiều sự biến đổi ở gầm trời, thì đọc *Kinh Dịch* mới biết mỗi chỗ đều có một lẽ tinh vi ngay thẳng. Nay đã chưa từng trải hết, nếu như trong lòng không thực trống rỗng, sáng sủa, êm ả yên lặng thì còn hiểu làm sao được? Cái đó tự mình không thể không gắng... Nay chưa từng trải nhiều việc, gom góp đạo lý của nó chưa được, đã đọc *Kinh Dịch,* rút lại vẫn không được chỗ thụ dụng của nó. Khổng Tử về già mà thích *Kinh Dịch,* rút lại vẫn không được chỗ thụ dụng của nó. Khổng Tử về già mà thích *Kinh Dịch,* đủ thấy sách này, rút lại chưa thể lý hội.

* * *

Hỏi rằng: Sách *Chu Dịch Bản nghĩa* sao lại chuyên lấy bói toán làm chủ?

Đáp rằng: Hãy nên đọc kỹ chính văn, đừng xem chú giải. Bởi vì *Kinh Dịch* đời xưa, các thiên Thoán, Tượng, Văn ngôn, mỗi thứ ở riêng một nơi, đến Vương Bật mới hợp làm một. Các nhà nho đời sau, không dám thay đổi, nay khó đọc trọn. Hãy nên đọc kỹ chính văn, lâu rồi tự nhiên sẽ hiểu.

Đọc *Dịch* trước hết, xem sách *Bản nghĩa của mỗ*[2], rồi coi *Trình truyện*[3] để cùng tham khảo. Nếu như chưa đọc sách khác, mà coi thuyết của mỗ trước, thì lại dễ hiểu, vì rằng chưa bị thuyết khách làm cho chìm đắm.

[1] Tức là bỏ hết thành kiến, đứng vào địa vị khách quan.

[2] Chu Hy tự xưng.

[3] Truyện của Trình Di.

CHU DỊCH THƯỢNG KINH

周易上經

GIẢI NGHĨA

Chu Dịch - Chu là tên triều đại, *Dịch* là tên sách. Những Quẻ của nó do ở Phục Hy vạch ra, có nghĩa giao *Dịch*, biến *Dịch*, cho nên mới gọi là *Dịch*. Còn lời của nó là do Văn Vương, Chu Công đèo vào, cho nên mới đặt chữ *Chu* ở trên. Bởi nó giản mậu, trọng đại, cho nên chia làm hai thiên Thượng, Hạ. *Kinh* là vạch của Phục Hy, lời của Văn Vương, với mười thiên truyện của Khổng Tử làm ra, tất cả mười hai thiên. Đời trung gian, sách này bị chư nho làm loạn, đến đời gần đây, họ Triều mới chữa lỗi đó, nhưng mà chưa được hết thảy hợp với cổ văn, họ Lã lại sửa lại, làm hai cuốn Kinh, mười cuốn truyện, bèn khôi phục được cái cũ của họ Khổng.

(Bản nghĩa của Chu Hy)

QUẺ KIỀN

☰ Kiền trên
☰ Kiền dưới

LỜI KINH

乾元亨利貞

Dịch âm. - *Kiền nguyên hanh lợi trinh*

Dịch nghĩa. - Kiền: Đầu cả, hanh thông, lợi tốt, chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đời Thượng cổ thánh nhân bắt đầu vạch ra tám Quẻ, đạo của ba Tài đủ rồi, nhân đó lại trùng điệp lên cho hết các sự biến đổi của gầm trời. Cho nên, sáu vạch thành một quẻ, hai hình Kiền thì là quẻ Kiền. Kiền tức là trời, chữ "trời" chỉ về hình thể của trời, chữ "kiền" chỉ về tính tình của trời. Kiền nghĩa là mạnh, mạnh mà không nghỉ gọi là Kiền. Ôi! Trời gộp lại, là Đạo, cái mà "trời cũng không thể sai trái" đó vậy; nếu nói tách ra, thì về phần hình thể gọi là Trời, về phần chủ tể gọi là Đế, về phần công dụng gọi là Quỉ thần, về phần diệu dụng gọi là Thần, về phần tính tình gọi là Kiền. Kiền là đầu muôn vật, cho nên là trời, là Dương, là cha, là vua. *Nguyên, hanh, lợi, trinh* là bốn đức tính: *nguyên* là muôn vật bắt đầu, *hanh* là muôn vật lớn lên, *lợi* là muôn vật được thỏa, *trinh* là muôn vật đã thành. Chỉ Kiền và Khôn có bốn đức tính ấy, còn ở Quẻ khác thì nó tùy việc mà thay đổi đi. Cho nên *nguyên* là chuyên làm những điều thiện lớn; *lợi* thì chủ về những sự chính bền; thể của *hanh, trinh,* việc nào xứng với việc ấy. Ý nghĩa của bốn đức tính rộng lớn, lớn thật.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sáu vạch là Quẻ của Phục Hy vạch ra, nét "--" là lẻ, số của khí Dương, chữ Kiền là mạnh, tính của khí Dương. Chữ Kiền, trong bản chú là tên Quẻ ba nét (quẻ đơn) dưới là quẻ trong, trên là quẻ ngoài. Chữ Kiền trong Kinh văn là tên quẻ sáu nét (quẻ kép). Phục Hy ngửa xem, cúi xét, thấy Âm Dương có số lẻ chẵn, cho nên vạch một nét lẻ để hình dung khí Dương, vạch một nét chẵn để hình dung khí Âm; thấy một Âm một Dương lại có cái tượng sinh ra một Âm và một Dương nữa, cho nên từ dưới kể lên, gấp hai lần nữa, mà làm ba nét, cho thành tám Quẻ; thấy tính của khí Dương

thì mạnh, mà thành cái hình lớn nhất là Trời, nên những quẻ có ba nét lẻ, đặt tên là Kiền mà sánh với Trời. Ba nét đủ rồi, tám Quẻ thành rồi, lại gấp thêm ba lần nữa cho thành sáu nét, mà trên tám Quẻ, mỗi Quẻ lại thêm vào tám Quẻ nữa, cho thành sáu mươi tư quẻ.

Quẻ này sáu nét đều lẻ, trên dưới đều Kiền, thì là Dương đến thuần túy, mạnh đến cùng tột, cho nên cái tên là Kiền, cái tượng là trời, đều không thể đổi.

Nguyên, hanh, lợi, trinh là lời của Văn Vương đèo vào, để đoán sự lành dữ của một quẻ, vẫn gọi lời Thoán. *Nguyên* nghĩa là cả, *hanh* nghĩa là thông, *lợi* nghĩa là nên, *trinh* nghĩa là chính đính mà bền vững. Văn Vương cho rằng: Đạo Kiền *cả thông* mà rất *chính đính*, cho ta nên khi bói, hễ được quẻ ấy mà cả sáu hào không biến, thì sự "chiêm" đó sẽ được *cả thông* mà ắt lợi về đường *chính đính bền vững*, mới có thể giữ được trọn vẹn về sau. Đó là một cái tinh ý của thánh nhân sở dĩ làm ra *Kinh Dịch* để dạy người ta bói toán, mà lại có thể "mở mang các vật, làm nên các việc". Quẻ khác cũng theo như thế mà suy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Sách *Liên sơn* của nhà Hạ bắt đầu bằng quẻ Cấn, sách *Qui tàng* của nhà Thương bắt đầu bằng quẻ Khôn, *Kinh Dịch* của vua Văn Vương thì bắt đầu bằng quẻ Kiền. *Kinh Dịch* vì sự nên rõ phận cả (phận vị vua tôi) mà làm ra, xem hình Tiên thiên vẽ ngang, Kiền ở số một mà hình tiên thiên vẽ tròn. Kiền ở mặt trước, thì *Kinh Dịch* của Phục Hy cũng đã thế rồi. Sách *Bản nghĩa* nói rằng: "Nét" - "là lẻ, số của khí Dương", đó là theo Tượng mà nói; "Kiền nghĩa là mạnh; tính của khí Dương" đó là theo Lý mà nói. Trình Tử nói rằng: "Rất nhỏ là lý, rất rõ là Tượng". Chu Tử lại theo Số và Tính mà phát minh thêm. Trong đời Phục Hy, có nét quẻ Kiền, chưa có những chữ *"nguyên, hanh, lợi, trinh"* tưởng rằng lúc ấy người nào xem được quẻ này, theo Tượng của sáu nét kia mà xét cũng đã tự biết có lẽ *"nguyên, hanh, lợi, trinh"* rồi.

Lại rằng: Bốn chữ *"nguyên, hạnh, lợi, trinh"*, các nhà đều giải làm bốn đức tính, riêng sách *Bản nghĩa* cho là lời "chiêm", cho nên bói được quẻ này mà cả sáu hào không biến thì lấy câu đó mà đoán. Xét như trong sách *Khải mông*, thì chẳng những sáu hào không biến, mới đoán như thế, quẻ Kiền biến đi ba hào, hay là ba hào quẻ khác biến sang quẻ Kiền, cũng lấy câu đó mà đoán. *Cả thông* và rất *chính*, ấy là gốc của trời đất. Nhưng *cả thông* mà lại ắt phải *chính bền*, ấy là lẽ đương nhiên của nhân sự. Kiền là quẻ thứ nhất trong *Kinh Dịch*, bói được quẻ ấy tuy là việc vẫn *cả thông*, nhưng nếu mà không *chính*

đính bền vững, thì cũng không thể giữ được trọn vẹn về sau, huống chi quẻ khác. Cho nên lời Thoán trong sáu tư quẻ *Kinh Dịch*, thì ba tư quẻ có nói đến "trinh". Thế thì không *trinh* vẫn không có thể xem bói.

Hồ Song Hồ nói rằng: Sáu mươi tư quẻ đầu là Kiền, thứ hai là Khôn, ấy là theo ngôi trời đất, bày rõ cái phận vua tôi, trên dưới, để làm giềng mối cho đạo người. Nay coi những chữ *"lợi trinh", "an trinh cát"* trong các lời Thoán của hai quẻ Kiền, Khôn có thể thấy rõ cái lòng Văn Vương. Rút lại lời Thoán chỉ là những lời quyết đoán của việc xem bói, phần nhiều cũng theo hình tượng và sự biến đổi của các quẻ đại để đều là nhân lời chiêm để ngụ việc dạy đời. Như nói *"lợi trinh"* không nói *"lợi bất trinh"*, nói *"trinh cát"* không nói *"bất trinh cát"* v.v... Phép của thánh nhân tuy có bốn, giáo của thánh nhân chỉ có một. Một đó là gì? Tức là *"trinh"* vậy.

LỜI KINH

初九:潛龍勿用

Dịch âm. - *Sơ cửu: Tiềm long vật dụng.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Rồng lặn chớ dùng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào dưới là Đầu, Chín là số Dương đã thịnh, cho nên dùng để đặt tên hào Dương. Lý vốn là vật vô hình, nên phải mượn Tượng làm cho rõ nghĩa. Kiền lấy con rồng làm Tượng, rồng là loài vật thiêng liêng biến hóa không thể lường được, cho nên dùng để hình dung sự biến hóa của đạo Kiền, sự tiêu tức của khí Dương và sự tiến lui của thánh nhân. Hào Chín Đầu ở dưới một quẻ, là đầu các vật, khí Dương đương sinh, thánh nhân còn trong hàn vi, cũng như rồng còn lặn hụp, chưa thể tự ra làm việc, phải náu kín để chờ thời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chín Đầu là tên hào Dương ở dưới một quẻ. Phàm lúc vạch ra các quẻ, đều phải từ dưới lên trên, cho nên lấy hào dưới đất làm hào Đầu. Số Dương chín là già, mà bảy là trẻ, già thì biến đổi, trẻ không biến đổi, cho nên mới gọi hào Dương là chín. "Rồng lặn chớ dùng" là lời Chu Công đèo vào, để đoán sự tốt xấu của một quẻ, vẫn gọi nó là lời Hào. Lặn tức là nấp, rồng tức là vật thuộc Dương. Khí Dương đầu tiên còn ở bậc dưới, chưa thể thi thố việc gì, cho nên Tượng nó là con rồng lặn, lời chiêm của nó thì là "chớ dùng". *Phàm gặp quẻ Kiền mà hào này biến, thì xem Tượng đó mà* ngẫm vào lời "chiêm" kia. Các hào theo đó mà suy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: *Kinh Dịch* cũng như cái gương, vật gì đến cũng soi được. Như nói "rồng lặn" chỉ là có cái tượng ấy, tự thiên tử đến thứ nhân, người nào đến cũng "xử" được. Khổng Tử bảo: "có đức con rồng mà còn ẩn nấp, không đổi dời, không nên danh", tức là chỉ thiết vào việc mà nói. Nhưng kẻ biết xem, thì dẫu thuyết của Khổng Tử cũng vẫn linh hoạt, và vẫn không đâu không thông; kẻ không biết xem, thì dù thuyết của Văn Vương Chu Công cũng là lời chết.

Hào Chín Đầu của quẻ Kiền, chỉ là hình tượng "Khí Dương ẩn nấp", và lời Chiêm "chưa thể phát dụng" mà thôi. Nếu như để ngay một người "không đổi dời", không nên danh, ẩn mà chưa hiện, làm mà chưa nên" ngồi vào trong đó, thì là lời chết mất rồi. Bằng như hiểu được bản ý quẻ này, dù gặp thời ấy, ở ngôi ấy, làm người ấy, cũng không hại gì.

LỜI KINH

九二:見龍在田,利見大人

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai; Rồng hiện ở ruộng, lợi về sự thấy người lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ruộng là lớp trên mặt đất, xuất hiện ở trên mặt đất, thì tức đã tỏ, lợi về sự được thấy ông vua có đức lớn để thi hành đạo thuật của mình; ông vua chúa cũng lợi về sự được thấy bề tôi có đức lớn để làm thành công nghiệp của mình; người trong thiên hạ thì lợi về sự thấy người đức lớn, để gội ơn huệ của họ. Ông vua đức lớn tức Hào Chín năm. Kiền Khôn là quẻ thuần túy, không phân biệt cứng mềm, mà lấy cái đức giống nhau để ứng với nhau[1].

---

[1] Chỗ này Chu Hy bảo rằng: Tất cả sáu hào, không cần nói cách hạn định. Và như "Rồng lặn chớ dùng", kẻ thứ nhân được hào đó thì nên đừng làm việc gì, ông vua được hào đó thì nên lui tránh; "Rồng hiện ở ruộng" thứ nhân được hào đó cũng có thể làm việc; "Lợi về sự thấy người lớn" cũng như ngày nay người ta nói rằng: "nên gặp quý nhân" v. v... Kinh Dịch không phải là vật hạn định. Y xuyên đã từng tự nói rằng: "Nếu mỗi hào chỉ nhằm một việc, thì ba trăm tám mươi tư hào đương được ba trăm tám mươi tư việc mà thôi". Nói vậy rất hay, không biết làm sao đến đây lại giải như thế?

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Hai" là kể từ dưới lên, nhằm hào thứ hai, sau đây theo đó mà suy. Hào Chín Hai này cứng mạnh trung chính[1], ra khỏi chỗ lặn, lìa khỏi chỗ ẩn, ơn huệ lan tới người ta, người ta được thấy là lợi. Cho nên tượng nó là con rồng hiện ở ruộng, lời chiêm của nó thì là lợi về sự thấy người lớn. Hào Chín Hai tuy chưa được ngôi[2] mà cái đức của người lớn đã tỏ, người thường không thể đương nổi, cho nên khi bói gặp hào này biến, chỉ là lợi về sự thấy người ấy. Nghĩa là cũng chỉ vào hạng người lớn ở ngôi dưới vậy. Đó là dùng hào và lời chiêm cùng làm chủ khách của nhau, ấy là một cái lệ riêng.

Nếu mà có đức "rồng hiện" thì là lợi về sự thấy người lớn ở hào Chín Năm trên đó.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Trong quẻ Kiền, hào khác, kẻ xem có thể coi là chính mình, riêng hào Chín Hai và hào Chín Năm thì không thể cho là nói về mình. Hai câu "lợi về sự thấy người lớn"[3] trước giờ người ta đều giải không thông. Hào Chín Hai có hình bóng gì? Sao lại bắt thấy người lớn? Xét ra, hễ xem được hai hào ấy thì có thể thấy người lớn. Người lớn không cần chỉ về vua chúa, kẻ xem không đương nổi rồng hiện rồng bay, thì kẻ xem là khách, lợi về sự thấy người lớn ấy. Người lớn tức là rồng hiện, rồng bay, người có đức của hào Chín Hai và hào Chín Năm vậy. Còn chữ rồng lặn[4] và chữ quân tử[5] thì kẻ xem tự mình đương lấy.

LỜI KINH

九三:君子終日乾乾,夕惕若,厲!無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Quân tử chung nhật kiền kiền, tịch Dịch nhược! Lệ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Đấng quân tử trọn ngày săng sắc[6], tối dương rùng rợn. Nguy! Không lỗi.

[1] Bởi vì hào này ở giữa quẻ dưới, cho nên gọi là trung chính.
[2] Tức là được ngôi hiển đạt quyền thế, chỉ về hào Chín Năm.
[3] Câu này ở hào Chín Hai và hào Chín Năm dưới đây đều có.
[4] Chữ "rồng lặn" trong hào Chín Đầu.
[5] Chữ quân tử trong hào Chín Ba.
[6] Săng sắc cũng như những tiếng "cần cật", "kiến kiệt", nghĩa là làm việc luôn không nghỉ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba tuy là ngôi của người[1] nhưng đã ở trên thể dưới[2], chưa lìa khỏi bậc dưới mà được tôn hiển... Suốt ngày đến tối, không dám trễ nải mà vẫn nơm nớp lo sợ, thì dù ở chỗ hiểm nghèo cũng không có lỗi. Kẻ ở ngôi dưới mà đức làm vua đã rõ[3], thiên hạ sắp sửa theo về, đủ thấy là đáng lo sợ. Tuy là nói về việc thánh nhân, nhưng nếu không đặt ra ý răn dỗ, thì còn lấy gì làm sự dạy người? Đó là cái nghĩa làm ra *Kinh Dịch*.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chín là hào Dương, Ba là ngôi Dương, đã hai lần cứng[4], lại không chính giữa, ở trên bậc dưới, ấy là chỗ hiểm nghèo. Nhưng tính nó cứng mạnh, có cái hình tượng có thể săng sắc sợ gắng, cho nên lời chiêm của nó như thế. Chữ quân tử chỉ về kẻ xem. Ý nói: nếu biết lo sợ như thế thì dù ở chỗ hiểm nghèo cũng không có lỗi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Hỏi rằng: Hào Chín Ba không nói tượng là cớ làm sao? Đáp rằng: Chín Ba là hào Dương, tính cứng không được chính nghĩa, ở trên bậc dưới, có cái hình tượng sức mạnh nhọc khổ, không thể nói bằng con rồng, cho nên chỉ nói săng sắc, rùng rợn. Nghĩa là nó có hình tượng săng sắc sợ gắng vậy.

Họ Vương nói rằng: Phàm nói không lỗi, đều là đáng lẽ có lỗi, xử được phải cách thì không có lỗi.

LỜI KINH

九四:或躍在淵,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Hoặc dược tại uyên, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Hoặc nhảy ở vực, không lỗi.

---

[1] Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Đầu hào Hai là ngôi của đất, cho nên ở hào Hai nói rằng: "Ở ruộng"; hào Trên hào Năm là ngôi của trời, cho nên ở hào Năm nói rằng "ở trời"; hào Ba hào Tư là ngôi của người, cho nên ở hào Ba không nói rồng mà nói quân tử. Vậy thì chữ "ngôi của người" tức là ngôi của loài người, đối với ngôi của trời và ngôi của đất.

[2] Tức là quẻ dưới.

[3] Chỗ này Chu Hy bác rằng: Trình Tử bảo "người ở ngôi dưới mà đức làm vua đã tỏ" cũng là câu chấp. Phải biết đây là nói suốt cả người trên người dưới, vua có chỗ dùng của vua, tôi có chỗ dùng của tội, cha có chỗ dùng của cha, con có chỗ dùng của con, các sự vật đều thế. Nếu như lời của Trình Tử, thì trong khoảng hàng nghìn trăm năm, chỉ có vua Thuấn vua Võ dùng được hào này.

[4] *Tính cứng thuộc về Dương. Dương là biểu hiện của sự cứng mạnh. Hào này là hào* Dương, lại ở ngôi lẻ, cho nên gọi "hai lần cứng"

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Vực* là chỗ của rồng ở. *Hoặc* là tiếng còn nghi ngờ, nghĩa là không hẳn. Nhảy hay không nhảy, chỉ cốt kịp thời để tới chỗ yên ổn. Thánh nhân hành động, không việc gì mà không phải thời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Hoặc* là tiếng nghi ngờ chưa định hẳn; *nhảy* là không bám vào đâu mà tuyệt hẳn với đất, có điều chưa bay mà thôi; *vực* là nơi trên trống dưới rỗng, sâu tối khôn lường. Con rồng ở đó dường như thấp hơn ở ruộng, nhưng nếu nhảy mà vượt dậy, thì là ngảnh lên trời rồi. Chín là hào Dương, thứ Tư[1] là ngôi Âm, ở dưới quẻ trên, tức là giữa lúc thay đổi, giữa khi tiến lui chưa định, cho nên *tượng* nó như thế, mà *Chiêm* của nó thì là tùy thời tiến lui sẽ không có lỗi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Dịch Sơn Trai nói rằng: Hào Chín Tư đã lìa khỏi thể dưới, cho nên gọi là *nhảy*, nhưng còn ở dưới thể trên, cho nên nói là ở *vực*. Vực thấp hơn ruộng, ruộng là đất bằng, vực thì trống cả trên dưới. Hào Hai nói ở ruộng, hào này lại nói ở vực, là vì vực là chỗ ở của rồng, không thể ví như ở ruộng, ở ruộng thì không thể biến hóa mà ở vực thì có cách biến hóa.

Khâu Kiến An nói rằng: Chín là Dương, Dương là động, cho nên nói nhảy, Thứ Tư là Âm, Âm thì trống không, cho nên nói là ở vực. Hoặc là hãy còn nghi ngờ. Tiến lên thì nhảy, lui xuống thì ở trong vực, xuất xử như thế, có thể không có lỗi.

LỜI KINH

九五:飛龍在天,利見大人.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Rồng bay ở trời, lợi về sự thấy người lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là tiến lên ngôi trời, Thánh nhân đã được ngôi trời, thì lợi về sự thấy người đức lớn ở dưới, để cùng mình làm việc trong thiên hạ, thiên hạ cũng lợi về sự được thấy ông vua đức lớn[2].

---

[1] Vì là ngôi chẵn. Số chẵn thì thuộc Âm.

[2] Chỗ này Chu Hy bảo rằng: Hai câu *"Rồng bay ở trời, lợi về sự thấy người lớn"*, trong thiên Văn ngôn đã thích rõ ràng: "cùng tiếng ứng nhau, cùng khí tìm nhau, nước

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này cứng mạnh, trung chính ở ngôi cao, giống như lấy đức thánh nhân ở ngôi thánh nhân, cho nên *Tượng* nó như thế mà *Chiêm* thì cũng như hào Chín Hai, có điều cái người hào này thấy mà được lợi là hạng người lớn ở trên mà thôi. Nếu như có cái ngôi ấy thì người "thấy mà được lợi" lại là hạng người lớn ở dưới của hào Chín Hai.

Lời bàn của Tiên Nho. - Dương Thành Trai nói rằng: Chín là đức của trời, là tượng con rồng; Năm là ngôi trời, tức là cái tượng bay mà ở trời.

LỜI KINH

上九:亢龍有悔

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Kháng long hữu hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Rồng quá cực có ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chín Năm là ngôi cùng tột, trung chính là sự đắc thời cùng tột, quá đó thì là quá cực. Hào Chín Trên tới chỗ quá cực, cho nên có sự ăn năn. Có lỗi thì có ăn năn, chỉ có thánh nhân biết lẽ tiến, lui, còn, mất mà không có lỗi, cho nên không đến ăn năn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trên là tên một hào trên cùng. Quá cực là ý lên quá mà không thể xuống. Khí Dương đã cùng cực ở trên, hễ hơi động cựa thì nó sẽ có sự ăn năn, cho nên Tượng nó như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Bồ Dương nói rằng: Đạo của trời đất, lấy sáu khí Dương lần lượt đi lại, sinh ra và làm thành muôn vật mà không cùng tận. Khí Dương đến đây cực thịnh, khí Âm sắp sửa sinh ra mà xô đẩy đi, nếu không trở lui xuống dưới để theo sự biến, thì là quá cực, không phải là lối "lâu mà không cùng".

Họ Lý nói rằng: Kiền là vật thuộc về Dương, tiêu, tức, đầy vơi có thời, rồng là loài thuộc về Dương, lặn, hiện, nhảy, bay cũng có thời; thánh nhân có đức của loài rồng, lên, xuống, tiến, lui cũng có thời. Thứ tự các hào có thể thấy rõ.

---

chảy chỗ ướt, lửa tới chỗ khô, mây theo rồng, gió theo hổ, thánh nhân dấy lên mà muôn vật cùng thấy", ấy là rành rành cho thánh nhân là rồng, dùng chữ "dấy lên" để thích chữ "bay" lấy chữ "muôn vật cùng thấy" giải câu "lợi về sự thấy bậc người lớn" chỉ là thiên hạ lợi về sự được thấy ông vua đức lớn. Ngày nay người ta lại làm ra một thuyết khác, e rằng không phải ý của thánh nhân.

LỜI KINH

用九:見群龍無首,吉.

Dịch âm. - *Dụng Cửu: Kiền quần long vô thủ, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào dùng Chín: Thấy đàn rồng không đầu, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Dùng Chín là cách ở chỗ Kiền cứng. Là hào Dương, ở thể Kiền, ấy là thuần những tính cứng. Cứng mềm giúp đỡ lẫn nhau mới là vừa phải, đây là thuần những tính cứng, tức là quá cứng. Thấy đàn rồng tức là xem các hào Dương, không làm đầu thì tốt. Đem tính cứng làm kẻ đi trước thiên hạ là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dùng Chín mà nói phép bói toán được hào Dương đều dùng số chín không dùng số bảy. Đó là thông lệ của một trăm chín mươi hai hào trong các quẻ, vì quẻ này thuần là Dương mà ở ngay đầu cho nên phát ra ở đấy. Thánh nhân nhân thể đèo thêm lời vào, khiến cho những người bói được quẻ này mà sáu hào đều biến thì cứ theo đó mà đoán. Vì sáu hào Dương đều biến, thì là cứng mà biến mềm, ấy là cách tốt, cho nên mới là Tượng "đàn rồng không đầu", mà *Chiêm* là "như thế thì tốt".

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi rằng: Hai quẻ Kiền Khôn riêng nói Dùng Chín, Dùng Sáu là sao? Chu Hy đáp rằng: Hai quẻ ấy thuần Dương thuận Âm mà lại ở đầu các quẻ, cho nên đặt ra một lẽ ở đây. Phàm phép xem bói đều dùng hào biến mà xem. Cho nên hễ xem được hào Dương, đều dùng số Chín không dùng số Bảy, xem được hào đều dùng số Sáu mà không dùng số Tám. Bởi vì số Bảy là Dương trẻ, số Chín là Dương già, số Sáu là Âm già, số Tám là Âm trẻ, già biến đổi mà trẻ thì không biến đổi. Phàm việc xem bói, dùng số Chín, dùng số Sáu là dùng hào *biến* mà xem. Gặp quẻ Kiền mà sáu hào đều *biến,* là Âm, gặp quẻ Khôn mà sáu hào đều *biến,* là Dương.

Hồ Quảng nói rằng: Lời hào tuy để phát minh về lý của quẻ thật ra chỉ để dùng về bói toán, cho nên dùng số Chín và số Sáu mà đặt tên hào, là cốt lấy ở chỗ dùng của nó. Lời hào động thì dùng, không động thì không dùng, lời quẻ bất luận động hay không động đều dùng, có điều không động thì xem bằng lời Thoán của quẻ *gốc,* mà động thì phải hợp cả lời Thoán của quẻ *gốc* quẻ *biến* mà xem. Ví như sáu hào quẻ Kiền biến cả thì hóa ra quẻ Khôn, sáu hào quẻ Khôn biến cả thì hóa ra quẻ Kiền. Thuyết của Tiên Nho cho là biến cả thì bỏ quẻ *gốc* xem quẻ *biến;* nhưng Kiền, Khôn là nghĩa lớn của trời đất, quẻ Kiền

biến sang quẻ Khôn, chưa thể dùng toàn lời của quẻ Khôn; quẻ Khôn tuy biến sang quẻ Kiền, chưa thể dùng toàn lời của quẻ Kiền, cho nên dựng riêng ra hào. Dùng Chín, Dùng Sáu để làm phép chiêm khi hai quẻ ấy *biến* cả. Thuyết đó cũng phải. Lấy lý mà xét, thì phàm các quẻ, tuy là *biến* cả cũng không có lẽ bỏ hẳn quẻ *gốc* mà không xem, chẳng riêng hai quẻ Kiền Khôn như thế. Cho nên hợp quẻ *gốc* quẻ *biến* mà xem thì phải. Như thế quẻ Kiền biến sang quẻ Khôn thì xem cả lời quẻ Kiền và lời quẻ Khôn, quẻ Khôn biến sang quẻ Kiền thì xem cả lời quẻ Khôn và lời quẻ Kiền. Có điều từ quẻ Kiền biến sang quẻ Khôn thì là cái nghĩa "Dương gốc ở Âm", từ quẻ Khôn biến sang quẻ Kiền; thì là cái nghĩa "mạnh mà thể thuận". Hợp xem lời quẻ, nên biết ý đó, cho nên lời Dùng Chín Dùng Sáu để phát ra.

LỜI KINH

彖曰:大哉乾元,萬物資始,乃統天.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đại tai Kiền nguyên, vạn vật tư thủy, nãi thống thiên.*

Dịch nghĩa. - Thoán truyện nói rằng: Lớn thay cái đức đầu cả của Kiền, muôn vật nhờ đó khởi đầu, bèn tóm việc trời.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thoán là lời của Văn Vương đèo vào. Truyện là lời của Khổng Tử dùng để thích nghĩa *Kinh Dịch.* Sau đây chỗ nào nói truyện, đều thế. Đây chuyên dùng đạo trời để tỏ nghĩa quẻ Kiền, lại chia *nguyên, hanh, lợi, trinh* làm bốn đức tính để nói rõ ra, mà một tiết này bắt đầu thích nghĩa chữ "nguyên" vậy. "Lớn thay" là lời than thở, "nguyên" là cả lớn, là mới đầu, "kiền nguyên" là phần cả lớn mới đầu trong đức tính của trời, cho nên muôn vật sinh ra đều phải nhờ nó làm khởi đầu. Nó lại là đầu của bốn đức tính mà thông suốt cả đầu chót đức tính của trời, cho nên nói là "tóm việc trời".

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Kiền nguyên chỉ là đức tính của trời, không phải hai việc hay hai vật. Cũng như tinh thần người ta, há có thể nói người là người, tinh thần là tinh thần?

Hồ Song Hồ nói rằng: Thoán truyện là của Khổng Tử tán tụng lời quẻ của Văn Vương, nhưng chỉ tự tỏ ý mình để giải quẻ của Phục Hy, không phải hết thảy giống như Văn Vương. Như lời quẻ Kiền, Văn Vương chỉ là lời chiêm, Khổng Tử lại cho là bốn đức tính, và ở trong đó nhiều chỗ nói về quẻ biến, quẻ này từ quẻ kia sang, đều tự Khổng

Tử phát minh, Văn Vương gián hoặc cũng có, nhưng không nhiều bằng Khổng Tử.

Lan Đình Thụy nói rằng: Kiền, nguyên là khí nhất nguyên trong phần Dương của trời, cũng như người ta có nguyên khí vậy. Nhiều người chỉ biết muôn vật sinh ra ở đất, mà không biết rằng trời đã lấy khí Kiền nguyên làm cuộc khởi đầu cho nó, cũng như người ta sinh ra ở mẹ, mà không biết rằng đã nhờ khởi đầu ở nguyên khí của cha. Khởi đầu từ trước khi chưa sinh, sinh ra nhằm sau khi có cuộc khởi đầu.

LỜI KINH

雲行雨施,品物流形

Dịch âm. - *Vân hành vũ thí, phẩm vật lưu hình.*

Dịch nghĩa. - Mây đi mưa tới, sắp đặt các vật, lưu chuyển các hình.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích đức "hanh" của Kiền.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trình Di nói rằng: Mây đi mưa tưới, là chỗ hanh thông của Kiền.

Dương Thành Trai nói rằng: Thoán truyện nói *nguyên lợi trinh* mà không nói *hanh*, là vì mây đi mưa tưới là cái hanh của phần khí, sắp đặt các vật, lưu chuyển các hình, tức là cái hanh của phần hình rồi.

LỜI KINH

大明終始,六位時成,時乘六龍以御天

Dịch âm. - *Đại minh chung thủy, lục vụ thì thành, thì thừa lục long dĩ ngự thiên.*

Dịch nghĩa. - Cả rõ chót đầu, sáu ngôi nhằm thì mà nên, luôn luôn cưỡi sáu con rồng để ngự đường trời.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đầu tức là *nguyên,* chót tức là *trinh.* Không có chót thì không có đầu, chẳng *trinh* thì chẳng có gì làm *nguyên.* Đây nói thánh nhân làm cho thật tỏ tất cả phần đầu chót của đạo Kiền, thì thấy sáu ngôi trong quẻ, đều cứ theo thì mà nên, và cưỡi

sáu hào Dương đó để đi đường trời, ấy là *nguyên hanh* của thánh nhân.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Trong bốn đức tính của Kiền, *nguyên* quan trọng nhất, thứ nữa đến *trinh* cũng quan trọng. Không có *nguyên* thì không có gì để sinh, không có *trinh* thì không có gì làm chót, không có chót thì không có gì làm đầu, không có đầu thì không thành chót, xoay quanh không bao giờ cùng. Thế là "cả rõ đầu chót".

Lại rằng: Đầu chót tức là bốn đức tính, đầu là *nguyên* mà chót là *trinh*. Bởi vì không có *chót* thì không lấy gì làm đầu, không có *trinh* thì không lấy gì làm *nguyên,* ngôi của sáu hào do đó mà lập nên. "Theo thì mà nên" nghĩa là hào nào hào nấy đều theo thì vận mà thành ra, ví như *lặn, hiện, bay, nhảy* đều theo từng thì, nhưng đều là cuộc lưu hành của bốn đức tính. Hào Chín Đầu và nửa hào Chín Hai là *nguyên*: nửa hào Chín Hai và nửa hào Chín Ba là *hanh;* hào Chín Tư và nửa hào Chín Năm là *lợi;* nửa hào Chín trên là *trinh.* Đó là thánh nhân làm chỗ thật tỏ phần đầu phần chót của đạo Kiền, cho nên được thấy sáu ngôi đều theo thì vận mà thành ra, nhân cái thì vận của sáu hào để đương vào với vận trời, mà bốn đức tính vì vậy mới cuối chót rồi lại bắt đầu, ứng biến không bao giờ cùng.

Lại rằng: Trời với người chỉ có một lẽ, sự hành động của người là vận của trời. Nếu theo ý riêng của mình mà hành động, thì là "người" rồi không phải "trời" nữa. Chỉ có *lặn, hiện, bay, nhảy,* đều nhằm thì vận, thì là lấy "người" mà đương với "trời".

LỜI KINH

乾道變化,各正性命,保合太和,乃利貞.

Dịch âm. - *Kiền đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bao hợp thái hòa, nãi lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Đạo Kiền biến hóa, vật nào được đúng tính mệnh của vật ấy, giữ hợp được khí thái hòa, mới hay tốt và chính bền.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Biến là hóa dần dần, hóa là biến đã thành. Cái của các vật bẩm thụ là tính, cái của trời phù cho là mệnh. Thái hòa tức là khí dung hòa do Âm Dương hội họp mà ra. "Các chính" nghĩa là nhận được từ khi mới sinh, "bảo hợp" thì là giữ được trọn vẹn sau khi đã sinh. Đây nói đạo Kiền biến hóa, không gì không lợi, mà trong muôn vật, vật nào nhận đúng tính mệnh của vật ấy để tự toàn. Đó là thích nghĩa hai chữ "lợi trinh".

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Đạo Kiền biến hóa, vật nào được tính mệnh của vật ấy, chỉ là một cái lý. Lý đó chộn rộn ở khắp các chỗ. Ví như hạt thóc mọc thành cây lúa, lúa nảy ra hoa, hoa kết thành quả, lại là hạt thóc, trở lại hình cũ của nó. Một gié lúa có trăm hạt thóc, hạt nào cùng hoàn toàn; đem trăm hạt đó mà gieo, mỗi hạt lại thành trăm hạt; lúc đầu chỉ là một hạt chia ra. Vật nào có lý của vật ấy, tóm lại vẫn chỉ là một cái lý.

LỜI KINH

首出庶物, 萬國咸寧

Dịch âm. - *Thủ xuất thứ vật, vạn quốc hàm ninh.*

Dịch nghĩa. - Vượt đầu mọi vật, muôn nước đều yên.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thánh nhân ở trên vượt cao hơn hết mọi vật, cũng như đạo Kiền biến hóa, khắp trong muôn nước, nước nào được nơi chốn của nước ấy mà đều yên ổn, cũng như các vật đều được tính mệnh của nó mà giữ trọn khí Thái hòa. Đây là nói về *lợi trinh* của thánh nhân.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trình Di nói rằng: Lời ở dưới quẻ là Thoán. Phu Tử theo đó mà thích, cũng gọi là Thoán[1]. Thoán là nói về nghĩa một quẻ, cho nên "bậc trí giả cứ xem lời Thoán thì đã nghĩ được quá nửa. "Lớn thay Kiền nguyên" là khen sự lớn lao trong việc khởi đầu muôn vật của đạo Kiền. "Nguyên" trong bốn đức tính cũng như "nhân" trong năm đạo thường, nói riêng thì là một việc, nói rộng thì nó bao hàm tất cả bốn thứ. "Muôn vật nhờ nó khởi đầu, bèn tóm việc trời" là nói về "nguyên". Hai chữ "Kiền nguyên" là nói gồm cả đạo trời. Đạo trời khởi đầu muôn vật, muôn vật nhờ sự khởi đầu của trời. "Mây đi mưa tưới, sắp đặt các vật, lưu chuyển các hình" là nói về "hanh", nghĩa là đạo trời vận hành, sinh nuôi tất cả các vật. Làm cho cả rõ đầu chót của đạo trời, thì thấy sáu ngôi trong quẻ đều theo thì vận của nó mà thành. Đầu chót của quẻ, tức là đầu chót của đạo trời. Nhân thì vận của sáu hào ấy, tức là thì vận của trời. "Để ngự đường trời" tức là để đương vào đạo trời. Đạo Kiền biến hóa sinh nuôi muôn vật, lớn nhỏ cao thấp, vật nào theo loài vật ấy, đó là "đều được tính mệnh"; cái của trời cho là mệnh, cái của các vật nhận được là tính. "Giữ hợp khí Thái hòa bèn lợi trinh": giữ là làm cho còn luôn, hợp là

[1] Đây là Trình Di hạn góp từ chữ "Thoán viết" trở xuống.

làm cho hòa luôn, vừa giữ vừa hợp được khí Thái hòa, cho nên mới *lợi* và *trinh*. Đạo của trời đất thường lâu không thôi, đó là giữ và hợp khí Thái hòa. Trời là tổ muôn vật, vua là tông muôn nước, đạo trời vượt đầu các vật mà muôn vừng hanh thông, đạo vua ở trên ngôi trời, mà bốn biển phải theo, đấng vương giả thể theo trời, thì mỗi nước đều yên.

Chu Hy nói rằng: Nguyên là loài vật mới sinh, hanh là loài vật tươi tốt, lợi là nói sắp sửa có quả trinh là quả đã thành rồi, quả đã thành rồi cuống nó rời rụng, có thể lại trồng cho mọc. Bốn đức tính sở dĩ xoay như vòng tròn mà không có đầu cũng giống như thế. Nhưng mà trong bốn thứ đó, sinh khí vẫn thương lưu hành, không bị gián đoạn chỗ nào. Bởi vậy đức "nguyên" mới bao hàm tất cả mấy thứ mà tóm đạo trời. Nay lấy thánh nhân mà nói thì ý Khổng Tử cho rằng: Quẻ này tức là lời chiêm của vị thánh nhân được ngôi trời, thực hiện đạo trời mà đem đến một cuộc thái bình. Tuy là văn nghĩa không giống cái cũ của Văn Vương, nhưng kẻ đọc, ai nấy lấy ý mà tìm, thì lời Khổng Tử và lời Văn Vương vẫn đi với nhau mà không trái nhau. Quẻ Khôn cũng vậy.

LỜI KINH

象曰:天行健,君子以自強不息.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trời đi mạnh, quân tử coi đó tự cường không nghỉ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Tượng ở dưới quẻ giải về tượng của một quẻ, lời Tượng ở dưới hào giải về tượng của một hào. Các quẻ đều lấy hình tượng làm phép, đạo Kiền là cái hình tượng che chở chăn nuôi rất lớn, phi thánh nhân không thể *thể theo.* Vì muốn mọi người có thể bắt chước, cho nên chỉ lấy cái tính "đi mạnh" mà thôi. Vả, hai chữ "rất mạnh" cũng đủ để thấy đạo trời. "Quân tử coi đó tự cường không nghỉ" ấy là bắt chước sự đi mạnh của trời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tượng đây là lời Chu Công đèo vào dưới hai hình tượng trên dưới của quẻ và sáu hào của hai tượng đó.

Trời là hình tượng của quẻ Kiền. Phàm những quẻ trùng[1] đều theo nghĩa trùng, riêng về quẻ này không thế, là vì trời chỉ có một mà thôi. Chỉ nói trời đi, thì thấy ngày nay một vòng, ngày mai lại một vòng, giống như hình tượng trùng phúc, phi có một sức rất mạnh, không thể như thế. Quân tử bắt chước chỗ đó không thể nhân dục hại đến sự cứng mạnh của đức trời thì phải tự cường không thôi.

LỜI KINH

潛龍勿用,陽在下也.

Dịch âm. - *Tiềm long vật dụng, Dương tại hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng lặn chớ dùng, Dương ở dưới vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khí Dương ở dưới, quân tử ở cảnh hàn vi, chưa thể làm việc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Dương* chỉ về hào Chín, *dưới* chỉ về sự lặn".

LỜI KINH

見龍在田,德普施也.

Dịch âm. - *Hiện long tại điền, đức phổ thí dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng hiện ở ruộng, đức lan rộng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hiện ở trên đất, tức là đức hóa lan tới các vật, sự thi ơn đã rộng.

Lời bàn của Đổng Bàn Giản - Hào Chính Hai hãy còn ở dưới mà lại nói "đức lan rộng" là vì: cũng như mặt trời đương lên, tuy là chưa tới giữa trời, nhưng mà ánh sáng của nó không đâu không tới.

LỜI KINH

終日乾乾,反復道也.

Dịch âm. - *Chung nhật kiền kiền, phản phục đạo dã.*

---

[1] Hai quẻ giống nhau làm thành một quẻ, như Kiền Khôn v.v... là trùng.

Dịch nghĩa. - Suốt ngày săng sắc, trở đi trở lại với đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là tiến, lui, động, nghỉ, phải nhằm với đạo.

Lời bàn của Du Quảng Bình. - Thích về cái lúc "trọn ngày săng sắc làm việc" mà lại nói: "trở đi trở lại với đạo" là sao? Là vì quân tử làm việc tuy là kiền kiệt đau đáu, nhưng mà cái lẽ giản dị vẫn không phút chốc xa rời, chẳng qua làm việc một cách vô sự mà thôi. Hào Chín Ba ở trên thể dưới, sắp lìa khỏi "người" mà đến "trời", cho nên có hình tượng "trở đi trở lại với đạo".

LỜI KINH

或躍在淵,進無咎也.

Dịch âm. - *Hoặc dược tại yên, tiến vô cửu dã.*

Dịch nghĩa. - Hoặc nhảy ở vực, tiến lên không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cân nhắc thấy có thể tiến mà tiến, tiến được nhằm thì, thì không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Có thể tiến mà thôi, bất tất phải tiến.

LỜI KINH

飛龍在天,大人造也.

Dịch âm. - *Long phi tại thiên, đại nhân tạo dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng bay ở trời, việc người lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc của người lớn, tức là việc của thánh nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tạo 造 nghĩa là làm

LỜI KINH

亢龍有悔,盈不可久也.

Dịch âm. - *Kháng long hữu hối, doanh bất khả cửu dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng quá cực có ăn năn, sự đầy đủ không thể lâu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây thì biến đổi, đó là có ăn năn.

Lời bàn của Từ Tiến Trai. - "Đây" là Dương đã quá cực, "không thể lâu dài" là Âm đã sinh ra. Dùng chữ "đây" để thích chữ "quá cực" dùng chữ "không thể lâu" để thích chữ "có ăn năn". Người ta biết là không thể lâu mà đề phòng từ khi còn chưa *quá cực, sẽ không ăn năn.*

LỜI KINH

用九,天德不可為首也.

Dịch âm. - *Dụng cửu, thiên đức bất khả vi thủ dã*[1].

Dịch nghĩa. - Dùng Chín: Đức trời không làm đầu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dùng Chín tức là đức trời. Đức trời vốn là Dương cương, nếu lại dùng sự cương cường mà thích đi trước người ta, thì là quá quất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây nói Dương cương không thể làm đầu người ta, cho nên sáu hào biến cả thì tốt.

LỜI KINH

文言曰:元者善之張也,亨者嘉之會也,
利者義之和也,貞者事之乾也.

Dịch âm. - *Văn ngôn viết: Nguyên giả thiện chi trưởng dã, hanh giả gia chi hội dã, lợi giả nghĩa chi hòa dã, trinh giả sự chi cán dã.*

Dịch nghĩa. - Văn ngôn nói rằng: Nguyên là trưởng của điều thiện, hanh là sự tốt tụ họp, lợi là điều nghĩa hòa hợp, trinh là gốc của việc.

---

[1] Từ đây trở lên đến chữ "Tượng viết" 象曰 thuộc về Tượng truyện. Trong đó từ chữ "thiên hành kiện" 天行健 trở xuống Tiên nho gọi là Đại tượng, thích dùng tất cả quẻ Kiền; từ chữ "Tiềm long vật dụng" 潛龍勿用 trở xuống. Tiên nho gọi là Tiểu tượng, thích riêng từng hào. Các quẻ sau đây theo đó mà suy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các quẻ khác chỉ có lời Thoán là Tượng mà thôi, riêng về quẻ Kiền quẻ Khôn lại đặt ra bài văn ngôn, để nói cho rõ nghĩa thêm, và để suy rộng đạo Kiền, đem ra mà làm việc người. Bốn đức *nguyên, hanh, lợi, trinh* của Kiền, loài người thì *nguyên* là đầu của các điều thiện, *hanh* là cuộc tụ họp của các sự đẹp, *lợi* là hòa hợp về nghĩa, *trinh* là chỗ dùng làm việc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thiên này nói lại ý của Thoán truyện, Tượng truyện, cho hết dư uẩn của hai quẻ Kiền Khôn, mà thuyết của các quẻ khác có thể theo đó mà suy.

Nguyên là khởi đầu của sinh vật, đức của trời đất, không có cái gì trước nó, ở bốn mùa là Xuân, ở người ta là nhân mà là trùm trưởng của các điều thiện. *Hanh* là sự thông đạt của các sinh vật, các vật tới đó, vật nào cũng tốt, cho nên về bốn mùa là Hạ, ở người ta la lễ, mà là cuộc tụ hội của các điều hay. *Lợi* là sự thỏa thuê của các sinh vật, vật nào được cái sở nghi của vật ấy, cho nên ở bốn mùa là Thu, ở người ta là nghĩa mà được sự hòa hợp của từng phần. *Trinh* là sự thành công của sinh vật, thực lý đầy đặn, đâu đó đều đủ cho nên ở bốn mùa là Đông, ở người ta là trí, và là gốc của các sự việc; gốc là thân của loài cây, cành lá đều tựa vào đó mà đứng.

LỜI KINH

君子體人足以長人,嘉會足以合禮,
利物足以和義,貞固足以干事,
君子行此四德也,故曰:乾元亨利貞.

Dịch âm. - *Quân tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hòa nghĩa, trinh cố túc dĩ cán sự. Quân tử hành thử tứ đức giả, cố viết: Kiền nguyên hanh lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Đấng quân tử thể theo điều nhân đủ để làm trùm người ta; tốt sự hội họp đủ để hợp lễ; làm lợi kẻ khác đủ để hòa hợp điều nghĩa; chính đính vững bền đủ làm gốc các việc. Đấng quân tử thực hành bốn đức ấy, cho nên nói rằng: *"Kiền nguyên hanh lợi trinh"*.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bắt chước điều nhân của Kiền, là đạo của đấng quân trưởng, đủ để làm trùm người ta; thể theo điều nhân

tức là thể theo đức *nguyên;* so sánh mà bắt chước nó, gọi là "thể". Được sự hội thông tốt đẹp, mới hợp lễ thì không phải lý, há được là tốt? Không phải lý đâu có hanh thông? Hòa với nghĩa thì mới có thể làm lợi kẻ khác. Vì có chính đính vững bền, cho nên mới làm được việc. Thực hành bốn đức tính ấy mới hợp với quẻ Kiền.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy điều nhân là thể, thì không một vật nào mà không ở trong yêu thương, cho nên có thể làm trùm người ta. Tốt sự hội họp thì không điều gì mà không hợp lễ. Khiến cho các vật đều được cái lợi của nó, thì nghĩa còn gì không hòa? Chính bền nghĩa là biết được sự chính đính ở đâu mà giữ cho vững, như nói: "biết mà không bỏ vậy", cho nên đủ làm gốc của các việc. Không phải là bậc quân tử rất mạnh, không thể thực hành được các điều ấy, cho nên nói là *"Kiền nguyên hanh lợi trinh".*

Tiết này nói lại ý của Thoán truyện, lời lẽ không khác những câu Mục Khương đã nói trong truyện *Xuân thu.* Ngờ rằng đời xưa có mấy câu đó, Mục Khương nhắc lại, mà đức Phu Tử cũng lấy vào đấy, cho nên chương dưới mới đặt hai chữ "Tử viết" 子曰 để nêu cho rõ lời của Khổng Tử. Đó là kẻ chép Thoán truyện muốn tỏ chương này là lời cổ vậy.

LỜI KINH

初九曰:潛龍勿用,何謂也?
子曰:龍德而隱者也,不易乎世,不成乎名,遯世無悶,不見是而無悶,樂則性之,憂則違,確乎其不可拔,潛龍也.

Dịch âm. - *Sơ cửu viết: Tiềm long vật dụng hà vị dã? Tử viết: Long đức nhi ẩn giả dã. Bất Dịch hồ thế, bất thành hồ danh, độn thế vô muộn, bất kiến thị nhi vô muộn, lạc tắc hành chi, ưu tắc viễn chi, xác hồ kỳ bất khả bạt, tiềm long dã.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu nói rằng: "Rồng lặn chớ dùng" là nghĩa làm sao? Thầy nói: Đó là đức con rồng mà còn ẩn nấp, không đổi theo đời, không nổi về tiếng, trọn đời không buồn, vui thì làm, lo thì lánh xa, vững chắc không thể lay nhổ, ấy là rồng lặn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Từ đây trở xuống nói về công dụng của Kiền, tức là cách "dùng chín" vậy. Hào Chín Đầu là Dương còn nhỏ,

ấy là "đức rồng ẩn nấp", cũng như thánh hiền trong thuở hàn vi, chỉ cốt giữ đạo của mình, không hề theo đời thay đổi, vui nết của mình không cần ai biết, tự tin tự vui, thấy có thể làm thì làm, biết là khó làm thì tránh. Sự thao thủ vững chắc không thể cướp nổi. Đó là đức của rồng lặn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đức rồng tức là đức của thánh nhân, vì còn ở dưới nên phải ẩn nấp. "Đổi" là thay đổi sự thao thủ của mình. Đại để những lời Văn ngôn trong sáu hào quẻ Kiền, đều lấy thánh nhân để giải cho rõ ý nghĩa, chỉ có chỗ kín chỗ hở, không có chỗ nông chỗ sâu.

LỜI KINH

九二曰:見龍在田,利見大人,何謂也?
子曰:龍德而正中者也,庸言之信,庸行之謹,閑邪存其誠,善而不伐,德博而化.
易曰:見龍在田,利見大人,君德也.

Dịch âm. - *Cửu nhị viết: Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân, hà vị dã? Tử viết: Long đức nhi chính trung giả dã. Dung ngôn chi tín, dung hạnh chi cẩn, nhàn tà tồn kỳ thành, thiện thế nhi bất phạt, đức bác nhi hóa. Dịch viết: "Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân", quân đức dã.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai nói: "Rồng hiện ở ruộng, lợi về sự thấy người lớn" là nghĩa làm sao? Thầy nói: Đó là đức rồng mà được trung chính. Nói thường nhằm đúng, nết thường cẩn thận, ngăn điều tà, giữ điều thành thật, làm hay cho đời mà không cậy công, đức rộng mà hóa được người. *Kinh Dịch* nói: "Rồng hiện ở ruộng, lợi về sự thấy người lớn", đó là đức của ông vua.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là đức rồng mà ở chính giữa, ở vào chính giữa quẻ dưới là được cái nghĩa chính giữa. Thường tin thường cẩn, trong lúc vội vàng cũng phải để ý vào đó. Đã ở chỗ không có lỗi, chỉ cốt ngăn điều tà. Điều tà đã ngăn, thì điều thành thật sẽ còn. Làm hay cho đời mà không cậy công, tức là không nhận điều hay của mình. Đức rộng mà hóa được người, tức là làm cho mình được ngay thẳng, người ta sẽ phải ngay thẳng. Bấy nhiêu khoản đều là việc của người lớn, tuy không phải ngôi vua, nhưng là đức của người làm vua.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chính giữa là lúc không lặn mà chưa nhảy, nói thường cũng nhằm đúng, nét thường cũng cẩn thận, đó là thịnh đức cùng tột. Ngăn điều tà, giữ điều thành thực, tức là cái ý "dù không chán nản cũng phải giữ gìn" trong *Kinh Thi*. Nói đức ông vua là để thích rõ người lớn là Hào Chín Hai.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Từ chữ "đức rồng chính giữa" trở xuống, đều là đức của ông vua. Ý nói dù không ở ngôi vua, nhưng có đức của ông vua, cho nên mới là người lớn. Y Xuyên lại giảng cái người lớn đó thành hai kiểu.

LỜI KINH

九三曰:君子終日乾乾,夕惕陽若,厲,無咎,何謂也? 子曰:君子進德修業.忠心所以修德也,修辭立其誠,所以居業也.知至至之,可與幾也.知終終之,可與存義也.是故居上位而不驕,在下位而不憂.故乾乾因其時而易惕,雖危無咎業.

Dịch âm. - *Cửu Tam viết: Quân tử chung nhật kiền kiền, tịch Dịch nhược, lệ vô cữu, hà vị dã? Tử viết: Quân tử tiến đức tu nghiệp; trung tín sở dĩ tiến đức dã, tu từ lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp dã; tri chí chí chi, khả dữ cơ dã; tri chung chung chi, khả dữ tồn nghĩa dã. Thị cố cư thượng vị nhi bất kiêu, tại hạ vị nhi bất ưu, cố kiền kiền, phân kỳ thì nhi Dịch, tuy nguy, vô cữu hỹ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba nói: "Quân tử trọn ngày săng sắc, tối dường rùng rợn vậy, nguy không lỗi" là nghĩa làm sao? Thầy nói: Quân tử tiến đức sửa nghiệp; trung tín là để tiến đức; sửa lời nói, dựng điều thành thực là để ở nghiệp; biết chỗ cùng tột, thì làm cho được cùng tột, người đó có thể chung việc cơ vi, biết chỗ cuối chót thì giữ cho đến cuối chót, người đó có thể chung việc giữ nghĩa. Thế cho nên, ở ngôi trên không kiêu căng, ở ngôi dưới không lo lắng, cho nên săng sắc, hiểm nghèo cũng không có lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên ngôi dưới, mà đức làm vua đã tỏ, thì sẽ làm gì? Chỉ có tiến đức sửa nghiệp mà thôi. Lòng chứa trung tín là để tiến đức. Lựa lời nói, dốc tâm trí là để ở nghiệp. Biết chỗ cùng tột, làm được cùng tột, ấy là *chi trí;* tìm chỗ cùng tột của sự biết rồi mới làm cho cùng tột, vì là sự biết ở trước, cho nên có

thể chung việc cơ vi, cũng như - Mạnh Tử - nói rằng: "điều lý phần đầu là việc của bậc trí". Biết chỗ cuối chót, thì giữ cho đến cuối chót, ấy là *lực hành;* đã biết giữ chỗ cuối chót ở đâu, thì gắng sức tiến lên mà giữ cho đến cuối chót, vì là giữ ở mặt sau, cho nên có thể chung việc giữ nghĩa, cũng như - Mạnh Tử - nói rằng: "điều lý phần sau là việc của bậc thánh". Đó là đầu chót của việc học. Sự học của quân tử như thế, cho nên biết cách ở trên ở dưới, mà không kiêu căng, không lo lắng, không trễ nãi mà sợ hãi, dù ở chỗ hiểm nghèo mà không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trung tín là cái chủ ở trong lòng, không một điều nghĩ nào không thực. Sửa lời nói là cái hiện ra ngoài việc, không một câu nói nào không thực. Biết chỗ cùng tột, làm được cùng tột là việc về mặt tiến đức. Biết chỗ cuối chót, giữ đến cuối chót, là việc về mặt ở nghiệp. Sở dĩ trọn ngày săng sắc, tốn còn lo sợ là vì cớ đó. Có thể ở trên, có thể ở dưới, không kiêu căng, không lo âu, thế gọi là không có lỗi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Có người hỏi rằng: Việc dựng điều thành thực, không nói về cách sửa nết, lại nói về cách sửa lời, là cớ làm sao? Đáp rằng: Chỗ không thành thực của người ta phần nhiều là ở lời nói... Người ta thường coi lời nói là không quan trọng, nên mới nói ra một cách dễ dàng. Nếu như mỗi câu mỗi cần phải thực, thì đó là rất trung tín. Tiến đức thấy được nhiều nghĩa lý trong việc sửa lời nói dựng điều thành thực. Sửa lời nói, dựng điều thành thực là cốt để lập cái trung tín đó. Nếu mà miệng không lựa lời, gặp việc là nói, thì cái trung tín cũng bị chìm đắm trôi dạt, đứng không thể vững.

Trung tín là biết đến chỗ chân thực cùng tột. Sửa lời nói, dựng điều thành thực là làm đến chỗ chân thực cùng tột. Nếu không biết đến chân thực thì tiến cái gì? Trước mặt tối om om, tiến làm sao được? Nếu đã biết mà không chân thực làm đi, cái đạo lý kia chỉ là treo ở lưng trời, không chỗ yên đậu, thì cái gọi là trung tín, cũng là hão huyền mà thôi.

Trung tín và sửa lời nói, dựng điều thành thực là những tài liệu; mặt dưới, biết chỗ cùng tột, biết chỗ cuối chót, chỉ có "thực" rồi mới như thế được. Ví như gieo giống, phải là thực có hạt giống mới gieo xuống trong bùn, mới có thể ngày ngày thấy nó mọc lên; nếu đem vỏ không vất xuống, thì mọc sao được? Dù cho là cái đạo lý hão huyền đi nữa, cũng phải thực thấy, nếu chỉ để tai nghe qua, dùng miệng nói qua thì làm gì được? Trung tín sở dĩ cần phải thực, cũng như *hiếu* phải thực hiếu, đức *hiếu* mới mỗi ngày một tiến; *đễ* phải thật đễ, đức *đễ* mới mỗi ngày một tiến; nếu mà không thật, ấy là nó không có gốc,

tiến làm sao được? Ngày nay biết được như thế, ngày mai có thể thuộc dần; ngày mai mới thấy có một hai phần, ngày kia liền thấy có ba bốn phần, ý tứ tự nhiên thấy nó khác nhau. Dựng điều thành thực, vẫn là trung tín ở trên; sửa lời nói tức là nói năng thế nào, bên trong phải thế ấy; ở nghiệp giữa là thường thường như thế, không có chút nào gián đoạn. Đức là cái được ở trong lòng; nghiệp là cái thấy ở công việc; tiến đức nghĩa là ý tứ một ngày một mạnh hơn, một ngày một hăng hái hơn, không phải việc ở bề ngoài, chỉ là tự mình cảm thấy ý tứ khác nhau...

Hai chữ "trung tín" ở đây, khác với những chữ "trung tín" nói ở chỗ khác. Chữ "trung tín" này cũng như - Hạng Lương - vứt nồi chõ, đốt nhà cửa, đem lương ba ngày, tỏ cho sĩ tốt biết là phải chết, thì mới có thể đánh trận. Trung tín phải có bụng ấy, mới tiến đức được...

Trung tín là chỗ "ý thành", như ghét hơi xấu, như thích vẻ đẹp, việc gì vật gì cũng thấy thuần là lẽ trời như thế, thì đức mỗi ngày mỗi tiến.

*

Trung tín là đầu, sửa lời nói dựng thành thành thực là chót, biết chỗ cùng tột, làm đến cùng tột là việc thuộc về tiến đức; biết chỗ cuối chót, giữ đến cuối chót là việc thuộc về ở nghiệp. Người ta sở dĩ một chân bước lên, một chân lui xuống; chỉ là không làm bằng cách chân thực, thì tiến làm sao được? Mấy câu "trung tín tiến đức" và "biết chỗ cùng tột, làm đến cùng tột, người đó có thể chung việc cơ vi" là chữ nói về sự đi; "sửa lời nói, dựng điều thành thực" và "biết chỗ cuối chót, giữ đến cuối chót, người đó có thể chung việc giữ nghĩa" là chữ nói về sự ở; tiến đức là "mỗi ngày mỗi mới"; ở nghiệp là ngày nào cũng thế; tiến đức cũng như đo đắn, sửa đắp để làm cái nhà; ở nghiệp cũng như ở vào cái nhà làm sẵn; biết chỗ cùng tột, nghĩa là biết được tới chỗ vút bậc; làm đến cùng tột, nghĩa là ý tứ theo nó tới đó; biết chỗ cuối chót là biết được chỗ sau rốt, giữ đến cuối chót, là ý tứ theo nó đến đấy.

LỜI KINH

九四曰:或躍在淵,無咎,何謂也?

子曰:上下無常,非為邪也.進退無恒,非離群也.

君子進德修業,欲及時也,故無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ viết: Hoặc dược tại uyên, vô cữu, hà dị dã? Tử viết: Thượng hạ vô thường, phi vi tà dã; tiến thoái vô hằng, phi ly quần dã; quân tử tiến đức tu nghiệp, dục cập thì dã, cố vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư nói: "Hoặc nhảy ở vực, không có lỗi" là nghĩa làm sao? Thầy nói: Lên xuống bất thường, không phải làm điều cong queo; tiến lui không nhất định, không phải lìa bỏ bầy bạn, đấng quân tử tiến đức sửa nghiệp, muốn cho kịp thì, nên không có lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hoặc nhảy, hoặc ở, lên xuống bất thường; hoặc tiến, hoặc lui, đi tới theo lẽ phải, không phải làm điều cong queo, không phải lìa bỏ bầy bạn, là vì tiến đức sửa nghiệp, muốn được kịp thì mà thôi. Lúc đáng làm thì làm, lúc đáng thôi thì thôi, không thể nhất định, lúc nào cũng như lúc nào, cho nên mới là "hoặc". Vực sâu là chỗ ở của loài rồng, ở "vực" tức là nhảy đến chỗ yên ổn. Vực ở chỗ sâu mà nói là nhảy, đó là chỉ lấy cái nghĩa "đến chỗ yên ổn" mà thôi. Hoặc là tiếng còn nghi ngờ, phải tùy thời mà chưa chắc hẳn. Quân tử theo thời như bóng theo hình. Nếu mà có thể xa lìa, thì không phải là đạo nữa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ trong nói về đạo đức học vấn, quẻ ngoài nói về thời thế, địa vị. Tiến đức sửa nghiệp, ở hào Chín Ba đủ rồi, đây chỉ muốn cho kịp thì mà tiến.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Ba, Hào Tư đều nói về việc tiến đức sửa nghiệp, vì nó hai lần cứng, mà không chính giữa, đều là những lúc nguy nghi. Từ xưa thánh hiền ở vào chỗ đó, chỉ có tiến đức sửa nghiệp mà thôi. Huống chi, hai hào đó lại ở giữa chỗ trên dưới tiến lui, giữa nơi đạo Kiền biến hóa... về sự tiến lui mà biết cơ tức là thức thời, trong lúc biến hóa mà biết cái mầu nhiệm, tức là biết đạo.

LỜI KINH

九五曰:飛龍在天,利見大人,何謂也?
子曰:同聲相應,同氣相求.水流濕,火就燥,雲從龍,
風從虎,聖人作而萬物睹.本乎天者親上,
本乎地者親下,則各從其類也.

Dịch âm. - *Cửu ngũ viết: Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân, hà vị dã? Tử viết: Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy lưu thấp, hỏa tựu táo, vân tòng long, phong tòng hổ. Thánh nhân tác nhi vạn vật đổ. Bản hồ thiên giả thân thượng, bản hồ địa giả thân hạ, tắc các tòng kỳ loại dã.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm nói: "Rồng bay ở trời, lợi về sự thấy người lớn" là nghĩa làm sao? Thầy nói: Cùng tiếng ứng nhau, cùng hơi tìm nhau, nước chảy chỗ ướt, lửa tới chỗ ráo, mây theo rồng, gió theo hổ, thánh nhân dấy lên mà muôn vật cùng thấy. Cái gì gốc ở trời thì thân với trên, cái gì gốc ở đất thì thân với dưới, đó là vật nào lại theo với loài vật ấy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người với thánh nhân là cùng một loài, hào Năm là đức "rồng" mà lên ngôi tôn, loài người cũng đã theo ngóng, huống chi là hạng cùng đức với nhau, trên ứng với dưới, dưới tìm đến trên, đó là "cùng tiếng ứng nhau, cùng hơi tìm nhau". "Chảy chỗ ướt, tới chỗ ráo, theo rồng, theo hổ" cũng đều là vì khí loại. Cho nên thánh nhân dấy lên muôn vật cũng đều trông thấy. Chữ "vật" 物 đây chỉ về người ta, cũng như chữ "nhân vật" 人物 "vật luận" 物論 chữ "vật" 物 đều chỉ về người. Trong *Kinh Dịch*, những câu "lợi kiến đại nhân" 利見大人, chữ giống nhau mà nghĩa khác nhau. Ở quẻ Tụng, câu "lợi kiến đại nhân" 利見大人, nghĩa là nên thấy hạng người đức lớn, trung chính, sự phân biệt về người lớn đó nói ở trước khi thấy. Hào Hai, Hào Năm của quẻ Kiền, thì thánh nhân ra rồi, trên dưới cùng thấy, cùng làm xong việc, hạng người lớn "được thấy là lợi" đó, lại nói ở sau khi thấy. Gốc ở trời như là mặt trời mặt trăng, các ngôi sao; gốc ở đất thì như loài sâu, loài thú, loài cây cỏ, âm dương đều theo với loại của nó, người và các vật đều thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tác 作 là nổi lên, vật 物 tức là người, *thấy* là thích ý của chữ *"lợi kiến"* 利見. *Gốc ở trời* là giống động vật, *gốc ở đất* là giống thực vật, vật nào theo loại vật ấy. Thánh nhân là đầu loài người, cho nên thánh nhân nổi lên, thì người ta đều được trông thấy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Gốc ở trời thì thân với trên, phàm các động vật đều ngảnh lên trên là thân với trên, tức là loài người; gốc ở đất thì thân với dưới, phàm các thực vật đều ngảnh xuống dưới, đó là thân với dưới. Loài cầm, loài thú phần nhiều đầu ngang, sở dĩ không khôn. Đó là gốc ở thuyết của Thiệu Khang Tiết.

LỜI KINH

上九曰:亢龍有悔,何謂也?
子曰:貴而無位,高而無民,

賢人在下位而無輔,是以動而有悔也.

Dịch âm. - *Thượng Cửu viết: Kháng long hữu hối, hà vị dã? Tử viết: quý nhi vô vị, cao nhi vô dân, hiền nhân tại hạ vị nhi vô phụ, thị dĩ động nhi hữu hối dã.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên nói: "Rồng quá cực có ăn năn" là nghĩa làm sao? Thầy nói: Quý mà không ngôi, cao mà không dân, người hiền ở ngôi dưới mà không giúp, cho nên hễ hành động thì có ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở Trên mà không nhằm vào ngôi tôn, cho nên không có dân, không kẻ phụ tá, nếu hành động thì có ăn năn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Người hiền ở ngôi dưới, chỉ về từ hào Chín Năm trở xuống. Không giúp vì hào Chín Năm quá cao, chí khí kiêu động, các hào kia không đến giúp đỡ. Đấy là tiết thứ hai, nói lại ý của Tượng truyện.

Lời bàn của Tiên Nho. - Dương Thành Trai nói rằng: hào này ở đầu lục long, cho nên gọi là quý cao. Bởi vì từ hào Chín Tư trở xuống đều theo về hào Chín Năm, cho nên (hào này) mới không có kẻ giúp đỡ.

Ngô Lâm Xuyên nói rằng: Chữ "quí" cốt thích hào Chín là rồng, chữ "cao" thì thích ngôi. Trên quá cực Không có ngôi là vì hào Dương mà không được ở ngôi Dương; không có dân là vì thuần Dương mà không có Âm. Người hiền của hào Chín Ba lại ở ngôi dưới và lại là thể đối địch, không ứng với nhau, đó là không giúp. Vì thế, hễ hành động thì có ăn năn. Nhưng quá cực là thời của trời mà có ăn năn là việc của người. Những kẻ thức thời khéo xử, dù quá cực mà không hành động thì cũng không đến ăn năn.

LỜI KINH

潛龍勿用,下也.

Dịch âm. - *Tiềm long vật dụng, hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng lặn chớ dùng, vì ở dưới vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây trở xuống nói về thì vận của quẻ Kiền. Chớ dùng vì còn ở dưới, chưa thể dùng được.

Lời bàn của Hồ Vân Phong. - Trên kia "Dương ở dưới" là nói về khí. Đây rằng "ở dưới" là nói về người.

LỜI KINH

見龍在田,時舍也.

Dịch âm. - *Hiện long tại điền, thì xá dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng hiện ở ruộng, thì vận phải ở vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là tùy thời mà đỗ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói chưa được thời đại dùng đến.

LỜI KINH

終日乾乾,行事也.

Dịch âm. - *Chung nhật kiền kiền, hành sự dã.*

Dịch nghĩa. - Suốt ngày săng sắc, làm việc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là tiến đức sửa nghiệp.

Lời bàn của Hồ Vân Phong. - Tức là làm việc nên làm

LỜI KINH

或躍在淵,自識也.

Dịch âm. - *Hoặc dược tại uyên, tự thi dã.*

Dịch nghĩa. - Hoặc nhảy ở vực, là tự thử vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa là tùy theo thì vận, mình tự dùng mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chưa thể làm việc, hãy thử xem có thể làm được không.

LỜI KINH

飛龍在天,上治也.

Dịch âm. - *Phi long tại thiên, thượng trị dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng bay ở trời, việc chính trị của bậc trên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa là được ngôi mà làm chính trị của bậc trên.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nghĩa là ở ngôi trên để trị kẻ dưới.

LỜI KINH

亢龍有悔,窮之災也.

Dịch âm. - *Kháng long hữu hối, cùng chi tai dã.*

Dịch nghĩa. - Rồng quá lắm có ăn năn, cái tai nạn của sự cùng cực vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là cùng cực mà tai nạn đến.

Lời bàn của Ngô Lâm Xuyên. - Chữ "cùng" chỉ về quá cao, chữ "tai" chỉ về có ăn năn.

LỜI KINH

乾元用久,天下治也.

Dịch âm. - *Kiền nguyên dụng cửu, thiên hạ trị dã.*

Dịch nghĩa. - Kiền nguyên dùng Chín, thiên hạ thịnh trị vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo Dùng Chín, trời với thánh nhân giống nhau. Hễ được chỗ dùng của nó thì thiên hạ thịnh trị.

Bản nghĩa của Chu Hy. -Ý nói Kiền nguyên dùng Chín, không giống với các quẻ khác. Đạo của người làm vua cứng lại mà lại có thể mềm, thiên hạ không đâu không thịnh trị.

Đây là tiết thứ ba, nhắc lại ý trước lần nữa.

LỜI KINH

潛龍勿用,陽氣潛藏.

Dịch âm. - *Tiềm long vật dụng, Dương khí tiềm tàng.*

Dịch nghĩa. - Rồng lặn chớ dùng, khí Dương ẩn nấp.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây trở xuống nói về nghĩa của quẻ Kiền. Đương lúc khí Dương còn nhỏ và lặn náu, quân tử cũng nên ẩn nấp, chưa thể làm việc.

LỜI KINH

見龍在田,天下文明.

Dịch âm. - *Hiện long tại điền thiên hạ văn minh.*

Dịch nghĩa. - Rồng hiện ở ruộng, thiên hạ văn vẻ sáng sủa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đức rồng hiện ở trên đất, thì thiên hạ thấy cái văn vẻ sáng sủa của nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tuy là chẳng ở ngôi trên, nhưng mà thiên hạ đã thấm đức hóa.

LỜI KINH

終日乾乾,與時偕行.

Dịch âm. - Chung nhật kiền kiền, dữ thì giai hành.

Dịch nghĩa. - Suốt ngày săng sắc, với thì vận cùng đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là theo thời mà tiến.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thời nên như thế.

LỜI KINH

或躍在淵,乾道乃革.

Dịch âm. - *Hoặc dược tại uyên, Kiền đạo nãi cách.*

Dịch nghĩa. - Hoặc nhảy ở ruộng, đạo Kiền mới đổi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bỏ ngôi dưới mà lên ngôi trên, đó là trên dưới thay đổi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bỏ dưới lên trên tức là thay đổi.

LỜI KINH

飛龍在天,乃位乎天德.

Dịch âm. - *Phi long tại thiên, nãi vị hồ thiên đức.*

Dịch nghĩa. - Rồng bay ở trời, bèn chính ngôi về đức trời.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chính ngôi ở trên, tức là ngôi nhằm đức trời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đức trời tức là ngôi trời. Bởi vì chỉ có đức ấy mới đáng ở vào ngôi ấy, cho nên mới dùng chữ ấy đặt tên.

LỜI KINH

亢龍有悔,與時偕極.

Dịch âm. - *Kháng long hữu hối, dữ thì giai cực.*

Dịch nghĩa. - Rồng quá vực có ăn năn, với thì vận đều cùng cực.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thì vận đã cùng cực, thì người ở vào thì vận đó cũng phải cùng cực.

LỜI KINH

乾元用九,乃見天則.

Dịch âm. - *Kiền nguyên dụng Cửu, nãi kiến thiên tắc.*

Dịch nghĩa. - Kiền nguyên dùng Chín, bèn thấy phép trời.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo dùng Chín tức là phép của trời. Phép tắc của trời chỉ về đạo trời, có người hỏi rằng: Có phải sáu hào quẻ Kiền đều là việc của thánh nhân chăng? Đáp rằng: Theo được hết đạo của nó thì là thánh nhân. Nếu có chỗ được chỗ lỗi thì phải có sự lành sự dữ ở bên trong. Há riêng một quẻ Kiền đâu? Các quẻ đều thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cứng mà lại có thể mềm, đó là phép trời.

Đây là tiết thứ tư, nhắc lại ý trước một lần thứ ba.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Song Hồ nói rằng: Văn ngôn thích sáu Hào quẻ Kiền tất cả ba tiết. Tiết thứ nhất giống như chuyên nói về đức, riêng có hào Trên hình như lại nói về ngôi. Tiết thứ hai giống như chuyên nói về ngôi, hào Hai hình như nói cả về thời và ngôi, hào Ba trở lên lại dường như nói chỗ dùng. Tiết thứ ba hoàn toàn nói về thì vận, nhưng cũng đều có phân biệt. Rút lại, thì như Chu Tử bảo rằng: "Thánh nhân học *Dịch* chỉ cần "thể" ra rất nhiều ý tứ. Kẻ đọc phải tự hiểu lấy".

LỜI KINH

乾元者始而亨者也.

Dịch âm. - *Kiền nguyên giả thủy nhi hanh giả dã.*

Dịch nghĩa. - Kiền nguyên là đầu mới mà hanh thông vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lại phản phúc nói kỹ cho được hết nghĩa. Đã là đầu mới ắt phải *hanh thông*, nếu không hanh thông thì phải tắt dứt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đầu mới thì phải *hanh thông*, lý thế vậy.

LỜI KINH

利貞者性情也.

Dịch âm. - *Lợi trinh giả tính tình dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi trinh và tính tình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là tính tình của Kiền. Đã *đầu mới* mà *hanh thông*, nếu không *lợi trinh* có thể không tắt được chăng?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thu liễm qui tàng, mới thấy cái thật của tính tình.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trình Hiệu nói rằng: *nguyên hanh* chỉ là *đầu mới* mà *hanh thông*, nghĩa là khi mới phát sinh, hết thảy *hanh thông*, tức khi *lợi trinh* thì là vật nào được tính mệnh của vật ấy.

Tính tình như nói tư chất thể đoạn. Sắp đặt, chế nặn, biến hóa, nuôi nấng đều là *lợi* cả. Không nhận có công, thường thường và lâu dài mà không thôi, là *trinh*.

Chu Hy nói rằng: "*Lợi trinh* là tính tình" đó là tính tình của Kiền. Khi còn *mới đầu* mà *hanh thông,* là chỗ phát sinh của Kiền, chung là một cái tính tình; đến chỗ *lợi trinh,* thì mỗi vật có một tính tình. Thóc lúa cây cỏ đều có linh tính. *Nguyên hanh* tức là lúc nó nở hoa, kết quả, đến khi *lợi trinh* mới thấy tính tình của nó.

Có người hỏi: "Lợi trinh tức là tính tình" là nghĩa làm sao? Đáp rằng: Chữ *tính tình* đó như *bản thể. Nguyên hanh* là chỗ phát dụng, *lợi trinh* là ý thu góp dụm họp, nhưng mà còn chưa rắn đặc, đến mùa Đông mới thành; trong mùa Thu, tuy là đã đặc và dần dần muốn lìa gốc, nhưng nó thụ khí chưa đủ, thì trồng không mọc. Cho nên phải đến mùa Đông mới thành. Người ta khi đến mùa Thu, mùa Đông, ngỡ như không thấy sinh ý, không biết rằng nó đã thu liễm ở trong. Như một chồi cây có hàng nghìn quả kết hột, hột nào có đủ sinh lý của hột ấy, đem những hột đó mà trồng, lại thành nghìn cây. Quẻ Bác nói "Quả lớn không ăn" chính là nghĩa ấy, ở chỗ đó có thể thấy rõ cái ý "sinh sinh không cùng". Đức lớn của trời đất là *sinh.* Trời đất không hề làm gì, chỉ có việc *sinh* mà thôi. Lẽ đó vốn là tự nhiên xếp đặt, thánh nhân thấy "mày dàm" ấy thì nói rõ ra.

LỜI KINH

乾始能以美利利天下,不言所利,大矣哉.

Dịch âm. - *Kiền thủy năng dĩ mỹ lợi lợi thiên hạ, bất ngôn sở lợi, đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Đức tính đầu mới của Kiền có thể lấy sự tốt lợi làm lợi cho gầm trời, mà không nói đến cái đã lợi. Lớn lắm thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo *đầu mới* của Kiền, có thể khiến cho mọi loài sinh thành, gầm trời nhờ sự tốt lợi của nó mà không nói được cái đã lợi, là vì không gì không lợi, không thể chỉ ra mà gọi, nên mới khen cái lợi đó là "lớn lắm thay"!

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Đầu mới* là *nguyên* mà *hanh.* Làm lợi cho gầm trời là *lợi,* không nói cái đã lợi là *trinh.* Có người nói rằng: "Khôn lợi cho nết *trinh* của ngựa cái", đó là nói cái đã lợi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Có người hỏi rằng: *Kinh Dịch* của họ Trình giải rằng: "Không gì không lợi, nên không nói cái đã lợi" câu ấy thế nào?

Đáp rằng: Kiền thì không gì không lợi. Khôn chỉ lợi cho nết trinh của ngựa cái, thì là có cái lợi, có cái không lợi.

LỜI KINH

大哉乾元,剛健中正,純粹精也.六爻發揮旁通六龍,以御天下.雲行雨施,天下平也.

Dịch âm. - *Đại tai kiền hồ, cương kiện trung chính, thuần, túy, tinh dã. Lục hào phát huy, bàng thông tình dã. Thì thừa lục long, dĩ ngự thiên dã. Vân hành vũ thí, thiên hạ bình dã.*

Dịch nghĩa. - Lớn thay Kiền kia, vừa cứng vừa mạnh, vừa trung, vừa chính, vừa thuần, vừa túy, vừa tinh vậy. Sáu hào phát huy, rộng thông các tình vậy. Thường cưỡi sáu rồng để ngự tận trời vậy. Mây đi mưa tưới, thiên hạ hòa bình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Lớn thay" là tán dương sự lớn lao của đạo Kiền. Dùng sáu đức tính *cứng, mạnh, trung, chính, thuần, túy* để hình dung đạo Kiền. *Tinh* tức là phần cực tinh của sáu tính kia. Dùng sáu hào phát huy, rộng thông cho hết tình nghĩa. Nhân thì vận của sáu hào để dương vào với vận trời, thì công dụng của trời đã rõ rệt lắm, cho nên mới thấy mây đi mưa tưới, Âm Dương tràn khắp, tức là cái đạo thiên hạ hòa bình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Cứng* là nói về thể chất, *mạnh* thì gồm cả công dụng. Nói *trung* là sự đi của nó không thái quá cũng không bất cập. Nói *chính* là sự đứng của nó không lệch về mặt nào. Bốn điều đó là đức tính của Kiền. *Thuần* là không lẫn về Âm Dương, *túy* là không lẫn với tà ác, vì là *trung chính cứng mạnh* đến cùng tột; mà tinh thì lại là cái cùng tột của tính thuần túy. Có kẻ ngờ rằng: Kiền chỉ cứng mà không mềm, không thể nói là trung chính. Không phải như thế. Trong khoảng trời đất, chỉ có một khí lưu hành, duy có động tĩnh khác nhau mà thôi. Nói về toàn thể của cuộc lưu hành, thì chỉ gọi là Kiền mà không cái gì là không bao bọc. Vì lấy động tĩnh chia ra, mới có Âm, Dương, cứng, mềm khác nhau. Chữ "rộng thông" cũng như chữ "Khúc tận" (hết các chiều)[1]. Câu dưới ý nói thánh nhân thường cưỡi sáu rồng để ngự trời, thì như trời khi mây đi mưa tưới, thiên hạ thái bình vậy.

Đây là tiết thứ năm, lại nhắc lại ý của chương đầu.

---

[1] Hồ Vân Phong nói rằng: Cứng, mạnh, trung, chính, thuần, túy và tinh, chỉ hào Chín Năm mới đương được đức tính ấy. Còn phải gồm dùng sáu hào để phát huy ý nghĩa của nó, là muốn thông ra một cách rộng rãi, cho hết tình của sự vật mà thôi.

LỜI KINH

君子以成德為行.曰可見之行也.潛之為言也,
隱而未見,行而未成,是以君子弗用也.

Dịch âm. - *Quân tử dĩ thành đức vi hạnh, viết khả kiến chi hạnh dã. Tiềm chi vi ngôn dã, ẩn nhi vị hiện, hành nhi vị thành, thị dĩ quân tử phất dụng dã.*

Dịch nghĩa. - Đấng quân tử lấy đức đã thành làm nết, gọi là "nết có thể thấy". Chữ "lặn" nghĩa là ẩn mà chưa hiện, làm mà chưa thành, cho nên đấng quân tử không dùng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đức đã thành, việc có thể thấy, là nết, có Đức thành thì mới có thể đưa ra công dụng, Hào Đầu đương lặn, ẩn mà chưa hiện, nết còn chưa thành, chưa thành tức là chưa tỏ, cho nên quân tử không làm việc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thành đức là cái đức đã thành. Hào Chín Đầu vẫn đã thành đức, có điều cái nết của nó chưa hiện mà thôi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Song Hồ nói rằng: Hào Chín Đầu đức thành, hạnh dựng, tuy có thể tỏ ra việc làm, nhưng mà thời vận và địa vị chưa thể thành được cái làm, cho nên lời Hào mới nói chớ dùng.

LỜI KINH

君子學以聚之,問以辯之,寬以居之,仁以行之.
易曰:見龍在田,利見大人,君德也.

Dịch âm. - *Quân tử học dĩ tụ chi, vấn dĩ biện chi, khoan dĩ cư chi, nhân dĩ hành chi. Dịch viết: Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân, quân đức dã.*

Dịch nghĩa. - Đấng quân tử dùng sự học để thu họp, dùng sự hỏi để phân biệt, dùng sự rộng rãi để ở, dùng điều nhân để thi hành. *Kinh Dịch* nói rằng: "Rồng hiện ở ruộng lợi về sự thấy người lớn", đức của người làm vua vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thánh nhân ở dưới tuy đã rõ rệt mà chưa được ngôi, thì chỉ tiến đức sửa nghiệp mà thôi. Học để thu họp, hỏi để phân biệt, đó là tiến đức; rộng rãi để ở, điều nhân để thi hành,

đó là sửa nghiệp. Cái đức làm vua rõ rệt rồi, lợi được thấy bậc người lớn, chỉ tiến lên mà thực hành thôi. Tiến lên mà ở vào ngôi đó, thì như vua Thuấn, vua Vũ, tiến lên mà thực hành cái đạo của mình thì như Y Doãn, Phó Duyệt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vì là do bốn điều ấy (học, vấn, khoan nhân) mới nên đức của người lớn. Nói lại lần nữa, cho thật rõ hào Chín Hai là người lớn đó.

LỜI KINH

九三重刚而不中,上不在天,下不在田,
故乾乾,因其時而惕,雖危無咎矣.

Dịch âm. - *Cửu tam trùng cương nhị bất trung, thượng bất tại thiên, hạ bất tại điền, cố kiền kiền, nhân kỳ thì nhi Dịch, tuy nguy vô cữu hỹ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba hai lần cứng mà không được giữa, trên không ở trời, dưới không ở ruộng, cho nên săng sắc, nhân thì đó, mà lo lắng, dẫu nguy, không có lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào ba hai lần cứng, tức là tính "cứng" đã thịnh, lại quá bậc giữa mà ở trên bậc dưới, trên chưa tới trời mà dưới đã lìa khỏi ruộng, đó là chỗ hiểm nghèo. Nhân thì thuận xử, săng sắc lo ngại để phòng sự hiểm nghèo, cho nên dẫu nguy mà không đến nỗi có lỗi. Đấng quân tử theo thời lo sợ, vì vậy mà được hanh thái.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai lần cứng chỉ về hào Dương ngôi Dương.

Lời bàn của Tiên Nho. - Sái Tiết Trai nói rằng: Quẻ dưới lấy hào Hai là giữa, quẻ trên lấy hào Năm là giữa. Hào Ba ở trên hào Hai là quá bậc giữa, hào Tứ ở dưới hào Năm là chưa tới bậc giữa. Ở trời là hào Năm, ở ruộng là hào Hai, hào Ba trên chưa tới Năm, dưới đã lìa khỏi Hai, mà giữa thì ở ngôi "người", chỉ có một cách săng sắc không nghỉ, thì dầu là ở chỗ hiểm nghèo cũng không có lỗi.

LỜI KINH

九四重刚而不中,上不在天,下不在田,中不在人,

故或之.或之者,疑之也,故無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ trùng cương (?) nhi bất trung, thượng bất tại thiên, hạ bất tại điền, trung bất tại nhân, cố hoặc chi. Hoặc chi giả nghi chi dã, cố vô hữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư hai lần cứng (?) mà không được giữa, trên không ở trời, dưới không ở ruộng, giữa không ở người, cho nên nói "hoặc". Nói "hoặc" là còn nghi ngờ, cho nên không có lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư không ở trời, không ở ruộng mà vượt trên người là chỗ hiểm nghèo. "Ngờ" là tiếng còn chưa quyết. Cách xử chỗ đó không thể nhất quyết, hoặc tiến hoặc lui, tùy sự yên ổn mà thôi, vì vậy mà không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Tư không phải là hai lần cứng, chữ 重 *(trùng)* ngờ thừa. Ở người, chỉ về hào ba, "hoặc" nghĩa là hãy còn tùy thời chưa định.

LỜI KINH

夫大人,與天地合其德,與日月合其明,與四時合其序,與鬼神合其吉凶,先天而天弗違,後天而奉天時.天且弗違,而況於人乎,況於鬼神乎.

Dịch âm. - *Phù đại nhân giả, dự thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thì hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung, tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thì. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỷ thần hồ?*

Dịch nghĩa. - Ôi người lớn là hạng hợp đức với trời đất, hợp sự sáng với Mặt trời mặt trăng, hợp thứ tự với bốn mùa, hợp sự lành dữ với quỷ thần, đi trước trời mà trời không trái đi sau trời mà vâng thì trời. Trời còn không trái, huống chi người? Huống chi quỷ thần?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người lớn với trời đất, mặt trời, mặt trăng bốn mùa, quỷ thần hợp đạo. Trời đất tức là đạo. Quỷ thần là dấu vết tạo hóa. Thánh nhân đi trước trời mà trời đồng tình, đi sau trời mà thuận được với trời, vì hợp với đạo mà thôi. Hợp với đạo thì người và quỷ thần há trái lại được?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "Người lớn" đây thích hạng người lớn mà trong lời Hào nói rằng: "Được thấy là lợi", có đức ấy ở ngôi ấy thì mới đương nổi. Người và trời đất quỷ thần vốn không hai lẽ. Chỉ vì bị lấp về sự riêng tây của bản ngã, cho nên mắc ở hình hài mà không thể thông nhau. Thánh nhân không có riêng tây, lấy đạo làm thể, khi nào còn có những sự kia nọ, trước sau đáng nói? "Đi trước trời mà trời không trái" tức là cái gì do ý làm ra, vẫn hợp với đạo bằng cách im lặng. "Đi sau trời, mà vâng thì trời" tức là biết lẽ như thế, vâng theo mà làm.

LỜI KINH

亢之為言者,知進而不知退,
知存而不知亡,知得而不知喪.

Dịch âm. - *Kháng chi vi ngôn dã, tri tiến nhi bất tri thoái, tri tồn nhi bất tri vong, tri đắc nhi bất tri táng.*

Dịch nghĩa. - Kháng là nói về hạng người biết tiến mà không biết lui, biết còn mà không biết mất, biết sự được mà không biết sự thiệt hại.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vì vậy cho nên hành động thì có ăn năn.

Lời bản của Tiên Nho. - Phùng Hậu Trai nói rằng: Tiến lui là nói về mình, còn mất là nói về ngôi, được và thiệt hại là nói về người. Hào này cùng trên mà trở lại dưới là lui, *chín* biến ra *sáu* là mất, không có dân, không có kẻ giúp là thiệt hại.

LỜI KINH

其唯聖人乎?知進退存亡而
不失其正者,其唯聖人乎?

Dịch âm. - *Kỳ duy thánh nhân hồ? Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chính giả kỳ duy thánh nhân hồ?*

Dịch nghĩa. - Chỉ có thánh nhân chăng? Biết tiến lui còn mất mà không lỗi với sự ngay thẳng, chỉ có thánh nhân chăng?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quá lắm là "kháng". Đã tới "kháng" thì

không biết lẽ tiến lui còn mất, hơn thiệt. Thánh nhân hiểu lẽ đó mà xử trí không lỗi với sự ngay thẳng, cho nên không đến nỗi "kháng".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Biết rõ lý thế như thế mà xử với nó bằng đạo, thì không đến nỗi ăn năn và không phải là tính riêng để tránh hại.

Đây là tiết thứ sáu, lại nói lại ý của mấy tiết thứ hai, thứ ba, thứ tư.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Sáu Hào trong bài Văn ngôn đều nói về đức của thánh nhân, chỉ có cái ngôi đã ở khác nhau. Hào Đầu "không đổi theo đời, không nên về tiếng, trốn đời không buồn, không được nhận là phải mà không buồn, vui thì làm, lo thì tránh, ấy là rồng lặn", đã là nói về đức của thánh nhân rồi, chỉ là còn lặn chưa được dùng mà thôi. Hào Chín Hai lại tốt, đức hóa của nó đã tới người ta. Đó là ngôi kẻ bầy tôi ở đó mà yên. Đến Hào Chín Ba ở trên quẻ dưới, ngôi đã cao rồi, lúc đó thời thế không thể làm gì, chỉ nên lo lắng sợ hãi, tiến đức sửa nghiệp, săng sắc không nghỉ. Hào Chín Tư "Hoặc nhảy ở vực", Y Xuyên bảo "ruộng là chỗ ở yên của rồng" e rằng chưa phải. Ruộng là chỗ bằng phẳng, dù cho có nước cũng nông. "Vực" là chỗ sâu không thể lường, "nhẩy" là đã lìa khỏi sự "đi", mà chưa tới sự "bay". Đi còn dùng chân, nhảy thì không dùng đến chân, dùng sự vượt lên mà lên, chân không phải đạp xuống đất, vượt được thì lên trời không được lại ở vực như cũ, đều không thể lường; dưới đã lìa khỏi sự đi, trên thì gần với sự bay, trên không ở trời, dưới không ở ruộng, giữa không ở người, cho nên nói "hoặc" là tiếng còn nghi ngờ, không được yên ổn như hào Chín Hai. Lúc đó, tiến lui không được và đều không do ở mình, chỉ theo thì vận của trời mà thôi. Tới hào Chín Trên lại quá cực rồi. Xem ra người ta trong đại vận không lúc nào nhàn, lành dữ, hối hận, một phút không dừng, giống như chiếc bánh xe lớn, cứ quay tít mãi. Thánh nhân chỉ theo với nó để xem đạo lý ra sao, chỗ này xử bằng đạo lý này chỗ kia xử bằng đạo lý kia.

QUẺ KHÔN

☷ ☷ Khôn trên

☷ ☷ Khôn dưới

LỜI KINH

坤元亨，利牝馬之貞，君子有攸往，先迷，後得，主利，西南得朋，東北喪朋.安貞,吉.

Dịch âm. - *Khôn nguyên hanh, lợi tẫn mã chi trinh. Quân tử hữu du vãng. Tiên mê, hậu đắc, chủ lợi. Tây Nam đắc bằng, Đông Bắc táng bằng, an trinh, cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ khôn: Đầu cả, hanh thông, lợi về nết trinh của ngựa cái. Quân tử có sự đi. Trước mê, sau được. Chủ về lợi. Phía Tây Nam được bạn, phía Đông Bắc mất bạn. Yên phận giữ nết trinh thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khôn là quẻ đối nhau với Kiền, bốn đức tính giống nhau, mà về thể "trinh" thì khác nhau. Kiền lấy chính bền làm *trinh*. Khôn thì mềm thuận làm *trinh*. Ngựa cái là giống có đức mềm thuận mà sức đi khỏe. Cho nên dùng tượng của nó, gọi là "nết trinh của ngựa cái". Việc làm của đấng quân tử mềm thuận mà lợi và trinh, đó là hợp với đức tính của Khôn. Âm phải theo Dương, ắt đợi *xướng* rồi mới *họa*. Âm đi trước Dương, tức là mê lẫn, phải ở sau Dương mới đúng lẽ thường. Chủ về lợi, nghĩa là lợi cho muôn vật đều chủ ở Khôn. Vì cuộc sinh thành đều là công của đất cả. Đạo làm bầy tôi cũng vậy, vua sai tôi làm, vất vả về làm việc là cái chức trách của kẻ làm tôi. Tây Nam và phương Âm, Đông Bắc là phương Dương. Âm phải theo Dương, lìa bỏ bầy loại của nó mới có thể làm nên công cuộc hóa dục, mà được cái tốt trong việc yên phận giữ nết trinh. Nghĩa là đúng với lẽ thường thì yên, yên với lẽ thường thì *trinh,* cho nên mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nét ▬ ▬ là vạch chẵn, số của khí Âm. Khôn nghĩa là thuận, tức là tính của khí Âm. Chữ *Khôn* trong lời chua tức là tên quẻ ba vạch, chữ *Khôn* trong lời Kinh, thì là tên quẻ sáu vạch. Sự thành hình của khí Âm không có gì lớn hơn đất. Quẻ này ba vạch đầu chẵn, cho nên đặt tên là Khôn để hình dung đất.

Trồng lên hai lượt, lại được một quẻ Khôn nữa, thì là *Âm* đến thuần túy, *thuận* đến cùng tột, cho nên cái tên và cái tượng của nó[1] đều không thể đổi. Ngựa cái là giống ngoan ngoãn mà đi khỏe. Dương trước, Âm sau, Dương chủ về nghĩa, Ân chủ về lợi, Tây Nam là phương Âm, Đông Bắc là phương Dương. "An" là việc làm của nết *thuận, "trinh"* là sự giữ gìn của đức *mạnh.* Hễ gặp quẻ này, thì lời *Chiêm* là cả *hanh thông* mà *lợi,* phải lấy nết thuận, đức *mạnh* làm chính, nếu có đi đâu, thì trước mê, sau được mà chủ về lợi, đi sang Tây Nam thì được bạn, đi sang Đông Bắc thì mất bạn. Đại để nếu chịu yên về đường chính thì tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: "Lợi về nết *trinh* của ngựa cái" ý nói: chỉ lợi cho sự chính đính của nết mềm thuận, không lợi cho sự chính đính của nết cương kiện. Chữ "lợi" này vốn là hư tự (tức là động từ) không có ý là bốn đức tính. Đến trong lời Thoán mới có ý đó.

Có người hỏi rằng: "Tây Nam được bạn, Đông Bắc mất bạn" là nghĩa làm sao? Đáp rằng: Âm không thể sánh với Dương, Âm chỉ lý hội được một nửa, không như Dương gồm được cả Âm, cho nên không gì không lợi. Âm chỉ dùng được một nửa, cho nên được ở Tây Nam, mất ở Đông Bắc. Từ chữ "trước mê sau được" cũng vậy. Từ Vương Bật trở xuống đều không biết thế, cho nên giải nghĩa sai cả.

LỜI KINH

彖曰:至哉坤元，萬物資生，乃順承天.

Dịch âm. - *Thoán viết: Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nãi thuận thừa thiên.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Cùng tột thay cái đức đầu cả của Khôn, muôn vật nhờ nó mà sinh ra, bèn thuận theo trời.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng địa đạo tỏ nghĩa của quẻ Khôn, mà đầu tiên nói về đức "nguyên". "Chí" là cùng tột, ví với chữ "đại"[2] nghĩa nó hơi hoãn hơn. "Thủy"[3] là khởi đầu của phần khí, "sinh" là khởi đầu của phần hình, "Thuận theo trời" tức là thi hành đạo của đất vậy.

---

[1] Chỉ về tên Khôn mà tượng là đất.

[2,3] Chỉ về chữ "đại" chữ "Thủy" ở lời Thoán quẻ Kiền.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Khi mà nhờ Kiền để khởi đầu thì liền nhờ Khôn để sinh ra, hai việc đó không hề cách nhau giây lát. Lúc Kiền hanh thông, Khôn cũng hanh thông. Muôn vật nhờ Kiền để khởi đầu mà có phần khí, nhờ Khôn để sinh ra mà có phần hình. Khí tới thì sinh. Đó là Khôn nguyên.

LỜI KINH

坤厚載物,德合無疆.

Dịch âm. - *Khôn hậu tái vật, đức hợp vô cương.*

Dịch nghĩa. - Sức dầy của Khôn, chở được các vật, đức nó hợp với đức không bờ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo "nhờ đó mà sinh ra" cũng có thể gọi là *lớn*. Nhưng Kiền đã khen là *lớn* rồi, cho nên Khôn phải khen là *cùng tột*. Nghĩa chữ "chí" hoãn hơn, không thịnh bằng chữ "đại". Thánh nhân với sự phân biệt tôn ti, cẩn thận nghiêm ngặt như thế. Thuận theo trời mà thi hành, để cho thành công, đức dầy của Khôn mang chở muôn vật, có thể sánh nhau với đức "không bờ" của Kiền.

LỜI KINH

含弘光大,品物咸亨.

Dịch âm. - *Hàm hoằng quang đại, phẩm vật hàm hanh.*

Dịch nghĩa. - Bao dung rộng rãi, sáng láng, lớn lao, các phẩm, các vật đều hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây nói về hanh. Đức của Khôn hợp với đức không bờ của Kiền, là nói Khôn sánh với Kiền.

Lời bàn của Tiên Nho. - Du Quảng Bình nói rằng: "Hàm" là không gì không bao dung, "Hoằng" là không gì không có, "Quang" là không đâu không tỏ, "Đại" là không đâu không che trùm.

LỜI KINH

牝馬地類,行地無疆,柔順利貞,君子攸行.

Dịch âm. - *Tẫn mã địa loại, hành địa vô cương, nhu thuận lợi trinh quân tử du hành.*

Dịch nghĩa. - Ngựa cái là loài của đất, đi đất không bờ, mềm, thuận, lợi về nết trinh, đấng quân tử thửa làm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dùng bốn chữ "hàm", "hoằng", "quang", "đại" để hình dung đạo Khôn, cũng như những đức *cương, kiện, trung, chính, thuần, túy* của Kiền vậy. *Hàm* là bao dung, *hoằng* là rộng rãi, *quang* là sáng láng, *đại* là rộng dày. Vì có bốn đức tính ấy, cho nên mới vâng theo được công việc của trời, khiến cho các phẩm, các vật đều được *hanh thông* thỏa thê. Dùng ngựa cái làm tượng của Khôn, vì nó mềm thuận đi khỏe, là loài của đất. "Đi đất không bờ" chỉ về *đức mạnh* - Kiền *mạnh,* Khôn *thuận,* Khôn cũng mạnh ư? Đáp rằng: Không *mạnh* thì sao sánh được với Kiền? Chưa có bao giờ Kiền đi mà Khôn đỗ. Nó *động* thì *cứng,* nhưng với đức *mềm* vẫn không hại gì. *Mềm* thuận mà *lợi* về nết *trinh* là đức của Khôn, điều mà quân tử vẫn làm. Đó là đạo của quân tử với đức Khôn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây nói về *lợi trinh.* Ngựa là tượng của Kiền mà lại cho là loài của đất, là vì giống cái là vật thuộc âm, mà ngựa lại là con vật đi đất. "Đi đất không bờ" thì tức là thuận mà *mạnh.* Mềm thuận lợi về nết *trinh* là đức của Khôn. "Quân tử thửa làm" nghĩa là điều mà người ta vẫn làm như đức của Khôn. Hễ mà vẫn làm như thế, thì lời chiêm như đoạn dưới đây.

LỜI KINH

先迷失道,後順得常.西南得朋,
乃與類行.東北喪朋,乃中有慶.

Dịch âm. - *Tiên mê thất đạo, hậu thuận đắc thường, Tây Nam đắc bằng, nãi dữ loại hành; Đông Bắc táng bằng, nãi chung hữu khánh.*

Dịch nghĩa. - Trước mê mất đường, sau thuận được như thường, Tây Nam được bạn, bèn đi với loài, Đông Bắc mất bạn, bèn chót có phúc.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dương lớn, Âm nhỏ, Dương được kiêm Âm. Âm không được kiêm Dương, cho nên đức Khôn thường

kém nửa Kiềm. Đông Bắc tuy mất bạn, nhưng quay về Tây Nam, thì chót cùng sẽ có phúc.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Đông Bắc không phải là ngôi của Âm, Âm như tới đó đã mất bè bạn, tự nhiên đứng chân không được, ắt phải quay về bản vị, cho nên chót cùng có phúc. Giống cái là giống mềm thuận, cho nên trước thì mê mà mất bạn; ngựa là loài vật đi khỏe, cho nên sau thì được mà có phúc. Đem chữ "ngựa cái" tách ra thì sẽ thấy ý tứ đó. Nói "chót có phúc", thì phúc không ở bây giờ. Vì nó là vật mềm thuận, Đông Bắc không phải chỗ nó ở yên, tự nhiên phải mất bạn, cũng như con cá quen ở dòng nước chảy chậm, sống trong dòng nước chảy nhanh không được. Mất bạn ở Đông Bắc thì phải trở lại Tây Nam, ấy là sau chót có phúc.

Hỏi rằng: Có phải là người mềm thuận trung chính làm việc vượt qua thường phận không được, chỉ khi theo thường giữ phận, thì lại làm được việc hay không? Đáp rằng: Là thế.

LỜI KINH

安貞之吉,應地無疆.

Dịch âm. - *An trinh chi cát, ứng địa vô cương.*

Dịch nghĩa. - Cái tốt của kẻ yên về nết trinh, ứng nhau với đức không bờ của đất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Công dụng của Kiền là việc của Dương, công dụng của Khôn là việc của Âm. Từ những hình tượng trở lên, gọi là đạo của trời đất; từ những hình tượng trở xuống, gọi là công của Âm Dương. Từ chữ "tiên mê hậu đắc" trở xuống, gọi là công của Âm Dương. Từ chữ "tiên mê hậu đắc" trở xuống là nói về Âm đạo; *Xướng* trước thì mê mà trái đạo Âm, *họa* sau thì thuận mà đúng lẽ thường. Tây Nam là phương Âm, theo với loài nó cho nên được bạn, Đông Bắc là phương Dương, lìa loài của nó cho nên mất bạn. Lìa loài của nó mà lại theo Dương, thì có thể làm nên cái công sinh ra các vật, cho nên chót có phúc tốt. "Đi với loài" tức là ba phần bản thể, theo với Dương là phần công dụng. Thể Âm mềm nóng, cho nên theo Dương thì nó có thể yên về nết *trinh,* được tốt lành, ứng nhau với đức không bờ của địa đạo. Nếu Âm mà không yên về nết *trinh,* há lại có thể ứng nhau với đại đạo? Trong lời Thoán này có ba chỗ nói "không bờ" nghĩa không giống nhau, "Đức hợp với sức không bờ" là nói về sự vận hành không nghỉ của trời. "Ứng nhau với đức không bờ của đất" là nói về sự vô cùng của đất. "Đi đất không bờ" là nói về sự đi mạnh của loài ngựa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Yên mà lại trinh, đó là đức của đất.

LỜI KINH

象曰:地勢坤,君子以厚得載物.

Dịch âm. - *Tượng viết: Địa thế Khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thế đất là quẻ Khôn, đấng quân tử coi đó mà dùng đức dày chở các vật.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo Khôn cũng lớn như Kiền, phi thánh nhân ai *thể* được nó? Đất dày mà thế của nó xuôi nghiêng, cho nên lấy cái hình tượng xuôi thuận và dày đó mà nói "thế đất là quẻ Khôn". Đấng quân tử coi cái hình tượng Khôn dày mà đem cái đức thâm hậu chứa chở các vật.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khôn là hình tượng của đất, cũng chỉ có một mà thôi, cho nên không nói chữ "trùng" mà nói "thế của nó xuôi", thì thấy nó là cái hình cao thấp nhân nhau không bao giờ cùng, cực thuận, cực dày, không có cái gì không chở.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Thế của đất thường thường có lý xuôi thuận. Vả như một đám đất bằng trước mặt phải có những khu gò bãi đột khởi, rồi nó cũng tự xuôi dần. Đất phẳng không thấy nó dốc, nhưng nó vẫn là những lớp cao thấp liên tiếp với nhau. Vì vậy mới thấy thế đất xuôi thuận.

LỜI KINH

初六:履霜,堅冰至.

Dịch âm. - *Sơ lục, lý sương, kiên băng chí.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Xéo sương, váng rắn tới.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Âm gọi là Sáu, tức là Âm thịnh, nếu đã đến "tám" thì Dương sinh rồi, không phải là thuần thịnh nữa. Khí Âm mới sinh ở dưới, hãy còn rất nhỏ, thánh nhân trong khi khí Âm mới sinh, vì nó sắp lớn, thì làm ngay ra lời răn. Khí Âm mới động là sương, xéo chân lên sương, phải biết khí Âm dần dần thịnh lên, ắt sẽ đến lúc kết thành váng rắn. Cũng như tiểu nhân lúc đầu tuy là rất *nhỏ, không thể để cho nó lớn, nó lớn thì sẽ đến lúc nó thịnh.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sáu là tên của hào Âm. Số của khí Âm, Sáu là già mà Tám còn trẻ, cho nên mới gọi hào Âm là Sáu. Sương là khí Âm kết lại. Âm thịnh thì nước đóng cục thành váng. Hào này khí Âm mới sinh ở dưới, buổi đầu rất nhỏ mà thế của nó ắt có lúc thịnh, cho nên hình tượng giống như người dẫm lên sương thì biết váng rắn sắp đến, Âm Dương là gốc của Tạo hóa, thứ nọ không thể không có thứ kia, mà sự tiêu đi lớn lên vẫn như thường, không phải là cái người ta có thể thêm bớt. Nhưng Dương chủ về *sinh*, Âm chủ về *sát*, thì loại của nó cũng có ngay gian khác nhau. Cho nên thánh nhân làm *Kinh Dịch*, với chỗ "thứ nọ không thể không có thứ kia" đã dùng những chữ "kiện", "thuận", "nhân", "nghĩa" để nói cho rõ, mà không thiên về bề nào, đến chỗ chúng nó tiêu đi lớn lên ngay gian khác nhau, thì không bao giờ mà không chú ý đến sự nâng Dương nén Âm. Đó là cốt để giúp sự hóa dục, xen với trời đất, ý rất sâu xa. Hào này không nói đến "Chiêm", là vì cái ý "cẩn vi"[1] đã tỏ ở trong hình tượng.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Đầy trong trời đất, cái để làm ra tạo hóa, chỉ là những cuộc đầu, chót, thịnh, suy của hai khí Âm Dương mà thôi. Dương sinh ở phương Bắc, lớn ở phương Đông, thịnh ở phương Nam; Âm đầu ở phương Nam, giữa ở phương Tây, chót ở phương Bắc; cho nên Dương thường ở tả, lấy sự sinh dục trưởng dưỡng làm việc, mà loài của nó thì là cứng, là sáng, là công, là nghĩa, và đạo quân tử cũng thuộc vào đó; Âm thường ở Hữu, lấy sự tàn hại, thảm sát làm việc, mà loài của nó, thì là mềm, là tối, là tư, là lợi và đạo tiểu nhân cũng thuộc vào đó. Thánh nhân làm *Kinh Dịch* vạch quẻ, soạn lời, trong chỗ tiến, lui, tiêu, lớn, những điều khuyên bảo người ta sâu lắm.

LỜI KINH

象曰:履霜堅冰,陰始凝也.

馴致其道,至堅冰也.

Dịch âm. - Tượng viết: Lý sương kiên băng, âm thủy ngưng dã, tuần chí kỳ đạo, chí kiên băng dã.

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xéo sương, váng rắn (?) là Âm mới đọng, dần đến thửa đạo, sẽ đến vàng rắn.

---

[1] Cẩn thận giữ gìn từ khi việc còn nhỏ tý.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khí Âm mới đọng là sương, nó thịnh thì đến váng rắn, tiểu nhân tuy nhỏ, nó lớn thì sẽ dần dần tới thịnh, cho nên phải răn từ đầu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Xét thấy sách *Ngụy chí bốn chữ* 履霜堅冰 *(lý sương kiên băng)* chép là 初六履霜 *(Sơ lục lý sương),* nay nên theo vậy[1].

LỜI KINH

六二:直,方,大,不習,無不利.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Trực, phương, đại, bất tập, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Thẳng, vuông, lớn, không phải tập, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai khí Âm ở dưới, cho nên là chủ quẻ Khôn. Tóm nói đạo Khôn trung chính ở dưới, đó là đạo đất. Lấy ba đức tính: *thẳng, vuông* và *lớn,* hình dung đức tính của Khôn, thế là hết cả đạo đất. Bởi *thẳng, vuông, lớn* cho nên không cần tập tành mà không có cái gì không lợi. Không tập, nghĩa là tự nhiên, ở đạo Khôn thì không cần làm mà đâu vào đấy, ở thánh nhân thì cứ ung dung tự do vẫn nhằm vào đạo. *Thẳng, vuông, lớn* cũng như Mạnh Tử bảo là "rất lớn, rất cứng và thẳng" vì ở thế Khôn, nên mới dùng "vuông" thay "cứng" giống như nết "trinh" để vào cho ngựa cái vậy. Nói về phần khí thì để sự "lớn" ở trước, vì sự "lớn" là thể của phần khí; với Khôn thì để đức "thẳng" đức "vuông" ở trước, đó là do ở sự "thẳng vuông" mà đến sự "lớn". *Thẳng, vuông, lớn* đủ hết đạo đất, cốt ở người ta hiểu biết mà thôi. Hai quẻ Kiền Khôn là thể thuần túy, dùng ngôi ứng nhau. Hào Hai là chủ quẻ Khôn, cho nên không lấy hào Năm ứng nhau với nó, ấy là không để quân đạo ở vào hào Năm. Ở quẻ Kiền thì hào Năm hào Hai ứng nhau.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Mềm thuận, chính, bền* tức là đức *thẳng* của Khôn. *Cái hình phú ra đã có nhất định,* tức là đức *vuông* của Khôn. Đức hợp với sức không bờ, tức là đức *lớn* của Khôn. Hào Sáu Hai mềm thuận mà trung chính lại được đạo Khôn một cách thuần túy, cho nên đức tính của nó trong thẳng ngoài vuông mà lại

---

[1] Theo lời tiên nho thì hai chữ 堅冰 (Kiên băng) ở đây không thông, vì ở dưới đó còn có mấy chữ 陰始凝也 (Âm thủy ngưng dã: khí âm mới đọng), thì chưa thể có váng rắn.

thịnh lớn, không cần học tập mà không cái gì không lợi. Kẻ xem nếu có những đức như thế, thì lời chiêm sẽ là như thế.

LỜI KINH

象曰:六二之動,直以方也,不習,無不利,地道光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Nhị chi động, trực dĩ phương dã; bất tập, vô bất lợi, địa đạo quang dã.*

Dịch nghĩa. - Sự động của hào Sáu Hai, thẳng và vuông vậy; không tập, không gì không lợi, đạo đất tỏ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Theo trời mà động thì chỉ có *thẳng* và *vuông* mà thôi. *Thẳng vuông* thì là lớn rồi. Cái nghĩa *thẳng vuông,* sức lớn vô cùng. Đạo đất sáng tỏ, công nó cứ xuôi mà thành, há đợi phải tập sau mới lợi?

LỜI KINH

六三:含章可貞,或從王事,無成有終.

Dịch âm. - *Lục Tam: Hàm chương khả trinh; hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Ngậm văn vẻ, có thể chính; hoặc theo đuổi việc nhà vua, không cậy công? Thì được tốt lành về sau.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên quẻ dưới, tức là được ngôi. Đạo kẻ làm tôi, phải nên ngậm kín những cái văn vẻ tốt đẹp của mình, có điều gì hay phải trả về vua thì mới có thể như thường và được chính đính, trên không có lòng ghen ghét, dưới đúng với đạo mềm thuận. "Khả trinh" nghĩa là có thể giữ gìn bằng cách chính bền, và lại có thể bình thường lâu dài và không ăn năn xót tiếc. Hoặc có làm việc cho người trên, thì không dám nhận lấy sự thành công, chỉ phụng sự để giữ lúc chót mà thôi. Giữ chức trách để cho trọn việc, đó là đạo kẻ làm tôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Số Sáu thuộc về Âm, ngôi Ba thuộc về Dương, ở trong có ngậm những cái văn vẻ tốt đẹp, có thể giữ gìn bằng cách chính đính. Nhưng nó ở trên quẻ dưới, không thể náu nấp tới cùng cho nên, hoặc cũng có khi đi ra mà làm việc của người trên, thì trước tuy là không thành, mà sau lại được có chót. Vì nó có hình tượng ấy, cho nên mới răn kẻ xem có đức ấy, thì lời chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:含章可貞,以時發也;或從王事,知光大也.

Dịch âm. - *Tượng viết; Hàm chương khả trinh, dĩ thì phát dã. Hoặc tòng vương sự, tri quang đại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ngậm văn vẻ có thể chính để tùy theo thì mà phát động vậy. Hoặc có theo đuổi công việc nhà vua, trí khôn sáng tỏ lớn lao vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng Phu Tử sợ rằng người ta giữ gìn văn vẻ mà không đạt nghĩa, cho nên lại theo chỗ đó mà giảng rõ ra, ý nói: Đạo của kẻ làm bề tôi ở ngôi dưới, không nên nhận là có công có điều hay; ắt phải ngậm kín cái tốt của mình thì mới chính đính và mới có thể như thường. Nhưng gặp việc gì mà nghĩa nên làm, thì phải tùy theo thì vận mà phát động, không nhận có công, thế thôi. Không để lỗi mất dịp "nên", thế là theo thì, chứ không phải là nấp náu tới cùng không làm. Nấp náu không làm không phải là kẻ tận trung. Lời Tượng chỉ nói câu trên, lời giải thì gồm luôn cả đoạn dưới. Các quẻ đều thế. Hoặc là theo đuổi công việc nhà vua mà lại có thể không nhận có công, có cuộc sau chót, thì là trí khôn sáng láng lớn lao. Bởi vì trí không sáng láng lớn lao, nên mới có thể ngậm kín. Những kẻ tối tăm nông nổi, có điều gì hay, chỉ sợ người ta không biết, há lại có thể ngậm được văn vẻ?

LỜI KINH

六四:括囊,無咎,無譽.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Quát nang, vô cữu, vô dự.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Thắt túi, không lỗi, không khen.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư ở gần ngôi Năm, mà không có nghĩa tương đắc, ấy là cái lúc trên dưới ngăn lấp, tự xử bằng cách chính đáng cũng là cái chỗ nguy nghi. Nếu như giấu kín cái khôn của mình, như thể thắt chặt miệng túi, không cho hở ra, thì có thể được không lỗi; không thế, thì có hại. Đã giấu kín thì là không có tiếng khen.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thắt túi chỉ về sự thắt chặt miệng túi mà không ra. Khen là tiếng quá sự thực. Cẩn thận kín đáo như thế, thì không lỗi mà cũng không có tiếng khen. Hào Sáu Tư hai lần

Âm[1], không được chính giữa, cho nên Tượng nó như thế. Nghĩa là, hoặc là việc phải cẩn mật, hoặc là thời nên ẩn trốn.

LỜI KINH

象曰:括囊無咎,慎不害也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quát nang vô cữu, thận bất hại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thắt túi không có lỗi, cẩn thận thì không có hại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có thể cẩn thận như thế, thì không có hại.

LỜI KINH

六五:黄裳,元吉.

Dịch âm. - *Lục ngũ: Hoàng thường, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Quần vàng, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khôn tuy là đạo kẻ làm tôi, nhưng hào Năm thực là ngôi kẻ làm vua, nên mới răn rằng: "Quần vàng, cả tốt". Vàng là màu trung chính, quần là đồ mặc phía dưới; giữ mực trung chính mà ở dưới, thì cả *tốt*, nghĩa là phải giữ phận vậy. *Nguyên* là *cả* mà *hay*, hào tượng chỉ nói giữ mực trung chính, ở ngôi dưới thì cả tốt, chứ chưa bày tỏ hết nghĩa. Quần vàng đã là cả tốt, thì ở ngôi tôn, làm người trên thiên hạ, là sự rất hung, có thể do đó mà biết. Người sau chưa đạt, nghĩa ấy đã bị tối mất, không thể không nói cho rõ. Năm là ngôi tôn, ở quẻ khác hào Sáu ở ngôi Năm, hoặc là mềm thuận, hoặc và văn vẻ sáng láng, hoặc là mờ tối yếu ớt, ở quẻ Khôn là ở ngôi tôn. Âm là đạo làm tôi, là đạo làm vợ, bề tôi mà ở ngôi tôn, thì là Hậu Nghệ[2], Vương Mãng[3], sự đó còn có thể nói, phận vợ mà ở ngôi tôn, thì là Nữ Oa[4], Vũ thị[5] đó là cái biến, không thể nói xiết, cho nên mới có lời răn "quần vàng" mà không nói hết.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vàng là màu trung chính, quần là đồ trang sức phía dưới. Hào Sáu Năm là thể Âm, ở ngôi tôn, cái đức

---

[1] Ngôi chẵn, số Âm.

[2] Bề tôi nhà Hạ muốn cướp ngôi vua nhà Hạ.

[3] Bề tôi nhà Hán mà muốn cướp ngôi nhà Hán

[4] Em gái Phục Hy, đã có làm vua nước Tàu.

[5] Vợ Đường Cao Tôn, đã cướp ngôi vua nhà Đường.

trung thuận đầy ở trong mà hiện ra ngoài, cho nên tượng nó như thế, mà Chiêm của nó thì là điều lành của bậc đại thiện. Kẻ xem đức ắt như thế, thì sự chiêm đoán cũng thế. Truyện *Xuân thu* chép: Nam Khoái sắp làm phản, bói được hào này, cho là rất tốt. Tử Phục Huệ Bá nói rằng: "Việc trung tín thì được, nếu không như thế, ắt là thất bại. Ngoài mạnh, trong ôn là *trung,* dùng sự "hòa" để thống suất sự "trinh" là *tín;* cho nên nói rằng: "quần vàng cả tốt". Vàng là màu trung chính, quần là đồ trang sức phía dưới, *nguyên* là trùm của điều thiện. Trong không trung chính, không đúng với màu của nó; dưới không cung kính, không đúng với sự trang sức của nó; việc làm không tiện, không đúng khuôn phép của nó. Ôi *Kinh Dịch* không thể xem sự mạo hiểm. Ba điều đó mà có điều thiếu, thì bói dù đúng, vẫn chưa thể tin". Sau Khoái quả nhiên thất bại. Coi đó đủ tỏ phép xem bói.

LỜI KINH

象曰:黄裳元吉,文在中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoàng thường nguyên cát, văn tại trung dã.*

Dịch nghĩa. - Quần vàng cả tốt, văn vẻ ở trong vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Văn vẻ của màu vàng trung chính ở trong là không thái quá. Bên trong chứa vẻ rất đẹp mà ở bậc dưới, cho nên mới là cả tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tức là văn vẻ ở trong mà hiện ra ngoài.

LỜI KINH

上九:龍戰于野,其血玄黄.

Dịch nghĩa. - *Thượng Lục: Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng.*

Dịch nghĩa. - Rồng đánh nhau ở đồng, máu nó xanh vàng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đó là Âm đi theo Dương, nhưng mà thịnh quá thì phải gây ra tranh giành. Hào Sáu đã cùng cực, lại tiến không thôi, thì ắt đánh nhau, cho nên nói rằng: "đánh nhau ở đồng". Đồng nghĩa là tiến đến ngoài. Đã chọi nhau, thì đều bị thương, cho nên máu nó xanh vàng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm đã thịnh cực, đến nỗi tranh nhau với Dương, cả hai kẻ bại đều bị thương. Tượng nó như thế. Kẻ xem như thế đủ biết là hung.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trên nói "váng rắn đến" là phòng cái vạ "rồng đánh nhau ở đồng" tức là lúc mới đầu. Đây nói "rồng đánh nhau ở đồng", là để tỏ rằng cái lo "váng rắn" tới lúc chót.

LỜI KINH

象曰:龍戰于野,其道窮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Long chiến vu dã, kỳ đạo cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Rồng đánh nhau ở đồng, thửa đạo cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Âm đã thịnh đến cùng cực, thì ắt đánh nhau mà bị thương.

LỜI KINH

用六:利永貞.

Dịch âm. - *Dụng Lục: Lợi vĩnh trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào dùng Sáu: Lợi về vĩnh viễn chính đính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào dùng Sáu của quẻ Khôn cũng như hào dùng Chín của quẻ Kiền, tức là phép "dụng Âm" vậy. Đạo Âm mềm mà khó được bình thường. Cho nên cái phép dùng Sáu, lợi về thường thường chính bền.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dùng Sáu nghĩa là được hào Âm thì đều dùng Sáu mà không dùng Tám, đó cũng là một thông lệ. Vì quẻ này là thuần Âm mà ở đầu, cho nên bày tỏ tại đây. Gặp quẻ này mà sáu hào đều biến, thì sự chiêm đoán như lời này. Nghĩa là Âm mềm mà không thể giữ bền, biến đi thành Dương thì có thể vĩnh viễn chính đính, cho nên mới răn kẻ xem bằng chữ "lợi vĩnh trinh", cũng như hai chữ "lợi trinh" ở quẻ Kiền vậy. Từ quẻ Khôn mà biến đi, cho nên không đủ về *nguyên hanh*.

LỜI KINH

象曰:用六永貞,以大終也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dụng Lục vĩnh trinh, dĩ đại chung dã.*

Dịch nghĩa. - Dùng Sáu vĩnh viễn chính đính, vì lớn đến chót vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Âm đã không đủ chính bền, thì không thể lâu dài đến cùng chót, cho nên cái đạo dùng Sáu, lợi ở thịnh lớn trong lúc chót. Hễ lớn đến chót, thì mới vĩnh viễn chính đính.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đầu là Âm sau là Dương, cho nên nói rằng "đại chung".

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Dương là lớn, Âm là nhỏ, như quẻ Đại quá và quẻ Tiểu quá... đều thế. Nói về Âm Dương, thì sáu hào quẻ này lúc đầu vốn là nhỏ cả, đến đây. Âm biến làm Dương, vì vậy bảo là "đại chung", ý nói trước nhỏ mà sau lớn vậy.

LỜI KINH

文言曰:坤至柔而動也剛,至靜而德方,後得,主利* 而有常,含萬物而化光.坤道其順乎,承天而時行.

Dịch âm. - *Văn ngôn viết: Khôn chí nhu nhi động dã cương, chí tĩnh nhi đức phương, hậu đắc, chủ lợi nhi hữu thường, hàm vạn vật nhi hóa quang. Khôn đạo kỳ thuận hồ? Thừa thiên nhi thời hành.*

Dịch nghĩa. - Lời Văn ngôn nói rằng: Đạo Khôn rất mềm mà động thì cứng, rất tính mà đức vuông, sau được, chủ lợi, mà có thường, ngậm muôn vật mà có sáng. Đạo Khôn là thuận chăng? Theo trời mà làm việc có thời.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo Khôn rất mềm mà khi nó động thì cứng, thể Khôn rất tĩnh mà đức của nó thì vuông; vì nó động thì cứng nên ứng với Kiền không sai; vì nó đức vuông, nên khi sinh vật có thường. Đạo Âm không *xướng* mà *họa,* cho nên ở sau mà được, mà chủ về lợi, làm nên muôn vật là sự thường của Khôn; ngậm chứa muôn loài, đó là công và đức hóa của nó vừa sáng vừa lớn. Dưới chữ "chủ" 主 sót chữ "lợi" 利. Đạo Khôn là thuận chăng? theo trời mà làm việc có thời, nghĩa là vâng theo sự thi hành của trời mà không trái thời. Đó là khen ngợi sự xuôi thuận của đạo Khôn vậy[1].

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "cương" và chữ "phương" thích về nết "trinh" của ngựa cái. Phương là sinh vật có thường. *Trình truyện* nói rằng: Dưới chữ 主 *(chủ)* nên có chữ 利 *(lợi).* Câu "ngậm muôn vật mà hóa sáng" là lại nói rõ nghĩa của chữ "hanh"; câu "Đạo

---

[1] Chữ này Kinh văn không có. Đây theo truyện Trình Di thêm vào.

Khôn là thuận chăng? Vâng trời mà làm việc theo thời" là lại nói rõ nghĩa của chữ "thuận thừa thiên".

Từ đây trở đi, nhắc lại ý của Thoán truyện.

LỜI KINH

積善之家必有餘慶;積不善之家必有餘殃.臣弑其君,子弑其父,非一朝一夕之故,其所由來者漸矣,由辯之不早辯也.易曰:履霜,堅冰至,蓋言順也.

Dịch âm. - *Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương. Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triêu nhất tịch chi cố, kỳ sở do lai giả tiệm hỹ, do biện chi bất tảo biện dã. Dịch viết: Lý sương, kiên băng chí, cái ngôn thuận (?) dã.*

Dịch nghĩa. - Cái nhà chứa điều thiện, ắt có phúc thừa; cái nhà chứ điều bất thiện, ắt có vạ thừa. Tôi giết vua nó, con giết cha nó, không phải là cớ một mai một hôm, cái mà nó đã bởi đó mà đến vẫn là dần dần, vì kẻ phân biệt không phân biệt sớm đó thôi. *Kinh Dịch* nói rằng: "Xéo sương, váng rắn đến" đó là nói về sự thuận.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc trong gầm trời, chưa có cái gì không do tích lại mà nên. Những nhà mà cái tích lại là thiện, thì phúc khánh kịp đến con cháu; nếu cái tích lại là bất thiện, thì tai vạ trôi tới đời sau; lớn ra, cho đến cái họa thí nghịch, cũng do tích lũy mà đến, không phải một mai một hôm có thể làm nên. Kẻ sáng thì biết những sự "dần dần" không nên cho nó lớn lên; cái nhỏ chứa lại sẽ thành cái lớn, phân biệt từ khi còn sớm không để chí nó thuận tiện mà lớn, cho nên cái ác ở thiên hạ, không bởi đâu mà thành ra được. Mới biết lời răn "sương váng" là đúng. Sương mà đến váng, ác nhỏ mà đến lớn, đều là sự thế thuận tiện mà lớn vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tiếng cổ chữ 順 *(thuận)* chữ 慎 *(thận)* vẫn dùng lẫn lộn. Xét ra chữ 順 *(thuận)* ở đây, nên đổi ra làm chữ 慎 *(thận)* ý nói nên phân biệt từ khi còn nhỏ.

LỜI KINH

直其正也,方其義也.君子敬以直內,義以方外,敬義立而德不孤.直方大,不習,無不利,則不疑其所行也.

Dịch âm. - *Trực kỳ chính dã, phương kỳ nghĩa dã. Quân tử kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại, kính nghĩa lập nhi đức bất cô. Trực, phương, đại, bất tập, vô bất lợi, tắc bất nghi kỳ sở hành dã.*

Dịch nghĩa. - Thẳng tức là chính, vuông tức là nghĩa. Đấng quân tử dùng sự kính để làm cho thẳng bên trong, dùng điều nghĩa để làm cho vuông bên ngoài, kính nghĩa dựng thì đức không bồ côi. Thẳng, vuông, lớn, không phải tập, không gì không lợi, không ngờ cái điều mình làm vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thẳng là nói về sự kính, vuông là nói về điều nghĩa. Đấng quân tử lấy sự kính làm chủ để làm cho thẳng bên trong, giữ điều nghĩa để làm cho vuông bên ngoài, sự kính dựng được thì bên trong thẳng, điều nghĩa hiện ra thì bên ngoài vuông; nghĩa hiện ra ngoài, không phải là nó ở ngoài. Kính nghĩa dựng, thì đức thịnh rồi, không hẹn nó lớn mà nó tự lớn, đó là đức không bồ côi, dùng gì mà không chu đáo? Làm gì mà không lợi? Còn ngờ gì nữa?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói về sự học. "Chính" chỉ về bản thể, "nghĩa" chỉ về sự ngăn chế, mà "kính" thì tức là sự giữ gìn về bản thể vậy. Bốn chữ "Trực nội phương ngoại" *Trình truyện* nói đã đủ ý. "Không bồ côi" là nói về sự *lớn*. Còn ngờ cho nên phải tập mà sau mới lợi, không ngờ thì cần gì phải tập!

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: "Kính để làm thẳng bên trong", ấy là công phu trì thủ. "Nghĩa để làm vuông bên ngoài", thì là công phu giảng học. Thẳng là thẳng trên thẳng dưới, trong bụng không có mảy may cong queo. Vuông tức là ý dứt khoát, vuông vắn; chỗ này, việc ấy đều phải khu xử bằng cách dứt khoát, ví như một vật bốn mặt thẳng băng có thể xắt được, không thể di Dịch. Khi "tròn" thì chuyển động được; lúc chưa có việc, chỉ nhờ: "Kính để làm thẳng bên trong"; nếu có sự vật tới nơi, thì phải phân biệt một cái "phải trái". *Kính* như cái gương nghĩa là tính "soi được".

Kính để nuôi lòng, không có một mảy may ý riêng, có thể là thẳng; do đó mà phát ra, làm việc gì nhằm với lẽ phải của việc ấy, thế gọi là nghĩa.

LỜI KINH

陰雖有美,含之以從王事,弗敢成也,地道也,妻道也,臣道也.地道無成而代有終.

Dịch âm. - *Âm tuy hữu mỹ, hàm chi dĩ tòng vương sự, phất cảm thành dã, địa đạo dã, thê đạo dã, thần đạo dã. Địa đạo vô thành nhi đại hữu chung.*

Dịch nghĩa. - Âm tuy có sự tốt đẹp, phải ngậm nó lại để đi theo việc nhà vua, không dám nhận sự thành công, đó là đạo đất, đó là đạo

vợ, đó là đạo kẻ làm tôi. Đạo đất không nhận sự thành công mà thay thế cho tới có chót.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo kẻ làm người dưới, không nhận có công, phải ngậm kín những sự văn vẻ tốt đẹp của mình để đi theo việc nhà vua và thay thế người trên mà làm cho chót công việc, không dám nhận lấy sự thành công. Cũng như đạo đất thay trời làm trọn các vật, mà phần công vẫn chủ ở trời. Đạo vợ cũng vậy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Trong khoảng trời đất: muôn vật sán lạn trưng bày, đều là Âm bám vào Dương, cái đẹp hiển hiện ra ngoài đó thôi. Hào Sáu Ba và hào Sáu Năm đều là Âm ở ngôi Dương, cho nên, ở hào Ba thì nói "Âm tuy có sự tốt đẹp" mà ở hào Năm thì nói: "cái tốt đẹp ở bên trong". Nhưng hào Ba đương tiến mà ngôi không chính giữa, cho nên, tuy có sự tốt đẹp, còn phải ngậm lại, hào Năm thì đã chính ngôi mà ở, cho nên, cái tốt đẹp ở trong phát ra thành sự nghiệp. Kẻ đi làm tôi người ta, sự nghiệp rõ rệt với đời vẫn có từng thì, không thể cậy về tài năng, mà cứ tiến tràn, để mua lấy vạ hiềm nghi ghen ghét của hào Ba và hào Năm.

LỜI KINH

天地變化,草木蕃; 天地閉, 賢人隱.
易曰: 括囊無咎, 無譽, 蓋言謹也.

Dịch âm. - *Thiên địa biến hóa, thảo mộc phồn; thiên địa bế, hiền nhân ẩn. Dịch viết: Quát nang vô cữu, vô dự, cái ngôn cẩn dã.*

Dịch nghĩa. - Trời đất biến hóa, cỏ cây tốt, trời đất đóng khép, người hiền ẩn. *Kinh Dịch* nói rằng: Thắt túi, không lỗi không khen, nghĩa là nói về sự cẩn thận vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư ở trên gần vua mà không có nghĩa tương đắc, cho nên là tượng cách tuyệt. Trời đất cảm nhau thì biến hóa, muôn vật cỏ cây đều rậm tốt; vua tôi giao tế với nhau thì là đạo hanh thông. Trời đất bế cách thì muôn vật không được thỏa thê; vua tôi tuyệt đường thì bậc hiền giả phải ẩn trốn. Hào Tư ở vào giữa lúc bế cách, thắt túi, giấu kín, tuy là không có tiếng khen, nhưng mà có thể không lỗi, ý nói nên tự giữ gìn cẩn thận vậy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lã Đông Lai nói rằng: Trời đất biến hóa cây cỏ tốt; trời đất đóng khép người hiền ẩn, người ta với trời đất cùng là một khí, thái thì hiện, bĩ thì ẩn, cũng như mùa xuân thì sinh,

mùa thu thì rụng, khí tới là ứng, không hề cách nhau cái tóc, và cũng không cần nghĩ ngợi, so tính. Nếu bảo là "xét thời thế mà hành động", thì đã coi là chia làm hai việc rồi. Sở dĩ chỉ nói người hiền ẩn là vì người thường thì vẫn tự mình cách tuyệt, cho nên, với khí trời đất, không thông nhau. Khí tới mà biết, chỉ có người hiền mà thôi.

LỜI KINH

君子黄中通理,正位居體.美在其中

而暢於四支,發於事業,美之至也.

Dịch âm. - *Quân tử hoàng trung, thông lý, chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung nhi xướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã.*

Dịch nghĩa. - Đấng quân tử vàng trong thông lẽ, chính ngôi ở thể. Cái tốt đẹp ở thửa trong mà khắp tới bốn chi, phát ra sự nghiệp, là tốt đẹp đến cùng tột vậy.

GIẢI NGHĨA

Dịch truyện. - Vàng trong tức là văn vẻ ở trong. Đấng quân tử văn vẻ bên trong mà đạt về lý, ở ngôi chính mà vẫn không mất thể của kẻ dưới. Năm là ngôi tôn, ở quẻ Khôn chỉ lấy cái nghĩa trung chính mà thôi. Cái tốt đẹp chứa ở bên trong mà thông xướng ra bốn chi, phát hiện ra sự nghiệp. Đó là đức tốt đến cùng tột.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vàng trong chỉ về cái đức trung chính ở trong, đó là thích nghĩa chữ 黄 *(hoàng).* Chính ngôi ở thể, nghĩa là ở ngôi tôn mà vẫn thể dưới, đó là thích chữ 裳 *(thường).* Câu "cái đẹp ở trong" lại thích chữ 黄 *(hoàng);* câu "khắp ra bốn chi" là lại thích chữ 體 *(cư thể).*

Lời bàn của Tiên Nho. - Từ Tiến Trai nói rằng: *Vàng trong* là đức ở trong, *thông lẽ* là không lẽ nào không thông, ý nói cái đức mềm thuận chứa ở bên trong đã đến cực thịnh, *chính ngôi* là ở nhằm ngôi chính giữa, *ở thể* là ở thể dưới mà không tiến, ý nói cái đức mềm thuận hình hiện ra ngoài mà đều xứng đáng. *Vàng trong thông lẽ* thì cái đẹp chứa ở trong phát ra bốn chi; chính ngôi ở thể thì có thể phát ra sự nghiệp.

Bốn chữ "vàng trong thông lẽ" phải nên ngẫm nghĩ. Hàm dưỡng không ngấm, thao thủ không bền, lẽ trời có một mảy chưa thuần túy, lòng dục có một mảy chưa trừ hết, thì chưa được là "vàng trong". Hàm dưỡng ngấm rồi, thao thủ bền rồi, lẽ trời trọn vẹn rồi, lòng dục trừ hết rồi, nhưng nếu vần thơ chưa đạt, mạch lạc chưa suốt, thì cái chứa ở bên trong tuy có vẻ đẹp về đường ôn hòa thuần hậu, mà không có cái mầu nhiệm về mặt dung xướng quán thông, chưa được là thông lẽ.

LỜI KINH

陰疑於陽必戰,為其嫌於無陽也, 故稱龍焉猶未離其類也,故稱血焉. 夫玄黃者,天地之雜也,天玄而地黃.

Dịch âm. - *Âm nghi ư Dương, tất chiến, vị kỳ hiềm ư vô Dương dã cố xưng long yên; do vị ky kỳ loại dã, cố xưng huyết yên. Phù huyền hoàng giả thiên địa chi tạp dã, thiên huyền nhi địa hoàng.*

Dịch nghĩa. - Âm ngờ với Dương, ắt phải đánh nhau. Vì nó hiềm rằng không có Dương, cho nên gọi là rồng; vì nó còn chưa lìa loài của nó cho nên gọi là máu. Ôi xanh vàng là sự lẫn lộn của trời, đất vậy, trời xanh mà đất vàng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương lớn Âm nhỏ, Âm phải theo Dương. Âm đã thịnh cực, đều nhau cùng Dương, đó là ngờ với dương. Không theo nhau thì phải đánh nhau. Quẻ này tuy là thuần Âm, e bị ngờ là không có Dương, cho nên mới gọi là rồng. Thấy nó đánh nhau với Dương, ở đồng la tiến không thôi mà tới tận ngoài; thịnh cực mà tiến không thôi thì đánh nhau rồi; tuy thịnh cực vẫn không lìa hẳn loài Âm mà tranh nhau với Dương, đủ biết là nó bị thương, cho nên mới gọi là máu, Âm đã thịnh cực, tranh nhau với Dương, thì Dương không thể không bị thương, cho nên máu nó xanh vàng, xanh vàng là sắc của trời đất, tức là đều bị đau cả.

Bản nghĩa của Chu Hy. - 無 *(vô)* nghĩa là ngang đều với nhau, không còn lớn nhỏ khác nhau. Quẻ Khôn tuy không có Dương, nhưng Dương vẫn chưa từng không có. Máu thuộc về Âm, nghĩa là khí là Dương mà máu là Âm. Xanh vàng là sắc chính của trời đất, câu ấy ý nói Âm Dương đều bị thương.

Đây là nhắc lại ý của Tượng truyện.

Lời bàn của Tiên Nho. - Sái Tiết Trai nói rằng: Tháng mười là tháng Khôn, Tháng Khôn sáu hào đều là thể Âm, nhưng mà cái lẽ sinh rồi lại sinh lại vẫn không phút chốc dừng nghỉ. Một khí dương tuy là sinh ở tháng tý[1] mà thật ra, nó đã khởi đầu từ tháng hợi[2]. Khí Dương của tháng mười, chỉ có chưa thành ra hào mà thôi. Thánh nhân vì nó thuần Âm mà hoặc ngờ là không Dương, cho nên mới gọi là rồng, để tỏ lẽ đó. Người xưa gọi tháng mười là tháng Dương, chính do ở đây mà ra.

1. Tháng một.
2. Tháng mười.

QUẺ TRUÂN

☵ Khảm trên

☳ Chấn dưới

Truyện của Trình Di. - Quẻ Truân, Tự quái nói rằng: Có trời đất, rồi sau muôn vật mới sinh. Đầy trong trời đất, chỉ có muôn vật, cho nên tiếp đến quẻ Truân; *truân* là đầy, *truân* là muôn vật mới sinh. Muôn vật mới sinh, uất kết chưa thông, cho nên thành ra đầy tắc ở trong trời đất; đến khi nó đã vọt tốt, thì ý đầy tắc mất rồi. Trời đất sinh ra muôn vật, quẻ *truân* là tượng các vật mới sinh, cho nên nối sau hai quẻ Kiền Khôn. Nói về hai tượng, thì mây[1], sấm[2] nổi lên, ấy là Âm Dương mới giao; nói về hai thể thì Chấn mới giao ở dưới, Khảm mới giao ở giữa, Âm Dương giao nhau mới thành mây sấm. Âm Dương mới giao mây sấm ứng nhau mà chứa thành mưa, cho nên là *truân;* nếu đã thành mưa thì là giải rồi. Lại động[3] ở trong hiểm[4] cũng là nghĩa *truân,* Âm Dương không giao nhau là Bĩ, Âm Dương mới giao nhau mà chưa xướng là *Truân.* Về thì vận, thì nó là lúc thiên hạ gian truân, chưa được hanh thái.

LỜI KINH

屯元亨利貞,勿用有攸往,利建侯.

Dịch âm. - *Truân nguyên hanh lợi trinh, vật dụng hữu du vãng, lợi kiến hầu.*

Dịch nghĩa. - Truân đầu cả, hanh thông, lợi tốt, chính bền, chớ dùng có thửa đi, lợi về dựng tước hầu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Truân có cách cả hanh, mà ở vào đó thì lợi ở chính bền. Không chính bền lấy gì để qua lúc *truân?* Lúc truân chưa thể có thửa đi. Thiên hạ đương *truân,* há rằng sức một người nào có thể làm cho qua được? Ắt phải rộng nhờ về sức giúp đỡ, cho nên lợi về việc dựng nước hầu.

---

[1] Tức là Khảm.

[2] Tức là Chấn.

[3] Chỉ về Chấn.

[4] Chỉ về Khảm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chấn, Khảm đều là tên quẻ ba vạch. Quẻ Chấn một hào Dương động ở dưới hai hào Âm, cho nên, tính nó là động, tượng nó là sấm. Quẻ Khảm, một hào Dương hãm ở giữa hai hào Âm, cho nên tính nó là hãm, là hiểm, tượng nó là mây, là phương Nam, là nước. Truân là tên quẻ sáu vạch, nghĩa nó là khó, tức là cái ý vật mới mọc mà chưa thông đạt, cho nên chữ 屯 *(truân)* do ở chữ 艸 *(thảo)* mà ra, giống như mầm có dùi đất mới mọc mà chưa duỗi thẳng. Quẻ này là Chấn gặp Khảm, Kiền Khôn mới giao với nhau mà gặp chỗ hiểm hãm, cho nên tên nó là Truân, Chấn động ở dưới, Khảm hãm ở trên, còn động được chăng? Trong chỗ hiểm mà còn động được, tuy có thể hanh thông, mà ở chỗ hiểm, thì nên giữ đường ngay thẳng, chưa thể vội tiến, cho nên bói được quẻ này, thì lời chiêm là cả hanh và lợi về đường ngay thẳng, mà chưa nên vội có thửa đi. Lại: hào Chín Năm Dương ở dưới Âm mà là chủ sự làm quẻ, đó là cái nghĩa hiền nhân chịu nhường người ta mà được lòng dân có thể làm vua. Cho nên hễ bói về việc dựng vua, gặp quẻ này thì tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Hỏi rằng: Quẻ Truân lợi về sự dựng nước hầu. Lời chiêm ấy với câu "lợi về sự thấy người lớn" ở quẻ Kiền có đồng lệ không? Đáp rằng: Có. Đó cũng là chỉ đại khái như thế. Nếu mà tự bói việc làm vua, thì dựng tước hầu là mình, nếu bói việc lập vua, thì dựng tước hầu là chỉ về vua. Chỗ đó lại xem rõ cái duyên mình gặp thế nào. *Kinh Dịch* không phải là thứ văn tự trói chặt. Cho nên nói rằng: "Không thể dùng làm điển yếu".

LỜI KINH

象曰:屯,剛柔始交而難生.動乎險中,大亨貞.
雷雨之動滿盈,天造草昧,宜建侯而不寧.

Dịch âm. - *Thoán viết: Truân, cương nhu thủy giao nhi nạn sinh, động hồ hiểm trung, đại hanh trinh, lôi vũ chi động mãn doanh. Thiên tạo thảo muội, nghi kiến hầu nhi bất ninh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ truân, cứng mềm mới giao nhau mà nạn sinh, động ở trong chỗ hiểm, cả hanh trinh, sấm mưa động đến đầy rẫy. Vận trời bối rối, mờ tối, nên dựng tước hầu, mà chớ cho là yên.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nói về hai tượng mây sấm, thì là mềm cứng mới giao nhau. Nói về hai thể Chấn Khảm thì là động ở trong chỗ hiểm. Cứng mềm mới giao nhau mà chưa thông xướng thì phải gian truân, cho nên nói là "nạn sinh". Lại "động trong chỗ hiểm, cũng là nghĩa gian truân. Cái mà gọi là "cả hanh và trinh" tức là sấm mưa

động đến đầy dẫy. Âm Dương mới giao nhau thì còn gian truân chưa thể thông xướng, tới khi tràn hòa lan khắp thì thành sấm mưa đầy dẫy trong khoảng trời đất, sinh vật mới được thỏa thê, đó là Truân có cách *cả hanh*. Sở dĩ có thể *cả hanh* là do *ở trinh*. Nếu không chính bền, thì sao ra khỏi cảnh Truân? Người ta ở vào cảnh Truân có cách làm cho cả hanh cũng là do ở chính bền. Thiên tạo chỉ về thì vận, *thảo* là rối loạn, không có trật tự, *muội* là mờ tối không sáng, gặp thì vận đó, nên gây dựng kẻ giúp đỡ, thì có thể qua được cảnh *Truân*. Tuy dựng tước hầu để giúp cho mình, nhưng mà cũng nên siêng năng lo sợ, không dám ở yên, đó là lời răn sâu sa của thánh nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu đầu dùng hai thể để thích nghĩa tên quẻ, *mới giao* là Chấn, *nạn sinh* là Khảm. Câu thứ hai dùng đức của hai thể để thích lời quẻ: *động* là việc của thể Chấn, *hiểm* là đất của thể Khảm. Từ đó trở xuống, thích về *nguyên hanh lợi trinh,* bèn dùng ý gốc của Văn Vương. Câu "sấm mưa" dùng tượng hai thể để thích lời quẻ. Sấm là tượng của Chấn, mưa là tượng của Khảm. Thiên Tạo như nói thiên vận, *thảo muội* tức là rối loạn tối tăm. Âm Dương giao nhau mà sấm mưa nổi lên, những cảnh tạp loại, tối tăm đầy dẫy trong hai khoảng (trời đất). Thiên hạ chưa định, danh phận chưa rõ, nên lập vua để thống trị, chưa thể vội cho là lúc yên ổn. Chỗ này không dùng nghĩa của hào Chín Đầu, là vì sự dùng nghĩa có nhiều mối, đây cũng là dùng về một mối của nó.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Sấm mưa động đến đầy dẫy, cũng là cái ý uất tắc, "Vận trời rối loạn mờ tối nên dựng nước hầu mà chẳng cho là yên" là do Khổng Tử phát minh riêng ra một lẽ. Ý nói: Đương lúc rối ren đó, không thể không có ông vua, cho nên phải lập vua, rút lại vẫn không thể cho dựng ra tước hầu là xong, phải tự lấy làm không yên mới được. Bởi vì mới động mà gặp chỗ hiểm thánh nhân thấy có tượng ấy nên mới nhân đó mà đặt lời răn.

LỜI KINH

象曰:雲雷屯,君子以經綸.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vân lôi Truân, quân tử dĩ kinh luân.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Mây sấm là quẻ Truân, đấng quân tử coi đó mà sửa sang thiên hạ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khảm không nói là mưa mà nói là mây vì mây tức là mưa mà chưa thành; chưa từng mưa cho nên là

truân. Đấng quân tử coi tượng quẻ Truân, sửa sang việc thiên hạ để qua lúc truân nan.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ Khảm không nói nước mà nói mây, là ý chưa được hanh thông. *Kinh luân* là công việc làm tơ, *kinh* là kéo, *luân* là gỡ. Cái đời truân nàn là lúc quân tử có thể làm việc.

Lời bàn của Tiên Nho. - Ngô Lâm Xuyên nói rằng: "Quân tử trị đời như làm tơ. Muốn gỡ sự rối bời, cũng như lúc *truân* muốn giải sự uất kết. *Kinh* là tóm các mục nó làm một mà sau chia ra, giống như tiếng sấm do một mà chia: *luân* là gỡ các mối nó làm hai mà sau hợp lại, giống như tiếng sấm tự hai mà hợp lại.

LỜI KINH

初九:盤桓,利居貞,利建侯.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Quanh co, lợi về ở chính bền, lợi về dựng tước hầu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu là hào Dương, ở dưới, tức là kẻ có tài cương minh, gặp đời *truân* gian mà ở ngôi dưới. Chưa thể đi ngay cho qua cảnh *truân,* nên phải quanh co. Đương buổi đầu hồi *truân,* nếu không quanh co mà vội tiến lên, thì phạm vào nạn, cho nên phải ở một cách chính đính mà giữ cho bền chí. Đại phàm người ta ở cảnh truân nan, ít kẻ giữ được chính đính. Nếu không giữ được chính đính vững bền, thì sẽ trái nghĩa, qua sao được cảnh truân? Ở đời truân, đương bị gian nan ở dưới, nên có kẻ giúp, đó là cái đạo ở cảnh truân và qua cảnh truân, cho nên mới dùng nghĩa "dựng tước hầu"; tức là tìm người giúp đỡ vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bàn toàn là cái trạng thái khó tiến. Đầu hồi truân nan là hào Dương ở dưới lại ở vào một thể *động,* mà trên ứng nhau với hào Âm nhu, hãm hiểm, cho nên có tượng quanh co. Nhưng nó ở được chỗ chính, cho nên lời chiêm của nó là lợi về sự đính chính. Vả lại, nó vốn là hào làm chủ sự lập thành quẻ, là Dương, chịu ở dưới Âm, tức là cái tượng nhân dân theo chờ, cho nên tượng nó như thế, mà kẻ xem như thế thì lợi về sự dựng lên để làm tước hầu.

LỜI KINH

象曰:雖盤桓,志行正也.以貴下賤,大得民也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tuy bàn hoàn, chí hành chính dã. Dĩ quý hạ tiện, đại đắc dân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dẫu quanh co có chí làm sự chính đính vậy. Là kẻ sang, chịu dưới kẻ hèn, cả được dân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người hiền ở dưới, nếu thời chưa lợi, tuy phải quanh co chưa thể đi ngay để làm cho qua cảnh truân của đời, nhưng vẫn có chí làm qua cảnh *truân,* có tài làm qua cảnh truân, đó là chí ở làm sự chính đính. Hào Chín gặp lúc truân nan, là Dương mà đến ở dưới Âm, tức là cái tượng kẻ sang chịu dưới kẻ hèn. Đương hồi *truân,* kẻ Âm nhu không thể tự giữ cho còn, có một người có tài Dương cương, chúng phải theo về, thế mà lại biết tự xử một cách thấp kém, cho nên mới được lòng dân. Có người ngờ rằng: đương *truân ở* dưới, còn sang đi nữa? Ôi, là cương minh, mà chịu ở dưới kẻ Âm nhu; là hạng có tài làm qua cảnh truân, mà lại ở dưới một kẻ bất tài; thế là kẻ sang chịu dưới kẻ hèn. Huống chi Dương đối với Âm, vẫn là sang hơn kia mà!

LỜI KINH

六二:屯如,邅如,乘馬班如,匪寇,
婚媾,女子貞不字,十年乃字.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Truân như, chiên như, thừa mã ban như! Phỉ khẩu, hôn cấu. Nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Dường quanh co vậy, đường cưỡi ngựa rẽ ra vậy. Chẳng phải giặc: dâu gia. Con gái trinh tiết không đặt tên chữ, mười năm mới đặt tên chữ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là Âm nhu, ở đời truân nan, tuy có kẻ chính ứng ở trên (chỉ vào hào Năm) mà bị bức vì hào Đầu là hào Dương cương, nên phải quanh quanh co co. Cưỡi ngựa tức là muốn đi, muốn theo kẻ chính đính ứng nhau với mình mà lại rẽ ra không thể tiến lên. Hào Hai gặp đời truân nan, tuy là không thể tự giúp cho mình, mà nó ở giữa, được ngôi chính, có kẻ hưởng ứng ở trên, không mất đạo nghĩa. Nhưng nó bị tức về hào Đầu, Âm là cái mà Dương vẫn tìm, *mềm* là cái mà *cứng* vẫn lấn, thể mềm đương lúc truân nan, vẫn khó tự giúp, lại bị Dương cương vẫn bức, nên mới lạ nạn, nếu không bị bức về giặc nạn thì nó sẽ đi mà tìm dâu gia, dâu gia tức là kẻ chính ứng trên kia rồi. Giặc là chỉ vào kẻ phi lý mà đến. Hào Hai giữ nết trung chính, không cẩu thả hợp nhau với hào Đầu, cho nên không sinh đẻ. Nếu cứ chính bền không thay đổi, cho tới mười năm, truân

nan cực điểm, phải thông đạt, sẽ được kẻ chính đính ứng với mà sinh con, nuôi con. Là hạng con gái Âm nhu, mà giữ được chí tiết, lâu rồi cũng được thông đạt, huống chi là hạng quân tử giữ đạo mà không cong queo. Hào Đầu là người hiền minh cương chính mà lại là giặc để bức người ta, là sao? Đáp rằng: Đây cứ theo nghĩa "hào Hai là mềm gần cứng" không kể cái đức hào Đầu ra sao. Sự dùng nghĩa của *Kinh Dịch* như thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - 班 *(ban)* là bộ điệu chia rẽ không tiến 字 *(tự)* là hứa gả chồng. *Kinh Lễ* nói rằng: "Con gái hứa gả chồng, thì cài trâm và đặt tên chữ". Hào Sáu Hai Âm nhu trung chính, có kẻ hưởng ứng ở trên, mà lại cưỡi lên hào Đầu là hào Dương cương, cho nên bị ngăn cản mà phải quanh co không tiến. Nhưng hào Đầu không phải giặc cướp, là kẻ cầu làm hôn nhân với mình, có điều mình vẫn giữ thói đính chính, không ứng với nó, mãi đến mười năm, số cùng, lý cực, thì kẻ tìm càn kia phải đi, kẻ hưởng ứng chính đáng họp lại mà có thể ứng. Hào này có tượng ấy, nên mới nhân đó mà răn kẻ xem.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Họ Cảnh giải câu 女子貞不字 *(nữ tử trinh bất tự)* dùng điển "hứa gả chồng, cài trâm, mà đặt tên chữ" cho 貞不字 *(trinh bất tự)* là chưa hứa gả chồng, với nghĩa hai chữ 婚媾 *(hôn cấu)* thông nhau, cũng là nói rất có lý. Y Xuyên thì cho 字 *(tự)* là nuôi nấng.

Hỏi rằng: Trong câu "mười năm mới đặt tên chữ" chữ "mười năm" đó có phải chỉ về số cùng lý cực mà nói hay không? Đáp rằng: Trong *Kinh Dịch,* những chỗ dùng Tượng như thế đều không thể hiểu. Như nói mười năm, ba năm, bảy ngày, tám tháng, đều có chỉ về cái gì, có điều bây giờ không thể giải bằng một cách xuyên tạc, vậy thì hãy chừa lại đó.

LỜI KINH

象曰:六二之難,乘剛也,十年乃字,反常也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Nhị chi nạn, thừa cương dã; thập niên nãi tự, phản thường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái nạn của hào Sáu Hai là vì cưỡi lên Dương cương. Mười năm mới đặt tên chữ, trở lại sự thường vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai ở vào thời truân mà lại cưỡi lên Dương cương, bị kẻ Dương cương lấn bức, đó là cái nạn. Đến mười năm thì nạn đã lâu, ắt phải hanh thông, mới được trở lại sự thường mà hợp với kẻ chính ứng. Mười là cùng tận của số.

LỜI KINH

六三:即鹿無虞,惟入于林中,君子幾不如舍,往吝.

Dịch âm. - *Lục Tam: Tức lộc vô ngu, duy nhập vu lâm trung, quân tử cơ bất như xả, vãng lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Theo hươu không có ngu nhân, chỉ vào trong rừng. Đấng quân tử biết cơ, không bằng bỏ đi thì hối tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sáu Ba là hào Âm như ở ngôi cương, cái tài mềm yếu đã không thể làm yên sự truân nan, lại ở ngôi cương mà không chính giữa, thì phải động càn, nó chỉ tham về cái vẫn tìm, đã không tự giúp cho mình mà lại không có ứng viện, thì sẽ đi đâu? Giống như theo hươu mà không có ngu nhân. Những người vào nơi rừng núi, phải có ngu nhân đưa đường, nếu không có kẻ đưa đường, thì chỉ hãm vào rừng rậm mà thôi. Đấng quân tử nhìn thấy cơ vi của công việc, bất nhược bỏ đó đừng theo. Nếu đi, thì chỉ mua lấy sự cùng khốn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Âm nhu, ở dưới, không giữa, không chính, nên không có kẻ chính ứng, đi càn để mua lấy sự cùng khốn, đó là cái Tượng theo hươu không có ngu nhân, hãm vào trong rừng. Đấng quân tử kiến cơ, chẳng bằng bỏ quách; nếu đi đuổi mà không bỏ, ắt bị thẹn tiếc. Răn kẻ xem phải nên như thế.

LỜI KINH

象曰:即鹿無虞,以從禽也,君子舍之,往吝窮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tức lộc vô ngu, dĩ tòng cầm dã; quân tử xả chi, vãng lận cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Theo hươu không có ngu nhân, vì theo mồi vậy. Đấng quân tử bỏ đó, là vì thì hối tiếc cùng khốn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc không thể làm mà cứ động càn, vì theo ý muốn của mình. Không có ngu nhân mà đi theo hươu, vì tham cái mồi. Đương thời truân nan, không thể động mà cứ động, cũng như không có ngu nhân ma đi theo hươu, là vì có lòng theo mồi. Quân tử thì thấy cơ mà bỏ không theo, nếu đi ắt phải hối tiếc cùng khốn.

LỜI KINH

六四:乘馬班如,求婚媾,往吉,無不利.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Thừa mã ban như, cầu hôn cấu, vãng cát, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Cưỡi ngựa dường rẽ ra vậy, tìm dâu gia, đi thì tốt, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sáu Tư là hào mềm thuận, ở ngôi gần vua, ấy là tương đắc với người trên, mà tài không đủ làm qua cảnh truân, cho nên muốn tiến lại thôi, như người cưỡi ngựa rẽ ra. Mình đã không thể làm qua cảnh truân của đời, nếu tìm người để giúp cho mình có thể qua. Hào Đầu là người hiền có đức Dương cương, tức là kẻ dâu gia chính ứng với mình, nếu tìm hạng dâu gia Dương cương ấy để đi cùng giúp ông vua Dương cương trung chính mà làm cho qua cảnh truân của đời, thì tốt, mà không cái gì không lợi. Ở ngôi công khanh, tài mình không đủ làm qua cảnh truân của đời, nhưng nếu biết những người hiền thân ở dưới mà dùng, thì làm gì không được?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Âm nhu ở vào cảnh truân nan không thể tiến lên, cho nên là tượng cưỡi ngựa rẽ ra. Nhưng có hào Đầu, giữ đường chính đính, ở dưới để ứng với mình, cho nên lời chiêm là xuống tìm dâu gia thì tốt.

LỜI KINH

象曰:求而往,明也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cầu nhi vãng, minh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tìm mà đi, sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Biết là mình không đủ tài, tìm người hiền để giúp cho mình, rồi mau mới đi, có thể bảo là người sáng. Ở vào cái ngôi có thể làm được, mình không làm nổi, mà thôi, thì là một kẻ rất tối.

LỜI KINH

九五:屯其膏,小貞吉,大貞凶.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Truân kỳ cao, tiểu trinh cát, đại trinh hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Gian truân thửa ơn huệ, nhỏ mà trinh thì lành, lớn mà trinh thì dữ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi tôn được chỗ chính, mà gặp thời truân, nếu có người hiền nào bậc cương minh giúp đỡ, thì có thể qua được cảnh truân. Vì không có bề tôi, cho nên mới truân. Đã có sự tôn trọng của đấng nhân quân tuy ở vào đời truân nan, về danh vị vẫn không hại gì, có điều sự thi thố không được, đức trạch không lan xuống, thế là truân về ân huệ, tức là cảnh truân của đấng nhân quân. Âm trạch đã không lan xuống, thì uy quyền không còn ở mình; uy quyền đã mất mà muốn lấy lại bằng cách gấp vội ấy là rước lấy sự không hay... cho nên, nhỏ mà chính thì tốt. Nhỏ mà chính nghĩa là chính lại dần dần, như Bàn Canh nhà Thương, Tuyên Vương nhà Chu, sửa đức mình, dùng người hiền, khôi phục chính sự của tiên vương, chư hầu lại chầu. Nghĩa là dùng cách đưa đến từ từ, để cho họ khỏi làm điều bạo ngược.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào chín Năm tuy là Dương cương trung chính, ở ngôi tôn, nhưng đương thời *truân,* hãm trong chỗ *hiểm,* dù có hào Sáu Hai chính ứng mà có âm nhu tài yếu, không đủ giúp việc; hào Chín Đầu lại được lòng dân ở dưới, chúng đều theo về, hào Chín Năm tuy có ơn trạch, không thể ban ra; đó là cái tượng *truân* về ơn trạch. Kẻ xem để xử việc nhỏ, thì cứ giữ đường chính đính có thể được tốt; để xử việc lớn, tuy là chính đính cũng không khỏi hung.

LỜI KINH

象曰:貞其膏,施未光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Truân kỳ cao, thi vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Truân thửa ơn huệ, ơn đức chưa sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ơn trạch lan xuống, cho nên đức thì chưa sáng lớn, đó là cảnh truân của đấng nhân quân.

LỜI KINH

上六:乘馬班如,泣血漣如.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Thừa mã ban như, khấp huyết liên như.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Cưỡi ngựa dường rẽ ra vậy; khóc ra máu đầm đìa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu là Âm nhu, nhằm cuối quẻ Truân, ở chỗ hiểm cực mà không có kẻ ứng viện, ở thì không yên, động thì không có chỗ đi, cưỡi ngựa muốn đi, lại phải rẽ ngang không tiến, cùng truân quá đỗi, đến nỗi khóc ra máu mắt đầm đìa, đó là truân đến cùng cực. Nếu là Dương cương mà có kẻ giúp, thì khi truân đã cùng cực có thể qua được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Âm không có ứng viện, ở cuối cảnh truân, tiến nữa thì không có chỗ đi, chỉ có lo sợ mà thôi, cho nên tượng nó như thế.

LỜI KINH

象曰：泣血漣如，何可長也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Khấp huyết liên như, hà khả trường dã?*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Khóc ra máu đầm đìa vậy, sao thể lâu được!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Truân nan cùng cực không biết làm gì, cho nên đến nỗi khóc ra máu mắt, điên bái như thế thì còn có thể dài lâu được ư? Quẻ tức là việc, hào tức là thời của việc, chia làm ba mà lại gấp lên hai lần, đủ để bao quát các lẽ. Theo đó mà suy cho rộng ra việc của thiên hạ hết rồi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Khâu Kiến An nói rằng: Quẻ Truân sáu hào; hai hào Dương bốn hào Âm. Hết thảy các quẻ đều dùng những hào Âm Dương ít nhất làm chủ, cho nên quẻ này hai hào Dương làm chủ bốn hào Âm. Nhưng hào Năm ở thể Khảm, hãm mà thất thế, hào Đầu ở thể Chấn động mà được thời, cho nên hào Đầu là chủ quẻ Truân. Hào ấy nói rằng: "Lợi về ở đính chính", "lợi về sự dựng tước hầu" thế thì quẻ ấy chủ về cái gì có thể biết rồi.

QUẺ MÔNG

☶ Cấn trên

☵ Khảm dưới

Truyện của Trình Di. - Quẻ Mông, Tự quái nói rằng: Truân tức là đầy, Truân là các vật mới sinh, các vật sinh ra thì phải đội lên, cho nên tiếp đến quẻ Mông. Mông nghĩa là đội, tức là vật hãy còn non. Truân là các vật mới sinh, các vật mới sinh thì còn bé, mờ tối, chưa phát ra được, cho nên quẻ Mông mới nối quẻ Truân. Nó là quẻ Cấn trên Khảm dưới. Cấn là núi, là đỗ, Khảm là nước, là hiểm, dưới núi là chỗ hiểm; gặp chỗ hiểm thì đỗ, không biết đi đâu, đó là tượng của quẻ Mông. Nước là vật phải đi, mới ra chưa đi đâu, cho nên là *mông*. Tới khi nó tiến thì là nghĩa hanh.

LỜI KINH

蒙亨,匪我求童蒙,童蒙求我.

初筮告,再三瀆,瀆則不告.利貞.

Dịch âm. - *Mông hanh, phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã. Sơ phệ cốc, tái tam độc, độc tắc bất cốc, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Mông hanh, chẳng phải ta tìm trẻ thơ[1], trẻ thơ tìm ta. Mới bói bảo: hai, ba lần nhàm, không bảo. Lợi về sự chính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chữ "mông" có lẽ khai phát, tức là nghĩa *hanh*. Quẻ này có tài thời trung, chính là cái đạo làm đến hanh thông. Hào Sáu Năm là chủ quẻ Mông, mà hào Chín Hai là người mở mang sự mờ tối. "Ta" là hào Hai. Hào Hai không phải là quẻ Mông, hào Năm đã nhún thuận vào hào Hai, hào Hai bèn mở mang sự mờ tối cho nó. Cho nên, mới lấy hào Hai, làm chủ mà nói: "Chẳng phải ta tìm trẻ thơ, trẻ thơ tìm ta". Hào Năm ở ngôi tôn, có đức nhu thuận, quẻ này đương ở hồi trẻ thơ, chính ứng với hào Hai, mà đức "trung" lại cũng giống nhau, có thể dùng đạo của hào Hai để mở mang sự mờ tối. Hào Hai lấy đức cương trung, ở dưới, được vua tìm theo, phải nên

---

[1] 1. Chữ "mông" có nghĩa là trẻ thơ, cũng có nghĩa là tối tăm.

lấy đạo tự giữ, đợi vua chí thành cầu mình mà sau mới ứng, thì có thể dùng được đạo của mình, đó là "không phải ta tìm trẻ thơ, trẻ thơ tìm ta" Bói là xem để quyết đoán. Mới bói, bảo, nghĩa là thật lòng, dốc ý để tìm mình thì mình bảo họ, đến hai, ba lần thì là nhảm nhí, cho nên không bảo. Cái đạo mở mang kẻ mờ tối, chỉ lợi về sự đính chính. Vả lại, hào Hai tuy là cương trung, nhưng ở ngôi Âm, cho nên, nên có răn bảo.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cấn cũng là tên quẻ ba vạch, một hào Dương đỗ ở trên hai hào Âm, cho nên đức nó là đỗ, tượng nó là núi. Mông nghĩa là tối, các vật mới sinh, mờ tối chưa sáng. Quẻ này là Khảm gặp Cấn, dưới núi[1] có chỗ hiểm[2] tức là cái đất mờ tối; trong hiểm ngoài đỗ[3] tức là cái ý mờ tối, cho nên đặt tên là Mông. Từ chữ 亨 *(hanh)* trở xuống là lời Chiêm. Hào Chín Hai là chủ quẻ trong, tính cứng, ở giữa có thể mở mang sự mờ tối cho người ta, mà với hào Sáu Hai Âm Dương ứng nhau, cho nên hễ gặp quẻ này thì có đạo hanh thông. "Ta" là hào Hai, "trẻ thơ" là kẻ trứng nước tối tăm, chỉ vào hào Năm. Kẻ bói là bậc sáng thì người ta nên đến tìm mình mà sự hanh thông ở người ta, kẻ bói là hạng tối, thì mình nên đi tìm người, mà sự hanh thông ở mình. Người ta tìm mình, thì mình nên xem lẽ nên chăng mà ứng với họ. Mình tìm người ta thì nên hết lòng trung thành chuyên nhất mà hỏi. Bậc sáng láng nuôi kẻ tối tăm và kẻ tối tăm tự nuôi lấy mình lại đều lợi về sự chính đính.

LỜI KINH

象曰:蒙,山下有險,險而止,蒙.

Dịch âm. - *Thoán viết: Mông, sơn hạ hữu hiểm, hiểm nhi chỉ, Mông.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Mông, dưới núi có chỗ hiểm, hiểm mà đỗ, là Mông.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng tượng quẻ, đức quẻ để thích tên quẻ có hai nghĩa.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Dưới núi có chỗ hiểm là tượng của quẻ, hiểm mà đỗ là đức của quẻ. Quẻ Mông có hai nghĩa. Hiểm mà đỗ là hiểm ở trong, đỗ ở ngoài, trong nhà đã không yên ổn, mặt ngoài lại đi không được, đó là cái tượng tối tăm.

---

[1] Chỉ về Cấn.
[2] Chỉ về Khảm.
[3] Chỉ về Cấn.

LỜI KINH

蒙亨,以亨行時中也.匪我求童蒙,童蒙求我,志應也。

Dịch âm. - *Mông hanh dĩ hanh hành thì trung dã. Phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã, chí ứng dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Mông hanh, dùng lẽ hành mà làm cho đúng mực giữa của thời vậy. Chẳng phải ta tìm trẻ thơ, trẻ thơ tìm ra, chí ứng nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dưới núi có chỗ hiểm, trong đã hiểm không thể ở, đỗ ở ngoài lại không thể tiến, chưa biết làm gì, cho nên mới là cái nghĩa tối tăm. Quẻ Mông hanh thông, vì nó dùng lẽ hanh thông để làm cho đúng mực *giữa* của *thời.* Thời là được vua hưởng ứng, *giữa* là ở được chỗ giữa. Được chỗ giữa thì là phải thời. Chẳng phải ta tìm trẻ thơ, trẻ thơ tìm ta, chí ứng nhau vậy. Hào Hai là người hiền cương minh ở dưới, hào Năm là hạng trẻ thơ ở trên, không phải là hào Hai tìm hào Năm, là chí hào Năm ứng với hào Hai. Người hiền ở dưới, há• lại có thể tự mình tiến lên để đi tìm vua. Nếu mà tự tìm, ắt không có lẽ mà được tin dùng. Người đời xưa sở dĩ phải đợi ông vua hết lòng kính lễ mà sau mới đi, không phải là tự tôn đại. Là vì người ta tôn đức vui đạo, không như thế thì không thể cùng nhau làm việc.

LỜI KINH

初筮,告,以剛中也.再三瀆,瀆則不告,瀆蒙也.

Dịch âm. - *Sơ phệ, cốc, dĩ cương trung dã; tái tam độc, độc tắc bất cốc, độc mông dã.*

Dịch nghĩa. - Mới bói, bảo, vì cứng giữa vậy; hai ba lần, nhàm, nhàm thì không bảo, vì làm nhàm trẻ thơ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Mới bói, nghĩa là thành tâm chuyên nhất mà lại, cầu để quyết sự mờ tối, thì nên lấy đạo cương trung mà bảo, để mở mang cho họ. Hai ba lần thì là phiền nhiễu, cái ý đến bói đã là phiền nhiễu mà không thành chuyên tâm nhất; thì là nhảm nhí khinh nhờn, không nên bảo nữa. Bảo họ, họ cũng không thể tin nhận, chỉ làm phiền nhàm, cho nên nói là nhàm trẻ thơ. Kẻ tìm, kẻ bảo đều là phiền nhàm tất cả.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lã Đông Lai nói rằng: "Mới bói bảo, vì là *cứng giữa.* Hào Chín Hai là người mở mang trẻ thơ. Chín là cứng.

Hai là *giữa, cứng giữa* là toàn thể của hào Chín Hai. Đương lúc kẻ học mới lại hỏi, lòng họ thành thật chuyên nhất, cho nên đem luôn toàn thể mà bảo. "Hai ba lần nhàm, nhàm thì không bảo, vì nhàm trẻ thơ", hai ba lần là nhàm, đó là trẻ thơ làm nhàm người mở mang trẻ thơ. Nay không nói "làm nhàm người mở mang trẻ thơ", mà lại nói "nhàm trẻ thơ" là sao? Bởi vì thánh nhân dạy người không mỏi há lại chán kẻ trẻ thơ làm nhàm mình? Sở dĩ hai ba lần nhàm mà không bảo, là tại chí lý không thể so sánh bàn bạc, sau một lời nói, thì phải nhận hiểu tức thì; nếu chưa nhận hiểu thì ta cứ bỏ đó không bảo, kẻ kia tuy là chưa đạt mà cái lẽ trời ở trong bụng hắn vẫn còn nguyên vẹn không động. Nếu hai ba lần nhàm mà còn bảo họ, thì họ sẽ phải sánh bàn, đồ đoán, lại là làm nhàm lẽ trời của họ. Vì vậy mới nói là "nhàm trẻ thơ".

LỜI KINH

蒙以養正,聖功也.

Dịch âm. - *Mông dĩ dưỡng chính, thánh công dã.*

Dịch nghĩa. - Trẻ thơ để nuôi sự đính chính, công bậc thánh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời quẻ nói "lợi trinh", lời Thoán lại nhắc cho rõ nghĩa để tỏ bất chính là điều đáng răn trong ở hào Hai, thật là đạo nuôi trẻ thơ vậy. Chưa được mở mang gọi là trẻ thơ; hạng trẻ thơ hãy còn thuần nhất chưa mở mang mà muôi lấy sự chính đính, ấy là cái công làm nên bậc thánh. Nếu đã mở mang mà sau mới cấm, thì nó ngăn cách mà khó thắng được. Nuôi sự đính chính từ thuở trẻ thơ là cách rất khéo trong việc học. Trong sáu hào quẻ Mông, hai hào Dương là người trị sự mờ tối, bốn hào Âm là người ở cảnh mờ tối.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lời Thoán này dùng thể quẻ để thích lời quẻ. Hào chín Hai đem cái đạo có thể hanh thông, mở mang sự tối tăm cho người khác, mà lại hợp với mực "giữa" của thời (tức vào những việc nói ở đoạn dưới), đều là dùng đạo hanh thông *mà làm,* mà nhằm với lẽ *nên* phải vậy. Chí ứng nghĩa là hào Hai *cứng sáng,* hào Năm *mềm tối,* cho nên hào Hai không tìm hào Năm mà hào Năm phải tìm hào hai, cái chí của nó tự nhiên ứng nhau. *Dĩ cương trung,* nghĩa là đã *cứng lại giữa,* cho nên biết cách giảng bảo mà có chừng độ. *Nhàm,* nghĩa là bói đến hai ba lần thì kẻ hỏi vẫn nhàm mà kẻ bảo cũng nhàm. *Trẻ thơ để nuôi sự đính chính,* tức là cái công làm nên thánh nhân, câu đó là để thích nghĩa hai chữ "lợi trinh".

LỜI KINH

象曰:山下出泉,蒙.君子以果行,育德.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn hạ xuất tuyền, Mông, quân tử dĩ quả hạnh, dục đức.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Dưới núi ra suối, là quẻ Mông, đấng quân tử coi đó mà quyết việc làm, nuôi lấy đức.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dưới núi ra suối, ra mà gặp phải chỗ hiểm, chưa đi, đó là tượng quẻ Mông, ví như người ta trẻ thơ, chưa hề đến đâu. Đấng quân tử xem tượng quẻ Mông mà quyết việc làm, nuôi lấy đức, nghĩa là coi nó chảy ra mà chưa thể thông đi, để mình quả quyết việc của mình làm; coi nó mới ra mà chưa thể ngảnh về đâu, để mình nuôi lấy cái mình sở đắc vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Suối là nước mới chảy ra, tất nhiên phải đi, mà đi dần dần.

LỜI KINH

初六:發蒙,利用刑人,用說桎梏,以往吝.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Phát mông, lợi dụng hình nhân, dụng thoát chất cốc, dĩ vãng, lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Mở mang trẻ thơ, lợi dùng về sự hình phạt người ta[1] để thoát gông cùm, đi thì hối tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di - Hào Đầu là Âm tối, ở dưới, ấy là kẻ dân mờ tối; hào này nói là cách mở mang cho họ. Mở mang sự mờ tối cho kẻ dân, thì tỏ rõ hình cấm[2] với họ, khiến họ biết sợ, rồi sau mới theo đó mà dạy bảo họ. Từ xưa các đấng thánh vương làm việc chính trị, phải đặt ra hình phạt để làm cho dân chúng nhất tề, tỏ rõ giáo hóa để làm cho phong tục lành phải; hình phạt lập rồi, giáo hóa mới thực hiện được. Dù mà thánh nhân chỉ chuộng đức hóa không chuộng hình phạt, nhưng cũng chưa từng bỏ riêng đàng nào. Cho nên lúc mới dựng nền chính trị, phải lập phép luật trước đã, lúc mới trị kẻ tối tăm phải dọa họ bằng hình phạt, để trút những cái gông cùm về sự mờ mịt của họ (?), gông cùm tức là trói buộc, không bỏ được những gông

---

[1,2] Coi lời bình phẩm ở cuối sách.

cùm về sự mờ mịt, thì thiện giáo không có đường nào mà vào. Đã dùng hình cấm dắt họ, dầu mà bụng họ chưa thể hiểu được, nhưng họ cũng phải sợ oai mà theo, không dám *thả động* cái lòng ham muốn mờ mịt, rồi mới có thể dần dần hiểu biết đạo phải mà đổi cái bụng, thì mới có thể thay đổi thói tục. Nếu chỉ chuyên dùng hình phạt để làm việc, thì kẻ tối tăm tuy là có sợ, nhưng rút lại vẫn không thể mở mang, họ chỉ cẩu thả tránh cho khỏi tội mà không còn có liêm sỉ, trị hóa không thể thành được. Cho nên hễ dùng kiểu đó mà đi thì là đáng tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là Âm ở dưới, đó là tối tăm quá đỗi. Kẻ xem gặp hào đó thì nên mở mang sự tối tăm của mình. Nhưng cách mở mang sự tối tăm đó, cần phải trừng giới một cách thống thiết mà tạm bỏ đó[1] để coi về sau, nếu cứ đi mà không chịu bỏ, thì sẽ đến phải hổ thẹn hối tiếc. Đó là răn kẻ xem phải nên như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: "Phát mông" nghĩa là tự mình mờ tối, được người mở mang cho, hoặc là người ta mờ tối, được mình mở mang cho. "Lợi dụng hình nhân, dụng thoát chất cốc": nói cách thô thiển như ngày nay người ta đánh tù, phải tháo gông cùm mới được, nếu cứ một mực cùm hẳn thì không thể được. Nhược bằng một mực cùm hẳn, thì là "dĩ vãng lận". Đây chỉ nói về cách trị kẻ tối tăm, cần nên rộng rãi chầy chậm, phép phải như thế.

LỜI KINH

象曰:利用刑人,以正法也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lợi dụng hình nhân, dĩ chính pháp dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lợi dụng hình phạt người, để chính pháp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di - Lúc mới trị kẻ mờ tối, phải dựng bờ ngăn, tỏ rõ tội phạt của họ, thế là làm chính pháp luật, khiến họ cứ đó mà noi, dần dần đến phải biến hóa. Có người ngờ rằng: lúc mới mở mang kẻ mờ tối, đã vội hình phạt người ta, há chẳng là "không dạy mà giết" hay sao? Ngờ vậy là không biết rằng: trong việc lập ra pháp chế, hình phạt là để dạy bảo. Về sau những người bàn về hình phạt, đều không biết có giáo hóa ở trong.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lúc mới mở mang cho kẻ mờ tối, phải trừng giới ngay, là để làm cho pháp luật được đúng.

---

[1] Coi lời bình phẩm ở cuối sách.

LỜI KINH

九二:包蒙,吉.納婦吉,子克家.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Bao Mông, cát! Nạp phụ, cát. Tử khắc gia.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Bao dung trẻ thơ, tốt! Nộp vợ[1], tốt! Con trị nhà!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bao là bao dung. Hào Hai ở đời mờ tối có tài cương minh, cùng ông vua ở hào Sáu năm ứng nhau, cái đức trung chính, giống nhau, tức là người đảm đang nhiệm vụ của đời, ắt phải rộng lượng bao dung, thương kẻ ngu tối, thì có thể mở mang sự tối tăm của thiên hạ mà làm nên việc "trị kẻ tối tăm"; đạo phải cho rộng, đức phải cho khắp, như thế thì tốt. Quẻ này có hai hào Dương, hào Chín Trên thì cứng mà thái quá, chỉ hào Chín Hai có đức cứng và trung chính, lại ứng với hào Năm, tức là kẻ được dùng với đời, mà chỉ riêng mình sáng suốt vậy. Nếu cậy sáng suốt mà chuyên tự nhiệm, thì đức không rộng, cho nên dù hạng đàn bà yếu đuối tối tăm, cũng nên nghe theo điều thiện của nó, thì sự sáng suốt của mình mới rộng rãi. Vả lại, vì rằng các hào đều thuộc về Âm, cho nên gọi là đàn bà. Thành như Nghiêu, Thuấn, thiên hạ không ai kịp, mà còn nói rằng: " rộng hỏi kẻ dân", "lấy điều thiện của người làm điều thiện của mình", hào Hai biết bao nạp, thì có thể làm nên công việc của vua, cũng như người con làm nổi công việc của nhà. Hào Năm đã là Âm nhu, cho nên cái công mở mang sự tối tăm, đều ở hào Hai. Nói về gia đình, thì Năm là cha, Hai là con, hào Hai chủ trương được công việc của nhà, ấy là con người trị được gia đình vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai lấy tư cách Dương cương làm chủ quẻ trong, tóm coi các hào Âm, tức là người gánh cái nhiệm vụ mở mang kẻ tối tăm. Nhưng hạng người mà nó phải trị thì rộng, mà tính loài người lại không nhất luật như nhau, không thể nhất khái quyết định, mà đức hào ấy lại cứng mà không thái quá, tức là cái tượng có sự bao dung. Vả lại, nó là Dương mà tiếp nhận các hào Âm, cho nên lại là cái tượng "nghe vợ". Hơn nữa, nó ở ngôi dưới mà có thể gánh việc trên, tức là cái tượng người con trị được gia đình. Cho nên kẻ xem, hễ có đức ấy mà gánh việc ấy thì nên như thế là tốt.

LỜI KINH

象曰:子克家,剛接柔也.

---

[1] Chữ 婦 (phụ), cũng có thể dịch là đàn bà.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tử khắc gia, cương tiếp nhu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Con trị được nhà, cứng tiếp mềm vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Con mà trị nổi nhà là nhờ về sự tin dùng của cha chuyên chất. Hào Hai chủ trương được công việc mở mang kẻ tối tăm, là nhờ về sự tin dùng của hào Năm chuyên nhất. Hai và Năm, cái tính cứng mềm tiếp nhau, cho nên đúng đạo cương trung, làm nên công việc mở mang kẻ mờ tối. Nếu tình trên dưới mà không tiếp nhau, thì hào Hai tuy là cương trung, cũng không có thể làm chủ công việc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là chỉ về hào Hai hào Năm ứng nhau.

LỜI KINH

六三:勿用取女,見金夫,不有躬,無攸利.

Dịch âm. - *Lục Tam: Vật dụng thủ nữ, kiến kim phu, bất hữu cung, vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Chớ dùng lấy gái, thấy chồng vàng không có mình, không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào ba là Âm nhu ở chỗ tối tăm, tức là cái hạng gái bất trung chính mà hay động càn, chính ứng ở trên, không thể đi xa mà theo, gần thấy hào Chín Hai được các kẻ tối tăm theo về, và lại cực kỳ được thời, cho nên nó mới bỏ nơi chính ứng mà theo hào đó, đó là con gái chỉ lấy chồng vàng. Con gái theo người phải có chính lễ, vậy mà người này thấy kẻ nhiều tiền mà theo, không thể giữ được thân mình, thì không đi đâu được lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Ba là hào Âm nhu, chẳng trung chẳng chính, ấy là cái tượng con gái trông thấy vàng mà không tự chủ được mình. Kẻ xem gặp hào đó, thì hẳn lấy vợ, ắt được cái người như thế, không còn lợi gì. Chồng vàng, tức là đàn ông lấy vàng đút mình mà chòng ghẹo mình, như việc làm của chàng Thu Hồ nước lỗ[1].

---

[1] Cổ Nhạc Phủ chép rằng: Nước Lỗ có chàng Thu Hồ, lấy vợ năm ngày thì sang làm quan nước Trần. Năm năm mới về, giữa đường thấy người con gái hái dâu có sắc đẹp, chàng lấy làm thích, bèn xuống xe đưa vàng cho nàng để hòng ve vãn, nhưng nàng

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Quảng nói rằng: Hai chữ "Kim phu" sách *Bản nghĩa* giải không bó sát với tượng của hào. *Trình truyện* cho "Kim phu" là hào Chín Hai, nhưng hào Chín Hai là chủ việc mở mang kẻ tối tăm, nếu hào Ba mà nếu theo nó, thì cũng hợp với nghĩa của câu "trẻ thơ tìm ta" ở lời Thoán, không nên cho là bất thuận. Nghĩa là, theo lệ *Kinh Dịch:* hào Âm ở thể dưới, mà có cầu cạnh với ngôi trên, thì đều hung, thuyết của họ Vương gần phải.

LỜI KINH

象曰:勿用取女,行不順也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vật dụng thủ nữ, hạnh bất thuận dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chớ dùng lấy gái, nết không thuận vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Con gái như thế, nết họ cong queo không thuận, không thể lấy được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 順 nên đổi ra làm chữ 慎 (*thận* là *cẩn thận*), tiếng cổ, chữ 順 *(thuận)* chữ 慎 *(thận)* vẫn dùng lẫn lộn. "Nết không cẩn thận" với ý kinh càng bén sát hơn.

LỜI KINH

六四:困蒙,吝.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Khổn mông, lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Khốn về tăm tối, hối tiếc.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Tư là Âm nhu mà tối tăm, không có bậc cương minh giúp đỡ, chẳng có lối nào mở mang sự tối tăm của mình, nên mới bị khốn về sự tối tăm, đáng hối tiếc lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đã xa hào Dương, lại không có hào chính ứng, đó là cái tượng bị khốn về sự tối tăm. Kẻ xem như thế là đáng hổ thẹn hối tiếc. Biết tìm những kẻ cương minh mà gần gũi với họ, thì có thể khôn.

---

không nhận. Tới nhà, Thu Hồ đưa vàng cho mẹ, rồi gọi vợ lên, thì chính người con gái hái dâu mà chàng toan tính cho vàng. Ghét chồng có nết bất chính, nàng bèn ra sông tự trầm.

LỜI KINH

象曰:困蒙之吝,獨遠實也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khốn mông chi lận, độc viễn thật dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự hối tiếc của kẻ khốn về tối tăm, một mình xa sự thật (?) vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Trong thời tối tăm, Dương cương là kẻ mở mang sự tối tăm, hào Tư là Âm nhu mà rất xa với Dương cương, tức là một hạng ngu tối mà không được gần người hiền, không bởi đâu mà được sáng, cho nên phải khốn về sự tối tăm. Đáng thẹn tiếc, là vì riêng nó phải xa người hiền minh. Không được gần người hiền đến nỗi phải khốn, đáng thẹn tiếc lắm. "Thật" tức là Dương minh vậy.

LỜI KINH

六五:童蒙,吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Đồng mông, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu năm: Trẻ thơ, tốt!

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Năm lấy tư cách nhu thuận mà ở ngôi vua, phía dưới ứng với hào Hai là hạng lấy đức cương minh, dùng tài cương minh, để trị sự tối tăm của thiên hạ, cho nên mới tốt. "Trẻ thơ" là lấy cái nghĩa "chưa được mở mang, còn phải nhờ người".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cứng mềm ở giữa, nhằm ngôi tôn, phía dưới ứng nhau với hào Chín Hai, giữ đức thuần nhất chưa mở mang để nghe người ta, cho nên tượng nó là hạng trẻ thơ, mà lời chiêm như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰:童蒙之吉,順以巽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đồng mông chi cát, thuận dĩ tốn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: sự tốt của trẻ thơ, thuận và nhũn vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Bỏ mình theo người đó là thuận hạ chí mình mà tìm xuống dưới là nhún. Có thể như thế, tức là hơn cả thiên hạ.

LỜI KINH

上九:擊蒙,不利為寇,利御寇.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Kích mông, bất lợi vi khấu, lợi ngự khấu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Đánh kẻ tối tăm, không lợi cho sự làm giặc, lợi cho sự chống giặc.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Ở sau quẻ Mông, là nhằm giữa lúc tối tăm đến cùng cực. Người ta tối tăm đến cùng cực thì dân Miêu không theo đức hóa, làm giặc làm loạn, nên đánh dẹp nó. Nhưng hào Chín ở trên, cứng quá mà không được giữa, cho nên răn rằng: "Không lợi cho sự làm giặc". Trị sự tối tăm của người ta, tức là chống giặc; tự do làm sự tham bạo, thì là làm giặc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này là Dương cương, ở trên cùng, cho nên là tượng đánh kẻ tối tăm. Nhưng, cả thuyết thái quá, đánh trị ngặt quá, thì ắt trở lại làm hại. Chỉ có ngăn sự cám dỗ bên ngoài, để làm cho cái tính chất chân thật thuần túy của nó được nguyên vẹn, thì dù có quá nghiêm mật, cũng là hợp lẽ nên chăng, cho nên mới răn kẻ xem như thế. Việc gì cũng vậy, không phải một việc dạy người mà thôi.

LỜI KINH

象曰:利用御寇,上下順也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lợi dụng ngự khấu, thượng hạ thuận dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lời về sự chống giặc, trên dưới đều thuận vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Lợi về sự chống giặc, là vì kẻ trên người dưới đều được sự thuận của mình, người trên không làm dữ quá, kẻ dưới đánh đuổi được sự tối tăm của nó, đó là cái nghĩa chống giặc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chống giặc bằng sự cương minh, kẻ trên dưới đều đúng với đạo của mình.

QUẺ NHU

☵ Khảm trên

☰ Kiền dưới

Bản nghĩa của Trình Di. - Quẻ Nhu, Tự quái nói rằng: Mông tức là *đội*, là vật còn non, vật non thì tất phải nuôi, cho nên tiếp đến quẻ Nhu. Nhu tức là việc ăn uống. Vật còn non nớt, phải đợi nuôi nấng mới lớn mà cái cần dùng trong sự nuôi nấng các vật thì là sự ăn uống, cho nên nói rằng quẻ Nhu là việc ăn uống. Mây[1] bay lên trời[2] có tượng hun bốc nhuần ướt, ăn uống là để nhuần ích cho các loài vật, cho nên quẻ Nhu - là việc ăn uống - sở dĩ nối dưới quẻ Mông. Đại ý quẻ này có nghĩa chờ đợi. Cái tính Kiền mạnh nhất định phải tiến, vậy mà nó lại ở dưới quẻ Khảm là tượng chỗ hiểm, chỗ hiểm làm ngăn trở nó, cho nên cần phải chờ đợi rồi sau mới tiến.

LỜI KINH

需,有孚,光,亨,貞,吉,利涉大川.

Dịch âm. - *Nhu, hữu phu, quang, hanh, trinh, cát, lợi thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Nhu, có đức tin, sáng láng, hanh thông, chính bền, tốt! Lợi sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Nhu là chờ đợi. Nói về hai thể, thì Kiền cứng mạnh cần tiến lên, mà gặp chỗ hiểm, chưa thể tiến được, cho nên là nghĩa chờ đợi. Nói về tài quẻ, thì hào Năm ở ngôi vua, là chủ sự chờ đợi, có đức cứng mạnh, trung chính, mà sự thành tín đầy đặc bên trong, tức là bên trong đầy đặc có đức tín; có đức tín thì sáng láng mà có thể hanh thông, được trinh chính và tốt. Dùng những cái đó mà chờ đợi, thì gì mà không qua: dù hiểm cũng không khó, cho nên mới lợi về việc sang sông lớn. Đại phàm *trinh cát*, có khi là đã *chính* lại *tốt*, có khi là có *chính* mới *tốt*, cần phải phân biệt.

---

[1] Chỉ về Khảm.
[2] Chỉ về Kiền.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Nhu* nghĩa là đợi. Quẻ Kiền gặp quẻ Khảm, Kiền mạnh Khảm hiểm, sức mạnh gặp chỗ hiểm mà không vội tiến cho mắc vào chỗ hiểm đó, ấy là cái nghĩa chờ đợi. *Phu* là đức tin ở trong. Quẻ này hào Chín Năm là thể Khảm bên trong đã đầy đặc, lại có những tính Dương cương, trung chính mà ở ngôi tôn, tức là cái tượng "có đức tin được ngôi chính". Nước Khảm ở phía trước, Kiền mạnh kề tới, ấy là cái tượng "sắp sang sông lớn mà chưa tiến lên một cách khinh thường". Cho nên, kẻ xem, nếu là có sự chờ đợi mà tự mình sẵn có đức tin thì sẽ sáng láng hanh thông; nếu lại được chính thì tốt mà lợi về việc sang sông lớn. Chính bền thì không cái gì không tốt, mà sự sang sông lại càng quý ở chờ đợi. Đó là không vì lòng muốn mau chóng mà phạm vào chỗ hiểm nạn.

LỜI KINH

彖曰:需須也,險在前也,剛健而不陷,其義不困窮矣.

Dịch âm. - *Thoán viết: Nhu, tu dã; hiểm tại tiền dã; cương kiện nhi bất hãm, kỳ nghĩa bất khốn cùng hỹ.*

Dịch nghĩa. - Lời thoán nói rằng: Nhu tức là đợi, chỗ hiểm ở trước vậy. Cứng mạnh mà không bị hãm, nghĩa là nó không khốn cùng rồi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa của quẻ Nhu là đợi, vì có chỗ hiểm ở phía trước, chưa thể vội tiến, nên phải chờ đợi rồi sau mới đi. Là hạng cứng mạnh như Kiền mà biết chờ đợi, không dám khinh thường mà động, cho nên không bị hãm vào chỗ hiểm, cái nghĩa của nó không đến khốn cùng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

需有孚,光,亨,貞,吉,位乎天位,
以正中也.利涉大川,往有功也.

Dịch âm. - *Nhu hữu phu, quang, hanh, trinh, cát, vị hồ thiên vị, dĩ chính trung dã; lợi thiệp đại xuyên, vãng hữu công dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Nhu có đức tin, sáng láng, hanh thông, chính bền, tốt, là vì ở vào ngôi trời, để chính giữa vậy. Lợi về sự sang sông lớn, đi thì có công vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Năm cứng đặc, ở giữa, là tượng đức tin, mà lại được cái nó vẫn chờ đợi, cũng là nghĩa có đức tin. Vì là Kiền cương, rất thành, cho nên đức nó sáng tỏ mà có thể hanh thông, được trinh chính mà tốt. Sở dĩ có thể như thế, là vì nó ở ngôi trời mà được chính giữa. Đã có đức tin mà lại trinh chính, tuy qua chỗ hiểm mặc lòng, hễ đi thì có công, đó là điều chí thiện trong đạo Nhu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể và hai tượng của quẻ để thích lời quẻ.

LỜI KINH

象曰:雲上於天,需.君子飲食宴樂.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vân thướng ư thiên, Nhu, quân tử dĩ ẩm thực yến lạc.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: mây lên trời, là quẻ Nhu, đấng quân tử coi đó mà ăn uống yên vui.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hơi mây hun nấu mà bốc lên trời, phải đợi Âm Dương hòa hợp mới thành mưa; mây đương lên trời, thì chưa thành mưa, cho nên là nghĩa chờ đợi. Khí của Âm Dương cảm nhau mà chưa thành mưa, cũng như đấng quân tử còn nuôi tài đức chưa thi thố ra việc làm. Đấng quân tử coi tượng mây đương lên trời đợi để làm mưa, mà mang bọc đạo đức ở yên đợi thời, ăn uống để nuôi khí thể, yên vui để hòa tâm chí. Đó là "Ở cách bình dị để chờ số mệnh".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mây lên trời, không còn làm gì nữa, chỉ đợi Âm Dương hòa hợp tự nhiên sẽ mưa. Việc còn phải chờ, thì cũng đừng chờ làm gì nữa, chỉ hãy ăn uống yên vui, đợi nó đến mà thôi. Nếu lại làm một sự gì, thì không phải là chờ đợi nữa.

LỜI KINH

初九:需于郊,利用恒,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Đợi ở đồng, lợi về dùng lẽ hằng. Không có lỗi.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Kẻ đợi vì gặp chỗ hiểm cho nên đợi rồi mới tiến, Hào Đầu rất xa chỗ hiểm, cho nên là đợi ở đồng, đồng là một nơi rộng rãi xa xôi, ở chỗ rộng rãi xa xôi, lợi ở yên giữ đạo thường thì không có lỗi. Nếu không yên giữ đạo thường mà nóng nẩy hành động, phạm vào hiểm nạn, há lại có thể đợi ở chỗ xa mà không có lỗi được sao?

Bản của Chu Hy. - Đồng là chỗ đất rộng xa, tức là tượng chưa gần chỗ hiểm, mà hào Chín Đầu là hào Dương cương lại có tượng thường ở nơi chốn của nó; cho nên mới răn kẻ xem có thể như thế thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰:需于郊,不犯難行也.利用恆,無咎,未失常也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhu vu giao, bất phạm hành giã, lợi dụng hằng, vô cữu, vị thất thường giã.*

Dịch nghĩa. - Đợi ở đồng không phạm vào chỗ hiểm nạn vậy, lợi dụng đạo thường, không lỗi, vì chưa sai mất đạo thường vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Ý nói kẻ ở nơi rộng xa, không dám xông pha vào chỗ hiểm nạn mà đi. Dương là vật cứng mạnh mà chỉ tiến lên, hào Đầu hết đợi ở chỗ rộng xa, không dám xông pha vào chỗ hiểm nạn mà tiến, lại nên ở yên, không sai đạo thường, thì không có lỗi. Tuy là không tiến, mà kẻ tâm chí thích động, thì không thể nào chịu yên đạo thường. Đấng quân tử chờ thời, phải nên yên tĩnh tự giữ, tâm chí tuy có chờ đợi, nhưng vẫn êm lặng như sẽ ở vậy đến trọn đời, thì mới có thể dùng được đạo thường.

LỜI KINH

九二:需于沙,小有言,終吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Đợi ở bãi cát, hơi có điều tiếng, sau chót tốt.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Khảm là nước, nước gần thì có cát Hào Hai cách chỗ hiểm đã dần dần hơi gần, cho nên là đợi ở cát. Dần dần gần với hiểm nạn tuy là chư đến lo hãi, nhưng đã hơi có điều tiếng. Những lời thuộc về hoạn nạn cũng có lớn nhỏ khác nhau, nhỏ

là hơi có điều tiếng, ấy là cái hại rất nhỏ về lời nói vậy. Hào hai là tài cương minh, ở chỗ mềm yếu, giữ ngôi chính giữa, mà tự xử một cách rộng rãi, đó là kẻ khéo chờ đợi, tuy cách chỗ hiểm đã gần dần dần, mà còn chưa tới chỗ hiểm, cho nên chỉ hơi có hại về điều tiếng, mà không có hại lớn, sau rốt vẫn được lành tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bãi cát đã gần chỗ hiểm rồi. Hại về điều tiếng, cũng là tai hại hạng nhỏ. Vì tiến dần dần gần với quẻ Khảm, cho nên mới có tượng ấy. Cương trung mà biết chờ đợi, cho nên sau chót được tốt. Đó là răn kẻ xem phải nên như thế.

LỜI KINH

象曰:需于沙,衍在中也,雖小有言,以終吉也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhu vu sa, diễn tại trung dã, tuy tiểu hữu ngôn, dĩ trung cát dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đợi ở cát là rộng rãi ở trong vậy, tuy là hơi có điều tiếng, về sau là được tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Diễn là rộng rãi. Hào Hai tuy gần chỗ hiểm, mà vì rộng rãi ở giữa, cho nên, tuy là hơi có điều tiếng phạm tới, sau chót vẫn được tốt lành. Đó là khéo xử.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Diễn tức là ý rộng rãi. Lấy cách rộng rãi ở giữa, đó là không vội tiến lên.

LỜI KINH

九三:需于泥,至寇至.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Nhu vu nê, trí khấu chí.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín ba: Đợi ở bùn, dắt giặc đến

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Bùn là chỗ sát với nước: Đã tiến sát đến chỗ hiểm, cho nên là dắt giặc nạn đến nơi. Hào ba *cứng* mà không *giữa,* lại ở trên thể mạnh, có tượng tiến động, cho nên mới là dắt giặc. Nếu không kính thận, thì sẽ phải lên táng bại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bùn là nơi sắp sửa hãm vào chỗ hiểm, giặc thì là thứ hại lớn. Hào Chín Ba cách với chỗ hiểm càng gần, mà lại quá *cứng* không *giữa,* cho nên tượng nó như thế.

LỜI KINH

象曰:需于泥,災在外也.自我致寇,敬慎不敗也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhu vu nê, tai tại ngoại dã; tự ngã trí khấu, kính thận bất bại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đợi ở bùn, hại ở ngoài vậy; tự mình dắt giặc, kính thận thì không thất bại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba bức sát vào chỗ hiểm nạn của thể trên, cho nên nói rằng: tại hại ở ngoài. Tai là tiếng chung về hoạn nạn, đối với chữ 眚 *(sảnh)* mà nói, thì nó là một phần nhỏ. Hào Ba dắt giặc là tại tự mình tiến sát đến nơi, cho nên nói rằng: tự mình dắt giặc. Nếu biết kính thận, cân nhắc cơ nghi rồi sẽ tiến lên, thì không thất bại. Thời của quẻ Nhu là phải chờ đợi sẽ tiến, cốt xem thời thế mà động, không phải là răn người ta không được tiến, chỉ muốn khiến cho người ta chớ để lỗi mất cơ nghi mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ngoài là quẻ ngoài, kính thận không thất bại là nói rõ sự chiêm ở ngoài lời chiêm, cái ý thánh nhân dạy bảo người ta thật là thiết tha.

LỜI KINH

六四:需于血,出自穴.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Nhu vu huyết, xuất tự huyệt.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đợi chưng máu, ra tự hang.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào tư là chất Âm nhu, ở chỗ hiểm, phía dưới lại nhằm đường tiến của ba hào Dương, ấy là bị thương về hiểm nạn, cho nên nói rằng: đợi chưng máu. Đợi ở máu là đã bị thương về hiểm nạn, thì không thể yên, ắt mất chỗ ở, cho nên nói là ra tự hang.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Máu là chỗ giết hại, hang là nơi hiểm hãm. Hào Tư giao với thể Khảm, ấy là vào chỗ hiểm rồi, cho nên là tượng "đợi chưng máu". Nhưng nó *mềm* được chính đạo, đợi mà không tiến, cho nên lại là tượng "ra tự hang". Kẻ xem như thế, thì tuy ở chỗ bị hại, sau chót cũng ra được.

LỜI KINH

象曰:需于血,順以聽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhu vu huyết, thuận dĩ thính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đợi chưng máu, thuận mà nghe vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Tư là Âm nhu ở trong hiểm nạn, không thể cố ở, cho nên tự hang lui ra. Vì Âm nhu, không tranh cạnh với đời, hễ không ở được thì lui, ấy là xuôi thuận để nghe theo thời, cho nên không đến nỗi hung.

LỜI KINH

九五:需于酒食,貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Nhu vu tử thực, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Đợi chưng rượu cơm, chính tốt!

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Là Dương cương, ở giữa, được chính vị ở ngôi trời, mà làm được hết đạo mình, dùng kiểu ấy mà đợi, thì đợi gì mà không được? Nên chỉ yên vui cơm rượu để đợi, mà cái chờ đợi ắt là phải được. Đã trinh chính mà sự chờ đợi lại thỏa thuê, đáng gọi là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Rượu cơm là đồ yên vui. Ý nói cứ yên mà đợi. Hào Chín Năm là bậc Dương cương trung chính, đợi ở ngôi tôn, cho nên có tượng ấy. Kẻ xem như thế mà chính bền thì được tốt lành.

LỜI KINH

象曰:酒食貞吉,以中正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tửu thực trinh cát, dĩ trung chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Rượu cơm chính tốt, vì trung chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Đợi ở rượu cơm mà trinh và tốt, là vì hào Năm được chỗ trung chính mà làm hết đạo của nó.

LỜI KINH

上九:入于穴,有不速之客三人來,敬之,終吉.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Nhập vu huyệt, hữu bất tốc chi khách tam nhân lai, kinh chi, chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Vào chung hang, có ba người khách không mời mà đến, kính trọng họ, sau chót tốt.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Quẻ Nhu vì có chỗ hiểm ở trước, chờ thời mới tiến, hào Sáu Trên ở chót chỗ hiểm, chót thì biến rồi, ấy là chờ đã cực lâu mà được. Âm đỗ ở số sáu, tức là ở yên nơi chốn, cho nên là vào trong hang, hang tức là chỗ yên ở. Ở yên và đã đỗ rồi, thì kẻ đi sau ắt tới. Ba người khách không mời, chỉ vào ba hào Dương ở dưới. Ba hào Dương của quẻ Kiền không phải là vật ở dưới, nó chỉ chờ thời mà tiến. Chờ đã lâu rồi, cho nên nó đều tiến lên; "không mời" tức là không giục mà nó tự đến. Hào Sáu Trên đã đợi được chỗ ở yên, khi các hào Dương tới nơi, nếu nó không nổi lòng ghen ghét cạnh tranh, mà cứ chí thành tận kính để chờ, thì những hào kia tuy rất cường bạo, há lại có lẽ xâm lăng với nó? Cho nên sau chót vẫn tốt. Có người ngờ rằng: Là Hào Âm, ở trên ba hào Dương, sao được là yên? Đáp rằng: ba hào Dương thuộc về thể Kiền, chí nó cốt ở tiến lên, hào Sáu là ngôi Âm, không phải chỗ nó đáng đỗ, không có ý muốn tranh cướp, kính nó thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Âm, ở chỗ hiểm cực, không còn chờ đợi, có tượng bị hãm mà vào hang; dưới thì ứng nhau với hào Chín Ba. Hào Chín Ba và hai hào Dương ở dưới chờ đợi đã cực mà cùng tiến lên, là tượng ba người khách không mời mà đến. Hào Sáu Trên là bậc Âm nhu, không thể chống nó mà biết xuôi thuận với nó, có tượng kính nó. Kẻ xem gặp chỗ hãm hiểm, nhưng với những người phi ý mà đến, cứ kính trọng mà đãi lại họ, thì sau được tốt.

LỜI KINH

象曰:不速之客來,敬之終吉.雖不當位,未大失也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất tốc chi khách lai, kính chi chung cát, tuy bất đáng vị, vị đại thất dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Khách không mời mà đến, kính họ, sau tốt, tuy không đáng ngôi, mà chưa hỏng lắm vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không đáng ngôi chỉ về Âm mà ở trên. Hào này là hào Sáu ở ngôi Âm đó là cái tượng yên ổn. Lại nói cho hết nghĩa, tỏ rằng: Âm nên ở dưới mà nó ở trên là không đáng ngôi.

Nhưng biết kính thật tự xử, thì hào Dương không thể lấn, sau vẫn được tốt, tuy không đáng ngôi, mà chưa đến nỗi hỏng lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là Âm ở trên, tức là đáng ngôi. Đây nó không đáng ngôi, chưa rõ là ý làm sao.

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi: Không đáng ngôi là thế nào? Chu Hy đáp rằng: Đại phàm hai hào Đầu và Trên đều không có ngôi, hào Hai là ngôi kẻ sĩ, hào Ba là ngôi khanh đại phu, hào Tư là ngôi đại thần, hào Năm là ngôi vua. Hào Sáu Trên không đáng ngôi như phụ lão không coi gia chính mà lui về chỗ nhàn rỗi, nhà chùa có chốn tây đường v.v..."

QUẺ TỤNG

☰ Kiền trên
☵ Khảm dưới

Bản nghĩa của Trình Di. - Quẻ Tụng, Tự quái nói rằng: Ăn uống thì phải kiện tụng, cho nên tiếp đến quẻ Tụng[1]. Cái mà người ta cần dùng là sự ăn uống, đã phải chờ đợi, thì sự tranh kiện ở đó mà ra. Vì vậy quẻ Tượng mới nối quẻ Nhu. Nó là quẻ Kiền trên Khảm dưới. Nói về hai Tượng thì khí Dương của trời đi lên, tính nước đi xuống, sự đi của nó trái nhau, cho nên thành Kiện. Nói về hai thể, thì trên cứng dưới hiểm, cứng với hiểm gặp nhau, khỏi kiện sao được? Lại nữa, người ta bên trong hiểm trở mà bên ngoài cương cường, vì vậy sinh ra tranh kiện.

LỜI KINH

訟有孚窒惕,中吉,終凶,利見大人, 不利涉大川.

Dịch âm. - *Tụng, hữu phu chất Dịch, trung cát, chung hung, lợi kiến đại nhân, bất lợi thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Kiện, có thật, bị lấp, phải sợ, vừa phải, tốt; theo đuổi đến chót, xấu; lợi về sự thấy người lớn, không lợi về sự sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Phép kiện phải có sự thật, ở trong không có sự thật thì là kiểu của kẻ Vô võng, ấy là đạo hung. Quẻ này giữa đặc[2] tức là tượng có sự thật. Kẻ kiện tranh biện với người này mà đợi, người khác quyết đoán cho mình, dù có sự thật cũng nên lấp đi, nếu không lấp thì đã rõ rồi, không có kiện nữa. Việc đã chưa phân biệt, thì lành dữ chưa thể chắc, cho nên có sự sợ hãi. *Trung cát* nghĩa là vừa phải thì *tốt, chung hung* nghĩa là theo đuổi công việc tới cùng thì xấu. Kẻ kiện cần để phân biệt cong ngay, cho nên lợi về sự thấy người lớn, vì rằng người lớn dùng đức cương minh trung chính quyết đoán việc kiện của họ. Kiện không phải là việc hòa bình, nên chọn

---

[1] Tụng nghĩa là kiện.
[2] Chỉ về quẻ Khảm.

chỗ yên ổn mà ở, không nên hãm vào chốn nguy hiểm, cho nên không lợi về sự sang sông lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tụng là tranh biện. Trên Kiền dưới Khảm, Kiền cứng Khảm hiểm, người trên dùng sự cứng để chế kẻ dưới, kẻ dưới dùng sự hiểm để nhòm người trên, lại là mình hiểm mà nó mạnh, đều là đạo kiện. Quẻ này hào Chín Hai giữa đặc mà không có kẻ ứng cùng, lại là thêm lo. Vả, theo quái biến, nó tự quẻ Độn mà hại, tức là kẻ cứng đến ở hào Hai mà nhằm vào giữa thể dưới, có Tượng có sự thật bị lấp, biết sợ mà hợp với lẽ vừa phải; hào Chín Trên quá cứng ở cuối sự kiện, có Tượng theo đuổi việc kiện đến cùng hào Chín Năm cứng mạnh, trung chính ở ngôi tôn, có tượng người lớn; lấy tư cách Dương cương cưỡi lên chỗ hiểm, ấy là sự dầy đặc xéo vào chỗ hãm, có Tượng không lợi về sự sang sông lớn, cho nên mới răn kẻ xem ắt có sự tranh biện và tùy theo chỗ ở của họ mà thành ra lành hay dữ.

LỜI KINH

彖曰：訟，上剛下險，險而健，訟。

Dịch âm. - *Thoán viết: Tụng, thượng cương hạ hiểm, hiểm nhi kiện, Tụng.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Tụng, trên cứng dưới hiểm, hiểm mà mạnh, là quẻ Tụng.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Tụng là quẻ trên cứng dưới hiểm, hiểm mà lại mạnh, lại là hiểm với mạnh tiếp nhau, trong hiểm ngoài mạnh, đều là cái cớ sinh kiện. Nếu như mạnh mà không hiểm, thì không sinh ra kiện; hiểm mà không mạnh, cũng không thể kiện; vì hiểm mà lại mạnh, nên mới thành kiện.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

訟有孚，窒惕，中吉，剛來而得中也。
終凶，訟不可成也。利見大人，尚中正也。
不利涉大川，入于淵也。

Dịch âm. - *Tụng hữu phu, chất Dịch, trung cát, cương lai nhi đắc trung dã; chung hung, tụng bất khả thành dã; lợi kiến đại nhân, thượng trung chính dã; bất lợi thiệp đại xuyên, nhập vu uyên dã.*

Dịch nghĩa. - Kiện có sự thật, bị lấp, phải sợ, vừa phải tốt, cứng lại mà được vừa phải vậy: theo đuổi đến chót thì xấu, việc kiện không thể thành vậy; lợi về sự thấy người lớn, chuộng sự trung chính vậy; không lợi về sự sang sông lớn, vào chưng vực vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Lại cứ tài quẻ mà nói, hào Chín Hai lấy tư cách Dương cương ở ngoài đến, thì nó là chủ việc kiện. Lấy đức Dương cương ở giữa, tức là cái Tượng giữa đặc; cho nên là có sự thật. Trong thời kiện, dù có đức tin cũng phải ngăn trở, bị tắc lấp mà có sợ hãi, nếu không bị lấp thì không thành kiện. Lại, ở chỗ hãm hiểm, cũng là cái nghĩa tắc lấp sợ hãi. Hào Hai lấy đức Dương cương ở ngoài đến mà được vừa phải, nghĩa là lấy đức Dương cương đến kiện mà không làm quá. Kiện không phải việc hay, nó là việc bất đắc dĩ, đâu lại có thể làm đến cùng chót? Nếu có ý làm đến cùng chót thì là hung. Vì vậy mới nói là "không thể thành", "thành" là làm cho việc đến cùng tận. Kẻ kiện chỉ cần phân biệt được sự phải trái, phân biệt được đúng tức là trung chính, cho nên mới lợi về sự thấy người lớn, vì cái mà người đi kiện vẫn chuộng, là sự trung chính... Người lớn trung chính tức là hào Chín Năm, Kiện nhau với người, ắt phải để mình vào chỗ bình yên, nếu xéo vào chỗ nguy hiểm, thì là tự hãm thân mình, đó là vào vực. Trong quẻ này có Tượng trung chính hãm hiểm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là sự biến đổi của quẻ và thể quẻ, tượng quẻ để thích lời quẻ.

LỜI KINH

象曰：天與水違行，訟，君子以作事謀始。

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên dữ thủy vi hành, Tụng, Quân tử dĩ tác sự mưu thủy.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trời với nước đi trái nhau, là quẻ Tụng, đấng quân tử coi đó mà dấy việc mưu tính lúc đầu.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Trời trên nước dưới, hai thể trái nhau mà đi, đó là cớ sinh ra kiện. Nếu như trên dưới thuận nhau, thì kiện còn bởi đâu mà sinh ra được? Đấng quân tử coi cái Tượng đó biết rằng tình người phải có tranh kiện, cho nên hễ làm việc gì, ắt phải mưu tính từ đầu, cho dứt mối kiện từ khi việc mới bắt đầu, thì kiện không bởi đâu mà sinh ra nữa. Nghĩa chữ "mưu thủy" rộng lắm, như là những việc cẩn thận giao kết, ghi rõ khế khoán v.v...

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trời trên nước dưới, thường đi trái nhau. Dấy việc, mưu tính từ đầu, mối kiện phải tuyệt.

LỜI KINH

初六:不永所事,小有言,終吉.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Bất vĩnh sở sự, tiểu hữu ngôn, chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Chẳng lâu dài về việc của mình, hơi có điều tiếng, sau tốt.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Sáu là kẻ lấy tư cách nhu nhược, ở dưới, không thể làm cho cùng cực việc kiện của mình, cho nên từ đầu quẻ Tụng, nhân tài hào Sáu mà răn trước rằng: Nếu không theo đuổi lâu dài về việc của mình, thì tuy hơi có điều tiếng, về sau cũng được tốt lành. Vì rằng kiện tụng không phải là việc có thể lâu dài, lấy tài âm nhu mà kiện ở dưới thì khó được tốt, bởi tại trên có ứng viện, lại biết không cố theo đuổi lâu dài về việc của mình, cho nên tuy là hơi có điều tiếng, sau cũng được tốt. Có điều tiếng là tai hại nhỏ, không lâu dài về việc mà không đến nỗi phải hung, đó là sự tốt trong việc kiện.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm nhu ở dưới, không thể làm trọn việc kiện, cho nên lời chiêm và tượng của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:不永所事,訟不可長也.雖小有言,其辨明也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất vĩnh sở sự, tụng bất khả trường dã; tuy tiểu hữu ngôn, kỳ biện minh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng lâu dài về việc của mình, việc kiện không thể kéo dài vậy. Dẫu là hơi có điều tiếng; sự phân biệt không được rõ ràng vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Là kẻ nhu nhược mà kiện ở dưới, nghĩa nó không thể lâu dài. Nếu làm lâu dài việc kiện, thì cũng không thắng mà vạ tới mình. Nhu nhược ở dưới, tài không thể kiện, dẫu không kéo dài công việc của mình, nhưng đã kiện rồi, ắt có hại nhỏ, cho nên hơi có điều tiếng. Song đã không kéo dài công việc của mình, mà ở bên trên, lại có Dương cương chính ứng, biện lý công minh, cho nên về sau được tốt. Nếu không thế, thì sao khỏi vạ?

LỜI KINH

九二:不克訟,歸而逋,其邑人三百戶,無眚.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Bất khắc tụng, qui nhi bộ, kỳ ấp nhân tam bách hộ, vô sảnh.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Không được kiện, về mà trốn người làng mình ba trăm hộ, không có tội lỗi.

GIẢI NGHĨA

Hào Hai, hào Năm là chỗ ứng nhau, mà hai tính cứng không thể cùng nhau. Hào Chín Hai từ ngoài lại, lấy đức cứng ở chỗ hiểm, làm chủ việc kiện mà cùng hào Năm chọi nhau. Hào Năm là bậc trung chính; ở ngôi vua, hào Hai chọi lại sao được? Đó là kiện nhau mà nghĩa không được. Nếu biết là nghĩa không nên, lui về mà trốn để tránh cho qua, dùng sự kiện ước tự xử, thì được khỏi tội. Phải trốn, là cốt tránh chỗ làm kẻ đối địch. Ba trăm hộ tức là cái ấp rất nhỏ. Nếu mà ở chỗ mạnh lớn, tức là hãy còn ganh đua, sao được khỏi tội?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai là hạng Dương cương làm chủ sự hiểm, và vốn muốn kiện. Nhưng tính cương, ở ngôi nhu, được chỗ chính giữa ở quẻ dưới mà trên thì ứng với hào Chín Năm, là bậc Dương cương ở ngôi tôn, thế không thể địch, cho nên Tượng và lời Chiêm của nó như thế. Người ấp ba trăm hộ, tức là ấp nhỏ, ý nói tự xử một cách thấp hẹp, cho khỏi tai hoạn. Kẻ xem nếu thế thì không có tội.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: "Không được kiện, về mà trốn, người ấp ba trăm hộ, không có tội, cớ gì không nói hai trăm hộ? Là vì nó có định số. Ngày nay, những người giải nghĩa lại muốn gò gập, cho nên chỉ có thể nói là ấp nhỏ?

LỜI KINH

象曰:不克訟,歸逋,竄也.自下訟上,患至掇也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất khắc tụng qui bộ, thoán dã; tự hạ tụng thượng, hoạn chí, suyết dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Không được kiện, về trốn, là đi lánh vậy, tự dưới kiện lên, hoạn nạn tới, nhặt lấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Nghĩa đã không thể địch nhau cho nên không thể được kiện, về mà trốn, ấy là lánh bỏ nơi chốn của mình.

Ở dưới mà kiện người trên, nghĩa trái thế kém, vạ hoạn kéo đến cũng như nhặt lấy. Ý nói tự mình tự rước lấy vạ lo vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Suyết là tự mình vơ lấy.

LỜI KINH

六三:食舊德,貞厲,終吉.或從王事,無成.

Dịch âm. - *Lục Tam: Thực cực đức, trinh lệ, chung cát hoặc cống vương sự, vô thành.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Ăn về đức cũ, chính bền, lo sợ sau tốt, hoặc theo việc vua, không thành.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Ba tuy ở ngôi cương mà ứng với hào Trên, nhưng chất nó vốn là Âm nhu, lại ở chỗ hiểm, xen vào khoảng giữa hai hào cương, lo sợ không phải là vì việc kiện. Ăn *đức cũ* nghĩa là xử theo cái phận sẵn có của mình, *trinh* là kiên cố tự giữ, *lo sợ sau tốt* nghĩa là tuy ở vào chỗ hiểm nghèo, mà biết lo lắng, thì sau chót ấy ắt được tốt lành. *Theo việc vua* là mềm theo *cứng*, dưới theo trên. Hào Ba không vì việc kiện mà theo việc làm của hào Chín Trên, cho nên nói rằng "hoặc theo việc vua, không thành", nghĩa là mình theo người trên thì sự thành công không phải ở mình. Kiện là việc cứng mạnh, cho nên hào Đầu thì không kéo dài, hào Ba thì theo hào Trên, đều không phải hạng không biết kiện, hai hào đó đều vì Âm nhu không chót việc kiện mà được tốt, hào Tư cũng vì không được kiện mà đổi, được tốt, đó là việc kiện lấy sự biết thôi làm hay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 食 *(thực)* này cũng như chữ 食 *(thực)* trong tiếng 食邑 *(thực ấp làng ăn lộc)*, chỉ nói về cái được hưởng. Hào Sáu Ba là hạng Âm nhu, không phải kẻ biết kiện, cho nên cứ giữ nếp cũ, ở chỗ ngay thẳng, thì dù có nguy mà sau vẫn tốt. Nhưng nếu hoặc ra mà làm việc vua, thì cũng không thể thành công. Kẻ xem nên cứ thủ thường không ra là phải.

LỜI KINH

象曰:食舊德,從上吉也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thực cựu đức, tòng thượng cát dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ăn đức cũ, và theo người trên thì tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Giữ phận sẵn có của mình, tùy theo việc làm của người trên, mà không phải ở mình mà ra, cho nên dù là không thành mà sau vẫn được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tòng thượng cát nghĩa là theo người trên thì tốt, tỏ rằng việc gì tự chủ thì không thành công.

LỜI KINH

九四:不克訟,復即命,渝安貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Bất khắc tụng, phục tức mệnh, thâu an* trinh cát.

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Không thể kiện, lại theo mệnh đổi ra yên bề chính bền, tốt!

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Tư là Dương cương, ở thể mạnh, không được trung chính, vốn là kẻ đi kiện. Nhưng nó vâng theo hào Năm, xéo lên hào Ba, mà ứng với hào Đầu, hào Năm là vua, nghĩa không thể kiện: hào Ba ở dưới mà tính lại mềm, không kiện với nó; hào Đầu chính ứng với nó mà chỉ thuận theo, không phải là kẻ dự việc kiện; hào Tư tuy là cứng mạnh muốn kiện, mà không có kẻ đối địch, việc kiện của nó, không bởi đâu mà dấy lên được, cho nên nó không thể kiện. Lại, hào này ở ngôi *mềm* để ứng với hào mềm, cũng là cái nghĩa "biết thôi". Đã là nghĩa không thể kiện, nếu biết nén lòng cương phẫn muốn kiện, lại theo số mệnh mà thay lòng, dẹp khí, đổi ra yên bề chính bền thì tốt. Mệnh tức là chính lý, làm trái chính lý gọi là "chống mệnh", cho nên cho sự theo mệnh là "lại"... Ôi, cứng mạnh mà không trung chính, thì hay nóng nảy hành động, cho nên không thể ở yên; không trung chính cho nên không trinh không yên. Vì vậy mới thích kiện cáo. Nếu như nghĩa không thể kiện mà không kiện, lại theo chính lý, đổi sự không an trinh ra làm an trinh thì tốt.

Bản nghĩa của Trình Di. - "Tức" nghĩa là tới, "mệnh" tức là chính lý, "thâu" nghĩa là đổi. Hào Chín Tư cứng mạnh mà không trung chính, cho nên có tượng kiện cáo. Vì nó ở vào nhu, cho nên lại là cái tượng vì "không thể kiện mà theo chính lý thay đổi lòng bụng, ở yên chính đạo". Kẻ xem như thế thì tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lã Đông Lai nói rằng: Hào này là số Chín, ở ngôi Tư, ấy là hạng cương cường ở chỗ không được trung chính, vốn là kẻ thích kiện. Nhưng cái mà nó phải theo là hào Năm, hào Năm rất tôn, nó không dám kiện; cái mà nó xéo lên là hào Ba,

hào Ba rất mềm không đến nỗi sinh kiện, cái mà nó ứng với là hào Đầu, hào Đầu đã ứng với nó, không phải kẻ kiện nhau với nó; tả trước hữu sau, đều không thể kiện, dù nó có lòng thích kiện, cũng không được sính chút nào, thì cái bụng nó ắt phải trở lại mà về đường thiện. Vì vậy mới nói là "lại theo mệnh", mệnh tức chính lý. Cái lòng thích kiện, đã không thi thố ra được, thì lại theo về chính lý mà đổi ra thiện.

Hồng Quát Sương nói rằng: Hào Hai với hào Năm kiện nhau, hào Tư với hào Đầu kiện nhau, sự địch nhau của các hào đó mạnh yếu khác nhau, mà đều nói là không thể kiện, là vì: hào Hai là dưới kiện trên, sự không thể đó là thế như thế; hào Tư là trên kiện dưới, sự không thể này là lý như thế. Hào Hai thấy thế không thể địch, nên phải lui về mà trốn; hào Tư biết lý không thể đổi, cho nên lại phải theo mệnh. Bởi tại hào Hai hào Tư là kẻ cứng, ở ngôi mềm, nên mới có thể như thế.

LỜI KINH

象曰:復即命,渝安貞,不失也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phục tức mệnh, thâu an trinh, bất thất dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lại theo mệnh, đổi ra an bề chính bền, không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Có thể như thế, là không có lỗi, vì vậy mới tốt.

LỜI KINH

九五:訟元吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ, Tụng nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Kiện cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào này là kẻ lấy đức trung chính ở ngôi tôn mà trị việc kiện. Trị việc kiện được trung chính, cho nên cả tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là kẻ có đức Dương cương trung chính để ở ngôi tôn, nghe việc kiện mà được công bình. Kẻ xem gặp hào này, kiện mà có lý, chắc tỏ được sự oan khuất.

LỜI KINH

象曰:訟元吉,以正中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tụng nguyên cát, dĩ trung chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Kiện cả tốt, vì trung chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Cái đạo trung chính, thi thố vào việc gì mà không cả tốt!

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trung thì nghe không lệch, chính thì đoán hợp lẽ.

LỜI KINH

上九:或錫之鞶帶,終朝三褫之.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Hoặc tích chi bàn đái, chung triêu tam trĩ chi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: hoặc cho chiếc dải lưng da, trọn buổi sáng, ba lần lột lại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở trên, tức là một kẻ cứng mạnh tột bậc, và lại là kẻ trong việc kiện làm cho cùng cực việc kiện. Người mà dòng nết cương cường, làm cho cùng việc kiện, thì sự rước vạ mất đòi, vẫn là lẽ đương nhiên. Nếu hoặc có kẻ khiến xui, khéo kiện có thể được kiện, cùng cực không thôi, rồi đến được thưởng thứ đồ phục mệnh[1] thì cũng là của vì sự thù nhau tranh nhau với người ta mà được, có thể giữ được yên lành chăng? Cho nên, trọn một buổi sớm mà đến ba lần bị lột.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dải lưng da là đồ trang sức thuộc về mệnh phục; lột là cướp lại. Hào này lấy đức cương, ở cuối việc kiện, tức là xong kiện mà được kiện, cho nên có tượng cho sắc mệnh, nhận phẩm phục. Nhưng, cái của vì kiện mà được, không thể yên lâu, cho nên lại có Tượng "trọn buổi sớm ba lần bị lột". Lời Chiêm của hào này

[1]Đồ mặc do mệnh trên ban cho.

là hết việc kiện, kẻ vô lý hoặc cũng được thắng, nhưng cái mà hắn đã được, sau rồi ắt phải mất. Cái ý răn bảo của thánh nhân thật là sâu xa.

LỜI KINH

象曰:以訟受服,亦不足敬也.

Dịch âm. -*Tượng viết: Dĩ tụng thụ phục, diệc bất túc kính dã.*

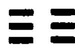
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vì kiện mà nhận đồ mặc, cũng không đủ kính vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Làm cho cùng cực việc kiện, giả sử được nhà vua yêu mà cho phục mệnh, cũng còn không đủ kính trọng mà đáng khinh ghét, huống chi lại còn vạ lo theo sau.

Lời bàn của Tiên Nho. - Đồng Bàn Giản nói rằng: Coi thể cả một quẻ Tụng, chỉ là việc kiện không thể thành; hào Chín Đầu không lâu dài cái việc của mình, hào Chín Hai không thể kiện, hào Sáu Ba giữ nếp cũ, ở chỗ Chín, không phải kẻ có thể kiện; hào Chín Tư không thể kiện, mà biết trở lại chính lý, thay đổi tâm chí, ở yên chỗ chính đính; hào Chín Năm nghe kiện cả tốt; Hào Chín Trên tuy có được ban dải lưng da mà không tránh khỏi cái nạn một buổi sớm ba lần lột, đầu đuôi đều là ý không thể kiện.

QUẺ SƯ

 Khôn trên

 Khảm dưới

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Quẻ Sư, Tự quái nói rằng: đã kiện ắt có đông người nổi lên, cho nên tiếp đến quẻ Sư[1]. Sư lữ dấy lên, bởi tại có sự tranh giành, cho nên quẻ Sư mới nối quẻ Tụng. Nó là quẻ Khôn trên, Khảm dưới. Nói về hai thể, thì trong đất có nước, tức là cái tượng đông người tụ họp. Nói về nghĩa của hai quẻ, thì trong hiểm[2], ngoài thuận[3] đi đường hiểm bằng cách xuôi thuận, đó là nghĩa trẩy quân; nói về các hào, thì một hào Dương làm chủ các hào Âm, tức là cái tượng tóm cả đông người. Quẻ Ty một hào Dương làm chủ các hào Âm mà ở trên, là tượng ông vua; quẻ Sư một hào Dương làm chủ các hào Âm mà ở dưới, là tượng tướng súy.

LỜI KINH

師貞,丈人吉,無咎.

Dịch âm. - *Sư Trinh, trượng nhân cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Quân chính, bậc trượng nhân tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Cái đạo quân gia, lấy sự đính chính làm gốc. Dấy quân động chúng, để làm độc hại thiên hạ, mà không dùng cách chính đính thì dân không theo, chẳng qua cưỡng bách mà xua họ đi mà thôi. Cho nên quân gia phải lấy chính đính làm chủ. Hành động tuy chính đính, nhưng kẻ làm tướng phải là bậc trương nhân mới tốt mà không có lỗi. Bởi vì, có khi tốt mà có lỗi, có khi không lỗi mà không tốt. Tốt và không lỗi, mới là tận thiện. Trượng nhân là tên gọi bậc tôn nghiêm, đem quân coi chúng, nếu không phải kẻ mà mọi người tôn tín sợ phục, thì sao cho được lòng người vâng

[1] Chữ 師 (sư) có nghĩa quân gia, là đông người, hay quần chúng.
[2] Chỉ về quẻ Khảm.
[3] Chỉ về quẻ Khôn.

theo?... Gọi là trượng nhân, bất tất phải người vốn vẫn ở ngôi cao quí, hễ mà tài mưu đức nghiệp đủ khiến mọi người sợ phục thì nhầm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sư là quần chúng. Quẻ này dưới Khảm trên Khôn, Khảm hiểm mà Khôn thuận, Khảm là nước mà Khôn là đất, đời xưa ngụ *hình ở nông,* núp cái rất hiểm chỗ cả thuận, giấu cái không thể lường trong chỗ rất tĩnh. Lại nữa, trong quẻ chỉ hào Chín Hai là một hào Dương ở giữa quẻ dưới, là Tượng làm tướng; trên dưới năm hào Âm đều phải thuận mà theo, là Tượng làm quân. Hào Chín Hai lấy tư cách Dương cương ở dưới làm việc, hào Sáu Năm là hạng mềm yếu ở trên mà dùng người, tức là cái Tượng ông vua sai tướng ra quân, cho nên quẻ này gọi tên là Sư. Trượng nhân là tiếng để gọi bậc trưởng lão, cái đạo dùng quân lợi về được chính đính, mà phải dùng người lão thành, mới được tốt mà không có lỗi. Đó là răn kẻ xem cũng phải như thế.

LỜI KINH

彖曰:師衆也;貞,正也.能以衆正,可以王也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Sư chúng dã, trinh chính dã, năng dĩ chúng chính, dĩ chúng chính, khả dĩ vương hỹ.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Sư là nhiều người, trinh là chính, khiến được nhiều người chính đính, thì có thể làm nên nghiệp vương.

Truyện của Trình Di. - Khiến mọi người chính đính thì có thể trị thiên hạ. Được lòng người phục theo mà về với mình, đạo "vương" có thế mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy - Đây lấy thể quẻ thích nghĩa hai chữ sư trinh. Dĩ 以 nghĩa là sai khiến được người, một hào Dương ở giữa quẻ dưới mà năm hào Âm đều bị sai khiến vậy. Có thể khiến cho mọi người đều phải chính đính, thì là quân của đấng vương giả.

LỜI KINH

刚中而應,行險而順,依此毒
天下而民從之,吉,又何咎也.

Dịch âm. - *Cương trung nhi ứng, hành hiểm nhi thuận, dĩ thử độc thiên hạ nhi dân tòng chi, cát, hựu hà cữu hỹ?*

Dịch nghĩa. - Cứng giữa mà có chính ứng, đi chỗ hiểm mà xuôi thuận, dùng cái đó để làm độc hại thiên hạ mà dân theo, tốt! Còn lỗi gì nữa?

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Đây là nói về hào Hai. Hào ấy là kẻ cứng, ở ngôi giữa mà được đạo trung, có ông vua ở hào Sáu Năm làm chính ứng, tin dùng một cách chuyên nhất, dù đi đường hiểm mà cứ lấy sự xuôi thuận hành động, đó là nghĩa binh, tức là quân của đấng vương giả. Trên thuận dưới hiểm là đi chỗ hiểm mà thuận. Sư lữ nổi lên, không khỏi hại của, hại người, độc hại thiên hạ, vậy mà lòng dân vẫn theo mình, là vì mình chỉ theo nghĩa hành động. Đời xưa, đánh bên Đông thì bên Tây oán[1] ấy là lòng dân theo về. Như thế, cho nên tốt mà không lỗi. Tốt là ắt được, không lỗi là hợp với nghĩa, thì còn lỗi gì?

Bản nghĩa của Chu Hy - Đây lại lấy thể quẻ thích nghĩa câu "trượng nhân cát, vô cữu". *Cương trung* chỉ hào Chín Hai ứng là hào Sáu Năm ứng nhau với nó. *Hành hiểm* là đi vào đường hiểm nghèo. *Thuận* là thuận lòng người. Bấy nhiêu điều đó phi người có đức lão thành, thì không làm nổi. Độc nghĩa là hại, sư lữ dấy lên, không khỏi làm hại thiên hạ, nhưng vì có tài đức ấy, cho nên dân mới vui lòng mà theo.

LỜI KINH

象曰:地中有水,師.君子以容民畜衆.

Dịch âm. - *Tượng viết: Địa trung hữu thủy, Sư, quân tử dĩ dung dân súc chúng.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trong đất có nước, là quẻ sư, đấng quân tử coi đó là dung dân, nuôi quân.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Trong đất có nước, nước tụ trong đất, là tượng đông người tụ họp, cho nên mới là quẻ Sư. Đấng quân tử coi tượng trong đất có nước đó, để dung giữ dân của mình, nuôi họp quân của mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nước không thể ngoài đất, quân không thể ngoài dân, cho nên hễ nuôi được dân, thì có thể nuôi được quân.

LỜI KINH

初六:師出以律,否藏,凶.

---

[1] Oán vì chậm đến đánh xứ mình.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Sư xuất dĩ luật, phủ tang, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Quân ra bằng luật, không khéo thì hung[1].

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào đầu là lúc khởi đầu việc quân, cho nên nói về cái nghĩa ra quân và cách trẩy quân. Đứng về mặt nhà nước dấy quân mà nói, thì hợp nghĩa lý là luật, nghĩa là cứ lấy sự cấm kẻ loạn giết kẻ bạo mà hành động. Nếu hành động mà không theo nghĩa, tuy khéo cũng hung. Khéo là có thể đắc thắng, hung là bại nghĩa hại dân. Đứng về mặt trẩy quân mà nói, thì luật tức là hiệu lệnh, trong phép trẩy quân, phải lấy hiệu lệnh tiết chế làm gốc, để mà tóm coi binh chúng. Nếu không có luật tuy khéo cũng hung, nghĩa là khi được thắng lợi cũng được hung đạo. Vì rằng: coi quân không có kỷ luật, may mà khoông thua lại được, thỉnh thoảng cũng có. Đó là lời răn của thánh nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Luật tức là phép, phủ tang nghĩa là không khéo. Họ Triều nói rằng: "chữ *phủ,* Tiên Nho nhiều người giải nghĩa là *chẳng*". Hào này ở đầu quẻ, là lúc khởi đầu việc quân. Cái đạo ra quân, nên cẩn thận lúc đầu, có luật thì tốt, không khéo thì hung, đó là lời răn kẻ xem nên cẩn thận lúc đầu mà phải giữ phép.

LỜI KINH

象曰:師出以律,失律凶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sư xuất dĩ luật, thất luật hung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Quân ra bằng luật, mất luật hung vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Quân ra nên có luật, mất luật thì hung, tuy may mà được, cũng là hung đạo.

LỜI KINH

九二:在師中吉,無咎,王三錫命.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Tại Sư trung cát, vô cữu, vương tam tích mệnh.*

[1] Coi lời bình ở cuối sách.

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Ở trong quân, vừa phải thì tốt, không lỗi, nhà vua ba lần cho mệnh.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Quẻ Sư chỉ có hào Chín Hai là một hào Dương được các hào Âm theo về, hào Năm ở ngôi vua, tức là chính ứng của nó, hào Hai là chủ đám quân, chuyên chế việc đó. Kẻ ở dưới mà chuyên chế công việc, ở trong quân thì được. Từ xưa, các vua sai tướng, công việc ở ngoài cửa buồng, được chuyên chế hết. Ở trong quân, chuyên chế mà được vừa phải, cho nên mới tốt mà không có lỗi. Bởi vì cậy thế mà chuyên chế, thì trái với đạo làm kẻ dưới, mà không chuyên chế, thì không có lẽ thành công, cho nên, hễ được vừa phải thì tốt. Phàm cách trị quân, vừa uy nghiêm vừa ôn hòa thì tốt. Đã xử việc quân cực khéo, thì có thể thành công mà yên thiên hạ, cho nên nhà vua mới có sủng mệnh tới ba lần. Việc gì mà tới ba lần tức là cực điểm. Hào Sáu Năm dùng nó đã chuyên nhất, lại phải hậu hỹ về sung số nữa, bởi vì hễ lẽ không xứng thì oai không trọng mà kẻ dưới không tin. Quẻ khác, hào Chín Hai bị hào Sáu Năm sai dùng cũng có nhưng chỉ quẻ Sư, thì hào Chín Hai chuyên chủ công việc, mà được các hào Âm kia theo về cho nên nghĩa nó rất lớn. Đạo kẻ làm tôi, không dám chuyên về một việc gì, chỉ có việc "ngoài cửa buồng"[1] thì được chuyên chế mà thôi; chuyên chế ở mình, nhưng những sự nhân sức quân mà làm ra được, đều là do ở vua cho mà chức phận mình nên làm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai ở dưới, được các hào Âm theo về, mà có đức cương trung, trên thì ứng với hào Năm, mà được hào ấy yêu đương, cho nên tượng và lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:在師中吉,承天寵也.王三錫命,懷萬邦也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tại Sư trung, cát, thừa thiên sủng dã; vương tam tích mệnh, hoài vạn bang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ở trong quân, vừa phải thì tốt, vâng sự yêu của trời vậy; nhà vua ba lần cho mệnh, làm cho muôn nước nhớ mến vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Ở trong quân vừa phải thì tốt, là vì được vâng sự yêu quý tin dùng của trời; trời chỉ về vua, kẻ làm tôi phi được vua yêu mà dung, thì đâu có được chuyên quyền đánh dẹp mà có

---

[1] Tức là việc binh.

sự tốt lành về thành công? Nhà vua ba lần ban cho ân mệnh, khen sự thành công, là để làm cho muôn nước nhớ mến.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khâu Kiến An nói rằng: Trên được thiên tử *yêu dùng*, giao cho binh quyền, cho mệnh đến ba lần, khiến được chuyên coi việc "ngoài cửa buồng". Đấng vương giả dụng binh là chẳng đứng được, không phải bản tâm thích sự chém giết, cho nên ba lần ban cho mệnh lệnh, cốt ở làm yên muôn nước mà thôi.

LỜI KINH

六三:師或輿尸,凶.

Dịch âm. - *Lục Tam: Sư, hoặc dư thi, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Quân hoặc khiêng thây, hung.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Ba ở trên quẻ dưới, tức là kẻ ở ngôi gánh trách nhiệm, chẳng những tài nó Âm nhu không trung chính, mà việc sư lữ, dùng người nên chuyên nhất, hào Hai đã lấy tư cách cương trung, được người trên tin cậy, ắt phải chuyên chủ về việc, thì mới thành công, nếu để nhiều người chủ trương, thì là đạo hung. *Dư thi* nghĩa là nhiều người làm chủ, đó là chỉ vào hào Ba. Bởi vì hào Ba ở trên quẻ dưới, cho nên mới phát nghĩa đó. Việc quân lữ, dùng không chuyên nhất, đổ hại là sự tất nhiên.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dư thi nghĩa là sự đồ thua rối, khiêng thây mà về. Vì là hào Âm, ở ngôi Dương, tài yếu, chí cương, không trung không chính, mà phạm vào việc không phải phận mình, cho nên, tượng và lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:師或輿尸,大無功也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sư hoặc dư thi, đại vô cộng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Quân hoặc khiêng thây, rất không công vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Nương tựa, giao phó cho hai ba người, sao thành công được! Há chỉ không thành công mà thôi đâu, đó còn là cách rước lấy sự hung nữa.

LỜI KINH

六四:師左次,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Sư tả thứ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Quân lùi đóng, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Quân tiến là vì hăng mạnh, hào Tư là kẻ yếu, ở ngôi Âm, không phải có thể tiến lên mà được thắng lợi. Biết không thể tiến mà lui, cho nên lùi đóng. Cân nhắc nên chăng để tiến hoặc lui, thế là rất nên, cho nên không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tả thứ tức là đóng quân lui lại. Âm nhu không giữa, mà ở ngôi Âm, được chỗ chính, cho nên Tượng nó như thế. Giữ lấy toàn quân mà lui, hơn hào Sáu Ba xa lắm, cho nên lời Chiêm của nó là thế.

LỜI KINH

象曰:左次無咎,未失常也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tả thứ vô cữu, vị thất thường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lùi đóng không lỗi, chưa mất lẽ thường vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Cái phép hành binh, theo thời thế mà làm điều nên làm, đó là lẽ thường. Cho nên đóng quân lui xuống, chưa hẳn là sai, như hào Tư lùi mà đóng, ấy là hợp với sự nên làm, cho nên không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Biết khó mà lui, đó là sự thường trong việc quân.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Sợ rằng người ta cho lui là nhát, cho nên nói rõ nên lui mà lui, cũng là sự thường, trong việc quân.

LỜI KINH

六五:田有禽,利執言,無咎.
長子帥師,弟子輿尸,貞凶.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn, vô cữu, trưởng tử suất sư, đệ tử dư thi, trinh hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm. Ruộng có chim, lợi cho sự có lời để nói. Con cả đem quân, con em khiêng thây, chinh cũng hung.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Ngôi vua[1] là chủ việc dấy quân, cho nên mới nói về cách dấy quân dùng tướng. Quân lữ dấy lên ắt vì mọi rợ lấn đất Hoa Hạ, giặc cướp gian nhũng làm hại sinh dân, không thể lấy đức mà dụ, nên phải vâng theo lời mà đánh, cũng như chim vào trong ruộng, lấn hại lúa má, nghĩa nên phải săn, thì săn mà bắt. Động quân như thế thì không có lỗi. Nếu hành động một cách khinh suất, thì lỗi lớn lắm. *Chấp ngôn* nghĩa là vâng theo lời nói, tức là kể rõ tội trạng của họ mà đánh. Như vua Thủy Hoàng nhà Tần và vua Vũ Đế nhà Hán[2] đều "lùng vào núi để tìm chim muông", không phải là ruộng có chim. Trong phép dùng tướng trao quân, nên để con cả đem quân. Hào Hai ở dưới, làm chủ việc quân, tức con cả. Nếu để con em nhiều người làm chủ, thì tuy việc làm chính đáng, nhưng cũng là hung. Con em tức là những người không phải con cả.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Năm là chủ việc dùng quân, mềm thuận mà ở giữa, tức là kẻ không gây ra mối binh đao, quân giặc tràn lấn đến mình, chẳng đừng được mà phải ứng địch, cho nên mới là cái Tượng trong ruộng có chim, mà lời chiêm của nó, thì lợi về sự săn bắt mà không có lỗi. *Ngôn* là lời nói. *Trưởng tử* là hào Chín Hai. *Đệ tử* là hào Ba hào Bốn. Mấy câu này phải răn kẻ xem, ủy nhiệm ai phải chuyên dốc về người ấy, nếu sai quân tử làm việc, mà để tiểu nhân xen vào, thì là sai chúng khiêng thây mà về, cho nên, tuy là chính đáng vẫn không khỏi hung.

LỜI KINH

象曰:長子帥師,以中行也.弟子輿尸,使不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trưởng tử suất sư, dĩ trung hành dã; đệ tử dư thi, sử bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Con cả đem quân theo đạo giữa mà đi vậy; con em khiêng thây, sai khiến không được xứng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Con cả ý nói hào Hai lấy đức trung chính hợp với người trên mà nhận trách nhiệm để đi, nếu lại sai

---

[1] Chỉ về hào Năm.

[2] Hai ông này đều thích chiến tranh.

khiến kẻ khác, nhiều người chủ trương công việc, thì là sai dùng không xứng đáng, hung là phải lắm.

LỜI KINH

上六:大君有命,開國承家,小人勿用.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Đại quân hữu mệnh, khai quốc thừa gia, tiểu nhân vật dụng.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Đấng đại quân có mệnh, mở nước vâng nhà, kẻ tiểu nhân chớ dùng.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Trên là cuối việc quân, công đã thành rồi, đấng đại quân đem tước mệnh mà thưởng cho kẻ có công. Mở nước là phong họ làm chư hầu; vâng nhà là dùng họ làm quan khanh quan đại phu. Kẻ tiểu nhân cho dù có công cũng không thể dùng, cho nên răn rằng chớ dùng. Trong khi quân lữ dấy lên, sự thành công không phải một lối, bất tất ai cũng quân tử, cho nên răn rằng: Kẻ tiểu nhân có công cũng không thể dùng, thưởng chúng bằng những vàng lụa tước vị thì được, không thể để chúng có nước nhà mà làm chính sự. Đây nói về nghĩa của cuối quẻ Sư, không lấy riêng nghĩa nào của hào này, là vì chỉ nói cái nghĩa lớn hơn. Nếu nói về hào, thì hào Sáu lấy đức mềm yếu, ở chỗ cực thuận, việc quân đã xong mà không có ngôi, khéo xử thì không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là việc quân đã xong rồi xuôi thuận đã tột bậc, tức là lúc bàn công ban thưởng. Khôn là đất, cho nên có Tượng mở nước vâng nhà. Nhưng kẻ tiểu nhân thì dù có công cũng không thể để chúng được có tước đất, chỉ ưu đãi chúng bằng những vàng lụa thì được. Đó là răn người ban thưởng, với kẻ tiểu nhân thì chớ dùng lời chiêm này, kẻ tiểu nhân mà gặp trường hợp ấy cũng không được dùng hào này.

LỜI KINH

象曰:大君有命,以正功也.小人勿用,必亂邦也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại quân hữu mệnh, dĩ chính công dã; tiểu nhân vật dụng, tất loạn bang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng đại quân có mệnh, để chính công vậy; kẻ tiểu nhân chớ dùng ắt loạn nước vậy.

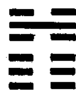
GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Đấng đại quân cầm quyền ân thưởng, để làm cho chính cái công quân lữ, đó là sau chót việc quân; tuy là thưởng kẻ có công, nhưng với kẻ tiểu nhân thì không thể vì chúng có công mà dùng, dùng chúng ắt là loạn nước. Kẻ tiểu nhân cậy công, mà làm loạn nước, từ xưa vẫn có.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lời răn của thánh nhân sâu lắm.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lý Long Sơn nói rằng: Trong sáu hào: ra quân, đóng quân, đem quân, đem tướng, cùng là vâng lời đánh kẻ có tội, rút quân ban thưởng, không cái gì không đủ, tuy đến rậm lời như binh thư đời sau. Chỉn không bằng mấy lời sơ lược của sáu hào quẻ Sư. Huống chi những lời về quân của vương giả, so với các sách quyền mưu của đời sau, đằng kỳ đằng chính, khác nhau rất xa. Kẻ trị thiên hạ, chẳng đừng được mà phải dùng quân, hà tất bỏ chỗ này tìm chỗ khác?

QUẺ TỴ


Khảm trên
Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Quẻ tỵ, Tự quái nói rằng: nhiều người ắt phải *liền nhau,* cho nên tiếp đến quẻ Tỵ, Tỵ là gần vào, giúp vào, loài người ắt phải dùng nhau giúp nhau, rồi sau mới yên, cho nên đã có nhiều người, thì phải liền nhau, liền nhau là để đóng quân. Quẻ này trên Khảm dưới Khôn, nói về hai thể, thì là các nước trên đất; các vật liền khít với nhau không có ngăn cách, không gì bằng nước ở trên đất, cho nên mới là quẻ Tỵ. Lại nữa, các hào đều thuộc về Âm, riêng có hào Năm là Dương cương, ở ngôi vua, chúng đều thân phụ, mà kẻ trên cũng thân với người dưới, cho nên mới là quẻ Tỵ.

LỜI KINH

比吉,原筮元,永,貞,無咎,不寧方來,後夫凶.

Dịch âm. - *Tỵ cát, nguyên phệ nguyên, vĩnh, trinh, vô cữu. Bất minh phương lai, hậu phu hung.*

Dịch nghĩa. - Liền nhau tốt, truy nguyên việc bói, đầu cả, lâu dài, chính bền, không lỗi! Chẳng yên mới lại, sau trễ trượng phu, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Liền nhau là tốt, người ta gần liền với nhau, tức là đạo tốt. Có người gần liền với nhau, thì phải có cách để mà gần liền với nhau. Nếu không phải là cách, thì có hối hận, cho nên cần phải suy nguyên bói tính, kẻ nào có thể gần được thì gần. *Phệ* là bói tính đắn đo, không phải dùng cỏ thi mai rùa. Cái người mình gần nếu được có những đức tính đầu cả, lâu dài, chính bền, thì không có lỗi. Đầu cả có đạo quân trưởng, dài lâu có thể thường lâu, trinh là chính đạo. Người trên gần kẻ dưới, ắt có ba đức tính ấy: kẻ dưới gần người trên, cũng có ba đức tính ấy thì không có lỗi. Người ta đến khi không thể giữ sự yên ổn của mình, mới đến cầu thân, được kẻ *gần liền* thì mới giữ được yên ổn. Trong lúc không yên, Chỉn nên kíp kíp để người tìm gần liền, nếu đứng một mình, và tự cậy mình, chí cầu

thân không nóng, mà chậm lại sau, thì tuy là đấng trượng phu cũng hung, huống chi kẻ nhu nhược. Những thứ sinh trong trời đất, không thứ gì không *liền nhau* mà có thể tự tồn, tuy rất cương cường, chưa có kẻ nào đứng một mình được. Đạo quẻ Tỵ do ở hai chí *liền nhau,* nếu không *liền nhau,* thì là quẻ Khuê. Ông vua vỗ về kẻ dưới; kẻ dưới thân bám người trên; họ hàng, bè bạn, làng xóm đều vậy. Cho nên, trong khi kẻ trên người dưới hợp chí để theo nhau, nếu không có ý tìm nhau, thì phải lìa nhau mà hung. Đại để tình người tìm nhau thì hợp, găng nhau thì lìa, găng nhau nghĩa là kẻ nọ chờ kẻ kia, chẳng ai chịu làm trước. Người ta thân nhau đành vẫn có cách, nhưng mà cái chí muốn gần *liền nhau* thì không thể hoãn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tỵ là gần nhau liền nhau, hào Chín Năm lấy tư cách Dương cương ở giữa quẻ trên mà được chỗ chính, năm hào Âm ở trên và dưới đều gần lại mà theo đó là cái tượng một người vỗ về muôn nước, bốn bể trông lên một người, cho nên kẻ bói được quẻ này thì sẽ được người thân bám vào mình, nhưng phải bói lại để tự xét định, hễ mà có đức cả lành, dài lâu, chính bền, thì mới có thể để cho người ta theo về mà không có lỗi. Còn kẻ chưa gần mà có sự không yên, cũng đương sắp sửa theo về, nếu lại chạy chậm mà đến sau, thì kẻ này giao kết đã chặt, kẻ kia đi lại đã muộn, mà được sự hung. Những kẻ muốn gần với người, cũng nên lấy đó mà coi ngược lại.

LỜI KINH

彖曰:比吉也,比輔也,下順從也. 原筮元永貞,無咎,以剛中也.不寧方來,上下應也,後夫凶,其道窮也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tỵ cát dã; tỵ phụ dã, hạ thuận tòng dã; nguyên phệ nguyên vĩnh trinh, vô cữu, dĩ cương trung dã; bất ninh phương lai, thượng hạ ứng dã; hậu phu hung, kỳ đạo cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Tỵ là tốt, tỵ là giáp lại, kẻ dưới thuận theo vậy; truy nguyên việc bói, đầu cả, lâu dài, chính bền, không lỗi, vì cứng giữa vậy, không yên mới lại, trên dưới ứng nhau vậy; sau trượng phu, hung, vì đạo cũng vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - *Tỵ là tốt,* nghĩa là gần nhau thì tốt, các vật gần liền với nhau tức là đạo tốt. *Tỵ là giáp lại* tức là thích nghĩa chữ tỵ, tỵ là gần nhau, giáp lại với nhau. Kẻ *dưới thuận theo,* là giải quẻ này sở dĩ gọi là quẻ Tỵ. Hào Năm lấy đức Dương cương ở

ngôi tôn, các hào dưới thuận theo mà gần giáp với, vì vậy mới là quẻ Ty. Suy nguyên cái đạo bói quyết, hễ được đầu cả, lâu dài, chính bền thì sau mới không có lỗi. Gọi là đầu cả, lâu dài, chính bền, tức như hào Năm. Hào ấy lấy đức Dương cương, ở chỗ trung chính, tức là kẻ hết sự khôn khéo trong cách *liền nhau.* Là Dương cương, ở ngôi tôn, là đức ông vua, tức là đầu cả; ở giữa được chỗ chính đính, tức là có thể *dài lâu, chính bền.* Lời quẻ vốn nói rộng về cách liền lại với nhau, lời Thoán nói nguyên, vĩnh trinh là vì hào Chín Năm lấy đức Dương cương ở chỗ trung chính. Người ta sinh ra, không thể giữ được yên ổn, mới đến mà cầu để bám vào; kẻ dân không thể tự giữ được mình, cho nên phải nâng đội ông vua để cầu sự yên; ông vua không thể đứng một mình, cho nên phải giữ dân để làm cho yên. Không yên mà lại gần liền với nhau, tức là trên dưới ứng nhau. Nói về thánh nhân là bậc chí công, thì vẫn chí thành cầu cho thiên hạ liền lại để yên dân; nói về hậu vương là người có lòng riêng tây, thì không cầu kẻ dân phụ vào với mình, thì sự nguy vong sẽ đến nơi. Cho nên chí của kẻ trên người dưới, ắt phải ứng nhau; nói về quẻ, thì các hào Âm ở trên và dưới liền lại với hào Năm, hào Năm liền lại với dân chúng, tức trên dưới ứng nhau. Đông người phải liền lại với nhau thì mới thỏa được sự sống. Trong khoảng trời đất, chưa có thứ gì không gần liền nhau mà được thỏa thuê, nếu chí theo nhau không nóng mà trễ lại sau, thì không thể thành liền nhau, dù là trượng phu cũng hung, ấy là không có chỗ nào gần liền, nên phải khốn khuất rồi đến hung cùng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ba chữ "ty cát dã" là chữ thừa. Đoạn đầu dùng thể quẻ thích nghĩa tên quẻ; các đoạn dưới cũng lấy thể quẻ để thích lời quẻ; *cương trung* chỉ về hào Năm, trên *dưới* chỉ về năm hào Âm.

LỜI KINH

象曰:地上有水,比.先王以建萬國,親諸侯.

Dịch âm. - *Tượng viết: Địa thượng hữu thủy, Ty, tiên vương dĩ kiến vạn quốc, thân chư hầu.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên đất có nước, là quẻ Ty, đấng Tiên vương coi đó mà dựng muôn nước, thân chư hầu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Loài vật *gần liền* với nhau mà không ngăn cách, không gì bằng nước ở trên đất, cho nên mới là quẻ Ty, đấng Tiên vương coi Tượng *liền nhau* đó để dựng muôn nước, gần gũi

với chư hầu. Dựng muôn nước là để liền nhau với dân; gần gũi vỗ về chư hầu là để liền nhau với thiên hạ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trên đất có nước, nước liền với đất, không để có chỗ khe cách; dựng muôn nước gần chư hầu, cũng là Tiên vương làm cho liền với thiên hạ mà không có chỗ khe cách. Ý lời Thoán lấy về nghĩa người đến *liền* lại với mình, đây lấy về nghĩa mình đi *liền* lại với người.

LỜI KINH

初六:有孚,比之,無咎.有孚盈缶,終來有它吉.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Hữu phu, ty chi, vô cữu. Hữu phu doanh mẫu, chung lai hữu tha cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Có tin, liền lại đó, không có lỗi. Có tin đầy chậu, trọn lại có sự tốt khác.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Sáu Đầu tức là khởi đầu của sự "liền". Trong cách *liền* lại với người, phải lấy thành tín làm gốc. Trong lòng không tin, mà muốn thân với người ta, thì người ta ai thân với mình? Lúc đầu của sự "liền lại với người" phải có tin thật, mới không có lỗi. *Phu* là đức tin còn ở trong lòng. Sự thành thật đầy đặc ở trong, cũng như đồ vật đầy chứa trong chậu. Chậu là thứ đồ mộc mạc, ý nói cũng như cái chậu đầy đặc ở bên trong, thì ở bên ngoài không cần tô điểm, rút lại vẫn có thể đem lại sự tốt khác. Khác là không phải cái này, tức là ở ngoài. Nếu sự thành thật đầy đặc ở trong, người ta ai cũng tin mình, thì không cần phải tô điểm ở bên ngoài để cầu liền lại với người ta. Hễ có thành tín đầy đặc ở trong thì kẻ ngoài khác đều cảm động mà lại theo. Phu tín tức là gốc của sự "liền lại với nhau".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đầu sự "liền lại với nhau" quý ở có tin, thì có thể không lỗi. Nếu nó đầy đặc, thì lại có sự tốt khác.

LỜI KINH

象曰:比之初六,有它吉也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ty chi Sơ Lục, hữu tha cát dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu Đầu của quẻ Ty, có sự tốt khác vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Ý nói hào Sáu Đầu của quẻ Ty là tỏ cái cách liền lại với nhau cốt ở lúc đầu. Lúc đầu có sự tin, thì lúc sau sẽ đem đến sự tốt khác. Lúc đầu không thực, lúc sau đâu có được tốt? Hào Sáu Trên sau đây mà hung là vì nó không có đầu.

LỜI KINH

六二:比之自內,貞吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Ty chi tự nội, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Liền lại tự bên trong, chính và tốt.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Hai với hào Năm là chính ứng, cả hai đều được trung chính, ấy là những kẻ lấy đạo trung chính liền lại với nhau. Hào Hai ở quẻ trong, *tự bên trong* nghĩa là do ở nơi mình. Cái quyền chọn tài mà dùng tuy ở người trên, mà sự đem thân cho nước, ắt do ở mình; mình vì được vua hợp đạo mà tiến, thì mới được chính và tốt. Lấy đạo trung chính, ứng với sự cầu cạnh của người trên, thế là *tự bên trong,* nghĩa là mình không làm mất giá trị của mình. Nếu cứ đau đáu cầu để liền được với người không phải là tư cách "tự trọng" của đấng quân tử, ấy là tự mình làm mất giá trị của mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này mềm thuận trung chính, ứng lên với hào Chín Năm, tự bên trong liền lại với bên ngoài, mà được chính tốt. Kẻ xem như thế, thì chính và tốt.

LỜI KINH

象曰:比之子內,不自失也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ty chi tự nội, bất tự thất dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Liền lại tự bên trong, mình không làm mất phẩm giá của mình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giữ đạo trung chính của mình để chờ người trên đến tìm, thế là mình không làm mất phẩm giá của mình. Lời răn của *Kinh Dịch* rất là nghiêm mật. Hào Ba tuy là trung chính, nhưng bản chất của nó vốn mềm và thuận, cho nên mới phải răn bằng những câu trinh cát, tự thất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Được sự chính, tức là mình không làm mất phẩm giá mình.

LỜI KINH

六三:比之匪人

Dịch âm. - *Lục Tam: Ty chi phi nhân.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Liền với người không đáng liền.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Trình Di. - Hào Ba đã không trung chính, mà các hào do nó *liền với* cũng đều không được trung chính: hào Tư Âm mềm mà không được giữa, hào Hai thì ứng với hào Năm mà liền với hào Đầu. Đều không trung chính, tức là không phải kẻ đáng gần liền. Gần liền với kẻ không đáng gần liền, đủ biết là hỏng, sự hối hận không cần phải nói cũng biết, cho nên đáng thương. Hào Hai là hào trung chính mà bảo là không phải là người đáng gần liền, đó là theo thì dùng nghĩa, chỗ nọ khác với chỗ kia.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này đã là Âm mềm không trung chính, những hào mà nó vâng theo, cưỡi lên, hoặc ứng với cũng đều là Âm, ấy là cái tượng liền lại, đều không phải là người đáng gần. Lời chiêm của nó rất hung, không nói cũng biết.

LỜI KINH

象曰:比之匪人,不亦傷乎.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ty chi phi nhân, bất diệc thương hồ?*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Liền lại với kẻ không đáng liền, chẳng cũng đáng thương sao?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người ta liền lại với nhau là cốt để cầu yên lành, mà liền với kẻ không đáng liền, trái lại ắt sẽ được sự hối hận, kể cũng đáng thương lắm. Đó là câu răn với những kẻ lầm lỗi sự gần liền của mình.

LỜI KINH

六四:外比之,貞吉.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Ngoại ty chi, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Kẻ ngoài liền lại với chính tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư với hào Đầu không ứng nhau mà hào Năm liền gần với nó, đó là bên ngoài liền với hào Năm, mới được trinh chính mà tốt. Vua tôi liền lại với nhau là chính vậy, liền lại và chung cùng với nhau là nên vậy; hào Năm là Dương cương lại trung chính, tức là người hiền; nó ở ngôi tôn, tức là ở trên: thân kẻ hiền, theo người trên, là sự gần liền chính đáng, cho nên mới là chính tốt. Nó là hào Sáu, ở ngôi Tư, cũng là cái nghĩa được chỗ chính đáng. Vả lại, cái người Âm mềm không giữa, gần được với người cương minh trung chính, ấy là sự chính đáng mà tốt. Lại nữa, liền với kẻ hiền, theo người trên, ắt phải dùng lối chính đạo thì tốt. Cả mấy thuyết đó chờ đợi lẫn nhau, nghĩa nó mới đủ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào mềm, ở ngôi mềm, bên ngoài liền gần với hào Chín Năm, đó là được đạo chính tốt. Kẻ x‹ m như thế thì chính đính là tốt lành.

LỜI KINH

象曰:外比於賢,以從上也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ngoại ty ư hiền, dĩ tòng thượng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bên ngoài gần liền với người hiền, để mà theo người trên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bên ngoài gần liền nghĩa là nó theo hào Năm. Hào Năm là một người hiền cương minh trung chính, lại ở ngôi vua, hào Tư liền gần với nó, tức là liền gần với người hiền và lại theo người trên nữa, vì vậy mới tốt.

LỜI KINH

九五:顯比,王用三驅,失前禽,邑人不誡,吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hiển ty, vương dụng tam khu, thất tiền cầm, ấp nhân bất giới, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Rõ rệt liền lại, nhà vua dùng đuổi ba mặt, mất con chim ở phía trước, người làng không bảo, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi vua, tức là ở giữa, được chỗ chính, hết lẽ phải của sự "liền lại với người". Cái đạo của ông vua liền gần với thiên hạ, chỉ nên tỏ rõ về cách gần liền của mình

mà thôi. Nếu mình thật bụng để đãi kẻ khác, suy lòng mình ra lòng người, thi hành nhân chính, khiến thiên hạ được nhờ ơn huệ, ấy là cái đạo của ông vua gần liền thiên hạ. Như thế, ai không gần liền với người trên? Nếu chỉ phô ra những điều nhân nhỏ, trái đạo cầu tiếng khen, muốn để khiến người thiên hạ gần liền mình, thì cái kiểu ấy cũng hẹp lắm, há được thiên hạ gần liền với mình? Cho nên thánh nhân vì hào Chín Năm hết sự đính chính của cách gần liền với người, làm ra lời ví rằng: "Nhà vua dùng đuổi ba mặt, mất con chim ở phía trước, người làng không bảo, tốt". Đấng tiên vương vì cuộc săn trong bốn mùa không thể bỏ, cho nên mới suy lòng nhân mà làm cuộc đuổi ba mặt, cũng như *Kinh Lễ* nói rằng: "Thiên tử không vây kín" và như vua Thành Thang khấn lưới[1] đó là nghĩa chữ "tam khu". Thiên tử đi săn, bổ vây ba mặt, phía trước để ngỏ một đường, khiến cho các vật bị săn có thể đi được, không nỡ bắt hết loài vật, ấy là lòng nhân của người hiếu sinh, chỉ bắt những con không theo mệnh, không chịu đi ra mà lại đi vào, còn những cầm thú trước, thì đều được thoát, cho nên nói rằng: "mất con chim phía trước". Đấng Vương giả tỏ rõ cái đạo "gần liền với người" của mình, thiên hạ tự nhiên sẽ đến gần liền với mình. Kẻ nào đến thì mình vỗ về kẻ ấy, không cần cố ý săn sóc, cầu để gần liền với người ta. Cũng như đi săn chỉ đuổi ba mặt, con mồi nó đi thì mặc không theo, con nào nó lại thì bắt. Đó là sự lớn lao của vương đạo, cho nên dân của vương giả thảy đều hớn hở nhơn nhơn, không biết ai làm cho mình được thế. "Người làng không bảo" nghĩa là rất công, không riêng, không có xa gần, thân sơ khác nhau. Làng là làng ở. *Kinh Dịch* nói "làng" đều giống nhau, tức là chỗ đóng đô của vương giả, hay là trong nước của chư hầu. "Bảo" là hẹn ước, đối đãi người ta bằng kiểu nhất luật, không cần hẹn bảo với người trong làng của mình, như thế thì tốt. Thánh nhân dùng đức rất công không riêng để trị thiên hạ, trong việc tỏ rõ sự gần liền với người cũng đã nhận thấy. Chẳng phải riêng người làm vua liền với thiên hạ thì thế, đại phàm người ta liền lại với nhau cũng đều thế cả. Nói về bề tôi với vua, thì hết lòng trung thành, và hết tài sức của mình, ấy là cái đạo tỏ rõ sự gần gũi với vua, còn như dùng mình hay không, là ở ông vua, không nên nịnh hót đưa đón, cầu họ gần gũi với mình. Đối với bè bạn cũng vậy, mình cứ sửa mình, thật lòng đợi họ; có thân với mình hay không là tùy ở họ, không nên khéo lời nói, đẹp vẻ mặt, uốn mình mà theo, cầu thả mà hợp, để cầu họ gần gũi với mình. Với làng

[1] Vua Thang đi săn, giăng lưới rồi khấn rằng: "Muốn sang tả thì sang tả, muốn sang hữu ... con nào không nghe lời, thì vào lưới ta."

mạc, với họ hàng, đâu đâu cũng thế, đó là cái nghĩa "đuổi ba mặt, mất con chim ở phía trước".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Một hào Dương ở ngôi tôn, vừa cứng mạnh, vừa trung chính, các hào Âm trong quẻ đều đến gần gũi với mình. Rõ rệt sự gần gũi mà không riêng tây, như đấng thiên tử đi săn không vây kín, ngỏ lưới một mặt, đến thì không cự, đi cũng không đuổi, ấy là cái tượng "dùng đuổi ba mặt, mất con chim ở phía trước mà người trong làng không bảo". Nghĩa là tuy là bọn riêng, họ cũng hiểu ý người trên, không cần răn bảo với nhau để cầu hẳn được. Phàm những điều đó, đều là kiểu tốt. Kẻ xem như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰:顯比之吉,位正中也.舍逆取順,
失前禽也.邑人不誡,上使中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hiển ty chi cát, vị chính trung dã; xả nghịch thủ thuận, thất tiền cấm dã; ấp nhân bất giới, thượng sử trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tỏ rõ sự gần liền mà tốt, vì trung chính vậy, bỏ nghịch lấy thuận, mất con chim ở phía trước vậy; người làng không bảo, người trên sai khiến được vừa phải vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tỏ rõ sự gần liền mà được tốt, là tại cái ngôi nó ở được chỗ chính trung. Ở chỗ chính trung, tức là theo đường chính trung. Việc gần liền với người, lấy sự không lệch làm phải, cho nên nói là chính trung. *Kinh Lễ* nói "bắt con nào không theo mệnh lệnh", ấy là bỏ nghịch lấy thuận, con nào thuận theo mệnh lệnh mà đi, đều thoát. Quẻ Ty theo sự ngảnh lại quay đi mà nói, cho đi là nghịch, lại là thuận, cho nên, con chim bị mất là con chim đi ở phía trước. Không hẹn bảo với người thân cận, thế là nghĩa trên sai khiến kẻ dưới, vừa phải không thiên, xa gần như một.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bởi tại của người trên khiến cho người ta không thiên.

LỜI KINH

上六:比之無首,凶.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Ty chi vô thủ, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Gần liền không đầu, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở Trên, tức là cuối việc "gần liền với người". *Thủ tứo* là đầu, trong đạo gần liền với người, trước thiện thì sau cũng thiện. Có thủy mà không có chung hoặc giả cũng có, chưa có khi nào không có thủy mà có chung, cho nên, hễ sự gần liền với người mà không có đầu, đến sau thì hung. Đó là cứ theo về cuối quẻ Ty mà nói. Nhưng hào Sáu Trên Âm mềm không giữa, ở chỗ hiểm cực, không phải là kẻ có thể lành tốt về sau. Lúc đầu gần liền với nhau không theo đạo nghĩa, để sinh hiềm khích ở sau, thiên hạ như thế cũng nhiều.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm mềm ở trên, không có gì để gần liền với kẻ dưới đó là đạo hung, cho nên là Tượng không đầu, mà lời Chiêm của nó thì hung.

LỜI KINH

象曰:比之無首,無所終也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ty chi vô thủ, vô sở chung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Liền lại không đầu, không thửa chót vậy.

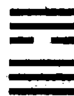
GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di - Việc gần liền với người đã không có đầu, thì đâu có chót? Người ta gần liền với nhau, có đầu, mà hoặc giả đến chót cũng trái; đầu đã không có đạo nghĩa, thì chót còn giữ sao được ? Cho nên nói rằng không có chót.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nói về Tượng trên dưới thì là không đầu, nói về tượng trước sau thì là không chót. Không đầu thì không có chót.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Âm mềm ở trên, được nó không đủ làm đầu; không có gì để gần liền với kẻ dưới, hiệu lực của nó không thể có chót.

QUẺ TIỂU SÚC


Tốn trên
Kiền dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiểu Súc[1], Tự quái nói rằng: Liền gần với nhau thì phải có sự nuôi chứa, cho nên tiếp quẻ Tiểu súc. Các vật gần liền là họp, họp tức là chứa. Lại, gần liền với nhau thì chí nuôi nhau, vì vậy quẻ Tiểu súc mới nối quẻ Tỵ. Súc tức là đậu, đậu thì là họp. Nó là quẻ Tốn trên Kiền dưới, Kiền là vật ở trên, thế mà lại ở dưới Tốn. Ôi chứa đậu sự cứng mạnh, không gì bằng sự nhún thuận; bị sự nhún nhuận chứa đậu, cho nên là súc. Nhưng mà Tốn thuộc về Âm, thể nó mềm thuận, chỉ biết dùng sự nhún thuận để làm cho mềm sự cứng mạnh, không phải sức nó có thể ngăn được. Đó là cách chứa còn nhỏ. Lại, hào Tư là một hào Âm, bị năm hào Dương đẹp lòng, được ngôi, tức là được đạo mềm thuận, có thể nuôi được chí ý của các hào Dương, cho nên là *súc*. Tiểu súc là lấy cái nhỏ mà chứa cái lớn, thì cái chứa họp cũng nhỏ. Việc nó chứa họp mà nhỏ, là vì nó thuộc về Âm. Lời Thoán chỉ lấy hào Sáu Tư chứa các hào Dương làm nghĩa thành quẻ, không nói đến hai thể của hai quẻ, ấy là chỉ nói điều trọng yếu hơn.

LỜI KINH

小畜亨,密雲不雨,自我西郊.

Dịch âm. - *Tiểu súc hanh, mật vân bất vũ, tự ngã tây giao.*

Dịch nghĩa. - Chứa nhỏ hanh thông, mây dầy không mưa, tự cõi tây ta.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Mây là khí của Âm Dương, hai khí đó, giao nhau mà hòa hợp, thì nó chứa nhau, chắc lại thì thành ra mưa. Dương xướng lên, Âm họa theo, là thuận, nên mới hòa hợp. Nếu Âm xướng lên trước Dương, thì không thuận, nên không hòa hợp, không hòa hợp thì không thể thành mưa. Mây tuy chưa họp đã dầy mà không thể thành mưa, là vì nó ở cõi Tây. Đông Bắc là phương Dương, Tây Nam là phương Âm, tự Âm xướng lên, cho nên nó không hòa hợp mà không thành mưa. Lấy con mắt người ta mà coi, thì khí mây nổi

---

[1] Súc nghĩa là chứa là nuôi.

lên, đều tự bốn chỗ thẳm xa, nên gọi là "giao". Căn cứ vào hào Tư mà nói, cho nên gọi là "tự ta". Chứa khí Dương tức là hào Tư, nó là chủ của quẻ Súc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tốn cũng là tên quẻ ba vạch, một vạch Âm núp ở dưới hai vạch Dương, cho nên đức nó là nhún, tượng là gió, là cây. Tiểu (nhỏ) tức là Âm, Súc (chứa) nghĩa là ngăn lại; trên Tốn dưới Kiền, lấy Âm chứa Dương. Lại quẻ này chỉ hào Sáu Tư là một hào Âm, trên dưới năm hào Dương đều bị nó chứa, cho nên mới là *tiểu súc* (chứa nhỏ). Lại nữa, lấy Âm chứa Dương, buộc được mà không thể bền, cũng là tượng "cái chứa còn nhỏ". Trong mạnh ngoài nhún, hào Hai hào Năm đều là Dương và đều ở giữa một quẻ làm việc, có tượng "cứng mà lại giữa, chí được thực hành", cho nên lời chiêm của nó nên được hanh thông. Nhưng, *sự chứa* chưa được tột bậc, mà cái thi thố chưa được hiển hiện, cho nên có tượng "mây dầy không mưa, ở cõi tây ta". Bởi vì mây dầy và vật thuộc về Âm, cõi tây là phương thuộc về Âm, ta là Văn Vương tự xưng, vua Văn diễn *Kinh Dịch* ở ngục Dũ lý[2], coi ra xứ Kỳ Chu[3] thì là phía Tây, chính là thời quẻ Tiểu súc. Kẻ bói được quẻ này, thì sự Chiêm cũng như Tượng ấy.

LỜI KINH

彖曰：小畜,柔得位,而上下應之,曰小畜.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tiểu súc, nhu đắc vị nhi thượng, hạ ứng chi, viết Tiểu súc.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Tiểu súc, mềm được ngôi mà trên dưới ứng nó, gọi là chứa nhỏ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là nói về nghĩa thành quẻ, lấy hào Âm ở ngôi Tư, lại ở quẻ trên, tức là mềm được ngôi. Trên dưới năm hào Âm đều ứng với nó, vì bị nó chứa. Là một hào Âm mà nuôi đến năm hào Dương, có thể buộc mà không thể bền, nên mới cho là *chứa nhỏ.* Lời Thoán giải nghĩa thành quẻ mà thêm chữ "viết" là đều trọng về tên quẻ, thế văn nên thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thể quẻ thích nghĩa tên quẻ. "Mềm được ngôi" chỉ về hào Sáu ở ngôi Tư, "Trên dưới" chỉ về năm hào Dương.

LỜI KINH

健而巽,剛中而志行,乃亨.

---

[2] Văn Vương bị vua Trụ bắt giam ở ngục Dũ Lý.

[3] Nước của vua Văn.

Dịch âm. - *Kiện nhi tốn, cương trung nhi chí hành, nãi hanh.*

Dịch nghĩa. - Mạnh mà nhún, cứng giữa mà chí ý được thi hành, mới hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là nói về tài quẻ. Trong mạnh mà ngoài nhún, thế là mạnh mà biết nhún. Hào Hai hào Năm đều ở giữa quẻ, thế là cứng giữa. Tính Dương tiến lên, mà ở dưới lại là thể Kiền, đó là có chí về đường làm việc. Cứng ở giữa là cứng mà được giữa, lại là ở giữa mà cứng. Nói về sự chứa khí Dương, thì cốt lấy đức mềm nhún; nói về sự được hanh thông, thì cốt ở đức cứng giữa; nói về nghĩa thành quẻ, thì là Âm chứa Dương; nói về tài quẻ thì là cứng giữa. Tài nó như thế, cho nên sự chứa của nó tuy nhỏ, mà cũng có thể hanh thông.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức quẻ thể quẻ mà nói, thì hào Dương còn có thể hanh thông.

LỜI KINH

密雲不雨,尚往也.自我西郊,施未行也.

Dịch âm. - *Mật vân bất vũ, thượng vãng dã; tự ngã tây giao, thí vị hành dã.*

Dịch nghĩa. - Mây dày không mưa, vì còn đi vậy; tự coi tây ta, sự thi thố chưa được thực hành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo "chứa" không thể thành lớn, như mây dày mà không thành mưa. Âm Dương giao nhau được hòa hợp thì nó bền chắc với nhau mà thành mưa. Hai khí không hòa hợp nhau, Dương còn đi lên, cho nên không mưa. Bởi vì do ở khí của phương Âm ta xướng lên trước, nên không hòa hợp, mà không thể thành mưa, ấy là công lao chưa được thực hiện. *Chứa nhỏ* không thể thành lớn, cũng như mây của cõi tây không thể thành mưa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Còn đi, ý nói sự chứa chưa cùng cực, khí nó còn tiến lên.

LỜI KINH

象曰:風行天上,小畜.君子以懿文德.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong hành thiên thượng, Tiểu súc, quân tử dĩ ý văn đức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gió đi trên trời là quẻ Tiểu súc, đấng quân tử coi đó mà làm cho tốt đức văn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kiền là quẻ cứng mạnh mà bị Tốn chứa. Ôi cái tính cứng mạnh còn có kẻ mềm thuận chứa ngăn được nó. Tuy là chứa ngăn được nó nhưng mà không thể nén sự cứng mạnh của nó một cách bền chặt, chỉ lấy sự mềm thuận ràng buộc nó lại mà thôi, cho nên mới là *chứa nhỏ*. Đấng quân tử coi nghĩa *chứa nhỏ* đó mà làm tốt đẹp đức văn. Chứa họp có nghĩa là uẩn xúc, cái uẩn xúc của đấng quân tử, lớn thì đạo đức kinh luân, nhỏ thì văn chương tài nghệ. Đấng quân tử coi tượng Tiểu súc để làm tốt đẹp đức vặn; việc đó, so với đạo nghĩa, thì là còn nhỏ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Gió có khí mà không có chất, có thể chứa mà không thể lâu, cho nên là Tượng *chứa nhỏ*. Làm tốt đức văn, ý nói chưa thể chứa chất được hậu, thi hành được xa.

LỜI KINH

初九: 復自道,何其咎,吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Phục tự đạo, hà kỳ cữu? Cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Trở lại từ đường, còn lỗi gì? Tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chín Đầu là hào Dương, thể Kiền. Dương là vật ở trên, lại là tài cứng mạnh, đủ để tiến lên, mà lại đồng chí với kẻ ở trên, thì sự tiến lên, tức là con đường của nó. Vì vậy, mới nói "trở lại từ đường". Trở lại đã từ đường, còn trái lỗi gì, không lỗi mà lại tốt nữa. Các hào nói "không lỗi" đều là "như thế thì không có lỗi", cho nên nói rằng: "không lỗi là khéo chữa lỗi", dù cho nghĩa của trong hào vốn hay, nhưng với cái nghĩa "không như thế thì không có lỗi" cũng không hại gì. Hào Chín Đầu này theo đường mà đi, không có trái lỗi, cho nên nói rằng: "còn lỗi gì, đó là không lỗi một cách rất rõ ràng vậy".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ dưới thể Kiền, vốn đều là vật ở trên, chí muốn tiến lên mà bị các hào Âm ngăn chứa. Nhưng hào Chín Đầu là thể Kiền, ở dưới, được chỗ chính, đằng trước xa với hào Âm, tuy là chính ứng với hào Tư, mà nó có thể tự giữ đường chính, không bị hào kia ngăn chứa, cho nên có tượng "tiến lên, trở lại từ đường". Kẻ xem như thế thì không có lỗi mà tốt.

LỜI KINH

象曰:復自道,其義吉也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phục tự đạo, kỳ nghĩa cát dã.*

Dịch nghĩa. - *Lời Tượng nói rằng: Trở lại từ đường,* thửa nghĩa tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tài Dương cương, theo đường trở lại, thì nghĩa nó tốt. Hào Đầu với hào Tư là chính ứng khi *chứa* thì nó chứa nhau.

LỜI KINH

九二: 牽復,吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Khiên phục, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Giật trở lại, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai là Dương ở giữa thể dưới, hào Năm là Dương ở giữa thể trên, đều lấy đức Dương cương, ở giữa, bị hào Âm ngăn chứa, và đều muốn trở lại phía trên. Hào Năm tuy là ở trên hào Tư, mà sự bị ngăn chứa thì giống hào Hai, tức là đồng chí với hào Hai. Cùng hoạn nạn thì lo cho nhau, hào Hai với hào Năm đồng chí, cho nên mới có dắt nhau trở lại. Hai hào Dương cùng tiến, thì hào Âm không thể thắng được, mà sự trở lại được toại, cho nên mới tốt. Hỏi rằng: Được toại sự trở lại, thì có thể lìa sự ngăn chứa được chăng? Đáp rằng: Phàm các lời hào đều bảo: "hễ mà như thế thì có thể như thế", nếu mà đã rồi, thì là thì thế đã thay đổi ngầm rồi, còn dạy bảo làm gì? Hỏi rằng: Hào Năm là thể Tốn, Tốn chứa Kiền, mà lại co dắt hào Hai, là sao? Đáp rằng: tuy là nói về hai thể thì Tốn chứa Kiền, nhưng nếu nói cả quẻ thì một hào Âm chứa năm hào Dương, trong *Kinh Dịch*, tùy thời lấy nghĩa đều như thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ba hào Dương chí giống nhau, mà hào Chín Hai dần dần gần với chỗ hiểm, vì nó cứng giữa, cho nên có thể có dắt với hào Chín Đầu mà đi trở lại, cũng là đạo tốt. Kẻ xem như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰:牽復在中,亦不自失也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khiêm phục tại trung, diệc bất tự thất dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dắt lại ở giữa, cũng là không tự mất vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là ở giữa, được chỗ chính, cứng mềm, tiến lui, không sai đạo trung. Hào Dương trở lại, thể nó ắt mạnh, hào Hai vì được ở giữa, cho nên dẫu tiến lên mạnh, cũng không đến nỗi quá cứng, quá cứng thì là tự mất. Trong hào chỉ nói về nghĩa dắt lại thì tốt. Lời Tượng lại phát minh thêm cái tốt của sự ở giữa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "cũng" là theo với nghĩa hào trên.

LỜI KINH

九三:輿說輻,夫妻反目.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Dư thoát bức, phu thể phản mục.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Xe trụt bánh, chồng vợ trở mắt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba là hào ở Dương, ở không được giữa, mà lại liền sát với hào Tư, tức là cái tình Âm Dương tìm nhau, nó lại kê liền mà không chính giữa, đó là nó bị hào Âm ngăn chế cho nên không thể tiến lên, như chiếc xe trụt bỏ cái bánh, không thể đi được. Chồng vợ trở mắt, là hào Âm đáng lẽ bị chế với hào Dương, nay nó lại chế với hào Dương như chồng vợ trở mắt. Trở mắt là dương con mắt tức giận nhìn nhau, ấy là không thuận với chồng mà lại đè nén chồng vậy. Đàn bà được chồng yêu đương mê hoặc, rồi đến đè nén lại chồng. Chưa có khi nào chồng không lỗi đạo mà vợ lại đè nén được! Cho nên, những sự "trụt bánh" "trở mắt", đều là do hào Ba tự mình làm ra.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Ba cũng muốn tiến lên, nhưng nó cứng mà không giữa, gần sát với hào Âm mà lại không phải chính ứng, chỉ vì Âm Dương đẹp lòng nhau mà bị ràng buộc ngăn chứa không thể tự mình tiến lên, cho nên có tượng "xe trụt bánh xe". Song vì chí nó cứng mạnh, không thể dẹp đi mà còn tranh nhau với hào kia, cho nên lại là cái Tượng "chồng vợ trở mắt". Kẻ xem như thế, thì không thể tiến được mà lại có sự tranh giành.

LỜI KINH

象曰:夫妻反目,不能正室也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phu thê phản mục, bất năng chính thất dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chồng vợ trở mắt, không chính được cửa nhà vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di - Chồng vợ trở mắt là không thể làm cho cửa nhà chính đính. Hào Ba không biết theo đạo mà tự xử, cho nên hào Tư mới đè nén được, không cho tiến lên. Cũng như người chồng không thể đính chính cửa nhà, đến nỗi để vợ trở mắt vậy.

LỜI KINH

六四:有孚,血去,惕出,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Hữu phu, huyết khứ, Dịch xuất, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu tư: Có tin, máu đi, sợ ra, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư trong thời chứa đựng, ở ngôi gần vua, ấy là kẻ ngăn chứa ông vua. Nếu mà trong lòng có sự tín thành, thì hào Năm sẽ có bụng tin mà để cho nó ngăn chứa. Quẻ này là một hào Âm chứa các hào Dương, treo buộc ở hào Tư, hào Tư nếu muốn lấy sức mà chứa, thì một kẻ mềm đối địch với nhiều kẻ cứng, ắt bị đau hại, duy có hết lòng thành tín để ứng với nó, thì có thể cảm được nó, cho nên mới xa được sự đau hại mà thoát khỏi sự sợ hãi. Như thế thì có thể không lỗi. Nếu không thế, thì không tránh khỏi tai hại. Đó là cái đạo lấy kẻ mềm mà chứa kẻ cứng. Uy nghiêm như các ông vua, mà bọn bề tôi nhỏ nhặt, có khi ngăn chứa được lòng ham muốn của họ, là vì chúng, có sự phu tín làm cho họ cảm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy một hào Âm chứa mọi hào Dương, vốn vẫn có sự đau hại lo sợ; vì nó muốn mềm thuận được chỗ đính chính, trống rỗng bên trong, lại có hào Dương của thế Tốn giúp cho họ, ấy là Tượng "có sự tin mà máu đi, sợ khỏi", không lỗi là phải. Cho mới răn kẻ xem có đức ấy thì không có lỗi.

Lời bàn của Tiên Nho - Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Ba là Dương tiến lên hăng mạnh, hào Tư cố gượng ngăn lại, hào Ba tuy bị "trụt bánh xe", hào Tư cũng không thể không bị thương, cho nên mới nói là "máu" nói là "sợ", tức là có ý lo thay. Ắt phải có sự tin, thì máu có thể đi, sợ có thể khỏi, mới không có lỗi. Ấy là răn bảo người ta vậy.

LỜI KINH

象曰:有孚,惕出,上合志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu phu, Dịch xuất, thượng hợp chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có tin, sợ ra, trên hợp chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư đã có tín, thì hào Năm tín dùng mà hợp chí với nó, vì vậy mới được "sợ ra" mà không lỗi. "Sợ ra" đủ biết là máu đi, lời tượng chỉ nói "sợ ra" là nói cái nhẹ mà thôi. Hào Năm đã hợp chí, thì các hào Dương đều theo.

LỜI KINH

九五:孚攣如,富以其鄰.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hữu phu loan như, phú dĩ kỳ lân.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Có tin, dường co quẹo vậy, giàu vì láng giềng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiểu súc là lúc các hào Dương bị hào Âm ngăn chứa. Hào Năm lấy đức trung chính ở ngôi tôn, có sự phu tín, thì loại của nó đều ứng theo nó, cho nên nói rằng: "dường co quẹo vậy" nghĩa là dắt díu nhau mà theo - hào Năm ắt phải co kéo nó đến mà giúp cho nó, thế là "giàu vì láng giềng", tức là hào Năm phải đem hết sức của mình để cùng xóm giềng cùng chung. Đấng quân tử bị kẻ tiểu nhân làm khốn, bậc chính nhân bị bọn gian tà làm ách, thì kẻ dưới ắt phải vin kéo người trên, hẹn để cùng tiến; kẻ ở trên ắt phải cứu dẫn người dưới, để cùng gắng sức. Không phải chỉ là đem sức mình giúp đỡ cho người mà thôi, cũng phải nhờ về sức kẻ ở dưới giúp đỡ để làm cho thành cái sức của mình nữa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai hào thể Tốn, chung sức chứa Kiền, ấy là cái tượng láng giềng, mà hào Chín Năm ở giữa, đứng ngôi tôn, thế nó có thể làm việc để gồm cả trên lẫn dưới, cho nên mới là cái Tượng "có sự tin dính chắc dùng sức phú hậu sai khiến láng giềng". Chữ 以 *(dĩ)* này cũng như chữ 以 *(dĩ),* trong những câu "dĩ... sư" của kinh *Xuân thu,* ý nói có thể sai khiến được nó. Kẻ xem có sự tin thì được như thế.

LỜI KINH

象曰:有孚攣如,不獨富也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu phu loan như, bất độc phú dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có tin dường co quẹo vậy, là không giàu một mình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có tin đường co quẹo vậy, nghĩa là láng giềng loài giống đều co dắt nhau mà theo nó, cùng mọi người chung sự ham thích, không riêng có cái giàu của mình. Đấng quân tử gặp khi nạn ách, chỉ có lòng chí thành, cho nên được sức mọi người giúp đỡ mà lại có thể giúp cho mọi người.

LỜI KINH

上九:既雨,既處,尚德載.婦貞厲.月幾望,君子征凶.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Ký vu, ký xử, thượng đức tái, phụ trinh lệ. Nguyệt cơ vọng, quân tử chinh hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Đã mưa, đã ở, chuộng đức chở, đàn bà chính bền, nguy! Mặt trăng hầu đến tuần vọng, đấng quân tử đi thì hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên, cùng tột sự nhún

thuận, ở về trên quẻ, nhằm chót sự chứa, tức là đã từ sự *chứa* mà đến sự *ngăn,* nghĩa là nó bị hào Tư ngăn đón. Đã mưu là hòa, đã ở là ngăn. Âm mà chứa Dương, không hòa thì không thể *ngăn,* đã hòa và đã *ngăn,* ấy là đạo "chứa" xong rồi. Quẻ Đại súc là sự *chứa lớn,* cho nên khi đã cùng tột thì tan, quẻ Tiểu súc là sự *chứa nhỏ,* cho nên khi đã cùng tột thì thành "Chuộng đức chở" nghĩa là hào Tư dùng đức mềm nhún chứa đầy mà đến lúc hoàn thành. Âm mềm chứa Dương, không phải một sớm một tối mà có thể thành, phải do tích lũy mà tới, không thể không răn. "Tái" là chứa chỗ đầy chặt. "Đàn bà chính bền, nguy" nghĩa là kẻ Âm chứa kẻ Dương, kẻ mềm chứa kẻ cứng, đàn bà nếu cứ chính bền mà giữ lối đo, ấy là cách nguy nghèo. Đâu có vợ đè nén chồng, tôi đè nén vua mà có thể yên? Mặt trăng đến tuần vọng thì có thể địch với mặt trời, "mặt trăng hầu đến tuần vọng" ý nói mặt trăng đã thịnh, sắp sửa địch được mặt trời. Âm có thể chứa Dương, mà nói "hầu đến tuần vọng" là sao? Đó là vì Âm mềm nhún chỉ chứa được cái chí của Dương, không phải sức lực có thể chứa nó. Nhưng nếu chứa mãi không thôi, thì nó sẽ thịnh hơn Dương mà thành ra hung. Trong khi hầu đến tuần vọng mà răn sẵn sàng: "Đàn bà sắp địch được mình rồi đấy, đấng quân tử hễ mà hành động thì hung". Quân tử chỉ về Dương, "chinh" là hành động. "Cơ vọng" là lúc mặt trăng sắp đầy. Nếu đã tuần vọng thì Dương tiêu rồi, còn răn được sao?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sự chứa đã cùng tột mà hoàn thành tức là Âm Dương đã hòa, cho nên là tượng "đã mưa đã ở". Đó là vì tôn chuộng âm đức, đến nỗi chứa đầy mà thành ra thế. Bởi tại Âm đặt lên Dương, cho nên tuy chính cũng nguy. Khi Âm đã thịnh mà chống lại khí Dương, thì đấng quân tử không thể làm việc. Lời chiêm như thế, tức là răn bảo sâu lắm.

LỜI KINH

象曰:既雨既處,德積載也.君子征凶,有所疑也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ký vũ, ký sử, đức tình tài dã; quân tử chinh hung, hữu sở nghi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đã mưa, đã ở, đức chứa chở vậy; đấng quân tử đi thì hung, có thửa ngờ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã mưa đã ở, ý nói đạo "chứa" tích đầy mà thành; Âm hầu thịnh cực, đấng quân tử hành động thì có sự hung. Âm chọi được Dương thì làm tiêu Dương, kẻ tiểu nhân chống được đấng quân tử thì ắt làm hại đấng quân tử, lẽ nào mà không nghi ngờ? Nếu biết nghi ngờ từ trước mà răn sợ sẵn, tìm cách để cho nó đi, thì không đến nỗi phải hung.

QUẺ LÝ

 Kiền trên

 Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Lý[4]. Tự Quái nói rằng: Người ta chứa họp rồi mới có lẽ, cho nên tiếp đến quẻ Lý. Ôi, người ta họp lại, thì có lớn nhỏ, cao thấp, tốt xấu khác nhau, đó là người ta chứa họp, rồi mới có lễ, vì vậy quẻ Lý mới nối quẻ Tiểu súc. Lý tức là lễ, lễ là cái cái mà người ta xéo lên[5]. Nó là quẻ trời nên chằm dưới, trời mà ở trên, chằm mà ở dưới, đó là phận trên dưới, là nghĩa tôn ty, lẽ phải như thế. Lễ là gốc của đạo làm người và là con đường người ta thường thường xéo lên, cho nên mới là quẻ Lý. Lý nghĩa là *giầy,* là bị *giầy...* Là kẻ mềm yếu mà *giầy* lên kẻ cứng mạnh cho nên là Lý. Không nói cứng *giầy* lên mềm mà nói mềm *giầy* lên cứng, là vì kẻ cứng cưỡi lên kẻ mềm tức là lẽ thường, không đáng nói. Cho nên trong *Kinh Dịch* chỉ nói kẻ mềm cưỡi kẻ cứng, không nói kẻ cứng cưỡi kẻ mềm.

LỜI KINH

履虎尾,不咥人,亨.

Dịch âm. - *Lý hổ vĩ, bất chất nhân, hanh!*

Dịch nghĩa. - Xéo đuôi cọp, không cắn người, hanh!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Lý là đường người ta vẫn *xéo,* trời ở trên mà chằm ở dưới, lấy kẻ mềm bị giầy xéo với kẻ cứng, trên dưới đều đúng nghĩa, là việc rất thuận, lẽ rất đáng, người ta cứ thế mà đi, tuy xéo vào chỗ nguy hiểm cũng không hại gì, cho nên xéo lên đuôi cọp mà không bị cắn, vì vậy mới *hanh* được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoái cũng là tên quẻ ba vạch, một vạch Âm hiện ở trên hai vạch Dương, cho nên đức nó là đẹp lòng, Tượng nó là chằm. "Lý" nghĩa là có chỗ noi theo mà lên, Đoái mà gặp Kiền tức là hòa thuận đẹp lòng để theo sau kẻ cứng mạnh, có Tượng "xéo lên đuôi cọp mà không bị cắn", cho nên quẻ Lý nó là Lý mà

---

[4] Chữ 履 (lý) nghĩa là giày lên, xéo lên.

[5] Chữ "xéo lên" này nghĩa là theo đó mà đi, không phải có ý đầy đọa như chữ "xéo lên" mà ta vẫn nói.

Chiêm thì thế. Người ta có thể như thế thì tuy ở chỗ hiểm nghèo cũng không hại gì.

LỜI KINH

象曰:履,柔履剛也.説而應乎乾,是以履虎尾,不咥人,亨.剛中正,履帝位而不疚,光明也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Lý, nhu lý cương dã; duyệt nhi ứng hồ Kiền, thị dĩ lý hổ vĩ, bất chất nhân, hanh. Cương trung chính, lý đế vị nhi bất khứu, quang minh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Lý là mềm xéo theo cứng. Đẹp lòng mà ứng với trời, thế cho nên xéo đuôi cọp, không cắn người, hanh. Dương cương trung chính, xéo ngôi vua mà không mỏi mệt, sáng láng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đoái là Âm mềm, xéo tựa Kiền là Dương cứng, đó là mềm xéo theo cứng. Đoái lấy đức đẹp lòng xuôi thuận ứng với Kiền là Dương cương mà xéo tựa nó, ấy là dưới thuận với trên, Âm vâng theo Dương, chính là lý chí trong thiên hạ. Xéo mà như thế, rất thuận rất đáng, tuy xéo đuôi cọp cũng không bị đau hại. Cứ thế xéo đi, sự hanh thông có thể biết chắc. Hào Chín Năm lấy đức Dương Cương trung chính, cao xéo ngôi vua mà không mệt mỏi, ấy là sự rất khéo trong cách "xéo", tức là kẻ sáng láng vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu đầu dùng hai thể thích nghĩa tên quẻ, câu giữa dùng đức quẻ thích lời Thoán[6] câu cuối lại lấy thể quẻ nói rõ cho ra, có ý chỉ về hào Chín Năm.

LỜI KINH

象曰:上天下澤,履.君子以辯上下,定民志.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thượng thiên hạ trạch, Lý, quân tử dĩ biện thượng hạ, định dân chí.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên trời dưới chằm, là quẻ Lý, đấng quân vương coi đó mà phân biệt trên dưới, định chí dân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời ở trên, chằm ở dưới, tức là chính lý trong thiên hạ. Sự xéo đi của người ta cũng nên như thế, nên mới lấy tượng của nó mà làm quẻ Lý. Đấng quân tử theo Tượng quẻ Lý mà phân biệt phận của trên dưới, để định chí dân của mình.

[6] Chỉ về lời Thoán của Văn Vương, tức câu 履虎尾, 不咥人亨 (lý hổ vĩ bất chất nhân, hanh).

LỜI KINH

初九:素履,往無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Tố lý, vãng vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Xéo theo sự vốn có, đi, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xéo chỗ thấp nghĩa là đi. Hào Đầu ở chỗ rất thấp, tức là kẻ vốn ở dưới, mà tài Dương cứng có thể tiến lên. Nếu cứ yên phận thấp kém của mình vốn có mà đi, thì không có lỗi. Người ta không biết tự yên cái phận nghèo hèn của mình vốn có, thì sự tiến lên của họ, chỉ là tham bạo hành động, cầu để ra khỏi cảnh nghèo hèn mà thôi, không phải kẻ muốn làm việc. Hễ đã được tiến ắt phải kêu dật, cho nên đi thì có lỗi. Đấng quân tử thì yên lặng theo phận vốn có, khi ở lại thì vui, khi tiến lên thì sẽ có làm chuyện gì, cho nên hễ đã được tiến thì phải làm việc, mà không việc gì không hay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này là Dương cương, ở dưới, nhằm đầu sự "xéo", chưa bị vật khác làm cho dời đổi, mà còn noi theo sự vốn có của mình. Kẻ xem như thế, thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰:素履之往,獨行願也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tố lý chi vãng, độc hành nguyện dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Việc đi của kẻ xéo theo sự vốn có, tức là một mình làm theo chí nguyện vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Yên lòng xéo theo sự vốn có của mình, không phải cẩu thả cầu lợi, chỉ là riêng muốn thực hành chỉ mình mà thôi... Nếu lòng muốn sanh và lòng hành đạo giao chiến ở trong bụng thì há có thể yên lòng xéo theo sự vốn của của mình?

LỜI KINH

九二:履道坦坦,幽人貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Lý đạo thản thản, u nhân trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Xéo đường bằng phẳng, người uẩn chính bền thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Hai ở ngôi mềm, rộng rãi được chỗ giữa, cái đường của nó vẫn xéo là đường bằng phẳng dễ dãi, cũng phải là người trong lòng u tĩnh yên lặng ở cảnh đó, thì mới có

thể chính bền mà tốt. Hào Chín Hai là Dương, chí muốn tiến lên, cho nên mới có lời răn "u nhân".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này cứng giữa, ở dưới, không có kẻ ứng với mình ở trên, cho nên là tượng "xéo đường bằng phẳng, tối tăm trơ trọi, giữ lấy chính bền". Kẻ u ẩn gặp lời chiêm này thì chính là tốt.

LỜI KINH

象曰:幽人貞吉,中不自亂也.

Dịch âm. - *Tượng viết: U nhân trinh cát, trung bất tự loạn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Người u uẩn chính bền thì tốt, trong chẳng tự rối vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xéo đường cốt ở yên tính. Trong bụng yên lặng chính đính thì đường mình xéo yên ổn rộng rãi. Nếu mà nóng nẩy động cựa, thì há có thể yên với cái đường mình xéo? Cho nên ắt phải là người u uẩn thì mới có thể vững bền mà tốt. Bởi vì trong lòng yên lặng, không vì sự lợi lộc và sự ham muốn mà tự rối loạn.

LỜI KINH

六三:眇能視,跛能履,履虎尾,咥人,凶.武人為于大君.

Dịch âm. - *Lục Tam: Diểu năng thị, bí năng lý, lý hổ vĩ, chất nhân hung, vũ nhân vi vu đại quân.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Chột biết trông, què biết xéo, xéo đuôi cọp, cắn người, hung. Kẻ vũ nhân làm đấng đại quân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba là thể Âm, ở ngôi Dương, chỉ muốn cứng mà thể vốn Âm nhu, không thể giữ bền con đường mình xéo, cho nên, như người mù chột nhìn trông, sự thấy của họ không rõ, như người què quặt bước xéo, sự đi của họ không xa, tài đã không đủ, lại ở không được giữa, bước xéo không phải đường chính, mà chăm chăm muốn cứng, hễ mà bước xéo như thế, thì là xéo vào chỗ hiểm nghèo, cho nên gọi là "xéo đuôi cọp". Vì không khéo xéo mà xéo vào chỗ hiểm nghèo, thì ắt bị họa hoạn, cho nên nói là "cắn người, hung". "Kẻ vũ nhân làm đấng đại quân như kẻ vũ tợn mà ở trên người ta, thì chỉ "dông" sự nóng nẩy thô suất của họ mà thôi, chứ không thể bước xéo một cách xuôi thuận mà tới nơi xa. Không trung chính mà chí cứng, bèn bị các hào Dương không cùng với, vì thì mà nó nóng nảy *xéo chỗ nguy hiểm*, mà được sự hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Ba chẳng giữa chẳng chính, mà chí cứng, dùng cách đó mà xéo theo Kiền ắt bị đau hại, cho nên Tượng nó như thế, mà kẻ xem gặp thế thì hung. Nó là Tượng những kẻ cương vũ đắc chí dông tợn Tần Chính[1], Hạng Tịch[2] há có thể lâu?

Lời bàn của Tiên Nho. - Phan Qua Sơn nói rằng: Là hào Sáu ở ngôi Ba, chất mềm chí cứng, không lượng sức mình muốn làm việc liền, ứng với nhau hào Chín Trên mà xéo theo các hào Dương, như kẻ chột muốn trông, kẻ què muốn bước, kẻ vũ nhân muốn làm vua hung là nên lắm.

LỜI KINH

象曰:眇能視,不足以有明也.跛能履,不足以與行也.
咥人之凶,位不當也.武人為于大君,志剛也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Diểu năng thị, bất túc dĩ hữu minh dã; bí năng lý, bất túc dĩ dữ hành dã. Chất nhân chi hung, vị bất đáng dã; vũ nhân vi vu đại quân, chí cương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chột biết trông, không đủ để có sáng vậy, què biết xéo, không đủ để cùng đi vậy. Cái "hung" của sự cắn người, ngôi không đáng vậy; kẻ vũ nhân muốn làm đấng đại quân, chí cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Những người âm nhu, tài họ không đủ, trông không thể rõ, đi không thể xa, mà cứ muốn chăm chăm muốn cứng, thì Tượng như thế, có thể khỏi hại được chăng? - Là kẻ mềm ở ngôi Ba, không phải chỗ chính của nó, sở dĩ phải đến vạ hại, bị cắn mà hung. Lấy kẻ vũ nhân làm thí dụ, là vì nó ở ngôi Dương, tài yếu mà chí cứng. Chí cứng thì hay động càn, *xéo* không theo đường, như kẻ vũ nhân mà làm đấng đại quân vậy.

LỜI KINH

九四:履虎尾,愬愬終吉

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Lý hổ vỹ, tố tố chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Xéo đuôi cọp, nơm nớp, sau chót tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư là Dương cương mà thể Kiền, tuy ở ngôi Tư mà phần cứng vẫn hơn. Ở chỗ gần vua, nhiều sự sợ, lại không có nghĩa tương đắc, hào Năm lại là bậc cương thả quá,

---

[1, 2] Tần Thủy Hoàng và Hạng Vũ.

cho nên là dáng "xéo lên đuôi cọp, nơm nớp sợ hãi". Nếu biết sợ hãi thì sau chót sẽ tốt. Bởi vì hào Chín tuy cứng mà chí thì mềm ngôi Tư tuy gần vua mà nó không ở, hễ biết nơm nớp cẩn thận lo sợ, thì sau chót khỏi nguy mà được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Tư cũng là kẻ không trung chính, xéo theo hào Chín Năm là kẻ cứng, nhưng vì lấy chất cứng ở ngôi mềm nên biết răn sợ mà được trọn tốt.

LỜI KINH

象曰: 愬愬終吉,志行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tố tốc chung cát, chí hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nơm nớp, sau chót tốt, chí đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có thể nơm nớp sợ hãi thì sau chót được tốt, là vì chí ở sự đi mà không chịu ở, lìa bỏ chỗ nguy là tốt. Dương cương là kẻ đi được, ở chỗ mềm là kẻ sự xuôi thuận tự xử.

LỜI KINH

九五: 夬履,貞厲.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Quải lý, trinh lệ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Quyết xéo, chính bền nguy!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quải là cương quyết, hào Năm lấy đức Dương cương, thể Kiền, ở ngôi chí tôn, là kẻ tự dùng sự cương quyết của mình mà đi. Như thế thì, tuy được chỗ chính cũng nguy dữ. Thánh nhân đời xưa, ở ngôi tôn trong thiên hạ, sự sáng đủ để soi xét, sự cứng đủ để quyết đoán, thế đủ để tự chuyên, nhưng mà chưa từng không để cho hết lời bàn của thiên hạ, tuy kẻ cắt cỏ kiếm củi là hạng nhỏ nhặt, cũng ắt theo, vì thế mới là ông thánh, xéo ngôi vua mà sáng suốt. Nếu cứ vậy ta cương minh, quyết đi không ngoảnh lại, tuy là được chỗ chính đính cũng là cách nguy, có thể giữ bền được chăng? Có tài cương minh mà nếu cứ chuyên một bề tự nhiệm, còn là cách nguy, huống chi kẻ cương minh không đủ. Trong *Kinh Dịch* nói chữ "trinh lệ" nghĩa là không giống nhau, tùy quẻ có thể thấy được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm lấy đức cương trung xéo chính ngôi vua mà dưới là quẻ Đoái có tính vui đẹp ứng nhau với nó, phàm các việc tất nhiên là làm, không còn nghi ngại, cho nên Tượng nó là quyết. Nhất quyết mà xéo, gia cho được lẽ chính đính cũng là đạo nguy, cho nên lời chiêm của nó là "tuy chính mà nguy". Răn bảo người ta sâu lắm.

LỜI KINH

象曰: 夬履貞厲,位正當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quải lý trinh lệ, vị chính đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Quyết xéo, chính bền, nguy ngôi chính đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Răn kẻ quyết xéo, vì nó chính đáng ngôi tôn. Ở ngôi chí, tôn, giữ cái thế có thể tự chuyên mà tự mình dùng sự cương quyết, không còn sợ hãi, thì dùng được chỗ chính đáng cũng là đạo nguy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hại về tự thị.

LỜI KINH

上九:視履考祥,其旋元吉.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Thị lý khảo tường, kỳ tuyền nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Coi sự xéo, xét điềm lành thửa quanh cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên ở cuối cuộc "xéo", trong lúc cuối, coi lại đường đã xéo đi, để xét về sự thiện các họa phúc của nó, nếu nó quanh lại thì thiện là tốt. "Quanh" là quanh vòng đầy đủ, không cái gì không đến nơi. Người ta xéo rồi, xét coi lúc sau chót, nếu như đầu chót chu toàn không thiếu thốn, thì là thiện đến tột cùng, cho nên cả tốt. Người ta lành dữ, quan hệ ở sự xéo của mình, thiện ác nhiều hay ít, ấy là lành dữ lớn hay nhỏ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Coi chót cuộc "xéo" để xét điều hành của nó, chu toàn không thiếu thì là cả tốt. Đó là vạ phúc của lẻ xem phải coi ở sự "xéo" của họ mà chưa nhất định.

LỜI KINH

象曰:元吉在上,大有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nguyên cát tại thượng, đại hữu khác dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cả tốt ở trên, cả có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên là chót cuộc "xéo". Sự "xéo" của người ta, hễ thiện mà tốt, đến chót chu toàn không thiếu, tức là người cả có phúc. Sự hành động của người ta quí ở có lúc sau chót.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nếu được cả tốt thì là có cả phúc khánh.

Lời bàn của Tiên Nho. - Vương Phụ Tự nói rằng: Hào Dương mà ở ngôi Âm tức là khiêm tốn, cho nên, trong một quẻ này đều lấy Dương ở ngôi Âm làm thiện.

QUẺ THÁI

☷ Khôn trên
☰ Kiền dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Thái, Tự quái nói rằng: *Xéo* mà hanh thái mới yên, cho nên tiếp đến quẻ Thái. Xéo được nơi chốn thì thư thái, thư thái thì yên ổn, vì vậy quẻ Thái mới nối quẻ Lý. Nó là quẻ Khôn Âm ở trên. Kiền Dương ở dưới, khí của trời đất Âm Dương giao nhau mà dung hòa, thì muôn vật sinh thành, cho nên mới là thông thái.

LỜI KINH

泰,小往大來,吉,亨.

Dịch âm. - *Thái, tiểu vãng, đại lai, cát hanh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Thái, nhỏ đi, lớn lại, lành tốt hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhỏ là Âm lớn là Dương, "đi" là đi ra ngoài, "lại" là ở bên trong, khí Âm hạ xuống, khí Dương bốc lên, tức là giao nhau. Âm Dương lợi xướng thì muôn vật được sống thỏa, ấy là trời đất thông thái. Nói về việc người, thì lớn là đấng quân thượng, nhỏ là kẻ thần hạ, ông vua suy lòng thành thật để dùng kẻ dưới, bề tôi hết lòng thành thật để thờ vua, chí của kẻ trên người dưới thông nhau, ấy là cuộc thái của triều đình; Dương là quân tử, Âm là tiểu nhân, quân tử lại ở bên trong, tiểu nhân đi ở bên ngoài, quân tử được ngôi, tiểu nhân ở dưới, ấy là cuộc thái của thiên hạ. Đó là đạo của cuộc thái, tốt mà lại hanh. Không nói "nguyên cát" mà nói "cát hanh" là vì thời có khi lên khi xuống, trị có cuộc lớn cuộc nhỏ, tuy là hanh thái, cũng không thể nói nhất khái. Nói "cát hanh" thì bao bọc được cả.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thái là hanh thông, nó là quẻ trời đất giao nhau mà hai khí thông nhau, cho nên là *thái,* quẻ tháng giêng đó. Nhỏ là Âm, lớn là Dương, ý nói Khôn đi ở ngoài, Kiền đến ở trong, lại tự quẻ Qui muội mà lại, thì là hào Sáu đi ở ngôi Tư, hào Chín lại ở ngôi Ba. Kẻ xem có đức cương Dương thì tốt mà hanh thông.

LỜI KINH

彖曰:泰,小往大來,吉,亨,則是天地交而萬物通也,上下交而其志同也.內陽而外陰,內健而外順,內君子而外小人,君子道長,小人道消也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Thái tiểu vãng, đại lai, cát hanh, tức thị thiên địa giao nhi vạn vật thông dã; thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã. Nội Dương nhi ngoại Âm, nội kiện nhi ngoại thuận, nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân, quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Thái, nhỏ đi lớn lại, tốt và hanh thông, trời đất giao nhau mà muôn vật hanh thông vậy; trên dưới giao nhau mà trí giống nhau vậy. Trong Dương mà ngoài Âm, trong mạnh mà ngoài thuận, trong quân tử mà ngoài tiểu nhân, đạo quân tử lớn lên, đạo tiểu nhân tiêu đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhỏ đi lớn lại, tức là Âm đi mà Dương lại, thì là khí của trời đất Âm Dương giao nhau mà muôn vật được thỏa sự thông thái của nó; ở người ta thì tình trên dưới giao nhau mà chí ý giống nhau. Dương lại ở trong, Âm đi ở ngoài là Dương tiến mà Âm lui; Kiền mạnh ở trong, Khôn thuận ở ngoài là trong mạnh và ngoài thuận, tức là đạo của đấng quân tử, quân tử ở trong, tiểu nhân ở ngoài là đạo quân tử lớn lên, đạo tiểu nhân tiêu đi, vì vậy mới là Thái.

LỜI KINH

象曰:天地交,泰;後以裁成天地之道,輔相天地之宜以左右民.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên địa giao. Thái; hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tường thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trời đất giao nhau là quẻ Thái, ông vua coi mà sửa nên đạo của trời đất, giúp tập sự nên phải của trời đất, để đỡ đần dân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời đất giao nhau mà Âm Dương hòa nhau, thì muôn vật tươi tốt thỏa thuê, vì vậy mới *thái.* Đấng nhân quân nên thể theo cái tượng trời đất thông thái để sửa nên đạo của trời đất; giúp tập sự nên phải của trời đất, để đỡ đần cho kẻ sinh dân. "Tài" là thể theo cái đạo giao thái của trời đất mà sửa chế đi cho thành cái phép thi thố công việc. "Giúp lập sự nên phải của trời đất",

là trời đất thông thái thì muôn vật tươi tốt thỏa thuê, đấng Nhân quân thể theo chỗ đó mà làm phép tắc, khiến cho kẻ dân dùng thời của trời, nhân lợi của đất, giúp đỡ công việc hóa dục, cho thành cái lợi thịnh tốt, ví như khí mùa xuân phát sinh muôn vật, thì làm ra phép gieo trồng khí mùa thu kết chắc muôn vật, thì làm ra phép thu liễm, đó là giúp lập sự đáng nên của trời đất để đỡ dần phụ trợ cho dân. Dân sống, ắt nhờ đấng quân thượng làm ra phép tắc, để dạy bảo dắt dìu giúp đỡ cho họ, mới được thỏa sự sinh dưỡng. Thế là đỡ đần cho họ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Tài thành" là để nén bớt chỗ thái quá, "phụ tướng" là để bù đắp chỗ bất cập.

LỜI KINH

初九:拔茅如,以其彙,征吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Bạt mao nhự, dĩ kỳ vậng, chinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Nhổ cụm cỏ tranh, lấy vầng nó, đi tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu là hào Dương, ở dưới, ấy là kẻ có tài cương minh mà ở ngôi dưới. Thời bĩ thì quân tử lui mà ở chỗ cùng thời đã thái thì để chí ở sự tiến lên. Đấng quân tử tiến lên ắt cùng bè loại dắt díu nhau, như rễ cỏ tranh vậy, hễ nhổ một cây thì nó kéo nhau mà lên. "Nhự" là rễ cây giằng díu nhau, cho nên dùng để làm Tượng. "Vậng" tức là loài, người hiền tiến lên, thì đem cả loài cùng tiến, đồng một chí hướng để thi hành cái đạo của mình. Vì vậy mới tốt. Đấng quân tử tiến lên, chẳng những chí ở muốn làm trước nhau, vui ở cùng nhau làm thiện, thực là nhờ nhau để cho nên việc. Cho nên, dù là quân tử hay tiểu nhân, chưa có người nào có thể riêng đứng một mình, không nhờ bè bạn giúp đỡ. Tự xưa đến nay, hễ đấng quân tử được ngôi, thì người hiền thiên hạ họp ở triều đình, cùng chí hiệp sức để làm cho thành cuộc thái của thiên hạ; tiểu nhân ở ngôi, thì kẻ chẳng hiền cùng tiến lên, rồi đảng họ thắng, mà thiên hạ bĩ. Nghĩa là loại nào theo với loại ấy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ba hào Dương ở dưới, liền nhau mà tiến, đó là cái Tượng nhổ cỏ tranh cả cụm. "Thịnh Chinh" là đi thì tốt. Kẻ xem là hạng Dương cương, thì sự đi của họ tốt lành. Sách *Đông lâm* của Quách Phác đọc đến chữ 彙 "vậng" dứt câu, quẻ dưới cũng theo lệ ấy.

LỜI KINH

象曰:拔茅如征吉,志在外也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bạt mao chinh cát, chí tại ngoại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng viết rằng: Nhổ cỏ tranh, đi, tốt, chí ở ngoài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đời sắp hanh thái thì các người hiền đều muốn tiến lên. Chí ba hào Dương muốn tiến như nhau, cho nên mới lấy cái Tượng "cụm cỏ, vầng đi". Chí ở ngoài tức là tiến lên.

LỜI KINH

九二: 苞荒,用馮河,不遐遺,朋亡,得尚于中行.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Bao Hoang, dụng bằng hà, bất hà dĩ, bằng vong, đắc thượng vu trung hàng.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Bao dung sự hoang rậm, dùng để tay không lội sông, không sót việc xa; bè cánh mất, được sánh ở hàng giữa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai là Dương cương được chỗ giữa, trên thì ứng nhau với hào Năm, hào Năm là hạng mềm thuận, được chỗ giữa, dưới ứng nhau với hào Hai, vua tôi cùng đức, vì vậy mà cái tài cương trung được người bề trên chuyên dùng. Cho nên hào Hai tuy ở vào ngôi bề tôi mà chính là chủ việc trị cuộc "Thái", đó là như đoạn trên nói "trên dưới giao nhau mà chí giống nhau, cho nên đạo trị cuộc "thái" là lấy hào Hai làm chủ mà nói - Bao dung sự hoang rậm, dùng để tay không lội sông, chẳng sót việc xa, bè cánh mất, bốn điều đó là cách để ở cuộc thái - Thường tình người ta, hễ yên rồi thì chính sự thư hoãn, pháp độ bê trễ, mọi việc đều không có cách dè dặt chỉnh trị, ắt phải có lượng bao bọc những cái hoang uế, thì các sự thi thố, rộng rãi kỹ càng, tệ chính thay đổi, công việc chỉnh tề, mà người ta sẽ lấy làm yên. Nếu không có lượng bao hàm rộng rãi, lại có bụng ghen ghét, thì là không biết tính sâu xa mà có cái lo về sự hung tợn khinh nhờn, cái tệ lâu ngày chưa bỏ được mà sự lo bên cạnh đã sinh ra, cho nên cốt ở bao dung sự hoang rậm - Dùng để tay không lội sông: Trong đời thái bình êm ả, người ta vẫn quen ở yên đã lâu, thường hay yên về thủ thường, lười về nhân tuần, sợ sự thay đổi, nếu không có cái hăng hái của kẻ tay không lội sông, thì không thể nào làm việc trong lúc đó. *Tay không lội sông,* nghĩa là cương quyết, quả cảm, đủ để qua chỗ sâu, vượt chỗ hiểm. Từ xưa những đời thái bình thịnh trị, ắt dần dần sinh ra suy đồi, bởi vì quen thói yên rồi, nhân tuần mà thành ra thế, không phải ông vua cương đoán và người phụ tướng oanh liệt, không thể hăng hái để đổi tệ đó, cho nên nói rằng: "Dùng để tay không lội sông". Có ngờ rằng trên nói: "dùng để tay không lội sông"

thì là hăng hái cải cách, giống như phải trái với nhau. Nhờ vậy mà không biết rằng: đem lượng làm dong, làm việc cương quyết, đó là cách làm việc của thánh hiền - *Không sót chỗ xa:* Trong đời thái bình yên ổn, người ta quen với sự bình trị, thì chỉ tạm bợ cầu được yên rồi mà thôi, đâu biết lo sâu nghĩ xa tới việc xa xôi? Kẻ trị cuộc *thái,* nên chu tất với hết mọi việc, tuy là xa xôi cũng không thể bỏ sót, như là việc nhỏ nhặt, u uẩn, những người hiền ở chỗ hẻo lánh v.v..., đều là chỗ xa xôi, thời buổi thái bình thường hay bỏ sót - *Bè cánh mất:* Ôi, đời đã thái bình người ta đã quen với cảnh yên ổn, phóng túng tính tình, mất cả tiết độ, muốn thắt lại cho phẳng, phí bỏ hết sự riêng tây về bè đảng, không thể làm nổi, cho nên nói rằng: "Bè cánh mất". Từ xưa những người có ý dụng phép, chế việc, chỉ vì vướng về nhân tình, rút lại không thể làm được, nhiều lắm; ví như cấm sự xa xỉ thì hại đến kẻ thân cận họ hàng; hạn chế điền sản thì hại cho bọn quí tộc v.v... những loại như thế, nếu không phán đoán bằng cách rất công mà quả quyết cứ làm, thì là vướng về bè cánh vậy. Kẻ trị cuộc *thái,* nếu không thể khiến cho bè cánh phải mất, thì sự làm việc khó lắm. Phép trị cuộc *thái,* có bốn điều đó, mới hợp với đức của hào Chín Hai, cho nên nói rằng: "Được sánh ở hàng giữa", ý nói được phối hợp với nghĩa trung hàng vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai lấy đức cứng ngôi mềm, nhằm giữa quẻ dưới, trên có hào Sáu Hai ứng với, tức là kẻ làm chủ cuộc *thái* mà được trung đạo. Kẻ xem có thể bao dung sự hoang rậm, mà quả đoán cương quyết, không bỏ sót điều xa xôi và không thiên tư về bè đảng, thì hợp với đạo trung hàng của hào này.

LỜI KINH

象曰:苞荒,得尚于中行,以光大也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bao hoang, đắc thượng vu trung hàng, dĩ quang đại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bao dung sự hoang rậm, được sánh với hàng giữa, vì sáng lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhắc lại một câu "bao hoang" để giải chung nghĩa của bốn điều, ý nói như thế thì có thể phối hợp với đức trung hàng mà đạo của mình sáng láng tỏ lớn được.

LỜI KINH

九三:無平不陂,無往不復,
艱貞無咎,勿恤其孚,于食有福.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Vô bình bất bi vô vãng bất phục, gian trinh, vô cữu, vật tuất kỳ phu, vu thực hữu phúc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Không chỗ bằng phẳng nào không lồi lõm, không sự đi nào không trở lại. Khó nhọc, chính bền, chớ lo thừa sự tín, chưng việc ăn hưởng có phúc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở giữa quẻ Thái, trên các hào Dương, tức là lúc cuộc *thái* đương thịnh. Vậy lý như lăn vòng tròn, ở dưới ắt lên, ở trên ắt xuống, thái lâu thì ắt phải bĩ. Cho nên, với lúc cuộc *thái* còn thịnh cùng khi khí Dương sắp tiến, phải răn sẵn rằng: "Không cái gì yên phẳng mãi mà không lồi lõm - nghĩa là không thể thường thường hanh thái - không cái gì đi mãi mà không trở lại - ý nói khí Âm sẽ lộn lại - Cái phẳng mà lõm, cái đi mà lại, thì là bĩ rồi. Nên biết lẽ trời ắt thế. Đương khi hanh thái, không dám yên rồi, phải thường chịu khó nhọc về lo nghĩ, ngay thẳng vững bền về việc làm, như thế thì có thể không lỗi". Cái đạo ở lúc *thái,* hễ đã biết khó nhọc và giữ được chính bền, thì có thể giữ được *thái* mãi, không cần vất vả lo lắng cho được cái sự mình cầu, - Không lỗi điều hẹn là tin - Như thế thì về việc lộc ăn, sẽ có phúc khánh ích lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sắp qua giữa phố, chỗ là lúc *thái* sắp cùng cực mà bĩ sắp đến. *Tuất* nghĩa là lo, *Phu* là hẹn sao đúng vậy. Răn kẻ xem cứ chịu khó nhọc giữ lấy chính bền, thì không lỗi mà có phúc.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Dương ở trong là phẳng, đi ra ngoài là *lõm;* Âm ra ngoài là đi, vào trong là lại. Đương trong khi phẳng đã có cơ lõm, Âm trong khi đi, đã có cơ lại. Huống chi hào Ba sắp quá chỗ giữa, sự *lõm* sự lại của nó tức là vận trời ắt đến, mà phải tin đúng. Hễ mà có thể giữ được tấm lòng khó nhọc, chính bền, thì không cần lo vận trời ắt đến, mà cái phúc của sự hanh thái, có thể được hưởng lâu dài.

Sái Tiết Trai nói rằng: *Phu* là tin đúng như thế. *Vật tuất kỳ phu,* nghĩa là chớ vì khí Âm ắt phải trở lại mà động lòng.

LỜI KINH

象曰:無往不復,天地際也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô vãng bất phục, thiên địa tế dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Không sự đi nào không trở lại, trời đất giao tế với nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không sự đi nào không trở lại, là nói về cuộc giao tế của trời đất. Dương xuống ở dưới, ắt trở lại mà lên trên,

Âm lên ở trên, ắt trở lại mà xuống dưới, đó là lẽ thường trong sự co duỗi, đi lại. Nhân đạo giao tế của trời đất mà tỏ cái lẽ không thể hanh thái mãi mãi; là để mà răn người ta.

LỜI KINH

六四:翩翩,不富以其鄰,不戒以孚.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Phiên phiên, bất phú dĩ kỳ lân; bất giới dĩ phu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Phơi phới, chẳng giàu lấy thửa láng giềng, chẳng răn lấy tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Tư ở về quá giữa quẻ Thái, là Âm, ở trên, chí muốn trở lại chỗ dưới, hào Hai Âm trên cũng đều có chí trở xuống. *Phơi phới* là dáng bay kíp, tức là hào Tư phơi phới trở xuống với các lân loại của nó. Lân đây là loài, chỉ về hào Năm và hào Trên. Người ta giàu mà đồng loại theo là vì lợi, không giàu mà đồng loại theo là chí giống nhau. Ba hào Âm đều là vật ở dưới, khi phải ở trên là mất cái thật của nó, chí nó đều muốn đi xuống, cho nên không giàu mà theo nhau, không phải răn bảo mà thực lòng hợp nhau. Ôi, Âm Dương lên xuống, tức là cuộc *bĩ thái* của thời vận, hoặc giao lại, hoặc tan đi, vẫn là lẽ thường. Cuộc *thái* đã quá chỗ giữa, thì là sắp biến, thánh nhân ở hào Ba còn nói "khó nhọc chính bền có phúc", vì hào Ba là chỗ gần giữa, biết răn lo thì có thể giữ. Hào Tư quá chỗ giữa rồi, lý tất phải biến, cho nên chuyên nói về nghĩa "đầu chót đi lại". Đến hào Năm là chủ quẻ Thái, thì lại *nói về cách xử ở cuộc thái.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đã quá chỗ giữa là thái đã cực, ba hào Âm phơi phới trở lại phía dưới, chẳng đợi giàu mà đồng loại cứ theo, chẳng đợi răn bảo mà chúng đều tin. Lời Chiêm ấy là có bọn tiểu nhân hợp nhau để làm hại chính đạo, đấng quân tử phải nên răn lo. Âm là hư mà Dương là thực, cho nên hễ nói "không giàu" đều là hào Âm.

LỜI KINH

象曰:翩翩不富,皆失實也.不戒以孚,中心願也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phiên phiên, bất phú, giai thất thực dã; bất giới dĩ phu, trung tâm nguyện dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Phơi phới chẳng giàu, đều mất thật vậy, chẳng răn lấy tin, trong lòng muốn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phơi phới tức là đi xuống mau kíp; chẳng đợi giàu mà láng giềng theo, vì ba hào Âm ở trên đều mất cái

thật của nó. Âm vốn là vật ở dưới, nay lại ở trên, tức là mất cái thật. Không đợi bảo răn mà thật bụng theo nhau, là vì trong lòng nó muốn. Lý phải nên thế là do ở trời, chúng cùng như thế là do ở thời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm vốn ở dưới, mà lại ở trên làm mất cái thật.

LỜI KINH

六五:帝乙歸妹以祉,元吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Đế Ất quy muội, dĩ chỉ, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Vua Đế Ất gả em gái, để có phúc cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sử gọi vua Thang là Thiếu Ất, về sau có vua Tổ Ất, cũng là vua hiền, sau nữa lại có vua Đế Ất. Thơ Đa sĩ nói rằng: "Từ vua Thành Thang đến vua Đế Ất, chẳng ai không rõ đức sáng, lo việc tế". Đây nói Đế Ất, chưa biết ông nào. Theo nghĩa hào mà xem, thì Đế Ất là người đặt ra lễ phép cho việc con gái nhà vua gả chồng xuống dưới. Từ xưa con gái nhà vua tuy đều gả chồng xuống dưới, nhưng đến Đế Ất mới đặt ra lễ phép, bắt họ phải hạ bớt sự tôn quý để theo người chồng. Hào Sáu Năm là Âm mềm, ở ngôi vua, phía dưới ứng nhau với hào Chín Hai là bậc hiền giả cương minh, Hào Năm biết nương tựa tin dùng người bề tôi hiền mà thuận theo hắn như vua Đế Ất gả chồng em gái phải giáng bớt sự tôn quý mà thuận theo Hào Dương, thì vì đó mà được chịu phúc và cả tốt nữa. *Nguyên cát* tức là rất tốt rất hay, nghĩa là làm nên việc trị cuộc thái vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là thế Âm, ở ngôi tôn làm chủ quẻ Thái, trong lòng mềm mỏng, hư không, phía dưới ứng nhau với Hào Chín Hai, ấy là cách tốt, mà khi Đế Ất gả chồng em gái cũng từng xem được hào này. Kẻ xem như thế thì có phúc mà cả tốt. Phàm trong kinh hễ lấy cổ nhân ra nói. Như ông Cao tôn, ông Cơ tử,... đều theo lệ đó.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: "Bốn chữ Đế Ất quy muội", ngày nay người ta chỉ coi là câu nói ví. Suy ra mà xem, thì chắc khi vua Đế Ất gả chồng em gái cũng đã xem được hào này. - Sách *Tả truyện* năm thứ chín đời Ai công. Triệu Ưởng nước Tấn bói vì việc cứu nước Trịnh[1] Dương Hổ đem sách *Chu Dịch* ra bói được quẻ Thái biến sang quẻ Nhu, Hổ nói: "Nước Tống đương tốt không thể tranh nhau với họ. Vi tử tức là con cả Đế Ất, nước Tống với nước

[1] Nước Trịnh bị nước Tống đánh.

Trịnh là cháu với cậu. *Chỉ* tức là lộc, ví như con cả của Đế Ất gả chồng cho em gái mà còn lộc tốt, thì ta đâu còn được tốt nữa".

Ngô Lâm Xuyên nói rằng: Hào Sáu Năm lấy đức mềm giữa ứng nhau với kẻ cứng ở giữa, tức là cái Tượng "con gái gả chồng xuống dưới, phải thuận theo chồng". Thể đắp đổi, và thể biến đổi của quẻ Thái đều thành ra quẻ Qui muội, cho nên lấy chữ "qui muội" làm lời hào. Xét truyện Kinh Phòng thì lời vua Thang dạy có mấy câu rằng: "Chớ lấy cái sang của đấng Thiên tử mà cưỡi lên nước chư hầu, chớ lấy cái giàu của đấng thiên tử mà kiêu với nước chư hầu. Âm phải theo Dương, gái phải theo chồng, đó là nghĩa của đất trời. Đi thờ chồng mày, phải bằng lễ nghĩa!" Lời ấy tuy phải, rút lại chỉ là do ở kẻ hiếu sự đời sau đặt ra. Có kẻ nhân thế mà bảo Đế Ất tức là vua Thang, không phải là vua Trụ thì lầm.

Hồ Song Hồ nói rằng: Chứng bằng truyện *Kinh Phòng,* thì Đế Ất là vua Thang, chứng bằng lời Dương Hổ thì Đế Ất là cha vua Trụ hãy để cả hai thuyết lại, để dự bị cho sự tham khảo.

LỜI KINH

象曰:以祉,元吉,中以行願也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Di chỉ, nguyên cát, trung dĩ hành nguyện dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Để nhận phúc, cả tốt, dùng mực giữa mà làm theo ý muốn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ được phúc lại cả tốt, vì nó lấy đạo trung chính hợp nhau mà làm theo chí nguyên của nó. Vì có trung đức, cho nên mới dùng được người hiền "cứng giữa" mà điều đó đã nghe theo, đều là do ở chí muốn. Không phải chí muốn thì theo sao được.

LỜI KINH

上六:城復于隍,勿用師,自邑告命,貞吝.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Thành phục vu hoàng, vật dụng sư, tự ấp cáo mệnh, trinh lận!.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Thành trở về rãnh, chớ dùng quân tự ấp bảo mệnh, chính bền thẹn tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đào đất dưới rãnh chứa chất làm thành, cũng như trị đạo chứa chất thành cuộc hanh thái. Khi mà cuộc thái đến chót, sắp sửa trở lại cuộc bĩ, cũng như đất thành sụt đổ lại

trở xuống rãnh. Ngôi trên là chót quẻ thái, hào Sáu là kẻ tiểu nhân mà ở vào đó, sắp sửa bĩ rồi. - Chớ dùng quân: ông vua sở dĩ dùng được quân chúng, là vì tình của kẻ trên người dưới thông nhau mà họ thành tâm nghe theo. Nay cuộc *thái* sắp hết, sai mất đạo *thái,* tình của kẻ trên người dưới không thông nhau, lòng dân lìa trái, không theo người trên há có thể dùng? Dùng họ thì loạn. Quân chúng đã không thể dùng mà còn tuyên cáo mệnh lệnh với chỗ thân cận, tuy những mệnh lệnh vẫn đúng lẽ thẳng, nhưng mà cũng đáng thẹn tiếc. Ấp là chỗ ở, tức là những chỗ thân cận. Đại để mệnh lệnh tuyên cáo, ắt phải tự chỗ gần trước.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thái cực bĩ, là tượng "thành trở về rãnh". Răn kẻ xem không thể cố sức tranh giành, chỉ nên tự thủ; tuy là vẫn được chính đính, nhưng cũng không khỏi thẹn tiếc.

LỜI KINH

象曰:城復于隍,其命亂也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thành phục vu hoàng, kỳ mệnh loạn dã.*

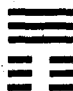
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thành trở về rãnh, thửa mệnh loạn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thành trở về rãnh tuy là mệnh đã loạn, cũng không thể ngăn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mệnh loạn cho nên trở lại cuộc bĩ. Tuyên cáo mệnh lệnh là để trị sự loạn đó.

QUẺ BĨ

 Kiền trên

Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Bĩ, Tự quái nói rằng: Thái tức là thông, các vật không thể thông mãi, cho nên tiếp đến quẻ Bĩ. Ôi vật lý đi lại, hanh thái đã cực thì ắt phải bĩ, vì vậy quẻ Bĩ nối quẻ Thái. Nó là quẻ trời trên đất dưới, trời đất giao nhau. Âm dương hòa hợp là *thái;* trời ở trên, đất ở dưới, thì là trời đất cách tuyệt, không giao thông với nhau, cho nên là *bĩ.*

LỜI KINH

否之匪人.不利君子貞,大往小來

Dịch âm. - *Bĩ chi phỉ nhân. Bất lợi quân tử trinh, đại vãng tiểu lai.*

Dịch nghĩa. - Bĩ đấy (?) chẳng phải người. Chẳng lợi cho sự chính bền của đấng quân tử, lớn đi nhỏ lại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời đất giao nhau mà muôn vật sinh ở bên trong, rồi sau mới đủ ba Tài. Người là bậc rất thiêng, cho nên làm đầu muôn vật. Phàm những cái sống trong trời đất đều là đạo người. Trời đất không giao nhau, thì không sinh ra muôn vật, ấy là không có đạo người, cho nên nó là "phỉ nhân", nghĩa là không phải đạo người. Tiêu đi, lớn lên, đóng lại, mở ra, những sự đó theo nhau không dừng. *Thái cực* thì trở lại, *bĩ* hết thì nghiêng đi, cái lẽ không thể thường mãi không thay đổi, đạo người há lại không có? Đã *bĩ* thì *thái* rồi. Trên dưới giao thông, cứng mềm hòa hợp, đó là đạo đấng quân tử. Cuộc bĩ thì trái hẳn thế, cho nên không lợi cho người quân tử. *Trinh* tức là chính đạo của đấng quân tử, bị bĩ tắc mà không thực hành được, lớn đi nhỏ lại, tức là Dương đi mà Âm lại. Đó là Tượng "đạo kẻ tiểu nhân lớn lên, đạo người quân tử tiêu đi", cho nên là *bĩ.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bĩ là bế tắc, tức là quẻ tháng bảy, trái nhau với quẻ thái, cho nên nói là "phỉ nhân", nghĩa là không phải đạo người. Lời Chiêm của nó không lợi về chính đạo của quân tử. Bởi vì Kiền đi ở ngoài, Khôn lại ở trong, nó lại do ở quẻ Tiệm mà lại, thì hào Chín ở vào ngôi Tư, hào Sáu ở vào ngôi Ba. Có người ngờ ba chữ

之匪人 *"chi phỉ nhân"* là thừa, nó ở hào Sáu ba quẻ Ty làm ra. Tượng truyện không giải riêng về nghĩa của nó, coi đó cũng đủ thấy.

LỜI KINH

象曰:否之匪人,不利君子貞,大往小來,則是天地不交而萬物不通也;上下不交而天下無邦也.內陰而外陽,內肉而外剛,內小人而外君子,小人道長,君子道消也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Bĩ chi phỉ nhân, bất lợi quân tử trinh, đại vãng tiểu lai, tắc thị thiên địa bất giao nhi vạn vật bất thông dã; thượng hạ bất giao nhi thiên hạ vô bang dã, nội Âm nhi ngoại Dương, nội nhu nhi ngoại cương, nội tiểu nhân nhi ngoại quân tử, tiểu nhân đạo trưởng: quân tử đạo tiêu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Bĩ đấy? Chẳng phải đạo người, chẳng lợi cho sự chính bền của đấng quân tử, lớn đi nhỏ lại, thì là trời đất thông giao nhau mà muôn vật không thông vậy; trên dưới không giao nhau mà thiên hạ không có nước vậy; trong Âm mà ngoài Dương, trong mềm mà ngoài cứng, trong kẻ tiểu nhân mà ngoài đấng quân tử, ấy là đạo kẻ tiểu nhân lớn lên, đạo đấng quân tử tiêu đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khí của trời đất không giao nhau, thì muôn vật không có lẽ sinh thành; nghĩa của kẻ trên người dưới không giao nhau thì thiên hạ không có đạo bang quốc. Dựng lên bang quốc để làm việc chính trị, người trên thi hành chính sự để trị dân, dân nương đội vua mà theo mệnh lệnh, trên dưới giao nhau là để tìm việc chính trị. Nay trên dưới không giao nhau, ấy là thiên hạ không có đạo bang quốc; Âm mềm ở trong, Dương cương ở ngoài đấng quân tử đi mà ở phía ngoài, kẻ tiểu nhân lại ở phía trong, đó là lúc đạo kẻ tiểu nhân lớn lên, đạo đấng quân tử tiêu đi.

LỜI KINH

象曰:天地不交,否,君子以儉德辟難,不可榮與祿.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tiên địa bất giao, Bĩ, quan tử dĩ kiệm đức ty nạn, bất khả vinh dĩ lộc.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trời đất không giao nhau là quẻ Bĩ, đấng quân tử coi đó để dè đức, lánh nạn, không thể vẻ vang bằng lộc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời đất không giao thông với nhau, cho nên là Bĩ. Trong lúc bĩ tắc, đạo đấng quân tử phải tiêu, nên coi tượng bĩ tắc đó mà dè dặt về đức, lánh tránh vạ nạn, không thể vẻ

vang ở chỗ lộc vị. Bĩ là lúc tiểu nhân đắc chí, đấng quân tử ở hiển vinh, vạ lo ắt tới thân mình, cho nên cần nên ẩn lánh vào nơi bần cùng chật hẹp.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thu liễm đức mình, không cho hình hiện để tránh cái nạn tiểu nhân, không được cho lộc vị là vẻ vang.

LỜI KINH

初六:拔茅茹,以其彙,貞吉,亨.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Bạt mao như dĩ kỳ vựng, trinh, cát hanh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Nhổ cụm cỏ tranh, lấy vầng nó, chính bền tốt lành hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Thái và quẻ Bĩ đều lấy cỏ tranh làm Tượng, là vì các hào Dương, các hào Âm cùng ở dưới, có Tượng giằng kéo. Thời Thái thì lấy sự cùng đi làm tốt, thời Bĩ thì lấy sự cùng chính bền làm hanh thông; đầu tiên lấy trong tiểu nhân ngoài quân tử làm nghĩa bĩ, lại lấy hào Sáu Đầu bĩ mà ở dưới là đạo đấng quân tử, *Kinh Dịch* tùy thời dùng nghĩa, biến động không thường, đương lúc bĩ, ở dưới là đấng quân tử, ba hào Âm của quẻ Bĩ ở trên, đều có ứng, chỉ vì trong lúc bĩ cách, nó bị ngăn đứt không thông, nên không có nghĩa về sự ứng nhau. Hào Sáu Đầu biết cùng loài nó giữ vững tiết tháo, thì là kẻ ở cuộc bĩ được tốt, mà đạo của nó được hanh thông. Gặp bĩ mà tiến lên là bọn tiểu nhân, đấng quân tử thì giữ cho thẳng đạo, tránh cho khỏi vạ mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ba hào Âm ở dưới là Tượng "lúc bĩ tiểu nhân kéo bè tiến lên" mà ác của hào Đầu thì chưa hình hiện, cho nên răn họ "nếu chính bền thì tốt lành thì hanh thông", nghĩa là có thể như thế thì họ biến thành đấng quân tử.

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi rằng: *Trình truyện* cho hào này là đấng quân tử ở dưới tự giữ bằng chính đạo, có đúng hay không? Chu Hy nói rằng: Giải vậy, e là gò gập, kinh văn không có ý ấy.

LỜI KINH

象曰:拔茅貞吉,志在君也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bạt mao trinh cát, chí tại quân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhổ cỏ tranh, chính bền thì tốt, vì chí ở vua vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Hào lấy hào Sáu tự thủ ở dưới nói rõ cái đạo quân tử ở dưới; lời Tượng lại suy rõ thêm, để hình dung cái

lòng quân tử. Đấng quân tử giữ vững tiết tháo để ở ngôi dưới, không phải là vui về sự không chịu tiến lên, cốt giữ một mình cho phải, chỉ vì đạo còn đương bĩ, không tiến lên được, nên phải ở yên ý cái lòng quân vẫn không hề quên thiên hạ mà chí quân tử dường muốn gặp vua mà lên, để giúp thiên hạ, cho nên nói là "chí ở vua".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kẻ tiểu nhân biến thành đấng quân tử, thì có thể chỉ nghĩ về sự yêu vua, không tính đến chuyện riêng tây.

LỜI KINH

六二:包承,小人吉,大人否,亨.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Bao thừa, tiểu nhân cát, đại nhân bĩ, hanh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Bọc chứa sự vâng thuận, kẻ tiểu nhân tốt, đấng đại nhân bĩ, thì hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai chất thì Âm nhu, ngôi thì trung chính, lấy kẻ tiểu nhân Âm nhu mà nói, thì là đương bĩ ở dưới, chí họ chỉ bọc chứa những sự vâng thuận người trên để cầu cho qua cuộc bĩ, làm lợi cho mình, đó là sự tốt của tiểu nhân. Đấng đại nhân gặp lúc bĩ chỉ nên lấy đạo tự xử, há chịu uốn mình, cong đạo, vâng thuận người trên? Chỉ cần tự giữ cảnh bĩ của mình mà thôi. Thân họ tuy bĩ, nhưng đạo của họ thì hanh thông.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm nhu mà trung chính, tức là cái Tượng kẻ tiểu nhân mà biết bao dung, vâng thuận đấng quân tử, ấy là cách tốt của kẻ tiểu nhân. Cho nên, kẻ xem hễ là tiểu nhân, như thế thì tốt, nếu là đại nhân thì nên giữ yên cảnh bĩ, mà rồi đạo mới hanh thông, không nên vị những kẻ kia bao dung vâng thuận mình mà tự bỏ sự giữ gìn.

LỜI KINH

象曰:大人否亨,不亂君也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại nhân bĩ hanh, bất loạn quần dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng đại nhân bĩ thì hanh thông, không loạn dân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng đại nhân trong thì bĩ, giữ vững chính tiết, không lẫn lộn với bầy loài tiểu nhân, thân tuy bĩ mà đạo thì hanh, cho nên nói rằng "Bĩ hanh". Nếu trái đạo mà thân được hanh thì là đạo bĩ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói không lẫn với đàn tiểu nhân.

LỜI KINH

六三:包羞.

Dịch âm. - *Lục Tam: Bao tu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Bọc chứa sự hổ thẹn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba là thể Âm nhu không chung chính mà ở thì bĩ, lại gần sát với người trên, không phải là kẻ giữ đạo yên mệnh: "cùng thì phái lạm" ấy là tình trạng của tiểu nhân, cái của chúng vẫn bọc chứa mưu tính đều là cong queo càn bậy, không thiếu cách gì, rất đáng hổ thẹn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là thể Âm ở ngôi Dương mà không trung chính, tức là kẻ tiểu nhân có chí muốn làm hại bậc thiện nhân mà chưa làm được, cho nên là tượng bọc chứa sự hổ thẹn. Nhưng vì chí ấy chưa phát ra, cho nên không có lời răn "hung cữu".

LỜI KINH

象曰:包羞,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bao tu, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Bọc chứa sự hổ thẹn, ngồi không đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Âm nhu ở cảnh bĩ mà không trung chính, cái đáng hổ thẹn là tại ở không đáng ngôi. Ở không đáng ngôi tức là làm không theo đạo.

LỜI KINH

九四:有命,無咎,疇離祉.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Hữu mệnh vô cữu, trù ly chỉ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Có mệnh không lỗi, bè loại dính phúc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư lấy đức Dương cương thế mạnh, ở ngôi gần vua, ấy là kẻ vì có tài làm qua cuộc bĩ mà được ngôi cao, đủ để giúp đỡ người trên, vượt khỏi cuộc bĩ. Nhưng lúc gặp vua đương bĩ mà lại chỗ sát gần, cái đáng ghét là cậy có công, rước lấy sự ghen mà thôi. Nếu như làm một việc gì cũng do mệnh lệnh của vua, uy quyền hết thảy thuộc về người trên, thì không có lỗi mà chí của mình có thể thực hiện. Hễ mà làm một việc gì cũng do mệnh lệnh của vua thì sẽ

có thể vượt qua cuộc bĩ của đời, mà các đồng loại đều được phụ bám vào phúc của mình - Ly nghĩa là bám.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cuộc đời bĩ đã quá giữa rồi, tức là lúc sắp sửa vượt qua, hào Chín Tư lấy thể Dương, ở ngôi Âm, không làm cùng cực sự cứng, cho nên lời Chiêm của nó là "Có mệnh không lỗi mà đồng loại là ba hào Dương cũng đều được phúc. Chữ "mệnh" chỉ về mệnh trời.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Các nhà chú giải đều cho "mệnh" là mệnh vua, sách *Bản nghĩa* cho là mệnh trời. Bởi vì hào Chín Ba quẻ Thái "không chỗ phẳng nào không dốc, không sự đi nào không trở lại". Mà Hào Chín Tư quẻ Bĩ thì là "có mệnh", sự biến đổi của các cuộc bĩ thái đều ở trời cả.

LỜI KINH

象曰:有命,無咎,志行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu mệnh vô cữu, chí hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: có mệnh không lỗi, chí ý được thực hành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có mệnh vua thì không lỗi, mới có thể qua được cuộc bĩ mà ý chí của nó được thực hành.

LỜI KINH

九五:休否,大人吉,其亡,其亡,繫于苞桑.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hưu phủ, đại nhân cát, kỳ vong, kỳ vong! Hệ vu bào tang.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Nghỉ bĩ, đấng đại nhân tốt. Này mất! Này mất! Buộc cây dâu rậm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm lấy đức Dương cương trung chính, ở ngôi tôn, cho nên có thể làm cho tắt nghỉ sự bĩ của thiên hạ, đó là sự tốt của đấng đại nhân. Đấng đại nhân gặp thời ấy có thể đem đạo của mình làm tắt nghỉ cuộc của thiên hạ, để dần dần đi tới cuộc thái. Nhưng còn chưa lìa cuộc bĩ, cho nên mới có lời răn: "Này mất". Cuộc bĩ đã tắt nghỉ, dần dần trở lại cuộc thái, không thể coi ngay làm đã yên rồi, phải nên lo sâu răn xa, thường thường sợ rằng cuộc bĩ lại tới mà tự nói rằng: "Này mất này! Này mất này! Buộc vào cây dâu rậm kia!" tức là làm cách yên ổn vững chắc như ràng buộc vào cây dâu rậm vậy. Dâu là thứ cây rễ sâu và chắc, rậm là nói mọc thành bụi, lại càng chắc nữa. Lời răn của thánh nhân sâu lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức Dương cương trung chính mà ở ngôi tôn, có thể làm tắt nghỉ cuộc bĩ trong đời, ấy là việc của đấng đại nhân. Cho nên lời hào này, đấng đại nhân gặp được thì tốt, lại nên răn sợ như lời Hệ đã nói.

LỜI KINH

象曰:大人之吉,位正當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại nhân chi cát, vị chính đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Đấng đại nhân được tốt, ngôi chính đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có đức đại nhân, lại được chính vị của đấng tri tôn, cho nên có thể làm tắt cuộc bĩ trong thiên hạ, vì vậy mới tốt. Không có ngôi ấy thì dù có đức ấy nữa, hầu làm nên gì? Cho nên ngôi của thánh nhân mới gọi là của báu lớn.

LỜI KINH

上九:傾否,先否後喜.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Khuynh bĩ, tiên bĩ hậu hỷ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Nghiêng bĩ, trước bĩ sau mừng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên là chót của bĩ, vật lý cùng cực ắt phải trở lại, cho nên thái cực thì bĩ, bĩ cực thì thái. Hào Chín trên bĩ đã cực rồi, cho nên đạo bĩ nghiêng đổ mà phải biến đổi. Trước cực là bĩ, sau nghiêng là mừng. Bĩ nghiêng thì là thái rồi, ấy là "sau mừng".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy thế Dương cương ở lúc cùng cực cuộc bĩ, là kẻ có thể làm nghiêng sự bĩ của đời, cho nên lời chiêm của nó là "trước bĩ sau mừng".

LỜI KINH

象曰:否終得傾,何可長也.

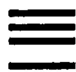
Dịch âm. - *Tượng viết: Bĩ chung tắc khuynh, hà, khả trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bĩ chót thì nghiêng, sao khá dài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cuộc bĩ đến chót thì phải nghiêng đổ, đâu lại có lẽ bĩ mãi? Cùng cực thì phải quay lại, ấy là lẽ thường. Nhưng mà cái việc quay nguy làm yên, đổi loạn làm trị, phải có tài Dương cương thì mới làm nổi, cho nên hào Chín Trên quẻ Bĩ có thể làm nghiêng cuộc bĩ, hào Sáu Trên quẻ Truân không thể thay đổi cuộc truân.

QUẺ ĐỒNG NHÂN

 Kiền trên

 Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đồng nhân, Tự quái nói rằng: Vật lý không thể bĩ mãi, cho nên tiếp đến quẻ Đồng nhân[1]. Trời đất không giao nhau là bĩ, trên dưới cùng nhà thì là cùng người. Nghĩa nó trái nhau với nghĩa quẻ Bĩ, cho nên nó mới kế nhau. Lại nữa, cuộc đời đương bĩ ắt phải cùng người chung sức thì mới nên việc, vì vậy quẻ Đồng nhân mới nối quẻ Bĩ. Nó là kẻ Kiền trên Ly dưới. Nói về hai Tượng, thì trời là đấng ở trên, tính lửa[2] bốc lên ngang với nhau, cho nên mới là cùng người. Nói về hai thể, thì hào Năm ở ngôi chính là chủ quẻ Kiền, hào Hai là chủ quẻ Khôn, hai hào lấy sự trung chính ứng nhau, trên dưới cùng nhau, đó là nghĩa cùng người. Lại nữa, quẻ này có một hào Âm, các hào Dương đều muốn chung cùng với nó, đó cũng là nghĩa cùng người. Quẻ khác cũng có một hào Âm, nhưng ở thời của kẻ Đồng nhân thì hào Hai hào Năm ứng nhau, trời với lửa chung cùng với nhau, cho nên nghĩa nó lớn hơn.

LỜI KINH

同人于野,亨.利涉大川,利君子貞.

Dịch âm. - *Đồng nhân vu dã, hanh, lợi thiệp đại xuyên; lợi quân tử trinh.*

Dịch nghĩa. - Cùng người ở đồng, hanh thông, lợi về sự sang sông lớn, lợi cho sự chính bền của đấng quân tử.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đồng là nơi rộng rỗng, lấy nghĩa ở xa và ở ngoài. Ôi chung cùng với người bằng đạo đại đồng của thiên hạ là lòng rất công của thánh hiền. Người thường cùng nhau chí cốt ý riêng hợp nhau, nó là cái tình gần gũi mà thôi. Cho nên cần phải ở đồng, nghĩa là không vì tính riêng gần gũi, mà phải ở nơi đồng cõi rộng xa. Đã không vướng về sự riêng, mới là cái đạo đại đồng rất công, không chỗ xa nào đồng nhau, đủ biết là hanh. Hễ đã có thể đại đồng với thiên hạ thì thiên hạ cũng chung cùng với mình; thiên hạ đã

---

[1] Đồng nhân nghĩa là cùng với người.

[2] Chỉ về quẻ Ly.

chung cùng, thì còn sự hiểm trở nào không thể vượt qua? Còn sự gian nguy nào không thể hanh thông? Cho nên lợi về sự sang sông lớn, lợi cho sự chính bền của đấng quân tử. Trên nói "ở đồng", nghĩa là không ở chỗ gần kề, đây lại nói "nên dùng chính đạo của đấng quân tử", sự chính bền của đấng quân tử là đạo chí công đại đồng trong thiên hạ, cho nên dù ở xa nghìn dặm, sinh sau nghìn năm, so lại vẫn như hợp cái phù tích[1] suy ra mà thi hành, tuy là rộng như bốn bể, nhiều như triệu dân, không gì không hợp. Kẻ tiểu nhân thì chỉ chuyên dùng ý riêng, người họ yêu dù trái họ cũng chung cùng người họ ghét dù phải họ cũng trái khác, cho nên sự chung cùng của họ chỉ là hùa đảng, vì là lòng họ bất chính. Cho nên cái đạo chung với người, lợi ở trinh của đấng quân tử.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ly cũng là tên quẻ ba vạch, một vạch Âm mắc ở giữa hai vạch Dương, cho nên đức nó là mắc, là văn minh tượng nó là lửa là mặt trời, là điện. Đồng nhân là chung cùng với người. Lấy quẻ Ly gặp quẻ Kiền, lửa lên chung cùng với trời, hào Sáu Hai được ngôi, được chỗ giữa mà ở trên ứng với hào Sáu Năm, lại trong quẻ chỉ có một hào Âm mà các hào Dương chung cùng với nó, cho nên là chung cùng với người. Ở đồng ý nói rộng xa mà không riêng tây, thì có đạo hanh, lấy đức mạnh mà đi, cho nên có thể sang sông. Nó là quẻ trong văn minh mà ngoài cương kiện. Hào Sáu Hai trung chính mà có kẻ ứng, đó là đạo đấng quân tử. Kẻ xem như thế thì hanh thông mà lại có thể vượt qua chỗ hiểm. Nhưng, cái người mà mình chung cùng phải hợp với đạo quân tử thì mới có lợi.

LỜI KINH

彖曰:同人,柔得位,得中而應乎乾,曰同人.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đồng nhân, nhu đắc vị, đắc trung nhi ứng hồ Kiền, viết Đồng nhân.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Đồng nhân, mềm được ngôi, được chỗ giữa, mà ứng với Kiền, gọi là Đồng nhân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây nói về nghĩa thành quẻ. Mềm được ngôi chỉ về hào Hai là thể Âm ở ngôi Âm, được chỗ chính vị của nó. Hào Năm là hào trung chính mà hào Hai lấy đức trung chính ứng nhau với nó, ấy là hào nào được sự chính đính của hào ấy; đức nó giống nhau, cho nên là "chung cùng với người". Hào Năm là chủ quẻ

[1] Mảnh tre có in tên, họ, chức, tước của bọn nội giám treo ở cửa cung. Người nào muốn vào, so thấy hợp mảnh tre ấy mới cho vào. Phép của đời Hán như vậy.

Kiền, cho nên nói là "ứng với Kiền". Lời tượng lấy tượng "trời lửa" mà lời Thoán thì chuyên nói về hào Hai.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn này dùng thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ. Mềm chỉ về hào Sáu Hai. Kiền chỉ về hào Chín Năm.

LỜI KINH

同人曰:

Dịch âm. - *Đồng nhân viết:*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đồng nhân nói rằng:

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ba chữ này thừa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là chữ thừa.

LỜI KINH

同人于野,亨,利涉大川,乾行也.

Dịch âm. - *Đông nhân vu dã, hanh, lợi thiệp đại xuyên Kiền hành dã.*

Dịch nghĩa. - Cùng với người đồng hanh thông! Lợi về sự sang sông lớn, trời đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí thành không riêng tây, có thể bước vào chỗ hiểm nan, tức là trời đi. Không riêng tây ấy là đức trời.

LỜI KINH

文明以健,中正而應,君子正也.

Dịch âm. - *Văn minh dĩ kiện, trung chính nhi ứng, quân tử chính dã.*

Dịch nghĩa. - Văn vẻ sáng sủa và mạnh, trung chính để ứng nhau chính đạo của đấng quân tử vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lại dùng hai thể để nói nghĩa nó có đức văn vẻ sáng sủa mà cứng mạnh, lấy đạo trung chính ứng nhau ấy là chính đạo của đấng quân tử.

LỜI KINH

唯君子為能通天下之志.

Dịch âm. - *Duy quân tử vi năng thông thiên hạ chi chí.*

Dịch nghĩa. - Chỉ đấng quân tử là có thể thông được chí thiên hạ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí của thiên hạ muôn thứ khác nhau, lý thì có một. Đấng quân tử tỏ rõ về lý do, do nên có thể thông được chí thiên hạ. Đấng thánh nhân coi lòng của ức triệu người cũng như một lòng, là thông về lý mà thôi. Văn vẻ sáng sủa thì có thể soi các lý, cho nên mới rõ về nghĩa đại đồng; cứng mạnh thì có thể thắng lòng riêng mình, cho nên làm được hết đạo đại đồng. Như thế, rồi mới có thể trung chính, hợp với sự đi của trời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn này lấy đức quẻ, thể quẻ để thích lời quẻ. Thông được chí thiên hạ mới là đại đồng. Nếu không thế thì là sự kết hợp bằng tình riêng mà thôi, lấy gì mà đem đến cho sự hanh thông và lợi cho sự qua chỗ hiểm?

LỜI KINH

象曰:天與火,同人.君子以類族辨物.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên dữ hỏa, Đồng nhân, quan tử dĩ loại lộc biện vật.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Trời với lửa là quẻ Đồng nhân, đấng quân tử coi đó mà chia loại các giống, phân biệt các vật.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không nói "Lửa ở dưới trời", "Dưới trời có lửa", mà nói "trời với lửa" là vì trời ở trên, tính lửa bốc lên lửa với trời cùng nhau, cho nên là nghĩa "cùng người", đấng quân tử coi tượng "cùng người" đó mà lấy nòi giống phân biệt các vật, nghĩa là theo từng nòi giống mà phận biệt các vật giống nhau khác nhau. Như đấng quân tử tiểu nhân, lẽ thiện ác phải trái, vật tình lìa nhau hợp nhau, sự lý giống nhau khác nhau, tất cả những cái giống nhau khác nhau, đấng quân tử có thể phân biệt rõ ràng, cho nên khu xử các vật không mất phương pháp.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trời ở trên mà lửa bốc lên, ấy là tính nó giống nhau, chia loại các giống, phân biệt các vật, là để xét sự khác nhau mà làm cho giống nhau.

LỜI KINH

初九:同人于門,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Đồng nhân vu môn, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Cùng người ở cửa, không lỗi

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở đầu quẻ Đồng nhân, mà không hệ ứng, ấy là kẻ không thiên tư, cùng người rất công, cho nên

là "ra cửa cùng người". Ra cửa nghĩa là ở ngoài, ở ngoài thì không có sự thiên lệch về tình riêng gần, sự "cùng" của nó vừa rộng vừa công, như thế thì không sai lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đầu cuộc cùng người, chưa có chủ riêng về đâu, là hào cứng, ở ngôi dưới, trên không có gì hệ ứng, có thể không lỗi, cho nên Tượng và chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:出門同人,又誰咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Xuất môn đồng nhân, hựu thùy cữu dã?*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ra cửa cùng người, còn ai trách vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ra cửa cùng người ở ngoài, đó là sự "cùng" đã rộng, không có thiên tư. Người ta cùng nhau thường có hậu bạc thân sơ khác nhau, tội lỗi do đó mà ra, đã không bè đảng thiên lệch với ai, thì còn ai trách được nữa?

LỜI KINH

六二:同人于宗,吝.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Đồng nhân vu tông, lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Cùng người ở họ, đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai với hào Năm là chính ứng, cho nên nói là "cùng người cùng họ". Họ là họ hàng xóm mạc, "cùng" với kẻ hệ ứng với mình, thì là có sự thiên tư, ở đạo cùng người, thế là riêng tây hẹp hòi, cho nên đáng tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tổng là họ hàng xóm mạc, Hào Sáu tuy là ở giữa và chính ngôi, nhưng nó có kẻ ứng với ở trên, không thể đại đồng, mà còn vướng về tình riêng, đó là cách đáng tiếc, cho nên Tượng và Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:同人于宗,吝道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đồng nhân vu tông, lận đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cùng người ở họ, cách đáng tiếc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các quẻ lấy sự trung chính ứng nhau làm hay, mà ở quẻ Đồng nhân thì là đáng tiếc, cho nên hào Năm

không lấy nghĩa là vua. Bởi vì gần gũi với người bằng cách riêng tây, không phải là đạo kẻ làm vua; cùng nhau bằng tình riêng, tức là đáng tiếc.

LỜI KINH

九三:伏戎于莽,升其高陵,三歲不興.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Phục nhung vu mãng, thăng kỳ cao lăng, tam tuế bất hưng.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Phục quân ở rừng, lên thửa gò cao, ba năm không dấy lên.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba là thể Dương, ở ngôi cứng, mà không được giữa, ấy là người cường bạo. Trong thời "cùng người", chí nó ở sự chung cùng, trong quẻ này có một hào Âm mà các hào Dương phát ra đều muốn cùng nó, hào Ba lại muốn gần liền với nó, nhưng hào Hai lại lấy đạo trung chính ứng nhau với hào Năm, hào Ba lấy sức cương cường chấn giữa hào Hai hào Năm, muốn cướp hào Hai mà cùng với nó, song lý không thẳng, nghĩa không thẳng cho nên không dám phát ra một cách rõ rệt, phải núp quân ở trong rừng rậm; vì chứa sự xấu mà lại mang điều không thẳng, nên lại sợ hãi, thỉnh thoảng lại lên gò cao trông ngóng. Như thế đến ba năm trời, rút lại, vẫn không dám nổi lên. Hào này thấy rõ tâm trạng tiểu nhân, song lại không nói rằng hung, là vì nó đã không dám phát lộ, nên chưa đến hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cứng mà không giữa, ở trên không có chính ứng muốn cùng với hào Hai, lại không phải chính đạo, sợ hào Chín Năm đánh mình, cho nên mới có tượng ấy.

LỜI KINH

象曰:伏戎于莽,故剛也.三歲不興,安行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phục nhung vu mãng, địch cương dã; tam tuế bất hưng, an hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Phục quân ở rừng, địch với kẻ cứng vậy, ba năm không dấy là đi không được vậy[1].

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ phải địch với là hào Năm đã Dương cương lại trung chính, thì nó có thể cướp được chăng? Cho nên nó phải sợ hãi núp náu, đến ba năm không dấy, rút lại còn đi sao được?

---

[1]Đây là dịch theo Truyện của Trình Di và Bản nghĩa của Chu Hy. Theo đúng Nho văn, thì phải dịch là "yên lặng mà đi".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói không thể đi được.

LỜI KINH

九四:乘其墉,弗克攻,吉.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Thừa kỳ dung, phất khắc công, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Cưỡi thừa tường, không đánh được, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư cứng mạnh mà không trung chính, chí nó muốn cùng với hào Hai, cũng là kẻ thù với hào Năm. Bờ tường là vật dùng để ngăn cách, hào Tư gần với hào Năm, như cách bức tường, nó muốn đánh hào Năm nhưng biết cái nghĩa không thẳng thì đánh không được. Nếu đã tự biết là nghĩa không thẳng mà không dám đánh, thì tức là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này cứng mạnh mà không trung chính lại không có kẻ ứng với, cũng muốn cùng với hào Sáu Hai mà bị hào Ba ngăn cách, cho nên là tượng "cưỡi tường để đánh". Nhưng vì nó lấy đức cứng ở ngôi mềm, cho nên có Tượng "tự quay trở lại mà không thể đánh". Kẻ xem như thế, thì là biết cải quá mà được tốt lành.

LỜI KINH

象曰:乘其墉,義弗克也,其吉,則困而反則也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thừa kỳ dung, nghĩa phất khắc dã, kỳ cát tắc khốn, nhi phản tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cưỡi thửa tường, nghĩa không thể được vậy. Sự tốt đó thì là bị khốn mà biết quay lại phép tắc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ cưỡi lên tường của nó mà, không thể đánh nó là vì nghĩa không thể được. Là kẻ cong mà đánh kẻ ngay ấy là nghĩa không chính đáng. Sở dĩ được tốt là vì nghĩa đã không thắng, khốn cùng mà phải quay về phép tắc. Hào Hai là kẻ mà các hào Dương cùng muốn, chỉ riêng hào Ba hào Tư có nghĩa tranh cướp, vì hai hào đó ở giữa hào Hai và hào Năm, còn hào Đầu và hào cuối thì xa hơn, cho nên lấy nghĩa khác hơn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cưỡi lên tường rồi thì không phải sức nó không đủ, chỉ vì nghĩa không được mà không đánh thôi. Biết theo nghĩa quyết đoán, cùng khốn mà quay về phép tắc, cho nên được tốt.

LỜI KINH

九五:同人,先號咷而後笑,大師克,相遇.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Đồng nhân, tiên hào diếu nhi hậu tiếu, đại sự khắc tương ngộ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Cùng với người, trước kêu gào mà sau cười, quân lớn được, gặp nhau.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm "cùng" với hào Hai mà bị hai hào Dương Ba, Tư ngăn cách, hào Năm tự cho mình là nghĩa phải, lý thẳng, không xiết phẫn uất, đến phải kêu gào, nhưng mà kẻ cong không thể thắng được kẻ ngay, tuy bị ngăn cách, sau chót ắt được hợp nhau, cho nên về sau lại cười. "Quân lớn được, gặp nhau" nghĩa là hào Năm là chính ứng với hào Hai mà hào Dương ngăn cách một cách phi lý, ắt dùng quân đánh được nó, mới được gặp nhau. Nói là "quân lớn", nói là "được" tỏ rằng hai hào Dương mạnh lắm. Chín Năm là ngôi vua, mà hào này không dùng cái nghĩa "ông vua cùng với người" là vì hào Năm chuyên lấy sự riêng tây gần gũi ứng với hào Hai mà mất cái đức trung chính. Ông vua thì nên đại đồng với thiên hạ, mà lại riêng với một người, ấy là không phải đạo vua. Vả lại, trước ngăn cách thì kêu gào, sau gặp nhau thì cười. Ấy là tính gần gũi riêng tây, không phải là thể đại đồng. Hào Hai ở dưới còn lấy sự *cùng* với họ hàng là đáng tiếc, huống chi ông vua. Hào Năm đã không dùng nghĩa quân đạo, cho nên không nói đạo vua nữa, mà cùng để tỏ cái nghĩa "hai người đồng tâm, thì không có thể ngăn cách".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Năm là một hào cứng mà trung chính hào Hai lấy đức mềm mà trung chính ứng nhau với nó ở dưới, ấy là đồng tâm với nhau, mà bị hào Ba Tư ngăn cách, không được cùng nhau. Nhưng ví về nghĩa lý đã *cùng* với nhau, thì kẻ khác không thể ngăn nổi, cho nên mới có tượng ấy. Nhưng hào Sáu Hai, mềm yếu mà hai hào Ba, Tư cứng mạnh, cho nên ắt dùng quân lớn cho thắng được nó, rồi mới có thể gặp nhau.

LỜI KINH

象曰:同人之先,以中直也.大師相遇,言相克也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đồng nhân chi tiên, dĩ trung trực dã, đại sự tương ngộ, ngôn tương khắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lúc trước sự cùng, người vì ở giữa mà thẳng vậy; quân lớn gặp nhau, ý nói được nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lúc trước sở dĩ kêu gào là vì lòng thành lý phải, cho nên khôn xiết phẫn uất mà đến như thế. Tuy là kẻ địch cứng mạnh, đến nỗi phải dùng đại quân, nhưng mà nghĩa thẳng lý thẳng, rút lại vẫn được, cho nên nói là "được nhau".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trực là lý thẳng.

LỜI KINH

上九:同人于交,無悔.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Đồng nhân vu giao, vô hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Cùng người ở đồng, không ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đồng là chỗ ở ngoài xa. Kẻ cầu cùng người ắt phải thân nhau cùng nhau hào Chín Trên ở ngoài mà không có hào ứng với, sau chót vẫn không ai cùng nó. Lúc trước có sự cùng nhau, thì đến lúc sau, hoặc có ăn năn; Ở xa mà không ai cùng với mình, cho nên tuy không *cùng* ai cũng không phải ăn năn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở ngoài không có hào nào ứng với, tức là không ai cùng mình, cũng có thể là không phải ăn năn, cho nên Tượng và Chiêm của nó như thế. Đồng ở trong nội, chưa đến rộng xa nhưng mà hoang rậm hẻo lánh, không ai cùng với.

LỜI KINH

象曰:同人于交,志未得也.

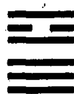
Dịch âm. - *Tượng viết: Đồng nhân vu giao, chí vị đắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cùng người ở đồng, chí chưa được vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở xa chẳng ai *cùng* với, cho nên rốt lại không phải ăn năn. Nhưng mà trong thì "cùng người", cái chí cầu để *cùng* với người ta vẫn không được, tuy là không phải ăn năn, nhưng cũng không phải là kẻ khéo xử.

QUẺ ĐẠI HỮU


Ly trên
Kiền dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đại hữu, Tự quái nói rằng: Kẻ nào cùng với người ta, thì người ta ắt về với mình, cho nên tiếp đến quẻ Đại hữu[1]. Kẻ cùng với người ta tức là kẻ mà người ta theo về, vì vậy quẻ Đại hữu mới nối quẻ Đồng nhân. Nó là quẻ lửa ở trên trời, lửa ở chỗ cao, ánh sáng của nó tới xa, thì dẫu nhiều đến muôn vật cũng không vật nào mà không soi thấy, ấy là cái tượng *cả có.* Lại nữa, một hào mềm ở ngôi tôn, các hào Dương cùng ứng với nó, ở ngôi tôn mà giữ đạo mềm mỏng, tức là kẻ mà người ta theo về, trên dưới ứng nhau, ấy là nghĩa *cả có, cả có* nghĩa là thịnh cả giàu có.

LỜI KINH

大有元亨.

Dịch âm. - *Đại hữu nguyên hanh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đại hữu cả lớn hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là tài quẻ có thể hơn hanh thông. Vì nó cương kiên văn minh, ứng nhau với trời mà làm việc phải thì, cho nên có thể cả lớn hanh thông.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đại hữu tức là sự "có" cả lớn. Ly ở trên Kiền, ấy là lửa ở trên trời, không gì không soi. Lại hào Sáu Năm là một hào Âm ở ngôi tôn, được chỗ giữa, mà năm hào Dương ứng theo với nó, cho nên là cả có. Kiền mạnh có Ly sáng, ở ngôi tôn mà ứng với trời, có cơ hanh thông. Kẻ xem có đức ấy thì rất hay và hanh thông.

LỜI KINH

彖曰:大有,柔得尊位,大中而上下應之,曰大有.
其德剛健而文明,應乎天而時行,是以元亨.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đại hữu, nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thượng hạ ứng chi, viết Đại hữu. Kỳ đức cương kiện nhi văn minh, ứng hồ thiên nhi thì hành, thị dĩ nguyên hanh.*

---

[1]Đại hữu nghĩa là cả có.

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ đại hữu, kẻ mềm được ngôi tôn, cả giữa mà trên dưới ứng nhau với nó, gọi là Đại hữu. Đức nó cứng mạnh mà văn vẻ sáng láng, ứng nhau với trời mà đi đúng thì, cho nên cả lớn hanh thông.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây nói tại sao quẻ này là quẻ Đại hữu. Hào Năm là hào Âm, ở ngôi vua, ấy là kẻ mềm được ngôi tôn; ở giữa tức là được đạo "cả giữa"; được các hào Dương tôn quý, tức là trên dưới ứng nhau với nó. Ở ngôi tôn giữ được mềm, vẫn là kẻ mà mọi người theo về, mà lại có đức trống giữa, văn vẻ sáng láng, cho nên trên dưới đồng lòng ứng nhau với nó, vì vậy mới là Đại hữu. Quẻ này trong cứng mạnh mà ngoài văn vẻ sáng láng, ông vua Sáu Năm ứng nhau với hào Chín Hai của quẻ Kiền. Tính hào Năm mềm thuận mà sáng suốt, có thể ứng nhau với hào Hai, hào Hai là chủ quẻ Kiền, ấy là ứng nhau với Kiền; êm thuận mà ứng nhau với quẻ Kiền, ấy là thuận theo thời trời, cho nên nói rằng: ứng nhau với trời mà đi đúng thì. Đức nó như thế, cho nên cả lớn hanh thông.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn trên dùng thể quẻ thích nghĩa tên quẻ. Nhu chỉ về hào Sáu Năm, *thượng hạ* chỉ về năm hào Dương; đoạn dưới dùng đức quẻ, thể quẻ để thích lời quẻ; *ứng với trời,* chỉ về hào Sáu Năm.

LỜI KINH

象曰:火在天上,大月.君子以遏惡揚善,順天休命.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hỏa tại thiên thượng. Đại hữu, quân tử dĩ át ác dương thiện, thuận thiên hưu mệnh.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lửa cao ở trên trời, là quẻ Đại hữu, đấng quân tử coi đó mà ngăn kẻ ác, biểu dương người thiện, thuận theo mệnh tốt của trời.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lửa cao ở trên trời, soi thấy muôn vật đông nhiều, cho nên là quẻ Đại hữu. Đại hữu nghĩa là rậm nhiều. Đấng quân tử coi tượng Đại hữu, để ngăn dứt mọi kẻ ác, nêu rõ loài thiện, vâng theo cái mệnh tốt đẹp của trời. Muôn vật đông nhiều, thì có thiện ác khác nhau, đấng quân tử hưởng sự thịnh vượng của cuộc *cả có,* nên thay thợ trời trị nuôi mọi loài. Cái đạo trị người, cốt ở ngăn kẻ ác nêu kẻ thiện. Kẻ ác bị răn, kẻ thiện được khuyến khích, là để thuận theo mệnh trời, làm yên các loài "sống".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lửa ở trên trời, nó soi rất rộng, là tượng *cả có. Cái có đã cả,* không có cách gì mà trị, thì sự hớ hé tai hại

sẽ sinh ở trong. Mệnh trời có thiện không có ác cho nên ngăn ác nêu thiện là để thuận theo trời, quay lại mình mình cũng như thế mà thôi.

LỜI KINH

初九:無交害,匪咎,艱則無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Vô giao hại, phỉ cữu, nan tắc vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Không dính tới sự hại, chẳng phải lỗi. Khó nhọc thì không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhằm đầu cuộc *cả có,* chưa đến lúc thịnh, ở chỗ thấp, không có kẻ nào ứng với, chưa có cái lỗi về sự kiêu căng tự đắc, cho nên không dính tới sự tai, nghĩa là chưa phải dính vào sự hại. Đại phàm kẻ giàu có, ít người không có hại... "Chẳng phải lỗi, khó nhọc thì không lỗi", ý nói sự giàu có vốn không có lỗi, người ta vì giàu có tự làm ra lỗi mà thôi. Nếu như hưởng sự giàu có vốn không có lỗi, người ta vì giàu có tự làm ra lỗi mà thôi. Nếu như hưởng sự giàu có mà biết chỗ khó nhọc thì tự nhiên không lỗi. Ở cảnh giàu có mà không nghĩ sự khó nhọc, nơm nớp lo sợ, thì lòng kiêu căng xa xỉ sẽ sinh ra, vì vậy mà có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương thì cả có, nhưng là hào Dương, ở dưới, trên không hệ ứng mà nhằm khi việc mới bắt đầu, chưa dính đến hại thì còn lỗi gì? Nhưng cũng phải xử với cảnh đó cách khó nhọc thì mới không lỗi. Đó là răn kẻ xem phải như thế.

LỜI KINH

象曰:大有初九,無交害也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại hữu Sơ Cửu, vô giao hại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Quẻ Đại hữu hào Chín Đầu, chưa dính đến sự hại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở đầu cuộc cả có, biết nghĩ đến sự khó nhọc, thì lòng kiêu dật, không vì đâu mà sinh ra. Vì vậy mới không dính dáng tới sự tai hại.

LỜI KINH

九二:大車以載,有攸往,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Đại xa dĩ tái, hữu du vãng, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Xe lớn để chở, có thửa đi, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Hai lấy đức Dương cương ở ngôi Hai, bị vua Sáu Năm tin dùng, cứng mạnh thì hơn về phần tài, ở

chỗ mềm thì nhún thuận, được mực giữa không có lỗi. Tài nó như thế, nên mới gánh nổi trách nhiệm của cuộc cả có, như sức chiếc xe lớn, cứng mạnh, thì có thể chở được vật nặng, cho nên có thửa đi mà không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cứng giữa ở dưới, thì được kẻ ứng với ở trên, là Tượng xe lớn để chở. Có thửa đi mà như thế thì không có lỗi. Kẻ xem ắt có đức ấy thì mới ứng với lời Chiêm ấy.

LỜI KINH

象曰:大車以載,積中不敗也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại xa dĩ tái, tích trung bất bại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xe lớn để chở, chứa ở trong không hỏng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái xe chắc lớn, đồ chứa nặng đựng ở bên trong mà không hư hỏng, cũng như hào Chín Hai tài sức mạnh giỏi có thể gánh nổi trách nhiệm trong cuộc *cả có.*

LỜI KINH

九三:公用亨于天子,小人不克.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Công dụng hưởng*[1] *vu thiên tử, tiểu nhân phất khắc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba. Tước Công dùng hưởng của đấng thiên tử, kẻ tiểu nhân không thể được.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên thể dưới, ấy là ở ngôi dưới mà ở trên người ta, tức là Tượng ông vua chư hầu. Tước Công tước Hầu thì vâng theo đấng thiên tử, đấng thiên tử ở ngôi cao nhất thiên hạ, suốt trong bến đất, không đâu không phải là tôi nhà vua. Kẻ ở dưới đâu dám tự chuyên cái của mình có? Tất cả đất giầu, dân nhiều đều là đấng thiên tử, đó là lý phải như thế. Cho nên hào Ba đương thì cả có ở ngôi chư hầu, có sự giàu thịnh, ắt dùng để làm hanh thông cho đấng thiên tử, nghĩa là đem cái có của mình làm cái có của đấng thiên tử. Đó là nghĩa thường của kẻ làm tôi. Nếu mà tiểu nhân ở vào cảnh đó, nó sẽ tự chuyên cái giàu của nó để làm của riêng, không biết đem của mình mà vâng người trên, cho nên nói rằng: "tiểu nhân không thể được".

---

[1] Dịch theo Bản nghĩa của Chu Hy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 亨 truyện *Xuân thu* chép làm chữ 享 *(hưởng)*, nghĩa là chầu dâng. Đời xưa, chữ 亨 *(hanh)* trong tiếng 亨通 *(hanh thông)*, chữ 享 *(hưởng)* trong tiếng 享獻 *(hưởng hiến)*, chữ 烹 *(phanh)* trong tiếng 烹飪 *(phanh nhẫm)* đều viết chữ 亨 *(hanh)*. Hào Chín Ba ở trên thể dưới, là Tượng tước Công tước Hầu, cứng mạnh mà được chính đính, trên có ông vua Sáu Năm sẵn lòng chiều đãi người hiền, cho nên là tượng "hưởng của đấng thiên tử". Kẻ xem có đức ấy thì lời Chiêm cũng như thế. Kẻ tiểu nhân không có đức cương chính, thì tuy có được hào này cũng không thể đương nổi.

LỜI KINH

象曰:公用亨于天子,小人害也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Công dụng hưởng vu thiên tử, tiểu nhân hại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tước Công dùng hưởng của đấng thiên tử, hại cho kẻ tiểu nhân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tước Công nên làm hanh thông cho đấng thiên tử, nếu kẻ tiểu nhân ở địa vị đó thì hại. Từ xưa những nước Hầu biết giữ phận làm bề tôi, hết lòng trung thuận vâng thờ người trên, thì phải nuôi cho dân chúng đông nhiều để làm phên tường cho nhà vua; làm cho của cải giàu thịnh để đợi người trên đòi lấy; nếu kẻ tiểu nhân ở địa vị đó, thì không biết đạo làm tôi phụng thờ người trên, vì họ chỉ vì lòng riêng vị mình, dân nhiều của thịnh, thì lại tự chuyên sự giàu của mình càng làm những điều không thuận ấy là kẻ tiểu nhân cả có thì là tai hại, mà sự cả có cũng là cái hại của kẻ tiểu nhân.

LỜI KINH

九四:匪其彭,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Phỉ kỳ bàng, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Chẳng phải sự thịnh của mình; không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư ở thì *cả có* đã quá giữa rồi ấy là cuộc *cả có* rất thịnh, quá thịnh thì hung, cái lỗi ở đó mà ra, cho nên cái đạo ở vào cảnh đó, hễ không phải sự thịnh của mình thì không có lỗi, nghĩa là hễ biết khiêm tốn, không chịu ở chỗ quá thịnh thì không có lỗi. Hào Tư nhằm chỗ gần vua, nếu mà cứ ở vào cảnh quá thịnh, thì sẽ phải đến hung lỗi. Chữ 彭 *(bàng)* là vẻ thịnh nhiều.

Trong *Kinh Thi*, thơ *Tài chì* nói rằng: 行人彭彭 *(hành nhân, bàng bàng* - người đi đầy dẫy), ấy là hình trạng người đi thịnh nhiều; thơ *Đại minh* nói rằng: 駟騵彭彭 *(Tứ nguyên bàng bàng* - ngựa tứ ngựa nguyên đầy dẫy) ấy là quân ngựa của vua Vũ thịnh lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 彭 chưa rõ âm là nghĩa là gì. *Trình truyện* cho là "vẻ thịnh nhiều" hoặc giả có lý. Hào Sáu Năm là vua mềm yếu ở giữa, Hào Chín Tư là kẻ cứng mạnh mà ở gần nó, có sự hiểm nghi về việc tiến bức, nhưng vì nó ở ngoài ngôi mềm, có Tượng "không làm cùng cực sự thịnh vượng của mình mà được không lỗi". Đó là răn kẻ xem phải nên như thế.

LỜI KINH

象曰:匪其彭,無咎,明辯晢也

Dịch âm. - *Tượng viết: Phỉ kỳ bàng, vô cữu, minh biệt tích dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng phải sự thịnh, không lỗi, vì phân biệt rõ ràng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Biết không tự ở vào chỗ thịnh vượng mà được không lỗi, tức là kẻ có trí khôn về sự phân biệt. *Tích* là sáng khôn. Những người hiền trí, biện biệt vật lý một cách rõ ràng, gặp lúc đương thịnh, thì biết cái lỗi sắp đến, cho nên mới tự nén bớt, không dám để cho đến nỗi quá thịnh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "tích" là vẻ sáng tỏ.

LỜI KINH

六五:厥孚交如,威如,吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Quyết phu giao như, uy như, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Thửa tin dường giao nhau vậy, dường oai nghiêm vậy, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm gặp thì *cả có,* ở ngôi vua trống rỗng bên trong là Tượng phu tín. Ông vua giữa đức mềm, theo lẽ trung bình mà lấy lòng phu tín để tiếp kẻ dưới thì kẻ dưới cũng hết lòng thành tín để thờ người trên; ấy là kẻ trên người dưới lấy sự phu tín giao kết với nhau. Lấy đức mềm ở ngôi tôn, đương thì *cả có,* lòng người yên ổn mà hay khinh thường, nếu chỉ chuyên chuộng một mặt mềm thuận thì sẽ sinh ra lấn áp khinh nhờn, ắt phải có vẻ oai nghiêm thì tốt. *Uy như* nghĩa là oai nghiêm. Mình đã dùng sự mềm mỏng, ôn hòa, phu tín để tiếp kẻ dưới, lòng người vui đẹp mà theo, lại có oai nghiêm, khiến họ có sự răn sợ, ấy là kẻ khéo xử cuộc có, đủ biết là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong đời *cả có,* hào Sáu Năm lấy đức mềm thuận trung bình mà ở ngôi tôn, trống rỗng lòng mình để ứng nhau với người hiền ở hào Chín Hai mà trên dưới theo về, ấy là sự phu tín giao nhau. Nhưng đạo làm ông vua quý ở sự cứng, mềm quá thì hỏng, nên phải dùng oai giúp thêm thì tốt. Bởi vậy, Tượng và lời Chiêm của nó như thế, và đó cũng là lời răn.

LỜI KINH

象曰:厥孚交如,信以發志也.威如之吉,易以無備也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quyết phu giao như, tín dĩ phát chí dã; uy như chi cát, dị nhi vô bị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thửa tin dường giao như vậy, dùng đức tin để phát chí ý vậy; dường oai nghiêm vậy mà tốt, vì khinh thường mà không phòng bị vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí của kẻ dưới vẫn theo người trên, người trên dùng sự phu tín mà tiếp kẻ dưới, thì kẻ dưới cũng lấy lòng thành tín mà thờ người trên có sự phu tín để mở chí ý kẻ dưới, thì kẻ dưới theo người trên, như vang theo tiếng. Dường oai nghiêm vậy mà được tốt, là vì nếu không uy nghiêm, thì kẻ dưới dễ nhờn mà không răn sợ phòng bị, nghĩa là họ không kính sợ, phòng bị người trên cẩu trách đến họ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đức tín của một người đủ để mở mang chí ý kẻ trên người dưới. Quá mềm thì người ta sẽ khinh thường mình mà không có lòng lo sợ phòng bị.

LỜI KINH

上九:自天祐之,吉,無不利.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Tự thiên hựu chi, cát, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Tự trời giúp nó, tốt, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên ở cuối quẻ, nhằm chỗ không ngôi, đó là cuộc cả có đã cùng cực, mà không tự nhận sự có. Ở trên quẻ Ly là chỗ cực sáng. Vì là rất sáng, nên không tự nhận sự có của mình, không đến quá cực. *Cực có* mà không tự nhận, thì không có cái hại về sự tràn đầy, ấy là kẻ biết thuận lẽ. Phu tín như hào Năm, mà hào Trên lại xéo trên nó, đó tức là noi xéo sự thành tín; hào Năm có đức văn vẻ sáng láng, mà hào Trên lại biết hạ chi để ứng nhau với nó, đó tức là chuộng người hiền, trọng kẻ thiện; xử được như thế

chính là cách tốt cực điểm, tự nhiên được hưởng phúc khánh. "Tự trời giúp - nó", nghĩa là làm việc thuận theo với trời, mà được trời giúp, cho nên đi đâu cũng tốt, không gì không lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong đời *cả có,* lấy đức cứng, ở ngôi trên mà biết hạ xuống theo hào Sáu Năm, ấy là kẻ biết xéo coi điều tín, nghĩ đến sự thuận mà chuộng người, đầy mà không tràn, cho nên lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:大有上吉,自天祐之.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại hữu thượng cát, tự thiên hựu dã.*

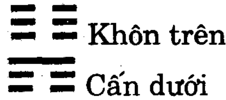
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên quẻ Đại hữu được tốt sự trời giúp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên quẻ Đại hữu, có sự cùng cực, đáng phải biến đổi, bởi sự làm của nó thuận với trời mà hợp với đạo, cho nên trời giúp đỡ nó, vì vậy mới tốt. Đấng quân tử đầy mà không tràn, tức là trời giúp.

Lời bàn của Tiên Nho. - Dương Thành Trai nói rằng: Trong tám quẻ, quẻ Kiền là tôn; trong sáu tư quẻ, quẻ Thái là thịnh; nhưng hào Chín Trên của quẻ Kiền phải ăn năn về sự quá cực, hào Sáu Trên của quẻ Thái, phải hối tiếc về sự rối loạn. Thịnh trị đủ phúc, không quẻ nào bằng quẻ Đại hữu, trong sáu hào một hào hanh thông, hai hào tốt, ba hào không lỗi, minh chủ ở trên, các người hiền đều hội họp, không có một kẻ tiểu nhân bại loạn, không có một kẻ vô đức bại việc trị. Kẻ sĩ sinh trong đời ấy, bận áo bông rách đẹp hơn đeo ngọc, uống nước lã ngon hơn đồ ăn bầy vạc, huống chi lại có bậc đại thần trong hào Chín Hai, vua chư hầu trong hào Chín Ba và bậc kỳ cựu "công thành thân lui" trong hào Chín Trên... Than ôi thịnh thay!

QUẺ KHIÊM



GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khiêm. Tự quái nói rằng: Có đến *cả lớn* thì không thể để cho đầy, cho nên tiếp đến quẻ Khiêm. Sự *có đã cả lớn* không thể để đến tràn đầy, ắt phải nhún bớt, cho nên sau quẻ Đại hữu tiếp đến quẻ Khiêm. Nó là quẻ Khôn trên Cấn dưới, tức là trong đất có núi. Thế đất thấp kém, mà núi là vật cao lớn, lại ở dưới đất, đó là Tượng khiêm tốn; lấy đức sùng cao ở chỗ thấp kém ấy là nghĩa khiêm tốn.

LỜI KINH

謙亨,君子有終.

Dịch âm. - *Khiêm hanh, quân tử hữu chung.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Khiêm hanh thông, đấng quân tử có sau chót.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khiêm là quẻ có đạo hanh thông. Có đức mà không tự nhận, gọi là *Khiêm.* Người ta lấy *sự khiêm tốn* tự xử thì đi đâu mà không hanh thông? “Đấng quân tử có sau chót”, nghĩa là đấng quân tử chí ở khiêm tốn hiểu lẽ, cho nên vui với mệnh trời mà không cạnh tranh; bên trong đầy đủ, cho nên tự mình lui nhún, mà không khoe khoang, yên lặng xéo noi sự *khiêm* suốt đời không đổi, mình tự hạ mình mà người ta càng tôn lên, mình tự che cho tối đi, mà đức càng sáng tỏ; đó là đấng quân tử có sau chót. Ở tiểu nhân thì họ có sự ham muốn ắt phải cạnh tranh, có đức ắt phải hợm hĩnh, tuy có miễn cưỡng mến sự khiêm tốn, cũng không thể yên lòng mà làm, bền chí mà giữ, ấy là không có sau chót.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khiêm là có mà không ở. Đỗ[1] ở trong, thuận[2] ở ngoài, tức là khiêm. Núi là vật rất cao, đất là vật rất thấp, thế mà núi lại chịu khuất mà đỗ ở dưới đất, đó tức là Tượng khiêm tốn. Kẻ xem như thế thì được hanh thông mà có sau chót. Có sau chót nghĩa là trước bị co lại, sau được duỗi ra.

---

[1] Chỉ về quẻ Cấn.

[2] Chỉ về quẻ Khôn.

LỜI KINH

彖曰:謙亨,天道下濟而光明,地道卑而上行.天道虧盈而益謙,地道變盈而流謙,鬼神害盈而福謙,人道惡盈而好謙.謙,尊而光,卑而不可踰,君子之終也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Khiêm hanh, thiên đạo hạ tế nhi quang minh, địa đạo ty nhi thượng hành, thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm, nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm. Khiêm tốn nhi quang, ty nhi bất khả du, quân tử chi chung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Khiêm hanh thông, đạo trời giúp xuống mà sáng láng, đạo đất thấp mà đi lên, đạo trời làm vơi chỗ đầy mà thêm chỗ khiêm, đạo đất biến đổi chỗ đầy mà trôi vào chỗ khiêm, quỉ thần làm hại chỗ đầy mà làm phúc cho chỗ khiêm, đạo người ghét chỗ đầy mà yêu chỗ khiêm. Sự khiêm cao mà sáng, thấp mà không hề vượt qua, đó là sau chót của đấng quân tử.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chữ 濟 *(tế)* nên đổi là chữ 際 *(tế)*. Đây là nói rõ cái nghĩa "khiêm mà có thể hanh thông", đạo trời vì khi giao tế xuống dưới, cho nên có thể hóa nuôi muôn vật, thành đạo sáng láng; đạo đất vì ở dưới thấp, khi nó đi lên giao nhau với trời, đều là vì sự thấp xuống mà được hanh thông. Lấy việc trời mà nói, thì cái đầy phải vơi, cái nhún được thêm, ví như mặt trời mặt trăng, khí Âm khí Dương. Lấy thế đất mà nói, thì cái gì đầy tràn ắt phải nghiêng đổ biến đổi, mà lại trũng xuống; cái gì thấp trũng thì chảy vào mà càng thêm lên. Quỉ thần tức là dấu vết của đấng Tạo hóa, cái gì đầy tràn quỉ thần làm hại, cái gì nhún bớt, quỉ thần giúp phúc, những việc thái quá mà bị tổn, không đủ mà được thêm, đều là lẽ ấy. Tình người ghen ghét kẻ đầy tràn mà yêu thích kẻ khiêm tốn. Khiêm là cái đức tột bậc của người ta, cho nên thánh nhân nói kỹ, để răn kẻ đầy, khuyến khích kẻ nhún. Khiêm là nhún thuận mà đạo của nó cao lớn và sáng rõ, tự xử tuy là thấp kém mà đức của nó thật cao không thể hơn, ấy là không thể vượt qua. Đấng quân tử rất thật với đức khiêm tốn, lúc nào cũng khiêm tốn mà không thay đổi, đó là sau chót, vì vậy mới được cao sáng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây nói kẻ khiêm tốn ắt được hanh thông. *Biến* nghĩa là nghiêng *đổ, lưu* nghĩa là tụ lại mà theo về. Người ta biết khiêm tốn thì kẻ ở ngôi cao đức càng sáng tỏ, kẻ ở ngôi thấp, người khác cũng không thể hơn, vì vậy đấng quân tử mới có câu sau chót.

LỜI KINH

象曰:地中有山,謙.君子以裒多益寡,稱物平施.

Dịch âm. - *Tượng viết: Địa trung hữu sơn, Khiêm, quân tử dĩ biều đa ích quả, xứng vật bình thi.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trong đất có núi, là quẻ Khiêm, đấng quân tử coi đó mà rút chỗ nhiều, thêm chỗ ít, cân lường các vật, làm cho sự thi thố được thăng bằng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thế đất thấp lùn, núi là vật cao lớn mà ở trong đất, đó là tượng bên ngoài thấp lùn, mà bên trong chứa cái cao lớn, cho nên là *Khiêm*. Không nói núi ở trong đất, mà nói trong đất có núi, ý muốn tỏ rằng: trong chỗ thấp lùn, chứa cái cao chót. Nếu nói cái cao chót chứa trong cái thấp lùn thì văn lý không xuôi, các tượng đều thế, coi lời văn thì có thể thấy. "Đấng quân tử coi đó mà rút chỗ nhiều, thêm chỗ ít, cân lường các vật, làm cho sự thi thố được thăng bằng", nghĩa là đấng quân tử coi tượng quẻ Khiêm: núi mà lại ở dưới đất, ấy là cao thì hạ xuống, thấp thì nâng lên, thấy rõ cái nghĩa nén chỗ cao, nhắc chỗ thấp, bớt chỗ thái quá, thêm vào chỗ bất cập, đem ra thi thố công việc, thì rút lấy của chỗ nhiều, tăng thêm cho chỗ ít, cân nhắc sự nhiều ít của các vật mà làm cho sự thí cho được đều, khiến cho mọi việc được thăng bằng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy cái thấp mà chứa cái cao, là tượng khiêm tốn. Rút chỗ nhiều, thêm chỗ ít, là để làm cho xứng đáng với sự thích nghi của các vật; mà san đều việc thí cho, bớt chỗ cao thêm vào chỗ thấp, cho tới mực thăng bằng, cũng là ý khiêm tốn.

LỜI KINH

初六:謙謙君子,用涉大川,吉.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Khiêm khiêm, quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Đấng quân tử nhún nhún, dùng sang sông lớn, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là hào nhu thuận ở quẻ Khiêm, lại nhằm chỗ dưới nhất trong một quẻ, đó là tự xử cực kỳ thấp kém, tức là *Khiêm* mà lại *Khiêm*, cho nên nói là "Khiêm khiêm", có thể như thế thì là đấng quân tử. Tự xử rất khiêm, mọi người đều cùng với, dẫu dùng để vượt qua chỗ hiểm nạn, cũng không có sự lo hại, huống chi ở chỗ bình dị, thì còn cái gì không tốt?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào *mềm* ở ngôi dưới, *nhún* đến tột bậc, đó là nết của đấng quân tử. Dùng nết đó mà vượt các chỗ hiểm nạn thì đâu mà không qua được? Cho nên, kẻ xem như thế, thì lợi về sự sang sông lớn.

LỜI KINH

象曰:謙謙,君子卑以自牧也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khiêm khiêm, quân tử ty dĩ tự mục dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhún nhún, đấng quân tử dùng sự thấp nhún để tự chăn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khiêm khiêm tức là nhún đến tột bậc. Ý nói đấng quân tử lấy đạo nhún thấp mà tự chăn mình. Tự chăn tức là tự xử.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Nam Hiên nói rằng: "Nhún nhún, đấng quân tử dùng sự thấp kém để tự chăn như chăn trâu dê, phải làm cho được quen lành, thì mới có thể nói đến việc khiêm.

Khấu Kiến An nói rằng: *Mục* tức là nuôi, cái đất nuôi đức, chưa có bao giờ không gây nền tự chỗ thấp. Hễ cái mình nuôi đến tột bậc, thì càng thấp lại càng không thấp.

LỜI KINH

六二:鳴謙, 貞吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Minh khiêm, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Kiêu sự nhún, chính bền, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là kẻ mềm thuận ở ngôi giữa, ấy là đức nhún chứa đầy ở trong, cho nên phát ra bên ngoài, hiện ở thanh âm, nhan sắc, cho nên nói rằng: "Kêu sự nhún". Ở ngôi giữa được chỗ chính, tức là đức trung chính cho nên nói rằng: "chính bền tốt".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mềm thuận trung chính, vì sự nhún mà có tiếng tăm, ấy là kẻ chính mà tốt, cho nên lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:鳴謙,貞吉,中心得也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Minh khiêm trinh cát, trung tâm đắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Kêu sự khiêm, chính bền tốt, được tự trong lòng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đức nhún của hào Hai do lòng chí thành chứa ở bên trong, cho nên phát ra thanh âm, đó là trong lòng tự được, không phải miễn cưỡng mà làm.

LỜI KINH

九三:勞謙,君子有終,吉.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Lao khiêm, quân tử hữu chung, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Đấng quân tử nhọc mà nhún, sau chót, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba lấy đức Dương cương mà ở thể dưới, được các hào Âm tôn theo; xéo được ngôi chính, là trên thể dưới, ấy là một người trên thì được vua tin dùng, dưới thì được theo về, có công lao mà giữ đức *nhún,* cho nên nói rằng: "nhọc mà nhún". Đã có thể nhọc mà nhún, lại phải là đấng quân tử làm những sự ấy đến chót thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cả quẻ có một hào Dương, ở dưới thể trên, là kẻ cứng mà được chỗ chính đính, kẻ trên người dưới theo về, có công lao mà biết nhún, lại càng là cái người ta vẫn lấy làm khó, cho nên, hễ có sau chót thì tốt. Kẻ xem như thế, thì cũng ứng vào như thế.

LỜI KINH

象曰:勞謙君子,萬民服也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lao khiêm quân tử, vạn dân phục dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử nhọc mà nhún, thì muôn dân phục vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử có thể nhọc mà vẫn nhún, ấy là người mà muôn dân phải phục vậy.

LỜI KINH

六四:無不利,偽謙.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Vô bất lợi, vi khiêm.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Không gì không lợi, vung vẩy sự nhún.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư ở thể trên, sát gần ngôi vua, ông vua Sáu Năm lại tự xử bằng cách nhún mềm, hào Chín Ba lại có

công đức lớn, được người trên dùng, dân chúng tôn, mà mình ở trên nó, phải nên cung kính lo sợ, để thờ ông vua có đức *nhún* lún thấp khiêm tốn để nhường người bề tôi có công lao mà vẫn *nhún*, hành động thi thố không gì không lợi cho sự vung vẩy nết *nhún*. "Vi" tức là Tượng vung ra, như tay người ta vung vẩy. Động hay nghỉ, tiến hay lùi, ắt phải thi hành nết *nhún*, vì ở vào chỗ nhiều điều đáng sợ, mà lại đứng trên một người hiền thần, nên phải như thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đức mềm mà ở được chỗ chính, ở trên mà biết tự hạ, lời Chiêm của nó là không gì không lợi. Nhưng vì nó ở trên hào Chín Ba, cho nên lại răn rằng phải phát huy sự *nhún* của mình, để tỏ cái ý không dám tự cho là yên.

LỜI KINH

象曰:無不利,偽謙,不違則也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô bất lợi, vi khiêm, bất vi tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng. Không gì không lợi, vung vẩy sự nhún, không trái phép vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự *nhún* của người ta, cũng phải có chỗ dùng, không thể làm quá sự thích nghi, như hào Sáu Năm, hoặc dùng lấn đánh, tức là phải đó. Chỉ có hào Tư vì ở chỗ gần vua, đứng ngôi trên kẻ bầy tôi có công lao, cho nên, hết thảy các sự động tác, không sự gì không lợi cho cách vung vẩy nết nhún, như thế rồi mới đúng với phép tắc, cho nên nói rằng "không trái phép", nghĩa là được sự thích nghi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói không làm quá đáng.

LỜI KINH

六五:不富以其鄰,利用侵伐,無不利.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Bất phú dĩ kỳ lân, lợi dụng xâm phạt, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Không giàu, sai khiến được láng giềng, lợi dụng lấn đánh, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giàu là kẻ mà người ta theo về, chỉ có của cải mới tụ được người. Hào năm lấy bậc cao của ngôi vua mà giữ đức nhún thuận, để tiếp kẻ dưới, ấy là người mà người ta theo về, cho nên dù không giàu mà cũng có thể chiếm có láng giềng. Láng giềng chỉ chỗ gần gũi, nghĩa là không giàu mà được người ta gần gũi với mình. Làm ông vua mà giữ được đức nhún thuận, thiên hạ sẽ thật

bụng theo về. Song mà đạo vua không thể chỉ chuộng mềm nhún mà thôi, phải có oai vũ giúp vào, thì mới có thể khiến cho thiên hạ phục, nên mới lợi dụng lấn đánh. Uy đức cùng tỏ, rồi mới hết sự nên chăng của đạo vua mà không cái gì không lợi. Bởi vì hào Năm là hào mềm nhún, nên phòng sự thái quá, nên mới phát minh ra nghĩa đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức mềm ở ngôi tôn, ấy là kẻ ở trên mà biết *nhún,* cho nên là Tượng không giàu mà có thể sai khiến láng giềng. Bởi vì người ta theo về đã nhiều, còn có kẻ nào chưa phục, thì nên đánh đi, mà về việc khác cũng không việc gì không lợi. Người ta mà có đức ấy thì lời Chiêm cũng thế.

LỜI KINH

象曰:利用侵伐,征不服也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lợi dụng xâm phạt, chinh bất phục dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lợi dùng lấn đánh, đánh kẻ không phục vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đánh những kẻ nào mà sự văn đức khiêm tốn không thể làm cho sợ phục mà không dùng oai vũ, thì lấy gì mà trị bình thiên hạ? Cái đó không phải trung đạo của kẻ làm vua mà là lỗi của sự nhún.

LỜI KINH

上六:鳴謙,利用行師征邑國.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Minh khiêm, lợi dụng hành sư chính ấp quốc.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Kêu sự nhún, lợi dụng trẩy quân đánh làng nước.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy nết mềm ở chỗ mềm, tức là cực thuận, lại ở cùng tột quẻ Khiêm, tức là kẻ cực nhún. Là kẻ cực *nhún,* mà lại ở vào ngôi cao, chưa được thỏa cái chí *nhún,* cho nên đến phải phát ra tiếng tăm. Lại, kẻ mềm ở chỗ cùng cực sự nhún, cũng ắt hiện ra thanh sắc, cho nên nói rằng: “kêu sự nhún”. Tuy nó ở chỗ không có ngôi, không phải kẻ làm việc thiên hạ, nhưng mà người ta trị mình, ắt phải cương nhu giúp nhau, hào Trên là chỗ nhún đến cùng cực, hễ mà thái thậm thì là quá đáng, cho nên nó lợi vở sự dùng oai vũ tự trị, “ấp làng nước” là chỗ riêng của mình, “có trẩy quân” là dùng oai vũ, “đánh làng nước” là trị lòng riêng của mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nhún đến cùng cực mà có tiếng tăm, ấy là kẻ mà người ta *cùng với,* cho nên có thể dùng về trẩy quân. Nhưng vì nó chất mềm mà không có ngôi nên có thể đánh chỗ làng nước của mình mà thôi.

LỜI KINH

象曰:鳴謙,志未得也.可用行師征邑國也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Minh khiêm, chí vị đắc dã; khả dụng hành sự chinh ấp quốc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Kêu sự nhún, chí chưa thỏa vậy; có thể dùng để trẩy quân, đánh làng nước vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhún đã cùng tột mà ở ngôi Trên, cái chí muốn *nhún* chưa toại, cho nên thiết tha khôn xiết, đến nỗi phải kêu, tuy chẳng đáng ngôi, nhưng mà *nhún* đã quá cực, nên dùng oai vũ tự trị cái riêng của mình, cho nên nói rằng: "Lợi dụng trẩy quân đánh làng nước".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm nhu không ngôi, tài lực không đủ, cho nên chí nó chưa toại, mà đến phải trẩy quân, nhưng cũng vừa đủ đánh làng riêng của mình thôi.

QUẺ DỰ


Cấn trên
Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Dự, Tự quái nói rằng: Có *sự lớn* mà biết *nhún,* ắt *vui,* cho nên tiếp đến quẻ Dự[1]. Đó là dùng quẻ Dự nối theo hai quẻ kia[2] mà làm thứ ba. Sự *có* đã *lớn* mà có thể *nhún* thì có *vui vẻ.* Dự nghĩa là yên hòa vui thích. Nó là quẻ Chấn trên Khôn dưới, tức là cái tượng thuận[3] mà động[4]. Động là hòa thuận, cho nên mới *vui.* Hào Chín Tư là chủ cuộc *động,* các hào Âm ở trên và dưới cùng ứng với nó, quẻ Khôn lại vâng theo nó bằng sự thuận, cho nên, động thì trên dưới xuôi thuận ứng với, cho nên là nghĩa hòa vui. Nói về hai tượng, thì là sấm ra trên đất, khí Dương lúc đầu nấp náu trong đất, đến khi nó động mà ra trên đất, thì nó hăng hái mà đánh, thông xướng hòa vui, cho nên là Dự.

LỜI KINH

豫,利建後,行師.

Dịch âm. - *Dự, lợi kiến hầu, hành sư.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Dự, lợi cho sự dựng nước hầu, trẩy quân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dự là thuận mà động, nghĩa là quẻ Dự lợi ở sự dựng nước hầu, trẩy quân. Dựng nước là dựng phên tường để cho cùng yên, thiên hạ chư hầu hòa thuận thì muôn dân vui phục, quân lữ dấy lên, lòng người hòa đẹp, thì sẽ thuận theo mà có công, cho nên cái đạo *đẹp vui* lợi ở sự dựng nước hầu trẩy quân. Lại, trên động mà dưới thuận, đó là cái tượng chư hầu theo nhà vua, binh chúng thuận theo mệnh lệnh. Làm vua muôn nước, họp số quân lớn, không hòa vui thì không thể khiến họ phục theo.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dự là hòa vui, tức là lòng người hòa vui để ứng nhau với người trên. Hào Chín Tư là một hào Dương, trên dưới ứng theo, chí nó được thực hành. Lại, Khôn mà gặp Chấn là

---

[1] Chữ 豫 (Dự) có nghĩa là vui.

[2] Quẻ Đại hữu và quẻ Khiêm.

[3],4 Chỉ về quẻ Khôn và quẻ Chấn.

thuận mà động, cho nên quẻ ấy là Dự, mà lời Chiêm của nó thì lợi về sự dựng vua, dùng quân.

LỜI KINH

彖曰:豫,剛應而志行,順以動,豫.

Dịch âm. - *Thoán viết: Dự cương ứng nhi chí hành, thuận dĩ động, Dự.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Dự, kẻ cứng ứng với mà chí được thực hành, thuận để động, là quẻ Dự.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Cương ứng" chỉ về hào Tư được các hào Âm ứng với, từ là cứng mà được người ứng theo. "Chí hành" nghĩa là chí của khí Dương đi lên, động mà trên dưới thuận theo, chí nó được thực hành. "Thuận dĩ động, Dự", nghĩa là Chấn thì động mà Khôn thì thuần, tức là động mà thuận lẽ, thuận lẽ mà động, lại là động mà người ta thuận theo, cho nên mới vui.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng đức quẻ thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

豫順以動,故天地如之,而况建侯行師乎.

Dịch âm. - *Dự thuận dĩ động, cố thiên địa như chi, nhi huống kiến hầu hành sư hồ!*

Dịch nghĩa. - Vui thuận mà động, cho nên trời đất cũng giống như nó, huống chi là dựng nước hầu trẩy quân!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy sự vui thuận mà động, thì trời đất cũng đúng giống mà không trái, huống chi việc dựng nước hầu trẩy quân, còn có điều gì không thuận ? Đạo của trời đất lẽ của muôn vật, chỉ có một điều rất thuận mà thôi. Bậc người lớn sở dĩ trước trời, sau trời mà trời không trái, cũng là thuận lẽ mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng đức quẻ để thích lời quẻ.

LỜI KINH

天地以順動,故日月不過,而四時不忒.
聖人以順動,則刑罰清而民服.

Dịch âm. - *Thiên địa dĩ thuận động, cố nhật nguyệt bất quá, nhi tứ thì bất thắc; thánh nhân dĩ thuận động, tắc hình phạt thanh nhi dân phục.*

Dịch nghĩa. - Trời đất dùng sự xuôi thuận mà động cho nên mặt trời mặt trăng không quá độ, bốn mùa không sai; đấng thánh nhân dùng sự xuôi thuận mà động thì hành phạt thanh giản mà muôn dân phục.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lại nói cho rõ cái đạo thuận động trời đất xoay vần lấy sự xuôi thuận mà động cho nên độ của mặt trời, mặt trăng không quá không sai, sự lưu hành của bốn mùa không lỗi; đấng thánh nhân dùng sự xuôi thuận mà động, cho nên mối giường đính chính, dân đều nô nức làm thiện, hình phạt thanh giảm mà muôn dân phục.

LỜI KINH

豫之時,義大矣哉.

Dịch âm. - *Dự chi thì nghĩa đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Thì nghĩa của quẻ Dự lớn vậy thay.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo *dự thuận* đã nói qua rồi, song mà ý vị của nó rất là sâu xa, lời hết mà ý chưa hết, cho nên lại tán thêm rằng: “Thì nghĩa của quẻ Dự lớn vậy thay !”. Đó là muốn cho người ta ngẫm nghĩ cái lẽ của nó, thong thả ngắm nghía mà nhớ lấy nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cực mà tán dương sự lớn của nó.

LỜI KINH

象曰:雷出地奮,豫.先王以作樂崇德,
殷薦之上帝,以配祖考.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi xuất, địa phấn, Dự, tiên vương dĩ tắc nhạc sùng đức, ân tiến chi thượng đế, dĩ phối tổ khảo.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sấm ra, đất chuyển, là quẻ Dự, đấng tiên vương coi đó mà làm nhạc, chuộng đức, thịnh dâng đức Thượng đế để phối ông cha.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm là khí Dương phân phát, Âm Dương ứng nhau mà thành ra tiếng. Khí Dương lúc đầu thì bế trong đất, tới khi nó động thì ra khỏi đất, mà phấn chấn lên. Lúc *bế* thì *mất,* khi đã phân phát thì thông xướng hòa vui, cho nên mới là quẻ Dự. Khôn thì thuận, Chấn thì phát ra, đó là cái tượng hòa thuận chứa ở bên trong mà phát ra thanh nhạc. Đấng tiên vương coi lượng sấm ra

khỏi đất phấn chấn hòa xướng, phát ra thành tiếng, mà làm thanh nhạc để bao sùng công đức, nó thịnh đến nỗi đem mà dâng đấng Thượng đế, rồi suy rộng ra mà để cha ông phối hưởng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sấm ra đất chuyển tức là hòa đến cùng tột. Đấng tiên vương làm ra âm nhạc, đã bắt chước cái tiếng của nó, lại lấy theo cái nghĩa của nó.

LỜI KINH

初六:鳴豫,凶.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Minh dự, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: kêu sự vui, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Đầu lấy chất Âm như ngôi dưới, hào Tư là chủ quẻ Dự mà ứng với nó, ấy là kẻ tiểu nhân không trung không chính, ở cuộc vui mà được người trên yêu thương, chí ý cực kỳ đầy đủ, khôn xiết mừng vui, đến nỗi phải buột ra tiếng, khinh bạc nông nổi như thế, ắt phải đến hung. “Minh” tức là phát ra tiếng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kẻ tiểu nhân Âm nhu, ở trên có kẻ cứu viện mạnh khỏe, được thì, làm chủ công việc, cho nên khôn xiết vui mừng mà tự reo lên, đó là đạo hung, cho nên lời Chiêm của nó như thế, Quẻ này được tên là Dự, vốn là sự hòa vui, nhưng lời quẻ thì là nhiều người cùng vui, còn lời hào, trừ hào Chín Tư, giống như lời quẻ, còn các hào đều là tự vui, cho nên có sự tốt xấu khác nhau.

LỜI KINH

象曰:初六鳴豫,志窮凶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơ Lục minh dự, chí cùng hung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Hào Sáu Đầu reo sự vui, chí đã cùng cực là hung vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Rằng “hào Sáu Đầu” ý nói là kẻ Âm nhu ở ngôi dưới, mà chí ý cùng cực, khôn xiết mừng vui, đến phải kêu lên, ắt thành kiêu căng càn động mà đến hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ “cùng” nghĩa là cùng cực.

LỜI KINH

六二:介于石,不終日,貞吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Giới vu thạch, bất chung nhật, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: tiết tháo như đá, không trọn ngày, chính bền thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong đạo *chơi vui,* phóng túng quá thì sẽ mất sự chính đính. Các hào quẻ Dự phần nhiều không được chính đính là tại tài với thì của nó hợp nhau. Riêng hào Sáu Hai ở chỗ trung chính lại không hào nào ứng với, đó là cái tượng tự thả. Đương lúc vui, riêng mình biết tự giữ bằng cách trung chính, có thể gọi là tiết tháo độc lập, đó là tiết giới của nó rắn như đá vậy. "Giới vu thạch" nghĩa là "tiết giới như đá". Người ta với cuộc vui chơi, trong lòng ham thích, nên thường lần lữa, rồi đến say đắm, không thể thôi được; hào Hai lấy sự trung chính giữ mình, tiết giới như đá, nên nó bỏ sự vui chơi rất chóng, không cần đợi đến hết ngày, vì vậy mới được trình chính mà tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ Dự tuy là chủ về sự vui, nhưng nó dễ khiến người ta đắm đuối, hễ đã đắm đuối thì hóa ra lo. Cả quẻ duy có hào này ở giữa, được chỗ chính đính, ấy là trên dưới đều bị đắm đuối vì sự vui, riêng nó biết lấy sự trung chính giữ mình, tiết giới như đá. Đức nó yên tĩnh và vững chắc, nên sự tư lự của nó sáng tỏ, không đợi trọn ngày mà nó sẽ thấy cơ vi của hết mọi của hết mọi việc. Kẻ xem như thế, thì chính là tốt.

LỜI KINH

象曰:不終日,貞吉,以中正也.

Dịch âm. - *Tượng viết bất chung nhật, trinh cát, dĩ trung chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Không trọn ngày, chính bền và tốt vì trung chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có thể không đợi trọn ngày mà chính và tốt, là vì có đức trung chính. Đây lại nói về cách ở trong cuộc vui của hào Sáu Hai, cái ý dạy đời sâu lắm.

LỜI KINH

六三:盱豫,悔遲,有悔.

Dịch âm. - *Lục Tam: Vu dự hối trì, hữu hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Nhìn sự vui, ăn năn chậm, có ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sáu Ba là hào Âm mà ở ngôi Dương tức là người không trung chính. Là kẻ không trung chính mà ở cuộc *vui,* động đâu có ăn năn đấy. "Vu" là trông lên. Nhìn lên hào Tư, thì vì mình không trung chính, không được hào Tư bao dung, cho nên có sự ăn năn. Hào Tư là *chủ cuộc vui,* sát gần với nó, nếu chạy chậm mà

không tiến lên, thì bị *ruồng bỏ,* cự tuyệt cũng có là có sự ăn năn. Bởi vì xử mình không chính đính cho nên dù tiến, dù lùi đều bị có sự hối tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Vu" là trông lên, Hào Âm, không được trung chính mà gần hào Tư, hào Tư là chủ trong quẻ, cho nên hào Ba trên thì trông lên hào Tư, dưới thì đắm về cuộc *vui,* đáng phải ăn năn, cho nên tượng nó như thế, mà lời chiêm của nó thì là: các việc đều nên hối lại mau, nếu hối chậm, thì sẽ có sự ăn năn.

LỜI KINH

象曰:盱豫有悔,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vu dư hữu hối, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhìn sự vui, có ăn năn, ngôi không đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tự ở vào chỗ không đáng, là mất trung chính, cho nên tiến lui đều có ăn năn.

LỜI KINH

九四:由豫,大有得,勿疑朋盍簪.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Do dự, đại hữu đắc, vật nghi, bằng hạp châm.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Bởi đó là vui, cả có được, chớ nghi ngờ, bè bạn tụ họp.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Dự sở dĩ làm *vui* là do ở hào Chín Tư. Nó là chủ của sự động, hễ động thì các hào Âm vui thuận, đó là nghĩa của quẻ Dự. Hào Tư là ngôi đại thần, ông vua Sáu Năm thuận theo. Nó lấy đức Dương cương gánh vác công việc của người trên, sự *vui* bởi đó mà ra, cho nên nói rằng: "Bởi đó mà vui". "Cả có được", ý nói cả được thực hành chí mình, để đem cuộc *vui* đến cho thiên hạ. "Chớ ngờ, bè bạn tụ họp", nghĩa là hào Tư ở ngôi đại thần, vâng thờ vua nhu nhược gánh vác công việc thiên hạ, đó là cái chỗ nguy nghi. Nó một mình đảm đương sự tin dùng của người trên, mà ở dưới không có kẻ đồng đức giúp đỡ, cho nên phải ngờ, chỉ nên hết lòng chí thành, chớ có ngờ lo, thì bè loại tự nhiên tụ họp. "Châm" nghĩa là họp, chữ "châm" dùng để đặt tên cái châm, là lấy cái nghĩa "tụ họp tóe lại".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chín Tư là hào mà quẻ này bởi đó thành ra cho sự vui, cho nên Tượng nó như thế, mà lời Chiêm của nó thì là "cả có được", nhưng mà lại nên chí thành không ngờ, thì bè loại

sẽ họp mà theo, nên lại nhân đó là tỏ lời răn. "Châm", nghĩa là *họp,* lại là *chóng.*

LỜI KINH

象曰:由豫, 大有得,志大行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Do dự, đại hữu đắc, chí đại hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bởi đó mà vui, cả có được chí ý cả được thực hành vậy.

LỜI KINH

六五:貞疾,恒不死.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Trinh tật, hằng bất tử.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Chính bền có tật, thường không chết.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm lấy tư cách Âm nhu ở ngôi vua, đường vào thì vui, là kẻ đắm đuối về sự *vui* mà không thể tự lập, cả quyết. Lòng người đều về hào Tư, hào Tư là bậc Dương cương mà được lòng dân, không phải kẻ mà ông vua mê đắm nhu nhược có thể đè nén nổi. Đó là ông vua nhu nhược không thể tự lập, lại bị đè nén với người bề tôi chuyên quyền. Ở nhằm ngôi vua là chính, bị đè nén với kẻ dưới là có tật khổ. Hào Sáu ở ngôi tôn, quyền tuy mất là ngôi chưa mất, cho nên nói là "chính bền có tật, thường không chết", nghĩa là chính bền mà có tật, thường thường có tật mà không chết, ví như các vua đời cuối nhà Hán nhà Ngụy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương thì *vui,* là kẻ mềm, ở ngôi tôn, đắm đuối về sự *vui,* lại cưỡi lên hào Chín Tư là kẻ cứng mạnh, người ta không phụ với mình, mà mình ở vào thế nguy, cho nên là Tượng "chính bền có tật", nhưng vì nó được chỗ giữa, cho nên lại là tượng "thường không chết". Theo Tượng mà xem, lời Chiêm sẽ ở trong đó.

LỜI KINH

象曰:六五貞疾,乘剛也;恒不死,中未亡也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Ngũ trinh tật, thừa cương dã, hằng bất tử, trung vị vong dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu Năm trinh mà có tật, là vì cưỡi lên kẻ cứng; thường không chết, là tại vì ngôi giữa chưa mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chính bền mà có tật, là vì cưỡi lên kẻ cứng, bị kẻ cứng bức; thường không chết, là tại ngôi giữa chưa mất.

LỜI KINH

上六:冥豫成,有渝,無咎.

Dịch âm. - *Thượng lục: Minh dự thành, hữu thâu, vô cứu.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Mờ tối về sự vui, việc thành rồi, có thay đổi, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sáu Trên là hào Âm nhu, không phải kẻ có đức trung chính. Là hào Âm, ở ngôi Trên, tức là bất chính, mà lại nhằm thì cuộc *vui* cùng cực, đấng quân tử ở vào lúc đó cũng phải răn sợ, huống chi kẻ Âm nhu. Thế mà nó say đắm, dông dỡ về sự *vui,* đó là tối tăm, không biết quay lại. Bởi vì ở cuối quẻ Dự, cho nên là sự hôn mê đã thành, nếu biết biến đổi, thì có thể không lỗi. Cũng vì ở cuối quẻ Dự, cho nên có nghĩa biến đổi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm nhu ở lúc cuộc *vui* cùng cực, đó là tượng "tối tăm về sự *vui*". Vì nó thuộc về thể động, nên lại là tượng "việc tuy đã thành mà biết thay đổi". Ấy là răn kẻ xem như thế, thì chữa được lỗi mà không có lỗi, để mở rộng cái cửa "trời về đường thiện".

LỜI KINH

象曰:冥豫在上,何可長也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Minh dự tại thượng, hà khả trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tối tăm về sự vui ở trên, lâu dài sao được?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tối tăm về sự *vui* cho đến cùng chót, vạ lỗi sắp sửa kéo đến, có thể thế mãi được sao ? Phải nên thay đổi cho mau.

QUẺ TÙY

 Đoái trên
Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tùy, Tự quái nói rằng: *Vui* ắt có *theo*[1] cho nên tiếp đến quẻ Tùy. Cái đạo *vui thích,* người ta vẫn theo, cho nên quẻ Tùy mới nối quẻ Dự. Nó là quẻ Đoái trên Chấn dưới. Đoái là đẹp lòng, Chấn là động, đẹp lòng mà động, động mà đẹp lòng, đều là nghĩa của sự theo. Con gái là kẻ phải theo người, là con gái nhỏ[2] mà theo con trai trưởng[3] cũng là nghĩa của sự *theo.* Chấn là sấm, Đoái là chằm sấm động ở trong chằm, chằm cũng động theo, ấy là tượng của sự *theo.* Lại nữa, lấy lẽ quai biến mà nói, thì hào Trên quẻ Kiền đến ở ngôi dưới quẻ Khôn, hào Đầu quẻ Khôn, đi ở ngôi Trên quẻ Kiền, đó là Dương đến mà ở dưới Âm. Là Dương mà ở dưới Âm, Âm ắt đẹp lòng mà đi theo, cũng là nghĩa của sự *theo.* Phàm thành ra quẻ, đã dùng nghĩa của hai thể; có khi còn dùng nghĩa của các hào, có khi lại dùng nghĩa của luật quái biến, như sự dùng nghĩa của quẻ Tùy, càng là tường đủ.

LỜI KINH

隨元亨利貞,無咎.

Dịch âm. - *Tùy nguyên hanh lợi trinh, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tùy cả, lợi, trinh, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo của sự *theo* có thể đem đến được sự cả hanh. Đạo đấng quân tử được mọi người *theo,* và mình *theo* người, cùng là tới việc mà chọn đường nên *theo,* đều là *theo* cả. Theo được phải đạo, thì có thể đem đến sự cả hanh. Phàm như ông vua theo điều thiện, bề tôi vâng mệnh, kẻ học rời sang điều nghĩa, cùng là tới việc mà theo bậc trưởng thượng cũng là *theo.* Đạo của sự *theo* lợi ở trinh chính, hễ *theo* được chính đính, rồi mới cả hanh mà không lỗi. Nếu mất đường chính thì phải có lỗi, cả hanh sao được?

---

[1] Chữ "tùy" nghĩa là theo.

[2] *Chỉ về quẻ Đoái.*

[3] Chỉ về quẻ Chấn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tùy tức là *theo*. Lấy lẽ quái biến mà nói, thì quẻ này vốn tự quẻ Khốn, hào Chín đến ở ngôi Đầu; lại tự quẻ Phệ hạp, hào Chín đến ở ngôi Năm; mà tự quẻ Vị tế lại, thì kiêm cả hai sự biến đổi đó; tất cả đều là nghĩa cứng đến theo mềm. Lấy hai thể mà nói, thì thể này động mà thể kia đẹp lòng, cũng là nghĩa của sự *theo,* cho nên mới là quẻ Tùy. Mình hay *theo* người, người *đến* theo mình, đằng nọ đằng kia *theo nhau* thì sự hanh thông rất dễ, cho nên lời Chiêm của nó mới là cả hanh, nhưng phải lời về sự trinh thì mới không lỗi. Nếu mà việc *theo* không chính, thì không cả hanh mà sẽ không khỏi có lỗi.

LỜI KINH

彖曰:隨,剛來而下柔,動而說,隨.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tùy, cương lai nhi hạ nhu, động nhi duyệt, Tùy.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Tùy, cứng đến mà ở dưới mềm, động mà đẹp lòng, là quẻ Tùy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng lẽ quái biến và đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

大亨貞無咎,而天下隨時.

Dịch âm. - *Đại hanh trinh vô cữu, nhi thiên hạ tùy thì.*

Dịch nghĩa. - Cả hanh trinh, không lỗi, mà thiên hạ tùy thì.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ này sở dĩ làm quẻ Tùy là vì kẻ cứng mà đến ở dưới kẻ mềm, động mà đẹp lòng. Nghĩa là hào Chín Trên quẻ Kiền đến ở dưới quẻ Khôn, hào Sáu đầu quẻ Khôn đi ở trên quẻ Kiền. Là kẻ *Dương cương* mà đến ở dưới quẻ *Âm nhu,* ấy là người trên mà chịu nước dưới kẻ dưới, người sang mà chịu nước dưới kẻ hèn, có thể như thế, người ta sẽ đẹp lòng mà theo. Lại dưới động mà trên đẹp lòng, ấy là động mà có thể đẹp lòng, vì vậy mới theo. Như thế thì có thể cả hanh mà được chính đính. Hễ đã có thể cả hanh, không được chính đính thì không phải là đạo đáng theo, há có thể khiến cho thiên hạ theo mình ? Cái mà thiên hạ cùng theo là thì, cho nên là *tùy thì.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bản của Vương Túc, chữ 時 *(thì)* chép làm chữ 之 *(chi)* nay nên theo đó. Đoạn này thích về lời quẻ, ý nói có thể như thế thì là người mà thiên hạ cùng theo.

LỜI KINH

隨時之義大矣哉.

Dịch âm. - *Tùy thì chi nghĩa đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Cái nghĩa tùy thì lớn vậy thay[1].

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo đấng quân tử tùy thời mà động, theo với điều nên, vừa với sự biến, không thể làm ra điển yếu nhất định, nếu không là người hiểu đạo đã sâu, biết cơ vi, biết quyền biến, không thể dự vào chỗ đó, cho nên mới tán thêm rằng: "Cái nghĩa tùy thời lớn vậy thay!". Phàm những chỗ nào có lời tán thêm, là muốn người ta biết rằng nghĩa của nó lớn, phải ngẫm nghĩ mà ghi nhớ lấy. Chỗ này tán nghĩa tùy thời là lớn, khác với lời tán ở các quẻ khác, vì đây *thì* với *nghĩa* là thứ hai.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bản của Vương Túc, chữ 時 *(thì)* ở dưới chữ 之 *(chi)*, nay nó theo đó.

LỜI KINH

象曰:澤中有雷,隨,君子以嚮晦入宴息.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch trung hữu lôi, Tùy, quân tử dĩ hướng hối nhập yến tức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trong chằm có sấm, là quẻ Tùy, đấng quân tử coi đó mà sắp tối vào nghỉ ngơi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm nổi trong chằm, chằm theo sấm mà động, là Tượng của sự *theo.* Đấng quân tử coi Tượng đó để tùy thời mà động. Tùy sự nên phải của hiện thời, muôn việc đều thế. Lấy cái rõ nhất và gần nhất mà nói thì đấng quân tử coi Tượng đó mà khi sắp tối tự vào nghỉ ngơi. Đấng quân tử ban ngày thì tự cường không nghỉ, tới khi sắp sửa đêm tối, thì vào ở bên trong nghỉ ngơi, cho yên cái thân. Đó là khởi cơ tùy thời, vừa đúng với sự nên phải. Đấng quân tử ngày không ở trong, đêm không ở ngoài, ấy là đạo tùy thời.

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi rằng: Trình Tử nói rằng: "Chằm theo sấm động, đấng quân tử nên tùy thời nghỉ ngơi" có phải hay không? Chu Tử đáp rằng: Đã nói sấm động, tại sao không nói quân tử động tác, mà lại nói nghỉ ngơi? Là vì quẻ này Chấn dưới Đoái

[1] Nếu theo Chu Hy, chữa 時(thì) ở dưới chữ 之(chi) thì câu này phải dịch là "thì nghĩa của ủe Tuỳ lớn lắm thya".

trên, tức là cái Tượng sấm vào trong đất. Sấm phải tùy thời nấp náu, cho nên đấng quân tử cũng khi sắp tối thì vào nghỉ ngơi.

LỜI KINH

初九:管有渝,貞吉,出門交有功.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Quan hữu thâu, trinh cát, xuất môn giao hữu công.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Quan có thay đổi, chính thì tốt, ra cửa kết bạn thì có công.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở thời Tùy mà thể Chấn, lại là chủ của sự động, tức là kẻ có chỗ *theo.* Quan là người chủ giữ. Đã có chỗ *theo,* thì sự chủ giữ phải có thay đổi, cho nên nói rằng: "quan có thay đổi, chính thì tốt", nghĩa là *theo* được chính đính thì tốt, có thay đổi mà không được chính đính thì là quá động. "Ra cửa kết bạn có công", nghĩa là "Người mà lòng vẫn theo, phần nhiều là kẻ thân yêu. Thường tình con người, hễ yêu thì thấy là phải, mà ghét thì thấy là trái, cho nên lời của vợ con tuy là có lỗi mà người ta vẫn hay theo; lời của kẻ mà mình vẫn ghét, tuy phải cũng là trái. Nếu vì thân yêu mà *theo,* thì là do ở tư tình, không hợp chính lý, cho nên ra cửa mà kết bạn thì có công. Ra cửa tức là không phải chỗ riêng tây gần gũi. Kết bạn, không vì tình riêng, cho nên sự *theo* xứng đáng mà có công.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ dùng nghĩa người ta theo mình, hào thì dùng nghĩa mình theo người khác. Hào Chín Đầu là hào Dương, ở ngôi dưới làm chủ quẻ Chấn, có nó quẻ này mới là quẻ Tùy. Đã có chỗ phải Tùy, thì có sự thiên chủ mà đổi vẻ thường, cho nên Tượng và Chiêm của nó như thế. Và cũng nhân đó để răn người ta.

LỜI KINH

象曰:官有渝,從正吉也.出門交有功,不失也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quan hữu thâu, tòng chính cát dã; xuất môn giao hữu công, bất thất dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Quan có thay đổi, theo chính tốt vậy; ra cửa kết bạn có công, không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã có chỗ theo mà thay đổi, ắt là sự theo được chính đính thì tốt; nếu mà sự theo không chính đính thì phải hối hận. Ra cửa kết bạn, thì không bị vướng về tình riêng, sự kết bạn đó ắt là chính đính. Chính đính thì không lỗi mà có công.

LỜI KINH

六二: 係小子,失丈夫.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Hệ tiểu tử, thất trượng phu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Quấn quít kẻ tiểu tử, mất đấng trượng phu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai ứng với hào Năm mà liền với hào Đầu, ấy là theo kẻ gần trước. Vì nó mềm yếu, không thể giữ bền, cho nên nói rằng: quấn quít với kẻ tiểu tử thì sẽ mất đấng trượng phu. Hào Đầu là hào Dương ở ngôi dưới, tức là kẻ tiểu tử; hào Năm chính ứng ở trên, tức là đấng trượng phu. Hào Hai chí vẫn quấn quít với hào Đầu, thì sẽ bị mất hào Năm là hào chính ứng, đó là mất đấng trượng phu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu là Dương ở dưới mà gần, hào Năm là chính ứng mà xa, hào Hai là hào Âm nhu không thể tự giữ để chờ kẻ chính ứng, cho nên tượng và chiêm như thế, sự hung lận không nói cũng biết.

LỜI KINH

象曰:係小子,弗兼與也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hệ tiểu tử, phất kiêm dữ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Quấn quít kẻ tiểu tử, không gồm cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người ta thửa theo, được đằng ngay thì xa đằng cong, theo đằng trái thì mất đằng phải, không lẽ theo cả hai đằng. Hào Hai nếu quấn quít với hào Đầu thì mất hào Năm, thế là không thể gồm cùng. Nói vậy để răn người ta theo đằng ngay thì nên chuyên nhất.

LỜI KINH

六三: 係丈夫,失小子,隨有求,得利, 居貞.

Dịch âm. - *Lục Tam: Hệ trượng phu, thất tiểu tử, tùy hữu cầu, đắc lợi, cư trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Quấn quít đấng trượng phu, mất kẻ tiểu tử, theo mà có tìm, lợi về ở trinh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trượng phu là hào Chín Tư, tiểu tử là hào Đầu. Hào Dương ở trên là trượng phu, ở dưới là tiểu tử. Hào Ba

tuy cùng thể với hào Đầu mà gần sát với hào Tư, cho nên quấn quít với hào Tư. Đại để kẻ Âm nhu không thể tự lập, thường hay thân mật quấn quít với người gần mình. Vì nó quấn quít lên với hào Tư, cho nên ở dưới bị mất hào Đầu. Bỏ hào Đầu mà theo hào Tư, đó là hợp lẽ thích nghi của sự *theo*. *Theo* trở lên là thiện, như kẻ tối theo người sáng, làm việc theo lẽ phải là theo trở lên; bỏ phải theo trái, bỏ sáng theo tối, là theo trở xuống. Hào Tư cũng không có ứng, tức là kẻ không có chỗ theo. Ở gần nó được hào Ba theo mình, ắt phải thân thiện với hào ấy, cho nên hào Ba mà theo hào Tư, tức là tìm thì ắt được. Người ta đi theo người trên, mà người trên cùng với, ấy là được cái họ cầu, lại có nghĩa là cầu gì có thể được nấy. Tuy vậy, vẫn không thể dùng cách trái lý, cong đạo để theo người trên, nếu như cốt được trên yêu thích để làm cho toại sự tìm của mình, đó là việc làm của bọn tiểu nhân tà nịnh, xu họa, cho nên nói rằng: "lợi về ở trinh", nghĩa là từ ở vào chỗ chính đính, thì cái gọi là "cốt tìm ắt được" mới là việc chính đáng, ấy là sự *theo* của đấng quân tử.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trượng phu chỉ hào Chín Tư, tiểu tử cũng chỉ hào Đầu, Hào Ba quấn quít với hào Tư mà mất hào Đầu, Tượng nó trái lại với hào Sáu Hai. Hào Tư là hào Dương, đương gánh công việc mà mình theo nó, ấy là có tìm ắt được, nhưng vì nó không có chính ứng, cho nên có kẻ bất chính mà thành ra người đàn bà tà my. Vì vậy Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:係丈夫,志舍下也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hệ trượng phu, chí xả hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: quấn quít đấng trượng phu chí bỏ kẻ dưới vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã theo với trên, thì là chí nó bỏ dưới không theo. Bỏ dưới không theo, tức là bỏ thấp mà theo cao. Ở việc theo, như thế là phải.

LỜI KINH

九四:隨有獲,貞凶.有孚在道,以明,何咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Tùy hữu hoạch, trinh hung, hữu phu, tại đạo, dĩ minh, hà cữu?*

Dịch nghĩa. - Hào Chín tư: Theo có được, chính mà hung; có tin, ở đạo, dùng sáng, lỗi gì?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư lấy tài Dương cương ở bậc

cùng tột của ngôi làm tôi, nếu trong sự theo có được thì tuy là chính cũng hung: "Có được" nghĩa là được lòng thiên hạ theo mình. Đạo làm tôi, nên để ân uy hết thẩy do ở người trên mà ra, khiến cho lòng người đều theo về vua. Nếu mà lòng người theo mình ấy là đạo nguy nghi, cho nên mới hung. Ở vào chỗ ấy thì làm thế nào? Chỉ có thành tín chứa ở trong, hành động hợp với đạo, lấy cách sáng khôn mà xử, thì có lỗi gì?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Tư lấy đức cứng ở dưới quẻ trên, cùng đức với hào Năm, cho nên lời Chiêm của nó là "theo mà có được". Nhưng thế nó lấn lên hào Năm, cho nên tuy chính mà hung, chỉ duy có tin, ở đạo, mà sáng, thì người trên yên lòng mà theo trở xuống, có thể không lỗi. Kẻ xem nếu có đảm đương trách nhiệm của đời, cũng nên xem xét lời răn đó.

LỜI KINH

象曰:隨有獲,其義凶也.有孚在道,明功也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tùy hữu hoạch, kỳ nghĩa hung dã; hữu phu tại đạo, minh công dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Theo có được, nghĩa nó hung vậy; có tin, ở đạo, công của sự sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở ngôi gần vua mà có được, nghĩa nó chỉn hung. Có thể có tin mà ở đạo thì không có lỗi, đó là công của sự sáng khôn.

Lời bàn của Tiên Nho. - Viên Mai Nham nói rằng: "Nghĩa nó hung" là có lẽ hung, mà chưa ắt hung, xử được phải đạo như mấy câu dưới, thì không có lỗi.

LỜI KINH

九五:孚于嘉,吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Phu vu gia, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Tin về kẻ lành, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm ở ngôi tôn, được chỗ chính, mà bên trong đầy đặc, ấy là thực bụng về sự *theo* điều lành, đủ biết là tốt. "Gia" nghĩa là lành. Tự ông vua đến kẻ thứ nhân, đạo *theo* mà tốt, chỉ là theo điều lành mà thôi. Hào này bên dưới ứng với hào Chín Hai, đó tức là nghĩa theo kẻ lành.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này Dương cương trung chính, bên dưới lại ứng với kẻ trung chính, ấy là tin về kẻ lành. Kẻ xem như thế được tốt là đáng.

LỜI KINH

象曰:孚于嘉吉,位正中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phu vu gia, cát, vị chính trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tin về kẻ lành, tốt, vì ở ngôi chính giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở ngôi chính trung, theo đạo trung chính, thật bụng tin kẻ mình theo là kẻ chính trung, tức là kẻ lành, đủ biết là tốt. Kẻ lành mà nó đã tin là hào Sáu Hai. Sự theo ngược vừa độ là phải. Cái mà sự theo phải ngăn ngừa là sự quá đáng. Bởi vì lòng mình vui đẹp mà theo, thì không biết là quá đáng.

LỜI KINH

上六: 拘係之, 乃從維之, 王用亨于西山.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Câu hệ chi, nãi tòng duy chi, vương dụng hưởng vu Tây sơn.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Cầm buộc đó, bèn theo ràng đó, vua dùng hưởng ở non Tây.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. . - Hào Sáu Trên lấy đức mềm thuận ở chỗ cùng cực của quẻ Tùy, ấy là kẻ cùng cực về sự *theo.* "Cầm buộc đó" nghĩa là *theo* đến cùng cực như thể cầm giữ trói buộc vậy; "Bèn theo ràng đó" nghĩa là lại theo mà ràng lấy nó, ý nói theo đến cố kết như thế "Vua dùng hưởng ở non Tây", nghĩa là lại theo đến cùng cực, như thể xưa kia vua Thái Vương đã dùng đạo ấy mà hưởng nghiệp vương ở non Tây. Thái Vương tránh rợ Địch bỏ đất Mân, đến núi Kỳ, người Mân già trẻ dắt díu đi theo như thể về chợ. Bởi vì lòng người theo mình cố kết như thế, Thái Vương dùng kiểu đó, cho nên có thể hưởng thụ và làm thịnh vượng nghiệp vương của ông ấy ở non Tây. Non Tây tức là núi Kỳ, nghiệp vua của nhà Chu dấy lên ở đó. Hào Trên ở chỗ cùng cực quẻ Tùy, chỉn là thái quá, nhưng vì được dân theo nó và nó theo kẻ lành cố kết như thế mới là phải, dùng về việc khác thì là quá đáng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở chỗ tột cùng quẻ Tùy, tức là sự theo cố kết mà không thể cởi. Lòng thành tột bậc, có thể thông với đấng thần minh, cho nên lời Chiêm của nó là "vua dùng hưởng ở non Tây". Chữ "hưởng" này nên cắt nghĩa chữ "hưởng" trong tiếng "tế hưởng", Tự địa vị nhà Chu mà nói thì núi Kỳ ở về phía tây phàm việc bói tế núi sông, mà được hào này, hễ mà lòng thành như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰: 拘係之, 上窮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Câu hệ chi, thượng cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cầm buộc đó, ở trên đã cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Theo* đến bền chặt như thể cầm buộc, ràng bó, ấy là đạo *theo* đến chỗ cùng cực.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "cùng" nghĩa là tột bậc.

QUẺ CỔ


Cấn trên
Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Cổ, Tự quái nói rằng: Kẻ dùng sự vui theo người, ắt phải có việc, cho nên tiếp đến quẻ Cổ[1]. Đó là vâng theo nghĩa của hai quẻ kia[2] mà làm thứ ba. Ôi vui đẹp để theo người, ắt phải có việc, nếu không có việc thì vui gì theo gì? Vì vậy, quẻ Cổ mới nối quẻ Tùy. Cổ tức là việc. Nó là quẻ ở dưới núi có gió. Gió ở dưới núi, gặp núi mà lật lại, thì các vật rối loạn, đó là tượng cổ. Chữ "cổ" nghĩa là nát loạn, mặt chữ 蟲, *(trùng: sâu bọ)* và 皿*(mãnh: cái chậu).* Trong chậu có bọ, là nghĩa cổ hoại. Truyện của họ Tạ nói rằng: "Gió lạc núi, con gái làm mê hoặc con trai". Lấy người trưởng nữ[3] mà chịu ở dưới kẻ thiếu nam[4] là loạn về tình. Gió gặp núi mà lộn lại, các vật đều rối loạn, là Tượng có việc. Đã rối loạn mà phải trị lại, cũng là việc. Nói về lượng quẻ, thì cái Tượng đó là vật làm thành sự *cổ.* Nói về tài quẻ, thì là cái tai để trị việc *cổ.*

LỜI KINH

蠱元亨,利涉大川,先甲三日,後甲三日.

Dịch âm. - *Cổ nguyên hanh, lợi thiệp đại xuyên, tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Cổ cả, hanh, lợi về sang sông lớn. Trước giáp ba ngày, sau giáp ba ngày.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã *loạn* thì có lý lại trị, từ xưa, cuộc trị ắt nhân cuộc loạn, cuộc loạn thì mở ra cuộc trị, là lẽ tự nhiên. Như tài quẻ này, dùng để trị cuộc *loạn,* thì có thể đem đến sự cả hanh. Sự lớn nhất trong cuộc loạn là phải vượt qua sự gian nan hiểm trở của đời, cho nên nói là "lợi về sang sông lớn". Giáp là chữ đầu của hàng can, là buổi đầu của công việc, tức là mối của các việc. Cách trị cuộc cổ, phải nghĩ ngợi trước sau ba ngày. "Trước giáp" là trước lúc đó xem xét tại sao mà thế, "sau giáp" là sau lúc đó, lo rằng sắp sửa đến thế. Một

---

[1] Chữ 蠱 (cổ) có nghĩa là giống bọ nuôi để hại người lại có nghĩa làm mê hoặc người ta.
[2] Chỉ về hai quẻ Dự, Tùy.
[3] Là quẻ Tốn.
[4] Là quẻ Cấn.

ngày hai ngày, đến ba ngày, ý nói lo cho sâu mà suy cho xa. Xét xem tại sao như thế, thì biết cách để cứu chữa, lo rằng sắp sửa đến thế, thì biết mẹo để phòng bị. Khéo cứu chữa thì tệ trước có thể cải cách; khéo phòng bị thì lợi sau có thể lâu dài. Đó là phương pháp của đấng thánh vương đời xưa làm mới thiên hạ mà để lại cho đời sau. Những người trị cuộc cổ loạn sau này, không rõ cái ý trước giáp sau giáp của đấng thánh nhân, lo nông mà làm việc gần, cho nên nhọc về cứu đời mà loạn không khỏi; công chưa thành mà tệ đã sinh rồi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cổ là nát hỏng đến cực điểm mà phải có việc. Quẻ đó Cấn cứng *ở* trên, Tốn mềm *ở* dưới, trên dưới không dưới không giao với nhau, dưới mềm nhún mà trên cẩu thả dừng đậu, cho nên là *cổ*. Cổ là nát hỏng cực điểm, loạn rồi thì phải lại trị, cho nên lời Chiêm của nó là cả hanh mà lợi về *sang sông* lớn. Giáp là đầu của các ngày, mối của các việc. Trước *giáp* ba ngày là *tân*, sau giáp ba ngày là *đinh*. Việc trước đã quá mức mà sắp hỏng, thì có thể tự làm mới ra, để làm manh mối cho việc sau là không đến hỏng quá; việc sau đương bắt đầu mà hãy còn mới, thì nên hết ý đinh ninh, để chữa cái lỗi của việc trước mà không để cho đến nỗi chóng hỏng. Lời răn của thánh nhân sâu lắm.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Mấy chữ "Tiên giáp, hậu giáp", mỗi người chú giải một khác. Tôi thì cho rằng: Quẻ Cổ do ở Tốn Cấn thành ra, nên theo Tốn Cấn mà coi. Trong hình vẽ tiên thiên, giáp ở phương Đông, từ giáp kể ngược, qua ba ngôi Ly, Chấn, Khôn, thì được Cấn, đó là "trước giáp ba ngày"; từ giáp kể xuôi, qua ba ngôi Ly, Đoái, Kiền thì được Tốn, đó là "sau giáp ba ngày"...

LỜI KINH

彖曰:蠱剛上而柔下,巽而止,蠱.

Dịch âm. - *Thoán viết: Cổ, cương thượng nhi nhu hạ, tốn nhi chỉ, cổ.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Cổ, cứng lên mà mềm xuống, nhún mà đậu, là quẻ Cổ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy nghĩa quái biến và hai thể của quẻ mà nói, thì cứng trên mà mềm dưới, nghĩa là hào Chín Đầu của quẻ Kiền lên làm hào Chín Trên, hào Sáu Trên của quẻ Khôn xuống làm hào Sáu Đầu. Dương cương là kẻ tôn mà ở trên, nay đi ở trên, Âm nhu là kẻ ty mà ở dưới, nay đến ở dưới, trai tuy trẻ mà ở trên, gái tuy lớn mà ở dưới, tôn ty được chính đính, trên dưới thuận lẽ, đó là đạo trị cuộc *cổ*. Do ở cứng đi lên mềm đi xuống, biến làm Cấn Tốn, Cấn là ngừng đậu, Tốn là xuôi thuận, dưới nhún mà trên đậu, ấy là ngừng

đậu trong sự nhún thuận. Lấy đạo nhún thuận mà trị cuộc cổ, cho nên cả hanh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là thể quẻ, sự biến đổi của quẻ và đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ. Nghĩa là như thế, thì cái mối tệ chứa lại mà đến *cổ loạn*.

LỜI KINH

蠱元亨,而天下治也.

Dịch âm. - *Cổ nguyên hanh nhi thiên hạ trị dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Cổ cả hanh mà thiên hạ trị vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo trị cuộc cổ, như tài quẻ này thì cả hanh mà thiên hạ trị. Kẻ trị cuộc loạn, nếu biết khiến họ nghĩa tôn ty trên dưới được đâu vào đó, kẻ dưới thì nhún thuận, kẻ ở trên, biết ngừng đậu chỉnh tề, những việc sắp đặt, đều phải đậu trong sự thuận, thì cuộc *cổ loạn* nào mà không trị nổi ? Đạo đó rất phải mà hanh, như thế thì thiên hạ trị.

LỜI KINH

利涉大川,往有事也.

Dịch âm. - *Lợi thiệp đại xuyên, vãng hữu sự dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi về sang sông lớn, đi có việc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương lúc thiên hạ nát loạn, nên vượt qua sự gian hiểm mà đi, để giúp cho đời, đó là đi có việc.

LỜI KINH

先甲三日, 後甲三日,終則有始, 天行也.

Dịch âm. - *Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật, chung tắc hữu thủy, thiên hành dã.*

Dịch nghĩa. - Trước giáp ba ngày, sau giáp ba ngày, chót thì có đầu, cuộc vận hành của trời đất vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ôi, có đầu thì ắt có chót, đã chót thì ắt có đầu, đó là đạo trời. Đấng thánh nhân biết đạo chót, đầu, cho nên có thể suy nguyên lúc đầu mà xét cái lẽ tại sao mà thế, rút lại lúc chót mà ngừa cái sự sắp sửa đến thế, trước giáp sau giáp mà lo, cho nên có thể trị cuộc cổ loạn mà đem đến sự cả hanh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là thích về lời quẻ. Trị cuộc cổ mà đến hanh, thì cái tượng loạn mà lại trị. Chót cuộc loạn, là đầu cuộc trị, vận trời như thế.

LỜI KINH

象曰:山下有風,蠱.君子以振民育德.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn hạ hữu phong, Cổ, quân tử dĩ chấn dân dục đức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới núi có gió, là quẻ Cổ, đấng quân tử coi đó mà nhức[1] dân nuôi đức.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dưới núi có gió, gió gặp núi mà lộn lại, các vật đều tán loạn, cho nên là Tượng "có việc". Đấng quân tử coi Tượng "có việc" để nhức giúp cho dân, gây nuôi đức mình. Ở mình nuôi đức, ở thiên hạ thì giúp dân, việc của đấng quân tử, không gì lớn hơn hai điều ấy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dưới núi có gió, các vật hư hỏng mà có việc rồi, mà việc, không gì lớn hơn hai điều ấy (nhức dân nuôi đức) đó là đạo trị mình, trị người.

LỜI KINH

初六:乾父之蠱,有子,考無咎,厲,終吉.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Cán phụ chi cổ, hữu tử, khảo vô cữu, lệ, chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Cán đáng cuộc cổ của cha, có con, cho không lỗi, nguy ! Sau chót tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Đầu tuy ở ngôi rất thấp, nhưng bởi nó mà thành quẻ, có nghĩa là chủ. Ở trong, ở dưới mà làm chủ, đó là con cán đáng cuộc cổ của cha. Cái đạo cán đáng cuộc cổ của cha, hễ làm nổi việc thì là có con mà người cha được không lỗi. Nếu không thế, thì là làm lụy cho cha, cho nên ắt phải lo sợ, gắng gỏi thì được trọn tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cán là gốc, như cái gốc cây, cành lá bám vào mà đứng. Cổ là việc đã hỏng của tiền nhân, cho nên các hào đều có Tượng cha mẹ. Người con có thể cán đáng những việc hỏng, thì nó sức trị mà nhức dậy. Hào Sáu Đầu cuộc cổ chưa sâu mà việc dễ xong, cho nên lời Chiêm của nó là: có con mà trị sự cổ thì người cha

---

[1] Tức là nhức nhở, như nói phấn chấn.

không lỗi, nhưng cũng nguy rồi. Răn kẻ xem như thế. Lại biết là nguy mà hay răn, thì được trọn tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Phan Qua Sơn nói rằng: *Trình truyện* nói "Hào Đầu ở trong mà ở dưới, cho nên lấy Tượng con cán đáng sự cổ của cha". *Bản nghĩa* nói "cổ là việc đã hỏng của tiền nhân cho nên các hào đều nói con cán đáng sự cổ của cha". Nếu như thuyết của thày Trình, thì chỉ dùng hào Đầu là thông, với các hào khác đều không chạy. Thuyết của *Bản nghĩa* thì với các hào đều thông.

LỜI KINH

象曰:乾父之蠱,意承考也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cán phụ chi cổ, ý thừa khảo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cán đáng sự cổ của cha, ý vâng cha vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo con cán đáng sự cổ của cha, là do ý mình vâng nhận công việc của cha, cho nên đối với việc đó bằng cách cung kính, để đặt cha vào chỗ không lỗi, thường thường mang lòng lo sợ gắng gỏi, thì sau chót được tốt, hết lòng thành với việc của cha, đó là đạo tốt.

LỜI KINH

九二:乾母之蠱,不可貞.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Cán mẫu chi cổ, bất khả trinh.*

Dịch âm. - Hào Chín Hai: Cán đáng sự cổ của mẹ, không thể trinh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chín Hai và hào Dương cương, bị hào Sáu Năm ứng với, đó là lấy tài Dương cương, ở dưới mà cáng đáng việc Âm Nhu ở trên, cho nên lấy việc con cán đáng sự *cổ* của mẹ làm nghĩa. Bề tôi Dương cương, giúp vua nhu nhược, nghĩa cũng gần thế. Hào Hai là thể Tốn mà ở chỗ mềm thuận, nghĩa đó là đạo con cán đáng sự *cổ* của mẹ. Ôi con với mẹ cần nên lấy đạo mềm thuận mà dẫn giúp người, khiến cho người hợp với nghĩa. Mẹ có sự không thuận mà đến hỏng nát, thì là tội của con, há lại không có cách nào ung dung khuyên can được sao? Nếu cứ thẳng đạo Dương cương của mình mà uốn nắn một cách vội vàng, thì tổn đến ơn, sẽ hại lớn lắm, mà cũng không ăn thua gì. Cốt ở uốn mình, hạ ý, nhún thuận đón đưa, khiến mẹ thân được chính đính, việc được xong xuôi mà thôi, cho nên nói rằng "không thể trinh", nghĩa là không thể cố hỹ hết đạo Dương cương của mình, như thế mới là trung đạo. Đâu lại có thể khiến mẹ

làm việc rất cao? Bằng với ông vua nhu nhược, thì kiệt lòng thành, hết lòng trung, đưa cho họ đến trung đạo là được rồi. Đâu lại có thể khiến họ làm chuyện lớn lao?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chín Hai là hào *cứng giữa*, trên ứng với hào Sáu Năm, đó là tượng con cán đáng sự cổ của mẹ mà được vừa phải. Là kẻ cứng vâng theo kẻ mềm mà trị sự hỏng của kẻ ấy, cho nên lại rằng không thể kiên trinh.

LỜI KINH

象曰:乾母之蠱,得中道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cán mẫu chi cổ, đắc trung đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cán đáng sự cổ của mẹ, được trung đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Được trung đạo mà không quá cứng, đó là kẻ cán đáng sự cổ của mẹ rất khéo.

LỜI KINH

九三:乾父之蠱,小有悔,無大咎.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Cán phụ chi cổ, tiểu hữu hối, vô đại cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Cán đáng sự cổ của cha, hơi có ăn năn, không có lỗi lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba lấy tài Dương cương, ở trên thể dưới, tức là kẻ chủ trương cán đáng. Con cán đáng sự cổ của cha mà lấy chất Dương ở chỗ cứng mà không giữa, đó là cứng quá. Nhưng vì nó ở thể Tốn, tuy là cứng quá mà không phải là không thuận. Thuận là gốc của việc thờ đấng thân, lại được ở chỗ đính chính, cho nên không có lỗi lớn. Là tài Dương cương, có thể cán đáng được việc, tuy vì cứng quá mà có ăn năn nho nhỏ, sau chót vẫn không có sự lỗi to.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quá cứng mà không giữa, cho nên hơi có ăn năn. Ở thể Tốn mà được chính đính, cho nên không có lỗi lớn.

LỜI KINH

象曰:乾父之蠱,終無咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cán phụ chi cổ, chung vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cán đáng sự cổ của cha, trọn không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy tài hào Ba, cán đáng sự cổ của cha, tuy hơi có ăn năn, rút lại, không có lỗi lớn. Bởi vì nó có đức tính cương đoán, có thể cán đáng, không mất sự chính đính, mà có nhún thuận, vì vậy, sau chót không lỗi.

LỜI KINH

六四:裕父之蠱,往見吝.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Dụ phụ chi cổ, vãng kiến lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Rộng rãi với sự cổ của cha, đi thấy tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư là hào Âm, ở ngôi Âm, tức là mềm thuận, vì nó ở được chỗ chính, cho nên là kẻ rộng rãi để xử với việc của cha. Ôi cái tài mềm thuận mà ở chỗ chính, chỉ có thể theo thường tự giữ mà thôi. Nếu đi cán đáng những việc quá thường, thì không làm nổi mà thấy tiếc. Là bậc Âm nhu mà không kẻ ứng giúp, đi thì làm nên cái gì?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào Âm ở ngôi Âm, không thể làm việc, đó là tượng rộng rãi để chỉ sự cổ. Như thế sự cổ sẽ mỗi ngày một sâu, cho nên đi thì thấy sự đáng tiếc. Răn kẻ xem không thể như thế.

LỜI KINH

象曰:裕父之蠱,往未得也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dụ phụ chi cổ, vãng vị đắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Rộng rãi với sự cổ của cha, đi chưa được vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy tài, hào Tư, giữ mực thường, ở thì rộng rãi, thì có thể được, muốn có thửa đi, thì chưa được.

LỜI KINH

六五:乾父之蠱,用譽.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Cán phụ chi cổ, dụng dự.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Cán đáng sự cổ của cha, dùng nhen.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi tôn, lấy chất Âm nhu, gánh việc ông vua, mà dưới ứng với hào Chín Hai, đó là biết dùng bề tôi Dương cương. Tuy là ở dưới ứng với người hiền Dương cương mà

nương tựa vào người ta, nhưng mình thật là hạng Âm nhu, cho nên không thể làm việc mở đầu, mở nền, vâng nhận nghiệp cũ thì được. Vì vậy mới là cán đáng sự *cổ* của cha.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào mềm ở giữa, ở ngôi tôn, mà hào Chín Hai lấy đức vâng theo. Dùng cách đó mà cán đáng sự cổ, có thể đem lại tiếng tăm, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:乾父用譽,乘以德也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cán phụ dụng dự, thừa dĩ đức dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cán đáng cho cha, dùng vâng lấy đức vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cán đáng sự *cổ* cho cha, mà được có tiếng khen tốt, là vì người hiền ở dưới vâng giúp cha mình bằng đức cương trung.

LỜI KINH

上九:不事王侯,高尚其事.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Chẳng thờ tước vương tước hầu, cao nâng thửa việc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên ở cuối quẻ Cổ, không có hệ ứng ở dưới, ấy là ở ra ngoài việc, nhằm chỗ không có việc gì. Là bậc có tài cương minh, không có ứng viện, mà ở vào chỗ không có việc gì, đó là những đấng hiền nhân quân tử, không gặp thời, mà cao khiết tự giữ, không bận bịu về việc đời vậy. Cho nên nói rằng: "Không thờ tước vương hầu, cao thượng thửa việc". Người đời xưa đã làm như thế, tức là Y Doãn. Thái Công Vọng lúc đầu là bọn Tăng Tử Tử Tư đó vậy. Đã không chịu huấn đạo để theo thời, không được thi thố với thiên hạ, thì tự làm cho thân mình hoàn thiện tôn cao gốc nâng việc mình, giữ vững chí tiết của mình mà thôi. Kẻ sĩ mà tự cao thượng không phải chỉ có một lối. Có người ôm mang đạo đức, không gặp thời mà cao khiết tự giữ, có người biết đạo "thôi đủ", lui về giữ mình; có người lường tài đo phận, yên một bề không cầu ai biết đến mình; có người thanh giới tự giữ, không sá chi việc thiên hạ, riêng giữ thân mình sạch sẽ thì thôi. Cảnh ở tuy có được, lỗi, lớn, nhỏ, khác nhau, nhưng mà đều là tự mình "cao nâng thửa việc" tất cả. Lời Tượng bảo là "chí đáng làm phép", ấy là tiến lui hợp với đạo vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Dương cương ở ngôi trên, tức là kẻ ở ngoài việc, cho nên tượng nó là thế, mà lời Chiêm và lời răn đều ngụ ở bên trong.

LỜI KINH

象曰:不事王侯,志可則也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất sự vương hầu, chí khả tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng thờ tước vương, tước hầu, chí đáng làm phép vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Như hào Chín Trên ở ra ngoài việc, không bận bịu về việc đời, không làm tôi thờ phụng tước vương tước hầu. Đó là kẻ tiến lui theo đạo, dùng bỏ tùy thời? Không phải người hiền, đâu được như thế? Cái chí của nó vẫn giữ, thật đáng làm phép tắc vậy.

QUẺ LÂM

☷ Khôn trên
☱ Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Lâm, Tự quái nói rằng: Có việc mà sau mới có thể lớn, cho nên tiếp đến quẻ Lâm, *lâm* tức là lớn. Cổ là việc, có việc thì có thể lớn, cho nên tiếp đến quẻ Lâm[1]. Hàn Phương Bá nói: "Cái nghiệp có thể làm lớn, do việc mà ra". Hai khí dương lớn mà sắp thịnh đại, cho nên là *lâm*. Nó là quẻ trên chằm có đất, đất *ở* trên chằm là bờ, giáp nhau với nước, *tới* gần với nước, cho nên là lâm. Các vật ở gần trời, gần sát tới nhau, không gì bằng đất và nước, cho nên trên đất có nước là quẻ Ty, trên chằm có nước là quẻ Lâm. *Lâm* là *tới* dân, *tới* việc, những cái thừa *tới* đều là *lâm*. Ở quẻ thì lấy về nghĩa "tự trên tới dưới".

LỜI KINH

臨元亨,利貞,至于八月有凶.

Dịch âm. - *Lâm nguyên hanh lợi trinh, chí vu bát nguyệt hữu hung.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Lâm, cả, hanh, lợi, trinh, đến chưng tám tháng, có hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là nói về cái tài của quẻ. Đạo tới như tài quẻ này, thì có thể cả hanh mà chính. Hai khí Dương đương lớn lên ở dưới, là lúc Dương đạo sắp thịnh, thánh nhân răn sẵn mà rằng: "Khí dương tuy đương thịnh, đến tám tháng thì nó tiêu đi, ấy là có hung". Đại để thánh nhân dăn dổ, ắt là tự lúc đương thịnh mà lo rằng suy, thì mới có thể ngăn ngừa sự quá đầy mà mưu tính cuộc lâu dài. Nếu để đã suy mới răn, thì không kịp nữa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lâm là tiến lên mà lấn sát đến một vật gì. Hai khí Dương đương lớn, dần dần lấn bức khí Âm, cho nên là Lâm, tức là quẻ về tháng chạp. Lại, nó là quẻ dưới thì Đoái vui, trên thì Khôn thuận, hào Chín Hai lấy đức cứng ở ngôi giữa, trên thì ứng với hào Sáu Năm, cho nên kẻ xem cả hanh mà lợi về đường chính đính. Nhưng đến tám tháng thì nên có sự hung. Tám tháng chỉ về từ

---

[1] 臨 (lâm) nghĩa là tới, tức là tiến sát tới nơi.

quẻ Phục, tháng một khí Âm, đến quẻ Độn tháng hai khí Âm, là lúc khí Âm lớn lên, khí Dương trốn đi. Hoặc có người nói: Bát nguyệt chỉ về tháng thứ tám trong lịch nhà Hạ, về quẻ là Quan, cũng là phản đối với quẻ Lâm. Lại nhân kẻ xem mà răn bảo họ.

LỜI KINH

彖曰：臨,剛浸而長,說而順,剛中而應,大亨以正,天之道也.至于八月有凶,消不久也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Lâm, cương tẩm nhi trưởng, duyệt nhi thuận, cương trung nhi ứng, đại hanh dĩ chính, thiên chi đạo dã. Chí vu bát nguyệt hữu hung, tiêu bất cửu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Lâm, đức cứng dần dần lớn lên, đẹp lòng mà thuận, cứng giữa mà ứng, cả hanh và chính, đạo của trời vậy. Đến chưng tám tháng có hung, sự tiêu đi không lâu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tám là dần dần; hai khí Dương đương lớn ở dưới mà dần dần tiến lên. Dưới Đoái trên Khôn, tức là hòa đẹp mà thuận. Cứng được đạo giữa mà có ứng giúp, cho nên có thể cả hanh mà được chính đính, hợp với đạo trời. Cứng chính, mà hòa thuận, đó là đạo trời. Cái công hóa dục sở dĩ không *tắt* là vì cứng chính hòa thuận mà thôi. Dùng cách đó mà tới người tới việc, tới thiên hạ, thì không cái gì không cả hanh mà được chính đính. Hai khí Dương mới sinh, là lúc khí Dương đương lớn dần dần, thánh nhân răn sẵn mà rằng: "Khí Dương tuy là đương lớn, nhưng đến tám tháng thì nó tiêu đi mà hung". Tám tháng chỉ về tám tháng khí Dương sinh ra, khi Dương bắt đầu sinh tự quẻ Phục, từ quẻ Phục đến quẻ Độn, tất cả tám tháng, tức là tự tháng kiến tý[1] đến tháng kiến vị[2], hai khí Âm lớn lên mà khí Dương tiêu đi, cho nên nói rằng: "Tiêu đi không lâu". Nói về hai khí Âm Dương, thì sự tiêu lớn như lần vòng tròn, không thể thay đổi. Nói về nhân sự, thì Dương là quân tử. Âm là tiểu nhân, đương khi đạo của quân tư lớn lên, thánh nhân răn sẵn, khiến cho người ta biết rõ cái lẽ "quá cực thì hung", mà lo lắng ngăn ngừa, thường thường không đến đầy quá, thì không đến nỗi bị hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu đầu dùng thể quẻ để thích tên quẻ. Câu thứ hai dùng đức quẻ, thể quẻ để nói cái hay của quẻ. Đương lúc đức cứng lớn lên, lại có được cái hay ấy, cho nên lời chiêm

[1] Tức tháng mười một âm lịch.
[2] Tức tháng sáu âm lịch.

của nó như câu thứ ba. Câu thứ tư ý nói vận trời như thế, nhưng đấng quân tử nên biết răn sợ.

LỜI KINH

象曰：澤上有地,臨.君子以教思無窮,容保民無疆.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch thượng hữu địa, Lâm, quân tử dĩ giáo tư vô cùng, dung bảo dân vô cương.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên chằm có đất là quẻ Lâm, đấng quân tử coi đó mà tứ dậy không cùng, dong giữ dân không bờ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên chằm có đất, tức là bờ chằm, chỗ khoảng nước vậy. Các vật *tới cùng* ngậm chứa với nhau không gì bằng nước có đất, cho nên trên chằm có đất là quẻ Lâm. Đấng quân tử coi Tượng *thân tới* thì tứ dậy không cùng. Nghĩa là *thân tới* với dân, thì có ý tứ dạy dẫn cho họ. Không cùng tức là không hề chán nản; coi Tượng *ngậm chứa* thì có lòng dong giữ cho dân; không bờ tức là không có bờ ngăn. Ngậm chứa có ý rộng lớn, cho nên là nghĩa không cùng không bờ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đất tới với *chằm* là trên *tới* dưới. Hai điều đó đều là việc bậc trên *tới* với bậc dưới. "Dậy không cùng" là quẻ Đoái, "chứa không bờ" là quẻ Khôn.

LỜI KINH

初九：咸臨,貞吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Hàm lâm, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Đều tới, chính tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hàm nghĩa là cảm. Lúc khí Dương lớn lên phải cảm động với khí Âm, tức là hào Tư ứng với hào Đầu mà cảm với nó. Sự cảm đó, ví với quẻ khác càng trọng yếu hơn. Hào Tư ở ngôi gần vua, hào Đầu được ngôi chính, cảm ứng với hào Tư, ấy là kẻ ví chính đạo bị người đương vị tin dùng được thực hành chí mình. Được lòng người trên mà thi hành chính đạo của mình, cho nên mới tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Vương Đồng Khê nói rằng: Hàm nghĩa là cảm, tức là khí của Âm Dương cảm nhau mà ứng với nhau.

Lý Long Sơn nói rằng: Núi với chằm thông khí giống nhau, cho nên trong núi có chằm thì là quẻ Hàm, mà trên chằm có đất, hào Chín Hai cũng gọi là "Hàm", nghĩa là khí của Âm Dương cảm nhau.

Khâu Kiến An nói rằng: Hàm nghĩa là đều. Lấy hai hào Dương mà tới với bốn hào Âm, Dương tuy đang lớn mà Âm còn thịnh, nếu không hiệp sức thì không thể thắng, cho nên, hào Đầu hào Hai đều nói "hàm lâm".

Hồ Song Hồ nói rằng: Vương Bật đã chua chữ *hàm* là *cảm,* chư Nho nhân theo. Nhưng mà lấy hai hào Dương đương lớn, bèn khu cảm với hào Tư hào Năm là hai hào Âm, mà bỏ hào Ba hào Trên không nói gì đến, há chẳng hẹp sao? Cho nên không bằng chua nó là "khắc" và "đều" cho thấy Dương đạo rộng lớn, công thấp mà đối với nghĩa xếp quẻ đặt hào đều hợp.

LỜI KINH

象曰：咸臨貞吉,志行正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàm lâm trinh cát, chí hành chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đều tới chính tốt, chí ở làm sự chính đính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bảo là "trinh cát", vì chí hào Hai ở sự làm điều chính đính. Là hào Chín ở ngôi Dương, lại ứng với hào Tư là hào chính đính, đó là chí nó chính đính.

LỜI KINH

九二：咸臨,吉,無不利.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Hàm lâm, cát, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Đều tới, tốt, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai là hào Dương đương lớn mà thịnh dần dần, cảm động với hào Sáu Năm là một ông vua giữa thuận, giao nhau thân mật, cho nên được nó tin dùng, được thực hành chí mình, cho nên tới đâu cũng tốt, không gì không lợi. Tốt là sự đã rồi, như thế, cho nên được tốt. Không gì không lợi là sự sắp tới, trong việc thi thố, không việc gì không lợi.

LỜI KINH

象曰：咸臨吉,無不利,未順命也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàm lâm, cát, vô bất lợi, vị thuận mệnh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đều tới, tốt, không gì không lợi, chưa thuận mệnh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chữ 未 (*vị* là *chưa*), không phải là vội hẳn. Sách *Mạnh tử*: 或問勸齊伐燕,有諸? 曰:未也. *Hoặc vấn: Khuyến Tề phạt Yên, hữu chư? Viết: Vị dã:* Có người hỏi: Khuyên nước Tề đánh nước Yên, có chăng? Đáp rằng: Chưa vậy". Lại nói: 仲子所食之粟,伯夷之所樹歟? 抑亦盜跖之所樹歟? 是未可知也.*"Trọng Tử sở thực chi túc, Bá Di chi sở thụ dư? Ức diệc Đạo Chích chi sở thụ dư? Thị vị khả tri dã:* Thóc của Trọng Tử đã ăn, là của Bá Di trồng ra hay cũng là của Đạo Chích trồng ra? Cái đó chưa thể biết". Sách *Sử ký*: Hầu Doanh nói: 人固未易知 : *"Nhân cố vị dị tri:* Người ta chỉn chưa dễ biết". Ý của cổ nhân dùng chữ đều như thế. Người đời nay đại để dùng nó đối với chữ 已 (*dĩ* là *dã*), cho nên ý nó giống như khác nhau nhưng mà sự thật vẫn không khác nhau. Hào Chín Hai cảm ứng với Hào Năm để tới kẻ dưới, đó là kẻ lấy đức cứng mạnh, mà được mực trung, hết lòng thành cảm nhau, không phải thuận theo mệnh của người trên, cho nên tốt mà không gì không lợi. Hào Năm là thể, thuận[1] mà hào Hai là thể đẹp lòng[2] lại là Âm Dương ứng nhau cho nên lời Tượng tỏ rõ là nó không phải bởi sự vui thuận.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chưa rõ ý nghĩa ra sao.

LỜI KINH

六三: 甘臨,無攸利,既憂之,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tam: Cam Lâm, vô do lợi, ký ưu chi, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Ngọt tới, không thửa lợi, đã lo đó, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên thể dưới, đó là kẻ *tới* người, Âm mềm mà thuận về thể đẹp lòng, lại ở chỗ không trung chính, đó là kẻ lấy sự ngọt ngon vui đẹp mà *tới* người. Ở bậc trên lấy sự ngọt ngon vui đẹp mà tới kẻ dưới, ấy là thất đức tệ quá, không cái gì lợi. Đã biết nguy sợ mà lo, nếu có thể giữ nếp nhún, gìn đường chính, tự xử bằng cách chí thành, thì không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm nhu không trung chính mà ở trên thể dưới, đó là Tượng "lấy sự ngọt ngon vui đẹp *tới người*", lời Chiêm của nó vẫn là không cái gì lợi, nhưng nếu biết lo mà đổi, thì không có lỗi. Khuyên người rời sang đường thiện, thế là dạy đời sâu lắm!

---

[1] Chỉ về quẻ Khôn.

[2] Chỉ về quẻ Đoái.

LỜI KINH

象曰：甘臨，位不當也；既憂之，咎不長也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Cam lâm, vị bất đáng dã; kỳ ưu chi, cửu bất trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ngọt tới, ngôi không đáng vậy; đã lo đó, lỗi không dài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người Âm nhu, ở chỗ không trung chính, nhằm trên thể dưới, lại cưỡi trên hai hào Dương, đó là ở không đáng ngôi. Đã biết sợ mà lo, thì ắt miễn cưỡng tự đổi, cho nên sự lỗi không dài.

LỜI KINH

六四：至臨，無咎。

Dịch âm. - *Lục Tứ: Chí lâm, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư; Rất tới, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư ở dưới thể trên, liền nhau với thể dưới, ấy là *sát tới* với dưới, tức là tới đến cùng tột. Đạo *tới* chuộng sự gần, cho nên lấy sự liền nhau làm rất mực. Hào Tư ở ngôi chính mà phía dưới ứng nhau với Hào Đầu là hào Dương cương, đó là ở ngôi gần vua, giữ nết chính, dùng người hiền để thân tới kẻ dưới, cho nên không lỗi, vì nó ở được đáng ngôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở được đáng ngôi, phía dưới ứng nhau với hào Chín Đầu, *tới* nhau rất mực, nên được không lỗi.

LỜI KINH

象曰：至臨無咎，位當也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Chí lâm vô cữu, vị đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: rất tới không lỗi, ngôi đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở ngôi gần vua là được dùng, lấy hào Âm ở ngôi tư là được chỗ chính, ứng nhau với hào Đầu là biết nhún với người hiền, sở dĩ không lỗi, vì ngôi nó đáng.

LỜI KINH

六五：知臨，大君之宜，吉。

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Trí lâm, đại quân chi nghi, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Khôn tới, sự nên của vua cả, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm lấy đức mềm giữa, thể thuận, ở ngôi tôn, mà phía dưới ứng nhau với hào Hai là người bề tôi cứng giữa, đó là nó biết tin dùng hào Hai, không mệt nhọc mà được thịnh trị, tức là kẻ dùng trí khôn mà *tới* kẻ dưới. Ôi lấy thân của một người mà *tới* cả một thiên hạ là chỗ rất rộng, nếu chỉ khu khu tự mình dùng mình, há có thể khắp được muôn việc? Cho nên, kẻ nào tự dùng sự biết của mình, thì chỉ đủ để làm kẻ không biết, duy có người nào biết lấy điều thiện của thiên hạ, biết dùng sự thông minh của thiên hạ thì không việc gì không chu đáo, ấy là không tự dùng sự biết của mình mà cái biết của mình càng lớn. Hào Năm thuận ứng với hào Chín Hai là một người hiền có đức cứng giữa, dùng người ấy để *tới* kẻ dưới, ấy là mình dùng sự sáng khôn mà *tới* thiên hạ, đó là điều mà đấng vua cả nên làm, đủ biết là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức mềm ở chỗ giữa, bên dưới ứng nhau với hào Chín Hai, không tự dùng mình mà dùng người đó là việc của bậc trí, mà là điều mà đấng vua cả nên làm, tức là đạo tốt.

LỜI KINH

象曰：大君之宜，行終之謂也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại quân chi nghi, hành trung chi vị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự nên của vua cả, nghĩa là làm theo đức giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vua tôi hợp đạo là lấy khí loại tìm nhau. Hào Năm có đức giữa, cho nên có thể tin dùng người hiền có đức cứng giữa, được sự nên làm của vua cả, mà thành cái công "khôn tới", là bởi làm theo đức giữa của mình. Ông vua với bậc hiền tài, nếu không phải đạo đồng đức, há có thể dùng!

LỜI KINH

上六：敦臨，吉，無咎。

Dịch âm. - *Thượng Lục: Đôn lâm, cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Dầy tới, tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu trên ở cùng cực quẻ Khôn là thuận rất mực; mà kẻ ở về chót cuộc *tới*, là kẻ đôn hậu về sự *tới;* cùng hào Đầu, hào Hai, tuy không phải là chính ứng, nhưng đại để Âm thì tìm *Dương*, lại là rất thuận, cho nên chí nó chuyên ở theo hai hào

Dương; kẻ tôn mà ứng kẻ ty, bậc cao mà theo bậc thấp, đó là tôn người hiền, theo điều kiện, đôn hậu tột bậc, cho nên nói là "đôn lâm" vì vậy tốt mà không lỗi. Âm nhu ở trên, không phải kẻ có thể *tới,* đáng lẽ có lỗi, vì nó đôn hậu về sự thuận của kẻ cứng, cho nên tốt mà không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở trên quẻ, đứng chót cuộc *tới,* dày dốc về sự tới, đó là cái đạo tốt mà không lỗi, cho nên Tượng và Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 敦臨之吉,志在内也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đôn lâm chi cát, chí tại nội dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dầy tới mà tốt, chí ở trong vậy.

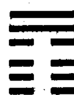
GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí ở trong là nó ứng với Đầu hào Hai, chí nó thuận theo kẻ cứng mà lại dầy dốc, đủ biết là tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Ở thì *tới,* hai hào Dương được thì tiến lên, hào Âm không dám tranh nhau với nó, mà chỉ để chí ứng nhau với nó, gọi là "chí ở trong" không phải chỉ vì chính ứng, chỉ là trọng quẻ ứng nhau với hai hào Dương.

Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Sáu Trên không phải ứng nhau với hai hào Dương ở quẻ trong mà chí nó thì ở hai hào Dương, đó là hậu đến tột bậc.

QUẺ QUÁN


Tốn trên
Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Quán, Tự quái nói rằng: Lâm tức là lớn, các vật có lớn rồi mới đáng xem, cho nên tiếp đến quả Quán[1]. Vì vậy quẻ Quán mới nối quẻ Lâm. Trông xem các vật là quan, làm cái xem cho kẻ dưới là quán[2]. Ông vua trên xem đạo trời, dưới xem tục dân là quan, sửa đức làm chính, bị dân ngửa xem là quán. Gió đi trên đất; đụng khắp muôn loài, là Tượng "khắp xem"; hai hào Dương ở trên, bốn hào Âm ở dưới, Dương cương ở đầu, bị mọi kẻ dưới thửa xem ngửa, đó là nghĩa *quan.* Ở trong các hào, chỉ lấy cái nghĩa xem thấy, đó là tùy thời dùng nghĩa vậy.

LỜI KINH

觀盥而不薦,有孚顒若.

Dịch âm. - *Quan, quán nhi bất tiến, hữu phu ngung nhược.*

Dịch nghĩa. - Quẻ quan, rửa mà không cúng, có tin, dường cung kính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ta nghe Hồ Dực Chỉ tiên sinh nói rằng: "Đấng quân tử ở trên, làm nêu cho thiên hạ, nghĩa là phải cực kỳ trang kính, thì kẻ dưới ngửa xem mà hóa. Cho nên làm người để thiên hạ xem, phải như cuộc tế tôn miếu, trong khi mới rửa, không thể như sau khi đã cúng, thì kẻ hạ dân hết lòng chí thành cung kính mà ngửa xem mình". Rửa là lúc bắt đầu tế tự, rửa tay rót rượu cự xưởng xuống đất để cầu thần; cúng là lúc dâng đồ tươi, dâng đồ chín. Rửa tay là khi việc mới bắt đầu, người ta đương hết lòng tinh thành, nghiêm trang tột bậc. Sau khi đã cúng, lễ số phiền phức rắc rối, thì lòng người tản mác mà sự tinh nhất không bằng lúc mới rửa tay. Kẻ ở trên, làm cho biểu ghi ngay thẳng, để kẻ hạ dân xem lên, thì nên trang kính như khi tế mới rửa tay, chớ để thành ý hơi tan, như lúc tế đã cúng rồi, thì người thiên hạ, ai cũng hết lòng tin thật, ngửa lên xem mình. Ngung là ngửa lên mà trông.

[1, 2] Chữ 觀 có âm là quan, nghĩa là xem, lại có âm là quán, nghĩa là bị xem.

Bản nghĩa của Chu Hy. - 觀 *(Quán)* là lấy sự trung chính bảo người, bị người ngửa lên mà trông. Hào Chín Năm ở trên, bốn hào Âm ngửa lên trông nó; lại, trong thuận người nhún, mà hào Chín Năm lấy sự trung chính bảo thiên hạ, cho nên là quan 盥 *(quan)* là khi sắp tế rửa tay cho sạch; 薦 *(tiến)* là bưng rượu, đồ ăn để tế 顒然 *(ngung nhiên)* là vẻ tôn kính: ý nói hết lòng tinh khiết mà không khinh thường tự dụng, thì sự phu tín ở trong, ra vẻ trang kính đáng xem. Răn kẻ xem phải nên như thế. Hoặc có người nói: 有孚若 *(hữu phu ngung nhược)*, nghĩa là người dưới tin mà ngửa lên xem mình. Quẻ này bốn hào Âm dương lớn là hai hào Dương phải tiêu chính là quẻ tháng tám, mà về sự đặt tên quẻ, lời Hệ lại lấy nghĩa khác, cũng là ý phò Dương nén Âm.

LỜI KINH

彖曰：大觀在上,順而巽,中正以觀天下.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đại quan tại thượng, thuận nhi tốn, trung chính dĩ quan thiên hạ.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Xem lớn ở trên, thuận mà nhún, trung chính để thiên hạ xem.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi tôn, lấy đức Dương cương trung chính, làm cho kẻ dưới *xem* lên, đức ấy rất lớn, cho nên nói là "xem lớn ở trên". Dưới khôn mà trên Tốn, ấy là biết thuận mà nhún. Đó là hào Năm ở chỗ trung chính, lấy đức trung chính nhún thuận làm cái xem cho thiên hạ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể quẻ, đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

觀盥而不薦,不孚顒若,不觀而化也.

Dịch âm. - *Quan, quán nhi bất tiến, hữu phu ngung nhược, hạ quan nhi hóa dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ quán, rửa mà không cúng, có tin, dường cung kính vậy, ấy là kẻ dưới xem mà hóa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cách làm cái xem cho thiên hạ, phải nghiêm kính như khi cuộc tế mới rửa tay, thì kẻ hạ dân thành thật ngửa xem, theo mình mà hóa. Không cúng nghĩa là không để thành ý hơi tan.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích lời quẻ.

LỜI KINH

觀天之神道,而四時不忒.
聖人以神道設教,而天下服矣.

Dịch âm. - *Quan thiên chi thần đạo nhi tứ thì bất thắc: thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo, nhi thiên hạ phục hỹ.*

Dịch nghĩa. - Xem thần đạo của trời mà bốn mùa không sai; đấng thánh nhân dùng thần đạo đặt sự dạy bảo mà thiên hạ phục vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo trời rất thiêng, cho nên gọi là thần đạo. Xem sự vận hành của trời, bốn mùa không hề sai lỗi, thì thấy được sự thần diệu của trời. Đấng thánh nhân thấy đạo trời thiêng liêng, thể theo cái thần đạo đó mà đặt ra sự dạy bảo, cho nên thiên hạ không ai không phục.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cực sự xem. Bốn mùa không sai, đó là trời làm cái xem; dùng đạo thần đặt sự dạy bảo, đó là đấng thánh nhân làm cái xem.

LỜI KINH

象曰: 風行地上,觀.先王以省方觀民設教.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong hành địa thượng, quán, tiên vương dĩ tỉnh phương, quan dân, thiết giáo.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gió đi trên đất là quẻ Quán, đấng tiên vương coi đó mà xét các phương, xem tục dân, đặt sự dạy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gió đi trên đất, khắp tới mọi vật, là Tượng qua trải khắp xem, cho nên đấng Tiên vương thể theo Tượng đó, làm ra lễ xét các phương, để xem tục dân mà đặt chính giáo, Đấng thiên tử đi tuần bốn phương, coi xem tục dân, đặt làm chính giáo, ví như chỗ nào xa xỉ thì thắt lại bằng sự tằn tiện, chỗ nào tằn tiện thì bảo họ lấy đường lễ nghĩa. Xét các phương tức là xem dân, đặt sự dạy tức là làm cái xem cho dân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Xét các phương để xem dân, đặt sự dạy để làm cái xem.

LỜI KINH

初六: 童觀,小人無咎,君子吝.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Đồng quán, tiểu nhân vô cữu, quân tử lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Trẻ xem, kẻ tiểu nhân không lỗi, đấng quân tử đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy chất Âm nhu ở xa hào Dương, cho nên những cái xem thấy nông gần như trẻ nít vậy. Vì vậy nó là "trẻ xem". Dương cương trung chính, ở trên, ấy là ông vua thánh hiền, gần nó thì thấy đạo đức của nó thịnh lớn, mà sự *xem* thấy sâu xa; hào Đầu lại xa nó, thửa thấy không rõ, như trẻ nít *xem* vậy. Tiểu nhân là kẻ hạ dân, cái thấy của họ nông tối, không thể biết đạo quân tử, chính là sự thường, không đáng gọi là lầm lỗi, nếu đấng quân tử mà thế, thì đáng bỉ tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Đầu nhu ở dưới, không thể thấy xa, là tượng "trẻ em", ấy là đạo kẻ tiểu nhân, mới là sự hổ thẹn của người quân tử, cho nên lời Chiêm ở kẻ tiểu nhân thì không lỗi, mà đấng quân tử gặp phải thì đáng thẹn.

LỜI KINH

象曰: 初六童觀,小人道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơ Lục đồng quan, tiểu nhân đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu đầu trẻ xem, đạo kẻ tiểu nhân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự xem không rõ, như trẻ nít, là phận của kẻ tiểu nhân, cho nên nói rằng "tiểu nhân đạo".

LỜI KINH

六二: 窺觀,利女貞.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Khuy quan, lợi nữ trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Nhòm xem, lợi về sự trinh của con gái.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hai Hào ứng với hào Năm là *xem* hào Năm. Hào Năm là bậc Dương cương trung chính, không phải là hạng mà kẻ Âm tối, mềm yếu như hào Hai có thể xem được, cho nên chỉ như sự *xem* bằng cách dòm ngó mà thôi. Sự *xem* bằng cách dòm ngó thấy ít mà không rõ, hào Hai đã không thể thấy rõ cái đạo Dương cương trung chính, thì lợi cho kẻ trinh như con gái. Tuy thấy không rõ mà biết thuận theo, là đạo con gái, với con gái như thế là trinh; hào Hai đã thấy rõ cái đạo của hào Chín Năm, mà biết thuận theo như thể con gái thì vẫn không mất trung chính, thế mới là lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm nhu ở trong mà *xem* ra ngoài, là Tượng dòm ngó, tức là sự chính của con gái, cho nên lời Chiêm của nó như thế. Đàn ông mà được hào này không phải là lợi.

LỜI KINH

象曰：窺觀女貞,亦可醜也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khuy quan, nữ trinh, diệt khả xú dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dòm xem, sự trinh của con gái cũng đáng xấu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử không thể xem thấy đạo lớn Dương cương trung chính mà chỉ dòm ngó được cái phảng phất của nó, tuy rằng có thể thuận theo, nhưng mà giống với sự trinh của con gái, cũng đáng xấu hổ vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở đàn ông là xấu.

LỜI KINH

六三：觀我生,進退.

Dịch âm. - *Lục Tam: Quan ngã sinh tiến thoái.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Xem ta sinh tiến lui.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở không phải ngôi, tại chỗ thuận cực, là kẻ biết thuận thời để tiến lui. Nếu ở được đáng ngôi, thì không có nghĩa tiến lui. "Xem ta sinh" nghĩa là *xem* cái của ta thửa sinh, tức là những sự động tác thi vi do mình mà ra. Xem cái của mình thửa sinh, tùy sự nên chăng mà tiến lui, cho nên tuy là ở không phải ngôi, mà chưa đến nỗi mất đạo. Tùy thời tiến lui, cầu cho không bị mất đạo, cho nên mới không hối hận, vì vậy mới thuận được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Ta sinh" là cái của ta thửa làm. Hào Sáu Ba ở trên quẻ dưới, có thể tiến, có thể lui, cho nên không xua hào Chín Năm mà chỉ xem cái của mình thửa làm là thông hay tắc để làm căn cứ cho sự tiến lui. Kẻ xem nên tự biết.

LỜI KINH

象曰：觀我生,進退,未失道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quan ngã sinh tiến thoái, vị thất đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xem ta sinh tiến lui, chưa mất đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xem cái của mình sinh ra mà tiến lui, cho thuận với sự nên phải, cho nên chưa đến mất đạo.

LỜI KINH

六四: 觀國之光,利用賓于王.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Quan quốc chi quang, lợi dụng tân vu vương.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Xem sự sáng láng của nước, lợi dụng làm khách chưng vua.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự xem không gì rõ bằng ở gần hào Năm, vì nó Dương cương trung chính, lại ở ngôi tôn, tức là ông vua thánh hiền. Hào Tư sát gần với nó, *xem* thấy cái đạo của nó, cho nên nói rằng "Xem sự sáng láng của nước". Nghĩa là thấy cái thịnh đức sáng tỏ của nước vậy. Không chỉ vì cái thân ông vua, mà nó rằng "nước" là vì nói về ông vua, há chỉ *xem* nội những sự hàn vi trong một mình hắn mà thôi? Nên xem tất cả chính hóa[1] của thiên hạ, thì đạo đức của ông ta có thể thấy được. Hào Tư tuy Âm nhu, nhưng là thể Tốn, ở chỗ chính, sát gần hào Năm tức là kẻ *xem* thấy mà biết thuận theo. "Lợi dụng làm khách chung vua" nghĩa là có đấng thánh vương ở trên, thì kẻ mang tài ôm đức đều muốn tiến vào triều đình, giúp đỡ cho hắn, để cho thiên hạ yên thịnh. Hào Tư đã *xem* thấy đức của ông vua, cuộc trị của nhà nước, sáng đẹp thịnh tốt, thì nên làm khách chốn vương triều, đem hết trí lực của mình, giúp đỡ cho vua, để ban ơn cho thiên hạ, cho nên nói là "lợi dùng khách chưng vua". Đời xưa người có hiền đức, ông vua đãi bằng lễ khách, cho nên nói là "làm khách".

Bản nghĩa của Chu Hy.- Hào Sáu Tư rất gần hào Năm, cho nên mới có Tượng ấy. Lời Chiêm của nó thì là lợi về chầu vua, làm quan.

LỜI KINH

象曰: 觀國之光,尚賓也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quan quốc chi quang, thượng tân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xem sự sáng của nước, chuộng làm khách vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã xem thấy sự thịnh đức sáng đẹp của nước, cổ nhân cho là một cuộc gặp gỡ phi thường, cho nên chí muốn tiến lên sân triều nhà vua, để thực hành cái đạo của mình, cho nên nói rằng: "Xem sự sáng của nước, chuộng làm khách vậy". *Thượng* là chuộng chí, chí ý của nó thích muốn làm khách ở sân triều nhà vua.

[1] Tức là chính trị giáo hóa.

LỜI KINH

九五: 觀我生,君子無咎.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Quan ngã sinh, quân tử vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Xem ta sinh, quân tử, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm ở ngôi ông vua, đời trị hay loạn, tục tốt hay xấu, quan hệ ở mình mà thôi. Xem cái của mình sinh ra, nếu tục thiên hạ đều là quân tử thì những chính hóa của mình vẫn làm là phải, mới không có lỗi. Nếu tục thiên hạ chưa hợp với đạo quân tử thì là chính trị của mình vẫn làm chưa phải, không thể khỏi lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm Dương cương trung chính ở ngôi tôn, bên dưới bốn hào Âm ngửa lên mà xem, đó là tượng đấng quân tử, cho nên mới răn kẻ ở ngôi ấy được lời chiêm ấy, thì nên xem cái của mình đã làm, ắt cũng Dương minh trung chính như thế thì được không lỗi.

LỜI KINH

象曰: 觀我生,觀民也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quan ngã sinh, quan dân dã.*

Dịch nghĩa. - Tượng viết: Xem ta sinh, là xem dân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ta sinh là cái do mình mà ra, ông vua muốn *xem* sự thi vi của mình có phải hay không, nên xem ở dân, tục dân hay, là chính hóa hay, Vương Bật bảo: "Xem dân để xét cái đạo của mình", là phải đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là đấng Phu Tử lấy nghĩa mà nói, tỏ rằng ông vua muốn đem cái của mình đã làm, không những về sự được hỏng trong một thân mình, lại nên xem cả đức dân phải chăng thế nào, để tự tỉnh xét.

LỜI KINH

上九: 觀其生,君子無咎.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Quan kỳ sinh, quân tử vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Xem thửa sinh, quân tử không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên lấy đức Dương cương, ở trên, bị kẻ dưới thửa xem mà không đáng ngôi, đó là những đấng hiền nhân quân tử không ở ngôi mà đạo đức bị người thiên hạ xem

ngửa. Vậy "*xem* thửa sinh" là *xem* cái thửa sinh của mình, chỉ về những cái do mình mà ra, tác là đức nghiệp hạnh nghĩa. Đã bị thiên hạ xem ngửa, cho nên tự xem những cái thửa sinh, nếu như đều là quân tử thì không có lỗi, ví mà chưa được quân tử, thì còn lấy gì để cho người ta ngửa xem bắt chước, đó là lỗi vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Trên là hào Dương cương ở bậc trên ngôi tôn, tuy chẳng đương vào công việc, mà cũng bị kẻ dưới thửa xem, cho nên lời răn của nó cũng giống như Hào Chín Năm, chỉ đổi chữ 我 *(ngã)* ra chữ 其 *(kỳ)*, hơi có chủ khách khác nhau mà thôi.

LỜI KINH -

象曰: 觀其生,志未平也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quan kỳ sinh, chí vị bình dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xem thửa sinh, chí chưa bình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tuy không ở ngôi, nhưng vì người ta xem đức của mình, dùng làm phép tắc, cho nên phải tự cẩn thận, *xem* xét cái của mình thửa sinh, nếu có thường thường không lỗi với đạo quân tử thì người ta không mất điều mong mà hóa theo mình, không thể vì cớ không ở ngôi mà cứ yên nhiên phóng túng ý mình, không làm việc gì, đó là chí ý chưa được yên, cho nên nói là "chí chưa bình". Bình là yên ổn vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Chí chưa bình" ý nói tuy không được ngôi, chưa thể quên sự răn sợ.

QUẺ PHỆ HẠP

 Ly trên

 Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Phệ hạp Tự quái nói rằng: đáng *xem* mà sau mới có thửa hợp, cho nên tiếp đến quẻ Phệ hạp[1]. Hạp nghĩa là hợp. Đã có đáng *xem,* rồi sau mới có kẻ đến họp với nó, vì vậy quẻ Phệ hạp mới nối quẻ Quán. "Phệ" nghĩa là cắn, "hạp" nghĩa là hợp, trong miệng có vật ngăn cách, phải *cắn* mới *hợp* lại được. Trong quẻ trên dưới có hai hào cứng mà giữa thì mềm, ngoài cứng trong rỗng, là Tượng trong miệng mép người ta; lại một hào cứng ở giữa, là Tượng trong miệng có vật gì. Trong miệng có một vật gì, thì nó làm cho trên dưới ngăn cách, không thể *hợp* lại, ắt phải *cắn* đi, thì mới *hợp* được, cho nên là quẻ Phệ hạp. Thánh nhân lấy Tượng quẻ đó mà suy ra việc thiên hạ: ở cái miệng thì là có vật ngăn cách, không thể hợp được, ở thiên hạ thì có kẻ cường ngạnh, hoặc kẻ sàm tà, ngăn cách ở giữa, cho nên việc trong thiên hạ không thể hợp được; phải dùng hình pháp, nhỏ thì trừng giới, lớn thì giết chóc, để trừ bỏ đi, rồi sau cuộc trị thiên hạ mới thành. Phàm trong thiên hạ, cho đến một nước một nhà, cho đến muôn việc, sở dĩ không hòa *hợp,* đều vì có sự ngăn cách, không ngăn cách thì sẽ *hợp* được; cả đến trời đất sinh ra muôn vật dựng nên, đều phải hợp rồi mới được toại. Hễ mà chưa hợp, đều là có sự ngăn cách... Trừ bỏ sự ngăn cách trong thiên hạ thì phải dùng hình phạt, cho nên quẻ này lấy sự dụng hình làm nghĩa. Về hai thể của quẻ, thì là sáng soi mà oai nhức, tức là cái Tượng của việc dùng hình.

LỜI KINH

噬嗑亨,利用獄.

Dịch âm. - *Phệ hạp hanh, lợi dụng ngục.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Phệ hạp hanh, lợi dùng việc ngục.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Phệ hạp hanh, vì quẻ tự có nghĩa hanh. Việc trong thiên hạ, sở dĩ không được hanh thông là vì có chỗ ngăn cách; *cắn* mà *hợp* lại, thì hanh thông rồi. Lợi dùng việc ngục,

---

[1] Phệ hạp nghĩa là cắn hợp.

nghĩa là cái đạo "cắn mà hợp lại" nên dùng về việc hình ngục vậy. Lại, ngăn cách ở thiên hạ, phi hình ngục lấy gì mà trừ bỏ được? Không nói "lợi dùng việc hình" mà nói "lợi dùng việc ngục" là vì trong quẻ có tượng sáng soi[1], lợi về sự xét ngục vậy. Ngục là để xét trị sự thật sự dối. Biết được tình thật, thì biết cái đạo làm cho ngăn cách, rồi mới có thể đặt ngăn ngừa và dùng hình phạt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phệ là cắn, hạp là hợp, vật có chỗ cách, phải cắn mới *hợp* lại được. Quẻ này trên dưới hai hào Dương mà giữa trống rỗng, là Tượng cái miệng. Chín Tư là một hào Dương ngăn cách ở giữa, phải *cắn* mới hợp lại được, cho nên là quẻ Phệ hạp. Lời Chiêm của nó nên được hanh thông, là vì bị có chỗ cách, cho nên mới không hanh thông, cắn chỗ cách đó mà hợp lại được thì hanh thông rồi. Lại, ba hào Âm, ba hào Dương, cứng mềm vừa nửa, trên động dưới sáng, dưới sấm trên chớp, vốn là từ hào Sáu Tư của quẻ Ích, là một hào mềm đi lên đến ngôi thứ năm mà được chỗ giữa. Coi đó biết rằng: Lấy hào Âm ở ngô Dương tuy không đáng ngôi mà lợi về sự dùng ngục. Bởi vì trong việc trị ngục, quý có oai có sáng mà được vừa phải.

Cho nên kẻ nào bói được quẻ này, nếu có đức ấy, thì ứng với lời chiêm ấy.

LỜI KINH

彖曰：頤中有物曰噬嗑.

Dịch âm. - *Thoán viết: Di trung hữu vật, viết Phệ hạp.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Trong mép có vật là quẻ Phệ hạp.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

噬嗑而亨.

Dịch âm. - *Phệ hạp nhi hanh.*

Dịch nghĩa. - Cắn hợp mà hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong mép có vật, cho nên là quẻ Phệ hạp. Có vật ngăn cách trong mép thì là sự hại. *Cắn* mà *hợp* lại, thì sự hại đó phải mất, mới là hanh thông, cho nên nói rằng: "Cắn hợp mà hanh".

---

[1] Chỉ về quẻ Ly.

LỜI KINH

剛柔分動而明,雷電合而章.

Dịch âm. - *Cương nhu phân động nhi minh, lôi điện hợp nhi chương.*

Dịch nghĩa. - Cứng mềm chia động mà sáng, sấm chớp hợp lại mà rõ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là nói về tài quẻ. Hào cứng và hào mềm xen nhau, cứng mềm chia ra mà không lẫn lộn, là tượng minh biện, tức là cái gốc của sự xét ngục. Động mà sáng: dưới Trấn trên Ly, tác là "động mà sáng". Sấm chớp hợp lại mà rõ: sấm động mà chớp lòe, chờ nhau cùng hiện, tức là "hợp lại mà rõ". Sự soi và oai cùng đi, đó là cái đạo dùng ngục. Soi được thì không kẻ nào có sự ẩn tình, có oai thì chẳng kẻ nào còn dám chẳng sợ. Câu trên đã lấy hai Tượng để nói sự động mà sáng của nó, cho nên câu dưới lại nói về ý "oai và sự soi cùng dùng".

LỜI KINH

柔得中而上行,雖不當位,利用獄也.

Dịch âm. - *Nhu đắc trung nhi thượng hành, tuy bất đáng vị, lợi dùng ngục dã.*

Dịch nghĩa. - Mềm được giữa mà đi lên, tuy không đáng ngôi, lợi về sự dùng ngục vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm lấy chất mềm ở ngôi giữa, là nghĩa "dùng ngục được vừa phải". Đi lên nghĩa là ở ngôi tôn; tuy không đáng ngôi, nghĩa là lấy chất mềm mà ở ngôi Năm là không xứng đáng, thế mà lợi về sự dùng ngục, là vì cái đạo trị ngục, cứng cả thì hại về nghiêm bạo, mềm quá thì hỏng về khoan hoãn, hào Năm là chủ việc dùng ngục, lấy chất mềm, ở ngôi cứng mà được chỗ giữa, tức là được sự thích nghi của việc dùng ngục.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Các đoạn này dùng tên quẻ, thể quẻ, đức quẻ hai tượng và sự biến đổi của quẻ để thích lời quẻ.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Động không như sấm, không thể đoán ngục; sáng không như điện, không thể xét ngục, không mềm thì lỗi về bạo; mềm mà không giữa thì lỗi về phóng túng, nói sự cực dụng ngục là khó vậy.

LỜI KINH

象曰: 雷電噬嗑,先王以明罰敕去

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi điện Phệ hạp, tiên vương dĩ minh phạt sắc pháp.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sấm chớp là quẻ Phệ hạp, đấng Tiên vương coi đó để tỏ phạt truyền phép.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Tượng không đặt đảo, chỗ này ngờ là lộn nhau. Sấm chớp là vật chờ nhau cùng hiện, cũng có tượng hợp. Chớp sáng mà sấm oai, đấng Tiên vương coi tượng sấm chớp, bắt chước cái sáng cái oai của nó để tỏ hình phạt và sức pháp lệnh. Pháp là tỏ rõ sự lý mà đặt ra cách ngăn ngừa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai chữ "lôi điện" nên đổi ra làm "điện lôi".

LỜI KINH

初九: 履校滅趾,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Lý hiệu, diệt chỉ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Xéo xiềng, đứt ngón chân, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở đầu, rất thấp, tức kẻ không ngôi, là tượng hạ dân, người phải chịu hình phạt, trong lúc bắt đầu dụng hình, tội nhỏ mà hình nhẹ. Hiện là xiềng gỗ, tội nhỏ, cho nên xéo nó vào chân để đến bị thương ngón chân. Người ta có lỗi nhỏ, bị xiềng mà đứt ngón chân, thì nên răn sợ, không tiến về đường ác nữa, cho nên mới được không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu, hào Trên không ngôi là tượng bi hình, bốn hào giữa là tượng dụng hình, Hào Đầu ở đầu quẻ, tội nhẹ, lỗi nhỏ, lại ở dưới quẻ, cho nên là tượng xéo xiềng đứt chân. Ngăn điều ác trong lúc mới đầu, cho nên được không lỗi. Kẻ xem bị thương nhỏ mà không có lỗi.

LỜI KINH

象曰: 履消滅趾,不行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lý hiệu, diệt chỉ, bất hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xéo xiềng, đứt ngón chân, không đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xéo vào xiềng mà bị đứt đau ngón chân, thì biết răn sợ mà không gây lớn điều ác, cho nên nói là không đi.

Người đời xưa đặt ra hình phạt, có tội nhỏ thì xiềng ngón chân, đó là nghĩa ngăn cấm sự đi, không cho tiến về đường ác.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đứt ngón chân lại có tượng "không tiến về đường ác".

LỜI KINH

六二: 噬膚,滅鼻,無咎.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Phệ phu, diệt ty, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Cắn da, dứt mũi, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai ứng với ngôi hào Năm, là kẻ dùng sự hình phạt. Bốn hào đều lấy nghĩa "cắn", hào Hai ở giữa, được chỗ chính, là kẻ dụng hình mà được trung chính. Dụng hình được trung chính. Dụng hình được trung chính, thì kẻ tội ác dễ phục, cho nên lấy sự cắn da làm tượng, cắn ngoạm da dẻ người ta thì nó dễ vào. *Diệt* nghĩa là ngập, tức là vào sâu đến ngập cả mũi. Hào Hai lấy đạo trung chính mà dụng hình, thì sự trừng phạt của nó dễ phục. Nhưng vì cưỡi lên hào Đầu là hào cứng, ấy là dụng hình với người cương cường. Hình phạt những kẻ cương cường, ắt phải đau sâu, cho nên đến ngập mũi mà không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tế có vạc da, đó là thứ da mềm dòn cắn mà dễ hợp. Sáu hai là hào trung chính, cho nên việc của nó trị, dễ như cắn da. Nhưng vì nó là hào mềm mà lại cưỡi lên hào cứng, nên tuy rất dễ mà cũng không khỏi bị thương cụt mũi. Kẻ xem tuy là đau mà không có lỗi.

LỜI KINH

象曰: 噬膚滅鼻,乘剛也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phệ phu diệt ty, thừa cương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cắn da cụt mũi, vì cưỡi cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sâu đến ngập mũi, là vì cưỡi lên kẻ cứng. Cưỡi lên kẻ cứng tức là dụng hình với người cương trường, không thể không nghiêm. Nghiêm thì được sự thích nghi, đó là trung đạo.

LỜI KINH

六三: 噬臘肉,遇毒,小吝,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tam: Phệ tích nhục, ngộ độc tiểu lận, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Cắn mắm khô, gặp độc, hơi tiếc, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên quẻ dưới, là kẻ dụng hình. Là hào Sáu mà ở ngôi Ba, tức là ở không đáng ngôi. Tự xử không đáng mà lại hình phạt người, thì người không phục, mà còn oán giận trái phạm thêm vào, như cắn những vật khô kiệt rắn dẻo mà gặp phải vị độc xấu, lại làm cho miệng bị đau. Dụng hình mà người ta không phục, lại dám oán xót, là đáng bỉ thẹn. Nhưng mà trong lời "cắn hợp", điều cốt yếu lớn là cắn những cái ngăn cách mà hợp nó lại, tuy là thân mình ở ngôi không đáng, mà kẻ cường ngạnh khó phục, đến phải gặp độc, nhưng sự dung hình không phải không đáng, cho nên dẫu là đáng tiếc, cũng là cắn nhỏ mà hợp nó lại, không phải có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thịt khô là thịt giống thú để cả thịt xương mà làm ra tức là một vật rắn dẻo, Âm nhu không trung chính, trị người mà người không phục, là Tượng "cắn thịt khô gặp độc". Lời chiêm tuy hơi đáng tiếc, song mà đương buổi "cắn hợp", về nghĩa vẫn không có lỗi.

LỜI KINH

象曰: 遇毒,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ngộ độc, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gặp độc, ngôi không đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Ba là chất Âm, ở ngôi Dương, tức là ngôi ở không đáng. Bởi nó tự xử không đáng, cho nên những kẻ mà nó vô hình phạt khó phục mà lại làm độc cho nó.

LỜI KINH

九四: 噬乾胏,得金矢,利艱貞,吉.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Phệ can tỷ, đắc kim thỉ, lợi gian trình, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Cắn chạo khô, được tên vàng, lợi về khó nhọc, chính bền tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư ở ngôi gần vua, là kẻ đương vào trách nhiệm "cắn hợp". Ngôi Tư đã quá bậc giữa, đó là sự cách càng lớn mà sự dụng hình càng nghiêm, cho nên nói là "cắn chạo khô". Chạo là thứ thịt hãy còn dính xương, thịt khô mà kèm xương, là vật rắn khó cắn. *Cắn* vật rất rắn mà được tên vàng: vàng láy nghĩa

rắn, tên lấy nghĩa thẳng; hào Chín Tư đức Dương cứng thẳng tức là được đạo cương trực; tuy dùng đạo cương trực, lợi ở chịu khó với việc mà cố lấy chính bền thì tốt. Chín Tư là hào cứng mà sáng, thể Dương mà ở ngôi mềm; cứng sáng thì hại về sự quả quyết, cho nên phải răn bằng sự biết khó nhọc; mềm thì giữ gìn không bền, cho nên phải răn bằng sự kiên trinh. Cứng mà không trinh là sự thường có, phàm kẻ quá cứng đều là không trinh. Ở quẻ Phệ hạp, hào Tư là hay nhất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 胏 *(tỷ)* là thịt dính xương, thông với chữ 胾 *(sy)* là thịt thái. Sách *Chu Lễ* kẻ kiện phải nộp cân vàng bó tên, mà sau mới xét; hào Tư lấy chất cứng ở ngôi mềm được đạo dụng hình, cho nên có tượng ấy. Ý nói có cắn càng sâu, được sự thích nghi của việc xét kiện, nhưng ắt lợi về gian nan, chính bền thì tốt. Răn kẻ xem nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰: 利艱貞吉,未光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lợi gian trinh, cát, vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lợi về khó nhọc, chính bền tốt, là chưa sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phàm những chỗ nói "chưa sáng" đều là đạo chưa sáng lớn. Răn bằng câu "lợi về khó nhọc chính bền", đó là chỗ nó không đủ. Bởi vì nó không được trung chính, cho nên như thế.

LỜI KINH

六五: 噬乾肉,得黃金,貞厲,無咎.

Dịch âm. - *Lục Ngũ, Phệ can nhục, đắc hoàng kim, trinh lệ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Cắn thịt khô, được vàng vàng, chính bền, lo sợ, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở quẻ càng cao mà "cắn thịt khô", còn dễ hơn chạo khô của hào Tư, bởi vì hào Năm ở ngôi tôn, nhân thế ở trên, để hình phạt kẻ dưới, thế nó dễ hơn. Ở quẻ, đã sắp cùng cực, chỗ cách càng lớn, không phải dễ *hợp* cho nên là "cắn thịt khô được vàng vàng" tức là vàng tốt. Màu vàng là màu trung bình, loài vàng là vật cứng rắn. Hào Năm ở giữa quẻ là được đạo trung bình, ở ngôi cứng mà có hào Tư giúp cho, là được vàng vàng. Hào Năm không có ứng mà hào Tư ở ngôi đại thần, tức là được nó giúp đỡ. "Trinh lệ vô cữu" nghĩa là hào Sáu Năm tuy ở chỗ chính giữa, kỳ thật vẫn là thể mềm, cho nên răn nó ắt phải chính bền và nhớ lo sợ, thì

được không lỗi. Là chất mềm ở ngôi tôn, lại đương thời buổi "cắn hợp", há lại có thể không chính bền mà nhớ lo sợ?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cắn thịt khô khó hơn cắn da mà dễ hơn cắn mắm, cắn chạo. "Hoàng" là màu trung bình. "Kim" cũng chỉ về cân vàng. Hào năm mềm thuận mà trung độ, lại ở ngôi tôn, dùng hình với người, không ai không phục, cho nên có Tượng ấy. Nhưng mà ắt phải chính bền lo sợ, mới được không lỗi. Đó cũng là lời răn kẻ xem.

LỜI KINH

象曰: 貞厲無咎,得當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trinh lệ vô cữu, đắc đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chính bền, lo sợ, không lỗi, vì được đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ có thể không lỗi, là vì việc của nó làm xứng đáng. Gọi là "đáng" tức là ngôi giữa, dùng kẻ cứng, mà biết giữ đường chính đính, lo sự hiểm nghèo.

LỜI KINH

上九: 何校,滅耳,凶.

Dịch âm. - *Thượng Cửu, Hạ hiệu, diệt nhĩ, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín trên: Đội xiềng, đứt tai, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên ở quá ngôi tôn, tức là không ngôi, cho nên là kẻ bị hình. Nó ở chót quẻ, là sự ngăn cách lớn hơn, và là cùng tột của cuộc cắn. Hệ từ bảo là "ác chứa mà không thể che, tội lớn mà không thể cởi", cho nên đội xiềng mà ngập mất tai, đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hạ nghĩa là đội. Hào Dương quá cực ở về trên quẻ, đó là cái đạo tội lớn án cực, cho nên tượng Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 何校滅耳,聰不明也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hạ hiệu, diệt nhĩ, thông bất minh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng; Đội xiềng dứt tai, sự nghe không sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

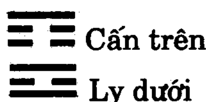
Truyện của Trình Di. - Người ta điếc tối không biết, chứa mãi

tội ác cho đến cùng cực. Người xưa đặt phép, tội lớn thì bắt đội xiềng, vì nó không thửa nghe biết, chữa nên tội ác, cho nên dùng xiềng mà làm dứt đau tai nó, để răn sự nghe của nó không sáng vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dứt tai là tại sự nghe không suốt. Nếu biết nghe tỏ mà lo sớm đi, thì không có sự hung ấy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Khấu Kiến An nói rằng: Phệ hạp là quẻ trừ sự ngăn cách, cho nên sau hào đều nói về việc dụng hình. Hào Đầu hào Trên không ngôi là người chịu hình: hào Đầu lỗi nhỏ mà ở dưới, tức là lúc đầu việc ngục, cho nên lấy sự "xéo xiềng dứt ngón chân" làm Tượng; hào Trên ác cực mà cậy thế làm càn tới cùng, tức là lúc chót việc ngục; cho nên lấy sự "đội xiềng dứt tai" làm Tượng. Bốn hào giữa có ngôi, là người trị việc ngục, nhưng vì tài quẻ cứng mềm không giống nhau cho nên sự cắn của nó cũng có khó dễ khác nhau: hào Sáu Hai lấy chất mềm ở ngôi mềm, tức là kẻ thuần mềm cho nên Tượng là *cắn da,* da tức là vật dễ *cắn;* hào Sáu Năm lấy chất mềm ở ngôi cứng, tức cứng mềm vừa phải, cho nên Tượng là *cắn thịt khô,* thịt khô so với da thì khó cắn hơn; hào Sáu Ba trong chất mềm có tính cứng, cho nên là *cắn mắm khô,* mắm thì có xương, so với thịt khô lại khó *cắn* hơn; hào Chín Tư trong chất cứng có tính mềm cho nên là *cắn chạo khô,* chạo thì xương lớn hơn mắm, là thứ rất khó *cắn.* Nhưng hào Hai *cắn da dứt mũi,* hào Ba *cắn mắm gặp độc,* hào Tư *cắn chạo khó nhọc chính bền,* hào Năm *cắn thịt khô chính bền* lo sợ, đều là nói đạo trị ngục, không thể không cẩn thận. Đến như lời Chiêm, ba hào kia không lỗi, riêng hào Tư được tốt, thì việc trị ngục, lại nên chuộng sự cương quyết, mềm mỏng há là cách trừ cái ngăn cách.

QUẺ BÍ


Cấn trên
Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Bí, Tự quái nói rằng: "Hạp" nghĩa là hợp, các vật không thể hợp lại bằng cách cẩu thả, cho nên tiếp đến quẻ Bí. Bí là trang sức, các vật hợp nhau, ắt có văn vẻ, văn vẻ tức là trang sức. Ví như người ta tụ họp thì có dáng dấp lên xuống, các vật tụ họp thì có thứ tự hàng dãy, đó là họp nhau ắt có văn vẻ. Vì vậy, quẻ Bí mới nối quẻ Phệ hạp. Nó là quẻ dưới núi có lửa, núi là cây cỏ trăm vật tụ họp, dưới núi có lửa chiếu lên, cỏ cây phẩm loại đều được chùm trong ánh sáng màu vẻ của nó, đó là cái tượng phần sức, cho nên mới là quẻ Bí.

LỜI KINH

賁亨,小利有攸往.

Dịch âm. - *Bí hanh, lợi tiểu hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Bí hanh, hơi lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các vật có trang sức mới có thể hanh thông, cho nên nói rằng: "Không gốc không đứng, không có văn vẻ thì không làm được, có sự thực mà thêm văn sức, thì có thể hanh. Cái đạo văn sức, có thể thêm phần sáng sủa văn vẻ, cho nên lợi về sự tiến lên.

Bản nghĩa của Chu Hy. . - Bí là trang sức. Trong quẻ này, một phần tự quẻ Tổn lại, là chất mềm tự hào Ba, lại mà văn sức cho hào Hai, chất cứng tự hào Hai lên mà văn sức cho hào Ba; một phần tự quẻ Ký tế lại, là chất mềm tự hào Trên lại mà văn sức cho hào Năm, chất cứng tự hào Năm lên mà văn sức cho hào Trên. Lại, trong Ly ngoài Cấn, có tượng văn vẻ sáng sủa, ai được phận nấy, cho nên là Bí. Kẻ xem vì nó mềm đến văn sức cho cứng, Dương được Âm giúp, ma có quẻ Ly sáng tỏ ở trong, cho nên là hanh; vì nó cứng lên văn sức cho mềm, mà có quẻ Cấn dừng đỗ ở ngoài, cho nên hơi lợi về có sự đi.

LỜI KINH

彖曰: 賁亨.

Dịch âm. - *Thoán viết: Bí hanh.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Bí hanh.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 亨 *(hanh)* ngờ là chữ thừa.

LỜI KINH

柔來而文剛,故亨.分剛上而文柔,
故小利有攸往,剛柔交錯,天文也.

Dịch nghĩa. - *Nhu lai nhi văn cương, cố hanh; phân cương thượng nhi văn nhu, cố tiểu lợi hữu du vãng, thiên văn dã.*

Dịch âm. - Mềm lại mà văn sức cho cứng, cho nên hanh; chia cứng lên mà văn sức cho mềm, cho nên hơi lợi có thửa đi, văn vẻ của trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng sự biến đổi của quẻ để thích lời quẻ. Cứng mềm giao nhau là tượng tự nhiên, cho nên gọi là "văn vẻ của trời". Tiên nho nói rằng: trên chữ 天文 *(thiên văn)* nên có bốn chữ 剛柔交錯 *(cương nhu giao thác:* cứng mềm xen lẫn), lý hoặc như thế.

LỜI KINH

文明以止,人文也.

Dịch nghĩa. - *Văn minh dĩ chỉ, nhân văn dã.*

Dịch âm. - Văn vẻ sáng sủa để đỗ, văn vẻ của người vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ này là tượng trang sức rõ ràng, vì hai thể trên, dưới, cứng, mềm, cùng làm văn sức cho nhau. Thể dưới vốn là quẻ Kiền có chất mềm đến văn sức ở giữa mà thành quẻ Ly. Thể Trên vốn là quẻ Khôn, có chất cứng đến văn sức ở trên mà thành quẻ Cấn, mới là "dưới núi có lửa", đỗ trong văn vẻ sáng sủa mà thành *rỡ ràng.* Việc thiên hạ không trang sức thì không làm được, cho nên rỡ ràng thì có thể hanh thông. "Mềm lại văn sức cho cứng, cho nên hanh", nghĩa là mềm đến văn sức cho cứng mà thành cái tượng văn vẻ sáng sủa. Văn vẻ sáng sủa sở dĩ thành quẻ Bí. Đạo quẻ Bí có thể đến hanh thông, thực bởi trang sức mà có thể hanh thông. "Chia cứng lên mà văn sức cho mềm, cho nên hơi lợi có thửa đi", nghĩa là chia hào giữa của quẻ Kiền đi văn sức cho hào trên của quẻ Cấn vậy. Các việc bởi văn sức mà thêm thịnh, bởi văn sức mà có thể thực hành, cho nên hơi lợi có thửa đi. Ôi, đi mà lợi được là vì có gốc. Cái đạo *bí sức* không phải thêm được sự thực, chỉ thêm văn vẻ cho nó mà thôi. Các việc bởi văn sức mà thêm tỏ rõ thịnh vượng, cho nên là "hơi lợi có

thửa đi". Hanh là hanh thông, đi làm tiến thêm. Hai quẻ biến đổi, cùng làm nên cái nghĩa *bí sức,* thế mà lời Thoán lại chia trên dưới, mỗi quẻ chủ về một việc, là vì quẻ ly sáng sủa có thể đem lại sự hanh, mà nó văn sức cho hào mềm, thì lại có thể tiến lên một ít. Hai câu *"Thiên văn dã, văn minh dĩ chỉ, nhân văn dã"* là lời tiếp theo đoạn trên, ý nói: Âm Dương cứng mềm giao nhau, tức là văn vẻ của trời; đỗ trong văn vẻ sáng sủa, tức là văn vẻ của người. "Chỉ" là ở trong văn vẻ sáng sủa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn này lại lấy đức quẻ mà nói. "Chỉ" là ai được phận nấy.

LỜI KINH

觀乎天文,以察時變.

Dịch âm. - *Quan hồ thiên văn, dĩ sát thì biến.*

Dịch nghĩa. - Xem chưng văn vẻ của trời, để xét sự biến của các mùa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Văn vẻ của trời tức là mặt trời mặt trăng ngôi sao sắp bày, rét nắng Âm Dương thay đổi. Xem cuộc vận hành của nó, để xét sự dời đổi của bốn mùa.

LỜI KINH

觀乎人文,以化成天下.

Dịch âm. - *Quan hồ nhân văn, dĩ hóa thành thiên hạ.*

Dịch nghĩa. - Xem chưng văn vẻ của người, để hóa nên thiên hạ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Văn vẻ của người tức là thứ bậc của đạo người. Xem văn vẻ của người để giáo hóa thiên hạ, thiên hạ thành được lễ tục, đó là đạo dùng quẻ Bí của đấng thánh nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn này cực nói về sự lớn lao của đạo quẻ Bí.

LỜI KINH

象曰: 山下有火,賁,

君子以明庶政,無敢折獄.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn hạ hữu hỏa, Bí, quân tử dĩ minh thứ chính, vô cảm chiết ngục.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới núi có lửa là quẻ Bí, đấng quân tử coi đó mà tỏ mọi chính, không quả cảm về việc đoán ngục.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Núi là chỗ sinh tụ của cỏ cây trăm vật, lửa ở dưới nó mà chiếu lên, mọi loài đều bị chùm trong ánh sáng, đó tức là tượng *bí sức.* Đấng quân tử coi tượng dưới núi có lửa sáng soi, để sửa rõ mọi chính, gây nên cuộc trị văn vẻ sáng sủa, mà không quả cảm về việc đoán ngục. Đoán ngục là việc cần phải cẩn thận của kẻ làm vua, há khá cậy về sự sáng của mình mà tự dụng một cách khinh suất? Đây là chỗ dụng tâm của thánh nhân: răn người sâu lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dưới núi có lửa, ánh sáng không tới chỗ xa. "Tỏ mọi chính" là việc còn nhỏ, "Đoán ngục" là việc đã lớn. Trong q. , Ly sáng sủa mà ngoài quẻ Cấn ngưng đậu, cho nên lấy tượng như thế.

LỜI KINH

初九: 賁其趾,舍車而徒.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Bí kỳ chỉ, xả xa nhi đồ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Trang sức thửa ngón chân, bỏ xe mà đi không.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Đầu lấy chất Dương cương, ở thể sáng, ngôi dưới, tức là bậc quân tử có đức cương minh mà phải ở dưới. Đấng quân tử ở chỗ không ngôi, không thể thi thố với thiên hạ, chỉ tự *bí sức* việc làm của mình làm mà thôi. Ngón chân là lấy về nghĩa ở dưới mà dùng để đi. Cái đạo tu sức của đấng quân tử là phải chính đính những điều mình làm, giữ tiết, ở nghĩa, làm việc không cẩu thả, nếu nghĩa không đáng, thì bỏ xe cộ mà đi không. Sự đó người thường lấy làm thẹn, mà đấng quân tử thì cho là sự *văn sức.* Bỏ xe mà đi không lại lấy cả về "liền" "ứng" nữa. Hào Đầu *liền* hào hai mà *ứng* hào tư, ứng hào Tư là chính đáng, *liền* hào Hai không phải chính đáng. Hào Chín là bậc cương minh, giữ nghĩa, không gắn liền với hào Hai mà xa ứng với hào Tư, bỏ chỗ dễ mà theo chỗ khó, như bỏ xe mà đi bộ vậy. Giữ tiết nghĩa là sự trang sức của đấng quân tử, cho nên, cái mà đấng quân tử *trang sức,* tức là cái mà bọn thế tục hổ thẹn, cái mà bọn thế tục quý báu, tức là cái mà đấng quân tử khinh rẻ. Đây lấy việc đi xe đi bộ mà nói, là vì ngón chân với sự đi có nghĩa liên lạc với nhau.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đức cứng thể sáng, tự mình *trang sức* ở dưới, tức là tượng "bỏ cái xe trái đạo mà yên lòng về sự đi bộ". Kẻ xem tự xử nên như thế đó.

LỜI KINH

象曰: 舍車而徒,義弗乘也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Xả xa nhi đồ, nghĩa phất thừa dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bỏ xe mà đi không, nghĩa không nên cưỡi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bỏ xe mà đi chân không, là vì, với nghĩa, không có thể cưỡi. Hào Đầu ứng với hào Tư là chính đáng; theo hào Hai là không chính đáng; ở gần, nó bỏ hào Hai là chỗ dễ mà theo hào Tư là chỗ khó, tức là bỏ xe mà đi chân không. Sự trang sức của đấng quân tử, chỉ cốt giữ nghĩa của mình mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sự lấy sự bỏ của đấng quân tử, quyết định bằng nghĩa mà thôi.

LỜI KINH

六二: 賁其須.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Bí kỳ tu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Trang sức cái râu của mình.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ này mà là quẻ Bí, tuy bởi hai hào biến đổi, mà sự văn vẻ sáng láng là trọng hơn. Hào hai là chủ quẻ Bí, cho nên chủ nói về cách *trang sức. Trang sức* cho các vật, không thể đổi hết bản chất của nó, chỉ nhân bản chất của nó mà tô điểm thêm, cho nên mới lấy nghĩa của cái râu. Râu là một vật theo mép mà động. Động đậy hay dừng đậu quan hệ ở cái mà nó bám vào, cũng như thiện ác không bởi *trang sức* mà ra. Sự văn vẻ sáng sủa của hào Hai chỉ là trang sức mà thôi, còn thiện hay ác là ở bản chất của nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai lấy chất Âm nhu ở chỗ trung chính, hào Ba lấy chất Dương cương mà được chỗ chính, đều không có kẻ ứng cùng, cho nên hào Hai phụ vào hào Ba mà động, có tượng *trang sức* cái râu. Kẻ xem nên theo người trên Dương cương mà động.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu *Hán thượng* nói rằng: Lông ở mép là râu. Từ hào Ba đến hào Trên có hình cái mép, hào Hai ở dưới mép là Tượng cái râu. Hào Hai là hào cứng mềm *trang sức* cho nhau, ấy là *trang sức* cái râu. Văn vẻ không thể bỗng không sinh ra, râu mọc ở mép, máu thịnh thì nó rậm tốt, máu suy thì nó thưa gầy, râu là vật để *trang sức* cho cái mép vậy.

LỜI KINH

象曰:賁其須,與上興也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bí kỳ tu, dữ thượng hưng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trang sức cái râu của mình, cùng trên dấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy cái râu làm Tượng tức là bảo nó cùng với hào Trên cùng dấy lên vậy. Theo người trên mà động, động đậy hay dừng đậu, quan hệ ở cái nó bám vào, cũng như tô điểm cho vật nào, chỉ nhân chất của vật ấy mà *trang sức* thêm thiện hay ác là ở cái chất của nó.

LỜI KINH

九三: 賁如,濡如,永貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Bí như, nhu như, vĩnh trinh, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Rõ ràng vậy, bóng mượt vậy; mãi mãi chính bền tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở chỗ văn vẻ sáng sủa cùng tột, với hai hào Âm Hai, Tư xen nhau, *trang sức* cho nhau, ấy là cuộc *trang sức* thịnh vượng, cho nên gọi là "bí như", "như" là tiếng đệm vậy. *Trang sức* thịnh vượng, ánh vẻ nhuần mượt, cho nên nói rằng: "nhu như". "Vĩnh trinh cát" nghĩa là hào Ba với hào Hai hào Tư không phải chính ứng, vì liền nhau mà thành *trang sức* cho nhau, cho nên phải răn nhau bằng sự thường thường trinh chính mãi mãi. Bí là *trang sức* cái việc *bí sức*, khó được thường thường, cho nên dài lâu chính bền là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Một hào Dương ở giữa hào Âm, được sự trang sức của nó mà nhuần mượt vậy. Nhưng mà không thể đắm đuối ở nơi vẫn yên, cho nên răn phải lâu dài chính bền.

LỜI KINH

象曰: 永貞之吉,終莫之陵也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vĩnh trinh chi cát, chung mạc chi lăng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lâu dài chính bền mà tốt, là vì không gì lấn nó.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trang sức mà không thường thường và không đính chính, người ta sẽ lấn nhờn, cho nên nói rằng có thể lâu

dài chính đính thì tốt. Sự *trang sức* của nó đã thường thường và chính đính, ai lấn được nó?

LỜI KINH

六四：賁如,皤如,白馬翰如,匪寇,婚媾.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Bí như, phan như, bạch mã hãn như! Phỉ khấu, hôn cấu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Rỡ ràng vậy, phơ phơ vậy, ngựa trắng có cánh vậy. Chẳng phải giặc, dâu gia.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư với hào Đầu là chính ứng, *trang sức* cho nhau, đáng lẽ có vẻ *rỡ ràng*. Vì bị hào Ba ngăn cách cho nên không được trang sức cho nhau mà thành vẻ phơ phơ. Phơ phơ là trắng, tức là chưa được *rỡ ràng*. Ngựa là vật ở dưới mà động, chưa được *rỡ ràng*, cho nên nói là "ngựa trắng"; chí theo chính ứng của nó như bay, cho nên nói rằng "dường có cánh vậy"; chẳng bị hào Chín Ba là kẻ giặc thù ngăn cách, thì cuộc dâu gia sẽ được thỏa tình thân nhau. Cái mà mình cưỡi và động ở dưới là tượng con ngựa. Hào Đầu với hào Tư là chính ứng, sau chót ắt được thân nhau, có điều lúc đầu bị nó ngăn cách mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phơ phơ là trắng, ngựa là con vật người ta cưỡi lên, người trắng thì ngựa cũng trắng. Hào Tư với hào Đầu là kẻ *trang sức* cho nhau, nhưng bị hào Chín Ba ngăn cách mà không được thỏa, cho nên có vẻ phơ phơ, mà chí đi tìm của nó kíp như cánh bay. Song hào Chín Ba là bậc cương chính, không phải kẻ làm giặc, chỉ là tìm người dâu gia mà thôi, cho nên tượng nó như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Vương Đại Bảo nói rằng: Phơ phơ là vẻ tóc bạc. Hào mềm trang sức hào mềm, Âm thịnh Dương suy, là tượng phơ phơ.

LỜI KINH

象曰：六四當位,疑也.匪寇婚媾,終無尤也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục tứ đương vị, nghi dã; phỉ khấu, hôn cấu, chung vô vưu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sáu Tư đương ngôi, đáng ngờ vậy; chẳng phải giặc, dâu gia, sau chót không oán vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư và hào Đầu xa nhau mà hào Ba xen ở khoảng giữa, đó là cái ngôi nó ở đáng nghi ngờ. Tuy bị hào Ba là kẻ giặc thù ngăn cách, không được thân với dâu gia, nhưng mà

chính ứng của nó lý ngay, nghĩa thẳng, sau chót ắt được hợp nhau, cho nên nói rằng: "Không oán hận. Sau chót vẫn được *trang sức* cho nhau, nên không oán hận".

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Đương vị nghi" nghĩa là cái ngôi nó ở đáng ngờ. "Sau chót không oán hận" ý nói nếu giữ chính đính mà không cùng với, thì cũng không có sự lo khác.

LỜI KINH

六五: 賁于丘園,束帛戔戔,吝,終吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Bí vu khâu viên, thúc bạch tiên tiên, lận chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Trang sức ở gò vườn, bó lụa mỏng hẹp, đáng tiếc, sau chót tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm lấy chất Âm mềm, liền sát với hào Chín Trên, là bậc hiền giả Dương cứng, Âm liền với Dương, lại không vướng mắc, tức là kẻ ứng theo nó, nhận sự *trang sức* của Hào Chín trên. Từ xưa đặt chỗ hiểm để giữ nước, cho nên thành lũy phần nhiều tựa vào gò đống, gò chỉ về chỗ ở ngoài mà gần, và cao; các đất vườn dược, rất gần thành ấp cũng là chỗ ở ngoài mà gần. Gò vườn là chỗ ở ngoài mà gần, chỉ về hào Chín Trên. Hào Sáu Năm tuy ở ngôi vua, mà tài Âm nhu không đủ tự giữ, nó cùng hào Trên là bậc Dương cương liền nhau mà chí cố theo, được kẻ ở ngoài ở ngoài *trang sức* cho nó, ấy là *trang sức* ở nơi gò vườn. Nếu biết phận sự *trang sức* của hào Chín Trên mà chịu để nó sửa nén, như một bó lụa chia mảnh, thì tuy chất nó mềm yếu, không thể tự làm cho mình, đành là đáng tiếc, nhưng biết theo người, để nên công cuộc *trang sức,* thì sau trót cũng được tốt. "Tiên tiện" là trạng thái của sự xẻo cắt chia xé. Lụa khi chưa dùng thì bó lại cho nên gọi là bó lụa, đến khi chế làm áo mặc, ắt phải xẻo cắt chia xé thành từng mảnh nhỏ. Bó lụa ví với bản chất hào Năm, "tiên tiện" là chỉ về sự bị người xẻo cắt mà thành đồ dùng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sáu Năm là hào mềm giữa, làm chủ sự trang sức, dầy gốc, chuộng thật, được đạo *trang sức,* có tượng gò vườn. Nhưng vì tính Âm bủn xẻn, cho nên có tượng bó lụa nông nhỏ. Bó lụa là vật mỏng mảnh, "tiên tiên" là ý nông nhỏ, người mà như thế, tuy đáng thẹn tiếc, nhưng theo lễ, xa xỉ thà tằn tiện còn hơn, vì vậy sau chót được tốt.

LỜI KINH

象曰: 六五之吉,有喜也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục ngũ chi cát, hữu hỷ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của hào Sáu Năm, có sự mừng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Biết theo người để làm cho thành công cuộc *trang sức* mà hưởng sự tốt đẹp của nó, thế là có sự mừng.

LỜI KINH

上九: 白賁,無咎.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Bạch bi, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Trang sức bằng màu trắng, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên là chỗ cùng cực của sự *trang sức, trang sức* cùng cực thì lỗi về đường văn hoa giả dối, chỉ duy có thể *trang sức* bằng cách mộc mạc thì không có lỗi. Trắng tức là mộc mạc. Chuộng vẻ chất phác mộc mạc, thì không bị mất cái vốn chân thật của mình. Gọi là chuộng vẻ mộc mạc, không phải là không *trang sức,* đừng để văn hoa lấp mất sự thật mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. . - Trang sức cùng cực quay về chỗ gốc, trở lại cái không màu vẻ, ấy là kẻ khéo chữa lỗi, cho nên tượng, chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 白賁無咎,上得志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bách bí vô cữu, thượng đắc chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: trang sức bằng màu trắng, không lỗi, ở trên mà đắc chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Trang sức* bằng màu trắng mà không có lỗi, ví nó ở trên mà đắc chí. Hào Chín Trên mà là đắc chí vì nó ở trên mà làm văn vẻ cho kẻ mềm, dựng lên công cuộc *trang sức.* Ông vua Sáu Năm lại phải chịu sự *trang sức* của nó, cho nên tuy nó ở chỗ không ngôi mà thực làm chủ công cuộc *trang sức,* thế là đắc chí; lẽ đó khác hẳn những hào cùng tột quẻ khác. Đã ở trên mà đắc chí lại ở vào chỗ *trang sức* cùng cực thì sẽ có lỗi về đường văn hoa giả dối mất cả sự thật, nên phải răn rằng chất phác mộc mạc thì không có lỗi, nghĩa là sự *trang sức* không thể thái quá vậy.

QUẺ BÁC


Cấn trên
Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Bác, Tự quái nói rằng: Bí là *trang sức.* Cố công trang sức về sau mới hanh, thì hết, cho nên tiếp đến quẻ Bác[1]. Ôi, vật đến văn sức, là hanh cùng cực, cùng cực thì ắt trở lại, cho nên Bí hết đến Bác. Trong quẻ năm hào Âm mà một hào Dương, Âm bắt đầu sinh tự dưới, dần dần đến thịnh cực. Mọi khí Âm tiêu gọt khí Dương, cho nên là *bác.* Lấy hai tượng mà nói, thì là núi[2] phụ ở đất[3]. Núi cao hơn đất mà lại bám dính vào đất, đó là cái tượng *đổi bác.*

LỜI KINH

剝,不利有攸往.

Dịch âm. - *Bác bất lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ bác không lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ bác là lúc các khí Âm lớn thịnh, tiêu *gọt* khí Dương, cũng tức là lúc những kẻ tiểu nhân *gọt* đẽo quân tử, cho nên đấng quân tử không lợi có thửa đi, chỉ nên nhún lời nói, giấu tung tích, tùy thời nghe ngóng, cho khỏi bị kẻ tiểu nhân làm hại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bác nghĩa là rụng. Năm hào Âm ở dưới mà đương sinh, một hào Dương ở trên mà sắp hết, Âm thịnh lớn mà Dương tiêu rụng, đó là quẻ về tháng chín, Âm thịnh Dương suy, tiểu nhân mạnh mà quân tử mệt; lại trong Khôn ngoài Cấn, có tượng thuận mà đậu, cho nên kẻ xem mà gặp quẻ này thì không thể có sự đi đâu.

LỜI KINH

彖曰: 剝,剝也,柔變剛也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Bác, bác dã, nhu biến cương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Bác là gọt vậy, mềm biến cứng vậy.

---

[1] Chữ 剝 (Bác), có nghĩa là gọt, có nghĩa là lột.

[2] Chỉ về quẻ Cấn.

[3] Chỉ về quẻ Khôn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây dùng thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ. Ý nói chất mềm tiến lên phần Dương, biến cứng ra mềm.

LỜI KINH

不利有攸往,小人長也.

Dịch âm. - *Bất lợi hữu du vãng, tiểu nhân trưởng dã.*

Dịch nghĩa. - Chẳng lợi có thửa đi, vì kẻ tiểu nhân đương thịnh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Bác là gọt". Ý nói "bác là gọt rụng"; "mềm biến cứng" nghĩa là chất mềm lớn lên mà chất cứng phải biến đổi. Ngày Hạ chí, một khí Âm bắt đầu sinh ra rồi lớn dần dần; một khí Âm lớn lên, thì một khí Dương tiêu đi, đến tháng Kiến tuất (tháng chín) thì nó cùng cực mà thành ra *Bác,* đó là Âm nhu biến đổi Dương cương, đạo kẻ tiểu nhân đương thịnh mà tiêu gọt phần Dương, cho nên đấng quân tử không có lợi thửa đi.

LỜI KINH

順而止之,觀象也.君子尚消息盈虛,天行也.

Dịch âm. - *Thuận nhi chỉ chi, quan tượng dã; quân tử thượng tiêu tức doanh hư, thiên hành dã.*

Dịch nghĩa. - Thuận mà đỗ đấy, xem tượng vậy, đấng quân tử chuộng sự nghe ngóng đầy vơi, vận trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử gặp phải thời *bác,* biết là không thể có thửa đi, thuận thời mà dừng, mới là biết xem Tượng của quẻ Bác. Trong quẻ có Tượng "thuận đỗ"[1], tức là đạo ở thời *bác.* Đấng quân tử nên phải xem đó mà thể theo. "Đấng quân tử chuộng sự nghe ngóng đầy vơi, vận trời vậy", nghĩa là quân tử để bụng về sự tiêu tức doanh hư mà biết thuận theo, mới hợp cuộc vận hành của trời. Lẽ có khi tiêu suy, có khi sinh lớn, có khi đầy thịnh, có khi hư hao, thuận nó thì tốt, nghịch nó thì hung, đấng quân tử tùy thời giốc chuộng là để thờ trời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể quẻ, đức quẻ, để thích lời quẻ.

[1] Thuận là quẻ Khôn, đỗ là quẻ Cấn.

LỜI KINH

象曰：山附於地,剝.君子以厚下安宅.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn phụ ư địa, Bác, quân tử dĩ hậu hạ an trạch.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Núi phụ ở đất, là quẻ Bác, người trên coi đó mà hậu cho kẻ dưới, làm yên chỗ ở.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Cấn chồng lên quẻ Khôn tức là núi phụ ở đất. Núi cao hơn đất mà lại dính bám vào đất, ấy là tượng quẻ Bác. Người trên, chỉ về ông vua và kẻ ở trên người ta, coi tượng quẻ Bác mà dầy bền cho kẻ dưới, để yên chỗ ở của họ. Dưới là gốc của trên, chưa có khi nào nền gốc dầy bền mà *sụt lở* được. Cho nên *sụt* phải từ dưới trước, dưới sụt thì trên nguy. Kẻ làm bề trên người ta biết lý như thế, thì nên yên nuôi nhân dân, để cho dầy cái gốc của mình, đó là để yên cái chỗ ở của mình vậy.

LỜI KINH

初六：剝床以足,蔑貞凶.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Bác sàng dĩ túc, miệt trinh, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Đẽo giường bằng[1] chân, không trinh, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Âm đẽo Dương, từ dưới lên trên. Dùng giường làm tượng, là lấy cái nghĩa giường là chỗ của mình ở, dưới đẽo lên, dần dần đến mình. "Đẽo giường bằng chân" tức là đẽo cái chân giường. Sự *đẽo gọt* bắt đầu tự dưới, cho nên là "đẽo chân". Khí Âm tự dưới tiến lên, dần dần tiêu mất sự trinh chính, tức là đạo hung. "Miệt" nghĩa là "không", tức là tiêu mất chính đạo. Âm đẽo Dương, mềm biến cứng, ấy là công lấn ngay, tiểu nhân tiêu quân tử, đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sự *đẽo gọt* tự dưới nổi lên, làm đứt sự chính thì hung, cho nên lời Chiêm như thế. "Miệt" nghĩa là dứt.

LỜI KINH

象曰：剝床以足,以滅下也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bác sàng dĩ túc, dĩ diệt hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đẽo giường bằng chân, vì dứt dưới vậy.

---

[1] Cũng như nói "đẽo giường tự chân", mấy chữ "bằng" ở dưới cũng thế.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dùng chân giường làm tượng, là lấy về nghĩa Âm lấn ngập Dương ở dưới vậy. "Diệt" nghĩa là ngập, tức là lấn ngập chính đạo, từ dưới trở lên.

LỜI KINH

六二: 剝床以辨,蔑貞凶.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Bác sàng dĩ biện, miệt trinh hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Đẽo giường bằng bễ, chẳng trinh, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bễ là cái để ngăn cách trên dưới, tức là gốc giường. Khí Âm dần dần tiến lên, đẽo đến cái bễ càng mất sự chính, hung càng tệ lắm!

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bễ là gốc giường. Tiến mà lên rồi.

LỜI KINH

象曰: 剝床以辨,未有與也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bác sàng dĩ biện, vị hữu dữ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đẽo giường bằng bễ, chưa có "cùng" vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Âm lấn đẽo Dương, được càng thịnh và đến đẽo bễ, là vì Dương không có kẻ ứng cùng. Tiểu nhân lấn đẽo quân tử, nếu quân tử có kẻ "cùng với", thì có thể thắng tiểu nhân, tiểu nhân không làm hại được, chỉ vì không kẻ cùng với, cho nên bị dứt mà hung. Đương lúc *tiêu bác* mà không có phe cánh, tự tồn sao được? Nói "chưa có kẻ cùng với" tỏ rằng: Sự *đẽo* chưa thịnh, có kẻ cùng với, còn có thể thắng, cái ý dạy bảo người ta sâu lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây nói sự *đẽo* chưa thịnh lắm.

LỜI KINH

六三: 剝之,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tam: Bác chi, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Đẽo đó, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giữa lúc Âm *đẽo* Dương mà hào Ba riêng mình ở chỗ cứng, ứng kẻ cứng, khác với các hào Âm trên, dưới rối. Có bụng theo về đường chính, ở lúc *đẽo gọt,* là không có lỗi. Sự hành vi của hào Ba, có thể bảo là thiện vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Các hào Âm đương *đẽo* hào Dương mà một mình minh ứng với hào Dương, bỏ bè đảng mà theo kẻ ngay, là cách không lỗi. Kẻ xem như thế, thì được không lỗi.

LỜI KINH

象曰: 剝之無咎,失天下也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bác chi vô cữu, thất thượng hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đẽo đó, không lỗi, mất trên dưới vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở cuộc *đẽo* mà không có lỗi, vì chỗ nó ở không giống như các hào Âm trên dưới, ấy là mất kẻ đồng loại. Với cách ở cuộc *đẽo,* như thế là không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trên dưới chỉ về bốn hào Âm.

LỜI KINH

六四: 剝床以膚,凶.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Bác sàng dĩ phu, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đẽo giường bằng da, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bắt đầu *đẽo* chân giường, dần dần đến da. Da là bề ngoài thân thể, tức là sắp diệt thân thể rồi, đủ biết là hung. Âm lớn đã thịnh, Dương *hao* đã lắm, cho nên không nói "chẳng trinh" nữa mà nói thẳng là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm họa thiết đến thân, cho nên không nói "miệt trinh" mà nói thẳng là hung.

LỜI KINH

象曰: 剝床以膚,切近災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bác sàng dĩ phu, thiết cận tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đẽo giường bằng da, sát gần vạ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm là ngôi vua, sự *đẽo* đã đến hào Tư, ở người ta thì là đẽo đến da rồi. Đẽo đến da, thân sắp sửa mất, thế là sát gần tai vạ.

LỜI KINH

六無: 貫魚以宮人寵,無不利.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Quán ngư dĩ cung nhâ[illegible]ng, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Xâu cá; lấy cung nhân được yên, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Đẽo* đến ngôi vua, tức là *đẽo* đã cùng cực, đủ biết là hung, cho nên không nói đến sự *đẽo* nữa, mà đặt nghĩa khác để mở cái cửa thiên thiện[1] cho kẻ tiểu nhân. Hào Năm là chủ các hào Âm, cả là vật thuộc về Âm, cho nên dùng nó làm Tượng. Hào Năm có thể khiến các hào Âm thuận theo thứ tự như xâu cá vậy, lại được hào Dương ở trên yêu đương, như kẻ cung nhân, thì không sự gì không lợi. Cung nhân là người trong cung, tức bọn thê thiếp hầu hạ, ấy là dùng Âm mà nói và lấy cái nghĩa được yêu. Vì một hào Dương ở trên, các hào Âm có đạo thuận theo, cho nên phát ra nghĩa đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cá là vật thuộc về Âm cung nhân là hạng đẹp trong loài Âm, mà bị chế, với loài Dương, hào Năm là chủ các hào Âm, nên đem loại mình chịu sự tiết chế của hào Dương, cho nên mới có Tượng ấy, mà kẻ xem như thế, thì không sự gì không lợi.

LỜI KINH

象曰: 以宮人寵,終無憂也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dĩ cung nhân sủng, chung vô vưu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lấy cung nhân được yêu, sau chót không có lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các hào Âm *tiêu đẽo* hào Dương đều nỗi cùng cực, hào Sáu Năm nếu biết đứng đầu dắt các hào Âm đứng đầu thuận theo thứ tự, lại được hào Dương yêu đương, thì sau chót không có tội lỗi. Về chỗ cuộc *đẽo* sắp hết, lại phát ra nghĩa đó, cái ý khuyên người dời sang đường thiện của thánh nhân thâm thiết đến tột bậc vậy.

LỜI KINH

上九: 碩果不食,君子得輿,小人剝廬.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Thạc quả bất thực, quân tử đắc dư, tiểu nhân bác lư.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Trái lớn không ăn, đấng quân tử được xe, kẻ tiểu nhân đẽo nhà.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các phần Dương *tiêu đẽo* đã hết, một

---

[1] Dời sang đường thiện.

hào Chín Trên hãy còn, giống cái trái to lớn không bị ăn, sẽ thấy lại sinh. Nếu hào Chín Trên cũng biến thì thuần Âm. Nhưng mà khí Dương không lẽ hết được, biến ở trên thì sinh ở dưới, không có chỗ hẻ có thể lọt một hơi thở. Thánh nhân phát minh lẽ đó, cho rõ khí Dương và đạo quân tử không thể mất được. Hoặc có người nói: Dương hết thì là quẻ thuần khôn, há có Dượng nữa? Đáp rằng: Đem quẻ mà sánh với tháng, thì quẻ khôn nhằm vào tháng mười. Nói về sự tiên sinh của khí, thì Dương bị *đẽo* là quẻ khôn, Dương trở lại là quẻ phục, đó là khí Dương chưa từng hết, *đẽo* hết ở trên, thì lại sinh ra ở dưới, cho nên tháng mười gọi là tháng Dương, vì sợ người ta ngờ là không có khí Dương. Khí Âm cũng vậy, thánh nhân không nói đó thôi. Trong lúc Âm đạo cực thịnh, đủ biết là loạn, loạn cực tự nhiên phải nghĩ đến trị, cho nên lòng người muốn được chở đấng quân tử, ấy là "đấng quân tử được xe". Lý đã như thế, ở quẻ cũng là một hào Âm cùng tôn hào Dương, là Tượng "cùng chở" kẻ tiểu nhân đẽo nhà" nghĩa là kẻ tiểu nhân gặp lúc sự *đẽo* đã cực, thì sẽ đẽo đến cả nhà, không có chỗ nào dung thân. Nhà là lấy về tượng "ở trên".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Một hào Dương ở trên, bị đẽo chưa hết, mà lại sinh được, đấng quân tử ở trên, thì được mọi hào Âm cùng chở. Kẻ tiểu nhân ở vào cảnh đó, thì bị *đẽo* cùng cực ở trên, tự nhiên mất chỗ tre trùm, mà không có Tượng "trái lớn", "được xe". Lấy Tượng đã rõ, mà sự xem của đấng quân tử và kẻ tiểu nhân cũng không giống nhau, lòng đấng thánh nhân càng có thể thấy.

LỜI KINH

象曰：子君得輿,民所載也.
小人剝廬,終不可用也.

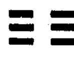
Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử đắc dư, dân sở tái dã; tiểu nhân bác lư, chung bất khả dụng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử được xe, dân thửa chở vậy; kẻ tiểu nhân đẽo nhà, trọn không thể dùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chính đạo *tiêu đẽo* đã cực, người ta lại nhớ đến sự trị, cho nên đấng quân tử Dương cương được dân vâng chở. Nếu kẻ tiểu nhân ở lúc *bác cực* thì kẻ tiểu nhân bị cùng, chót lại không thể dùng được. Không phải bảo hào Chín là kẻ tiểu nhân, chỉ nói trong lúc *bác cực,* kẻ tiểu nhân như thế.

QUẺ PHỤC

 Khôn trên

 Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Phục, Tự quái nói rằng: Vật không trọn hết, sự *đẽo* đã cùng ở trên, thì quay xuống dưới, cho nên tiếp quẻ Phục[1]. Vật không có lẽ *đẽo* hết, cho nên sự *đẽo* cùng cực thì phải *trở lại,* Âm cực thì Dương sinh, Dượng bị *đẽo* cùng cực ở trên mà quay xuống dưới, vì vậy quẻ Phục mới nối quẻ Bác. Nó là quẻ một hào Dương sinh ở dưới năm hào Âm, đó là Âm cực mà Dương *trở lại.* Trong một năm, Âm thịnh đã cực, ngày Đông chí thì một khí Dương lại sinh ra ở trong đất, cho nên là quẻ Phục. Dương là đạo đấng quân tử, khí Dương tiêu cực mà lại trở lại, tức là đạo đấng quân tử tiêu đến cùng cực mà lại lớn lên, cho nên là nghĩa "trở lại đường thiện".

LỜI KINH

復亨,出入無疾,明來無咎.

Dịch âm. - *Phục hanh xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Phục hanh, ra vào không tật, bạn đến không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phục hanh nghĩa là đã trở lại thì hanh thông. Khí Dương đã sinh ở dưới, dần dần hanh thịnh mà sinh nuôi muôn vật; đạo đấng quân tử đã *trở lại* thì dần dần hanh thông, tưới tắm cho thiên hạ, cho nên quẻ Phục có lẽ hanh thịnh. - Ra vào không tật: Ra vào chỉ về sinh lớn, lại sinh ở trong là vào; lớn tiến ở ngoài là ra, nói "ra" trước, là nói cho thuận mà thôi, khí Dương sinh ra, không phải là tự bên ngoài. Đến ở bên trong gọi là vào. Vật mới sinh khí nó rất nhỏ, cho nên phần nhiều hay gian truân, Dương mới sinh khí nó rất nhỏ, cho nên phần nhiều hay bị gẫy. Khí Dương mùa xuân phát ra khí Âm lạnh bẻ gẫy, cứ coi cây cỏ về lúc sớm tối có thể thấy rõ. "Ra vào không tật" nghĩa là cái khí Dương nhỏ sinh rồi lớn, không có cái gì hại nó. Đã không có cái gì hại nó mà loại của nó dần dần tiến đến thì là sắp sửa hanh thịnh, cho nên không lỗi.

---

[1] Chữ 復 (Phục) nghĩa là trở lại.

LỜI KINH

反復其道,其日來復,利有攸往.

Dịch âm. - *Phản phúc kỳ đạo, thất nhật lai phục, lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Lật đi lật lại thửa đạo, bảy ngày lại trở lại, lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ý nói cái đạo tiêu, lớn, lật đi, lật lại, đắp đổi mà đến, khi Dương tiêu đi, đến bảy ngày mà lại trở lại. Quẻ Cấu là Dương mới tiêu, bảy lần biến mà thành quẻ Phục, cho nên nói rằng bảy ngày, nghĩa là bảy lần đổi. Quẻ Lâm nói rằng: "Tám tháng có hung", nghĩa là từ lúc Dương lớn đến lúc Âm lớn trải tám tháng vậy. Dương tiến thì Âm lui, đạo đấng quân tử lớn lên thì đạo kẻ tiểu nhân tiêu đi, cho nên lợi có thửa đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phục là Dương lại sinh ở dưới, *đẽo* hết thì là quẻ thuần Khôn, tức quẻ thuộc về tháng mười, mà khí Dương đã sinh ở dưới, chứa lại hơn tháng, rồi sau cái thể một phần khí Dương mới thành mà lại trở lại, cho nên tháng mười một, về quẻ là Phục, vì rằng khí đã đi lại trở lại, cho nên cái đạo hanh thông. Lại, trong Chấn ngoài Khôn, có Tượng "Dương *động* ở dưới mà theo đường *thuận* đi lên, cho nên lời chiêm của nó là "mình ra vào đã được không tật, thì bè loại đi đến cũng không được lỗi". Lại, vì tháng năm quẻ Cấu, một phần Âm mới sinh, đến đây là bảy hào, mà một phần Dương lại trở lại, đó là sự tự nhiên trong cuộc vận hành của trời. Nhưng lời Chiêm của nó là "lật đi lật lại thửa đạo, đến bảy ngày nên được trở lại". Lại, vì đức cứng đang lớn lên, cho nên lời Chiêm của nó là "lợi có thửa đi". Lật đi lật lại có thửa đạo, đến bảy ngày mới được trở lại". Lại, vì đức cứng đang lớn lên, cho nên lời Chiêm của nó là "lợi có thửa đi". "Lật đi lật lại thửa đạo" là ý "đi mà lại lại, lại mà lại đi". Bảy ngày là kỳ trở lại của sự xem.

LỜI KINH

彖曰: 復亨,剛反,動而以順行,
是以出入無疾,朋來無咎.

Dịch âm. - *Thoán viết: Phục hanh, cương phản, động nhi dĩ thuận hành, thị dĩ xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Phục hanh là cứng trở lại; động mà thấy sự thuận đi lên; cho nên ra vào không tật, bạn đến không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phục hanh nghĩa là đức cứng trở lại mà hanh, Dương cứng tiêu đã cùng cực mà lại trở lại, đã trở lại thì dần dần thịnh mà hanh thông. "Động mà lấy sự thuận đi lên, cho nên ra vào không tật, bạn đến không lỗi", là nói về tài của quẻ, tức là nói cái cớ tại sao mà thế. Dưới động mà trên thuận, đó là "động mà lấy sự thuận đi lên", Dương cứng trở lại mà động bằng cách xuôi thuận, cho nên được ra vào không tật, bạn đến mà không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy đức quẻ mà nói.

LỜI KINH

反復其道,七日來復,天行也.

Dịch âm. - *Phản phúc kỳ đạo, thất nhật lai phục, thiên hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lật đi lật lại thửa đạo, bảy ngày lại trở lại, vận trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm Dương tiêu sinh, vận trời thế đó.

LỜI KINH

利有攸往,剛長也.

Dịch âm. - *Lợi hữu du vãng, cương trưởng dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi có thửa đi, cứng lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thể quẻ mà nói. Đã sinh ra thì phải dần dần lớn lên.

LỜI KINH

復其見天地造化之心乎.

Dịch âm. - *Phục kỳ hiến thiên địa, tạo hóa chi tâm hồ.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Phục thửa thấy lòng của trời đất tạo hóa chăng?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo của nó trở đi trở lại, đắp đổi tiêu đi, đắp đổi sinh ra, bảy ngày mà lại trở lại là cuộc vận hành của trời như thế. Tiêu, lớn nhân nhau, đó là lẽ của trời đất. Đạo của đấng quân tử, Dương cương lớn được, cho nên lợi có thửa đi. Một phần Dương trở lại ở dưới, đó là lòng của trời đất, Tiên nho đều cho là tĩnh thì thấy lòng trời đất, nhưng không biết rằng đầu mối *sự động,* tức là lòng của trời đất đó. Không phải là kẻ hiểu đạo, thì biết sao được lẽ ấy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dưới những phần Âm chồng chất, một phần Dương lại sinh ra, lòng sinh vật của trời đất đã hầu tắt đứt, đến đó lại thấy; ở người ta thì là tĩnh cực mà động; ác cực mà thiện, cái lòng sẵn có của mình hầu tắt mà lại hiện ra. Trình Tử bàn về lẽ đó kỹ rồi.

LỜI KINH

象曰: 雷在地中,復.先王以至日閉關,
商旅不行,後不省方.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi tại địa trung, Phục, Tiên vương dĩ chí, nhật bế quan, thương lữ bất hành, hậu bất tỉnh phương.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sấm ở trong đất, là quẻ Phục, đấng Tiên vương coi đó mà ngày chí đóng cửa ải, kẻ thương lữ[1] không đi, các vua không xét các phương.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm là Âm Dương xát nhau mà thành tiếng, đương lúc khí Dương còn nhỏ, chưa thể phát ra. Sấm ở trong đất là lúc khí Dương mới trở lại. Khí Dương mới sinh ở dưới mà còn rất nhỏ, yên lặng mà sau mới lớn được. Đấng Tiên vương thuận theo đạo trời, khi ngày "chí", khí Dương mới sinh, yên lặng mà nuôi nó, cho nên đóng cửa ải lại, khiến kẻ thương lữ không được đi, ông vua không coi xét bốn phương, đó là xem tượng quẻ Phục mà thuận theo đạo trời vậy. Ở thân một người cũng vậy, nên yên lặng để nuôi khí Dương.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đó là yên lặng để nuôi khí Dương. Thiên Nguyệt lệnh, tháng ấy phải trai giới che mình, để đợi sự định đoạt của khí Âm khí Dương.

LỜI KINH

初九: 不遠復,無祇悔,元吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Bất viễn phục, vô chỉ hối, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Chẳng xa trở lại, không đến ăn năn, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phục là khí Dương lại trở lại, Dương là đạo đấng quân tử, cho nên quẻ Phục là nghĩa trở lại đường thiện. Hào Đầu, Dương cứng trở lại, ở đầu quẻ, tức là chỗ trước nhất của sự trở lại, đó là chẳng xa mà đã trở lại. Có lỗi mất mà sau mới có trở lại,

---

[1] Thương là người buôn bán, lữ là kẻ đi đường.

không lỗi mất thì còn trở lại gì nữa? Duy có lỗi mất chưa xa mà đã trở lại, thì không đến nỗi ăn năn, ấy là cả thiện mà tốt. Chữ Âm là *chi,* nghĩa là đến 無祇悔 *(vô chi hối)* nghĩa là không đến ăn năn. Ông Nhan Tử không có cái lỗi hình hiện ra ngoài, đức Phu tử bảo là "ngõ hầu" đó là "không đến ăn năn", cái lỗi đã chưa hình hiện, mà đổi đi rồi, thì còn ăn năn gì nữa? Đã chưa thể "không phải cố gắng mà trung" theo cái muốn của lòng mình mà không vượt khuôn phép" ấy là có lỗi, nhưng vì sáng mà cương quyết, cho nên, có một điều gì không phải, chưa từng không biết; đã biết, chưa từng không đổi ngay đi, cho nên không đến ăn năn, đó là không xa mà trở lại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Một phần Dương lại sinh ở dưới, tức là chủ sự trở lại 祇 *(chi)* nghĩa là đến. Lỗi mất chưa xa, đã biết trở lại đường thiện, không đến phải ăn năn, đó là cái đạo cả thiện mà tốt, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

初九: 不遠復,無祇悔,元吉.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất viễn chi phục, dĩ tu thân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự trở lại của việc chẳng xa, để sửa mình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chẳng xa mà trở lại, tức là cái đạo mà đấng quân tử sở dĩ sửa mình. Cái đạo học hỏi, không có gì khác, chỉ hễ biết điều, không phải của mình thì mau đổi đi, để theo điều phải mà thôi.

LỜI KINH

六二: 休復,吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Hưu phục cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Đẹp sự trở lại, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tuy là hào Âm ở chỗ trung chính mà sát gần hào Đầu, tức là chí theo về Dương, biết nhường người thân, ấy là sự *trở lại* tốt đẹp. Trở lại là *trở lại* với *lễ, trở lại* với *lễ, thì là nhân;* hào Đầu, khí Dương trở lại, tức là *trở lại* với nhân; hào Hai gần liền mà chịu lún nó, vì vậy mới đẹp mà tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mềm thuận trung chính, gần hào Chín Đầu mà biết nhường nó, ấy là sự *trở lại* tốt đẹp, tức là đạo tốt vậy.

LỜI KINH

象曰：休復之吉，以下仁也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hưu phục chi cát, dĩ hạ nhân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đẹp sự trở lại mà tốt, vì biết lớn với kẻ nhân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là sự *trở lại* đẹp đẽ mà tốt, vì nó biết nhún với kẻ nhân. Nhân là đức chung của thiên hạ, là gốc của điều thiện, hào Đầu *trở lại* điều nhân, hào Hai biết thân mà nhún với nó, cho nên mới tốt.

LỜI KINH

六三：頻復，厲，無咎.

Dịch âm. - *Lục Tam: Tần phục lệ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Luôn luôn trở lại, nguy! Không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba lấy chất Âm lại ở chỗ cùng cực của sự động, tức là *trở lại* luôn luôn mà không được bền. Sự *trở lại* quý ở yên bền, luôn luôn lỗi mất, ấy là không yên về sự *trở lại*. *Trở lại* đường thiện mà lại luôn luôn lỗi mất, đó là cách nguy. Đấng thánh nhân mở đường "thiên nhiên", khen sự *trở lại* của nó mà lo cho sự luôn luôn lỗi mất của nó, cho nên nói "nguy, không lỗi" không thể vì sự luôn luôn lỗi mất mà răn sợ sự *trở lại* của mình. Năng bị lỗi mất là nguy, nhưng đã năng *trở lại* thì còn lỗi gì? Lỗi ở sự mất, không ở sự *trở lại*.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào Âm, ở ngôi Dương, không giữa không chính, lại ở vào chỗ cùng cực của sự động mà không bền, đó là cái tượng "luôn luôn lỗi mất, luôn luôn *trở lại*". Luôn luôn lỗi mất, cho nên mới nguy, trở lại thì không có lỗi, cho nên lời Chiêm của nó lại như thế.

LỜI KINH

象曰：頻復之厲，義無咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tần phục chi lệ, nghĩa vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái nguy của sự luôn luôn trở lại, nghĩa không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Luôn luôn *trở lại*, luôn luôn lỗi mất, tuy là nguy dữ, nhưng theo nghĩa *trở lại* điều thiện thì không có lỗi.

LỜI KINH

六四: 中行獨復.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Trung hành độc phục.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đi giữa một mình trở lại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa của hào này, rất nên ngẫm kỹ, hào Tư đi giữa các hào Âm, mà một mình nó biết *trở lại,* tự ở vào chỗ chính đính, bên dưới ứng nhau với hào Dương cương, thì cái chí nó, đáng gọi là thiện. Không nói tốt xấu, vì là hào Tư lấy chất mềm giữa các hào Âm, hào Đầu Dương còn rất nhỏ, không đủ cứu nó, không có cái lý có thể nên việc, cho nên thánh nhân chỉ khen nó biết một mình *trở lại,* không muốn nói nó một mình theo đạo là ắt phải hung. Hỏi rằng: Thế thì không nói "không lỗi" là sao? Đáp rằng: Lấy chất Âm ở ngôi Âm; nhu nhược, thái thậm, tuy có chí theo Dương, rút lại không thể nên việc, không phải là không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Tư ở giữa các hào Âm, mà một mình nó ứng với hào Đầu, đó là Tượng "đi với nhiều người, mà một mình mình biết theo đường thiện". Trong lúc đó, khí Dương rất nhỏ, chưa thể làm gì, cho nên không nói là tốt. Nhưng mà lẽ nên như thế, tốt xấu không phải là việc đáng bàn.

LỜI KINH

象曰: 中行獨復,以從道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: - Trung hành độc phục, dĩ tòng đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đi giữa, một mình trở lại, để theo đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khen có một mình *trở lại,* vì nó biết theo đạo thiện, thiện của đấng quân tử Dương cương vậy.

LỜI KINH

六五: 敦復,無悔.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Đôn phục, vô hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Dốc lòng về sự trở lại, không phải ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đức trung thuận ở ngôi vua, biết dốc lòng vì sự *trở lại* đường thiện, cho nên không phải ăn năn. Tuy vốn vẫn phải, nhưng lời răn cũng ở trong đó. Trong lúc khí Dương trở

lại nhưng hãy còn nhỏ, mà lấy đức mềm ở ngôi tôn, phía dưới lại không có kẻ giúp đỡ, chưa thể hanh tốt, chỉ không ăn năn mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức trung thuận ở ngôi tôn, mà đương vào lúc *trở lại,* đó là Tượng "dốc lòng về sự trở lại", tức là cách không phải ăn năn.

LỜI KINH

象曰：敦復無悔，中以自考也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đôn phục vô hối, trung dĩ tự khảo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dốc lòng về sự trở lại, dùng đạo trung để tự nên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là dùng đạo "trung" để tự làm nên cho mình. Hào Năm lấy chất Âm đương ngôi tôn, ở chỗ giữa mà thể theo sự thuận, biết dốc lòng dùng đạo trung để làm nên cho mình, thì có thể không phải ăn năn. Tự làm nên, nghĩa là làm nên cái đức trung thuận.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "khảo" nghĩa là "nên"

LỜI KINH

上六：迷復，凶，有災眚.用行師，
終有大敗，以其國君，凶至于十年，不可征.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Mê phục, hung, hữu tai sảnh, dụng hành sư, chung hữu đại bại; dĩ kỳ quốc quân, hung, chí vu thập niên, bất khắc chính.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Lú lấp sự trở lại, hung! Có vạ tội, dùng để trẩy quân, sau chót có thua lớn; tới cả vua nước đó, đến chừng mười năm, không thể đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là kẻ lấy chất Âm nhu ở vào chót cuộc *trở lại,* rút lại vẫn lú lấp mà không *trở lại* . Lú lấp mà không *trở lại,* đủ biết là hung. Có vạ tội: vạ là vạ trời, tự ngoài đến, tội lỗi mình, do mình làm ra. Đã lú lấp không biết *trở lại* đường, thiện, ở mình thì động đâu là lầm lỗi đấy, tai họa cũng tự bên ngoài mà đến, nghĩa là cũng bởi tự mình vời đến. Lú lấp đường lối mà không *trở lại,* không thể thi thố việc gì được cả, dùng để trẩy quân, thì rút lại phải có thua lớn, đem mà trị nước, thì là điềm hung của ông vua. Mười năm là chỗ chót của số, đến mười năm không thể đi, nghĩa là cùng chót không thể đi đâu. Đã lú lấp đường lối, thì bao giờ mà đi được?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm ở chót cuộc trở lại, đó là tượng cùng chót vẫn lú lấp không biết *trở lại,* cho nên lời chiêm như thế, chữ 以 *(dĩ)* cũng như chữ 及 *(cập* là *kịp).*

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi: Y Xuyên nói "tai tự ngoài đến, sảnh tự trong ra" có phải hay không? Chu tử đáp rằng: Xem ra hai thứ cũng một hơi không giống nhau mà thôi. Tai là cái ngẫu nhiên sinh ra ở kia, *sảnh* là do sự lầm lỗi mà đến thế. *Kinh Thư* nói, 眚災肆赦 *(sảnh tai tứ xá),* sách *Xuân thu* nói 四大眚 *(tứ đại sảnh)* đều vì sự lỗi lầm mà tha cả.

Hồ Vân Phong nói rằng: Thể mẹ[1] mà ở trên thể trên, đó là kẻ lú lấp trước. Lú lấp chẳng những chỉ hung, lại có vạ lớn, tội lớn, dùng để trẩy quân, cùng chót phải có thua to, kịp cả vua nước hung. Đến mười năm, cùng chót không thể đi đâu đó là hết sức nói việc lú lấp sự *trở lại* là việc không nên. "Lú lấp sự *trở lại*" với "chẳng xa *trở lại*" trái nhau, hào Đầu chẳng xa mà *trở lại,* lú lấp thì xa mà không *trở lại:* "dốc lòng trở về sự *trở lại*" với "luôn luôn *trở lại*" trái nhau, "dốc" là không lay chuyển thay đổi, "luôn luôn" thì thay đổi liền liền. "Một mình *trở lại* " với "đẹp sự *trở lại*" giống nhau, "đẹp" thì liền với hào Đầu, "một mình" thì ứng với hào Đầu. "Mười năm không thể đi" cũng trái lại với "bảy ngày lại trở lại". Kiền nguyên là mười, Khôn nguyên là một, số Âm cùng tận ở "Sáu" mà "bảy" lại là chỗ bắt đầu của Kiền; số Dương cùng tận ở "chín" mà "mười" thì là chỗ cuối chót của Khôn. Cho nên, hễ nói "mười năm" là tượng chót Khôn, quẻ Chuân "mười năm mới đặt tên chữ" quẻ Di "mười năm chớ dùng" đều có đắp đổi thể Khôn.

LỜI KINH

象曰: 迷復之凶,反君道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Mê phục chi hung, phản quân đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái hung của kẻ lú lấp sự trở lại, là trái đạo vua vậy.

GIẢI NGHĨA

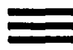
Truyện của Trình Di. - *Trở lại* thì hợp với đạo, đã lú lấp sự *trở lại,* là trái với đạo, đủ biết là hung, đem mà trị nước, vua phải hung[2], vì nó trái với đạo vua. Ông vua ở trên trị dân, nên theo điều thiện của thiên hạ, thế mà lại lú lấp về sự *trở lại* đường thiện, ấy là phản lại đạo vua. Chẳng phải ông vua mà thôi, người nào lú lấp về sự *trở lại,* cũng là trái đạo mà hung.

---

[1] Tức là quẻ Khôn.

[2] Câu này dịch theo ý của Trình Di, đã dẫn vào ở chương trên.

QUẺ VÔ VỌNG

 Kiền trên

 Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Vô Vọng[1], Tự quái nói rằng: *Trở lại* thì chẳng *càn* dỡ cho nên tiếp đến quẻ Vô Vọng. *Trở lại* tức là quay về với đạo, đã *trở lại* đạo thì hợp lẽ chính mà không *càn dỡ,* cho nên sau quẻ Phục tiếp đến quẻ Vô Vọng. Nó là quẻ Kiền trên Chấn dưới. Chấn về chủ động, động theo lẽ trời là *không càn,* động theo lòng dục của người là *càn*. Nghĩa quẻ Vô Vọng lớn lắm thay!

LỜI KINH

無妄元亨,利貞,其匪正,有眚,不利有攸往.

Dịch âm. - *Vô Vọng nguyên hanh, lợi trinh, kỳ phỉ chính, hữu sảnh, bất lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Vô Vọng cả hanh, lợi về sự chính bền; thửa chẳng chính có tội, không lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Không càn* tức là rất thành, rất thành thì là đạo trời. Ông trời biến hóa nuôi nấng các vật, muôn vật sinh sôi không cùng, vật nào nhằm đúng tính mệnh của vật ấy, đều là *không càn*. Người ta có thể hợp với đạo *không càn*, thì "hợp đức với trời đất" vậy. *Không càn* có lẻ cả hanh, đấng quân tử làm theo đạo *không càn,* thì có thể đem lại được sự cả hanh. Vậy quẻ Vô Vọng tức là đạo trời, trong quẻ cốt nói về lẽ người ta theo đạo "không càn". Lợi trinh nghĩa là cái cách bắt chước đạo *không càn,* lợi ở trinh chính, không trinh chính là càn, tuy không tà tâm, mà nếu không hợp chính lý thì là *càn,* là có tà tâm cho nên chẳng chính thì là tội lỗi. Đã *không càn* thì không nên có sự đi, đi thì là *càn.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vô Vọng nghĩa là thực lý tự nhiên, sách *Sử ký* chép là 無望 *(vô vọng)* nghĩa là "không cần kỳ vọng mà cũng có được", như thế cũng thông. Nó là một quẻ do ở quẻ Tụng biến ra, hào Chín quẻ này bởi hào Hai quẻ kia chuyển sang mà ở ngôi Đầu, lại là thể Chấn, chủ về sự động, động mà *không càn,* cho nên mới là *vô vọng*. Lại, trong hai thể, Chấn động mà Kiền mạnh, hào Chín Năm

---

[1] Chữ Vô Vọng tức là không càn, tức là thành thật không có càn quấy.

đứng cứng ở giữa mà ứng với hào Chín Hai, cho nên lời Chiêm của nó là "cả hanh mà lợi về sự chính, không chính thì có tội mà không lợi có thửa đi".

LỜI KINH

彖曰：無妄,剛自外來而為主於內.

Dịch âm. - *Thoán viết: Vô vọng, cương tự ngoại lai, nhi vi chủ ư nội.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Vô Vọng, cứng tự ngoài đến, mà làm chủ ở trong.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây chỉ về hào Chín Đầu, hào Đầu thể Khôn, biến ra thể Chấn, đó là "cứng tự ngoài đến". Chấn lấy hào Đầu làm chủ, quẻ này bởi đó mà ra, cho nên nó là chủ quẻ Vô Vọng. Động theo lẽ trời là *không càn,* đó là động mà lấy trời làm chủ: "Lấy chất cứng biến hóa chất mềm, là tượng lấy sự chính mà trừ điều càn". Lại, hào cứng làm chủ ở trong, cũng là nghĩa *không càn*. Hào Chín ở ngôi Đầu, như thế là chính.

LỜI KINH

動而健,剛中而應,大亨以正,天之命也.

Dịch âm. - *Động nhi kiện, cương trung nhi ứng, đại hanh dĩ chính, thiên chi mệnh dã.*

Dịch nghĩa. - Động mà mạnh, cứng giữa mà có ứng với, cả hanh và chính, mệnh của trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dưới động[1] mà trên mạnh[2] cho nên sự động cứng mạnh. Cứng *Mạnh tức* là thể của quẻ Vô Vọng. "Cứng giữa mà có ứng với", nghĩa là hào Năm lấy đức cứng ở ngôi trung chính, hào Hai lấy đức trung chính ứng lại với nó, ấy là thuận lẽ mà *không càn,* cho nên đạo đó cả hanh mà trinh chính, ấy là mệnh của trời đó. Mệnh trời chỉ về đạo trời, tức là cái *không càn.*

LỜI KINH

其匪正有眚,不利有攸往,
無妄之往,何之矣.天命不祐,行矣哉.

Dịch âm. - *Kỳ phỉ chính, hữu sảnh, bất lợi hữu du vãng, vô vọng chi vãng, hà chi hỹ? Thiên mệnh bất hựu, hành hỹ tai.*

---

[1] Chỉ về Chấn.

[2] Chỉ về Kiền.

Dịch nghĩa. - Thửa chẳng chính, có tội, chẳng lợi có thửa đi, không càn mà đi, đi đâu nhỉ? Mệnh trời không giúp, đi được chăng?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gọi là *không càn*, chỉ có sự chính mà thôi. Hơi sai sự chính, thì có lỗi, tức là *càn* rồi, cái điều gọi là chẳng chính, chỉ bởi "có đi" mà ra. Nếu *không càn* mà chẳng đi thì lấy đâu có sự chẳng chính? *Không càn* là lẽ rất chính, lại còn đi nữa, thì sẽ đi đâu? Ấy là đi đến chỗ *càn*. Đi thì trái với lẽ trời, đạo trời không giúp, có thể đi chăng?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là sự biến đổi của quẻ và đức quẻ thể quẻ, để nói điều hay của quẻ như thế, cho nên lời chiêm của nó là cả hanh mà lợi về sự chính, tức là mệnh trời nên thế. Nếu có điều chẳng chính, thì không lợi về sự đi, muốn đi đâu nữa? Bởi vì trái với mệnh trời mà trời không giúp, cho nên không thể có đi.

LỜI KINH

象曰: 天下雷行物與,無妄.先王以茂對時,育萬物.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên hạ lôi hành vật dữ, Vô Vọng; Tiên vương dĩ mậu đối thì, dục vạn vật.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới trời sấm chạy vật được phú tính, là quẻ Vô Vọng; đấng Tiên vương coi đó mà tốt đối thì, nuôi muôn vật.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm chạy ở dưới trời, Âm Dương giao hòa, cọ nhau mà thành tiếng, bấy giờ sâu non còn náu phải kinh, mầm non mới nhú phải động, muôn vật đều phát sinh, trong sự phú dữ, lớn, nhỏ, cao, thấp, vật nào không nhằm đúng tính mệnh của vật ấy, không có *sai càn,* ấy là các vật phú tình *không càn.* Đấng Tiên vương coi tượng "dưới trời sấm chạy, phát sinh phú dữ các vật" để tốt đối thì trời, nuôi nấng muôn vật khiến cho vật nào được sự thích nghi của vật ấy, như việc phú dữ của trời không hề sai càn. "Mậu" nghĩa là thịnh, ý chữ "mậu đối" cũng như thịnh hành. Đối thì nghĩa là thuận hợp thì trời. Đạo trời sinh ra muôn vật, vật nào nhằm đúng tính mệnh của vật ấy mà không sai càn, đấng Tiên vương thể theo đạo trời, nuôi nấng nhân dân, cho đến sâu bọ cỏ cây, khiến cho giống nào được sự thích nghi của giống ấy, đó là đạo đối thì vật nuôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dưới trời sấm đi, chấn động phát sinh muôn vật, vật nào nhằm đúng tính mệnh của vật ấy, đó là mỗi vật trời mỗi phú cho bằng cách *không càn,* đấng Tiên vương bắt chước lượng đó để đối với thì, nuôi các vật, nhân theo bản tính của nó mà không tư túi với vật nào.

LỜI KINH

初九：無妄，往吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Vô vọng vãng cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Không càn, đi tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín lấy đức Dương cương làm chủ ở trong, là Tượng *"không càn"*. Dùng đức cứng thực biến đổi chất mềm mà ở bên trong, ấy là kẻ bên trong thành thật *không càn*. Dùng đức *không càn* mà đi, đi đâu không tốt? Lời quẻ nói "không lợi có thửa đi", nghĩa là đã *không càn* thì không nên có đi, đi quá thì càn; Lời hào nói "đi tốt" nghĩa là dùng đạo *"không càn"* mà đi thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức cứng ở bên trong, là chủ của sự thành thật. Như thế mà đi, đủ biết là tốt, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：無妄之往，得志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô vọng, chi vãng, đắc chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự đi của đức không càn, là đắc chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đức *không càn,* không chỗ nào mà không được thỏa chí mình. Bởi vì sự thành thật đối với các vật, không vật nào mà không cảm động, dùng nó sửa mình thì ngay, dùng nó làm việc thì việc được hợp lẽ, dùng nó trị người, thì người ta cảm mà hóa theo, không đi đâu mà không đắc chí.

LỜI KINH

六二：不耕獲，不菑畬，則利有攸往.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Bất canh hoạch, bất tri dư, tắc lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Chẳng cấy, gặt; chẳng ngả, ngấu[1] thì lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái gì lý phải nên thế, thì không phải

---

[1] "Tri" là ruộng vỡ cỏ một năm, "dư" là ruộng vỡ cỏ ba năm, tiếng ta không có tiếng nào đứng hai chữ đó. Trong việc làm ruộng của ta, có tiếng "ngả" chỉ việc bừa cho vỡ đất nát cỏ, và tiếng "ngấu" chỉ những ruộng đã thối cỏ liền bùn. Vậy hãy tạm dùng hai tiếng "ngả", "ngấu" để định hai chữ "Tri", "Dư".

càn; những điều người ta muốn làm mới là *càn,* cho nên dùng việc cày, gặt, ngả, ngấu để làm thí dụ. Hào Sáu Hai ở ngôi giữa được chỗ chính, lại ứng với hào Năm là hào trung chính ở thể động mà mềm thuận, đó là hành động biết theo đường trung chính, tức là *không càn,* cho nên hết sức nói rõ về nghĩa *không càn.* Cày là việc đầu tư của sự làm ruộng, gặt là việc chót của sự ấy: ruộng vỡ, cỏ một năm là *tri,* ba năm là *dư.* Không cày mà gặt, không là ruộng một năm mà là ruộng ba năm, nghĩa là không đầu têu gây việc, nhân theo sự lý nên thế mà thôi. Đầu têu gây việc, là do lòng người mà làm, đó tức là *càn*: nhân việc nên thế, thì là thuận lý ứng vật không phải là càn. Việc gặt, và ruộng ba năm, chính là nhân việc nên thế đó. Bởi vì cày thì có gặt có ruộng một năm thì có ruộng ba năm, ấy là sự lý vẫn thế, không phải do tâm lý gây ra, như thế thì là *không càn, không càn* thì sự đi sẽ không hại. Hoặc có người nói: Đấng thánh nhân sáng chế việc này việc khác, để làm lợi cho thiên hạ, điều dựng lên đầu mối, há chẳng là càn hay sao? Đáp rằng: Đấng thánh nhân tùy thời mà chế tác các việc, rất hợp với sự thích nghi của không khí, chưa từng đi trước thời đại mà khơi đầu ra. Nếu không đợi thời, thì một ông thánh cũng đủ làm hết các việc, cần gì phải ông thánh nọ nối ông thánh kia mà chế tác hoài. Vậy thì thời đại tức là đầu mối các việc, đấng thánh nhân chỉ tùy thời đại mà làm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mềm thuận trung chính, nhân thời theo lý mà không có lòng riêng tây mong hẹn, cho nên có tượng "chẳng cày gặt, không ngả ngấu" nghĩa là không làm việc gì từ trước, không mong sự gì về sau. Kẻ xem như thế, thì lợi có thửa đi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trần Tiềm Thất nói rằng: Đại ý Y Xuyên cho là "không phải cày mà gặt được, không ngả cỏ mà có ruộng ngấu, những việc có vì lẽ gì mà làm đều là lòng riêng về đường tính lợi, tức là *càn.* Nhưng trong lời kinh thì không nói thế, cho nên trong cuốn *Dịch* của Trình Di cũng còn cần phải bàn nhiều. Bảo rằng "không cày mà gặt, không có ruộng ngả mà có ruộng ngấu là không đầu têu gây việc" thì hình như nhận việc cày và việc "ngả ruộng" đều là ý riêng. Đoạn giữa lại nói "có cày ắt có gặt, có ruộng một năm ắt có ruộng ba năm" thì việc cày và ngả ruộng lại không phải ý riêng. Đoạn cuối[1] nói "Đã cày thì có gặt, đã ngả cỏ thì ắt có ruộng ngấu mà làm" thì lại giống như nhận việc gặt và ruộng ngấu là ý riêng. Ba thuyết đó không khỏi mâu thuẫn với nhau.

[1] Tức đoạn Dịch truyện dưới đây.

LỜI KINH

象曰：不耕獲，未富也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất canh hoạch, vị phú dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng cày gặt, chửa giầu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Chửa" là không hẳn, quẻ Lâm nói "chửa thuận mệnh" cũng là nghĩa thế. Không cày mà gặt, không ngả cỏ mà có ruộng ngấu, là nhân cái việc nên thế. Đã cày thì ắt có gặt, đã ngả cỏ thì ắt thành ruộng ngấu. Ắt vì lời lãi về sự gặt và ruộng ngấu mà làm, thì lúc đầu cày và ngả cỏ là có để bụng cầu được gặt và ruộng ngấu, ấy là chỉ vì sự giàu. Trong bụng có muốn mà làm, là càn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 富 *(phú)* này cũng như chữ 富 *(phú)* trong câu 非富天下 *(phi phú thiên hạ:* chẳng phải là muốn được cả thiên hạ làm giàu), ý nói "không phải là vì tính lợi mà làm".

LỜI KINH

六三：無妄之災，或繫之牛，行人之得，邑人之災.

Dịch âm. - *Lục Tam: Vô vọng chi tai, hoặc hệ chi ngưu, hành nhân chi đắc, ấp nhân chi tai.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Cái hại của sự không càn, hoặc buộc con trâu, kẻ đi đường mà được, người ấp bị hại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba Âm mềm mà không trung chính, là kẻ *càn,* lại ứng với hào Trên, tức là có sự muốn, cũng là *càn* nữa. Trong đạo *không càn,* như thế là tai hại. Thánh nhân nhân hào Sáu Ba có tượng *càn,* mới phát minh lẽ đó mà rằng: "Cái hại của sự *không càn,* mới phát minh lẽ đó mà rằng: "Cái hại của sự *không càn,* hoặc buộc con trâu, người đi đường được, là hại của người ấp". Ý nói: *càn* như hào Ba tức là tai hại của sự *không càn,* giả sử có cái được, cái mất sẽ theo đến, ví như hoặc buộc con trâu - chữ "hoặc" tức là giả sử - người đi đường bắt được nó, lấy làm của mình, thì người trong ấp mất trâu, tức là tai hại. Nếu như người ấp buộc được con ngựa, thì người đi đường mất ngựa, tức là tai hại. Ý nói: có được thì có mất, không đủ kể là được, "người ấp" và "người đi đường" chỉ nói "có được thì có mất" không phải là mình với kẻ kia. Cái phúc được càn, vạ cũng theo liền; cái được bằng sự được càn, cái mất cũng ngang với nó, chỉn không đủ kể làm được. Người mà biết thế, thì không động càn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sáu hào trong quẻ đều là không *càn,* hào Sáu Ba ở không được chính, cho nên lời Chiêm của nó là vô cố mà

bị tai vạ, ví như có kẻ qua đường dắt mất trâu đi, mà kẻ ở đó lại phải lôi thôi về sự tra hỏi bắt bớ.

LỜI KINH

象曰: 行人得牛,邑人災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hành nhân đắc ngưu, ấp nhân tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Người đi đường được trâu, là hại của người ấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người đi đường được trâu, tức là cái vạ của người trong ấp, có kẻ được thì có kẻ mất, sao đủ cho là sự được?

LỜI KINH

九四: 可貞,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Khả trinh, vô cữu*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Khả trinh, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư là chất Dương cứng mà ở thể Kiền, lại không hào nào ứng với, đó tức là kẻ *không càn.* Cứng mà không có riêng tây, há có *càn* ư? Hệ mà có thể chính bền giữ lấy cách đó thì tự nhiên không lỗi. Có người hỏi rằng: Hào Chín mà ở ngôi Âm, được là chính à? Đáp rằng: Là Hào Dương, ở thể Kiền, nếu lại ở vào ngôi Dương thì là quá đáng, quá đáng là *càn,* ở ngôi Âm ấy là không có chí ham chuộng sự cứng. "Khả trinh" với *"lợi trinh"* không giống nhau. "Khả trinh" nghĩa là cái chỗ nó ở có thể chính bền giữ lấy; *"lợi trinh"* thì là lợi về sự chính.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chất Dương cứng, ở thể Kiền, phía dưới không có ứng với, đó là lời Chiêm "giữ vững được thì không lỗi, chứ không có thể làm gì".

LỜI KINH

象曰: 可貞無咎,固有之也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khả trinh vô cữu, cố hữu chi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Khá trinh không lỗi, cố giữ đó vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chính bền giữ đó, thì không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 有 *(hữu)* đây cũng là chữ 守 *(thủ),* là giữ.

LỜI KINH

九五: 無妄之疾,勿藥,有喜.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Vô vọng chi tật, vật dược, hữu hỷ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Cái tật không càn, đừng thuốc, có mừng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm lấy đức trung chính đương vào ngôi tôn, dưới lại có kẻ lấy đức trung chính thuận ứng với nó, ấy là *không càn* đến cùng tột vậy, đạo đó không còn gì hơn. *Tật* là có cái làm cho thành bệnh. *Không càn* như hào Chín Năm, nếu có tật bệnh, chớ dùng thuốc chữa, thì sẽ có mừng. Người ta có tật, phải dùng thuốc trị bỏ cái tà, để nuôi cái chính. Nếu như khí thể bình hòa, vốn không có tật mà lại công phạt, thì phải hại đến cái chính, cho nên đừng thuốc thì có mừng. Có mừng nghĩa là tật tự mất đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức Kiền cương trung chính để ở ngôi tôn, kẻ ứng ở dưới lại cũng trung chính, ấy là *không càn* đến cùng tột. Như thế mà có tật bệnh thì chớ dùng thuốc tự nhiên sẽ khỏi, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 無妄之藥,不可試也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô Vọng chi dược, bất khả thí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái thuốc không càn, chẳng khá thử vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người ta có sự *càn* bậy lẽ phải sửa đổi. Đã *không càn* rồi, lại còn lấy thuốc để chữa, thế là *càn* có thể dùng chăng? Cho nên nói là "chẳng khá thử". Thử là dùng tạm, cũng như nói "nếm một ít".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đã là *không càn* mà lại thuốc men thì lại là càn mà sinh ra tật. *Thử* là hãy nếm một ít.

LỜI KINH

上九: 無妄行,有眚,無攸利.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Vô Vọng hành, hữu sảnh, vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Không càn mà đi, có tội, không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên ở về chót quẻ, ấy là cùng cực của sự *không càn*. Cùng cực mà lại còn đi, tức là quá lẽ. Quá

lẽ thì *càn*. Cho nên hào Chín Trên mà đi thì có tội lỗi, mà không lợi về cái gì.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Trên không phải là có sự càn, chỉ vì nó cùng cực, không thể đi nữa mà thôi. Cho nên Tượng Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 無妄之行,窮之災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô vọng chi hành, củng chi tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Không càn mà đi, là hại của sự cùng cực vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Không càn* đã đến cùng cực, mà lại tiến thêm, thì tức là *càn*, ấy là cùng mà thành tai hại.

Lời bàn của Tiên Nho. - Dương Văn Hoán nói rằng: *Không càn* tức là hành động theo lẽ trời: Hễ trái lẽ trời mà hành động thì tức là *càn*. Quẻ này ba hào dưới là thể Chấn, hào Đầu đi tốt, hào Hai lợi về sự đi, hào Ba người đi mà được, đều lợi về sự động, đó là ở dưới nên động, động thì ứng lẽ trời, Ba hào trên là thể Kiền, hào Tư khá trinh, hào Năm đừng thuốc, đều là răn về sự động, vì động là trái lẽ trời; hào Trên đi thì có tội, đã hợp với lẽ trời rồi, đi nữa thì đi đâu? Cho nên, nên động mà không động, với không nên động mà động đều là *càn* cả.

QUẺ ĐẠI SÚC

 Cấn trên

 Kiền dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đại Súc, Tự quái nói rằng: Có *không càn* rồi sau mới có thể *chứa,* cho nên tiếp đến quẻ Đại Súc[1]. *Không càn* thì tức là có thực chất, cho nên có thể chứa họp. Vì vậy, quẻ Đại Súc mới nối với quẻ Vô Vọng. Nó là quẻ Cấn trên Kiền dưới, trời mà ở vào trong núi, là Tượng cái *chứa* rất lớn. Súc là chứa ngăn, lại là chưa họp, ngăn thì phải họp, lấy Tượng trời ở trong núi thì là *chứa họp;* lấy nghĩa Cấn mà ngăn Kiền thì là *chứa ngăn.* Ngăn rồi mới *chứa,* cho nên *ngăn* là nghĩa *chứa.*

LỜI KINH

大畜利貞,不家食,吉,利涉大川.

Dịch âm. - *Đại Súc lợi trinh, bất gia thực, cát, lợi thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đại Súc lợi về sự chính, chẳng ăn ở nhà, tốt lợi sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chẳng gì lớn bằng trời, mà lại ở vào trong núi, Cấn ở trên mà ngăn Kiền ở dưới, đều là Tượng chứa *đựng* rất lớn. Ở người ta thì là đạo đức học thuật đầy chứa ở trong, tức là cái *chứa* lớn lắm. Phàm sự *chứa họp,* đều chuyên nói về cái lớn hơn. Sự *chứa đựng,* nên được chính đạo, cho nên nói là lợi về sự chính. Ôi những dị đoan, thiên học[2], họ *chứa* rất nhiều, mà sự bất chính vẫn có. Đã có đạo đức đầy chứa ở trong, nên ở ngôi trên, để hưởng lộc trời, thi thố với thiên hạ, thì chẳng những là tốt một mình, mà lại tốt cả thiên hạ. Nếu phải ở vào hoàn cảnh cùng mà ăn ở nhà, thì là đạo gặp lúc bĩ, cho nên, chẳng ăn ở nhà thì tốt. Cái *chứa* đã lớn, nên đem thi thố với đời, giúp sự gian hiểm của thiên hạ, ấy là sự dùng của cái *chứa lớn,* cho nên lợi sang sông lớn. Đây chỉ theo nghĩa *dưới lớn* mà nói, lời Thoán lại lấy tài đức của quẻ mà nói. Các hào thì chỉ có nghĩa *chứa*

---

[1]Đại Súc nghĩa là chứa lớn.

[2] Dị đoan nghĩa là mối khác. Tiếng của nhà Nho thì những học phái ngoài phái mình. Thiên học là học chuyên về một phương diện như Hình danh học, Âm Dương học v.v...

ngăn. Bởi vì *Kinh Dịch* chủ về thể đạo tùy nghi[1], chỉ lấy những điều rõ và gần hơn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lớn tức là Dương, lấy Cấn chứa Kiền, lại là sự chứa to lớn. Lại nữa, trong là thể Kiền cứng mạnh, ngoài là thể Cấn dày đặc sáng sủa, cho nên có thể mỗi ngày mỗi làm cho đức của mình mới ra, mà thành sự chứa to lớn. Nói về sự biến hóa của quẻ, thì quẻ này do ở quẻ Nhu đi lại, hào Chín bởi tự hào Năm đi lên. Nói về thể quẻ, thì hào Sáu Năm tôn mà chuộng nó. Nói về đức quẻ, thì nó ngăn được sự mạnh. Bấy nhiêu điều đó, không phải là bậc cả chính thì không làm nổi. Cho nên lời Chiêm của nó là lợi về đường chính, không ăn ở nhà thì tốt. Lại, hào Sáu Năm dưới ứng với Kiền là ứng với trời, cho nên lời Chiêm của nó lại là lợi sang sông lớn. Chẳng ăn ở nhà nghĩa là ăn lộc ở triều, không ăn ở nhà.

LỜI KINH

彖曰: 大畜剛健,篤實,輝光日新其德.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đại Súc cương kiện, đốc thực, huy quang, nhật tân kỳ đức.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Đại Súc cứng mạnh, dầy đặc, sáng sủa ngày ngày làm mới đức nó.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây nói về tài đức của quẻ. Thể Kiền cứng mạnh, thể Cấn dầy đặc, tài của người ta cứng mạnh dầy đặc, thì cái chứa của họ dầy đặc mà có ánh sáng, chứa mãi không thôi, thì đức của họ một ngày một mới.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

剛上而尚賢,能止健,大正也.

Dịch âm. - *Cương thượng nhi thượng hiền, năng chỉ kiện, đại chính dã.*

Dịch nghĩa. - Cứng lên mà chuộng trời hiền, ngăn được sự mạnh, cả chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cứng lên là Dương ở trên. Dương cứng ở trên ngôi tôn là nghĩa chuộng người hiền; sự *đậu* ở trên sự *mạnh*, là

---

[1] Trong tiếng thể đạo, chữ thể là động từ (verbe), nghĩa là thể theo. Thể đạo tức uốn nắn, đo đắn cho đúng với đạo, như thể lấy đạo làm hình thể vậy. Nêu thể nào làm theo thể ấy, tức là tùy nghi.

nghĩa *ngăn* được sự *mạnh. Ngăn* đậu sự mạnh, không phải là bậc cả chính thì làm không nổi. Lấy đức Dương cương ở trên và tôn chuộng người hiền đức, ngăn được sức rất mạnh, đều là đạo cả chính.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng sự biến hóa của quẻ và thể thích lời quẻ.

LỜI KINH

不家食吉,養賢也.

Dịch âm. - *Bất gia thực, cát, dưỡng hiền dã.*

Dịch nghĩa. - Chẳng ăn ở nhà, tốt, là nuôi người hiền vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây cũng lấy tượng chuộng người hiền.

LỜI KINH

利涉大川,應乎天也.

Dịch âm. - *Lợi thiệp đại xuyên, ứng hồ thiên dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi về sự sang sông lớn, là ứng với trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người có *chứa lớn,* nên phải đem cái *chứa* ra để giúp thiên hạ, cho nên không ăn ở nhà thì tốt, nghĩa là ở ngôi tôn, hưởng lộc trời vậy. Đó là nhà nước nuôi người hiền, người hiền được thi hành cái đạo của mình. Lợi sang sông lớn, nghĩa là những người có *chứa đựng lớn* nên giúp cho thiên hạ vượt qua sự gian hiểm. Lời Thoán lại phát minh tài quẻ mà rằng "Sở dĩ sang được sông lớn là vì nó ứng với trời", hào Sáu Năm phía dưới ứng với hào giữa của quẻ Kiền, ấy là ông vua *chứa lớn* theo trời mà làm việc. Việc làm đã ứng với trời, thì không có sự gian hiểm nào mà không thể vượt qua, huống chi việc khác.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây cũng lấy thể quẻ mà nói.

LỜI KINH

象曰: 天在山中,大畜,君子以多識前言往行,以畜其德.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên tại sơn trung, Đại Súc, quân tử dĩ đa chí tiền ngôn vãng hạnh, dĩ súc kỳ đức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trời ở trong núi, là quẻ Đại Súc, đấng quân tử coi đó mà ghi nhiều lời trước, nết xưa, để nuôi đức mình.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời là vật rất lớn mà ở trong núi, đó là Tượng *"thửa chứa rất lớn"* đấng quân tử coi Tượng đó mà làm cho *lớn* cái *chứa đựng* của mình. Sự *chứa đựng* của người ta bởi học mà lớn, cốt ở nghe nhiều lời nói và việc làm của các thánh hiền đời xưa, khảo nghiệm để xem sự dùng của họ, xét lời họ để tìm bụng họ, ghi cho được những cái ấy để nuôi nên cái đức của mình, đó là nghĩa "đại súc".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trời ở trong núi, chẳng cứ thật có việc đó, chỉ lấy cái tượng mà nói đó thôi.

LỜI KINH

初九: 有厲,利已.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Hữu lệ, lợi dĩ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Có nguy, lợi thôi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đại Súc là Cấn ngăn chứa Kiền, cho nên ba hào quẻ Kiền, đều lấy về nghĩa *bị ngăn,* ba hào quẻ Cấn đều lấy về nghĩa *ngăn người.* Hào Đầu chất Dương cương, lại thể mạnh, mà ở dưới, là kẻ ắt phải tiến lên, nhưng bị hào Sáu Tư ở trên *chứa ngăn* mình, nó sao địch nổi cái thế "ở trên được ngôi" của hào kia? Nếu phạm vào đó mà tiến lên, thì phải có sự nguy nghèo, cho nên chỉ lợi về cách thôi đừng tiến nữa. Ở quẻ khác thì Hào Đầu với hào Tư là chính ứng, cứu viện cho nhau, ở quẻ Đại Súc thì sự ứng nhau lại thành ra ngăn chứa nhau. Hào Trên với hào Ba đều là hào Dương, thì là hợp với chí với nhau. Vì Dương là vật tiến lên, cho nên có Tượng *cùng chí* mà không có nghĩa *ngăn chứa.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ba hào Kiền bị quẻ Cấn thửa ngăn, cho nên hai quẻ trong ngoài, quẻ nào lấy theo nghĩa của quẻ ấy. Hào Chín Đầu bị hào Sáu Tư thửa ngăn, cho nên lời Chiêm của nó là "đi thì có nguy mà lợi về sự thôi".

LỜI KINH

象曰: 有厲利已,不犯災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu lệ, lợi dĩ, bất phạm tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có nguy lợi thôi, chẳng phạm vào tai vạ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có sự nguy thì nên thôi, không nên phạm vào vạ nguy mà đi. Chẳng lượng cái thế của mình mà đi, tất nhiên có nguy.

LỜI KINH

九二：輿說輹.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Dư thoát bức.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Xe trút bánh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai bị hào Sáu Năm ngăn chứa, thế không thể tiến. Hào Năm giữ thế ở trên, há có thể phạm được vào nó? Hào Hai tuy là thể cứng mạnh, nhưng nó xử được sự trung đạo, cho nên dù tiến, dù thôi, đều không lầm lỗi. Dẫu rằng chí nó vẫn ở sự tiến, nhưng nó liệu thế không thể tiến được, thì thôi không đi, như xe cộ trút bỏ các bánh, nghĩa là không đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai cũng bị hào Sáu Năm thửa ngăn, vì nó ở giữa, cho nên tự mình thôi không tiến nữa, có Tượng như thế.

LỜI KINH

象曰：輿說輹,終無尤也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dư thoát bức, trung vô vưu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xe trút bánh, được giữa thì không có lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xe trút bánh mà không đi, nghĩa là xử được trung đạo, cử động không sai với sự thích nghi, cho nên không có lầm lỗi. Hay không gì hay bằng cứng giữa, mềm giữa chỉ là không đến mềm quá mà thôi; cứng giữa thì là giữa mà có tài. Hào Chín Đầu ở không được giữa, cho nên răn là có nguy nên thôi. Hào Hai được ở chỗ giữa, tiến hay thôi tự nhiên không có sai lỗi, cho nên nói là "xe trút bánh" nghĩa là không đi, không đi thì không lỗi rồi. Hào Đầu với hào Hai thể Kiền cứng mạnh, mà không đủ để tiến lên, hào Tư với hào Năm là chất Âm mềm mà lại có thể *ngăn cản,* thời có thịnh suy, thế có mạnh yếu, kẻ học *Dịch* phải nên biết rõ.

LỜI KINH

九三：良馬逐,利艱貞,曰閑輿衛,利有攸往.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Lương mã trục, lợi gian trinh, nhật nhàn dư vệ, lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Ngựa hay ruổi, ngày quen xe, vệ, lại có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba cứng mạnh tột bậc, mà Chín

Trên hào Dương, cũng là vật tiến lên, lại ở vào cùng tột sự chứa mà muốn biến đổi, hào ấy với hào Ba không *chứa* nhau, lại cùng một chí là cùng ứng nhau để tiến, hào Ba là bậc có tài cứng mạnh, mà kẻ ở trên hợp bụng với mình thì tiến, thì sự tiến của nó như thể ngựa hay rong ruổi, nghĩa là nhanh lắm. Tuy là thế nó tiến nhanh, nhưng mà không thể cậy có tài mạnh, lại có người trên ứng với mà quên được sự phòng bị và sự thận trọng. Để mà tự phòng phải nên hàng ngày thường tập cho quen xe cộ và đồ phòng vệ của mình, thì sẽ lại có thửa đi. Hào Ba là thể Kiền, ở chỗ chính, là kẻ có thể chính bền, chắc phải có sự hăng tiến, cho nên răn nó bằng sự biết khó và không sai lỗi sự chính. Chí nó đã hăng về sự tiến lên, tuy là cương minh, có lúc lầm lỗi, không thể không bảo cho biết.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Ba lấy chất Dương, ở chỗ cùng tột thể mạnh, hào Trên lấy chất Dương ở chỗ cùng tột sự *chứa.* Đó là lúc cùng cực mà biến thông, hai hào đó lại đều là Dương, không chứa nhau mà cùng tiến lên, có Tượng ngựa hay rong ruổi. Nhưng nó quá cứng, hăng tiến, cho nên lời Chiêm của nó phải răn bằng sự "khó nhọc chính bền, luyện tập quen thuộc, mới lợi về có sự đi". Chữ 曰 *(viết)* nên đổi làm chữ 日 *(nhật)* như chữ 日 *(nhật)* trong tiếng 日月 *(nhật nguyệt).*

LỜI KINH

象曰: 利有攸往,上志合也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lợi hữu du vãng, thượng chí hợp dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lợi có thửa đi, vì chí kẻ trên hợp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ lợi có thửa đi, vì nó với kẻ ở trên hợp bụng cùng nhau, Hào Chín Trên tính Dương phải tiến lên, vả lại ở chỗ sự *chứa* đã cùng cực, cho nên nó không xuống *chứa* hào Ba cùng hào này hợp bụng tiến lên.

LỜI KINH

六四: 童牛之梏,元吉.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Đồng ngưu chi cốc, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Cái cùm trâu non, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy ngôi mà nói thì hào phía dưới ứng với hào Đầu, là kẻ *ngăn chứa* hào Đầu, hào Đầu ở chỗ dưới nhất là Dương còn nhỏ, nó còn nhỏ mà *chứa* nó thì dễ kiềm chế, cũng như con trâu non mà bắc cùm vào, ấy là cả hay mà tốt. Bàn qua về đạo *chứa,*

thì hào Tư là thể Cấn ở ngôi trên mà được chỗ chính, đó là kẻ lấy đức chính đính ở ngôi đại thần, gánh vác việc *chứa*. Trách nhiệm của kẻ đại thần, trên thì *ngăn chỉ* tà tâm của ông vua, dưới thì *ngăn* chỉ kẻ ác trong thiên hạ. Cái ác của người ta, ngăn từ lúc đầu thì dễ; đến khi đã quá mà mới cấm đoán, thì sẽ trở ngại mà khó thẳng được, cho nên ác của người trên đã tệ, thì dù ông thánh cứu họ, cũng không tránh khỏi sự trái ý; Ác của kẻ dưới đã tệ, thì dù ông thánh trị họ, cũng không tránh khỏi sự giết chóc; chẳng gì bằng ngăn ngừa lúc đầu, như con trâu nọn mà bắc cùm vào, thì là cả tốt. Tính trâu hay dùng sừng để cày húc, đóng cùm ngăn nó, như con trâu non mới mới mọc sừng mà bắc cùm vào khiến cho cái tính cày húc của nó không phát ra nữa, thì dễ dàng mà không bị hại. Nói vậy để ví với hào Sáu Tư biết ngăn chỉ cái ác của kẻ trên người dưới trước khi chưa phát, thì là điều tốt trong việc cả hay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Đồng* là tiếng gọi con trâu chưa mọc sừng. Cốc là bắc khúc gỗ ngang ở sừng để giữ cho nó khỏi húc. Ngăn sự húc của con trâu từ khi nó chưa mọc sừng thì dễ làm việc, ấy là điều tốt của sự cả hay, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 六四元吉,有喜也.

Dịch âm. - *Tượng viết : Lục Tứ nguyên cát, hữu hỷ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng : Hào Sáu Tư cả tốt, có mừng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ác của thiên hạ đã thịnh mà mới ngăn đón, thì trên phải nhọc về sự cấm chế, dưới phải hại về sự giết chóc cho nên ngăn chỉ ngay tự trước khi còn nhỏ, thì cả hay mà tốt, không phải nhọc mà không bị hại, cho nên đáng mừng. Hào Tư ngăn chỉ hào Đầu là vậy đó.

LỜI KINH

六五: 豶豕之牙,吉

Dịch âm. - *Lục ngũ: Phần thỉ chi nha, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Nanh con lợn thiến, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm ở ngôi vua, ngăn chỉ sự tà ác của thiên hạ. Ôi lấy số dân nhiều hàng ức triệu, đều phát những lòng tà dục của họ, ông vua muốn lấy sức mà trị, dù cho phép ngặt, hình nghiêm, cũng không thể nổi. Vật phải có chỗ tóm thu, việc thì phải có cơ hội, thánh nhân nắm được cái chốt, thì coi lòng của số

người ức triệu, cũng như một lòng, dắt thì họ đi, ngăn thì họ thôi, cho nên không phải vất vả mà đâu vào đấy, như nanh con lợn thiến vậy. Lợn là loài vật hăng tợn, nanh là một vật mạnh sắc, nếu cưỡng chế cái nanh của nó, thì phải nhọc sức, mà không thể ngăn được hăng tợn của nó, dù cho trói nó, buộc nó, cũng không thể khiến nó đổi tính. Nếu thiến bỏ cái khung của nó, thì nanh nó dù còn, tính hăng tợn phải thôi, công dụng của nó như thế, cho nên mới tốt. Đấng quân tử phát minh cái nghĩa lợn thiến, biết rằng ác của thiên hạ, không thể lấy sức mà trị, thì phải xét rõ cơ hội, nắm lấy cái chốt, bịt lấp hẳn tự rễ gốc của nó, thì không cần mượn đến hình pháp nghiêm ngặt, mà kẻ ác tự nhiên mà thôi. Vả như ngăn sự trộm cắp: dân có lòng tham, thấy lợi động; nếu không biết biết dạy mà để cho họ phải bức bách về đói rét, thì hàng ngày chém giết, cũng không thể nào trị xiết cái bụng lợi dụng của ức triệu người. Đấng thánh nhân biết cách ngăn chỉ sự đó, không chuộng oai hình mà sửa chính giáo, khiến họ có nghề nông trang, biết đạo liêm sỉ, thì dẫu thưởng họ, họ cũng không chịu ăn trộm. Cho nên cách ngăn điều ác, cốt ở biết được cái gốc, nắm được cái chốt, không dùng nghiêm hình ở nơi kia, mà sửa chính giáo ở nơi này, cũng như sợ cái nanh sắc, không chế cái nanh mà thiến cái khụng vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là Dương đã tiến rồi mà ngăn nó lại, không được dễ bằng hào Đầu. Nhưng hào này lấy chất mềm ở chỗ giữa, mà đương vào ngôi tôn, ấy là nắm được cơ hội mà có thể chế, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 六五之吉,有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục ngũ chi cát, hữu khánh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của hào Sáu Năm, có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ ở trên mà không biết mẹo *ngăn cấm* điều ác, dùng hình phạt nghiêm ngặt để chọi với lòng ham muốn của dân, thì hại nhiều mà không có công. Nếu biết cái gốc của nó, chế nó có cách, thì chẳng nhọc, không hại, mà thói tục biến đổi, ấy là phúc khánh của thiên hạ.

LỜI KINH

上九: 何天之衢亨

Dịch âm. - *Thượng cửu: Hà thiên chi cù hanh.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Sao đường trời hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. . - Ta nghe Hồ tiên sinh nói rằng; câu: 天之衢亨 *(thiên chi cù hanh)* lầm thêm chữ 何 *(hà).* Việc đến cùng cực thì phải quay lại, đó là lẽ thường. Cho nên sự *chứa* cùng cực thì phải hanh thông. Quẻ Tiểu Súc là sự *chứa lớn,* cho nên cùng cực thì tan. Cùng cực đã đáng biến đổi, lại vì tính Dương đi lên, cho nên mới tan. Thiên cù tức là đường trời, nghĩa là trong chốn trống rỗng, hơi mây, chim bay đi lại, cho nên gọi là đường trời. Đường trời mà hanh, là nó thông suốt, khoáng đãng, không có ngăn lấp, ở đạo chứa thì biến đổi, biến đổi mà hanh thông, chứ không phải đạo chứa hanh thông.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sao đường trời hanh, ý nói sao nó thông đạt lắm vậy. Sự chứa đã cùng cực mà hanh thông, thì nó khoáng đãng mà không có vướng mắc, cho nên Tượng Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 何天之衢亨,道大行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hà thiên chi cù hanh, đạo đại hành dã.*

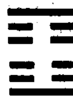
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sao đường trời hanh! Đường cả thông hanh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sao gọi là đường trời? Vì nó không có ngăn vướng, đường sá cả thông hành. Bởi chữ "đường trời" không phải tiếng nói thường, cho nên lời Tượng đặt ra câu hỏi mà rằng: "Sao lại gọi là đường trời? Vì là đường sá rất thông, lấy về hình trạng trống rỗng, rộng rãi vậy". Bởi lời Tượng có chữ 何 *(hà)* cho nên lời hào cũng lầm thêm vào.

Lời bàn của Tiên Nho. - Cảnh Khai Phong nói rằng: Thể dưới là kẻ bị chứa, thể trên là kẻ ngăn chứa kẻ dưới, bị chứa đến hào Chín Ba thì là ngựa hay ruổi rồi, không như hào Đầu và hào Hai nữa; ngăn chứa kẻ dưới đến hào Chín Trên thì là đường trời hanh rồi, không như hào Tư và hào Năm nữa.

QUẺ DI


Cấn trên
Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Di, Tự quái nói rằng: *Chứa* rồi mới có thể *nuôi*[1] cho nên tiếp đến quẻ Di. Ôi loài vật đã có *chứa họp,* thì ắt có cái *nuôi* nó, không có cái nuôi thì không thể tồn tại, sinh sôi, vì vậy quẻ Di mới nối quẻ Đại Súc. Quẻ này trên Cấn dưới Chấn, trên dưới hai hào Dương, giữa ngậm bốn hào Âm, trên đậu mà dưới động, ngoài đặc và trong rỗng, là Tượng mép cằm người ta. Di là *nuôi,* miệng người ta cốt để ăn uống, *nuôi* thân người ta. Cho nên gọi là quẻ Di. Đấng thánh nhân đặt quẻ, suy rộng nghĩa của chữ nuôi, lớn thì đến như trời đất nuôi nấng muôn vật, đấng thánh nhân nuôi người hiền, cho đến muôn dân và người ta nuôi đời sống, nuôi hình hài, nuôi đạo đức, nuôi người khác, đều là đạo nuôi nấng. Động cựa hay nghỉ ngơi, dè dặt hay phát tiết, là để nuôi đời sống, ăn uống quần áo là để nuôi hình hài, dáng dấp hạnh nghĩa, là để nuôi đạo đức, suy mình ra người là để nuôi người khác.

LỜI KINH

頤貞吉,觀頤,自求口實.

Dịch âm. - *Di trinh cát, quan di tự cầu khẩu thực.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Di chính tốt, xem sự nuôi, tự tìm cái thật của miệng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo của sự *nuôi,* hễ chính đạo thì tốt. Người ta nuôi thân mình, nuôi đạo đức, nuôi kẻ khác, và được người khác nuôi, đều theo chính đạo thì tốt; trời đất tạo hóa nuôi nấng muôn vật, vật nào được sự thích nghi của vật ấy, cũng là chính đạo mà thôi. Xem sự nuôi, tự tìm cái thật của miệng, nghĩa là xem cái người ta thửa nuôi và cách tự tìm cái thật cho miệng của họ, thì sự thiện ác lành dữ có thể thấy được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Di là chỗ cạnh miệng, miệng ăn đồ ăn để tự nuôi, cho nên mới là nghĩa *nuôi.* Nó là quẻ trên dưới hai hào Dương, trong ngậm bốn hào Âm, ngoài đặc, trong rỗng, trên đậu dưới

[1] Chữ 頤 (di) có nghĩa là mép, có nghĩa là nuôi.

động, là Tượng cái *mép,* và nghĩa sự *nuôi.* Trinh cát nghĩa là kẻ xem được chính thì tốt. Quan Di nghĩa là xem cách thửa nuôi. Tự cầu khẩu thực nghĩa là xem xét thuật nuôi mình, hễ đều được chính thì tốt.

LỜI KINH

象曰: 頤貞吉,養正則吉也.觀頤,觀其所養也.自求口實,觀其自養也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Di trinh cát, dưỡng chinh tắc cát dã; quan di, quan kỳ sở dưỡng dã; tự cầu khẩu thực, quan kỳ tự dưỡng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Di chính tốt, là thửa nuôi được chính thì tốt vậy; xem sự nuôi, là xem cái thửa nuôi vậy; tự tìm cái thật của miệng, là xem cái tự nuôi của người ta vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trinh cát là thửa nuôi được chính thì tốt, "thửa nuôi" chỉ về người nuôi và cách nuôi, tự tìm cái thật của miệng, chỉ về cách tự tìm để nuôi thân mình, hễ đều dùng sự chính đính thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích lời quẻ.

LỜI KINH

天地養萬物,聖人養賢已及萬民.頤之時大矣哉.

Dịch âm. - *Thiên địa dưỡng vạn vật, thánh nhân dưỡng hiền dĩ cập vạn dân. Di chi thì đại hỹ tai.*

Dịch nghĩa. - Trời đất nuôi muôn vật, đấng thánh nhân nuôi người hiền để đến muôn dân, thì của quẻ Di lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là thánh nhân nói cho cùng tận đạo nuôi mà tán dương sự lớn của nó. Đạo của trời đất là nuôi nấng muôn vật, mà đạo nuôi nấng muôn vật chỉ có sự chính mà thôi. Đấng thánh nhân thì nuôi nấng những bậc hiền tài, cùng họ chung ngôi trời, để họ ăn lộc trời, khiến họ thi ân với thiên hạ, đó là nuôi người hiền để tới muôn dân, nuôi người hiền là nuôi muôn dân vậy. Ôi, ở trong trời đất, phẩm vật đông nhiều, không *nuôi* thì không thể sống, đấng thánh nhân sửa nên đạo của trời đất, giúp tập sự thích nghi của trời đất, để nuôi thiên hạ, cho đến chim muông cây cỏ, cũng đều có những chính sự để nuôi nó. Đạo ấy sánh với trời đất, cho nên đấng phu tử suy rộng đạo *nuôi,* tán dương công của trời đất và đấng thánh nhân mà rằng: "Thì của sự nuôi lớn vậy thay".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cực đạo *nuôi* mà ngợi khen nó.

LỜI KINH

象曰: 山下有雷,頤.君子以慎言語,節飲食.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn hạ hữu lôi, Di, Quân tử dĩ thận ngôn ngữ, tiết ẩm thực.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới núi có sấm, là quẻ Di, đấng quân tử coi đó mà cẩn thận nói năng, dè dặt uống ăn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy hai thể mà nói, dưới núi có sấm động ở dưới núi, sinh vật ở trên núi đều động ở rễ vỏ, mọc mầm mống, là Tượng sự *nuôi.* Lấy nghĩa trên dưới mà nói, Cấn đậu mà Chấn động, trên đậu dưới động, là Tượng mép cằm. Lấy hình quẻ mà nói, trên dưới hai hào Dương, giữa ngậm bốn hào Âm, ngoài đặc trong rỗng, là Tượng mép miệng. Miệng là cái để *nuôi* thân, cho nên đấng quân tử coi Tượng của nó mà *nuôi* mình, cẩn thận nói năng để *nuôi* đức hạnh, dè dặt ăn uống để *nuôi* thân thể. Câu đó chẳng những theo Tượng cái miệng lấy nghĩa sự *nuôi* mà thôi, việc rất gần mà quan hệ rất lớn, cũng không gì hơn nói năng ăn uống.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai điều đó[1] là việc thiết yếu trong sự nuôi đức hạnh và nuôi thân thể.

LỜI KINH

初九: 舍爾靈龜,觀我朵頤,凶.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Xả nhĩ linh quy, quan ngã đóa di, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Bỏ con rùa thiêng của mày, xem ta trễ mép, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Đầu quẻ Di cũng mượn người ngoài mà nói, *mày* chỉ hào Đầu, bỏ con rùa thiêng của *mày,* bèn xem ta mà trễ *mép.* Chữ ta là đối chữ *mày* mà đặt. Hào Đầu sở dĩ trễ *mép* là vì hào Tư, nhưng không phải hào Tư bảo nó, là lời giả thiết đó thôi. Hào Chín thể Dương cương minh, tài trí của nó đủ để nuôi sự chính đính. Con rùa có thể ngậm thở, không ăn, con rùa thiêng ví nó sáng khôn, có thể không cầu sự ăn ở ngoài. Tài tuy như thế, nhưng là hào Dương, ở thể động mà mờ thì *nuôi,* tìm sự *nuôi* là điều mà người ta muốn, ở trên nó ứng với hào Tư, không thể tự giữ, chí ở đi lên, là kẻ

[1] Tức là nói năng, ăn uống.

thích cái mình muốn mà trễ mép vậy. Lòng nó đã động, ắt phải tự mình làm mất bản lĩnh của mình. Mê muội về sự ham muốn, tự mình làm mất bản lĩnh của mình, là hào Dương mà theo hào Âm, thì còn sự gì mà nó không làm? Thế cho nên hung. Trễ mép nghĩa là máy động cằm mép, người ta trông thấy đồ ăn thì phải trễ nhép nhỏ dài, cho nên mới dùng làm Tượng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Rùa thiêng là vật không ăn. Trễ là rủ xuống. Trễ mép là bộ muốn ăn. Hào Chín Đầu Dương cương ở dưới, có thể không ăn, mà lại ứng nhau với hào Sáu Tư là hào Âm ở trên, mà động lòng mong muốn, ấy là đạo hung, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 觀我朵頤,亦不足貴也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quan ngã đóa di, diệc bất túc quí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xem ta trễ mép, cũng chẳng đủ quý vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín là thể động, trễ mép nghĩa là nó thích hào Âm mà chí động. Đã bị lòng dục làm động, thì tuy có tài cứng mạnh sáng khôn, rút lại cũng là tự mình đánh mất bản lĩnh của mình cho nên tài nó cũng không đủ quý.

LỜI KINH

六二: 顛頤,拂經于丘,征凶.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Điên di, phất kinh vu khâu, chinh hung dã.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Đảo nuôi, trái thường ở gò, đi thì hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Con gái không thể tự mình ở mình, ắt phải theo con trai, khí Âm không thể đứng một mình, ắt phải theo khí Dương. Hào Hai là chất Âm mềm, không thể tự *nuôi,* là kẻ phải chờ sự *nuôi ở* người. Thiên tử *nuôi* thiên hạ, chư hầu *nuôi* một nước, bề tôi ăn lộc của đấng quân thượng, dân nhờ sự *nuôi* của bọn "coi chăn, đều là kẻ trên *nuôi* người dưới, đó là lẽ chính đáng. Hào Hai đã không thể tự *nuôi,* ắt phải cầu sự *nuôi ở* hào Dương cương. Nếu nó trở xuống cầu ở hào Đầu, thì là điên đảo, cho nên nói là "đảo nuôi". Đảo *nuôi* thì trái lỗi lẽ thường, việc đó không thể làm được. Nếu có cầu *nuôi ở* gò, thì khi đi ắt có sự hung. Gò là vật ở người mà cao, chỉ hào Chín Trên. Trong quẻ chỉ có hai hào Dương, đã không thể điên đảo sự *nuôi* với hào Đầu, nếu cần sự *nuôi ở* hào Chín Trên, đi thì có

sự hung. Trong thì "nuôi", ứng nhau tức là *nuôi* nhau. Hào Trên không phải kẻ ứng với nó, mà đi cầu *nuôi* tức là trái đạo, động càn, cho nên mới hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cầu sự *nuôi ở* hào Đầu, thì là điên đảo, mà trái lẽ thường; cầu nuôi *ở* hào Trên, thì đi mà được hung. Gò là chỗ đất cao, tức là Tượng của hào Trên.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Đầu hào Trên là hào Dương, các hào Âm nhờ cậy sự *nuôi ở* nó, hào Hai *ở* trên hào Đầu lại chịu sự *nuôi* của hào Đầu, thì là điên đảo, lại trái hào Năm là hào chính ứng của nó, thế trái thường. Nếu lại đi mà cầu sự *nuôi ở* hào Trên thì ắt có hung. Hào Sáu Hai *ở* quẻ khác là mềm thuận trung chính, *ở* quẻ Di thì là động lòng vì mồm miệng thân thể, Hào Đầu động lòng với hào Sáu Tư, hào Hai dưới thì bị hào Chín Đầu làm cho động lòng, trên thì bị hào Chín Trên làm cho động lòng, hai đường đều có chỗ theo, mà không đường nào được lợi.

Hồ Song Hồ nói rằng: Hào Hai đảo nuôi cũng như hào Tư, trái thường cũng như hào Năm, thế mà lành dữ khác nhau, là vì cái đạo *nuôi* nấng lấy sự yên tĩnh là không sai lỗi; hào hai *ở* thể động, cho nên điên đảo, trái lỗi là hung; hào Tư hào Năm là thể tĩnh, cho nên dù có điên đảo trái lỗi cũng tốt. Ba hào thể Chấn đều hung, ba hào thể Cấn đều tốt, coi đó đủ biết.

LỜI KINH

象曰：六二征凶,行失類也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Nhị chinh hung, hành thất loại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào sáu Hai đi thì hung, vì đi mất loài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đi mà theo hào Trên thì hung, là vì không phải loài nó. Đi tìm mà mất loài mình, được hung là phải.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu hào Trên đều không phải là loài của nó.

LỜI KINH

六三：拂頤,貞凶,十年勿用,無攸利.

Dịch âm. - *Lục Tam: Phất di, trinh hung, thập niên vật dụng, vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Trái nuôi, chính hung, mười năm chớ dùng, không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo nuôi, chỉ có chính đạo thì tốt. Hào

Ba lấy chất Âm mềm mà ở chỗ không trung chính, lại ở nơi cùng cực của sự động, đó là kẻ nhu tà, bất chính mà động. Sự nuôi của nó như thế, trái với chính đạo của việc *nuôi* cho nên mới hung. Được chính đạo của sự *nuôi,* thì thửa nuôi đều tốt; *nuôi* người thì hợp với nghĩa tự *nuôi* mình thì làm nên đức, hào Ba bên trái lỗi chính đạo, cho nên răn rằng mười năm chớ dùng. Mười là cuối cùng của số, nghĩa là đến lúc cuối cùng vẫn không dùng được, không đi đâu mà lợi vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm không trung chính ở chỗ cùng cực của sự động, ấy là trái với đạo *nuôi.* Đã trái đạo *nuôi* tuy chính cũng hung, cho nên tượng chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 十年勿用,道大悖也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thập niên vật dụng, đạo đại bội dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Mười năm chớ dùng, đạo cả trái vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ phải răn mười năm chớ dùng là vì cái đạo nó theo, rất trái nghĩa lý.

LỜI KINH

六四: 顛頤,吉.虎視眈眈,其欲逐逐,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Điên di, cát, hổ thị đam đam, kỳ dục trục trục vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đảo nuôi, tốt, hổ trông hau háu, lòng muốn của nó liền liền, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư ở trên người ta, là ngôi đại thần, hào Sáu lấy chất Âm mà ở vào đó, sức Âm mềm không đủ nuôi mình, huống chi là nuôi thiên hạ. Hào Chín Đầu lấy chất Dương cương ở dưới, tức là người hiền ở dưới, với hào Tư ứng nhau, hào Tư lại mềm thuận mà chính đính, ấy là thuận với hào Đầu và nhờ hào Đầu nó *nuôi.* "Là người trên mà *nuôi* người dưới, nay nó lại cầu kẻ *nuôi* mình, đó là điên đảo, cho nên nói rằng "đảo nuôi". Nhưng, cái trách nhiệm mình không gánh nổi, mà cần người hiền ở dưới gánh cho, mà thuận theo họ để cho nên việc, thì thiên hạ được *nuôi,* mà mình cũng không có lỗi khoáng bại, cho nên là tốt. Ôi, kẻ ở ngôi trên, ắt có tài đức uy vọng, khiến cho hạ dân tôn sợ, thì công việc sẽ đâu vào đấy mà lòng người phục theo; nếu hoặc kẻ dưới coi thường người trên, thì chính lệnh mà người ta không theo hình pháp ra mà sự oán nỗi, thiên hạ coi sự lấn phạm người trên là thường, sự loạn bởi đó mà

ra; hào Sáu Tư tuy biết thuận theo kẻ Dương cương, không bỏ chức vụ của mình, nhưng nó vốn chất Âm mềm, nhờ người nên việc, là kẻ mà người ta kinh, cho nên nó phải tự nuôi oai nghiêm, hau háu như con hổ nhòm thì mới khiến cho thể diện tôn trọng, kẻ dưới không dám coi thường. Lại nữa, kẻ theo người ta, ắt phải thường thường theo luôn, nếu mà gián đoạn không liên tục, thì chính sự sẽ hỏng; "lòng muốn của nó" chỉ về những người mà nó cần dùng, ắt phải liền liền nối nhau không thiếu, thì việc mới nên, nếu theo người ta mà không kế tiếp, thì phải khốn cùng; đã có oai nghiêm, mà công việc thi hành không bị cùng khốn, cho nên không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chất mềm ở trên, được chỗ chính, mà kẻ ứng với nó cũng chính đính, nó nhờ sự nuôi của kẻ ứng viện để ban ơn huệ cho người dưới, cho nên tuy là điên đảo mà tốt. "Hổ trông hau háu" nghĩa là biết hạ mình một cách chuyên nhất, "lòng muốn của nó liền liền" nghĩa là cầu cạnh người ta có kế tiếp, lại được như thế thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰：顛頤之吉,上施光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Điên di chi cát, thượng thí quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của sự đảo nuôi, vì ơn trên sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Điên đảo của *nuôi* mà sở dĩ tốt, là vì được kẻ Dương cương ứng với, để làm nên việc, khiến cho ân đức của mình, là người ở trên, sáng tỏ chùm khắp thiên hạ, sự tốt gì lớn hơn thế?

LỜI KINH

六五：拂經,居貞吉,不可涉大川.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Phất kinh, cư trinh cát, bất khả thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Trái thường, ở chính tốt, chăng khá sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm trong thì nuôi, là kẻ ở ngôi vua mà nuôi thiên hạ. Nhưng nó vốn chất Âm mềm, tài không đủ nuôi thiên hạ, vì ở trên có người hiền về bậc Dương cương, cho nên nó phải thuận theo, nhờ vào người ấy *nuôi* mình để giúp thiên hạ. Vua là một kẻ đáng phải nuôi người, mà lại phải nhờ một người nuôi, đó là trái với lẽ thường. Đã vì sức mình không đủ mà phải thuận theo

bậc sư phó hiền, hào Trên là ngôi sư Phó, ắt là giữ chính bền, dốc lòng ủy thác tin cậy, thì sẽ có thể giúp đỡ thân mình, ơn trạch lan đến thiên hạ, cho nên là tốt. Bởi chất Âm mềm, không có tính trinh cương, cho nên phải răn rằng: có thể ở được chính bền. Là tài Âm mềm, tuy là nương tựa vào bậc hiền giả cứng cỏi, cũng chỉ có thể giữ gìn trong lúc bình thì, không thể ở vào những thủa gian nan biến cố, cho nên nó rằng: chẳng khá sang sông lớn. Phát minh nghĩa đó là để răn kẻ làm vua. Ở hào Chín Trên, thì cứ theo đạo "gắng thân mình, hết lòng trung" của kẻ làm tôi mà nói, cho nên hai hào không giống nhau.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Năm Âm mềm bất chính, ở ngôi tôn mà không thể *nuôi* người, lại phải nhờ hào Chín Trên nuôi mình, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 居貞之吉,順以從上也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cư trinh chi cát, thuận dĩ tòng thượng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của sự ở chính, vì thuận theo trên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở chính mà tốt, ý nói nó biết kiên cố thuận theo người hiền Chín Trên để nuôi thiên hạ.

LỜI KINH

上九: 由頤,厲,吉,利涉大川.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Do di, lệ, cát, lợi thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Bởi nuôi, nguy, tốt, lợi sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên lấy đức Dương cứng ở ngôi sư phó, ông vua Sáu Năm mềm thuận theo mình, nhờ cậy sự *nuôi* của mình, thiên hạ *bởi* đó mà được *nuôi.* Là người bề tôi, đương vào trách nhiệm ấy, ắt phải thường thường đem lòng lo sợ thì tốt. Ôi, vì tài của vua không đủ, mà phải nương tựa vào mình, mình đã đem thân gánh công việc to của thiên hạ, thì nên đưa hết tài lực, làm cho thiên hạ vượt qua sự nguy nan mà nên cuộc thịnh trị, cho nên nói rằng: lợi sang sông lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Năm nhờ sự *nuôi* của hào Chín Trên để *nuôi* người, ấy là kẻ khác *bởi* hào Chín Trên mà được *nuôi.* Ngôi cao trách nhiệm nặng, cho nên lo sợ mà tốt. Dương cương ở trên, cho nên lợi sang sông lớn.

LỜI KINH

象曰: 由頤厲吉,大有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Do di, lệ, cát, đại hữu khánh dã.*

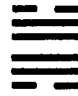
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bởi nuôi, ngu, tốt, cả có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Như hào Chín Trên gánh trách nhiệm lớn là thế mà biết lo sợ là thế, thì cả thiên hạ được thấm ân đức, ấy là cả có phúc khánh.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lý Long Sơn nói rằng: Sáu hào quẻ Di, ba hào trên đều tốt, ba hào dưới đều hung, bởi vì thể dưới là Chấn, hỏng về động càn, thể trên là Cấn, biết đỗ ở chỗ nên đỗ. Coi đó thì biết sự *nuôi* của đấng quân tử nên như thế nào.

QUẺ ĐẠI QUÁ


Đoái trên
Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đại quá, Tự quái nói rằng: Di tức là *nuôi* không *nuôi* thì không thể động, cho nên tiếp đến quẻ Đại quá[1]. Phàm các vật, có được nuôi nấng mà sau mới có thể nên, nên được thì có thể động, đã động thì phải cả *quá,* vì vậy quẻ Đại quá mới nối quẻ Di. Nó là quẻ trên Đoái dưới Tốn, chằm ở trên cây, tức là ngập cây, chằm vốn là một vật thấm nhuần nuôi nấng cho cây mà đến ngập lụt mất cây, đó nghĩa là *cả quá.* Quá là Dương *quá,* cho nên là nghĩa "cái gì cả lớn thì quá". Quá cả nghĩa là việc lớn quá: đạo đức công nghiệp của thánh nhân cả quá người thường, và những việc gì cả *quá* sự thường, đều là nó cả.

LỜI KINH

大過,棟橈,利有攸往,亨.

Dịch âm. - *Đại quá, đống nạo, lợi hữu du vãng, hanh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đại quá, cột oẻ, lợi có thửa đi, hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiểu quá khí Âm quá ở trên và dưới, quẻ Đại quá khí dương quá ở giữa. Dương quá ở giữa mà trên, dưới yếu rồi, cho nên là Tượng cột oẻ. *Cột* là lấy nghĩa chịu nổi sự nặng, bốn hào Dương họp cả ở giữa, có thể bảo là nặng rồi. Hào Chín Ba và hào Chín Tư đều lấy Tượng cái cột, ý nói nó gánh việc nặng, oẻ là lấy nghĩa gốc ngọn đều yếu, giữa mạnh mà gốc ngọn yếu, cho nên mới oẻ. Khí Âm yếu mà khí Dương mạnh, đấng quân tử thịnh mà kẻ tiểu nhân thì suy, cho nên lợi có thửa đi mà hanh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cả chỉ về Dương. Bốn hào Dương ở giữa thịnh quá, cho nên mới là *cả quá.* Hai hào Âm ở trên và dưới không chịu xuể sự nặng của những hào kia, cho nên có Tượng cốt oẻ, lại vì bốn hào tuy quá, mà hào Hai hào Năm được giữa, trong *nhún* ngoài *đẹp lòng,* có cách làm được, cho nên lợi có thửa đi mà hanh.

[1]Đại quá nghĩa là cả quá.

LỜI KINH

象曰：大過，大者過也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đại quá, đại giả quá dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Đại quá là cái cả lớn quá thường.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái *cả lớn* quá thường là chỉ về Dương quá thịnh. Ở việc, thì là những việc lớn lao quá thường và sự quá thường lớn lao.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

棟橈，本末弱也.

Dịch âm. - *Đống não, bản mạt nhược dã.*

Dịch nghĩa. - Cột ỏe, gốc ngọn yếu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ý nói hai hào Âm ở trên và dưới suy yếu. Dương thịnh thì Âm suy, cho nên là cái cả *lớn quá thường.* Ở quẻ Tiểu quá nói rằng: "Cái nhỏ quá thường" tức là khí Âm quá thường.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là lấy thể quẻ để thích lời quẻ. *Gốc* là hào Đầu, *ngọn* là hào Trên, *yếu* là Âm mềm.

LỜI KINH

剛過而中，巽而說，行利有攸往，乃亨.

Dịch âm. - *Cương quá nhi trung, tốn nhi duyệt, hành, lợi hữu du vãng, nãi hanh.*

Dịch nghĩa. - Cứng quá thường mà được giữa, nhún mà đẹp lòng, làm việc lợi có thửa đi, mới hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây nói cái hay của tài quẻ. Phần cứng tuy quá thường mà hào Hai hào Năm đều được chỗ giữa. Ấy là chỗ ở không mất trung đạo. Dưới *nhún* trên *đẹp lòng,* tức là dùng đạo nhún thuận hòa duyệt mà làm việc. Trong thì *cả quá,* biết lấy trung đạo và sự nhún thuận hòa duyệt làm việc, cho nên lợi có thửa đi, vì vậy mới hanh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lại lấy thể quẻ, đức quẻ để thích lời quẻ.

LỜI KINH

大過之時,大矣哉.

Dịch âm. - *Đại quá chi thì đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Thì quẻ Đại quá lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì Đại quá, việc nó rất lớn, cho nên mới tán dương rằng: "Lớn vậy thay". Như dựng việc lớn phi thường, lập công lớn không mấy đời có, gây đức lớn tót vời, đều là việc *đại quá* vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong thì *Đại quá,* nếu không có tài *cả quá* người ta, thì không thể làm nên việc cho nên thánh nhân mới than thở về sự lớn của nó.

LỜI KINH

象曰: 澤滅木,大過.君子以獨立不懼,遯世無悶.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch diệt mộc, đại quá, quân tử dĩ độc lập bất cụ, độn thế vô muộn.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chằm ngập cây, là quẻ Đại quá, đấng quân tử coi đó mà đứng một mình không sợ, trốn đời không buồn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chằm là vật thấm nhuần nuôi nấng cho cây, mà đến làm ngập cây, thì *quá* lắm rồi, cho nên mới là cả quá. Đấng quân tử coi tượng *cả quá* đó, để dựng cái nết *cả quá* người ta. Đấng quân tử sở dĩ *cả quá* người ta là vì có thể đứng một mình mà không sợ, trốn đời không buồn. Thiên hạ chê mình mà không đoái hoài, đó là đứng một mình mà không sợ; cả đời không biết mình mà không ăn năn, đó là trốn đời không buồn. Có thế, mới tự giữ mình, vì vậy mới là *cả quá* người ta.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chằm làm ngập cây, là tượng *cả quá. Không sợ không buồn, tức là nết cả quá.*

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Chằm ngập cây nghĩa là chằm đáng ở dưới mà cây ở trên, nay nước chằm dâng cao đến ngập lụt cây, đó là *cả quá.* Cây tuy đã bị ngập nước ngâm, mà chưa từng động cho nên đấng quân tử coi tượng mà đứng một mình không sợ, trốn đời không buồn.

LỜI KINH

初六: 藉用白茅,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Tạ dụng bạch mao, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Trải dùng cỏ tranh trắng, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu lấy chất Âm mềm mà ở dưới, đó là kẻ *quá* về sự sợ hãi cẩn thận. Chất mềm ở dưới, là Tượng dùng cỏ tranh mà trải vật khác, đặt ra đất mà trải cỏ tranh là *quá* cẩn thận, cho nên không lỗi. Cỏ tranh là vật tuy nhỏ mọn mà công dụng đáng trọng, vì dùng nó có thể thành đạo kính thận. Cứ cẩn thận giữ lấy thuật đó mà làm việc, há có lỗi sao!

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong thì *cả quá*, lấy chất Âm mềm ở chỗ nhún thấp, ấy là kẻ *quá sợ* hãi cẩn thận mà không có lỗi, cho nên Tượng, Chiêm như thế. Cỏ tranh trắng là vật sạch sẽ vậy.

LỜI KINH

象曰：藉用白茅,柔在下也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tạ dụng bạch mao, nhu tại hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trải dùng cỏ tranh trắng, mềm ở dưới vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo lấy chất Âm mềm ở chỗ thấp kém chỉ nên quá về kính cẩn mà thôi. Lấy chất mềm ở chỗ thấp là tượng dùng cỏ tranh trải vào vật khác, đó là đạo kính cẩn vậy.

LỜI KINH

九二：枯楊生梯,老夫得其女妻,無不利.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Khô dương sinh đề, lão phu đắc kỳ nữ thê vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Cây Dương khô mọc rễ, chồng già được vợ con gái, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khí Dương *cả quá*, so với khí Âm là hợp. Hào Hai và hào Năm đều có Tượng sinh, hào Chín Hai ở về Đầu thì *cả quá*, được chỗ giữa mà ở nơi mềm, liền gần hào Đầu mà chung chạ với hào ấy. Hào Đầu đã gần sát với hào Hai, hào Hai lại không ứng với hào nào ở trên, đủ biết là chung chạ nhau. Đó là một người *quá* cứng, mà biết tự xử bằng cách vừa phải, và dùng kẻ mềm giúp mình. *Quá* cứng thì không thể làm gì, tức như hào Chín Ba đó. Được trung đạo, biết dùng kẻ mềm, thì nên được công *cả quá*, tức là hào Chín Hai vậy. Cây Dương là khí Dương, một vật dễ cảm vậy, khí Dương thịnh *quá* thì khô, cây Dương khô héo mà lại mọc rễ, tức là khí Dương *quá* thịnh mà chung cùng với hào Đầu, đó là Tượng chồng

già được vợ con gái, có thể nên công sinh dục. Hào Hai được chỗ giữa, ở nơi mềm mà chung cùng với hào Đầu, cho nên có thể lại mọc rễ mà không hòng về sự *quá* cực, thế là không gì không lợi. Trong quẻ Đại quá, hào Dương ở ngôi Âm thì hay, như hào Hai vào hào Tư đó. Từ đó, Hào Đại quá, hào Dương ở ngôi Âm thì hay, như hào Hai vào hào Tư đó. Hào Hai không nói tốt mà nói không gì không lợi, vì nó chưa đến bậc tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Buổi mới Dương quá, mà liền với hào Âm đầu, cho nên Tượng, Chiêm như thế. *Đề* nghĩa là rễ, tức là cái tươi ở dưới. Tươi ở dưới thì sẽ mọc được ở trên. Chồng tuy già mà được vợ con gái, còn có thể nên công sinh dục.

LỜI KINH

象曰: 老夫女妻,過以相與也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lão phu nữ thê, quá dĩ tương dữ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chồng già vợ con gái, quá độ cùng nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chồng già mà thích gái trẻ, gái trẻ thuận theo chồng già, sự cùng nhau của họ phải *quá* phận thường. Đó là chỉ về hào Chín Hai và hào Sáu Đầu Âm Dương hòa hợp với nhau, *quá* độ thường vậy.

LỜI KINH

九三: 棟橈,凶.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Đống nạo hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Cột oẻ, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba là Dương *cả quá,* lại ở chỗ cứng mà không được giữa, đó là kẻ cứng *quá.* Những kẻ cứng *quá,* nếu động thì trái với lẽ trung hòa mà mất lòng người, đương sao nổi trách nhiệm *cả quá?* Nó không gánh nổi trách nhiệm, cũng như cột oẻ, làm nghiêng đổ nhà, thế cho nên hung. Hào này dùng cột làm Tượng, vì nó không có kẻ giúp, lại không gánh nổi trách nhiệm nặng nề.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai hào Ba, Tư ở vào giữa quẻ, là Tượng cái cột. Hào Ba lấy chất cứng ở chỗ cứng, không gánh nổi sự nặng nề, cho nên Tượng thì oẻ mà Chiêm thì hung.

LỜI KINH

象曰: 棟橈之凶,不可以有輔也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đống nạo chi hung, bất khả dĩ hữu phụ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cột ỏe mà hung, là vì chẳng khá có giúp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ cương cường *quá* không thể theo người, người cũng không gần gũi giúp đỡ cho mình, như cột ỏe gẫy không thể chống đỡ. Cột ở giữa nhà, không thể thêm được cái gì giúp đỡ cho nó. Đó là chẳng khá có giúp.

LỜI KINH

九四:棟隆,吉,有它,吝.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Đống long cát, hữu tha, lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: cột cao, tốt; có khí khác, đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư nhằm ngôi gần vua, là kẻ gánh cái trách nhiệm *cả quá*. Nó ở chỗ mềm là kẻ biết dùng cách mềm giúp cho sự cứng. Đã không cứng *quá,* thì nó gánh nổi trách nhiệm, như cây cao *vọi,* thế cho nên tốt. Cao *vọi* là lấy cái nghĩa không ỏe ở dưới. Trong thì *cả quá,* không phải bậc dương cương, thì không thể làm nên việc. Là kẻ cứng ở chỗ mềm, thế là được vừa phải rồi, nếu lại ứng nhau với hào Sáu Đầu là hào Âm, thì tức là *quá*. Đã là mềm cứng vừa phải mà bụng lại ứng hào Âm, đó là có ý khác. Có ý khác thì phải lụy đến sự cứng. Tuy chưa đến hại *quá,* nhưng cũng đáng tiếc. Bởi vì trong thì *cả quá*, hệ động thì *quá*.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương cương ở ngôi âm quá mà không quá, cho nên Tượng nó là cao mà Chiêm thì tốt. Nhưng vì phía dưới ứng với hào Sáu Đầu là kẻ mềm giúp mình thì sẽ quá mềm, cho nên lại phải răn rằng: có chí khác thì đáng tiếc.

LỜI KINH

象曰:棟隆之吉,不橈乎下也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đống long chi cát, bất hạo hồ hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cột cao mà tốt, là vì chẳng ỏe ở dưới vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cột cao vọi lên thì tốt, vì không cong ỏe xuống dưới, ý nói nó không xuống mà buộc với hào Đầu.

LỜI KINH

九五:枯楊生華,老婦得其士夫,無咎無譽.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Khô dương sinh huê, lão phụ đắc kỳ sỹ phu, vô cữu vô dự.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Cây dương khô mọc hoa, vợ già được chồng con trai, không lỗi không khen.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm thì *cả quá,* vốn là kẻ lấy đức trung chính ở ngôi tôn, nhưng vì phía dưới không có ứng giúp, chỉn không thể làm nên cái công *cả quá,* mà ở phía trên lại liền với hào Âm quá cực, thì sự giúp lẫn, cũng giống như cây dương khô mọc hoa. Cây dương khô mọc rễ ở dưới thì nó lại sống, như khí Dương *cả quá,* dấy nên sự công. Trên mọc hoa, tuy có mọc đó mà không ích gì cho sự khô. Hào Sáu Trên là Âm quá cực, tức là vợ già. Hào Năm tuy không phải trẻ, nhưng ví với vợ già, thì còn là hạng chồng tráng kiện. Vì hào Chín Năm không nhờ gì ở hào Sáu Trên, cho nên nói là "vợ được". Khí Âm quá cực mà được khí Dương giúp cho, không phải vô ích. Là chồng con trai mà được vợ già, dẫu không tội lỗi, chỉn chẳng phải đẹp, cho nên nói rằng không lỗi không khen, và lời Tượng lại bảo thế là đáng xấu hổ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm là Dương quá cực, lại liền nhau với hào Âm quá cực, cho nên Tượng, Chiêm của nó đều trái với hào Hai.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cây dương khô không mọc rễ và mọc hoa, rồi lại khô liền đâu có lâu được? Vợ già mà được chồng con trai, há nên được công sinh dục? Cũng đáng là xấu hổ vậy.

LỜI KINH

上六:過涉滅頂,凶,無咎.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Quả thiệp, diệt đính, hung, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Quá lội ngập đỉnh đầu, hung, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Trên lấy chất Âm mềm ở chỗ quá cực, ấy là kẻ tiểu nhân quá đến cùng tột vậy. Cái mà tiểu nhân gọi là *cả quá,* không phải họ có thể làm việc gì *cả quá* người ta, chỉ quá thường vượt lý, chẳng cần nguy vọng, xéo lên hiểm nghèo, dẫm vào tai vạ, như thể *quá* lội xuống nước, đến nỗi ngập thủm đỉnh đầu,

đủ biết là hung. Kẻ tiểu nhân cuồng nóng tự rước lấy vạ, là sự đương nhiên, còn trách gì nữa? Cho nên nói là không lỗi. Ý nói tự mình làm ra, không thể oán trách ai được? Đây cũng vì Tượng cái chằm, cho nên mới lấy nghĩa *lội.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở chỗ quá cực, tài hèn không thể làm nên công việc, nhưng xét về nghĩa, thì không có lỗi, bởi vì, đó là việc "tự giết thân mình để làm cho nên điều nhân", cho nên Tượng Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:過涉之凶,不可咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quá thiệp chi hung, bất khả cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái hung của quẻ quá lội, chẳng khá trách vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Quá lội* mà đến chết đuối, là do tự mình làm ra, không thể đổ lỗi cho ai, ý nói không còn oán trách ai được.

QUẺ TẬP KHẢM

 Khảm trên

 Khảm dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tập Khảm, Tự quái nói rằng: Các vật không thể quá mãi, cho nên tiếp đến quẻ Khảm. Khảm là lõm xuống[1]. Không có lẽ nào *quá* mãi không thôi. *Quá* đến cùng cực thì phải *lõm* xuống, vì vậy quẻ Khảm mới nối quẻ Đại quá. *Tập* là hai lần, quẻ khác tuy cũng hai lần mà không dùng chữ "tập" vào tên, riêng có quẻ Khảm lại thêm chữ "tập", thấy nó là hai lần *hiểm,* trong chỗ *hiểm* lại có chỗ *hiểm,* nghĩa đó lớn lắm. Quẻ này giữa một hào Dương, trên, dưới là hai hào Âm, Dương thực, Âm hư, trên dưới không có sở cứ, một hào Dương bị *hãm* trong hai hào Âm, cho nên là nghĩa trũng lõm. Dương ở trong Âm là *hãm,* Âm ở trong Dương là *mắc.* Hễ Dương ở trên là Tượng *đậu,* ở giữa là Tượng *hãm,* ở dưới là Tượng *động.* Âm ở trên là Tượng *đẹp lòng,* ở giữa là Tượng *mắc,* ở dưới là Tượng *nhún.* Khảm là *hãm,* trong quẻ thửa nói, đều là cách xử trí lúc hiểm nạn. Khảm lại là nước, số một bắt đầu ở giữa là cái trước nhất của sự sinh, cho nên là nước Trũng lõm là thể của nước.

LỜI KINH

習坎有孚維心,亨,行有尚.

Dịch âm. - *Tập Khảm hữu phu duy tâm, hanh, hành hữu thượng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Khảm kép, có tin, bui[2] lòng, hanh, đi có chuộng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương đặc ở giữa, là trong có sự phu tín. *Bui lòng hanh,* nghĩa là chỉ vì trong lòng thành thực chuyên nhất, cho nên có thể hanh thông. Lòng chí thành có thể suốt được vàng đá, nhẩy vào nước lửa còn sự hiểm nạn nào mà không thể hanh? *Đi có chuộng* ý nói lấy sự thành thật chuyên nhất mà đi, thì có thể ra khỏi chỗ hiểm đáng được khen chuộng, tức là có công vậy.

---

[1] Chữ 坎 (Khảm) có nghĩa là hãm, là hiểm, là cái hố sâu.

[2] Chữ "Bui" là một tiếng cổ của ta, nghĩa nó gần như tiếng "chỉ" "chỉ co" "chỉ vì" "chỉ theo".

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Tập* là kép, *Khảm* là hiểm hãm, Tượng nó là nước. Dương hãm ở trong Âm, ngoài hư mà trong thực vậy. Quẻ này trên dưới là thể Khảm, đó là hai lần *hiểm,* giữa đặc là Tượng có tin, lòng hanh thông; dùng cách đó mà đi, ắt là có công, cho nên lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:習坎,重險也.水流而不盈,行險而不失其信.
維心亨,乃以剛中也.行有尚,往有功也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tập Khảm trùng hiểm dã. Thủy lưu nhi bất doanh, hành hiểm nhi bất thất kỳ tín. Duy tâm hanh nãi dĩ cương trung dã; hành hữu thượng, vãng hữu công dã.*

Dịch nghĩa. - Lời thoán nói rằng: Quẻ Khảm kép là hai lần hiểm vậy. Nước chảy mà không đầy, đi chỗ hiểm mà không mất điềm tín của mình. Bui lòng hanh vì cứng giữa vậy: đi có chuộng là đi có công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. . - Tập Khảm chỉ về hai lần hiểm. Trên dưới đều thể Khảm, đó là hai chỗ hiểm chồng nhau. Hào Sáu Đầu nói là "Hố trũng" tức là Khảm ở trong Khảm, đó là hai lần hiểm vậy. *Nước chảy mà không đầy:* khí Dương động trong chỗ hiểm, mà chưa ra khỏi chỗ hiểm, đó là tính nước chảy đi mà chưa đầy chỗ trũng - đầy rồi thì đã ra khỏi chỗ hiểm. *Đi chỗ hiểm mà không mất điều tin của mình:* Dương cứng giữa đặc ở trong chỗ hiểm tức là kẻ đi chỗ hiểm mà không mất điều tin của mình. Thể Khảm giữa đặc, tính nước chảy xuống chỗ thấp, đều là tín nghĩa có tin vậy. *Chỉ theo lòng mình có thể hanh thông* là vì cái đức cứng giữa. Giữa đặc là Tượng có tin; cái đạo chí thành, chỗ nào mà thông suốt được! Dùng đạo cứng giữa mà đi thì có thể qua chỗ hiểm nạn mà hanh thông. Lấy tài cứng giữa mà đi thì có công, cho nên đáng được khen chuộng. Nếu đậu mà không đi, thì vẫn ở trong chỗ hiểm. Quẻ Khảm lấy sự đi được làm có công.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu đầu thích nghĩa tên quẻ; câu thứ hai Tượng của quẻ để thích chữ hữu phu, ý nói trong đặc mà nết có thường. Lấy cứng ở giữa là Tượng trong lòng hanh thông. Cứ thế mà đi ắt là có công.

LỜI KINH

天險不可升也,地險山川丘陵也.
王公設險以守其國.險之時用大矣哉.

Dịch âm. - *Thiên hiểm bất khả thăng dã, địa hiểm sơn xuyên*

khâu lăng dã, vương công thiết hiểm dĩ thủ kỳ quốc, hiểm chi thì dụng đại hỹ tại!

Dịch nghĩa. - Trời hiểm không thể lên được, đất hiểm thì là núi sông gò đống, tước vương tước công đặt chỗ hiểm để giữ thửa nước, thì dụng[1] của sự hiểm lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cao không thể lên là cái hiểm của trời, núi sông gò đống là cái hiểm của đất. Tước vương tước công là kẻ làm vua người ta, coi Tượng quẻ Khảm biết rằng chỗ hiểm không thể lấn được, nên mới đặt ra chỗ hiểm như là thành quách, ngòi ao để giữ nước mình dân mình: Đó là có thì dùng đến chỗ hiểm, sự dùng ấy rất lớn, vì thế mới tán là "lớn vậy thay"!

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cực mà tán dương sự lớn của nó.

LỜI KINH

象曰:水洊至習坎,君子以常德行,習教事.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thủy tấn chi tập Khảm, quân tử dĩ thường, đức hạnh, tập giáo sự.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nước lại tới, là quẻ Khảm kép, đấng quân tử coi đó mà giữ cho đức hạnh có thường, tập cho giáo sự được quen.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khảm là nước, nước chảy phải liền liền kéo đến, hai thể Khảm chồng nhau, là Tượng nước chảy liền mà đến. Nước tự một hạt, một giọt đến hàng tầm[2] hàng trượng[3], đến thành sông thành biển, đều là liền lũ không vội, sự "theo thế mà chảy xuống thấp" của nó đúng mà có thường, cho nên đấng quân tử coi Tượng nước Khảm đó, theo sự có thường của nó mà giữ cho đức hạnh cho mình được thường thường và lâu dài - đức hạnh người ta mà không thường thường, thì là giả dối, cho nên cần phải như nước có thường - theo sự liền liền chịu nhau của nó để tập cho quen công việc giáo lệnh - phát chính hành giáo, phải khiến cho dân nghe quen, nếu bảo gấp chưa hiện mà vội bắt họ phải theo, dù dùng hình phạt nghiêm ngặt đuổi họ đi cũng không thể được, cho nên cần như nước chảy luôn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trị mình, trị người ắt phải tập đi, tập lại, rồi sau mới quen.

---

[1] Sự dùng của từng thì.
[2] Năm thước là một tầm.
[3] Mười thước là một trượng.

LỜI KINH

初六:習坎,如雨坎窞,凶.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Tập Khảm, nhập vu Khảm tăm hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Chỗ hiểm kép, vào cái hố trong chỗ hiểm, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu lấy chất Âm mềm ở vào chỗ dưới *trũng hiểm,* mềm yếu không có ứng viện, mà chỗ ở lại không xứng không phải kẻ có thể ra khỏi chỗ *hiểm,* chỉ là cản hãm vào chỗ *sâu hiểm* mà thôi. *Tăm* là chỗ lõm trong chỗ *trũng,* đã ở chỗ hai lần *trũng* lại vào chỗ lõm trong chỗ *trũng* đó, đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm ở vào dưới chỗ hiểm kép, sự hãm càng sâu, cho nên tượng nó như thế.

LỜI KINH

象曰:習坎入坎,失道,凶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tập Khảm nhập Khảm, thất đạo hung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Từ chỗ hiểm kép vào chỗ hiểm, lạc đường, hung vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tự chỗ hiểm kép lại vào cái hố trong chỗ *hiểm,* đó là lạc đường, thế cho nên hung. Có thể ra khỏi chỗ hiểm, mới là không lạc đường.

LỜI KINH

九二:坎有險,求小得.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Khảm hữu hiểm, cầu tiểu đắc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Chỗ trũng có sự hiểm, tìm hơi được.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương thì *khảm hiểm,* bị hãm giữa hai Âm trên dưới, đó là cái chỗ rất *hiểm,* cho nên có sự *hiểm nghèo.* Nhưng vì nó có tài cứng giữa, tuy chưa thể ra khỏi chỗ hiểm, song cũng tự mình vượt qua được chút ít, không đến như hào Đầu; càng vào mãi chỗ sâu hiểm, đó là cái sở cầu của nó hơi được vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở vào chỗ hai lần *hiểm,* chưa thể trở ra, cho nên là Tượng có sự *hiểm nghèo.* Nhưng vì cứng mà được giữa, cho nên lời Chiêm của nó là có thể tìm mà được nho nhỏ.

LỜI KINH

象曰:求小得,未出中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cầu tiểu đắc, vị xuất trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tìm hơi được, là chưa ra khỏi bên trong vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương hai lần *hiểm* nó hãm, ở vào chỗ hiểm nghèo, vì tài cứng giữa, không bị sa vào chỗ sâu hiểm, đó là sở cầu hơi được, nhưng mà vẫn chưa ra khỏi nơi hiểm nghèo trong chỗ hiểm.

LỜI KINH

六三:來之坎坎,險且枕,入于坎窞,物用.

Dịch âm. - *Lục Tam: Lai chi khảm khảm, hiền thả chẩm, nhập vu khảm tãm, vật dụng.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Lại đi hiểm hiểm, hiểm vào gối, vào cái hố của hiểm, chớ dùng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Ba ở thì *khảm hãm,* lấy tài Âm mềm mà đong chỗ không trung chính, nó ở không phải chỗ hay, tiến lui đều không được, trở lại xuống dưới, thì vào giữa *chỗ hiểm,* đi lên thì mắc hai lần *hiểm.* Lui lại, tiến đi đều hiểm, cho nên nói "lại đi hiểm hiểm". Đã tiến, lui đều *hiểm* mà ở lại cũng *hiểm* - gối nghĩa là chống tựa, ở chỗ hiểm mà ở cách chống tựa, chẳng yên tâm lắm - thửa ở như thế, chỉ càng vào mãi chỗ sâu *hiểm* mà thôi. Đạo của hào Ba thửa ở không dùng được, cho nên răn rằng "chớ dùng".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là kẻ Âm mềm, không trung chính mà xéo vào giữa khoảng hai lần *hiểm,* đi lại đều *hiểm,* trước là *hiểm* mà sau là gối, sự hãm càng sâu, không thể dùng được, cho nên Tượng, Chiêm như thế. Gối là dựa dẫm chưa yên.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Song Hồ nói rằng: "Hiểm" chỉ về chỗ hiểm dưới, "thả chẩm" nghĩa là lại sắp gối vào chỗ hiểm ở trên. "Vào cái hố trong chỗ hiểm" chỉ về Tượng hào Sáu Tư.

Hồ Văn Phong nói rằng: Trước hiểm mà sau gối, chứ "gối" có hai ý: bảo quẻ dưới là chỗ hiểm đằng trước mà hào Sáu Ba gối vào nó cũng được, bảo hào Sáu Ba ở vào chỗ hiểm đằng trước, mà hào Sáu Tư lại gối vào hào Sáu Ba cũng được. Hào Đầu và hào Ba đều nói "vào cái hố của chỗ hiểm" hào kia hung, hào này chỉ là "chớ dùng" vì hào kia vào chưa thể ra, hào này có thể sắp ra rồi.

LỜI KINH

象曰:來之坎坎,終無功也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lai chi khảm khảm, chung vô công dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lại đi hiểm hiểm, rút lại không công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tiến lui đều *hiểm,* ở lại không yên, nếu dùng đạo đó thì càng vào mãi chỗ hiểm, rút lại há thành công được? Lấy chất Âm mềm ở chỗ không trung chính, dù là đất bình dị, còn phải ăn năn, tội lỗi, huống chi là ở chỗ *hiểm. Hiểm* là nơi mà người ta muốn cho ra khỏi ắt phải được đường, thì mới lìa bỏ được nó. Cầu bỏ chỗ hiểm mà lại trái đường thì càng khốn cùng, cho nên thánh nhân mới răn như hào Ba đó không thể dùng được.

LỜI KINH

六四:樽酒,簋貳,用缶,納約自牖,終無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Tôn tửu, quỹ nhị, dụng phẫu, nạp ước tự dũ chung vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Chén rượu, rá[1] xôi, thêm dùng hồ sành, nộp ước tự cửa sổ tròn, sau chót không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Tư là chất Âm mềm mà ở dưới không có kẻ giúp, không phải là kẻ có thể làm cho thiên hạ vượt qua chỗ *hiểm,* chỉ vì nó ở ngôi cao, cho nên mới nói đạo kẻ làm tôi ở lúc gian *hiểm.* Những kẻ đại thần gặp lúc *hiểm* nạn, chỉ có chí thành được vua tin, thì sự giao kết bền chặt mà lại có thể mở cho lòng vua sáng ra, thế là giữ được không lỗi. Muốn khiến người trên dốc lòng tin mình, chỉ có một cách mộc mạc thật thà mà thôi. Nhiều nghi tiết mà chuộng văn sức, chẳng gì bằng lễ yến hưởng, cho nên dùng lễ yến hưởng mà ví. Ý nói chớ chuộng sự văn sức phụ họa, chỉ cần mộc mạc thật thà, dùng một chén rượu, hai rá đồ ăn, lấy chậu sành mà bày, thế là mộc mạc đến tột bậc. Như thế rồi, lại nên nộp ước tự cửa sổ tròn nữa - nộp ước là chỉ về cách tiến lên giao kết với vua, cửa sổ tròn thì lấy về nghĩa mở thông, nhà tối, phải đặt cửa sổ tròn để thông ánh sáng, tự cửa sổ tròn là tự chỗ thông ánh sáng, để ví với chỗ lòng vua thửa sáng. Kẻ làm bề tôi dùng trung tín thiện đạo để thắt buộc với lòng vua, phải bắt đầu từ chỗ sáng của họ, thì lời nói của mình mới có thể vào. Lòng người có chỗ bị che, có chỗ vẫn suốt, chỗ bị che tức là chỗ tối, chỗ vẫn suốt tức là chỗ ánh sáng. Nên theo chỗ sáng của người ta mà bảo họ, thì sự cầu tin dễ dàng, cho nên nói là nộp ước tự

---

[1] 簋 (quĩ) là thứ đồ đan bằng tre hình tròn, ngày xưa người Tàu dùng để đựng xôi trong khi cúng tế, nay tạm dịch là rá.

cửa sổ hẽ mà có thể như thế, thì dù gặp lúc gian hiểm, sau cùng vẫn không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Họ Triều nói rằng: Đoạn này Tiên Nho đọc 樽酒簋 *(tôn tửu quĩ)* làm một câu, 貳用缶 *(nhị dụng phẫu)* làm một câu, nay theo lời đó, 貳 *(nhị)* là thêm vào. Sách *Chu Lễ* có câu 大祭三貳,弟子職左執豆,石執匕,周全而貳 *(Đại đế tam nhị, đệ tử chức tả chấp hư đậu, hữu chấp hiệp thủy, chu tuyền nhi nhị:* cuộc tế lớn ba lần thêm vào chức kẻ con em bên tả cầm chén không, bên hữu cầm thìa, vòng lượn mà thêm vào" là vậy đó. Hào Chín Năm ở ngôi tôn, hào Chín Tư được gần với nó, ở lúc gian *hiểm,* cứng mềm giúp nhau, cho nên có Tượng "chỉ dùng lễ bạc, thêm vào bằng lòng thành, mà phải tiến kết tự cửa sổ tròn" - Cửa sổ tròn không phải là đường đi chính nó là chỗ để trong nhà nhận ánh sáng - Lúc đầu tuy là gian hiểm, sau chót được không lỗi, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi rằng: Đoạn này, xưa đọc 樽酒簋 *(tôn tửu quĩ)* làm một câu, 貳用缶 *(nhị dụng phẫu)* làm một câu, sách *Bản nghĩa* cũng theo lối ấy, thuyết đó ra sao? Chu Hy đáp rằng: Đã nói 樽酒簋貳 *(tôn tửu quĩ nhị:* một chén đựng rượu, hai bát đựng đồ ăn), lại nói 用缶 *(dụng phẫu:* dùng chậu sành) thì cũng không thành văn lý. 貳 *(nhị)* nghĩa là thêm... Người ta giải bướng làm "hai rá đồ ăn, kỳ thực chẳng có hai rá đồ ăn bao giờ. Đoạn này Lục Đức Minh đã có chữa nghĩa, ngắt câu, người ta chẳng coi đó thôi. Đây nói貳*(nhị)* tức là chữ 貳 *(nhị)* trong câu 大祭三貳 *(đại đế tam nhị),* nghĩa là phó nhị vậy.

Ngô Lâm Xuyên nói rằng: Dùng chén đựng rượu, dùng rá đựng đồ ăn, lại lấy hồ sành đựng rượu để thêm vào chén. Ngu Phiên chua rằng: 貳 là thứ hai. Theo lễ có chén thứ hai, cho nên thêm vào thì dùng hồ sành. Xét thiên *Chu Quan,* dưới câu大祭三貳*(đại tế tam nhị)* lại nói "đều có số rót, đều có đồ đong", họ Trịnh chua rằng: "Đồ rót là cái dùng để rót vào trong chén". Hồ sành tức là đồ rót, nó là đồ phụ của cái chén. Rượu ở trong chén không đầy, thì rót trong cái đồ đó mà thêm vào.

LỜI KINH

象曰:樽酒簋貳,剛柔際也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tôn tửu quĩ nhị, cương nhu tế dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chén rượu, rá đồ ăn, hai, cứng mềm giúp nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chỉ nhắc câu đầu, như thế cũng nhiều rồi. Một chén rượu, hai rá đồ ăn, đó là mộc mạc thật thà đến tột bậc

tức là cách cứng mềm tiếp tế với nhau. Có thể như thế, thì sẽ giữ được không lỗi. Sự giao tế của vua tôi được bền chặt và thường thường (lúc nào cũng như lúc nào) cốt ở thành thực mà thôi. Cứng mềm chỉ về hào Tư và hào Năm, tức là sự giao tế của vua tôi vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Họ Triều nói rằng: Sách *Thích văn* của họ Lục đoạn này vốn không có chữ 貳 *(nhị)*, nay theo đó.

LỜI KINH

九五:坎不盈,祇既平,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Khảm bất doanh, chỉ ký bình, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Chỗ trũng chẳng đầy, đến đã phẳng, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm ở trong chỗ trũng, đó là không đầy. Đầy thì phẳng mà ra được. Chữ 祇 nên đọc là *chỉ* nghĩa là *đến,* ắt đến đã phẳng thì mới không lỗi. Đã nói *chẳng đầy* thì là chưa phẳng mà còn ở trong *chỗ hiểm,* chưa được là không có lỗi. Hào Chín Năm là bậc có tài cứng giữa ở ngôi tôn, đáng lẽ có thể làm cho thiên hạ vượt qua *sự hiểm.* Nhưng vì ở dưới không có kẻ giúp, hào Hai bị hãm trong *chỗ hiểm,* chưa thể ra được, còn các hào khác đều hạng Âm mềm, không có tài vượt qua *chỗ hiểm.* Ông vua dù tài, một mình không thể làm cho thiên hạ vượt qua *chỗ hiểm.* Ở ngôi vua, mà không thể khiến cho thiên hạ ra khỏi *chỗ hiểm* thì đó là có lỗi, ắt đến đã phẳng, mới là không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm tuy ở trong *chỗ hiểm,* nhưng vì nó là bậc Dương cương trung chính, ở ngôi tôn, có lúc cũng sẽ ra khỏi *chỗ hiểm,* cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:坎不盈,中未大也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khảm bất doanh, trung vị đại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chỗ trũng chẳng đầy, vì đức giữa chưa lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm là tài cứng giữa mà được ngôi tôn, nên phải làm cho thiên hạ vượt qua *chỗ hiểm* nạn, thế mà chỗ trũng còn chưa đầy, chưa thể bình được sự *hiểm nạn,* đó là cái đạo *cứng giữa* của nó chưa được sáng lớn vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Có đức *giữa* mà chưa được lớn.

LỜI KINH

上六:系用徽纆,寘于叢棘,三歲不得,凶.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Hệ dụng huy chiền, chỉ vu tòng cức, tam tuế bất đắc, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Trói dùng chạc thừng, đặt ở bụi gai, ba năm chẳng được, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Trên lấy chất Âm nhu ở chỗ hiểm cực, đó là bị hãm sâu rồi. Bởi vì bị hãm đã sâu cho nên mới dùng lao ngục mà ví như thể trói bằng chạc thừng, giam vào trong bụi gai. Âm mềm mà bị hãm đã sâu, chắc nó không để ra được, cho nên nói rằng: Lâu đến ba năm, cũng không khỏi được, đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là Âm mềm ở chỗ hiểm cực, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lục Đức Minh nói rằng: Ba sợi là chạc, hai sợi là thừng, đều là tên dây.

LỜI KINH

象曰:上六失道,凶三歲也.

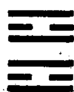
Dịch âm. - *Tượng viết: Thượng Lục thất đạo, hung tam tuế dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu Trên lỗi đạo, hung ba năm vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là chất Âm mềm mà tự ở chỗ cực *hiểm*, đó là nó lỗi đạo vậy, cho nên sự hung của nó phải đến ba năm. Lâu đến ba năm mà không thoát khỏi, thế là vĩnh viễn bị hung.

QUẺ LY



Ly trên
Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Ly, Tự quái nói rằng: Khảm tức là hãm, bị hãm, thì phải bám[1], cho nên tiếp quẻ Ly, tức là *bám,* bị hãm vào chỗ hiểm nạn ắt phải có sự *dính bám,* đó là lẽ tự nhiên, vì vậy, quẻ Ly mới nối quẻ Khảm. Ly là *bám* lại là sáng nữa, lấy về hào Âm bị mắc giữa hai hào Dương thì nghĩa nó là *dính bám,* lấy về giữa trống, thì nghĩa là sáng; Ly là lửa, thể lửa *bám* hờ ở vật khác mà sáng; Ly lại là mặt trời, cũng là cái Tượng trống không mà sáng.

LỜI KINH

離利貞,亨,畜牝牛,吉.

Dịch âm. - *Ly lợi trinh, hanh, xúc tẫn ngưu, cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Ly lợi về sự chính, hanh, nuôi trâu cái, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ly là *bám,* muôn vật chẳng vật nào không có chỗ *bám.* Có hình thì có *bám,* ở người ta, thì là: những kẻ thân phụ những đường noi theo, những việc chủ trương, đều là *bám* cả. Cái mà người ta vẫn *bám,* lợi về trinh chính, được chính thì có thể hanh thông, cho nên nói rằng quẻ Ly lợi về sự chính, hanh. Nuôi trâu cái tốt, nghĩa là: tính trâu đã thuận, mà lại cái nữa, tức là thuận đến tột bậc. Đã *dính bám* vào sự chính cần phải thuận theo chính đạo, như con trâu cái, thì tốt. Nuôi trâu cái tức là nuôi cái đức thuận. Đức thuận của người ta do ở sự nuôi mà nên, đã *bám* vào sự chính thì nên nuôi tập cho thành đức thuận của mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ly là bám. Âm bám vào Dương, Tượng nó là lửa; thể là Âm mà dụng là Dương. Sự dính bám của các vật quý được chính đạo. Trâu cái là giống mềm thuận, cho nên kẻ xem chính được thì hanh, mà nuôi trâu cái thì tốt.

LỜI KINH

彖曰:離,麗也,日月麗乎天.百穀草木麗乎地.

---

[1] Chữ 離 (Ly) có nghĩa là mắc, lại có nghĩa là sáng.

Dịch âm. - *Thoán viết: Ly lệ dã, nhật nguyệt lệ hồ thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ địa.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Ly tức là bám, mặt trời mặt trăng bám ở trời, trăm giống thóc, cây, cỏ bám ở đất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ly là *bám,* tức là *phụ bám,* như mặt trời, mặt trăng thì *bám* ở trời, trăm giống thóc, cây, cỏ thì *bám* ở đất, muôn vật, chẳng vật nào không có chỗ *bám,* ở trong trời đất, không có vật nào là không *bám* vào đâu. Ở người ta nên xét chỗ *bám* của mình, hễ được chỗ chính thì hanh.

LỜI KINH

重明以麗乎正,乃化成天下.

Dịch âm. - *Trùng minh dĩ lệ hồ chính, nãi hóa thành, thiên hạ.*

Dịch nghĩa. - Hai lần sáng để bám vào chỗ chính; bèn hóa nên thiên hạ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ mà nói. Trên dưới đều thể Ly, là hai lần sáng; hào Năm hào Hai đến chỗ trung chính, là *bám* vào chỗ chính. Vua tôi trên dưới đều có đức sáng mà ở được chỗ trung chính, có thể hóa được thiên hạ, làm nên thói tục văn vẻ sáng sủa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

柔麗乎中正,故亨,是以畜牝牛吉也.

Dịch âm. - *Nhu lệ hồ trung chính, cố hanh, thị dĩ xúc tẫn ngưu cát dã.*

Dịch nghĩa. - Chất mềm bám vào chỗ trung chính cho nên hanh vì vậy, nuôi trâu cái thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm hào Hai lấy đức mềm thuận *bám* vào chỗ trung chính, vì vậy mới hanh. Người ta hễ nuôi được đức rất thuận để *bám* vào chỗ trung chính thì tốt, cho nên nói là nuôi trâu cái tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể quẻ để thích lời quẻ.

LỜI KINH

象曰:明兩作,離.大人以繼明照乎四方.

Dịch âm. - *Tượng viết: Minh lưỡng tác; Ly, đại nhân dĩ kế minh chiếu hồ tứ phương.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự sáng hai lần dấy, là quẻ Ly, bậc người lớn coi đó mà kế tiếp sáng soi ở bốn phương.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nếu nói hai sự sáng, thì là hai lớp ánh sáng, không thấy cái nghĩa kế tiếp sáng tỏ. Cho nên nói rằng sự sáng hai lần. Sáng mà trùng điệp, tức là nối nhau. *Dấy,* là sáng tỏ có đôi mà thành quẻ Ly nối nhau mà sáng. Quẻ Chấn quẻ Tốn cũng lấy cái nghĩa hai lần theo nhau, nhưng nghĩa quẻ Ly càng trọng yếu hơn. *Người lớn,* nói về đức thì là thánh nhân, nói về ngôi thì là đấng vương giả. Bậc người lớn xem tượng quẻ Ly sáng sủa kế tiếp, để đời đời nối nhau dùng đức soi dọi bốn phương. Hết thảy sự sáng nối nhau đều là nối sáng. Đây chỉ cử cái lớn hơn, cho nên lấy sự nối đời kế tiếp soi rọi mà nói.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tác là dấy lên.

LỜI KINH

初九:履錯然,敬之無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Lý thác nhiên, kinh chi vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Xéo bừa vậy, kính đó không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương vẫn hay động, lại ở dưới mà là thẻ Ly. Dương ở dưới thì muốn tiến lên, tính Ly bốc lên chỉ muốn bám lên phía trên, hầu đến nóng nẩy tự động sự xéo của mình. Thác nhiên nghĩa là bừa bãi, tuy còn chưa tiến mà hình đã động rồi. Động thì mất cái phận ở dưới mà có lỗi. Nhưng nó là tài cứng sáng, nếu biết nghĩa mà kính cẩn đi, thì không đến lỗi.

Truyện của Trình Di. - Lấy chất cứng ở ngôi dưới mà ở thể sáng, chí muốn tiến lên, cho nên có tượng xéo bừa. Kinh đó thì không có lỗi, răn kẻ xem phải như thế.

LỜI KINH

象曰:履錯之敬,以辟咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lý thác chi kính, dĩ tỵu cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự kính của kẻ xéo bừa, để tránh lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xéo bừa muốn động, mà biết kính cẩn không dám tiến lên, là để cầu tránh cho khỏi lầm lỗi vậy.

LỜI KINH

六二:黄離,元吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Hoàng Ly, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Vàng sáng, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai ở ngôi giữa, được chỗ chính là kẻ *bám* vào nơi trung chính. Vàng là sắc trung bình, thứ đẹp trong các văn vẻ. Văn vẻ sáng sủa trung chính, tức là đẹp lắm, cho nên nói rằng vàng sáng. Lấy đức văn vẻ sáng sủa trung chính, bên trên đồng nhau với ông vua văn vẻ sáng sủa trung thuận, cái sáng của nó như thế chỗ *bám* của nó như thế, đó là điều tốt trong sự cả hay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vàng là sắc trung bình, chất mềm *bám ở* chỗ giữa mà được nơi chính, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:黄離元吉,得中道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoàng Ly nguyên cát, đắc trung đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng : Vàng sáng cả tốt, được đạo giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ cả tốt, là vì nó được đạo giữa.

LỜI KINH

九三:日昃之離,不鼓缶而歌,則大耋之嗟,凶.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Nhật trắc chi ly, bất cổ phẫu nhị nhi ca, tắc đại diệt chi ta, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Sự sáng của mặt trời dé. Chẳng gõ chậu sành mà hát, thì là cả già mà than, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba ở chót thể dưới, là lúc sự sáng trước sắp hết, sự sáng sau nối theo - cũng là lúc đầu chót của loài người, lúc thay đổi của thì thế nữa - cho nên mới là sự sáng của mặt trời dé. Dé thì sắp lặn, lấy lý mà nói, thịnh ắt có suy, đầu ắt có chót, đó là đạo thường, kẻ đạt thì cứ thuận lẽ mà vui. Chậu sành là đồ thường dùng, chậu sành mà hát, ấy là vui theo lẽ thường. Nếu mà không thể như thế, thì sẽ lấy sự cả già làm lo, thế là hung vậy. Người ta đến lúc chót hết, kẻ đạt thì biết lẽ thường, vui mệnh trời, gặp sự thường thường đều vui, như thể gõ chậu mà hát; kẻ không đạt thì lo sợ thương xót về đời mình sắp hết mới than thở về sự cả già, như thế là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khoảng giữa hai thể Ly, sự sáng trước sắp hết, cho nên có Tượng mặt trời dé. Chẳng chịu yên thường mà tự vui, thì là không biết tự xử mà hung, răn kẻ xem nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰:日昃之離,何可久也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhật trắc chi ly, hà khả cửu dã?*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự sáng của mặt trời dé, sao khá lâu vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Mặt trời đã nghiêng dé, sự sáng còn lâu được sao? Kẻ sáng biết nó thế, cho nên tìm người để nối việc mình, lui về mà ở để nghỉ thân mình, yên lẽ thường, xử cách thuận, sao đủ là hung?

LỜI KINH

九四:突如,其來如,焚如,死如,棄如.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Đột như kỳ lai như, phần như, tử như, khí như!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Đột như thửa lai vậy, cháy vậy, chết vậy, bỏ vậy!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư lìa thể dưới mà lên thể trên, là lúc bắt đầu nối tiếp sự sáng, cho nên nói về nghĩa kế thừa. Ở trên mà gần vua, là chỗ kế thừa đó. Lấy chất Dương ở thể Ly mà đóng ngôi Tư, cứng nóng mà không trung chính, lại hai lần cứng mà thêm bất chính, cái thế cương thịnh đột nhiên mà lại, không phải kẻ khéo kế thừa vậy. Nó lại vâng thờ ông vua Sáu Năm là kẻ Âm mềm, cái thế lấn lướt của nó đùng đùng như cháy, cho nên nói cháy vậy. Hào Tư đã làm bất thiện như thế, ắt bị vạ hại, cho nên nói rằng chết vậy. Mất nghĩa là nối noi và đạo vâng thờ bề trên, đều là đức nghịch, người ta sẽ cùng bỏ nó, tuyệt nó, cho nên nói rằng bỏ vậy. Đã đến chết bỏ là vạ tột bậc, cho nên không cần nói hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong lúc sự sáng sắp sửa tiếp theo, mà hào Chín Tư lấy đức cứng bức bách, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:突如其來如,無所容也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đột như kỳ lai như, vô sở dung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đột nhiên thửa lại, là không có chỗ dung vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên thì lấn vua, không chịu thuận với kẻ mà mình phải vâng theo, ấy là mọi người ghét bỏ, thiên hạ không dung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Không có chỗ dong là nói bị cháy, chết, bỏ.

LỜI KINH

六五:涕沱若,嗟若,吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Thế đà nhược! Thích ta nhược! Cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Nước mắt giàn giụa vậy, ngậm ngùi than vậy, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm ở ngôi tôn, mà giữ mực trung, có đức văn vẻ sáng sủa, đáng bảo là êb êb thiện. Nhưng vì lấy chất mềm ở trên, phía dưới không có kẻ giúp, một mình *bám phụ* giữa bọn cương cường, đó là cái thế phải lo sợ. Chỉ vì nó sáng, cho nên sáng, cho nên sợ hãi quá, đến chảy nước mắt. Lo lắng quá đến ngậm ngùi than, vì thế mà giữ được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở ngôi tôn, mềm *bám* vào giữa, nhưng không được chỗ chính, mà lại bị bách về những hào Dương trên dưới, cho nên lo sợ như thế, rồi sau mới tốt, răn kẻ xem nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰:六五之吉,離王公也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Ngũ chi cát, ly vương công dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Sự tốt của hào Sáu Năm, là được bám vào tước vương tước công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái tốt của hào Sáu Năm, vì chỗ nó bám là ngôi chính của tước vương công. Bởi nó chiếm thế "ở trên" mà lại xét rõ sự lý, sợ hãi lo lắng để giữ gìn, cho nên được tốt.

LỜI KINH

上九:王用出征,有嘉,折首,獲匪其醜,無咎.

Dịch âm. - *Thượng Cửu, Vương dụng xuất chinh, hữu giá, chiết thủ, hoạch phi kỳ sũ, vô cửu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Vua dùng ra đánh, có sự tốt, bẻ đầu, bắt chẳng phải loài, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Trên là Dương ở trên, nhằm chót sự sáng, là kẻ cứng sáng, đến tột bậc vậy. Sáng thì có thể soi rọi, cứng thì có thể quyết đoán, soi rọi được thì đủ xét kẻ tà ác, quyết đoán được thì đủ để thi hành oai hình, cho nên đấng vương giả nên dùng sự cứng sáng như thế để phân biệt những kẻ tàn ác trong thiên hạ mà thực hành việc đánh dẹp của mình, thì sẽ có công tốt đẹp. Đánh dẹp là một khoản lớn trong việc dụng hình. Nhưng sáng quá thì không sự nhỏ nhặt nào mà không soi tới, quyết đoán thì không tha thứ điều gì, nếu không thắt lại bằng đạo vừa phải, thì sẽ hại về soi xét quá nghiêm. Trừ bỏ kẻ ác trong thiên hạ, nếu truy cứu hết những kẻ tiêm nhiễm, lầm lỡ, thì giết sao cho xuể? Sự đau thương của mình cũng quá lắm vậy, cho nên chỉ nên tỉa lấy những kẻ đầu sỏ, đứa bị bắt được không phải là bọn bè bạn loại chúng, thì không bị lỗi về sự tàn bạo.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sự cứng sáng tới được chỗ xa, oái sức lừng lẫy mà hình phạt không quá lạm, đó là đạo không lỗi, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:王用出征,以正邦也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vương dụng xuất chinh, dĩ chính bang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vua dùng ra đánh, để chính nước vậy.

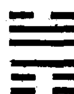
GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng vương giả dùng đức của hào Chín Năm này, soi rọi, quyết đoán để xét và trừ ác trong thiên hạ, là muốn chỉnh đốn bang quốc của mình. Đó là cách ở ngôi trên phải thế.

CHU DỊCH HẠ KINH

周易下經

QUẺ HÀM


Đoái trên
Cấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Hàm, Tự quái nói rằng: Có trời đất rồi sau mới có muôn vật, có muôn vật rồi sau mới có trai gái, có trai gái rồi sau mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi, có vua tôi rồi sau mới có trên dưới, có trên dưới rồi sau lễ nghĩa mới có chỗ đặt. Trời đất là gốc muôn vật, vợ chồng là đạo người, cho nên kinh trên bắt đầu bằng quẻ Kiền quẻ Khôn, kinh dưới bắt đầu bằng quẻ Hàm, nối đến quẻ Hằng. Trời đất là hai vật, cho nên hai quẻ (Kiền Khôn) chia ra làm đạo trời đất; trai gái hợp nhau mà thành vợ chồng, cho nên quẻ Hàm và quẻ Hằng đều hai thể hợp lại làm nghĩa vợ chồng, Hàm tức là cảm[1] lấy sự đẹp lòng[2] làm chủ, Hằng là nghĩa thường lấy sự chính làm gốc, mà đạo đẹp lòng, tự nhiên phải có sự chính. Đạo của sự chính vẫn có đẹp lòng, nhún mà động, cứng mềm đều ứng, đó là đẹp lòng. Hàm là quẻ Đoái trên Cấn dưới. Tức là gái trẻ và trai trẻ vậy. Trai gái cảm nhau, chẳng ai nồng nàn bằng bậc trẻ, cho nên đôi trẻ hợp lại, thành ra quẻ Hàm. Thể Cấn đốc thực, chính là cái nghĩa thật thà. Chí trai đốc thực để giao xuống, lòng gái vui đẹp mà ứng lên, con trai là kẻ cảm trước, trai lấy lòng thành cảm trước, thì gái đẹp lòng mà ứng theo.

LỜI KINH

咸亨利貞，取女吉.

Dịch âm. - *Hàm hanh, lợi trinh, thủ nữ, cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Hàm hanh, lợi chính, lấy con gái, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Hàm* tức là *cảm*, nhưng không nói cảm, vì *Hàm* còn có nghĩa nữa là *đều,* tức là trai gái cảm lẫn nhau vậy. Các

---

[1] Chỉ quẻ Hàm.

[2] Chỉ quẻ Hoái.

vật cảm nhau, không gì thiết tha bằng trai với gái mà hạng tuổi trẻ càng thiết tha hơn. Các vật cảm nhau thì có lẽ hanh thông, cho nên quẻ Hàm mới có lẽ hanh. *Lợi trinh* nghĩa là cái đạo cảm nhau, lợi về sự chính. *Lấy con gái tốt,* là nói tài quẻ. Quẻ có mềm trên cứng dưới, hai khí cảm ứng với nhau, đậu mà đẹp lòng nghĩa trai chịu dưới gái, dùng cách đó mà lấy con gái, thì được chính đáng mà tốt lành.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hàm là giao cảm. Đoái mềm ở trên, Cấn cứng ở dưới, mà cùng cảm ứng với nhau. Lại, Cấn chủ đậu, thì sự cảm được chuyên nhất. Đoái chủ đẹp lòng thì sự ứng đến tột bậc. Lại nữa, Cấn lấy mình là hạng thiếu nam (trai trẻ), mà chịu dưới Đoái là hạng thiếu nữ (gái trẻ) trai trước gái, được chính đạo của trai gái, vừa đúng thì hôn nhân, cho nên quẻ của nó là Hàm, mà lời Chiêm của nó là hanh mà lợi về sự chính, lấy con gái thì tốt. Bởi vì *cảm* thì phải *thông,* nhưng nếu lấy nhau không theo chính đạo, thì mất sự hanh, mà các việc làm đều hung!

LỜI KINH

彖曰:咸感也.柔尚而剛下,二氣感應以相與,
止而説,男下女,是以亨利貞,取女吉也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Hàm cảm dã, nhu thượng nhi cương hạ, nhị khí cảm ứng dĩ tương dữ, chỉ nhi duyệt, nam hạ nữ, thị dĩ hanh lợi trinh, thú nữ cát dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Hàm là cảm vậy. Mềm trên mà cứng dưới, hai khí cảm ứng để cùng nhau, đậu mà đẹp lòng, trai dưới gái; vì vậy mới hanh lợi trinh, lấy con gái thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa của chữ Hàm là cảm, ở quẻ thì hào mềm trên, hào cứng dưới, mềm lên biến cứng mà thành thể Đoái, cứng xuống biến mềm mà thành thể Cấn, Âm Dương giao nhau là nghĩa trai gái giao cảm. Lại Đoái là con gái ở trên, Cấn là con trai ở dưới, cũng là mềm trên cứng dưới, hai khí Âm Dương cảm nhau ứng nhau, hòa hợp với nhau, thế là *cùng nhau. Đậu mà đẹp lòng,* nghĩa là đậu ở *sự đẹp lòng,* tức là ý kiên nhẫn thành thật. Cấn *đậu* ở dưới, ấy là *gốc* thực nhường nhau. Đoái *đẹp lòng* ở trên, tức là hòa vui ứng nhau. Trai mà nhường gái, tức là hòa đến tột bậc. Cái đạo cảm nhau như thế, cho nên có thể hanh thông, mà được chính đạo, hễ lấy con gái như thế thì tốt. Tài quẻ như vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu đầu thích nghĩa tên quẻ, các câu dưới, dùng thể, đức quẻ, tượng quẻ để thích lời quẻ.

LỜI KINH

天地感而萬物化生,聖人感人心而天下和平.觀其所感而天地萬物之情可見矣.

Dịch âm. - *Thiên địa cảm nhi vạn vật hóa sinh, thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hòa bình, quan kỳ sở cảm nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ.*

Dịch nghĩa. - Trời đất cảm mà muôn vật hóa sinh, đấng thánh nhân cảm lòng người mà thiên hạ hòa bình; xem cái thửa cảm mà tình của trời đất muôn vật có thể thấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã nói cái nghĩa trai gái *cảm* nhau, lại suy cho cùng cực đạo *cảm,* cho hết lẽ của trời đất và cách dùng của đấng thành nhân. Hai khí trời đất *cảm* nhau mà hóa sinh muôn vật, đáng thánh nhân dùng sự chí thành để cảm lòng số dân ức triệu mà thiên hạ hòa bình, cái lòng thiên hạ sở dĩ hòa bình, là do đấng thánh nhân *cảm* hóa nó vậy. Xem cái lẽ trời đất giao cảm, hóa sinh muôn vật và cái cách của đất thánh nhân cảm hóa lòng người, để đem sư hòa bình đến, thì tình của trời đất muôn vật, có thể thấy được. Cái lẽ cảm thông, kẻ biết đạo im lặng mà xem mới được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cực cái lẽ cảm thông.

LỜI KINH

象曰:山上有澤,咸.君子以虛受人.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn thượng hữu trạch, Hàm, quân tử dĩ hư thụ nhân.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên núi có chầm, là quẻ Hàm, đấng quân tử coi đó mà trống rỗng lòng mình để nhận người ta.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tính chầm nhuần xuống, tính đất chịu sự nhuần chầm ở trên núi, mà sự thấm nhuần của nó thông suốt, ấy là khí của hai vật cảm thông với nhau. Đấng quân tử xem tượng núi chầm thông khí đó mà giữ cho lòng mình trống rỗng để nhận người ta. Ôi, người ta hễ trong bụng trống rỗng[1] thì có thể nhận, đầy đặc[2] thì

---

[11] Tức là bỏ hết thành kiến.

[2] Tức là có thành kiến.

không thể nhận. Trống rỗng trong lòng tức là không có ý riêng vậy. Trong lòng đã không chuyên chủ, thì không sự *cảm* nào mà không thông. Nếu chỉ lấy lượng mà chứa, chọn sự hợp lý với mình mà nhận, thì không phải là đạo "có cảm ắt thông" của đấng thánh nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trên núi có chằm là vì sự trống rỗng mà thông suốt vậy.

LỜI KINH

初六:咸其拇

Dịch âm. - *Sơ lục: Hàm kỳ mẫu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Cảm thửa ngón chân cái.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Đầu *ở* dưới quẻ dưới, với hào Tư cảm nhau, là phận nhỏ, *ở* chỗ *đầu* sự *cảm* chưa sâu, há động được người? Cho nên cũng như ngón chân cái người ta mới động, chưa đủ để tiến lên. Người ra cảm nhau cũng có nông sâu nhẹ nặng khác nhau, biết thời thế thì xử lý không mất lẽ phải.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ Hàm dùng thân thể người ta làm Tượng, cảm ở dưới đất, là Tượng ngón chân cái, sự cảm còn nông, muốn tiến chưa được, cho nên không nói cát hung. Quẻ này tuy chủ về sự cảm, nhưng cả sáu hào đều nên tĩnh không nên động.

LỜI KINH

象曰: 咸其拇, 志在外也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàm kỳ mẫu, chí tại ngoại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cảm thửa ngón chân cái, chí ở ngoài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí của hào Đầu mà động, là cảm với hào Tư, cho nên nói là "ở ngoài". Chí tuy động mà cảm chưa sâu, chưa đủ để tiến lên.

LỜI KINH

六二:咸其腓,凶,居吉.

Dịch âm. - *Lục nhị: Hàm kỳ phi, hung! cư cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Cảm thửa bụng chân hung! Ở yên, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phi là bụng chân, khi đi, nó phải động trước, rồi chân mới nhắc nó lên, không phải bụng chân tự động. Hào Hai nếu không giữ đạo, chờ người trên đến tìm mình, mà cứ động trước như cái bụng chân, thì là nóng nảy càn dỡ, tự mình làm mất đạo mình, cho nên mới hung. Nếu mà ở yên không động, để chờ người trên đến tìm, thì hợp với đạo tiến lui mà tốt. Hào Hai là người trung chính, vì nó ở trong cuộc "cảm" mà ứng với hào Năm, cho nên phải như thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phì là bụng chân, khi muốn đi thì nó động trước, đó là một kẻ nóng nảy càn dỡ, không thể giữ bền. Hào Hai ở vào chỗ đó, lại là chất Âm mềm không thể giữ bền, cho nên mới lấy tượng đó. Nhưng nó có đức trung chính, có thể ở yên nơi chốn của mình, cho nên lời Chiêm của nó là động thì hung mà tĩnh thì tốt.

LỜI KINH

象曰:雖凶,居吉,順不害也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tuy hung, cư cát, thuận bất hại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dẫu hung, ở yên tốt, thuận thì không hại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở giữa được chỗ chính, ứng với nó lại cũng là kẻ trung chính, tài nó vốn là lương thiện, vì ở thì "cảm", chất mềm mà ứng lên trên, cho nên răn rằng: Hễ động trước mà đi tìm vua thì hung, ở yên mà tự giữ đạo thì tốt; lời Tượng lại nói cho rõ ý đó mà rằng: "Không phải răn rằng không được cảm nhau, chỉ có thuận lễ thì không có hại. Thuận lễ nghĩa là giữ đạo đừng động trước vậy.

LỜI KINH

九三:咸其股,執其隨,往吝.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Hàm kỳ cổ, chấp kỳ tùy, vãng lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Chính Ba: Cảm thửa đùi, giữ thửa sự theo, đi thì đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba là chất Dương ở chỗ cứng, có tài Dương cứng mà làm chủ bên trong, ở trên quẻ dưới, ấy là kẻ phải tự giữ chính đạo, để cảm người ta, thế mà nó lại ứng với hào Sáu Trên, tính Dương thích đi lên mà đẹp lòng với Âm, hào Trên ở chỗ cùng tột sự cảm duyệt, cho nên hào Ba cảm mà theo đó. Đùi là vật ở dưới mình, trên chân, không thể tự do, phải theo thân thể mà động,

cho nên mới dùng làm Tượng, ý nói hào Chín Ba không thể tự chủ, phải theo vật khác mà động như cái đùi vậy, thì sự chấp thủ của nó chỉ là theo người mà thôi. Tài Dương cứng, *cảm* với kẻ mình đẹp lòng mà thôi, như thế mà đi, thì đáng thẹn tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đùi là vật theo chân mà động, không thể tự chuyển. "Giữ" tức là ý "rất nên trì thủ". Hai hào dưới đều muốn động, hào Ba không thể tự giữ mà theo nó đi, thì đáng tiếc vậy, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:咸其股,亦不處也,志在隨人,所執下也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàm kỳ cổ, diệc bất xử dã, chí tại tùy nhân, sở chấp hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cảm thửa đùi, cũng chẳng ở vậy: Chí ở theo người, thửa giữ thấp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có chất Dương cứng, không biết tự giữ, chí lại thích theo người ta, ấy là sự cầm giữ của nó rất hèn thấp vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nói là "cũng" vì hai hào trước đều muốn động cả. Hai hào Âm vốn tính nóng nẩy, nó động là phải, hào Chín Ba là chất Dương cứng, ở chỗ cùng cực sự *đậu,* nên tĩnh thì phải, mà cũng lại động, là đáng tiếc lắm.

LỜI KINH

九四:貞吉,悔亡,憧憧往來,朋從爾思.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Trinh cát, hối vong, đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Chính bền thì tốt, sự ăn năn sẽ mất; săng sắc đi lại, bạn theo sự nghĩ của mày.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Cảm* là sự động của người ta, cho nên đều theo thân thể người ta mà lấy Tượng. Ngón chân cái lấy về nghĩa "ở dưới mà động nhỏ"; bụng chân lấy nghĩa "động trước", đùi lấy nghĩa "động theo". Hào Tư không lấy Tượng gì mà nói thẳng vào đạo *cảm,* không nói "cảm thửa tim", vì sự *cảm* tức là tim rồi. Hào Tư đứng chỗ giữa mà ở quẻ trên, đúng vào ngôi của trái tim, cho nên là chủ sự *cảm*, mà nói đạo *cảm*, chính bền thì tốt, mà sự ăn năm sẽ mất, không theo lẽ chính, thì sẽ có sự ăn năn. Lại, hào Tư là thể *đẹp lòng,* ở ngôi Âm mà ứng với hào Đầu; cho nên răn rằng: đạo cảm chính bền không

gì không thông, nếu có vướng víu riêng tây, thì hại cho sự *cảm thông,* sẽ có ăn năn. Đấng thánh nhân *cảm* lòng thiên hạ, như thể rét nực mưa nắng, không gì không thông, không gì không ứng, chỉ là sự chính mà thôi, *chính* là để trống lòng mình, không có ý riêng. *Săng sắc đi lại bạn theo mình nghĩ,* nghĩa là trinh nhất thì *sự cảm* của mình không gì không thông, nếu mà đi lại săng sắc, dùng lòng riêng của mình để *cảm* người ta, thì chỉ cho nào sự nghĩ tới nơi có thể *cảm động,* còn chỗ không tới, thì không thể cảm. Đó là bè bạn và kẻ đồng loại chỉ theo sự nghĩ của mình vậy. Lòng riêng có sự vướng víu đã chủ về một góc, một việc, há lại có thể thênh thang, mông mênh, không đâu không thông?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Tư ở trên đùi, dưới thăn thịt[1], lại nhằm giữa ba hào Dương, là trái tim, chủ của sự *cảm.* Tim mà cảm người, nên chính và bền, mới là được lẽ, nay là hào Chín Tư lấy thể Dương ở ngôi Âm, là mất sự chính mà không bền, cho nên nhận lời Chiêm mà đặt lời răn, cho rằng hễ chính mà bền thì tốt, sự ăn năn sẽ mất; nếu cứ săng sắc, không thể chính bền, mà bận lòng về sự *cảm* riêng, thì chỉ bè bạn cùng loài theo mình, không thể tới được chỗ xa nữa.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Đi lại vẫn là cảm ứng, săng sắc nghĩa là một lòng muốn cảm nó, một lòng lại muốn nó đến ứng mình. Ví như mới chính cái nghĩa, liền muốn mưu cái lợi, mới tỏ cái đạo liền muốn tính cái công; lại như khi thấy đứa trẻ ngã vào trong giếng, bụng mình rùng rợn, vừa muốn cứu nó, vừa muốn cha mẹ nó khen mình tử tế, đó là cái bệnh săng sắc.

Có người hỏi rằng: Đi lại tức là trong lòng săng sắc đi lại, cũng như nói rằng "đi lại trong lòng", phải không? Đáp rằng: Không phải. Hệ từ đã nói rõ rằng: Mặt trời đi thì mặt trăng lại, mặt trăng đi thì mặt trời lại, mùa rét đi thì mùa thu nắng lại, mùa nắng đi thì mùa thu rét lại, đâu phải là sự đi lại trong lòng? Cái đó chỉ là đối với cái "mặt trời đi thì mặt trăng lại" kia mà nói. Đằng kia là cái đi lại tự nhiên, cái *săng sắc* thì là cái đi lại có thêm có ý riêng không tốt vào đó; săng sắc chỉ là thêm cái lòng vội vã không thể thuận theo với lẽ tự nhiên.

LỜI KINH

象曰:貞其悔亡,未感害也; 憧憧往來,未光大也.

---

[1] Coi hào sau đây.

Dịch âm. - *Tượng viết Trinh cát, hối vong, vị cảm hại dã, đồng đồng vãng lại, vị quang đại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chính tốt, sự ăn năn mất, chưa cảm hại vậy, săng sắc đi lại, chưa sáng lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chính bền thì sự ăn năn phải mất, đó là chưa bị sự cảm riêng làm hại; hễ là ứng riêng thì có hại cho sự cảm, săng săng sắc đi lại, là lấy lòng riêng cảm nhau, đạo cảm đẹp rồi, cho nên nói là chưa sáng lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cảm hại nghĩa là lấy sự bất chính mà cảm thì có hại vậy.

LỜI KINH

九五: 咸其脢, 無悔.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hàm kỳ môi, vô hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Cảm thửa thăn thịt, không ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm là ngôi tôn, nên lấy lòng chí thành để *cảm* thiên hạ mà ứng với hào Hai, liền với hào Trên, nếu vướng víu với hào Hai mà đẹp lòng với hào Trên, thì thiên tử nông hẹp, không phải là đạo kẻ làm vua, há cảm được thiên hạ? Thăn thịt là thịt lưng trái nhau với tim, mắt không trông thấy. Ý nói: nếu trái được lòng riêng, kẻ cảm thông phải là người mình đã trông thấy mà đẹp lòng, thì được chính đạo của kẻ làm vua *cảm* thiên hạ mà không có sự ăn năm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thăn thịt tức là thịt lưng, ở khoảng trên tim mà nó trái nhau với tim, không thể cảm vật, chẳng vướng víu về sự riêng tây, Hào Chín Năm vừa nhằm chỗ đó, cho nên dùng làm Tượng mà răn kẻ xem: hễ mà có thể như thế, thì tuy không cảm được người nhưng cũng có thể không phải ăn năn.

LỜI KINH

象曰:咸其脢, 志末也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàm kỳ môi, chí mạt*[1] *dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cảm thửa thăn thịt, chí ngọn vậy.

---

[1] Chữ 末(mạt) có nghĩa là nhỏ nhặt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là răn bảo người ta, khiến họ trái với lòng riêng mà cảm thăn thịt, vì họ để bụng về đường nông nổi, vút ngọn, vướng víu hào Hai mà đẹp lòng với hào Trên, đó là cảm về tư dục của mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chí ngọn nghĩa là không thể cảm người.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Đầu nói rằng: "chí ở ngoài", hào Ba nói rằng: "chí ở theo người" hào Năm tuy không vướng víu lòng riêng, không thể cảm người, nhưng mà chí nó như thế cũng nhỏ nhặt lắm.

LỜI KINH

上六:咸其輔,頰,舌.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Hàm kỳ phụ, giáp, thiệt.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Cảm thửa xương má, mép, lưỡi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên Âm mềm thuộc thể đẹp lòng[1] mà lại là chủ của sự đẹp lòng, lại ở chỗ cùng tột của sự đẹp lòng, đó là kẻ muốn cảm người đến tột bậc, cho nên không thể lấy lòng chí thành cảm người mà chỉ phát hiện ở chỗ miệng lưỡi, ấy là thói thường của bọn tiểu nhân con gái, há động được người?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Xương má, mép, lưỡi đều là vật dùng để nói mà phía trên thân thể, hào Sáu Trên lấy chất Âm ở cuối thể đẹp lòng, đó là kẻ ở chỗ cùng cực sự *cảm,* chỉ cảm người bằng lời nói mà không có sự thật; lại, quẻ Đoái tức là miệng lưỡi cho nên Tượng nó như thế, đủ biết là hung.

LỜI KINH

象曰:咸其輔頰舌,滕口説也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàm kỳ phụ, giáp, thiệt, đằng khẩu thuyết dã.*

[1] Chỉ về quẻ Đoái

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cảm thửa xương má, mép lưỡi, là ruổi miệng nói vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chỉ có chí thành mới cảm được người, hào này lại lấy sự mềm mỏng đẹp lòng tuyên dương ở miệng nói, há *cảm* được người.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 滕 *(đằng)* với chữ 縢 (*đằng* là *ruổi*) vẫn dùng lẫn lộn.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Trung Khê nói rằng: Bọn Tô Tần, Trương Nghi, xoay ngang, xoay dọc lời nói của họ, đó tức là ruổi miệng nói.

Có người hỏi rằng: Nội quái của quẻ Hàm là Cấn, chủ về sự đậu, cớ sao trong quẻ đều nói sự động? Chu Hy đáp rằng: quẻ Cấn tuy chủ về sự đậu, nhưng quẻ Hàm có nghĩa giao cảm, đều là muốn động, cho nên đều nói về động, nhưng hễ hơi động thì đều không tốt. Mà động sở dĩ không tốt, là vì nội quái thuộc Cấn.

QUẺ HẰNG


Chấn trên
Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Hằng, Tự quái nói rằng: Đạo vợ chồng không thể không lâu, cho nên tiếp đến quẻ Hằng[1]. Hằng nghĩa là lâu. Quẻ Hàm là đạo vợ chồng, vợ chồng ăn ở với nhau trọn đời không đổi, cho nên sau quẻ Hàm tiếp đến quẻ Hằng. Quẻ Hàm, trai trẻ ở dưới gái trẻ, là trai mà chịu nhường gái, đó là nghĩa trai gái giao cảm; quẻ Hằng trai lớn ở trên gái lớn, trai tôn gái ty, đó là đạo thường của vợ chồng ở nhà. Bàn về tình giao cảm, thì bậc trẻ là thân thiết nhau; bàn về thứ tự tôn ty, thì bậc lớn phải cẩn thận đứng đắn, cho nên Đoái Cấn hợp nhau là quẻ Hàm, mà Chấn Tốn hợp nhau thì là quẻ Hằng. Trai ở trên gái, ấy là trai động ở ngoài, gái thuận ở trong, tức là lẽ *thường* của đạo người. Lại, cứng trên mềm dưới, sấm gió cùng nhau, nhún mà động, cứng mềm ứng nhau, đều là nghĩa *hằng*.

LỜI KINH

恒亨,無咎,利貞,利有攸往.

Dịch âm. - *Hằng hanh, vô cữu, lợi trinh, lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Hằng hanh, lợi về sự chính, lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hằng là thường lâu, đạo hằng có thể hanh thông, hễ *thường thường* theo giữ đạo ấy mà có thể hanh thông mới là không lỗi, nếu *thường thường* theo giữ đạo ấy mà không thể hanh thông, thì không phải là đạo có thể *thường thường* theo giữ, tức là có lỗi. Ví như đấng quân tử *thường thường* theo giữ điều thiện, đó là cái đạo có thể *thường thường* theo giữ; kẻ tiểu nhân *thường thường* theo giữ điều ác, đó là lỗi với cái đạo có thể *thường thường,* Đạo *hằng* sở dĩ hanh được, là vì trinh chính, cho nên nói là "lợi trinh". Ôi gọi là *hằng,* tức là cái đạo có thể *thường thường,* không phải chỉ giữ một bề mà không thay đổi, cho nên mới lợi về có thửa đi.

---

[1] Chữ 恒 (hằng) nghĩa là thường thường lúc nào cũng như lúc nào.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hằng là thường lâu. Là quẻ Chấn cứng ở trên, Tốn mềm ở dưới. Chấn sấm, Tốn gió, hai vật cùng nhau, Tốn nhún, Chấn động, là nhún mà động, hai thể sau hào đều ứng với nhau. Cả bốn điều đó đều là lẽ thường, cho nên mới là quẻ Hằng. Lời Chiêm của nó thì là hễ mà có thể giữ lâu đạo ấy thì hanh mà không lỗi, lại ắt lợi về giữ được nết trinh, mới là được cái đạo mình vẫn thường thường theo giữ mà lợi có thửa đi.

LỜI KINH

象曰:恒,九也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Hằng cửu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: - Hằng là lâu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hằng tức là nghĩa dài lâu.

LỜI KINH

剛上而柔下,雷風相與, 巽而動,剛柔皆應,恒.

Dịch âm. - *Cương thượng nhi nhu hạ, lôi phong tương dữ, tốn nhi động, cương nhu giai ứng, Hằng.*

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tài quẻ có bốn điều đó, tức là cái nghĩa làm nên quẻ Hằng. Cứng lên mà xuống, nghĩa là hào Đầu quẻ Kiền lên ngôi Tư, hào Đầu quẻ Khôn, xuống ở ngôi đầu, hào cứng lên mà hào mềm xuống, hai hào đổi chỗ thì thành Chấn Tốn, Chấn trên Tốn dưới, cũng là cứng lên mềm xuống. Cứng ở trên mà mềm ở dưới, tức là đạo *hằng*. Sấm gió cùng nhau, nghĩa là sấm động thì gió nổi, hai đàng chờ nhau, giữ lẫn cho nhau, cho nên nói là "cùng nhau", đó cũng là sự thường của nó. Nhún mà động, nghĩa là dưới Tốn thuận mà trên Chấn động, tức là lấy đức nhún mà động. Trời đất tạo hóa thường lâu không thôi, cũng là động bằng cách thuận mà thôi. Nhún mà động tức là đạo thường lâu vậy. Động mà không thuận, có thể *thường thường* mãi chăng? Bốn điều đó tức là đạo *hằng*, vì vậy quẻ này mới là quẻ Hằng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thể quẻ, tượng quẻ, đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ. Có người lấy sự biến đổi của quẻ giải nghĩa mấy chữ "cứng lên mềm xuống mà rằng: "Quẻ Hằng do ở quẻ Phong mà lại, hào cứng lên ngôi Hai, hào mềm xuống ở ngôi Đầu" cũng thông.

LỜI KINH

恒亨,利貞,無咎,久於其道也.

Dịch âm. - *Hằng hanh, lợi trinh, vô cữu, cửu ư kỳ đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Hằng hanh, lợi về sự chính, không lỗi, là vì lâu với thửa đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo *Hằng* có thể đem lại sự hanh thông mà không tội lỗi, nhưng cái mà mình vẫn *thường* giữ, nên được chính đính, nếu không chính đính thì không phải là đạo có thể *thường* giữ, cho nên nói là lâu với thửa đạo. Thửa đạo tức là cái đạo có thể thường giữ vậy. Không giữ được đều thường thường và thường thường giữ đạo bất chính, đều không thể hanh thông mà có lỗi vậy.

LỜI KINH

天地之道,恒久而不已也.

Dịch âm. - *Thiên địa chi đạo, hằng cửu nhi bất dĩ dã.*

Dịch nghĩa. - Đạo của trời đất, thường lâu mà không thôi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời đất sở dĩ không bị ngừng tắt, là vì có đạo thường lâu, người mà *thường* giữ được cái đạo có thể thường giữ, thì hợp với lẽ trời đất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đạo *hằng* vẫn có thể hanh và không lỗi nữa, nhưng ắt lợi về sự chính mới là lâu với thửa đạo, không chính thì là cái giữ lâu đó không phải chính đạo. Đạo của trời đất sở dĩ lâu dài được, cũng vì sự chính mà thôi.

LỜI KINH

利有攸往,終則有始也.

Dịch âm. - *Lợi hữu du vẵng, chung tắc hữu thủy dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi có thửa đi, chót thì có đầu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lý trong thiên hạ, chưa có khi nào không động mà lại có thể *thường thường.* Động thì chót rồi lại đầu vì vậy mới *thường thường* mà không cùng tận. Phàm những vật do ở trời đất sinh ra, dẫu đến núi non rắn dầy, cũng phải biến đổi, cho nên "hằng" không phải là nhất định, nhất định thì không phải hằng, chỉ có tùy thời biến đổi, mới là đạo thường, cho nên nói rằng "lợi có thửa đi". Tỏ ra là phải như thế, là sợ người ta câu nệ về thói *thường.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Lâu với thủ đạo" là chót, "lợi có thửa

đi", là đầu. Động tĩnh sinh lẫn cho nhau, đó là lẽ tuần hoàn, nhưng phải lấy tĩnh làm chủ.

LỜI KINH

日月得天而能久照,四時變化而能久成,聖人久於其道而天下化成.觀其所恒而天地萬物之情可見矣.

Dịch âm. - *Nhật nguyệt đắc thiên nhi năng cửu chiếu, tứ thì biến hóa nhi năng cửu thành, thánh nhân cửu ư kỳ đạo nhi thiên hạ hóa thành, quan kỳ sở hằng, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ.*

Dịch nghĩa. - Mặt trời mặt trăng được trời mà có thể soi lâu, bốn mùa biến hóa mà có thể nên lâu, đấng thánh nhân lâu với thửa đạo mà thiên hạ hóa nên; xem cái thửa thường, mà tình trời đất muôn vật có thể thấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là nói cho cùng cực lẽ thường. Mặt trời mặt trăng chỉ là tính khí Âm Dương mà thôi, vì nó thuận đạo trời mà đi lại đầy vơi, cho nên có thể soi lâu không thôi, "được trời", là thuận lẽ trời vậy; bốn mùa chỉ là khí của Âm Dương mà thôi, đi lại biến hóa, sinh nên muôn vật, cũng vì được lẽ trời, cho nên có thể *thường* lâu không thôi; đấng thánh nhân đem đạo *thường lâu,* thực hành có *thường độ,* mà thiên hạ hóa theo, thành ra tục tốt. "Xem cái thửa thường", nghĩa là xem mặt trời mặt trăng lâu soi, bốn mùa lâu nên và cái lẽ thánh nhân sở dĩ *thường lâu,* xem những cái đó thì tình lý của trời đất muôn vật có thể thấy được. Cái đạo thường lâu của trời đất, cái lý *thường lâu* của thiên hạ, nếu không phải kẻ biết đạo, ai mà hiểu được?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói thật cùng cực cái đạo *thường lâu.*

LỜI KINH

象曰:雷風恒,君子以立不易方.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi phong Hằng, quân tử dĩ lập bất dịch phương.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sấm gió là quẻ Hằng, đấng quân tử coi đó mà đứng chẳng đổi phương.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử coi tượng sấm gió cùng nhau làm thành quẻ Hằng, để giữ cho đức của mình *thường lâu,* tự đứng trên đường trung chính *thường lâu, không đổi phương sở.*

LỜI KINH

初六:浚恒,貞凶,無攸利.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Tuấn Hằng, trinh hung, vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Đào sâu sự thường, trinh cũng hung, không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu ở dưới mà hào Tư là chính ứng của nó, là người biết thủ thường mà không biết đo đắn tình thế: hào Tư là thể Chấn mà tính Dương, lấy chất cứng ở chỗ cao, chí nó muốn lên không muốn xuống, lại bị hào Hai, hào Ba ngăn cách, cái chí ứng với hào Đầu của nó đã khác *thường* rồi, thế mà hào Đầu còn cầu mong một cách sâu sắc, ấy là chỉ biết lẽ thường, không biết lẽ biến: *Tuấn* nghĩa là đào cho sâu, "đào sâu sự thường" nghĩa là cầu sự thường một cách sâu sắc. Thủ thường mà không biết đo đắn tình, thế, cầu mong người trên một cách sâu bền, chặt chẽ, đó là đạo hung. Câu lệ thói thường như thế, thì không đi đâu mà lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu với hào Tư là chính ứng, đó là lẽ *thường,* nhưng hào Đầu ở thể dưới mà đóng ngôi Đầu, chưa thể cầu cạnh sự gì một cách sâu sắc, hào Tư thể Chấn, tính Dương, chỉ lên không xuống, lại bị hào Hai hào Ba ngăn cách, cái ý ứng với hào Đầu đã khác thường rồi, hào Đầu là hạng nhu ám không biết đo đắn tình thế, lại lấy chất Âm ở thể Tốn là chủ sự nhún, tính chỉ vụ nhập, cho nên cứ theo lẽ *thường* mà cầu cạnh nó một cách sâu sắc, đó là tượng "đào sâu sự thường". Kẻ xem như thế, tuy chính cũng hung, mà không lợi về điều gì.

LỜI KINH

象曰:浚恒志凶,始求深也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tuấn hằng chi hung, thủy cầu thâm dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đào sâu sự thường mà hung, mới cầu sâu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở lúc mới đầu của đạo *Hằng,* mà cầu mong người trên một cách sâu sắc, ấy chỉ là biết thói *thường* mà không biết đo đắn tình thế, vì vậy mới hung.

LỜI KINH

九二:悔亡.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Sự ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong nghĩa quẻ Hằng, mà ở được chỗ chính thì là đạo thường, Chín là hào Dương mà ở ngôi Âm, đó là trái với lẽ thường, ở chỗ trái thường, đáng lẽ thì có ăn năn, vì hào Chín Hai lấy đức "giữa" ứng với hào Năm, hào Năm lại ở ngôi giữa, lấy đức "giữa" ứng với đức "giữa", thì nó ở yên hay cử động đều được mực giữa; ấy là kẻ *thường lâu* được với đạo "giữa". *Thường lâu* được với đạo "giữa" thì không sai mất sự chính. "Giữa" trọng hơn "chính", "giữa" thì "chính" rồi, "chính" thì chưa ắt là "giữa". Hào Chín Hai lấy đức cứng giữa mà ứng nhau với kẻ "đức giữa", đó là nói trội về đức, đủ để làm mất sự ăn năn. Người ta hễ biết được trọng, khinh, thì có thể nói chuyện *Kinh Dịch*.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương, ở ngôi Âm, đáng lẽ có sự ăn năn, vì nó giữ lâu đức "giữa", cho nên mới mất sự ăn năn.

LỜI KINH

象曰:九二悔亡,能九中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Nhị hối vong, năng cửu trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Chín Hai, ăn năn mất, vì giữ lâu được đức giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ được khỏi ăn năn, vì nó có thể *thường lâu* với đức *giữa* vậy. Người ta có thể *thường lâu* với đức giữa, há chỉ mất sự ăn năn mà thôi, còn là đức hay nữa.

LỜI KINH

九三:不恒其德,或承之羞,貞吝.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Bất hằng kỳ đức, hoặc thừa chi tu, trinh lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Chẳng thường thửa đức, hoặc vâng đấy thẹn, trinh cũng đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ba là hào Dương ở ngôi Dương, ở được phải ngôi, đó là chỗ ở *thường,* thế mà nó lại muốn theo hào Sáu Trên, chẳng những Âm Dương theo nhau, gió lại theo sấm, được chỗ *thường* mà không chịu ở, đó là người không có đức *hằng.* Đức đã không *thường,* thì sự hổ nhục hoặc cũng theo tới. "Hoặc vâng đấy" nghĩa là có lúc sẽ đến. "Trinh cũng đáng tiếc": nghĩa là cố giữ đức bất hằng để làm đức hằng, há là chẳng đáng thẹn tiếc?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ngôi tuy chính, nhưng nó quá cứng không giữa, chỉ lại muốn theo hào Trên, không thể ở lâu cái chỗ của

mình, cho nên là tượng "chẳng hằng thửa sức, hoặc vâng đấy thẹn". "Hoặc" là không biết người nào, "thừa" là vâng, ý nói người ta đều được vâng (sự hổ thẹn) mà tiến cho, không biết là ở đâu lại. Trinh lận nghĩa là chính mà không giữ đức hằng thì là đáng tiếc, đó là lời răn lại kẻ xem.

LỜI KINH

象曰:不恒其德,無所容也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất hằng kỳ đức, vô sở dung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng thường thửa đức, không có chỗ dung vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người đã chẳng *thường*, thì còn dung ở vào đâu? Cái chỗ nên ở, đã không *thường thường* yên ở, mà lại ở vào chỗ không phải sở cứ, thì há có thể *thường ở*? Đó là cái người bất hằng không có chỗ nào để dung thân mình.

LỜI KINH

九四:田無禽.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Điền vô cầm.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Săn không loài cầm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy chất Dương ở ngôi Âm, tức là ở không phải ngôi, ở không phải chỗ, dẫu thường theo giữ mà có ích gì? Sự làm của người ta hễ mà phải đạo thì lâu mãi sẽ thành công, nếu không phải đạo, dù lâu mà có ích gì? Cho nên lấy sự đi săn làm thí dụ, ý nói hào Chín ở ngôi Tư, dẫu rằng thường lâu, cũng như săn bắn không được cầm thú, nghĩa là uổng phí sức mà không có công.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương ở ngôi Âm tức là ở *lâu chỗ* không phải ngôi, cho nên mới là tượng ấy. Kẻ xem nếu đi săn thì không được gì, mà cái việc khác, cũng không được cái sở cầu của mình.

LỜI KINH

象曰:久非其位,安得禽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu phi kỳ vị, an đắc cầm dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ở lâu không phải ngôi, sao được con cầm vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở không phải ngôi, dẫu lâu được gì? Vì lấy sự đi săn làm thí dụ, cho nên nói là "sao được con cầm".

LỜI KINH

六五:恒其德,貞,婦人吉,夫子凶.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Hằng kỳ đức, trinh, phụ nhân cát, phu tử hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Thường thửa đức, chính, đàn bà tốt, đàn ông hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ứng với hào Hai, là Âm mềm mà ứng Dương cứng, ở giữa mà kẻ ứng với cũng giữa, ấy là sự chính của kẻ Âm mềm, cho nên hễ *thường* lâu được với đức ấy thì là chính bền. Lấy sự thuận theo làm nết *thường,* tức là đạo đàn bà, với đàn bà như thế là chính, cho nên mới tốt. Nếu đấng trượng phu cũng lấy sự thuận theo người ta làm nết *thường,* thì là mất sự chính đính của kẻ Dương cương, tức là lung. Hào Năm là ngôi vua mà không nói về đạo vua, là vì như nghĩa của hào Sáu Năm, ở kẻ trượng phu còn hung, huống chi đạo kẻ làm vua. Ở kẻ khác, hào Sáu ở ngôi vua mà ứng với kẻ cứng, cũng chưa là hỏng, vì ở quẻ Hằng, cho nên không thể như thế. Đạo làm vua há lại có thể lấy sự mềm thuận làm nết *thường* ư?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất mềm giữa mà ứng với kẻ cứng giữa, *thường* lâu không đổi, tức là chính mà bền rồi. Nhưng đó là đạo đàn bà, không phải điều của đàn ông nên làm, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:婦人吉,從一而終也.夫子制義,從婦凶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phụ nhân cát, tòng nhất nhi chung dã; phu tử chế nghĩa, tòng phụ hung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đàn bà tốt, theo một bề đến trọn đời vậy; đàn ông đặt ra nghĩa, theo đàn bà thì hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Như hào Năm theo hào Hai, với đàn bà là chính đáng mà tốt, bởi vì đàn bà lấy sự theo làm đạo chính, lấy sự *thuận* làm nết thường, phải nên trọn đời giữ theo một bề, đàn ông là kẻ theo lẽ phải mà làm việc, nếu theo đạo đàn bà thì là hung.

Lời bàn của Tiên Nho. - Cốc Kiêm Sơn nói rằng: Mềm mà ở giữa, tức là ngôi có dư mà tài không đủ xứng. Đàn bà tốt, đàn ông hung, là sao? Là vì đàn bà có thể theo một bề đến trọn đời, đàn ông là kẻ tự đặt ra nghĩa, mà lại theo nghĩa của đàn bà được sao? Cho nên Bá Di là bậc thánh trong sạch, ông Mạnh Tử chê là hẹp, Bá Cơ giữ lễ không đi, đức Khổng Tử bảo là Kinh, coi đó đủ biết.

LỜI KINH

上九:振恒,凶.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Chấn hằng, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Xốc thường, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở cuối quẻ Hằng, chót thể Chấn, sự *hằng* đã cuối thì thành bất *thường,* thể Chấn đã phải động đến cùng tột. Là chất Âm, ở ngôi Trên, không phải là chỗ yên ổn của nó, vả lại, nó là kẻ Âm mềm, không thể giữ vững sự thao thủ của mình, đều là nghĩa *bất thường,* cho nên mới là xốc thường, tức là lấy sự "dũ" làm nết thường vậy. Xốc là động cách nhanh chóng, ví như xốc áo, xốc nách, tức là cái ý xốc nổi vận động. Ở ngôi trên, mà sự động không có tiết độ, nếu lấy kiểu ấy là nết *thường,* thì hung là đáng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Xốc là động cách nhanh chóng. Hào Sáu Trên ở cùng tột quẻ Hằng, nhằm chót thể Chấn, sự *thường* đã cùng tột thì thành bất thường, thể Chấn đã chót thì phải quá động, nó lại là chất Âm mền, không thể giữ bền, ở ngôi trên không phải chỗ yên ổn của nó, cho nên có Tượng "xốc thường" mà lời của nó thì hung.

LỜI KINH

象曰:振恒在上,大無功也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấn hằng tại thượng, đại vô công dã.*

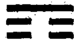
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xốc thường ở trên, cả không công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo ở trên, ắt có đức thường, thì mới có thể có công, nếu mà nóng động bất thường, thì còn nên được trò gì? Ở trên mà không *thường,* ắt phải hung lắm. Lời Tượng lại tỏ nó không có thể thành lập sự gì, cho nên nói rằng: "cả không công vậy".

QUẺ ĐỘN

 Kiền trên

 Cấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Độn, Tự quái nói rằng; Hằng nghĩa là lâu, các vật không thể ở lâu nơi chốn của nó, cho nên tiếp đến quẻ Độn[1]. Độn tức là *lui*. Ôi, lâu thì phải *đi*, đó là cái lẽ "chờ nhau". Vì vậy quẻ Độn mới nối quẻ Hằng. Độn là lui, là tránh, nghĩa là bỏ chỗ này đi chỗ kia. Nó là quẻ dưới trời có núi, trời là vật ở trên, tính Dương tiến lên; núi là vật cao vót, hình tuy cao vót mà thể thì là vật đậu, có Tượng lấn lên, mà bị đậu lại không tiến lên, trời bèn tiến lên mà bỏ nó. Dưới lấn lên mà trên bỏ đi, ấy là xa nhau, cho nên là nghĩa lánh đi. Hai hào Âm sinh ở phía dưới, là khí Âm đương lớn sắp thịnh, khí Dương phải tiêu mà lui, kẻ tiểu nhân thịnh dần, đấng quân tử lui mà tránh nó, cho nên là *trốn*.

LỜI KINH

遯恒,小利貞.

Dịch âm. - *Độn hanh, tiểu lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ độn hanh, nhỏ lợi trinh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Độn là lúc Âm lớn Dương tiêu, đấng quân tử trốn nấp. Đấng quân tử lui nấp, là để làm cho đạo của mình thẳng ra. Đạo không bị khuất thì là hanh, cho nên quẻ Độn có nghĩa hanh. Trong việc, cũng có khi vì sự trốn lánh mà hanh thông, dẫu là lúc đạo kẻ tiểu nhân đương lớn, đấng quân tử biết cơ lui tránh vẫn phải, nhưng mà việc đời có lúc không giống nhau, phải tùy theo thời thế, không cần phải ắt như nhau. Âm mềm đương lớn mà nó chưa đến thịnh lắm, đấng quân tử cũng có cách từ từ ra sức, tuy không thể trinh lớn mà còn lợi cho sự trinh nhỏ vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Độn là lui tránh, nó là quẻ hai khí Âm lớn dần, khí Dương nên lui tránh, cho nên là *trốn,* tức là quẻ thuộc về tháng sáu. Dương tuy nên lánh, nhưng hào Chín Năm ở vào

[1]Độn nghĩa là trốn, là tránh đi.

chính vị, phía dưới có hào Sáu Hai ứng với, giống như còn có thể làm việc. Có điều hai khí Âm lớn dần ở dưới, thì thế của mình không thể không lánh, cho nên lời Chiêm của nó là: Đấng quân tử lánh được thì thân mình dù lui, đạo mình vẫn hanh, kẻ tiểu nhân thì lợi về sự giữ đường chính đính, không thể lấy cớ lớn dần mà lấn bách khí Dương. Chữ "nhỏ" là chỉ về bọn Âm nhu tiểu nhân. Lời Chiêm quẻ này với hai hào Đầu và Hai của quẻ Bĩ giống nhau.

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi rằng: chữ 小利貞 *(tiểu lợi trinh)* trong quẻ Độn, sách *Bản nghĩa* bảo là kẻ tiểu nhân, xét trong *Kinh Dịch*, chữ 小 *(tiểu)* chưa có khi nào dùng làm kẻ tiểu nhân, ví như 小利有攸往 *(tiểu lợi hữu du vãng)* 小貞吉 *(tiểu trinh cát)* đều nghĩa là nhỏ, như chữ 小 *(tiểu)* trong tiếng 大小 *(đại tiểu)*. Chưa rõ nghĩa ấy ra sao? Chu Hy đáp rằng: Lời kinh vẫn không có lệ đó[1] nhưng lấy Thoán truyện mà suy, thì là chỉ về kẻ tiểu nhân, nay hãy theo lời kinh mà giữ nghĩa truyện.

LỜI KINH

彖曰:遯亨,遯而亨也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Độn hanh, Độn nhi hanh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Độn hanh, là lánh đi mà hanh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong lúc đạo kẻ tiểu nhân, đương lớn lên, đấng quân tử lui tránh, tức là đạo mình được hanh, đấng quân tử tránh nấp, là để cho Đạo thẳng duỗi. Đây là nói về cách ở thì Độn, từ chữ "cứng đương ngôi mà ứng" trở xuống, thì bàn về lẽ "thì và tài quẻ còn có thể làm việc".

LỜI KINH

剛當位而應,與時行也.

Dịch âm. - *Cương đương vị nhi ứng, dữ thì hành dã.*

Dịch nghĩa. - Cứng đương ngôi mà ứng, cũng thì đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dù là thì *trốn,* đấng quân tử ở lúc đó cũng chưa có nghĩa ắt phải *trốn,* hào Năm lấy đức Dương cứng, ở ngôi trung chính, phía dưới lại có hào Sáu Hai lấy đức trung chính ứng nhau với nó, dẫu lúc khí Âm Dương lớn, như tài quẻ này, cũng còn có

---

[1] Lệ dùng chữ 小 (tiểu) chỉ kẻ tiểu nhân.

thể tùy thời nghe ngóng, nếu mà có thể ra sức, thì phải đem lòng chí thành phù trì cho đạo, không nhất định là cứ phải lánh nấp không làm, cho nên nói là "cùng thì đi vậy".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng một hào Chín Năm thích nghĩa chữ "hanh".

LỜI KINH

小利貞,浸而長也.

Dịch âm. - *Tiểu lợi trinh, tẩm nhi trưởng dã.*

Dịch nghĩa. - Nhỏ lợi trinh, dần dần mà lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Từ đây trở xuống, lấy hai hào Âm thích chữ "tiểu lợi trinh".

LỜI KINH

遯之時,義大矣哉.

Dịch âm. - *Độn chi thì nghĩa đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Thì nghĩa của quẻ Độn lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong lúc khí Âm đương lớn, không thể *trinh lớn* mà còn lợi về *trinh nhỏ,* là vì khí Âm lớn lên, ắt phải dần dà chưa thể thịnh ngay, đấng quân tử còn có thể làm chính đạo mình bằng cách nho nhỏ. Gọi là "nhỏ lợi trinh" tức là phù trì cho nó, đừng để nó phải đến mất. Quẻ Độn là lúc đầu của khí Âm, đấng quân tử biết cơ từ khi nhỏ nhặt, cho nên phải răn cho sâu, mà ý của thánh nhân, thì chưa muốn cho vội thôi, cho nên mới có những lời dạy bảo như hai câu "cùng thì đi" và "nhỏ lợi trinh".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khí Âm đương lớn dần, ở vào cảnh đó cũng khó, cho nên thì nghĩa của nó càng lớn.

LỜI KINH

象曰:天下有山,遯.君子以遠小人,不惡而嚴.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên hạ hữu sơn, Độn; quân tử dĩ viễn tiểu nhân, bất ác nhi nghiêm.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới trời có núi, là quẻ Độn, đấng quân tử coi đó mà xa kẻ tiểu nhân, không ác mà nghiêm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dưới trời có núi, núi ở dưới nổi lên mà đậu, trời ở trên tiến lên mà *lánh,* ấy là *cái tượng trốn lánh,* đấng

quân tử coi tượng đó mà lánh xa kẻ tiểu nhân. Cách xa kẻ tiểu nhân, nếu dùng tướng gắt, vẻ dữ, chỉ để làm cho nó oán, chỉ cần trang trọng uy nghiêm, khiến cho nó biết kinh sợ, tự nhiên phải xa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thể trời không cùng, núi cao có hạn, là Tượng "lánh". Nghiêm là sự thường trong việc tự nhủ của đấng quân tử, mà kẻ tiểu nhân không dám gần.

LỜI KINH

初六: 遯尾,厲,勿用有攸往.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Độn vỹ, lệ! Vật dụng hữu du vãng.* .

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Trốn đuôi, nguy! Chớ dùng có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Quẻ khác lấy "dưới" làm hào Đầu, "Trốn" là đi trốn, ở trước thì tiến trước, cho nên hào Đầu mới là "đuôi". Đuôi là vật ở đằng sau. Đi trốn mà ở đằng sau, là kẻ không kịp, cho nên mới nguy! Hào đầu lấy chất mềm ở chỗ nhỏ, đã là sau rồi, không thể đi nữa, đi thì nguy. Kẻ nhỏ rất dễ ẩn nấp, đi đã nguy, không bằng không đi khỏi hại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trốn mà ở sau, là Tượng cái đuôi, cách nguy đó Kẻ xem không thể có đi, chỉ ẩn nấp, im lặng chờ đợi, có thể khỏi hại.

LỜI KINH

象曰: 遯尾之厲,不往何災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Độn vỹ chi lệ, bất vãng hà tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái nguy của sự trốn đuôi, không đi hại gì vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thấy cơ lánh trước, vẫn là phải rồi, đi lánh mà làm cái đuôi, là đạo nguy đó. Đi đã có nguy, chẳng bằng không đi mà nấp cho kín, có thể khỏi hại, vì rằng hào này ở chỗ nhỏ nhặt, cho nên mới thế. Người đời xưa ở chỗ nhỏ, ẩn chỗ thấp, đời loạn mà không đi cũng nhiều.

LỜI KINH

六二:執之用黃牛之革,莫之勝說.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách, mạc chi thắng thoát*[1].

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Giữ đó, dùng da trâu vàng không ai trút nổi?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai với hào Năm là chính ứng, dù ở lúc phải lánh xa nhau, mà hào Hai lấy đức trung chính thuận ứng với hào Năm, hào Năm lấy đức trung chính thân hợp với hào Hai, sự giao kết của nó tự nhiên vẫn bền. Vàng là sắc "giữa", trâu là giống thuận, da là vật bền chắc. Hai hào Hai, Năm lấy đức trung chính, đạo xuôi thuận giao kết với nhau, sự bền chặt như ràng buộc bằng da trâu vậy. "Không thể xiết nói" nghĩa là sự giao kết của nó bền chặt nói không thể xiết.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức trung thuận tự giữ, không ai có thể cởi được. Đó là cái chí nhất định phải trốn. Kẻ xem tự giữ cũng nên như thế.

LỜI KINH

象曰:執用黃牛,固志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấp dụng hoàng ngưu, cố chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giữ dùng trâu vàng, bền chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ trên người dưới lấy đạo trung thuận cố kết với nhau, tâm chí của họ rất bền, như thể ràng giữ bằng da trâu vậy.

LỜI KINH

九三:繫遯有疾,厲,畜臣妾,吉.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Hệ độn, hữu tật, lệ! Xúc thần thiếp, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Vướng trốn, có tật nguy! Nuôi đầy tớ nàng hầu, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí Dương đẹp lòng với Âm, hào Ba với hào Hai liền sát với nhau: Sự *trốn* qui ở mau mà xa, đã có vướng víu thì không thể mau và xa. Thế là lại về sự *trốn,* cho nên là có tật, *trốn*

---

[1] Đây là dịch theo Chu Dịch Bản nghĩa, còn theo Dịch truyện, chữ "thoát" đọc là "thuyết", nghĩa là nói.

mà không mau, cho nên bị nguy. Đầy tớ nàng hầu là bọn tiểu nhân con gái, thích được ơn mà không biết nghĩa, thân yêu họ thì họ hết lòng với người trên. Vướng víu riêng tây là cách làm ơn cho hạng tiểu nhân con gái, cho nên, dùng để nuôi bọn đầy tớ nàng hầu thì được lòng họ, thế là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này phía dưới liền nhau với hào Âm, là Tượng *trốn* mà có vướng, tức là cái cách có tật mà nguy. Nhưng dùng cách đó mà nuôi đầy tớ nàng hầu thì tốt. Bởi vì đấng quân tử đối với hạng tiểu nhân, chỉ có đầy tớ nàng hầu, bất tất phải hiền mới nuôi được, cho nên lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:繫遯之厲,有疾憊也.畜臣妾吉,不可大事也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hệ độn chi lệ, hữu tật bại dã; súc thần thiếp cát, bất khả đại sự dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vướng trốn mà dữ, là có tật mệt vậy; nuôi đầy tớ nàng hầu, tốt, là không thể làm việc lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Trốn* mà có vướng víu, ắt phải vì sự mỏi mệt mà nguy, có tật là mỏi mệt, nghĩa là không đủ sức nữa. Dùng lòng yêu thương riêng tây đó mà nuôi đầy tớ nàng hầu thì tốt, nhưng có thể đương nổi việc lớn.

LỜI KINH

九四,好遯,君子吉,小人否.

Dịch âm. - *Cửu tứ: Hiếu độn, quân tử cát, tiểu nhân phủ*[1].

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Yêu trốn, đấng quân tử tốt, kẻ tiểu nhân không.

1.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư và hào Đầu là chính ứng, đó là kẻ mà nó yêu thích, đấng quân tử dù có yêu thích kẻ nào, nhưng mà hễ nghĩa phải nên *trốn,* thì bỏ thẳng mà không nghi ngờ, đó là nén lòng riêng tây, khôi phục lễ cũ, dùng đạo đức mà ngăn sự ham muốn, cho nên được tốt. Kẻ tiểu nhân không biết theo nghĩa mà xử, đắm đuối về sự ham thích, vướng víu với sự riêng tây, đến nỗi hãm nhục

[1] Theo Chu dịch bản nghĩa và lời Tượng, chữ này đọc là "phủ".

thân mình mà vẫn không thôi, cho nên *ở* kẻ tiểu nhân thì *bĩ, bĩ* nghĩa là không hay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này phía dưới ứng nhau với hào Sáu Đầu mà lại *ở* vào thể Kiền cứng mạnh, đó là cái Tượng "có chỗ ham thích mà biết tuyệt đi, để "trốn", chỉ có những đấng quân tử biết nén lòng riêng mới làm được như vậy, còn bọn tiểu nhân thì không làm nổi, cho nên lời Chiêm của nó là "đấng quân tử thì tốt mà kẻ tiểu nhân thì không tốt".

LỜI KINH

象曰:君子好遯,小人否也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử hiếu độn, tiểu nhân phủ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử yên trốn, kẻ tiểu nhân thì không vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử dù có yêu thích, nhưng biết trốn đi, không lỗi với nghĩa, kẻ tiểu nhân thì không thể đè nổi ý riêng, mà đến không hay.

LỜI KINH

九五:嘉遯,貞吉.

Dịch âm. - *Cửu ngũ: Gia Độn, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Tốt trốn, chính tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chín Năm là hào trung chính, tức là cuộc *trốn* tốt đẹp, xử được hải đạo trung chính, lúc nên đỗ thì đỗ, lúc nên đi thì đi, như thế gọi là tốt đẹp, cho nên mới được trinh chính mà tốt lành. Hào Chín Năm không phải không có vướng ứng, nhưng nó với hào Chín Hai đều tự xử bằng cách trung chính, đó là tâm chí và sự động chỉ[1] của nó đều được trung chính mà không vướng về riêng tây, vì vậy mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dương cứng trung chính, phía dưới ứng nhau với hào Sáu Hai, cũng là bậc mềm thuận trung chính, đó là cuộc *trốn* tốt đẹp, kẻ xem được thế mà là bậc chính đính, thì tốt.

LỜI KINH

象曰:嘉遯貞吉,以正志也.

[1]Động cựa và ngừng đậu.

Dịch âm. - *Tượng viết: Gia độn trình cát, dĩ chính chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tốt trốn chính tốt, vì chính chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tâm chí chính đính thì hành động ắt theo đường chính đính, cho nên là sự *trốn* tốt. Ở ngôi giữa, được chỗ chính, mà lại ứng nhau với kẻ trung chính, đó là tâm chí chính đính, cho nên được tốt. Người ta hành động hay ngừng trôi, thì cốt chính đính chí mình mà thôi.

LỜI KINH

上九:肥遯,無不利.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Phì độn, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Béo trốn, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Béo là đầy lớn rộng rãi. Kẻ trốn chỉ nên nhẹ nhàng đi xa, không hề vướng mắc là hay. Hào Chín Trên là thể Kiền cương đoán, lại ở ngoài quẻ, và phía dưới không vướng víu gì, đó tức là kẻ *trốn* xa mà không hệ lụy, có thể gọi là rộng rãi dư dụ. *Trốn* tức là thời cùng khốn, khéo xẻ thì là béo. Trốn mà như thế, còn gì không lợi?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là Dương cương, ở ngoài quẻ, phía dưới không có hệ ứng, đó là *trốn* được xa mà xử được rộng, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Chữ "béo" là ý rộng rãi tự đắc.

LỜI KINH

象曰:肥遯無不利,無所疑也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phì độn vô bất lợi, vô sở nghi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng : Béo trốn, không gì không lợi, là không thửa ngờ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự *trốn* xa mà không nghi ngờ đình trệ. Bởi vì, ở ngoài là đã xa, không có ứng là không hệ lụy, cho nên là nghĩa cương quyết không nghi ngờ.

QUẺ ĐẠI TRÁNG

 Chấn trên

Kiền dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đại Tráng, Tự quái nói rằng: *Trốn* là lui thôi, vật không thể trốn đều cùng chót, cho nên tiếp đến quẻ Đại Tráng[1]. Độn là nghĩa bỏ đi, *tráng,* là nghĩa tiến mạnh, quẻ Độn là khí Âm lớn lên mà khí Dương phải trốn, quẻ Đại tráng thì là khí Dương *mạnh thịnh.* Suy ắt có thịnh, sự tiêu đi và sự sinh ra phải chờ nhau, cho nên đã trốn thì ắt phải *mạnh,* vì vậy quẻ Đại tráng mới nối quẻ Độn. Nó là quẻ Chấn trên Kiền dưới, Kiền cứng mà Chấn động, lấy đức cứng mà động là nghĩa *lớn mạnh.* Dương cứng là lớn tức là khí Dương lớn lên quá bậc giữa rồi. Lớn là *mạnh thịnh.* Lại, oai dữ như sấm mà ở trên trời, cũng là nghĩa *lớn mạnh.*

LỜI KINH

大壯利貞.

Dịch âm. - *Đại tráng lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đại tráng lợi về sự chính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo *lớn mạnh* lợi về trinh chính. *Lớn mạnh* mà không đúng với chính đạo, tức là sự hành vi của kẻ hung tợn, không phải đạo đấng quân tử.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Lớn* chỉ về Dương, bốn hào Dương thịnh lớn, cho nên là *lớn mạnh,* tức là quẻ về tháng hai. Dương *mạnh* thì kẻ xem tốt lành hanh thông, không cần phải nói, có điều lợi ở chính bền mà thôi.

LỜI KINH

彖曰:大壯大者壯也,剛以動故壯.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đại tráng, đại giả tráng dã, cương dĩ động, cố tráng.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ tráng, là lớn thì mạnh vậy. Dùng đức cứng mà động, cho nên lớn mạnh.

---

[1] Chữ *Đại tráng* nghĩa lớn mạnh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ gọi là quẻ Đại tráng, nghĩa là *lớn* thì *mạnh* vậy. Âm là nhỏ, Dương là *lớn,* khí Dương lớn lên và thịnh vượng, thế là cái lớn thì mạnh. Dưới cứng mà trên động, lấy thể Kiền là vật rất cứng mà động, cho nên là *lớn mạnh,* là cái *lớn* thì *mạnh,* là sự *mạnh* to lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa tên quẻ. Nói về thể quẻ thì khí Dương lớn lên, đã quá bậc giữa, tức là cái *lớn* thì *mạnh.* Nói về đức quẻ, thì Kiền cứng, Chấn động, cho nên là *mạnh.*

LỜI KINH

大壯利貞,大者正也.正大而天地之情可見矣.

Dịch âm. - *Đại tráng lợi trinh, đại giả chính dã, chính đại nhi thiên địa chi tình khả kiến hỹ.*

Dịch nghĩa. - Lớn mạnh lợi về sự chính, là cái lớn thì chính vậy; chính lớn mà tình trời đất có thể thấy được.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái *lớn* đã *mạnh,* thì lợi về sự trinh chính. Chính mà lớn, tức là Đạo đó. Cùng cực cái lẽ chính lớn thì tình của trời đất có thể thấy được. Đạo của trời đất *thường lâu* không thôi, là cái rất lớn rất chính. Cái lẽ "chính lớn" kẻ học phải im lặng ghi lấy và hiểu ở trong lòng, mới được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa chữ lợi trinh mà nói: cho cùng cực ra.

LỜI KINH

象曰:雷在天上,大壯,君子以非禮弗履.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi tại thiên thượng. Đại tráng, quân tử dĩ phi lễ vật lý.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sấm ở trên trời, là quẻ Đại tráng. Đấng quân tử coi đó mà không phải lễ chớ xéo vào.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm động ở trên trời, là lớn mà mạnh, đấng quân tử coi Tượng lớn mạnh đó mà thực hành sự mạnh của mình. Cái *lớn mạnh* của đấng quân tử, không gì bằng nén lòng riêng mình, trở lại điều lễ. Người xưa nói rằng: "Mình thắng được mình gọi là mạnh"; sách *Trung Dung* nói những sự "hòa mà không trôi", "đứng giữa mà không tựa" đều nói là "mạnh thay mạnh". Nhảy vào nước sôi, lửa nóng, xéo lên lưỡi gươm sắc, bọn vũ phu hung tợn có thể làm được. Đến như nén lòng riêng mình, trở lại điều lễ, phi đấng quân tử cả

mạnh thì không làm nổi, cho nên nói rằng: "Đấng quân tử coi đó mà không có lễ đừng xéo vào".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mình thắng được mình là mạnh.

LỜI KINH

初九:壯于趾,征凶,有孚.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Tráng vu chỉ, chính hung, hữu phu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Mạnh ở ngón chân, đi thì hung, có tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu, chất Dương cứng, thể Kiền, mà ở dưới, ấy là kẻ *mạnh* về sự tiến. Ở dưới mà dùng sự *mạnh;* tức là mạnh ở ngón chân. Ngón chân là vật ở dưới mà tiến và động, hào Chín ở dưới, dùng sự mạnh mà không đúng mực vừa phải. Ôi lấy chất cứng, ở chỗ *mạnh,* dù là ngôi trên cũng không thể đi, huống chi ở dưới. Cho nên, đi thì hung "có tin". "Tin" là chắc hẳn, ý nói nếu dùng sự *mạnh* mà đi, chắc hẳn phải hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ngón chân ở dưới mà tiến là vật hay động. Dương cứng ở dưới mà đương thì *mạnh,* tức là kẻ *mạnh* về sự tiến, cho nên mới có Tượng ấy. Sự hung của nó có thể chắc hẳn, cho nên lời Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:壯于趾, 其孚窮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tráng vu chỉ, kỳ phu cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Mạnh ở ngón chân, thửa tin cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở chỗ dưới nhất mà dùng sự mạnh để đi, có thể tin hẳn là sẽ cùng khốn mà hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói ắt phải cùng khốn.

LỜI KINH

九二:貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Chính tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tuy là lấy chất Dương cứng đương thời *lớn mạnh,* nhưng nó đóng chỗ mềm, ở ngôi giữa, ấy là cứng mềm vừa phải, không đến quá *mạnh,* nên được trinh chính mà tốt. Hoặc có người nói: Chữ "trinh" có phải là răn hào Chín mà ở ngôi Hai hay

không? Đáp rằng: *Kinh Dịch* dùng cái thắng hơn làm nghĩa, Hào này là Dương cứng, ở thế mạnh, đương thời *lớn mạnh,* xử đúng trung đạo, không có điều gì không chính. Còn ở hào Tư thì có lời răn về sự bất chính. Người ta hễ biết thì nghĩa khinh trọng,. thì có thể học được *Kinh Dịch.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào Dương ở ngôi Âm, đã là không được chính rồi. Nhưng vì nó được chỗ giữa, cũng còn có thể nhân đó mà không bị mất sự chính, cho nên mới răn kẻ xem phải nhân đạo "giữa" mà tìm sự chính, rồi sau sẽ được tốt lành.

LỜI KINH

象曰:九二貞吉,以中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Nhị trinh cát, dĩ trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Chín Hai chính tốt, về giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ chính và tốt, vì nó được đạo "giữa" vậy. "Giữa" thì không lỗi sự chính, huống chi nó lại là chất Dương cứng mà ở thể Kiền...!

LỜI KINH

九三:小人用壯,君子用罔,貞厲.羝羊觸藩, 羸其角.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Tiểu nhân dụng tráng, quân tử dụng võng, trinh lệ, đê dương xúc phiên, doanh kỳ giốc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Kẻ tiểu nhân dùng mạnh, đấng quân tử dùng chẳng, chính nguy! Dê đực húc giậu, mắc thửa sừng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba là chất cứng, đóng ngôi Dương mà ở thì *mạnh,* lại nhằm vào chót thể Kiền, tức là mạnh đến cùng tột. *Cực mạnh* như thế, ở kẻ tiểu nhân thì là dùng sự "mạnh" ở đấng quân tử thì dùng sự "chẳng". Kẻ tiểu nhân chuộng về sức cho nên mới dùng sự mạnh tợn của họ; đấng quân tử chí ở cứng cỏi, vì vậy mới dùng sự "chẳng". "Chẳng" tức là "không", ý cũng như nói "không coi vào đâu". Vì nó rất cứng, không coi các việc vào đâu, mà không kiêng sợ gì cả. Những chữ quân tử tiểu nhân là lấy địa vị mà nói, cũng như câu "Đấng quân tử có dũng mà không có nghĩa là loạn". Cứng mềm vừa phải, thì không gẫy không cong, đem mà dùng với thiên hạ, không có chỗ nào không nên; nếu cứng quá thì không có đức hòa thuận, hay mếch lòng mà không ai vào hùa với mình. Giữ mãi lối đó, tức là cách nguy. Các vật, không vật nào không dùng sự *mạnh* của nó: răng thì cắn, sừng thì húc, móng thì đá, dê mạnh ở đầu, dê

đực là giống thích húc cho nên mới dùng làm Tượng. Loài dê thích húc phên giậu, vì những cái đó chắn ở trước nó. Nghĩa là nó đụng vào đâu thì ắt húc đấy, thích dùng sự *mạnh* như thế, tất phải mắc vướng cái sừng; cũng như người ta chuộng sự *cứng mạnh,* đụng đâu ắt dùng vào đấy, tất nhiên phải đến gẫy quị. Hào Ba mạnh lắm như thế mà không đến hung là sao? Đáp rằng: Như cách hàng vi của hào Ba, nếu đi thì đủ phải dung, đây mới nói sự nguy của nó, cho nên chưa kịp nói đến sự hung. Hễ có thể đến hung mà nó chưa tới, thì gọi là "nguy".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quá cứng không giữa, đương vào thì *mạnh,* đó tiểu nhân thì dùng sự *mạnh,* mà quân tử thì dùng sự "chẳng". "Chẳng" tức là "không", coi đó như không, đó là quá về dường dũng. Như thế, tuy chính cũng nguy. Dê đực là vật cứng *mạnh* thích húc, *giậu* là cái phên, *mắc* là bị khốn, lời Chiêm của sự trinh lệ. Tượng nó như thế.

LỜI KINH

象曰:小人用壯,君子用罔,也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tiểu nhân dụng tráng, quân tử võng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Kẻ tiểu nhân dùng mạnh, đấng quân tử chẳng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở kẻ tiểu nhân thì là dùng sức khỏe *mạnh* của họ, ở đấng quân tử thì là dùng "chẳng", nghĩa là chí khí cứng mạnh, không coi các việc vào đâu; không kiêng sợ gì cả.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kẻ tiểu nhân vì *mạnh* mà hỏng, đấng quân tử vì "chẳng" mà khốn.

LỜI KINH

九四:貞吉,悔亡,藩決不羸,壯于大輿之輹.

Dịch âm. - *Cử Trinh cát, hối vong, phiên quyết bất doanh, tráng vu đại dư chi phúc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Chính thì tốt, ăn năn mất, phên bựt chẳng mắc, mạnh ở vành trục xe lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư Dương cứng lớn thịnh, sự *mạnh* đã qua mực giữa, ấy là mạnh lắm. Nhưng nó ở ngôi Tư, tức là bất chính, nhằm khi đạo đấng quân tử đương lớn lên, không thể có sự bất chính, vì vậy, răn rằng: hễ chính thì tốt, mà sự ăn năn sẽ mất. Bởi vì nhằm khi Đạo đương lớn lên, hơi có sai lỗi thì hại đến thế hanh tiến, thế là có ăn năn. Nếu ở quẻ khác, hai lần cứng mà ở ngôi mềm, chưa hẳn không hay, tức như quẻ Đại quá vậy. Giậu là cái để ngăn

cách, giậu phên bựt mở, thì không làm mắc sự *mạnh* của nó. Cái xe cao lớn, bánh trục khỏe *mạnh,* sự đi mà lợi có thể biết chắc, cho nên nói rằng: "Mạnh ở vành trục xe lớn". Vành trục là chỗ cốt yếu của bánh xe. Xe hỏng thường vì gãy cái vành trục, vành trục *mạnh* thì xe *mạnh.* Nói rằng "mạnh ở vành trục" nghĩa là mạnh về sự tiến vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bốn chữ "trình cát, hối vong" cũng như lời Chiêm của hào Chín Tư quẻ Hằng. Giậu bựt chẳng mắc, là nói tiếp theo hào trên. Bựt tức là mở, trước hào Ba có hào Tư là còn có giậu; trước hào Tư đến hai hào Âm, thì là giậu bựt. *Mạnh* ở vành trục xe lớn cũng là Tượng có thể tiến được. Là chất Dương, ở ngôi Âm, không đến cứng quá cho nên Tượng. Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:藩決不羸,尚往也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phiên quyết bất doanh, thượng vãng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giậu bựt chẳng mắc, còn đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương cứng lớn lên, ắt đến cùng tột. Hào Tư duy Dương đã thịnh, nhưng sự đi của nó chưa thôi. Lấy chất Dương rất thịnh, dùng sự mạnh mà tiến lên, cho nên chẳng gì đương nổi, giậu phải bựt mở, không làm vướng mắc sức nó. "Còn đi", tức là tiến lên không thôi.

LỜI KINH

六五:喪羊于易,無悔.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Táng dương vu dị, vô hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Mất dê ở sự dễ không ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dê là giống đi đàn mà thích húc, dùng để hình dung những hào Dương cùng tiên. Bốc hào Dương đương lớn mà tiến, hào Năm là chất Âm, ở trên, nếu lấy sức mà nén những hào kia, thì khó thắng được mà có sự ăn năn. Chỉ nên đối đãi bằng cách hòa dễ, thì các hào Dương không thể dùng sự cứng của nó thế là làm mất cái mạnh của nó bằng sự hòa dễ. Như thể thì không ăn năn. Hào Năm, nói và ngôi thì chính, nói về đức thì "giữa", cho nên có thể dùng đạo hòa dễ làm cho cho các hào Dương dù *mạnh* cũng không dùng gì.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thể quẻ này giống quẻ Đoái, có tượng con dê, tức là ngoài mềm mà trong cứng. Riêng hào Sáu Năm lấy chất mềm, ở ngôi giữa, không thể cầy húc, dẫu mất sự *mạnh,* nhưng cũng không phải ăn năn, cho nên Tượng nó như thế, mà lời Chiêm thì cũng

như hào Chín Năm quẻ Hàm. Dị là dễ dàng, ý nói thình lình không biết nó mất. Chữ 易 có người cho là chữ 埸 *(trường)* như chữ 場 *(trường* là *bãi)* trong tiếng 疆場 *(cương trường)*, cũng thông. Thiên Thực hóa chí trong *Hán thư*, chữ 場 *(trường)* viết là 易 *(trường)*.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Chữ 易 trong câu 喪羊于易 đọc là "dị" không bằng đọc là "trường", như chữ 場 *(trường)* trong tiếng 疆場 *(cương trường)*. Sau đây lại có câu 喪羊于易 cũng cùng nghĩa đó.

LỜI KINH

象曰:喪羊于易,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Táng dương vu dị, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Mất dê ở sự dễ, ngôi không đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ phải dùng cách mềm mại hòa thuận, là vì hào này lấy chất Âm mềm ở ngôi tôn. Nếu là chất Dương cứng trung chính được ngôi tôn, thì ở dưới không có kẻ *mạnh*. Lấy hào ở ngôi Năm, là ngôi không đáng, cho nên mới đặt ra cái nghĩa "mất dê ở sự dễ".

LỜI KINH

上六:羝羊觸藩,不能退,不能遂,無攸利,艱則吉.

Dịch âm. - *Thượng lục: Dê dương xúc phiên, bất năng thoái, bất năng toại, vô du lợi, gian tắc cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Dê đực húc giậu, chẳng hay lui, chẳng hai toại, không thửa lợi, khó thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chữ "dê đực" chỉ lấy về nghĩa dùng *mạnh*, cho nên hào Âm cũng gọi tên ấy. Là chất Âm, ở chót thể Chấn, mà đương vào chỗ cùng tột của sự *mạnh*, đủ biết là quá, giống như dê đực húc giậu phên, tiến lên thì vướng mình, lùi lại thì hại sừng, tiến lui đều không được. Tài nó vốn là Âm mềm; cho nên không thắng được lòng riêng mình để tới điều nghĩa, thế là chẳng hay lui. Cái người Âm mềm, dù cho hết lòng dùng *mạnh*, cũng không thể giữ trọn sự *mạnh*, hễ bị bẻ thì phải rụt lại, thế là chẳng hay toại. Sự hành vi của nó như thế không đi đâu mà lợi. Chất Âm mềm, ở thời *mạnh*, không thể vững sự cầm giữ của mình, nếu gặp sự khó khăn, ắt là phải mất sức *mạnh*, mất sức *mạnh* thì là đúng với phận kẻ Âm mềm thế là khó nhọc thì được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chót sự *mạnh,* cùng tột sự *động,* cho nên húc giậu mà không biết lui. Nhưng vì chất nó vốn mềm, cho nên lại không toại được sự tiến. Tượng nó như thế, đủ biết lời Chiêm ra sao. May mà nó không cứng, cho nên biết xử bằng cách khó nhọc, thì còn có thể được tốt.

LỜI KINH

象曰:不能退,不能遂,
不詳也,艱則吉,咎不長也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất năng thoái, bất năng toại, bất tường dã, gian tắc cát, cữu bất trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng hay lui, chẳng hay toại, là chẳng tường vậy; khó thì tốt, là lỗi chẳng dài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở không phải chỗ, cho nên không thể tiến lui, ấy là tự xử không được tinh tường cẩn thận. Khó thì tốt, nghĩa là chất mềm gặp sự khó nhọc, lại ở vào cuối cuộc *mạnh,* tự nó nên phải biến đổi, biến đổi thì hợp với phận, tội lỗi không thể lâu dài mới được tốt lành.

QUẺ TẤN

 Ly trên
Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tấn. Tự quái nói rằng: Các vật không thể *mạnh* mãi đến chót, cho nên tiếp được quẻ Tấn. Tấn là tiến lên, các vật không có lẽ nào đương *mạnh* mà tự ngừng, đã *mạnh* thịnh thì phải tiến lên, vì vậy quẻ Tấn mới nối quẻ Đại tráng. Nó là quẻ Ly ở trên Khôn, tức là sự sáng ở trên đất. Mặt trời mọc ở trên đất, càng lên càng sáng, cho nên là Tấn, ấy là cái *ý tấn tới* mà sáng tỏ thịnh lớn vậy. Các vật, thịnh dần là *tiến*, cho nên lời Thoán nói rằng: "Tấn là tiến vậy". Trong quẻ, có khi có đức, có khi không đức, tùy theo sự nên phải vậy.

LỜI KINH

晉,康侯用錫馬蕃庶,晝日三接.

Dịch âm. - *Tấn, khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tấn, tước hầu yên dùng cho ngựa giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tấn là thì tiến *thịnh*, sự sáng lớn ở trên, mà thể dưới êm thuận phụ vào, tức là Tượng chư hầu vâng theo nhà vua, cho nên là tước hầu yên. Tước hầu yên nghĩa là tước là hầu trị an, gặp được bề trên cả sáng, mà biết dốc lòng để thuận theo, đó là tước hầu trị an, vì vậy mới được bề trên yêu đương, cho ngựa rất nhiều. Xe ngựa là của ban thưởng long trọng, "giậm nhiều" nghĩa là đông nhiều, chẳng những nhà vua ban cho hậu hỹ, lại được thân mật kính lễ, trong buổi ban ngày, đến ba lần tiếp, ý nói yêu đương đãi đọa đến tột bậc vậy. Quẻ Tấn là thì *tiến thịnh,* trên sáng dưới thuận, vua tôi hợp nhau, nói về người trên, thì là tiến về đường sáng thịnh, nói về bề tôi, thì là tiến lên mà ắt được sự vẻ vang yêu đương vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tấn là tiến lên, tước hầu yên là tước hầu làm yên được nước; ngựa cho giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp nghĩa là chịu nhiều ơn to, mà được thân mật kính lễ một cách rõ rệt vậy. Bởi vì quẻ này là quẻ trên Ly dưới Khôn, có tượng mặt trời mọc ở trên đất, bốn hào xuôi thuận mà bám vào chỗ cả sáng, do ở quẻ Quan

biến lại, thành hào Sáu Tư, mềm mà tiến lên cho đến hào Năm. Kẻ xem có ba điều ấy, thì cũng có sự yêu ấy.

LỜI KINH

彖曰:晉,進也,明出地上,而麗乎大明,
柔進而上行,是以康侯用錫馬蕃庶,晝日三接也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tấn tiến dã, minh xuất địa thượng, nhi lệ hồ đại minh, nhu tiến nhi thượng hành, thị dĩ khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Tấn là tiến. Sáng ra trên đất, mà bám vào chỗ sáng lớn, mềm tiến mà đi lên, thế cho nên tước hầu yên dùng cho ngựa giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tấn nghĩa là *tiến,* tức là sự sáng tiến lên mà thịnh. Sự sáng xuất hiện trên đất, càng tiến càng thịnh, cho nên là *tấn.* Sở dĩ không gọi là tiến, vì *tiến* chỉ là *tiến* lên không bao quát được nghĩa sáng thịnh. Sáng ra trên đất, tức là Ly ở trên Khôn. Khôn bám vào Ly để thuận phụ vào chỗ cả sáng, tức là bề tôi có đức thuận, phụ lên với ông vua cả sáng, "Mềm tiến mà đi lên" là thế nào? Các quẻ, Ly ở trên, hào mềm ở ngôi vua, phần nhiều vẫn nói "mềm tiến mà đi lên", ví như quẻ Phệ hạp, quẻ Khuê, quẻ Đinh. Hào Sáu Năm của quẻ này lấy chất mềm ở ngôi vua, "sáng mà xuôi thuận bám vào", nghĩa là biết đãi kẻ dưới bằng cách yêu đương thân mật, vì vậy mới là "tước hầu yên dùng cho ngựa giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp". Ông vua cả sáng, tức là người làm yên thiên hạ. Chư hầu biết thuận phụ với đức sáng của thiên tử, ấy là tước hầu làm được yên dân yên nước, cho nên gọi là tước hầu yên. Vì vậy mới được hưởng sự yêu đương, ban cho, và được thân mật kính lễ, trong buổi ban ngày, ba lần tiếp kiến thiên tử. Không nói công khanh mà nói tước hầu, vì rằng: thiên tử là người trị ở bên trên, chư hầu là người trị ở bên dưới, ở dưới mà thuận phụ với ông vua cả sáng, là Tượng chư hầu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu đầu thích tên quẻ, các câu sau lấy tượng quẻ, đức quẻ, và sự biến hóa của quẻ mà thích lời quẻ.

LỜI KINH

象曰:火在地上,晉,君子以自昭明德..

Dịch âm. - *Tượng viết: Hỏa tại địa thượng. Tấn, quân tử dĩ tự chiêu minh đức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lửa ở trên đất, là quẻ Tấn. đấng quân tử coi đó để tự làm tỏ đức sáng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Chiêu" là làm cho tỏ ra. Đấng quân tử coi tượng sáng ra trên đất mà càng sáng thịnh, để tự làm cho tỏ đức sáng của mình. Bỏ sự che lấp đi, đem sự biết lại, là tỏ đức sáng ở mình, làm rõ đức sáng với thiên hạ là tỏ đức sáng với bên ngoài. Làm rõ đức sáng ở mình, cho nên nói rằng "tự tỏ".

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Chiêu" là làm cho rõ ra.

LỜI KINH

初六:晉如,摧如,貞吉,罔孚,裕無咎.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Tấn như, tồi như, trinh cát, võng phu, dạ vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu; Dường tiến lên vậy, dường đun lại vậy, chính thì tốt, chẳng tin, khoan thai không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu ở dưới cuộc, "tấn", tức là bắt đầu sự tiến lên. *Tấn như* là lên tới, tồi như là nén lui. Theo lúc mới tiến mà nói, được toại sự tiến, hay không được toại sự tiến, chỉ có được chính thì tốt. "Chẳng tin" là vì ở dưới mà mới tiến lên, đâu đã được ngay người trên cả tin. Nếu mà người trên chửa tin, thì yên phận tự thủ, ung dung rộng rãi, đừng nóng nảy cầu cho người trên tin mình. Ví bằng lòng mình thiết tha muốn được người trên tin dùng, thì chẳng vì săng sắc cầu cạnh, để cho mất sự thao thủ, ắt sẽ vùng vằng giận dỗi, dễ làm hại đến tình nghĩa, đều là có lỗi, cho nên, ung dung rộng rãi thì không có lỗi. Đây nói về cách xử trí trong lúc tiến lui của đấng quân tử.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở ngôi dưới, ứng với kẻ không trung chính, có Tượng muốn tiến mà bị đẩy lại. Kẻ xem như thế, mà biết giữ đạo chính đính thì tốt; giả sử không được người ta tin mình, cũng nên xử trí bằng cách khoan dụ, thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰:晉如摧如,獨行正也;裕無咎,未受命也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tấn như, tồi như, độc hành chính dã; dụ vô cữu, vị thụ mệnh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dường tiến vậy, dường bẻ vậy, là một đi chính vậy; khoan thai không lỗi, vì chưa chịu mệnh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không tiến lên, không nén xuống, chỉ một mình đi về đường chính. Rộng rãi thì không lỗi, là vì lúc đầu

muốn tiến mà chưa đáng ngôi. Đấng quân tử với sự tiến lui hoặc chậm, hoặc chóng, nghĩa nên thế nào thì theo thế ấy, không lúc nào mà không khoan thai. Đấng thánh nhân sợ người sau không hiểu nghĩa khoan dụ, kẻ ở ngôi quan, tự bỏ chức vụ của mình cho là khoan thai, cho nên phải nói rõ rằng: Hào Sáu Đầu khoan thai thì không có lỗi là vì lúc mới tiến lên chưa chịu mệnh nhận thức. Nếu có quan thủ, không được người trên tin mình mà mất chức phận, thì một ngày cũng không thể ở.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu ở ngôi dưới ngôi chưa từng có mệnh quan thủ.

LỜI KINH

六二:晉如,愁如,貞吉,受茲介福于其王母.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Tấn như, sầu như, trinh cát, thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Dường tiến vậy, dường sầu vậy, chính thì tốt, nhận phúc lớn ấy chưng thuở bà nội.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai ở dưới, trên không ứng viện, là hạng trung chính, mềm thuận, không phải kẻ hăng tiến, cho nên về sự tiến là đáng lo, sầu nghĩa mà tiến lên khó khăn. Nhưng giữ được trinh chính thì tốt, cho nên nói rằng: "Dường tiến vậy: dường sầu vậy, chính thì tốt". Vương mẫu là bà nội, tức là bậc chí tôn trong loài Âm, chỉ về hào Sáu Năm đó. Hào Hai ấy đạo trung chính tự giữ, tuy ở trên không có ứng viện, không thể tự mình tiến lên, nhưng đức trung chính của nó, lâu rồi ắt rõ, người trên phải tự nhiên tìm nó, bởi vì hào Sáu Năm là ông vua cả sáng, với nó cùng đức, ắt nên tìm nó và ban ơn lộc cho nó. Thế là nhận phúc lớn ở bà nội.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Năm trung chính, trên không ứng viện, cho nên muốn tiến mà sầu. Kẻ xem như thế mà giữ được chính đính thì tốt và được nhận phúc ở bà nội. Bà nội chỉ hào Sáu Năm, tức là lời xem tốt lành về việc cúng bà mà hết thảy những kẻ lấy chất Âm mà ở ngôi tôn cũng đều thuộc về loại nó.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Song Hồ nói rằng: Dường tiến vậy, dường sầu vậy là hào Hai muốn tiến mà lại lo vì nó không ứng với hào Năm. Hào Năm ở dưới đắp đổi thể Khảm tức là thêm lo; hào Hai muốn tiến lên mà phía trước chỗ trũng hiểm, lại bị núi Cấn ngăn trở, cho nên có Tượng lo sầu. Vì nó biết giữ chính đính nên vẫn được tốt.

LỜI KINH

象曰:受茲介福,以中正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thụ tư giới phúc, dĩ trung chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhận phúc lớn ấy, vì trung chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhận phúc lớn ấy bằng đạo trung chính. Người ta biết giữ đạo trung chính, lâu rồi át được hưởng thụ, huống chi có bậc cả sáng ở trên, mà lại cùng đức với mình, thì ắt được nhận phúc lớn.

LỜI KINH

六三:衆允,悔亡.

Dịch âm. - *Lục Tam: Chúng doãn, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Mọi người tín, ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy hào Sáu ở ngôi Ba, không được trung chính đáng có ăn năn, nhưng hào Ba ở trên thể *thuận,* là kẻ thuận đến cùng tột, ba hào Âm đều thuận lên trên, đó là hào Ba thuận với bề trên, cùng chí với mọi người, mọi người tin theo, vì vậy sự ăn năn của nó phải mất. Có chí thuận với người bề trên, quay về chỗ sáng, mà mọi người theo mình, cái gì không lợi?

LỜI KINH

象曰:衆允之志,上行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chúng doãn chi chí, thượng hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái chí được mọi người tin, vì đi lên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đi lên nghĩa là phía trên thuận bám vào chỗ cả sáng. Trên theo ông vua cả sáng tức là chỗ giống nhau của chí mọi người.

LỜI KINH

九四:晉如,鼫鼠,貞利.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Tấn như, thạch thử trinh lệ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Dường tiến vậy, con chuột đồng, chính bền, nguy!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là hào Chín, ở ngôi Tư, đó là không phải ngôi mình, không phải ngôi mình mà cứ ở, ấy là kẻ tham giữ ngôi. Tham ở ngôi cao đã không là chỗ yên ổn của mình, mà lại cùng *đức với người* trên, thuận bám vào người trên. Ba hào Âm đều ở dưới

mình, thế ắt tiến lên, cho nên lòng nó sợ ghét chúng nó. Tham mà sợ người là con chuột đồng, cho nên nói rằng tiến như con chuột đồng. Tham chỗ không đáng mà ở lại có lòng sợ ghét, nếu cứ giữ mãi kiểu đó bằng cách chính bền, đủ biết là nguy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dùng cách bất trung bất chính để kiếm ngôi cao, tham mà sợ người, đó là đạo nguy, cho nên là Tượng chuột đồng. Kẻ xem như thế, tuy chính đính cũng nguy.

LỜI KINH

象曰:鼫鼠貞利,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thạch thử trinh lệ, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chuột đồng chính nguy, ngôi chẳng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người hiện vì chính đức mới nên ở ngôi trên, bất chính mà ở ngôi cao thì là không đáng; tham lam mà chỉ sợ mất thời hay sợ người, ở mãi chỗ đó, đủ biết là nguy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Vương Đồng Nghê nói rằng: Trong thì mềm tiến, mà hào Chín Tư một mình tiến bằng cách cứng, cho nên cái nghĩa sự tiến đó, với sự *trinh* là nguy, với ngôi là không đáng.

LỜI KINH

六五:悔亡,失得,勿恤,往吉,無不利.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Hối vong, thất đắc vật tuất, vãng cát, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Ăn năn mất, mất được chớ lo, đi thì tốt, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy chất mềm ở ngôi tôn, đáng lẽ có sự ăn năm, vì nó cả sáng mà phía dưới đều thuận theo, cho nên sự ăn năn của nó mất đi. Kẻ dưới đã cùng đức thuận theo, nên đem lòng thành thực tin dùng, cho hết tài của mọi người và thông chí của thiên hạ, chớ nên tự dùng sự sáng của mình mà lo được mất. Cứ thế mà đi thì tốt, không gì không lọt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào Âm, ở ngôi Dương, nên có sự ăn năn, vì là cả sáng ở trện mà kẻ dưới đều thuận theo, cho nên kẻ xem được hào này thì sự ăn năn mất đi, lại bỏ hết cái lòng tính công mưu lợi, thì đi sẽ tốt mà không gì không lợi. Nhưng cũng ắt phải có đức ấy mới ứng với hào ấy.

LỜI KINH

象曰:失得勿恤,往有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thất đắc vật tuất, vãng hữu khánh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Mất được chớ lo, đi có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đức cả sáng, được kẻ dưới phụ vào đem lòng thành thực mà tin dùng họ, thì có thể làm nên công lớn của thiên hạ, thế là đi mà có phúc khánh.

LỜI KINH

上九:晉其角,維用伐邑,厲,吉無咎,貞吝.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Tấn kỳ dốc, duy dụng phạt ấp, lệ! Cát vô cữu, trinh lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Tiến thửa sừng, bui dùng đánh làng, lo thì tốt, không lỗi, trinh thì đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sừng là vật cứng mà ở trên, hào Chín Trên lấy chất cứng ở chỗ cùng tột của quẻ, cho nên dùng sừng làm Tượng. Lấy chất Dương ở ngôi trên, ấy là cứng đến cùng tột; ở trên cuộc tiến, ấy là tiến đến cùng tột; cứng đến cùng tột thì sẽ hỏng về mạnh tợn; tiến đến cùng tột thì sẽ hỏng vì nóng kíp; là chất cứng mà cùng cực về sự tiến, đó là sai mực vừa phải nhiều lắm, không dùng gì được, chỉ dùng về sự đánh làng thì tuy dữ mà tất và không lỗi nữa. Đánh bốn phương là trị bên ngoài, đánh làng ở của mình là trị bên trong, nói đánh làng, nghĩa là tự trị bên trong vậy. Người ta trị mình cực cứng thì giữ đạo càng bền, cực tiến thì dời điều thiện càng chóng; như hào Chín Trên này dùng để trị mình thì tuy hại về sự nghiêm dữ, nhưng tốt và không có lỗi. Nghiêm dữ không phải là đạo yên vui, nhưng về sự trị mình thì có công. Lại nói "trinh lận" cho hết nghĩa cùng cực về sự cương tiến thì tuy trị mình có công nhưng không phải là đức trung hòa cho nên, với đạo trinh chính thì là đáng tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sừng là vật cứng mà ở trên, hào Chín Trên *cứng tiến,* cùng tột có cái Tượng đó. Kẻ xem được hào này dùng để đánh làng riêng của mình, thì tuy nguy mà tốt và không lỗi. Nhưng dùng sự cực cứng thì làng nhỏ dù được chính đạo cũng là đáng tiếc.

LỜI KINH

象曰:維用伐邑,道未光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Duy dụng phạt ấp, đạo vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bui dùng đánh làng, đạo chưa sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Bui dùng đánh làng" đã được tốt mà không lỗi, lại nói "trinh tiếc" nghĩa là đạo trinh chưa sáng lớn vậy. Lấy chính lý mà nói tức là sự sáng đáng tiếc vậy. Ôi đạo đã sáng lớn thì không cái gì không trung chính, đâu còn có lỗi? Nay tự trị bằng cách quá cứng, tuy có công rồi, nhưng Đạo của mình chưa sáng lớn, cũng là đáng tiếc. Đó là thánh nhân nói cách, làm hết lẽ phải.

QUẺ MINH DI

☷ Khôn trên
☲ Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Minh di, Tự quái nói rằng: Tấn nghĩa là *tiến, tiến* ắt bị đau, cho nên tiếp đến quẻ Minh di. Di nghĩa là đau, cả tiến không thôi, ắt có bị đau là lẽ tự nhiên, vì vậy quẻ Minh di mới nối quẻ Tấn. Nó là quẻ Khôn trên Ly dưới tức là sự sáng vào trong đất. Phản lại quẻ Tấn thành quẻ Minh di, cho nên nghĩa nó với quẻ Tấn đều trái lại nhau. Tấn là quẻ sáng thịnh, ông vua sáng sủa ở trên là lúc mọi người hiền cùng tiến; Minh di là quẻ tối tăm, ông vua tối tăm ở trên là lúc kẻ sáng bị đau. Mặt trời vào trong đất, tức là sự sáng bị thương mà tối tăm, cho nên gọi là Minh di.

LỜI KINH

明夷利艱貞.

Dịch âm. - *Minh di lợi gian trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Minh di lợi về khó nhọc trinh chính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử gặp thời Minh di, lợi ở biết khó nhọc mà không lỗi đạo trinh chính. Ở thời tối tăm khó khăn mà có thể không mất sự trinh chính của mình, vì vậy mới là quân tử sáng láng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Di nghĩa là đau. Là quẻ dưới Ly trên Khôn, mặt trời vào trong đất, tức là cái Tượng sáng mà bị đau, cho nên gọi là Minh di. Lại, hào Sáu Trên quẻ này là chủ sự tối mà hào Sáu Năm gần nó, cho nên kẻ xem lợi về khó nhọc để giữ sự chính mà tự che sự sáng của mình.

LỜI KINH

彖曰:明入地中,明夷.

Dịch âm. - *Thoán viết: Minh nhập địa trung, Minh di.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Sáng vào trong đất, là quẻ Minh di.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây dùng tượng quẻ để thích tên quẻ.

LỜI KINH

內文明而外柔順,以蒙大難,文王以之.

Dịch âm. - *Nội văn minh nhi ngoại nhu thuận, dĩ mông đại nạn, Văn vương dĩ chi.*

Dịch nghĩa. - Trong văn vẻ sáng láng mà ngoài mềm thuận để đội nạn lớn, vua Văn dùng cách đó.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sáng vào trong đất tức là tự sáng bị diệt, cho nên là *sáng đau*. Quẻ trong nhà Ly, Ly là Tượng văn vẻ sáng láng; quẻ ngoài là Khôn, Khôn là Tượng mềm thuận; đó là bên trong có đức văn vẻ sáng láng, bên ngoài lại biết mềm thuận xưa kia vua Văn như thế, cho nên nói rằng vua Văn dùng cách đó. Đương lúc vua Trụ tối tăm, tức là thì sáng đau, mà vua Văn trong có đức văn vẻ sáng láng, ngoài mềm thuận để thờ vua Trụ, đội phạm nạn lớn[1] mà bên trong không mất cái đức thành sáng của mình, bên ngoài đủ để tránh xa tai vạ, đó là đạo Văn Vương đã dùng, cho nên nói rằng vua Văn dùng cách đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng đức quẻ để thích nghĩa quẻ. "Đội nạn lớn" chỉ về gặp loạn vua Trụ mà bị giam.

LỜI KINH

利艱貞,晦其明也,內難而能正其志,箕子以之.

Dịch âm. - *Lợi gian trinh, hối kỳ minh dã; nội nạn nhi năng chính kỳ chí, Cả tử dĩ chi.*

Dịch nghĩa. - Lợi về khó nhọc trinh chính, là làm cho tối thửa sự sáng vậy; trong nạn mà hay chính thửa chí, ông Cơ tử dùng cách đó.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì *sáng đau,* lợi về xử cách khó khăn mà không mất sự trinh chính của mình, nghĩa là biết che giấu sự sáng của mình. Không làm cho tối sự sáng của mình, thì bị vạ lo, không giữ được sự chính đính của mình thì không phải là người hiền minh, ông Cơ Tử[2] đương thời vua Trụ, thân với nước ấy, bên trong sát gần nạn của vua ấy, cho nên nói rằng "Trong nạn". Nhưng ông Cơ Tử

---

[1] Văn Vương bị vua Trụ giam ở ngục Dũ lý.

[2] Ông Cơ Tử là anh ruột vua Trụ; thấy vua Trụ càn dỡ, không thể can được, ông ấy giả rồ đi làm đứa ở, sau về với nhà Chu.

biết giấu kín sự sáng của mình và tự giữ lấy chí chính đáng, đó là cái đạo ông Cơ Tử vẫn dùng, cho nên nói rằng "Ông Cơ Tử dùng cách đó".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy nghĩa một hào Sáu Năm để thích lời quẻ. "Trong nạn", nghĩa là họ gần vua Trụ về ở trong nước vua ấy như hào Sáu Năm gần hào Sáu Trên.

LỜI KINH

象曰:明入地中,明夷,君子以蒞衆,用晦而明.

Dịch âm. - *Tượng viết: Minh nhập địa trung, Minh di, quân tử dĩ ly chúng, dụng hối nhi minh.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sáng vào trong đất là quẻ Minh di. Đấng quân tử coi đó để trị dân chúng, dùng tối mà sáng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự sáng là để mà soi, đấng quân tử không đâu không soi, nhưng quá dùng sự sáng, thì hại về đường xét nét, xét nét quá thì hết việc mà không có độ lượng bao dung cho nên đấng quân tử coi Tượng "Sáng vào trong đất", mà về cách trị người không soi, xét cùng cực mà dùng sự tối, rồi mới có thể dọng người hào chúng. Người ta thân với mình mà đâu yên đó, thế là dùng sự tối cốt để cho sáng. Nếu tự dùng sự sáng của mình, không gì không xét, thì tự mình không thắng được sự giận ghét mà không có đức khoan hậu bao dung, lòng người xa lìa ngờ vực không yên, thế là lỗi đạo trị người, chỉ để thành ra không sáng mà thôi.

LỜI KINH

初九:明夷于飛,垂其翼;君子于行,
三日不食,有攸往,主人有言.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Minh di vu phi, thùy kỳ dực; quân tử vu hành, tam nhật bất thực; hữu du vãng; chủ nhân hữu ngôn.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Sáng đau chưng bay; đủ thửa cánh; đấng quân tử chưng đi, ba ngày chẳng ăn; có thửa đi; người chủ có nói.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Đầu ở thể sáng mà đầu cuộc *sáng đau,* đó là mới bị hại, Chín là hào Dương sáng đi lên, cho nên mới dùng Tượng "bay", sự tối ở trên, làm hại sự sáng của khí Dương, khiến nó không tiến lên được, thế là bay mà bị đau cái cánh. Cánh bị đau nên phải rũ xuống. Phàm kẻ tiểu nhân hại người quân tử, chỉ hại cái để mà đi, đấng quân tử chưng đi, ba ngày không ăn, nghĩa là đấng quân tử sáng soi, thấy việc từ khi nhỏ nhặt, dù mới có mối bị hại mà

chưa rõ rệt, đấng quân tử có thể thấy được, cho nên mới đi để tránh. "Đấng quân tử chưng đi" nghĩa là bỏ lộc vị của mình mà lui về ẩn nấp vậy. "Ba ngày chẳng ăn" ý nói khốn cùng đến tột bậc. Việc chưa rõ rệt mà xử rất khó, không phải là người thấy cơ sáng suốt thì không thể xử. Ôi biết cơ là sự thật riêng của đấng quân tử, người thường không thể biết, cho nên lúc mới sáng đau, sự bị đau chưa rõ mà đi thì thế tục ai không ngờ vực mà lấy làm lạ? Cho nên có thửa đi thì người chủ có nói. Nhưng đấng quân tử không vì thế tục lấy làm lạ mà chậm chạp nghi ngờ sự đi của mình. Nếu đợi mọi người cùng biết thì sự đau đã tới mà không thể đi được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bay là rủ cánh là Tượng bị đau. Kẻ xem đi mà chẳng ăn, chỗ đi không hợp, thì nghĩa nên thế, không thể tránh được.

Lời bàn của Tiên Nho. - Khâu Kiến An nói rằng: "Quẻ Minh di, chứa tối ở trên: hào Đầu là thể Ly sáng, cách hào Trên rất xa, thấy hại liền tránh, có Tượng "Bay mà rủ cánh". Rủ cánh nghĩa là không dám tiến lên, thu mình để tránh vạ vậy. Đấng quân tử biết cơ, nghĩa là nên đi cho mau, có thể không ăn, mà không thể không đi, bởi vì đi trọng hơn ăn. Người chủ tức là người làm chủ mình, chỉ về hào Đầu ứng với hào Tư; có nói nghĩa là lấy lạ về sự đi sớm.

LỜI KINH

象曰:君子于行,義不食也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử vu hành, nghĩa bất thực dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử chưng đi nghĩa là chẳng ăn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử lành nấp mà khốn cùng, nghĩa nên thế vậy. Chỉ theo nghĩa nên thế nào thì làm thế ấy, cho nên ở yên mà không buồn, dầu rằng chẳng ăn cũng được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nghĩa là ở đâu thì theo ở đấy chẳng ăn cũng được.

Lời bàn của Tiên Nho. - Vương Đồng Khuê nói rằng: "Đấng quân tử chưng đi" nghĩa là bỏ lộc và ngôi vậy. "Ba ngày không ăn" nghĩa là không đáng ăn lộc vậy.

LỜI KINH

六二:明夷,夷于左股,用拯,馬狀吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Minh di, di vu tả cổ, dụng chửng, mã tráng cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Sáng đau, đau ở đùi bên tả, dùng cứu, ngựa mạnh tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai lấy tài rất sáng được chỗ trung chính mà thể thuận, thuận thì tự xử, đó là cách cư xử rất khéo. Dẫu đấng quân tử tự xử vẫn khéo, nhưng gặp lúc những kẻ tiểu nhân âm tối làm hại sự sáng, cũng không khỏi bị nó hại mình. Có điều đấng quân tử tự xử có cách, cho nên không thể làm hại nhau cho lắm, và rút lại vẫn có thể tránh được. Chân là cái để đi, đùi ở trên ống chân, với việc đi cũng không thiết lắm; bên tả lại không phải chỗ tiện dùng, với sự dùng của cái chân, phải cho bên hữu là tiện, chỉ có người què mới dùng bên tả, bởi vì đứng về bên hữu là gốc. "Đau ở đùi bên tả" nghĩa là đau hại sự đi mà không thiết lắm; tuy vậy ắt có cách tự khỏi, cứu dùng con người khỏe mạnh thì mau được khỏi mà tốt. Đấng quân tử kẻ bị âm tối làm hại nhưng mà có cách tự xử: cho nên đau không tệ; có cách tự cứu, cho nên được khỏi mau chóng. Nếu cách dùng cứu không mạnh thì đau lâu, cho nên nói rằng " Ngựa mạnh thì tốt". Hào Hai lấy chất sáng ở vào dưới chỗ âm tối, gọi là tốt nghĩa là chỉ khỏi đau hại mà thôi, không phải bảo rằng có thể làm việc thì đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đau mà chưa thiết, cứu được mau chóng thì khỏi, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:六二之吉,順以則也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Nhị chi cát, thuận dĩ tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của hào Sáu Hai, vì thuận bằng phép vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai mà được tốt, vì nó xử thuận mà có phép tắc. Phép là đạo trung chính; biết thuận mà được trung chính, cho nên ở thì sáng đau mà có thể giữ được sự tốt.

LỜI KINH

九三:明夷于南狩,得其大首,不可疾貞.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Minh di vu nam thù, đắc kỳ đại thủ, bất khả tật trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Sáng đau chưng cuộc săn bên nam được thừa đầu lớn, chẳng khá kíp chính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba ở trên quẻ Ly là sáng đến

tột bậc, lại chỗ cứng mà tiến lên; hào Sáu Trên ở trên quẻ Khôn, là tối đến tột bậc; rứt sáng ở dưới mà làm bậc trên thể dưới, rứt tối ở trên, mà ở chỗ cùng cực, hai đẳng ứng địch với nhau, là kẻ sẽ dùng sự sáng để trừ sự tối, ấy là việc của vua Thang vua Vũ[1] đó chăng? Bên Nam ở về phía trước mà là phương sáng, săn bắn là việc trừ hại, săn bên Nam nghĩa là tiến lên mà trừ hại, nên bắt được đầu lớn của nó; đầu lớn chỉ về chùm đầu của đám tối, tức là hào Sáu Trên. Hào Ba với hào Trên cùng ứng với nhau, là tượng kẻ rứt sáng được kẻ rứt tối. Không thể kíp chính, nghĩa là giết kẻ đầu ác, và trừ tục cũ thói dơ chưa thể thay đổi ngay được, ắt phải thay đổi dần dần, vội quá thì nó sợ hãi mà không yên... Cho nên nói rằng không thể kíp chính, nghĩa là không thể kíp làm cho nó ngay thẳng. Hào Sáu Trên tuy không phải ngôi vua, vì nó ở trên mà là tối đến cùng cực, cho nên là chủ sự tối, mới gọi là đầu lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất cứng ở chỗ cứng, lại ở trên thể sáng, mà bị khuất dưới rất tối, chính là ứng nhau với hào Sáu Trên, chủ của sự tối, cho nên có tượng ngảnh sáng, trừ hại bắt được kẻ đầu ác; nhưng mà không thể kíp ngặt, cho nên mới có lời răn không thể kíp chính. Vua Thành Thang nổi lên ở trên ngục Hạ đài[2], vua Văn Vương dấy lên ở ngục Dũ Lý, chính là hợp nghĩa của hào này, mà việc nhỏ cũng có như thế.

LỜI KINH

象曰:南狩志之,乃大得也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nam thú chi chí, nãi đại bất đắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chí săn bên Nam, bền cả được vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ôi lấy sự sáng của kẻ dưới trừ sự tối của kẻ trên, chí nó cốt trừ hại mà thôi, như vua Thang, vua Vũ của nhà Thương, nhà Chu, há có ý muốn lấy thiên hạ làm lợi? Bắt được đầu lớn của nó ấy là bỏ được sự hại mà cả được chí minh. Chí nếu không thế, thì tức là việc trái loạn.

[1] Vua Thang nhà Thương đánh vua Kiệt nhà Hạ, vua Vũ nhà Chu đánh vua Trụ nhà Ân, đều là bầy tôi đánh vua.

[2] Vua Thang bị vua Kiệt giam ở ngục Hạ Đài, khi được tha ra liền dựng lên cơ nghiệp nhà Thương, vua Văn bị vua Trụ giam ở ngục Dũ Lý, khi được tha ra liền gây nên cơ nghiệp nhà Chu.

LỜI KINH

六四:入于左腹,獲明夷之心,于出門庭.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Nhập vu tả phúc, hoạch minh di chi tâm, vu xuất môn đình.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Vào chưng bụng bên tả được cái lòng sáng đau: chưng ra cửa sân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Tư lấy chất Âm đóng ngôi Âm mà ở vào thể Âm mềm, nhằm chỗ gần vua, đó là kẻ Âm tà tiểu nhân ở ngôi cao dùng sự mềm nhũn cong queo để thuận với với vua; hào Sáu Năm là ngôi vua. *Sáng đau* tức là ông vua bị đau sự sáng, hào Tư lấy sự mềm nhũn cong queo, thuận theo với nó, để cho giao kết được bền. Ôi kẻ tiểu nhân thờ vua chưa có khi nào theo sự rõ rệt lấy đạo hợp nhau, họ ắt lấy cách ẩn lệch tự mình kết với người trên. Bên hữu nhằm vào sự dùng, cho nên là nơi sáng rõ; bên tả không nhằm sự dùng, cho nên là nơi ẩn lệch; tay chân người ta hay dùng bên hữu; người đời thường bảo bên tả là trái, đó là bên tả là chỗ ẩn lệch. Hào Tư dùng cách ẩn lệch kết sâu với vua, cho nên nói rằng "vào chưng bụng bên tả". "Vào bụng" nghĩa là giao kết sâu lắm; bởi giao kết sâu cho nên mới được lòng nó. Nhưng kẻ gian tà được tin với vua đều do cướp được lòng họ. Nếu không cướp được lòng họ, hồ dễ họ không tỉnh ngộ? "Chưng ra cửa sân" nghĩa là đã tin ở lòng, rồi sau mới làm ra ngoài; tôi gian thờ vua tối, ắt phải trước làm mê hoặc lòng họ, rồi mới có thể thi hành ra ngoài.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nghĩa của hào này chưa rõ ra sao, trộm ngờ như vầy; bụng bên tả là chỗ tối ẩn, được lòng sáng đau chưng ra cửa sân, tức là đắc ý về sự đi xa; ý nói kẻ bói mà được hào này thì cách tự xử phải nên thế. Bởi vì thể Ly là đức rất sáng, mà ở dưới ba hào thể Khôn, là chỗ rất tối, sáng ở ngoài tối, nên phải theo sự xa gần cao thấp mà xử khác nhau. Hào Sáu Tư là bậc mềm chính, ở chỗ tối mà còn nông, nên còn có thể đắc ý về sự đi xa: Hào Năm là hạng mềm giữa, ở chỗ tối mà đã ngặt, cho nên mới là cái Tượng bên trong có nạn, phải chính chí mình, để cho bớt sự sáng đi; hào Trên thì là tối đã cùng tột, cho nên là kẻ tự hại sự sáng của mình, đến nỗi phải tối, mà lại có thể hại người ta; nghĩa là năm hào dưới đều là đấng quân tử, một hào trên là hạng hôn quân.

Lời bàn của Tiên Nho. - Khâu Kiến An nói rằng: Khôn là bụng, bên tả là chốn ẩn lệch, hào Sáu Tư tiến lên ở dưới thể Khôn, cho nên nói rằng "Vào chưng bụng bên tả". Làm hại sự sáng của người ta ấy là người trên, hào Sáu Tư sâu vào bụng nó mà biểu được cái lòng

"làm đau sự sáng" của nó, cho nên nói rằng "được lòng sáng đau". May mà hào Tư với hào Trên, lúc đó hiểu được ý kín của nó, biết rằng ám chứa ở trên, không thể giúp dập; bỏ nó mà đi, để tới với hào Chín Ba là kẻ sáng, cho nên có Tượng "ra cửa sân".

LỜI KINH

象曰:入于左腹,獲心意也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhập vu tả phúc, hoạch tâm ý dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vào chưng bụng bên tả, được lòng ý vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vào chưng bụng bên tả, nghĩa là lấy đạo cong lệch, vào với vua, mà được lòng ý của hắn. Được lòng hắn cho nên cùng chót vẫn không tỉnh ngộ.

LỜI KINH

六五:箕子之明夷,利貞.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Cơ Tử chi minh di, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm, ông Cơ Tử chưng sáng đau, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm là ngôi vua, ấy là sự thường. Nhưng sự lấy nghĩa[1] của *Kinh Dịch*, biến động theo thời, hào Sáu Trên ở trên thể Khôn, mà là sáng đau đến tột bậc, tức là kẻ âm tối làm hại sự sáng đến tột bậc, hào Năm gần sát với nó, đấng thánh nhân, nhân hào Năm gần sát người rất tối để tỏ cái nghĩa khu xử chỗ đó, cho nên không chuyên nói về ngôi vua, hào Sáu Trên âm tối làm hại sự sáng đến tột bậc, cho nên mới dùng làm chủ quẻ Minh di. Hào Năm gần sát ông vua làm hại sự sáng, nếu để sự sáng của mình tỏ rõ thì ắt bị đau hại, cho nên, nên như ông Cơ Tử tự mình nấp náu, thì có thể khỏi nạn. Ông Cơ Tử là bầy tôi cũ nhà Thương và là người họ đồng tông, có thể bảo là gần sát với vua Trụ, nếu không sự sáng của mình, thì chắc bị vạ, cho nên ông ấy giả cách rồ đi làm đứa ở, để khỏi bị hại. Tuy là che lấp sự sáng, nhưng bên trong vẫn giữ chính đạo, đó là "trong có nạn mà chính được chí mình", vì vậy mới gọi là nhân và sáng. Như ông Cơ Tử có thể bảo là trinh vậy. Bởi hào Năm là hạng Âm mềm, cho nên răn rằng "lợi về chính bền", nghĩa là nên chính bền

---

[1] Tức là theo lời văn mà chọn lấy nghĩa ý.

như ông Cơ Tử vậy. Nếu lấy đạo vua mà nói, nghĩa cũng như thế. Kẻ làm vua có khi nên tự ngậm tối, thì cũng bên ngoài che tối sự sáng bên trong giữ cho chí ý chính đính.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở chỗ rất tối, gần vua rất tối, mà giữ được tâm chí chính đính, đó là Tượng ông Cơ Tử, chính bền tột bậc vậy. "Lợi về chính bền" là câu để răn kẻ xem.

LỜI KINH

象曰:箕子之貞,明不可息也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cơ Tử chi trinh, minh bất khả tức dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ông Cơ Tử chưng chính, sự sáng không thể tắt vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ông Cơ Tử ẩn náu, không mất sự chính bền, tuy gặp hoạn nạn, sự sáng vẫn còn, không thể dứt tắt vậy. Nếu gặp vạ lo mà để cho mất cái điều mình vẫn cầm giữ, thì là mất sự sáng, ấy là dứt tắt. Người xưa, như Dương Hùng[1] là hạng đó.

LỜI KINH

上六:不明,晦,初登于天,後入于地.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Bất minh hối; sơ đăng vu thiên, hậu nhập vu địa.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Chẳng sáng, tối đầu lên chưng trời, sau vào chưng đất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên ở về chót quẻ, là chủ sự "sáng đau", lại là trên nhất cuộc "sáng đau", một chỗ rất cao. Ở chỗ rất cao, vốn nên soi xa, sự sáng đã bị đau hại, cho nên không sáng mà lại tối tăm. Vốn ở chỗ cao, sự sáng nên tới nơi xa, ấy là "đầu lên chưng trời". Bị đau hại sự sáng mà tối tăm, ấy là "sau vào chưng đất". Hào Trên ở chót quẻ Minh di, lại ở chót thể Khôn Âm, ấy là sáng đau đến tột bậc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở chỗ cùng cực thể khôn, chẳng làm cho đức mình sáng ra, để đến chỗ phải tối, lúc đầu thì ở ngôi cao, để làm hại sự sáng của người, lúc chót ắt đến tự mình hại mình, mà hỏng tính mệnh, cho nên Tượng nó như thế, mà Chiêm cũng ở trong đó.

[1] Dương Hùng trước làm tôi nhà Hán, sau Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lại làm tôi Vương Mãng.

LỜI KINH

象曰:除登于天,照四國也,後入于地,失則也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơ Đăng vu thiên, chiếu tứ quốc dã; hậu nhập vu địa, thất đắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đầu lên chưng trời, soi bốn nước vậy; sau vào chưng đất, mất phép vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đầu lên chưng trời, là ở chỗ cao mà sáng thì nên soi tới bốn phương; thế mà bị hại mà tối tăm, thì là "sau vào chưng đất" mất cách sáng vậy. "Mất phép" nghĩa là mất phương pháp vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Soi bốn nước" là theo về ngôi mà nói.

QUẺ GIA NHÂN

 Tốn trên

 Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Gia Nhân, Tự quái nói rằng: Di là đau, đau ở ngoài ắt trở về nhà, cho nên tiếp đến quẻ Gia Nhân[1]. Ôi, đau khốn ở ngoài, thì phải trở vào bên trong, vì vậy, quẻ Gia nhân mới nối quẻ Minh di. Gia nhân là đạo trong nhà, tình cha con, nghĩa vợ chồng, thứ tự trên dưới, lớn nhỏ, chính luân lý, dốc ân nghĩa, đó là đạo *người nhà*. Nó là quẻ ngoài Tốn trong Ly, tức là gió tự lửa ra, lửa mạnh thì gió sinh, gió sinh thì lửa tự trong mà ra. Tự trong mà ra là Tượng từ nhà tới ngoài. Hào Hai và hào Năm chính ngôi trai, gái ở trong và ngoài, ấy là đạo người nhà; sáng ở trong mà nhún ở ngoài, ấy là cách khu xử trong nhà. Ôi, người ta, cái gì có ở mình thì hành được ở nhà, thi hành được ở nhà thì thi hành được ở nước rồi đến thiên hạ; cách trị thiên hạ tức là cách trị nhà, suy ra mà thi hành ở ngoài đó thôi. Cho nên mới lấy cái Tượng "từ trong mà ra" làm nghĩa quẻ Gia nhân.

LỜI KINH

家人利女貞.

Dịch âm. - *Gia nhân lợi nữ trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ gia nhân lợi về gái chính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo người nhà lợi ở con gái chính, con gái chính thì đạo nhà chính. Ôi, vợ ra vợ, chồng ra chồng thì đạo nhà mới chính, nay chỉ nói con gái chính là vì chính là cái thân chính đính, con gái chính, thì nhà chính, con gái chính thì chắc con trai cũng chính.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Gia nhân là người một nhà. Trong quẻ, hào Chín Năm và hào Sáu Hai, bên trong, bên ngoài, đều được chỗ chính, cho nên là quẻ "người nhà". "Lợi con gái chính" là muốn chính bên trong trước, bên trong chính thì bên ngoài không gì không chính.

---

[1] Gia nhân nghĩa là người nhà.

LỜI KINH

象曰:家人,女正位乎內,男正位乎外,男女正.天地之大義也,家人有嚴君焉父母之謂也.父父子子兄兄弟弟,夫夫婦婦,而家道正正家而天下定矣.

Dịch âm. - *Thoán viết: Gia nhân, nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại; nam nữ chính; thiện địa chi đại nghĩa dã. Gia nhân hữu nghiêm quân yên, phụ mẫu chi vị dã. Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chính, chính gia nhi thiên hạ định hỹ.*

Dịch nghĩa. - Lời thoán nói rằng: Quẻ Gia nhân; con gái chính ngôi ở trong, con trai chính ngôi ở ngoài, trai gái chính, là nghĩa lớn của trời đất vậy. Người nhà có vua nghiêm, là cha mẹ vậy. Cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, vợ ra vợ, chồng ra chồng, mà đạo nhà chính. Chính được nhà thì thiên hạ phải đâu vào đấy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Thoán lấy tài quẻ mà nói, Dương ở ngôi Năm là ở ngoài, Âm ở ngôi Hai là ở trong, thế là trai gái đều được ngôi chính của mình. Cái đạo tôn ty, trong ngoài chính hợp với nghĩa lớn của trời đất Âm Dương. Trong đạo người nhà ắt phải có bậc tôn nghiêm mà làm chúa trùm, ấy là cha mẹ. Tuy là một nhà nhỏ nhặt, mà mất vẻ tôn nghiêm thì sự hiếu kính phải suy, không có bậc chúa trùm thì phép tắc phải bỏ, có vua nghiêm mà sau đạo nhà mới chính. Nhà là khuôn phép của nước vậy. Cha con, anh em, vợ chồng, ai giữ được đạo của nấy, thì đạo nhà chính. Suy đạo một nhà, có thể tới được thiên hạ, cho nên nhà chính thì thiên hạ sẽ đâu vào đấy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn đầu lấy hai hào Chín Năm, Sáu Hai trong thể quẻ thích nghĩa chữ "lợi nữ trinh". Đoạn thứ hai cũng chỉ vào hai hào thứ Hai thứ Năm. Đoạn thứ ba nói về cả quẻ, hào Trên là cha, hào Đầu là con, hào Năm hào Ba là chồng, hào Tư hào Hai là vợ, hào Năm là anh, hào Ba là em, lấy nét quẻ mà suy, lại có tượng đó.

LỜI KINH

象曰:風自火出,家人,君子以言有物,而行有恆.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong tự hỏa xuất, Gia nhân, quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hạnh hữu hằng.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gió từ lửa ra, là quẻ Gia nhân, đấng quân tử coi đó mà nói có vật, nết có thường.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái gốc của việc chính nhà, cốt ở chính lấy mình mình; cái đạo chính mình, một câu hỏi, một sự hành động, không thể thay đổi. Đấng quân tử coi Tượng gió tự lửa ra, mà biết việc phải do ở trong mà ra, cho nên nói ắt có vật, làm ắt có thường. Vật là sự thực, thường là thường độ, tức là phép tắc vậy. Đức nghiệp tỏ rệt ra ngoài là bởi nói và nết cẩn thận ở trong. Nói gìn, nết sửa, thì mình chính mà nhà trị[1].

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mình chính thì nhà trị.

LỜI KINH

初九:閑有家,悔亡.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Nhàn hữu gia, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Ngăn ngừa có nhà, ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào đầu là đầu đạo nhà. Nhàn là ngăn ngừa phép tắc vậy, trị từ lúc mới có nhà, biết lấy phép tắc ngăn ngừa, thì không đến nỗi phải ăn năn. Trị nhà tức là trị người nhà, nếu không ngăn ngừa bằng phép tắc thì tình người phóng phiếm, đến phải có sự ăn năn, mất thứ tự người lớn người nhỏ, loạn sự phân biệt con trai con gái, hại ân nghĩa, hại luân lý, không thiếu điều gì. Biết lấy phép tắc ngăn ngừa từ đầu, thì không có những sự ấy, cho nên là "ăn năn mất". Hào Chín là tài cứng sáng, tức là kẻ ngăn ngừa được nhà. Chẳng nói rằng "không ăn năn" là vì ở đàn bà thì ắt có sự ăn năn, vì biết ngăn ngừa, cho nên nó mất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Đầu lấy chất Dương cứng ở vào lúc đầu có nhà, biết ngăn ngừa, thì sự ăn năn sẽ mất. Răn kẻ xem nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰:閑有家,志未變也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhàn hữu gia, chí vị biến dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: ngăn ngừa có nhà, chí chưa đổi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ngăn ngừa từ lúc đầu, tức là trước khi ý chí người nhà chưa biến động. Chính chí chưa trôi tan biến động mà

[1] "Trị" này nghĩa là kỷ cương, có trật tự, trái lại với chữ "loạn".

ngăn ngừa họ, thì không hại ân, không mất nghĩa, khu xử trong nhà như thế là khéo, cho nên sự ăn năn phải mất đi. Nếu để chí ý biến động mới trị, thì phải hại nhiều, ấy là có sự ăn năn?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chí chưa biến mà ngừa sẵn.

LỜI KINH

六二:無攸遂,在中饋,貞吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Vô du toại, tại trung quỹ, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Không thửa thỏa, ở trong, chủ việc ăn uống, chính tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người ta ở nhà trong chỗ xương thịt cha con, phần nhiều để tình thắng lễ, để ân cướp nghĩa: chỉ những người cương quyết thì mới có thể không vì lòng tự ái mà bỏ mất chính lý, cho nên trong quẻ Gia nhân, đại để lấy sự cứng làm hay, như hào Đầu, hào Ba, bào Trên đó vậy. Hào Sáu Hai lấy tài Âm mềm mà ở ngôi mềm, là kẻ không biết trị nhà, cho nên "không thửa thỏa" nghĩa là chẳng làm điều gì mà nên. Ôi lấy tài anh hùng, còn có khi đắm đuối tình ái mà không thể tự giữ, huống chi người nhu nhược có thắng được tình của vợ con chăng? Như tài hào Hai, nếu là đạo đàn bà thì là chính đáng; lấy đức mềm thuận, ở chỗ trung chính, là đạo đàn bà vậy, cho nên, ở trong chủ việc ăn uống, thì được chính đáng mà tốt. Đàn bà là người ở trong chủ việc ăn uống, cho nên nói rằng "trung quỹ".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Hai mềm, thuận trung chính, tức là con gái chính ngôi ở trong, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:六二之吉,順以巽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Nhị chi cát, thuận dĩ tốn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của Hào Sáu Hai, thuận và nhún vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai lấy chất Âm mềm ở chỗ trung chính, tức là kẻ biết thuận theo mà thấp nhún, cho nên là sự chính tốt của đàn bà.

LỜI KINH

九三:家人嗃嗃,悔,厲,吉;
婦子嘻嘻,終吝.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Gia nhân hạc hạc, hối, lệ, cát: phu tử hy hy, chung lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Người nhà nem nép (?), hối dữ, tốt: vợ con hơn hớn, sau chót thẹn tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hai chữ 嗃嗃 *(hạc hạc)* chưa rõ nghĩa ra sao, nhưng lấy nghĩa và ý Âm mà xem thì nó giống chữ 嗷嗷 *(ngao ngao,* nghĩa là *lao xao)* và lại có ý kíp ngặt, bó buộc. Hào Chín Ba trên quẻ trong, là kẻ chủ trị bên trong. Lấy chất Dương, ở chỗ cứng mà không giữa, là kẻ tuy được chỗ chính mà quá về cứng vậy. Việc trị bên trong, quá cứng thì hại về nghiêm ngặt, cho nên người nhà nem nép. Nhưng trị nhà quá nghiêm, không thể không thương tổn, cho nên ắt phải ăn năn về sự nghiêm dữ. Bởi vì xương thịt cần phải dùng Âm nhiều hơn, nên mới ăn năn. Tuy phải ăn năn về sự nghiêm dữ, chưa được mực giữa của sự khoan hồng và sự nghiêm mãnh, nhưng mà đạo nhà tề chỉnh, lòng người kinh sợ, còn là sự tốt lành của gia đình. Nếu như vợ con hơn hớn, thì sau chót, phải đến thẹn tiếc. Trong quẻ này nguyên không có tượng "hơn hớn", đó là đối chữ "nem nép" mà nói, ý nói nếu bị lỗi về sự phóng tứ, thà rằng thái quá về sự nghiêm ngặt. Hơn hớn: nghĩa là vui cười không có tiết độ, tự mình rông dỡ, không có tiết độ, thì sau chót đến phải hỏng nhà, đáng thẹn tiếc vậy. Bởi vì, nghiêm cẩn thái quá, tuy về nhân tình, vẫn có tồn tại, nhưng về phép tắc lập được, luân lý chính được, thì là ân nghĩa ở đó. Nếu cứ hơn hớn không có tiết độ, ấy là phép tắc bởi đó mà hỏng, luân lý bởi đó mà loạn, làm sao mà giữ được nhà? Hơn hớn quá thậm, thì sẽ hung đến hại nhà, chỉ nói "thẹn tiếc" là vì thẹn tiếc quá đỗi thì phải đến hung, cho nên chưa vội nói hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất cứng, ở ngôi cứng mà không được giữ, ấy là kẻ quá cứng, cho nên có tượng "nem nép nghiêm dữ". Như thế thì dù có hối lo mà tốt. "Hơn hớn" là tiếng trái lại với "nem nép", tức là cách thẹn tiếc đó. Kẻ xem đều lấy đức của mình làm sự ứng nghiệm, cho nên phải nói cả đôi đường.

LỜI KINH

象曰:家人嗃嗃,未失也,
婦子嘻嘻,失家節也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Gia nhân hạc hạc, vị thất dã; phụ tử hy hy, thất gia tiết dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Người nhà nem nép, chưa mất vậy; vợ con hơn hơn, mất tiết độ của nhà vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tuy nem nép về đạo trị nhà, chưa là lỗi lắm. Bằng như vợ con hơn hớn, thì là không có lễ phép, mất tiết độ của nhà, nhà ắt phải loạn.

LỜI KINH

六四:富家,大吉.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Phú gia, đại cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Giàu nhà, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy thể nhún thuận mà ở ngôi Tư, là được, ngôi chính. Ở được ngôi chính là nghĩa ở yên, nhún thuận về công việc mà lại noi theo chính đạo, ấy là kẻ giữ được sự giàu có của mình. Cách ở nhà giữ được sự giàu, thì là cả tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dương chủ về nghĩa, Âm chủ về lợi, lấy chất Âm ở ngôi Âm, lại là ngôi cao, ấy là kẻ có thể làm giàu cho nhà mình.

LỜI KINH

象曰:富家大吉,順在位也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phú gia đại cát, thuận tại vị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giàu nhà cả tốt, thuận ở ngôi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đức nhún thuận mà ở ngôi chính, chính mà nhún thuận, ấy là kẻ giữ được giàu của mình. Tức là sự cả tốt của nhà giàu vậy.

LỜI KINH

九五:王假有家,勿,恤吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Vương cách hữu gia, vật, tuất cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Vua đến có nhà, chớ lo, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm là con trai ở ngoài, chất cứng mà ở ngôi Dương, ở chỗ tôn mà được trung chính, kẻ ứng của nó lại là chính thuận ở trong, ấy là người trị nhà đến[1] chính, đến[2] khéo,

---

[1,2] Những chữ "đến" này theo ý của Trình Di, đều là rất mực, tột bậc.

"Vương cách hữu gia" là gì? Hào Năm là ngôi vua, cho nên lấy vua mà nói, "cách" nghĩa là đến[1] tức là cùng tột về đạo trị nhà. Ôi, đạo kẻ làm vua, sửa mình để tẩy nhà, nhà chính mà thiên hạ trị, từ xưa, các đấng thánh vương, chưa có người nào chẳng lấy sự kính mình[2] chính là làm gốc, cho nên, cái đạo có nhà đã đến[3], thì không lo nhọc mà thiên hạ trị. Thế là chớ lo mà tốt. Hào Năm kính mình ở ngoài, hào Hai trị nhà ở trong, trong ngoài cùng đức với nhau, có thể gọi là "đến"[4] vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Cách" nghĩa là đến[5] như chữ "cách" trong tiếng "cách 2 Thái miếu" (đến nhà Thái miếu). "Có nhà" như "có nước"[6] vậy. Hào Chín Năm cứng mạnh trung chính phía dưới ứng với hào Sáu Hai là hào mềm thuận, trung chính, kẻ làm vua vì thế mà đến nhà ấy, thì chớ lo thương, mà chắc là tốt. Đó là lời Chiêm tốt về việc lấy hoàng hậu, cung phi, mà những kẻ có đức, gặp được hào này đều tốt.

LỜI KINH

象曰:王假有家,交相愛也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vương cách hữu gia, giao tương ái dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vua đến có nhà, yêu lẫn nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo "vua đến có nhà", không phải chỉ khiến người ta thuận theo mà thôi, phải làm cho họ thật lòng hóa theo, thực ý hợp với, chồng yêu người nội trợ của mình, vợ yêu người trị nhà của mình, thế là "yêu lẫn nhau". Được như thế, có lẽ bà phi của vua Văn Bằng như thân sửa, phép đựng, mà nhà chưa hóa, thì chưa được là đạo "đến có nhà".

LỜI KINH

上九:有孚威如,終吉.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Hữu phu uy như, chung cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Có tin, đường oai nghiêm vậy, trọn tốt.

GIẢI NGHĨA

---

[1] Những chữ "đến" này theo ý của Trình Di, đều là rất mực, tột bậc.
[2] Kính mình nghĩa là giữ mình một cách nghiêm trang kính cẩn.
[5] Chữ "đến" nghĩa là đi tới.
[6] Chỉ về người làm vua.

Truyện của Trình Di. - Chót của quẻ trên, tức là đạo nhà nên rồi, cho nên mới nói cho cùng cực về cái gốc của sự trị nhà. Cái đạo trị nhà không chí thành thì không thể được. Cho nên, ắt phải trong lòng có đức tin, thì mới có thể thường lâu mà mọi người tự hóa làm thiện. Không bởi lòng chí thành, thì chính mình cũng không giữ được thường thường, huống chi còn muốn sai khiến kẻ khác? Cho nên, việc trị nhà lấy có đức tin làm gốc. Việc trị nhà, ở chỗ vợ con tin yêu, từ quá thì không nghiêm, ân nhiều thì lấp mất nghĩa, cho nên cái lo của gia đình, thường thường ở chỗ lễ phép không đủ, sinh ra trễ biếng, khinh lờn. Người lớn mất vẻ tôn nghiêm kẻ nhỏ quên sự kính thuận, thế mà trong nhà không loạn, thật chưa từng có. Cho nên, ắt có oai nghiêm, thì sau chót mới tốt. Chót việc giữ nhà, cốt ở hai điều "có tin" "dường oai nghiêm" mà thôi, nên mới nói chót quẻ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Trên lấy chất cứng, ở ngôi trên đứng chỗ chót quẻ, cho nên nói về cách trị nhà lâu dài. Kẻ xem ắt có thành tín uy nghiêm, thì sau chót được tốt.

LỜI KINH

象曰:威如之吉,反身之謂也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Uy như chi cát, phản thân chi vị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dường oai nghiêm vậy mà tốt, chỉ về trở lại trong mình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo trị nhà, lấy sự chính mình[1] làm gốc, cho nên nói rằng "chỉ về trở lại trong mình". Lời hào nói trị nhà nên có uy nghiêm, mà đấng Phu Tử[2] lại nói thêm rằng: "nên lập nghiêm thân mình trước" vậy. Oai không thi hành nghiêm ngặt ở mình trước, thì người ta không phục cho nên nói rằng: "Dường oai nghiêm vậy mà tốt là vì biết tự trở lại trong mình". Ý đó cũng như Mạnh tử nói rằng: "Mình không thi hành, thì đạo không thi hành được với vợ con".

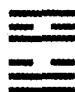
Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói không phải làm oai, trở lại mình tự trị mình, thì người khác sẽ sợ phục mình.

---

[1] Nghĩa là làm cho thân mình đính chính ngay ngắn.

[2] Tức là đức Không Tử.

QUẺ KHUÊ

 Ly trên

Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khuê. Tự quái nói rằng: Đạo nhà cùng ắt phải trái, cho nên tiếp đến quẻ Khuê[1]. Khuê nghĩa là trái, đạo nhà cùng thì sai trái lìa tan, lý ắt phải thế, cho nên sau quẻ Gia nhân tiếp đến quẻ Khuê. Nó là quẻ trên Ly dưới Đoái, lửa Ly bốc lên chằm Đoái thấm xuống, là nghĩa hai thể trái lìa nhau vậy. Lại, con gái giữa và út tuy là cùng ở mà chỗ về khác nhau, ấy là chí không cùng đi với nhau, cũng là nghĩa trái lìa.

LỜI KINH

睽,小事吉.

Dịch âm. - *Khuê, tiểu sự cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Khuê, việc nhỏ tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khuê là thì sai trái lìa tan, chẳng phải đạo tốt. Vì tài quẻ này, tuy ở thì "lìa" mà việc nhỏ thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khuê là trái khác. Là quẻ trên lửa dưới chằm, tính trái khác nhau; con gái giữa, con gái út, chí không cùng về với nhau, cho nên là lìa. Nhưng lấy đức quẻ mà nói, thì trong đẹp lòng mà ngoài sáng sủa; lấy sự biến đổi của quẻ mà nói, thì: ở quẻ Ly lại, là hào mềm tiến lên ở ngôi Ba; ở quẻ Trung phu lại, là hào mềm tiến lên ở ngôi Năm, ở quẻ Gia nhân lại, thì gồm cả hai kiểu đó; lấy thể quẻ mà nói, thì, hào Sáu Năm được chỗ giữa mà phía dưới ứng với hào Chín Hai là hào cứng, cho nên lời Chiêm của nó không thể làm việc lớn, mà việc nhỏ còn có cách tốt.

LỜI KINH

彖曰:睽,火動而上,澤動而下,二女同居,其志不同行.

Dịch âm. - *Thoán viết: Khuê, hỏa động nhi thượng, trạch động nhi hạ, nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất đồng hành.*

---

[1] Chữ 睽 (Khuê) nghĩa là trái lìa nhau.

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Khuê, lửa động mà lên, chằm động mà xuống, hai gái cùng ở, mà chí họ không cùng đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Thoán trước thích nghĩa chữ "khuê", thứ nói tài quẻ, chót nói về cách hợp lại sự lìa tan mà ngợi khen công dụng về thì đại của nó lớn lao. Tính lửa động mà lên, tính chằm động mà xuống, tính của hai vật trái khác hẳn nhau, cho nên là *lìa,* hai gái giữa út, tuy là cùng ở, mà chí họ không cùng đi, cũng là nghĩa *lìa*. Con gái, lúc nhỏ còn ở chung, lúc lớn, ai về nhà chồng nấy, thế là chí họ khác nhau. Nói "lìa" là gốc chung nhau, nếu gốc không chung nhau thì không phải là lìa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy tượng quẻ thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

說而麗乎明,柔進而上行,得中應乎剛,是以小事吉.

Dịch âm. - *Duyệt nhi lệ hồ minh, nhu tiến nhi thượng hành, đắc trung, nhi ứng hồ cương, thị dĩ tiểu sự cát.*

Dịch nghĩa. - Đẹp lòng mà bám vào sáng, mềm tiến mà đi lên, được giữa mà ứng với cứng, vì vậy việc nhỏ tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tài quẻ như thế, cho nên việc nhỏ tốt. Đoái là đẹp lòng, Ly là bám vào, lại là sáng, cho nên mới là đẹp lòng phụ bám vào chỗ sáng. Hễ quẻ Ly ở trên, lời Thoán muốn cho thấy rõ chất mềm ở ngôi tôn, thì nói "mềm tiến mà đi lên", tức như quẻ Tấn quẻ Đỉnh đó. Đương thời trái lìa, hào Sáu Năm lấy chất mềm ở ngôi tôn, có cái hay về sự đẹp lòng thuận bám chỗ sáng, lại được trung đạo mà ứng với kẻ cứng, tuy không thể làm hợp sự lìa của thiên hạ, làm nên việc lớn trong thiên hạ, nhưng cũng có thể làm được việc nhỏ. Thế là việc nhỏ thì tốt. Hào Năm lấy chất sáng mà ứng với kẻ cứng, sao lại không thể đem lại được sự tốt lớn? Đáp rằng: Hào Năm là hạng Âm mềm, tuy có ứng với hào Hai, mà trong thì "lìa", cái cách chung cùng với nhau chưa được sâu bền, cho nên hào Hai ắt phải "gặp chúa ở ngõ", hào Năm "cắn da", thì không có lỗi. Trong thiên hạ lìa tan ắt phải vua tôi đều là Dương cương trung chính, thật lòng hiệp sức, thì mới có thể hợp được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy đức quẻ, sự biến đổi của quẻ, và thể quẻ mà thích lời quẻ.

LỜI KINH

天地睽而其事同也;男女睽而其志通也
萬物睽而其實類也, 睽之時用大矣哉.

Dịch âm. - *Thiên địa khuê nhi kỳ sự đồng dã, nam nữ khuê nhi kỳ chí thông dã, vạn vật khuê nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thì dụng đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Trời đất lìa nhau mà thửa việc cùng nhau, trai gái lìa nhau mà thửa chí thông nhau vậy, muôn vật lìa nhau mà thửa việc giống nhau vậy. Thời dụng của quẻ Khuê lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Suy chỗ đồng nhau của vật lý để tỏ thời dụng của quẻ Khuê, đó là cái đạo thánh nhân làm hợp sự lìa. Thấy đồng nhau là đồng nhau, đó là trí thức của bọn thế tục, thánh nhân thì biết rõ chỗ vốn đồng nhau của vật lý, vì vậy mới có thể thông đồng thiên hạ, hòa hợp muôn loài. Lấy trời đất muôn vật mà nói cho rõ, thì: trời cao đất thấp, thể nó lìa nhau, nhưng Dương xuống Âm lên, hòa hợp nhau mà làm nên việc hóa dục thì vẫn đồng nhau, sinh vật khác nhau muôn vẻ lìa nhau, nhưng được sự hòa hợp của trời đất, bẩm thục khí của Âm Dương thì vẫn giống nhau. Vật tuy khác mà lý vốn giống nhau. Cho nên lớn như thiên hạ, nhiều như các sinh vật, lìa tan muôn ngả đấng thánh nhân có thể làm cho đồng nhau. Ở thì quẻ Khuê, hợp sự, dùng của quẻ Khuê, việc đó rất lớn, cho nên nói rằng "lớn vậy thay"!

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cực cái lý của nó, mà người khen thêm.

LỜI KINH

象曰:上火下澤,睽,君子以同而異.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thượng hỏa, hạ trạch, Khuê, quân tử dĩ đồng nhi dị.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên lửa, dưới chằm, là quẻ Khuê. Đấng quân tử coi đó để cùng mà khác.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên lửa dưới chằm, tính của hai vật trái khác nhau, vì vậy mới là tượng lìa cách. Đấng quân tử coi Tượng lìa khác nhau đó, mà trong chỗ đại đồng, biết cái nên khác nhau. Ôi, thánh hiền ở đời, về sự thường của "lẽ người", chẳng cái gì mà chẳng đại đồng với thế tục, nhưng chỗ đồng nhau đó, có khi lại riêng khác họ. Nghĩa là về sự "cầu đạo thường của trời cho" thì đồng nhau, mà

về sự lỗi lầm của thế tục thì khác nhau. Không thể đại đồng, tức là kẻ thế tục quen làm xằng. Cốt ở đồng nhau mà biết khác nhau thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai quẻ hợp thể mà tính không giống nhau.

LỜI KINH

初九:晦亡,喪馬,勿逐, 自復,見惡人,無咎.

Dịch âm. - *Sơ cửu: Hối vong: táng mã, vật trục, tự phục, kiến ác nhân, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Ăn năn mất, mất ngựa, chớ đuổi theo tự nhiên trở lại, thấy người ác, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở đầu quẻ, là lúc đầu của cuộc lìa vậy. Ở thì *lìa* cách, nó lấy chất Dương mà động ở dưới đủ biết là có ăn năn, sở dĩ được mất sự ăn năn đó, là vì có hào Chín Tư ở trên, cũng vì cùng là hào Dương, cùng ở dưới, lại nhằm vào ngôi ứng nhau, hai hào Dương vốn không phải là ứng nhau, vì ở cuộc *lìa* cho nên hợp nhau, trên dưới *cùng nhau,* cho nên có thể mất sự ăn năn. Ở quẻ Khuê các hào đều có ứng. Ôi, hợp thì có *lìa,* vốn đã khác nhau, thì còn lìa gì? Chỉ có hào Đầu và hào Tư tuy không phải là ứng nhau mà cùng đức *cùng nhau,* cho nên gặp nhau. Ngựa là vật để đi, Dương là vật đi lên, *lìa* tan trơ trọi, không kẻ cùng với, thì không đi được, thế là mất ngựa, hào Tư đã hợp với nó, thì là đi được, thế là chớ đuổi theo mà ngựa tự nhiên lại được. *Người ác* là kẻ trái với mình, thấy là gặp nhau. Trong thì lìa, tuy kẻ cùng đúc *cùng nhau,* nhưng hạng tiểu nhân, trái khác rất nhiều nếu bỏ dứt chúng, chẳng hầu đem hết thiên hạ để thù nhau với đấng quân tử ư? Như thế thì mất cái nghĩa bao dong, rộng rãi, là cách đem sự hung lỗi đến vậy, đâu lại có thể hóa kẻ bất thiện mà khiến nó hợp với mình? Cho nên, ắt thấy người ác thì không có lỗi. Đấng thánh vương đời xưa, sở dĩ hóa được kẻ gian hung làm người lương thiện, đổi được kẻ cừu địch làm tôi dân, là bởi không tuyệt với chúng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phía trên không chính ứng là có ăn năn, nhưng ở thì lìa, cùng đức ứng nhau, sự ăn năn ấy mất đi, cho nên có Tượng "mất ngựa chớ đuổi mà tự trở lại". Nhưng cũng ắt thấy người ác, rồi mới có thể tránh lỗi, như Khổng Tử với Dương Hóa vậy.

LỜI KINH

象曰:見惡人,以辟咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kiến ác nhân, dĩ ty cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thấy người ác, để tránh lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong khi lìa cách, tình người trái nhau, cầu hòa hợp lại còn không thể được. Nếu lấy cớ là người ác mà cự tuyệt đi, thì sẽ làm cho nhiều người thù hằn đấng quân tử mà vạ lỗi đến vậy. Cho nên, ắt phải thấy họ, để tránh khỏi sự oán trách. Hễ không có sự oán trách, thì là có cách hợp được.

LỜI KINH

九二:遇主于巷,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Ngộ chủ vu hạng, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Gặp chúa ở ngõ, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai với hào Năm chính ứng với nhau, ấy là cùng nhau. Nhưng ở trong thì *lìa trái,* cái đạo "Âm Dương ứng nhau" đã suy, mà ý "cứng mềm trái nhau" Dương thắng - Kẻ học *Kinh Dịch* nên ghi chỗ đó, thì biết sự biến thông - cho nên hào Hai hào Năm tuy là chính ứng, cũng phải ủy khúc để tìm nhau. Hào Hai lấy đức cứng giữa ở dưới, phía trên ứng nhau với ông vua Sáu Năm, đạo hợp nhau thì chí thực hiện, có thể làm nên công việc vượt qua cuộc *lìa.* Mà ở thì *lìa cách,* sự giao kết không phải bền chặt, hào Hai nên ủy khúc cần cho gặp nhau, mong cho được hợp, cho nên nói rằng "gặp chúa ở ngõ". Ắt phải hợp nhau mới không có lỗi, vua tôi lìa cách thì lỗi lớn lắm. Ngõ là cái đường ủy khúc (cong queo), gặp là hội họp, nên ủy khúc tìm nhau, hẹn được hội ngộ để hợp với nhau. Gọi là ủy khúc, nghĩa là dùng cách khéo léo, uyển chuyển đưa tới, khiến cho hợp nhau mà thôi, không phải uấn mình hay uấn đạo đâu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai hào Năm, Âm Dương chính ứng với nhau, nhưng ở thì *lìa,* sai trái không hợp nhau, ắt phải ủy khúc tìm cho được hội ngộ, mới là không lỗi, cho nên Tượng và Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:遇主于巷,未失道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ngộ chủ vu hạng, vị thất đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gặp chúa ở ngõ, chưa mất đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì lìa lòng vua chưa hợp, bề tôi ở dưới hết sức, hết lòng thành, hẹn phải khiến họ tin mình hợp mình

mà mình thì chí thành để cảm động họ, tận lực để giúp họ, tỏ rõ nghĩa lý để mở mang sự biết của họ, lấp hết điều mê hoặc, để làm cho tâm ý họ thành thực, như thế tức là uyển chuyển để cầu cho hợp nhau. Gặp không phải là uốn đạo đưa đón, ngõ, không phải là lối đi cong lệch, cho nên, đức Phu Tử phải nói rõ rằng "gặp chúa ở ngõ chưa mất đạo vậy". Chưa không phải là ắt, không phải bảo rằng "ắt phải mất đạo".

LỜI KINH

六三:見輿曳, 其牛掣, 其人, 天且劓, 無初有終.

Dịch âm. - *Lục Tam: Kiến dư duệ, kỳ ngưu xiết, kỳ nhân, thiên thả ty, vô sơ hữu chung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Thấy xe kéo, thửa trâu kìm, thửa người gọt đầu và xẻo mũi. Không đầu, có chót.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ Âm mềm trong bình thì còn không đủ sức tự lập, huống chi giữa lúc *lìa tan*. Hào Ba ở vào khoảng giữa hai hào cứng, đó là ở không được chỗ yên ổn, sự bị lấn áp có thể biết chắc. Hào Ba vì chính ứng ở trên, muốn tiến lên để hợp chỉ với hào Trên, mà hào Tư ngăn ở đằng trước, hào Hai lôi ở đằng sau, xe trâu là đồ để đi, *xe kéo* tức là lôi ở đằng sau, *trâu kìm* tức ngăn ở đằng trước. Ở đằng sau thì chỉ có co kéo mà thôi, chắn, đằng trước là cái mà kẻ tiến lên phải cố xông vào, cho nên hai lần bị đau ở trên, nó bị hào Tư làm đau vậy. *Thiên* là gọt đầu, *ty* là xẻo mũi, hào Ba đi theo chính ứng mà bị hào Tư ngăn cản, hào Ba tuy là Âm mềm, nhưng ở chỗ ứng mà chí định đi, cho nên nó cố tiến lên để xông vào, vì vậy mới bị đau. Gọt đầu lại xẻo mũi, có ý nói hai lần bị thương. Hào Ba không hợp với hào Hai và hào Tư, trong thì *lìa* không có nghĩa hợp đó là thích hợp với đạo ở chỗ cứng, giữ đường chính vậy. Nó với kẻ chính ứng, thì *lìa* đến cùng tột, có lẽ lại hợp, lúc trước bị hai hào Dương làm ánh, ấy là không đầu, lúc sau ắt được hợp nhau, ấy là có chót.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sáu Ba với hào Chín Trên là chính ứng với nhau, mà hào Ba ở giữa hai hào Dương phía sau bị hào Hai kéo, phía trước bị hào Tư chắn, và trong thì *lìa,* hào Chín Trên ngờ vực đương sâu, cho nên có sự đau gọt đầu xẻo mũi. Nhưng, tà không thắng chính, sau rồi ắt được hợp nhau, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 見輿曳, 位不當也; 無初有終, 遇剛也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kiến dư duệ, vị bất đáng dã, Vô sơ hữu chung, ngộ cương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thấy xe kéo, ngồi chẳng đáng vậy, không đầu có chót, gặp cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là Hào Sáu, ở ngôi Ba, không phải chỗ chính. Không chính thì không yên, lại ở giữa hai hào Âm, cho nên có sự gian ác như thế, vì ngôi không đáng vậy. Không đầu có chót, nghĩa là sau ắt gặp hào Chín Trên mà hợp với nhau, ấy là gặp cứng. Dùng kiểm bất chính mà hợp nhau, chưa có chỗ nào lâu mà không lìa, hợp nhau bằng chính đạo, tự nhiên không có lẽ nào mà sau lìa nhau, cho nên người hiền thuận lý mà làm việc bằng cách yên phận, người khôn thì biết cơ mà giữ cho bền.

LỜI KINH

九四:睽孤,遇元夫,交孚,厲,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Khuê cô, ngộ nguyên phu, giao phu, lệ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Lìa côi, gặp chàng lành, tin lẫn, nguy, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư dương thì *lìa,* ở không phải chỗ yên ổn, không có kẻ ứng với, mà lại xen, vào giữa hai hào Âm, ấy là kẻ *lìa cách,* côi cút, lấy đức Dương cứng, đương thời *lìa cách,* đứng côi cút không kẻ cùng với, ắt phải theo khí loại tìm nhau để hợp với nhau, vì vậy mới gặp chàng lành. Chàng là tên về Dương lành là lương thiện, hào Chín Đầu ở đầu cuộc lìa, có thể cùng đức với nó mà làm mất điều ăn năn của sự *lìa,* ấy là kẻ xử thời *lìa* rất khéo cho nên kể là chàng lành, cũng như nói thiện sỹ vậy. Hào Tư thì quá chỗ giữa, là *lìa* đã tệ, không được hay như hào Đầu. Hào Tư với hào Đầu đều lấy chất Dương ở dưới một quẻ, đứng vào ngôi ứng nhau, đương thời *lìa* trái, đều không có kẻ ứng viên, tự nhiên cùng đức phải thân nhau, nên mới gặp gỡ. Cùng đức gặp nhau, ắt phải đem lòng chí thành mà ở với nhau, *tin lẫn* nghĩa là ai nấy đều có thành tín vậy. Hai hào Dương ở trên và dưới lấy lòng chí thành hợp nhau, thì nào mà không đi được? Việc nguy nào mà không vượt được? Cho nên dù ở chỗ nguy dữ mà không có lỗi. Đương thời *lìa, ở* trơ trọi giữa hai hào Âm tức là ở không đáng ngôi, nguy và có lỗi vì gặp chàng lành mà tin nhau, cho nên không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lìa côi là không có kẻ ứng với, gặp chàng lành là được hào Chín Đầu, tin lẫn là cùng đức tin. Nhưng vì gặp thời lìa, cho nên ắt phải nguy dữ, mới được không lỗi.

LỜI KINH

象曰:交孚無咎,志行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Giao phu vô cữu, chí hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tin lẫn, không lỗi, chí được thực hành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu hào Tư đều là bậc quân tử Dương cương, gặp thời *lìa cách,* kẻ trên người dưới lấy lòng chí thành giao kết nhau, hiệp chí chung sức với nhau, thì chí của nó có thể được thực hành, chẳng những không lỗi mà thôi.

LỜI KINH

六五:晦亡,厥宗噬膚, 往何咎?

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Hối vong, quyết tông phệ phu, vãng, hà cữu?*

Dịch nghĩa. - Ăn năn mất, thửa họ cắn da, đi, lỗi gì?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy chất Âm mềm, đường thời *lìa cách,* mà ở ngôi tôn, đủ biết là có ăn năn. Nhưng mà ở dưới có hào Chín Hai là người hiền Dương cương, ứng nhau với nó, giúp đỡ cho nó, cho nên được "ăn năn mất". *Thửa họ* là đảng nó, chỉ về hào Chín Hai chính ứng với nó. *Cắn da* nghĩa là cắn gặm da thịt nó mà vào sâu vậy, trong thì *lìa,* nếu không vào sâu thì há có thể hợp nhau? Hào Năm tuy là Âm nhu, hào Hai giúp nó bằng đạo Dương cương mà vào được sâu thì có thể đi mà có phúc, lại còn tội lỗi gì nữa?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở ngôi Dương là ăn năm. Bởi ở giữa mà được kẻ ứng, cho nên mới mất ăn năn. Thửa họ chỉ hào Chín Hai, *cắn da ý* nói dễ hợp, hào Sáu Năm có đức mềm giữa, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰:厥宗噬膚, 往有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quyết tông phệ phu, vãng hữu khánh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thửa họ cắn da, đi có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời hào chỉ nói: Thửa họ cắn da, thì có thể đi mà không lỗi. Lời Tượng suy rõ nghĩa đó mà rằng: Kẻ làm vua

tuy là tài mình không đủ, nếu biết tin dùng bậc hiền phụ, để họ đem đạo của họ vào sâu với mình, thì có thể làm việc, ấy là đi mà có phúc khánh.

LỜI KINH

上九:睽孤見豕負涂,載鬼一車,先張之弧,
後説之孤,匪寇,婚媾.往,遇雨則吉.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Khuê cố kiến thị phụ đồ, tái quỉ nhất xa, tiên trương chi hồ, hậu thoát chi hồ, phỉ khấu, hôn cấu! Vãng, ngộ vũ tắc cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Lìa cô thấy lợn đội bùn, chở ma một xe, trước giương chưng cung, sau tháo chưng cung, chẳng phải giặc, dâu gia, đi, gặp mưa thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên ở chót quẻ, là *lìa* tột bậc, Dương *cứng* ở trên là cứng tột bậc, ở thể Ly, là dùng sự sáng tột bậc, *lìa* đến cùng cực thì trái lỗi khó hợp, cứng đến cùng cực thì táo bạo mà không tường, sáng đến cùng cực thì quá xét nét mà hay ngờ vực, hào Chín Trên có hào Sáu Ba chính ứng, thật không trơ trọi, mà vì tài tình của nó như thế, tự nhiên thành ra lìa côi cút, cũng như người ta tuy có họ hàng bè đảng, mà phần nhiều hay tự mình ngờ vực, sinh ra trái lìa, tuy là ở chỗ cốt nhục thân đảng, mà thường vẫn cô độc. Hào Trên với hào Ba tuy là chính ứng nhưng ở chỗ *lìa* đến cùng cực, không cái gì mà không nghi ngờ, nó thấy hào Ba, như thấy con lợn bẩn thỉu mà loại cõng đội bùn lầm, đáng ghét thái thậm, đã ghét quá thì phải đổ non đổ già cho thành tội ác, như chở ma đầy một xe vậy, ma vốn là vật vô hình, mà thấy nó chở một xe, ý nói lấy không làm có, vu vơ đến cực điểm vậy. Vật lý cùng cực thì phải trở lại. Vì đã cùng cực thì phải động mà trở lại, hào Trên đã *lìa* trái đến cùng cực, mà chỗ hào Ba ở lại là chính lý, đại phạm đến lỗi đạo đến cực điểm, thì phải quay về chính lý, cho nên hào Trên với hào Ba, lúc đầu thì ngờ, mà sau thì hợp, "trước gương chưng cung" là lúc đầu ngờ ghét mà muốn bắn nó, ngờ nó là càn, sự càn không thể lâu mãi, cho nên, sau chót ắt phải trở lại chính đạo, hào Ba thật không ác cho nên, sau mới tháo cung mà không bắn. Lìa đến cùng cực mà phải quay lại, cho nên nó với hào Ba, không phải giặc cướp, là dâu gia đó. Câu "Chẳng phải giặc dâu gia" này cũng như quẻ khác, mà nghĩa thì không giống nhau. Âm Dương giao nhau mà đã hòa khắp thì thành mưa, hào Trên với hào Ba lúc đầu ngờ nhau mà lìa, lìa đến cùng cực thì lại không ngờ nhau mà hợp nhau, Âm Dương hợp nhau thì lại càng hòa mà làm ra

mưa, cho nên nói rằng "đi, gặp mưa thì tốt". *Đi* là từ đây mà đi, ý nói đã hợp nhau mà càng hòa thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Lìa côi* là nói hào Sáu Ba bị hai hào Dương kiềm chế, mà hào này lấy chất cứng, ở chỗ sáng, một nơi cùng cực lìa tan, lại tự ngờ vực mà sai trái nhau. *Thấy lợn đội bùn* thì thấy nó bẩn, *chở ma một xe* là lấy không làm có, *giương cung* là muốn bắn nó, tháo cung là sự ngờ vực đã hơi tan, *chẳng phải giặc dâu gia* là biết nó không phải là giặc, thật là người thân tỉnh, *đi, gặp mưa* thì tốt là sự ngờ tan hết mà sự lìa đã hợp. Hào Chín Trên với hào Sáu Ba trước lìa nhau, sau hợp nhau, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:遇于之吉,群疑亡也.

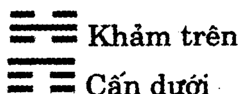
Dịch âm. - *Tượng viết: Ngô vũ chi cát, quần nghi vong dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gặp mưa mà tốt, các điều ngờ mất vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Mưa là Âm Dương hòa nhau; trước lìa nhau mà sau hòa được với nhau, cho nên mới tốt. Sở dĩ được là vì sự ngờ vực đã mất hết rồi. Không cái gì không ngờ, cho nên là các sự ngờ. Lìa đến cùng cực mà hợp với nhau, thì nó đều mất.

QUẺ KIỂN



GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Kiển , Tự quái nói rằng: Lìa thì trái, trái thì khó, cho nên tiếp đến quẻ Kiển[1]. Kiển là trái khó, trong thì *lìa* trái, ắt có *kiển khó*, vì vậy quẻ Kiển mới nối quẻ Khuê. Kiển là nghĩa hiểm trở, cho nên mới là kiển khó: Nó là quẻ Khảm trên Cấn dưới, Khảm là hiểm, Cấn là đậu, tức là chỗ hiểm ở đằng trước, phải đậu lại không thể tiến được. Phía trước có chỗ hiểm trũng, phía sau có chỗ cao chắn, cho nên là Kiển.

LỜI KINH

蹇利西南,不利東北,利見大人,貞吉.

Dịch âm. - *Kiển lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc, lợi kiến đại nhân trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Kiển, lợi Tây Nam không lợi Đông Bắc, lợi về sự thấy người lớn, chính thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tây Nam là phương Khôn, Khôn là đất, thể nó xuôi thuận bình dị. Đông Bắc là phương Cấn, Cấn là núi, thể nó ngừng đậu mà hiểm hóc. Trong thì kiển khó, lợi về xuôi thuận ở nơi bình dị không lợi về ngừng đậu ở chỗ nguy hiểm, ở chỗ thuận dễ thì nạn có thể thư, đậu chỗ nguy hiểm thì nạn càng tệ. Trong thì *kiển khó,* ắt có người thánh hiền, có thể làm cho thiên hạ qua nạn, cho nên lợi về sự thấy người lớn. Người làm qua nạn, ắt phải dùng đạo cả chính mà giữ cho bền, cho nên chính thì tốt. Đại phàm xử trí lúc *nạn,* cốt ở được trinh chính, dù cho không giải được nạn, cũng không bị mất chính đức, vì vậy *mới tốt.* Nêu gặp nạn mà không giữ vững được sự thao thủ, bị sa vào đường tà lam, tuy được cẩu thả khỏi nạn, cũng là ác đức, kẻ biết nghĩa mệnh không chịu làm thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kiển nghĩa là *nạn,* cái nạn chân không đi được[2]. Nó là quẻ Cấn dưới Khảm trên, thấy chỗ hiểm trở,

---

[1] Chữ 蹇 (Kiển) chính nghĩa là khó khăn nhụt chậm.

[2] Chữ 蹇 (Kiển) lại có nghĩa là què chân.

đương ở trong hồi chữ *Kiển,* không nên chạy vào chỗ hiểm. Lại, quẻ này tự quẻ Tiểu quá mà lại, khí Dương tiến lên thì ở ngôi Năm mà được ở giữa, lui xuống thì vào thể Cấn mà không tiến được, cho nên lời chiêm của nó là lợi Tây Nam, mà không có lợi Đông Bắc. Đương thì *Kiển* phải thấy người lớn, rồi mới có thể qua nạn, lại phải giữ cho chính đính, thì mới được tốt. Mà hào Chín Năm trong quẻ, cứng mạnh, trung chính, có Tượng người lớn, từ hào Hai trở lên, năm hào đều được ngôi chính, thì lại là nghĩa "trinh" nữa, cho nên lời chiêm của nó lại nói "lợi thấy người lớn, chính thì tốt". Bởi vì thấy chỗ hiểm, quí ở biết đậu, mà lại không thể đậu đến cùng chót, ở chỗ hiểm thì lợi về tiến lên, nhưng không thể bỏ mất chính đạo.

LỜI KINH

彖曰:蹇,難也,險在前也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Kiển nan dã, hiểm tại tiền dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Kiển là khó vậy, hiểm ở trước vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kiển là khó vậy, Kiển mà là khó, cũng như Kiển là mạnh. *Hiểm* ở trước nghĩa là Khảm hiểm ở phía trước, phải đậu lại mà không tiến được cho nên là *Kiển.*

LỜI KINH

見險而能止,知矣哉.

Dịch âm. - *Kiến hiểm nhi năng chỉ, tri hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Thấy hiểm mà biết đậu, khôn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ để nói cách xử trí lúc *Kiển.* Trên hiểm mà dưới đậu, tức là thấy hiểm mà đậu, nếu phạm vào chỗ hiểm mà tiến lên, thì có hối hận lầm lỗi, cho nên khen nó biết đậu là khôn. Đương lúc *kiển khó,* chỉ có biết đậu là hay, cho nên, các hào, trừ hào Năm và hào Hai, đều cho sự đi là hỏng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy đức quẻ thích nghĩa tên quẻ mà khen cái tốt của nó.

LỜI KINH

蹇利西南,往得中也,不利東北, 其道窮也.

Dịch âm. - *Kiển lợi Tây Nam, vãng đắc trung dã, bất lợi Đông Bắc, kỳ đạo cũng dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Kiển lợi Tây Nam, đi được vào giữa vậy, chẳng lợi Đông Bắc, thuở đạo cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong khi *Kiển,* lợi về chỗ bình dị, Tây Nam phương Khôn, là chỗ xuôi thuận bằng phẳng, Đông Bắc phương Cấn, là chỗ hiểm trở. Hào Chín lên ở ngôi Năm, mà được chỗ trung chính, ấy là đi mà được chỗ bình dị, cho nên là lợi .Hào Năm ở trong Khảm hiểm mà bảo là chỗ bình dị, là vì quẻ này vốn là quẻ Khôn, bởi hào Năm đi mà thành quẻ Khảm, cho nên, chỉ lấy về nghĩa "đi mà được giữa" không lấy đến nghĩa "hành quẻ". *Dương kiển* mà lại đậu vào chỗ nguy hiểm, thì *kiển,* càng tệ, cho nên không lợi Đông Bắc, "Thửa đạo cùng" nghĩa là *kiển* đến tột bậc vậy.

LỜI KINH

利見大人,往有功也.當位貞吉,
以正邦也. 蹇之時,用大矣哉.

Dịch âm. - *Lợi kiến đại nhân, vãng hữu công dã, đáng vị trinh cát dĩ chính bang dã. Kiển chi thì dụng đại hỷ tai!*

Dịch nghĩa. - Lợi thấy người lớn, đi có công vậy, đáng ngôi chính tốt, đẻ chính nước vậy. Thời dụng của quẻ Kiển lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì *kiển khó,* phi bậc thánh hiền không thể làm qua sự kiển của thiên hạ, cho nên lợi về sự thấy người lớn. Người lớn đáng ngôi, thì làm nên việc "vượt qua sự *kiển*", thế là đi mà có công. Làm qua được sự kiển của thiên hạ, chỉ có một cách *"cả chính"*, đấng Phu Tử lại theo tài quẻ mà nói, các hào quẻ Kiển, trừ hào Đầu ra, đều nhằm ngôi chính, cho nên trinh chính mà tốt. Hào Sáu Đầu tuy lấy chất Âm ở ngôi Dương nhưng nó ở dưới, cũng là chỗ chính của hào Âm. Dùng chính đạo như thế, mà chính nước mình, có thể qua được sự *kiển.* Ở thì *kiển,* cái đạo vượt qua sự *kiển,* công dụng rất lớn, cho nên nói rằng "lớn vậy thay". Nạn của thiên hạ, há dễ làm cho yên? Phi bậc thánh hiền không thể làm nổi, sự dùng của nó có thể bảo là lớn vậy. Thuận thời mà xử, cân nhắc chỗ hiểm mà đi theo lối bình dị, nói lẽ rất chính, ấy là thời dụng của quẻ Kiển.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là sự biến đổi của quẻ và thể quẻ để thích lời quẻ mà khen thời dụng của nó lớn lao.

LỜI KINH

象曰:山上有水,蹇,君子以反身修德.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn thượng hữu thủy. Kiển, quân tử dĩ phản thân tu đức.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên núi có nước, là quẻ Kiển, đấng quân tử coi đó mà trở lại mình, sửa đức.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cao thẳm như núi, trên lại có nước, nước Khảm là Tượng hiểm trũng, trên dưới hiểm trở, cho nên là *kiển* đấng quân tử coi Tượng hiểm khó đó mà trở lại mình,, sửa đức. Đấng quân tử gặp sự hiểm trở, ắt phải trở lại tìm trong mình mình mà càng tự mình sửa mình. Thầy Mạnh nói rằng: "Làm có điều gì không được, đều trở lại tìm trong mình mình", choi nên gặp sự *khó kiển,* ắt tự xét mình xem có điều gì lầm lỗi mà đến thế chăng, đó là trở lại mình. Có điều chưa phải thì chữa, không cí điều gì áy náy trong bụng thì càng gắng thêm, đó là tự sửa đức mình. Đấng quân tử sửa đức, để chờ thời mà thôi.

LỜI KINH

初六:往蹇, 來譽.

Dịch âm. - *Sơ lục: Vãng kiển, lai dự.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Đi kiển, lại khen.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở đầu vận *kiển,* tiến lên thì càng vào mãi chỗ *kiển,* thế là "đi kiển". Đương thì *kiển,* lấy tài Âm mềm không có ứng viện, mà cứ tiến lên, đủ biết là *kiển.* "Lại" là tiếng đối với "đi", tiến lên là đi, không tiến là lại. Đậu lại mà không tiến, thì có cái tốt về sự thấy cơ, biết thời, thế là "lại thì có tiếng khen".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đi thì gặp chỗ hiểm, lại thì được tiếng khen.

LỜI KINH

象曰:往蹇來譽,宜待也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vãng kiển lai dự, nghi đãi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đi kiển, lại khen, nên đợi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương thì *kiển,* tiến thì càng *kiển,* vì là thời chưa tiến được, cho nên, hãy nên thấy cơ mà đậu, để đợi thời, lúc nào đi được sẽ đi. Các hào đều đi thì *kiển* mà lại thì càng hay, thế thì không có cái nghĩa ra khỏi vận *kiển* hay sao? Đáp rằng: Ở vận *kiển* mà đi thì *kiển,* vận *kiển* hết thì sẽ thay đổi.

LỜI KINH

六二:王臣蹇蹇, 匪躬之故.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Vương thần kiển kiển, phỉ cung chi cố.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Tôi vua kiển kiển, chẳng phải cớ của mình.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đức trung chính, ở thể Cấn, ấy là kẻ đậu ở chỗ trung chính. Với hào Năm là chính ứng ấy là người trung chính được vua trung chính tin dùng, cho nên gọi là tôi vua. Tuy là trên dưới cùng đức, mà hào Năm đương ở chỗ cả *kiển,* phải đem hết sức vào *kiển nạn,* khó *kiển* rất tệ, cho nên là khó nhọc về việc *kiển.* Hào Hai tuy trung chính, nhưng là tài Âm mềm há dễ gánh nổi nhiệm vụ? Vì vậy phải khó nhọc về việc *kiển.* Chí nó muốn giúp cho vua qua chỗ *kiển nạn,* sự khó nhọc về việc *kiển* của nó không phải là vì thân nó. Dù cho nó làm không nổi, nhưng mà chí nghĩa đáng khen, cho nên khen nó trung tẫn, không vì mình vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này mềm thuận trung chính, lại có chính ứng ở trên, nhưng vì ở vào chỗ hiểm, cho nên khó khăn lại khó khăn để cầu vượt qua mà không phải là vì cớ riêng của thân mình. Không nói tốt xấu, là tại kẻ xem chỉ nên còng lưng hết sức mà thôi, còn sự nên, hư, sắc, nhụt, thì không phải là điều đáng bàn.

LỜI KINH

象曰:王臣蹇蹇,終無尤也

Dịch âm. - *Tượng viết: Vương thần kiển kiển, chung vô cưu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tôi vua kiển, sau chót không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dù bị khó khăn ngáng trở trong thì kiển, nhưng chí nó cốt ở giúp cho vua được qua nạn, tuy chưa thành công, song mà về sau không có lầm lỗi, là để khuyến khích sự trung tẫn vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Việc tuy không xong, cũng chẳng có gì đáng trách.

LỜI KINH

九三:往蹇來反

Dịch âm. - *Cửu Tam: Vãng kiển lai phản.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Đi kiển lại thì lại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba lấy chất cứng ở ngôi chính, đứng trên thể dưới, nhằm vào thì *kiển,* kẻ ở dưới đều mềm ắt phải tựa vào hào Ba, ấy là người bị những kẻ dưới bám vào. Hào Ba

với hào Trên là chính ứng với nhau, nhưng hào Trên là hạng Âm mềm mà không có ngôi, chẳng đủ ứng viện cho nó, cho nên hễ nó đi lên thì *kiển*. "Lại" là quay xuống, "phản" là trở về, hào Ba bị hào Âm ưa thích, cho nên nó lại, tức là trở về nơi chốn của nó, đó là chỗ hơi yên vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lại tới với hai hào Âm, ấy là được nơi yên ổn.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: "Quay mình trở lại là lưng". Tượng của quẻ Cấn, cho nên lời hào nói "lại trở lại", lời Tượng cũng nói "trở lại mình mình". Hào Chín ở ngôi Ba ấy là bản vị của nó. "Trở lại" cũng như trở về làng cũ, trở về nhà cũ, tức là đi mà được chỗ yên ổn. Phía dưới có hai hào Âm, tới đó càng yên.

LỜI KINH

象曰:往蹇來反,內喜之也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vãng kiển lai phản, nội hỷ chi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đi thì kiển, lại thì trở lại, trong thích đó vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Trong" là hào Âm ở dưới. Đương thì *kiển,* kẻ mềm không thể tự lập, cho nên đều phụ vào hào Chín Ba, là một hào Dương, mà yêu thích nó. Hào Ba ở quẻ Kiển, là được nơi chốn. Ở thì *kiển,* mà được lòng kẻ dưới, thì có thể cầu được yên ổn, cho nên mới lấy việc "lại" làm việc "về".

LỜI KINH

六四:往蹇來連.

Dịch âm. - *Lúc Tứ: Vãng kiển lai liên.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đi kiển, lại thì liền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đi thì càng sâu vào chỗ Khảm hiểm, đó là đi kiển. Đương thời *kiển,* những kẻ chung cảnh *kiển khó,* chí họ không phải mưu tính mà tự giống nhau. Lại nữa, hào Tư ở ngôi trên mà hào dưới cùng được ngôi chính, nó lại gần gũi hào Ba, ấy là thân nhau, và lại cùng loại với hào Hai và hào Đầu, ấy là chúng cùng với nhau. Như thế, nó tức là người cùng chí với kẻ dưới, mọi người đều muốn phụ theo, cho nên nói rằng: "Lại thì liền", nghĩa là lại thì liên hợp với những kẻ ở dưới vậy. Biết liên hợp với mọi người, đó là đạo xử lúc *kiển.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tức là kết liên với hào Chín Hai, hợp sức lại mà vượt cho qua.

LỜI KINH

象曰: 往蹇來連,當位實也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vãng kiển lai liên, đáng vị thực dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đi kiển, lại thì liền, đáng ngôi thật vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương thì *kiển,* ở ngôi trên, chẳng đi mà lại, cùng chí với kẻ dưới, vẫn đủ để được lòng người rồi, lại lấy chất Âm ở ngôi Âm, ấy là được cái thật. Lấy sự thành thật cùng với kẻ dưới, cho nên mới liên hợp được, mà hào Hai hào Ba ở dưới cũng được cái thật của nó. Hào Đầu lấy chất Âm ở ngôi dưới, cũng là được cái thật. Đương lúc cùng lo, giao kết nhau bằng sự thật, đủ biết là có thể hợp nhau, cho nên, trở lại thì liền, tức là đáng ngôi bằng sự thật vậy. Ở thì *kiển* khó, nếu không thành thật, thì lấy gì mà vượt cho qua? Đáng ngôi, không nói là chính mà nói là thật, là vì trên dưới giao nhau, chủ ở thành thật, sự dùng ai có nơi chốn của nấy vậy.

LỜI KINH

九五: 大蹇朋來.

Dịch âm. - *Cửu ngũ: Đại kiển bằng lai.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Cả kiển bạn lại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi vua mà đứng giữa thì *kiển* khó, ấy là kẻ cả *kiển* trong thiên hạ. Đương lúc *kiển,* mà lại ở trong chỗ hiểm, cũng là cả *kiển.* Trong lúc cả *kiển,* mà hào Hai ở dưới lấy đức trung chính ứng nhau với nó, ấy là bạn giúp lại với. Đương khi thiên hạ bị *kiển,* mà được bề tôi trung chính giúp vào, thì sự đỡ đần không phải là nhỏ. Được bạn lại mà vẫn không tốt là sao? Đáp rằng: chưa đủ để vượt thì *kiển.* Là ông vua Dương cung trung chính, mà gặp hồi cả *kiển,* phi có bề tôi Dương cương trung chính, giúp mình, thì không thể làm cho thiên hạ vượt qua vận *kiển.* Hào Hai trung chính vẫn còn giúp rập, nhưng muốn nhờ sự giúp rập của kẻ Âm mềm, làm cho thiên hạ vượt qua vận nạn, thì không có thể. Tuy là ông vua hiền minh, nếu mà không có bề tôi, thì không thể vượt qua vận *kiển.* Cho nên, đại phàm hào Sáu ở ngôi Năm, hào Chín ở ngôi Hai, phần nhiều nhờ sự giúp đỡ mà có công, như là quẻ Mông quẻ Thái; hào Chín ở ngôi Năm, hào Sáu ở ngôi Hai, thì công của nó phần nhiều không được đầy đủ, như là quẻ Chuân quẻ Bĩ. Bởi vì bề tôi hơn vua thì giúp vua những cái mà vua không làm nổi, bề tôi không bằng vua thì chỉ đỡ đần mà thôi, cho nên không thể làm nên công to.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cả kiển là *kiển* lạ thường. Hào Chín Năm ở ngôi tôn mà có đức cứng mạnh trung chính, ắt có bạn lại mà giúp. Kẻ xem có đức ấy thì cũng có người giúp ấy.

LỜI KINH

象曰:大蹇朋來,以中節也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại kiển bằng lai, dĩ trung tiết dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cả kiển bạn lại vì tiết giữa (?) vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bạn là bè loài của nó. Hào Năm có đức trung chính, mà hào Hai cũng trung chính, tuy thì cả *kiển,* không bỏ mất sự thảo thủ, chịu *kiển* trong hồi *kiển* để cùng giúp nhau là vì cái tiết trung chính của nó. Trên dưới đều trung chính mà không vượt qua vận *kiển* là tại tài của bề tôi không đủ. Từ xưa, những người thủ tiết giữ nghĩa, mà tài không đủ làm qua vận *kiển* có phải ít đâu? Lý Cố, Vương Doãn nhà Hán, Chu Khải, Vương Đạo nhà Tấn đều là hạng người đó.

LỜI KINH

上六:往蹇來碩,吉,利見大人.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Vãng kiển lai thạc, cát, lợi kiến đại nhân.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu trên: Đi kiển lại lớn, tốt, lợi về sự thấy người lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy tài Âm mềm, ở chốt quẻ Kiển, là kẻ xông vào nơi cực hiểm mà đi, vì vậy mới *kiển.* Không đi mà lại, theo hào Năm, tìm hào Ba, được kẻ Dương cứng giúp đỡ, cho nên mới lớn. Đạo *kiển* vốn là ách kiển cùng xúc, "lớn" là lớn lao, tiếng gọi của sự rộng rãi, lại mà được thấy rộng lớn, thì sự *kiển* đã thư dãn, *kiển* đến cùng đột thì có cách ra khỏi chỗ *kiển,* hào Sáu Trên vì tài Âm mềm cho nên không thể ra được, được kẻ Dương cứng giúp đỡ, thì chỉ có thể thư dãn sự kiển mà thôi. Ở thì *kiển* cực, được thư dãn cũng là tốt rồi. Phi bậc Dương cương trung chính: há có thể ra khỏi vận *kiển.* Lợi về sự thấy người lớn, nghĩa là trong lúc kiển cực, thấy người đức lớn, thì có thể vượt qua vận kiển. Người lớn chỉ về hào Năm, vì nó gần nhau, cho nên phát ra nghĩa này.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đã có chỗ cùng tốt của quẻ, đi thì không có chỗ đi mà càng kiển thêm, lại thì tới với hào Năm, cùng nó

vượt qua hồi *kiển,* thì sẽ có công lớn lao. Người lớn chỉ hào Sáu Năm, bảo kẻ xem nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰:往蹇來碩,之在內也;
利見大人,以從貴也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vãng kiển lai thạc, chí tại nội dã, lợi kiến đại nhân, dĩ tòng quí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đi kiển, lại lớn, chí ở trong vậy, lợi về sự thấy người lớn, vì theo kẻ sang vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào trên ứng ứng với hào Ba mà theo hào Năm, là chí ở trong, Kiển đã cực mà có người giúp, cho nên được lớn mà tốt, Hào Sáu lấy tài Âm mềm, đương hồi *kiển* cực, gần sát với ông vua Dương cứng trung chính, tự nhiên chỉ nó phải theo phụ, để cầu tự giúp cho mình, cho nên lợi về sự thấy người lớn, ý nói theo hào Chín Năm là kẻ sang vậy. Sở dĩ phải nói rằng "theo kẻ sang" là sợ người ta không biết chữ "người lớn" chỉ hào Chín Năm.

QUẺ GIẢI

 Chấn trên

 Khảm dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Giải, Tự quái nói rằng: *kiển* là khó, các vật không thể khó khăn đến cùng, cho nên tiếp đến quẻ Giải[1]. Các vật không lẽ khó khăn đến cùng, khó cực thì phải tan giải, vì vậy quẻ Giải mới nối quẻ Kiển. Nó là quẻ Chấn trên Khảm dưới. Chấn là động, Khảm là hiểm, động ở ngoài chỗ hiểm, tức là ra khỏi chỗ hiểm, cho nên là tượng hoạn nạn giải tán. Lại, Chấn là sấm, Khảm là mưa sấm nổi lên, tức là Âm Dương cảm nhau, hòa khắp, dãn tan, cho nên là giải. Giải tức là lúc hoạn nạn của thiên hạ đã giải tán vậy.

LỜI KINH

解利西南,無所往,其來復,吉,有攸往,夙吉.

Dịch âm. - *Giải lợi Tây Nam, vô sở vãng, kỳ lai phục, cát, hữu du vãng, túc cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Giải lợi về phương Tây Nam, không thửa đi, thì lại lại, có thửa đi, sớm thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tây Nam là phương Khôn, thể Khôn rộng lớn bằng phẳng, đương khi nạn của thiên hạ mới giải, người ta mới lìa khỏi sự gian khổ, không thể lại dùng chính sách phiền hà nghiêm ngặt mà trị họ, phải giúp thêm bằng cách khoan hồng giản dị, đó là nên lắm. Như thế thì lòng người yêu mến mà lấy làm yên, cho nên lợi về Tây Nam. "Không thửa đi, thì trở lại, tốt, có thửa đi, sớm tốt" là nghĩa làm sao? "Không thửa đi" ý nói nạn của thiên hạ đã giải tan rồi, không phải làm gì nữa, "có thửa đi" ý nói hãy còn có việc phải giải vậy. Ôi, thiên hạ nhà nước, ắt là pháp độ hỏng loạn mà sau họa hoạn mới sinh ra, đấng thánh nhân đã gỡ nạn đó, mà được bình yên vô sự rồi, thế là "không thửa đi vậy", thì nên sửa sang trị đạo, chỉnh đốn kỷ cương, tỏ rõ pháp độ, tiến lên mà khôi phục cuộc thịnh trị của đấng tiên vương. Thế là "lại lại" nghĩa là trở lại chính lý, đó là sự tốt lành của thiên hạ. Chữ 其 *(kỳ)* là tiếng phát ngữ, "Có thửa đi, sớm,

---

[1] Chữ 解 (giải) nghĩa là cởi ra, là giải tán, là gỡ ra.

tốt" ý nói còn có việc phải giải, thì nên làm sớm mới tốt. Việc nên giải còn chưa giải hết, nếu không trừ sớm thì nó lại thịnh; việc lại sinh ra, nếu không trị sớm thì nó lại lớn dần; cho nên hễ sớm thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Giải là nạn đã tan rồi. Ở chỗ hiểm mà động được, thì ra được ngoài chỗ hiểm, đó là tượng của sự giải. Nạn đã giải thì lợi về bình dị yên tĩnh, không muốn làm phiền nhiễu lâu; vả lại, quẻ này vốn tự quẻ Thăng lại, hào Ba đi lên ở ngôi Tư vào thể Khôn, hào Hai ở nhằm chỗ của nó mà lại được giữa, cho nên lợi về Tây Nam là nơi bình dị. Nếu không đi đâu thì nên lại lại nơi chốn của mình mà cứ yên tĩnh; nếu có phải đi, thì nên đi sớm, về sớm, không thể phiền nhiễu lâu.

LỜI KINH

彖曰:解,險以動,動而免乎險,解.

Dịch âm. - *Thoán viết: Giải, hiểm dĩ động, động nhi miễn hồ hiểm, giải.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Giải hiểm mà động, động mà khỏi chỗ hiểm, là giải.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khảm hiểm, Chấn động, là hiểm mà động. Không hiểm thì không phải là nạn; không động thì không ra khỏi nạn, động mà ra thoát chỗ hiểm, ấy là khỏi được hiểm nạn, cho nên là giải.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng đức quẻ để thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

解利西南,往得衆也.

Dịch âm. - *Giải lợi Tây Nam, vãng đắc chúng dã.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Giải lợi Tây Nam, đi thì được người vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cách giải hoạn nạn, lợi ở chỗ rộng rãi bình dị, lấy cách khoan dị mà đi giúp cuộc giải thì được lòng người theo về.

LỜI KINH

其來復,吉,乃得中也.

Dịch âm. - *Kỳ lai phục, cát, nãi đắc trung dã.*

Dịch nghĩa. - Thì lại lại, tốt, bèn được giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không nói đến câu "không thửa đi" là rút đi đó. Cứu loạn trừ nạn, việc trong một lúc chưa thể xong, trị đạo ắt phải đợi khi nạn đã giải rồi, không cần đi, rồi sau trở lại việc "trị" của đấng tiên vương, thế mới được là trung đạo, nghĩa là hợp với sự thích nghi vậy.

LỜI KINH

有攸往,夙,吉,往有功也.

Dịch âm. - *Hữu du vãng, túc, cát, vãng hữu công dã.*

Dịch nghĩa. - Có thửa đi, sớm, tốt, đi thì có công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có việc phải làm thì sớm là tốt, sớm thì đi mà có công, chậm thì ác sinh thêm mà hại càng sâu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng sự biến đổi của quẻ để thích lời quẻ. Khôn là nhiều người, "được người" là hào Chín Tư đi vào thể Khôn: "được giữa" "có công" đều trỏ hào Chín Hai.

LỜI KINH

天地解而雷雨作,雷雨作而百果草木皆甲折.解之時大矣哉.

Dịch âm. - *Thiên địa giải nhi lôi vũ tác, lôi vũ, tác nhi bách quả thảo mộc giai giáp triết, Giải chi thì đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Trời đất giải mà sấm mưa nổi lên, sấm mưa nổi lên mà trầm quả cỏ cây đều vỏ nứt, thì của quẻ Giải lớn vậy thay?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã tỏ rõ cách ở lúc *giải*, lại nói sự *giải* của trời đất, để thấy thì của quẻ ấy lớn lao! Khí của trời đất, tan ra, cảm nhau mà được hòa xướng thì thành sấm mưa, sấm mưa nổi lên mà muôn vật đều phát sinh, nứt vỏ: công của trời đất, do ở sự *giải* mà nên, cho nên khen rằng "thì của quẻ Giải lớn vậy thay!".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nó cho cùng cực mà khen sự lớn lao của nó.

LỜI KINH

象曰:雷雨作,解,君子以赦過宥罪.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi vũ tác, Giải, quân tử dĩ xá quá hựu tội.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sấm mưa nổi lên, là quẻ Giải, đấng quân tử coi đó mà xá lỗi, tha tội.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trời đất giải tán mà thành sấm mưa, cho nên sấm mưa nổi lên mà là quẻ Giải. Xá là tha, hựu là khoan dong, lầm lỗi thì tha cũng được, tội ác mà tha thì không phải nghĩa, cho nên chỉ khoan dong mà thôi. Đấng quân tử coi tượng sấm mưa nổi lên thành quẻ Giải, thể theo sự phát dục của nó thì ân đức, thể theo sự giải tán của nó thì làm việc khoan thứ vậy.

LỜI KINH

初六:無咎.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở đầu thể Giải, là lúc hoạn nạn đã giải. Lấy chất mềm ở ngôi cứng, lấy hào Âm ứng hào Dương, là nghĩa mềm mà lại có thể cứng. Đã không có hoạn nạn, mà lại xử được cứng mềm phải chăng, ấy là hoạn nạn đã giải, yên ổn vô sự, tự cử được phải thì là không lỗi. Đương lúc đầu cuộc giải nên yên tĩnh để nghỉ ngơi, lời hào ít, là để tỏ rõ ý đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nạn đã giải rồi, lấy chất mềm ở dưới, trên có chính ứng, thì còn lỗi gì? Cho nên lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:剛柔之際,義無咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cương nhu chi tế, nghĩa vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cứng mềm giao tế, nghĩa không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu hào Tư ứng nhau, ấy là cứng mềm giao tiếp với nhau. Cứng mềm giao tế với nhau là đúng với sự thích nghi. Nạn đã giải rồi, mà xử được cứng mềm vừa phải, nghĩa không lỗi vậy.

LỜI KINH

九二:田獲三狐,得黃矢,貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhi: Điền hoạch tam hồ, đắc hoàng thỉ, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Săn được ba con cáo, được tên vàng, chính bền thì tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Hai lấy tài Dương cứng được chỗ giữa, phía trên ứng với ông vua. Sáu Năm, là kẻ được dùng với

đời vậy. Ở thiên hạ, kẻ tiểu nhân thường nhiều, ông vua cứng sáng ở trên, thì sự sáng suốt đủ để soi rọi, sự oai nghiêm đủ để răn dọa, sự cương quyết đủ để phán đoán, cho nên những kẻ tiểu nhân không dám dụng tình. Nhưng mà cũng phải luôn luôn nhờ sự cảnh giới, lo rằng hễ có khe hẻ, họ sẽ làm lại chính nhân. Hào Sáu Năm lấy chất Âm mềm ở ngôi tôn, sự sáng suốt của nó dễ bị che, sự oai nghiêm của nó dễ phạm vào, sự phán đoán của nó không được quả quyết mà dễ bị mê hoặc, kẻ tiểu nhân mà gần đến nó, thì sẽ dời được bụng nó; huống chi lúc nạn mới giải, cuộc trị mới bắt đầu, còn dễ sinh biến; hào Hai gánh trách nhiệm, ắt phải trừ kẻ tiểu nhân thì mới chính được lòng vua mà thực hành cái đạo cứng giữa. Đi sau là việc trừ hại, con cáo là giống thú tà my, ba con cáo chỉ ba hào Âm trong quẻ, tức là nhưng kẻ tiểu nhân trong thời "Được" nghĩa là biến hóa trừ bỏ nó đi, như đi săn được ba con cáo vậy. Bắt được nó thì là đạo trung chính, thế là trinh chính mà tốt. Vàng là sắc trung chính, tên là vật thẳng, tên vàng nghĩa là trung chính ngay thẳng; nếu bọn gian tà không bị trừ khử, lòng vua đã tin chúng, thì sự trung chính ngay thẳng không bởi lối nào mà thi hành được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cái ý lấy tượng của hào này chưa rõ ra sao. Hoặc có người nói: Quẻ này cả thảy bốn hào Âm, trừ hào Sáu Năm là ngôi vua, còn ba hào Âm kia tức là Tượng ba con cáo. Đại để hào này là lời Chiêm tốt của quẻ bói việc đi săn, và cũng là tượng trừ kẻ tà my mà được trung chính ngay thẳng. Hễ giữ được chính thì không việc gì không tốt.

LỜI KINH

象曰:九二貞吉,得中道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Nhị trinh cát, đắc trung đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Chín Hai chính bền thì tốt vì được trung đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bảo là "chính bền thì tốt" vì được trung đạo vậy. Trừ bỏ kẻ tà ác, khiến đạo trung chính ngay thẳng có thể thực hành, thế là chính mà tốt.

LỜI KINH

六三:負且乘,致寇至,貞吝.

Dịch âm. - *Lục Tam: Phụ thả thừa, tri khấu trí, trinh lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Đội và cưỡi, dắt giặc đến, chính bền cũng đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Ba là chất Âm mềm, ở trên quẻ dưới, tức là ở chỗ không phải ngôi, cũng như kẻ tiểu nhân nên ở ngôi dưới để cõng đội mà cưỡi xe, thế là không phải chỗ đáng giữ, ắt cho giặc cướp đến, dẫu việc nó làm là chính đính nữa, cũng đáng bỉ tiếc. Kẻ tiểu nhân ăn cắp được ngôi cao, dù có miễn cưỡng làm việc chính đính, mà khí chất của họ hèn thấp vốn không phải của đáng ở bậc trên, rút lại, vẫn đáng tiếc. Nếu họ có thể cả chính thì sao? Đáp rằng: cả việc cả chính, không phải là việc mà kẻ Âm mềm làm được, nếu làm được, thì đã hóa ra quân tử rồi. Hào Ba là kẻ tiểu nhân Âm mềm nên ở bậc dưới, mà lại ở trên quẻ dưới, cũng như kẻ tiểu nhân đáng phải đội mà lại được cưỡi, ắt là dắt giặc cướp đến.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nghĩa của hào này, lời Hệ nói đủ rồi[1]. Chính bền đáng tiếc, ý nói dù được bằng cách chính đáng cũng là đáng thẹn. Chỉ có lánh mà đi đi mới khỏi mà thôi.

LỜI KINH

象曰:負且乘,亦可醜也.自我致戎,有誰咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phụ thả thừa, diệt khả xũ dã; tự ngã tri nhung, hựu thùy cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đội và cưỡi, cũng đáng xấu vậy; tự ta đem giặc đến, lại trách ai vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái người cõng đội mà lại cưỡi chở là đáng xấu hổ, ở không phải chỗ đáng giữ, đức lại không xứng với đồ dùng, thì giặc cướp đến là do mình vời nó tới, còn hòng trách ai? Đấng thánh nhân lại tỏ cách "đem giặc đến" ở lời Hệ, nói rằng: Người làm *Kinh Dịch* cũng biết ăn trộm chăng? Kẻ trộm phải nhân hía[2] mà đến, nếu không hía hẻ, thì kẻ trộm có phạm sao được? Đội là việc của kẻ tiểu nhân, cưỡi là đồ dùng của đấng quân tử: là kẻ tiểu nhân mà cưỡi đồ dùng của đấng quân tử, không phải là chỗ mà họ có thể ở yên, cho nên kẻ trộm nhân hía mà cướp. Kẻ tiểu nhân mà ở ngôi của đấng quân tử, không phải họ có thể kham nổi, cho nên, khi sự gá mượn đầy rồi mà họ khinh nhờn người trên, lấn cướp kẻ dưới, kẻ trộm sẽ nhân tội ác mà đánh; đánh là kể tội họ vậy, kẻ trộm là người ngang ngược mà đến vậy. Của cải mà cất giấu một cách khinh rẻ, là bảo kẻ trộm

---

[1] Tức là đoạn Lời Hệ mà truyện của Trình Di dẫn vào dưới lời Tượng của hào này.
[2] Nghĩa là khe hở, chỗ hở.

lấy đi; con gái mà lòe loẹt dung nhan, là bảo kẻ dâm ghẹo mình; kẻ tiểu nhân mà cưỡi đồ dùng của đấng quân tử, là vời kẻ trộm đến mà cướp đi; đều là tự mình làm ra vậy.

LỜI KINH

九四:解而拇,朋至斯孚.

Dịch âm. - *Cửu Tứ. Giải nhi mẫu, bằng chi tư phu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Giải ngốn chân cái mày, bằng đến ấy tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư lấy tài Dương cứng, ở ngôi trên, vâng theo ông vua Sáu Năm, là bậc đại thần vậy, mà phía dưới lại ứng nhau với hào Sáu Đầu là hào Âm; ngón chân cái là vật ở dưới (?), chỉ hào Đầu vậy. Ở ngôi trên mà thân với kẻ tiểu nhân, thì các hiền nhân, chinh sỹ sẽ đều lui xa. Ruồng bỏ kẻ tiểu nhân, thì đấng quân tử tiến lên mà thật bụng tượng đắc, hào Tư biết bỏ hào Sáu Đầu là hào Âm mềm, thì những bạn quân tử Dương cứng đều đến mà thật bụng hợp nhau. Không cởi bỏ kẻ tiểu nhân, thì lòng thành thật của mình chưa tới nơi, đâu được người ta tin mình? Hào Sáu Đầu ứng nhau với hào này, cho nên gọi sự xa nó là cởi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ngón chân cái chỉ hào Đầu. Hào Đầu với hào Tư đều không được ngôi mà cùng ứng nhau, ấy là ứng nhau không dùng cách chính đáng. Nhưng hào Tư là Dương mà hào Đầu là Âm, loài nó không giống nhau. Nếu cởi mà bỏ đi được, thì bạn quân tử sẽ đến mà cùng tin nhau.

LỜI KINH

象曰:解而拇,未當位也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Giải nhi mẫu, vị đáng vị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giải ngón chân cái mày, chưa đáng ngôi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư tuy là Dương cứng, nhưng ở ngôi Âm, về sự chính ngờ rằng chưa đủ, nếu lại gần gũi với kẻ tiểu nhân, thì ắt lỗi mất chính đạo, cho nên răn rằng: ắt phải ngón chân cái mình rồi mới có thể khiến cho đấng quân tử kéo đến, thế là tại mình ở chưa được đáng ngôi. Giải, nghĩa là vốn đương hợp nhau mà tự lìa ra, ắt phải giải ngón chân cái mà sau bạn mới tin, là vì đấng quân tử giao du với nhau, mà kẻ tiểu nhân xen vào, thì là lòng thành đối đấng quân tử, chưa được đến nơi.

LỜI KINH

六五:君子維有解,吉,有孚于小人.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Quân tử duy hữu giải, cát, hữu phu vu tiểu nhân.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Đấng quân tử chỉ có giải, tốt, có tin chưng kẻ tiểu nhân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm ở ngôi tôn, làm chủ quẻ giải, tức là ông vua làm việc *giải* vậy. Lấy đạo quân tử mà nói: Đấng quân tử gần gũi ắt lại là đấng quân tử, mà *giải* bỏ ắt phải là kẻ tiểu nhân, cho nên, đấng quân tử chỉ có *giải* đi thì tốt. Kẻ tiểu nhân lui xuống, thì đấng quân tử tiến lên, còn tốt gì bằng. "Có tin" cũng như người ta vẫn nói "thấy nghiệm" có thể nghiệm ở kẻ tiểu nhân, hễ đảng của tiểu nhân phải đi, thì quân tử tự nhiên tiến lên, chính đạo tự nhiên sẽ thực hành được, thiên hạ không đủ trị vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong quẻ cả thảy bốn hào Âm, mà hào Sáu Năm đương vào ngôi vua, với ba hào Âm cùng loài, ắt phải *giải* mà bỏ đi, thì tốt, "Phu" nghĩa là nghiệm. Đấng quân tử mà có việc *giải,* lấy sự tiểu nhân lui đi làm hiệu nghiệm.

LỜI KINH

象曰:君子有解,小人退也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử hữu giải, tiểu nhân thoái dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử có giải, kẻ tiểu nhân lui vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đấng quân tử mà *giải* là việc lùi bỏ kẻ tiểu nhân, tiểu nhân đi thì đạo quân tử thực hành được, cho nên mới tốt.

LỜI KINH

上六:公用射準于高墉之上,獲之,無不利.

Dịch âm. - *Thượng lục: Công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng, hoạch chi, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Ông dùng bắn chim cắt ở trên, tường cao, được nó, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Trên là chỗ tôn cao mà không phải ngôi vua, cho nên nói rằng "ông", đó là chỉ căn cứ vào chót cuộc *giải* mà nói vậy. Chim cắt là vật tợn hại, giống như kẻ tiểu nhân làm

sự tai hại; tường là cái giới hạn của trong và ngoài. Sự tai hại còn ở trong, là lúc chưa *giải,* nếu ra ngoài tường thì là không hại, còn giải gì nữa? Cho nên, ở trên tường mới lìa khỏi bên trong mà đi hẳn. Nói rằng "cao", tỏ sự phòng ngăn nghiêm ngặt, mà nó chưa đi. Ngôi Trên là chỗ cùng cực cuộc *giải.* Trong lúc cuộc giải đã cùng cực mà riêng có tài chưa giải, tức là đạo *giải* đã tột bậc, đỗ đã thành rồi, cho nên có thể bắn được. Đã bắn được, thì là sự lo của thiên hạ đã *giải* hết rồi. Còn gì không lợi? Đấng Phu Tử ở lời Hệ lại nói cho rõ thêm nghĩa đó phát động, thì bắt sao được nó? Cái đạo để *giải* là đồ, khi việc nên *giải* và khi cái đạo mà mình giải nó đã tới, là thời. Như thế mà động, cho nên không có vướng mắc, phát ra thì không gì không lợi". Vướng mắc nghĩa là trở ngại. Thánh nhân ở đây lại phát minh cái nghĩa giấu đồ đợi chờ. Ôi, làm việc từ một mình mình cho đến thiên hạ, nếu không có đồ và không chờ thời mà động, thời nhỏ thì vướng mắc, lớn thì hỏng thua, từ xưa những người có làm mà không thành công hoặc nghiêng đổ, đều bởi cớ đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lời Hệ[1] giải đủ rồi.

LỜI KINH

象曰:公用射隼,以解悖也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Công dụng xạ chuẩn, dĩ giải bồi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ông dùng bắn chim cắt, để giải trái vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đến chót cuộc giải mà còn chưa giải, tức là kẻ trái loạn hạng lớn. Bắn nó là để giải nó. Giải thì thiên hạ bình.

Lời bàn của Tiên Nho. - Sái Tiết Trai nói rằng: "Trái" tức là bạo nghịch. "Giải trái" là giải sự bạo nghịch của hào Ba, mà cuối cùng được nó thuận theo.

Khấu Kiến An nói rằng: "Giải" là làm tan tức làm tan nạn của thiên hạ. Nhưng kẻ tiểu nhân là gốc sinh nạn, cho nên sau khi giải nạn, còn nên nghĩ việc trừ kẻ tiểu nhân. Quẻ Giải là quẻ trừ kẻ tiểu nhân. Trong quẻ lấy một hào Âm Sáu Ba làm chủ. Hào đó rằng: "Đội

---

[1] Tức đoạn Lời Hệ mà Truyện của Trình Di dẫn vào ở trên.

và cười, đem giặc đến", ý nói hào Ba lấy tài Âm hiểm của kẻ tiểu nhân, ở không phải chỗ đáng giữ, mà tự vời quân của thiên hạ, đến đánh mình vậy. Ở các hào đều là kẻ muốn trừ hào Ba: hào Hai ở dưới hào Ba mà nói "bắt được con cáo", tức là bắt được hào Ba, hào Tư ở trên hào Ba mà nói "giải ngón chân cái" tức là giải hào Ba, hào trên ứng với hào Ba mà nói "bắn chim cắt" là bắn hào Ba, hào Năm là chủ cuộc giải mà nói "có tin chưng kẻ tiểu nhân" là làm cho hào Ba lui đi. Coi các hào trên dưới, hào nào cũng một mực muốn trừ hào Ba, thì biết kẻ tiểu nhân không đi, gốc nạn không trừ được, ấy là điều ông thánh làm *Kinh Dịch* rất sợ. Chỉ có hào Sáu Đầu tài mềm ngôi thấp, không phải gánh cái trách nhiệm giải nạn, cho nên trong hào không có lời khác, chỉ nói "không lỗi", mà thôi. Đó là đại ý của sáu hào quẻ Giải.

QUẺ TỔN

 Cấn trên
Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tổn. Tự Quái nói rằng: Giải nghĩa là hoãn, hoãn thì có mất, cho nên tiếp đến quẻ Tổn[1]. Hoãn thì ắt có cái bị mất, mất thì là tổn, vì vậy quẻ Tổn mới nối quẻ Giải. Nó là quẻ Cấn trên Đoái dưới, thể núi cao, thể chằm sâu, dưới sâu thì trên càng cao, là nghĩa ích trên tổn dưới. Lại, chằm ở dưới núi, khí nó thông lên, nhuần tới cây cỏ trăm vật, đó là tổn dưới mà ích trên. Lại, dưới là quẻ Đoái chủ sự đẹp lòng, ba hào đều ứng lên trên, đó là chỉ thích phụng thửa người trên,, cũng là nghĩa tổn dưới ích trên. Lại, quẻ Đoái ở dưới mà thành quẻ Đoái, là do ở hào Sáu Ba biến đi, quẻ Cấn ở trên mà thành quẻ Cấn, là do ở hào Chín Trên biến đi hào Ba vốn cứng mà hóa mềm, hào Trên vốn mềm mà hóa cứng, cũng là nghĩa tổn dưới ích trên. Bớt của trên mà thêm cho dưới là quẻ Ích, lấy của dưới mà thêm cho trên là quả Tổn. Kẻ ở trên người ta thi ân tới kẻ dưới là ích, lấy của kẻ dưới để thêm cho mình là tổn. Ví như đầy lũy, lấy bớt trên để đắp đầy nền gốc, thì trên dưới yên chắc, há chẳng phải ích? Lấy ở dưới để làm cho trên cao thêm, thì sẽ nguy đổ tức thì, há chẳng phải là tổn. Cho nên quẻ Tổn là nghĩa tổn dưới ích trên, quẻ Ích thì trái hẳn thế.

LỜI KINH

損有孚,元吉,無咎,可貞,利有攸往.

Dịch âm. - *Tổn hữu phu, nguyên cát, vô cữu, khả trinh, lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tổn, có tin, cả tốt, không lỗi, khá trinh, lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tổn là giảm bớt, phàm việc nên bớt sự thái quá, để tới nghĩa lý, đều là đạo "bớt" vậy. Đạo "bớt" ắt có thành tín, nghĩa là chí thành thuận lý vậy. Bớt mà thuận lý thì cả thiện mà tốt. Cái đã bớt mà không quá sai, thì có thể chính bền, thường làm

[1] Chữ 損 (tổn): Nghĩa là bớt đi, là hao tổn, trái với chữ 益 (ích).

mà lợi có thửa đi vậy. Sự bớt của người ta hoặc thái quá hoặc bất cập, hoặc bất thường, đều không hợp chính lý, không phải có tin, thì không tốt mà có lỗi, không phải cái đạo có thể chính bền, thì không nên làm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tổn là giảm bớt. Nó là quẻ bớt vạch Dương trên của quẻ dưới, thêm vào vạch Âm trên của quẻ trên, lấy bớt sự sâu của chằm Đoái, thêm vào sự cao của núi Cấn, tổn dưới ích trên, tổn trong ích ngoài, là Tượng đẽo gọt của dân để cung phụng vua, vì vậy mới là quẻ Tổn. Bớt cái đáng bớt mà có tin tín, thì Chiêm của nó sẽ ứng với bốn điều dưới (tức là cả tốt, không lỗi có thể chính bền, lợi có thửa đi).

LỜI KINH

曷之用?二簋可用享

Dịch âm. - *Hạt chi dụng? Nhị quĩ khả dụng hưởng.*

Dịch nghĩa. - Chưng dùng gì? Hai quĩ[1] khá dùng hưởng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tổn là bớt cái thái quá mà tới mực vừa phải, bớt cái nổi nênh, ngành ngọn mà tới chỗ rễ gốc đầy đặc vậy. Đấng thánh lấy nhân lấy sự "thà kiệm" làm gốc của lễ, cho nên vì sự "bớt" mà phát minh cái nghĩa của nó. Lấy sự cúng tế mà nói, cái lễ cúng tế, nghi văn rất phiền phức, nhưng phải lấy sự thành kính làm gốc. Lắm nghi tiết nhiều đồ vật là để đưa sức lòng thành kính đó. Nếu sự trang sức quá sự thành kính, thì là giả dối. Bởi sự trang sức là để cho còn sự thành kính, cho nên nói rằng: *"Chưng dùng gì? Hai quĩ, khá dùng hưởng"*. Tần tiện đến hai quĩ, mà có thể dùng để cúng tế, ý nói cốt ở lòng thành mà thôi. Lòng thành tức là cái gốc. Tai hại của thiên hạ, không cái gì không do ở ngọn lớn quá: nóc cao tường trạm, gốc ở cửa nhà, ao rượu rừng thịt, gốc ở ăn uống, dâm bạo tàn nhẫn gốc ở hình phạt, cùng binh độc võ, gốc ở đánh dẹp, phàm lòng ham muốn của người ta mà đến thái quá, đều gốc ở sự phụng dưỡng, rồi ngành ngọn của nó xa đi, thì thành tai hại. Đấng tiên vương hạn chế cái gốc, ấy là lẽ trời, người sau trôi theo cái ngọn, ấy là lòng ham muốn của người. Nghĩa quẻ Tổn là bớt lòng ham muốn của người để khôi phục lẽ trời mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói nên bớt đi, dù rất bạc cũng không hại gì.

---

[1] Coi lời chua ở quẻ Khảm.

Lời bàn của Tiên Nho. - Từ Tiến Trai nói rằng: *"Chưng dùng gì"* là lời hỏi *"Hai quĩ, khá dùng thưởng"* là lời đáp. Kẻ dưới cung phụng người trên, đều gọi là *"hưởng"*, không phải *"hưởng"* là cúng tế.

Hồ Vân Phong nói rằng: Người trên có khi vì bất đắc dĩ mà lấy bớt của kẻ dưới, không phải để cung phụng cho mình. *"Chưng dùng gì? Hai quĩ, khá dùng hưởng"*, chữ *"hưởng"* làm lời dạy, là vì trong thì *"tổn"*, sự hưởng tự còn không quá đáng, thì cái để cung phụng cho mình có thể biết được. Đời xưa lễ cúng bày đồ cúng, quĩ là thịnh soạn, bốn quĩ là trung bình hai quĩ là giản. Thì quẻ Khảm, chỉ dùng một quĩ, một chén, thì là giản nữa.

LỜI KINH

彖曰:損,損下益上,其道上行.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tổn, tổn hạ ích thượng, kỳ đạo thượng hành.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: quẻ Tổn, bớt dưới thêm trên, thửa đạo đi lên.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tổn sở dĩ là tổn, vì nó tổn ở dưới mà ích lên trên. Lấy của dưới để thêm cho trên, cho nên nói rằng thửa đạo đi lên. Ôi, bớt của trên mà thêm cho dưới thì là quẻ Ích, bớt của dưới mà thêm cho trên thì là quẻ Tổn, lấy bớt nền gốc để đắp cho cao, há gọi là ích được chăng?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng thể quẻ thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

損而有孚,元吉,可貞,利有攸往.

Dịch âm. - *Tổn nhi hữu phu, nguyên cát, vô cữu, khả trinh lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Tổn mà có tin, cả tốt, không lỗi, có thể chính bền, lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ý nói tổn mà dùng sự chí thành, thì được bốn điều từ chữ "cả tốt" trở xuống, đó là sự rất phải trong đạo tổn vậy.

LỜI KINH

曷之用?二簋,可用享,二簋應有時,損剛益柔有時.

Dịch âm. - *Hạt chi dụng? Nhị quĩ, khả dụng hưởng, nhị quĩ ưng hữu thì, tổn cương ích nhu, hữu thì.*

Dịch nghĩa. - Chưng dùng gì? Hai quĩ, khá dùng hưởng. Hai quĩ nên có thì, bớt cứng thêm mềm có thì.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là đức Phu Tử thích riêng câu "Chưng dùng gì? Hai quĩ, khá dùng hưởng". Lời quẻ chỉ nói vắn tắt là nên bỏ bớt sự phù hoa mà rằng "Dùng làm gì đâu? Hai quĩ có thể cúng rồi" ấy là dầy gốc mà bớt ngọn vậy. Đức Phu Tử sợ rằng người sau không hiểu, bèn cho là nên bỏ hết sự văn sức, cho nên nói cho rõ ra. Có gốc ắt có ngọn, có thực ắt có văn, muôn việc thiên hạ, không việc gì không thế. Không có gốc thì không đứng được, không có văn thì không thực hành được: cha con chủ về ân, ắt phải có đạo nghiêm thuận, vua tôi chủ về kinh, ắt phải có phép thừa tiếp lễ nhượng chứa ở trong, phải chờ dáng dấp mới thi hành được, tôn ty có thứ tự, nhưng không có văn vẻ của đồ vật thì không phân biệt, văn với thực vẫn phải chờ nhau, không thể thiếu thứ nào. Tới khi lễ văn hơn lên, ngành ngọn trôi đi, xa gốc, mất thực, ấy là thời *đáng bớt,* cho nên nói rằng: "Dùng làm gì đâu? Hai quĩ đủ để dâng lòng thành rồi". Ý nói nên chăm vào sự thực mà giảm bớt sự phù sức vậy. Đức Phu Tử sợ rằng người ta câu nệ về lời nói ấy, cho nên lại nói rõ rằng: "Dùng cách chất phác như có hai quĩ nên có từng thời, không phải lúc đáng dùng mà dùng thì không thể được". Nghĩa là sự văn sức chưa thái quá mà đã bớt đi, và bớt đi mà đến thái quá, thì là không phải. Bớt cứng thêm mềm có thì là sao? Cứng là thái quá, mềm là không đủ, sự thêm bớt đều là bớt của cái cứng thêm cho cái mềm, ắt phải thuận thời mà làm, thời không đáng thêm bớt mà thêm bớt thì là không phải.

LỜI KINH

損益盈虛,與時偕行.

Dịch âm. - *Tổn ích doanh hư, dữ thì giai hành.*

Dịch nghĩa. - Bớt thêm đầy rỗng, cùng thì đều đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hoặc bớt, hoặc thêm, hoặc đầy, hoặc rộng, chỉ là tùy thời mà thôi, thái quá thì bớt đi, không đủ thì thêm vào, vơi thì làm cho đầy, đặc thì làm cho rỗng, thế là cùng thì đều đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. Đây thích lời quẻ. Thời là lúc nên bớt đi.

LỜI KINH

象曰:山下有澤,損.君子以懲忿窒欲.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn hạ hữu trạch, Tổn, quân tử dĩ trừng phẫn, chất dục.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới núi có chằm, là quẻ Tổn đấng quân tử coi đó mà răn sự giận, lấp lòng dục.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dưới núi có chằm, khí nó thông lên, và thấm lên, và đào chỗ thấp để làm cho tăng bề cao, đều là Tượng "bớt của kẻ dưới". Đấng quân tử xem Tượng "sự bớt" đó mà tự mình *bớt* đi. Trong đạo sửa mình, cái nên *bớt* chỉ là sự tức giận và lòng tham muốn, cho nên mình phải lấy đức mà răn sự giận, lấp hết ý muốn của mình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đấng quân tử sửa mình, cái nên giảm bớt, không gì quan hệ bằng mấy điều này.

LỜI KINH

初九:已事,遄往,無咎,酌損之.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Dĩ sự, xuyền váng, vô cữu, chước tổn chi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Xong việc[1], mau đi, không lỗi, châm chước mà bớt đấy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa của quẻ Tổn là bớt của vật cứng thêm cho vật mềm, bớt của kẻ dưới, thêm cho kẻ trên, hào Đầu lấy chất Dương cứng ứng với hào Tư, hào Tư lấy chất Âm mềm ở ngôi trên, là kẻ nhờ ở hào Đầu thêm cho. Kẻ dưới thêm cho người trên, nên tự *bớt* của mình, mà chớ nhận là công của mình. Cái đã thêm cho người trên, xong việc, thì đi cho chóng, chớ tự ở vào chỗ công lao, mới không có lỗi. Nếu cứ hưởng cái tốt đẹp của sự thành công, thì không phải là bớt của mình để thêm cho người trên, với đạo làm kẻ dưới, như thế là có lỗi. Hào Tư Âm mềm, là kẻ nhờ cậy hào Đầu, hào Đầu nên châm chước cân nhắc sự nên chăng, bớt của mình mà thêm cho nó, thái quá và bất cập, đều là không được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Đầu nhằm lúc cần nên bớt của dưới, thêm cho trên, phía trên ứng nhau với hào Sáu Tư, nên thôi cái việc đương làm, mà đi cho chóng để làm ích cho nó, đó là đạo không lỗi, cho nên Tượng và Chiêm của nó như thế. Nhưng ở dưới mà làm ích cho người trên, cũng nên châm chước nông sâu.

---

[1] Đây là dịch theo ý của Trình Di, còn theo ý của Chu Hy, thì chữ "dĩ" nghĩa là "thôi" không phải nghĩa là "đã".

LỜI KINH

象曰:已事遄往,尚合志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dĩ sự, chuyên vãng, thượng hợp chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xong việc mau đi, chuộng[1] hợp chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái mà trong đời chuốc dùng là "chuộng". Điều mà hào Đầu vẫn chuộng, là sự hợp chí với người trên, hào Tư nhờ về hào Đầu, hào Đầu làm ích cho hào Tư, đó là hợp chí với người trên.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 尚 (*thượng* là *chuộng*) thông với chữ 上 (*thượng* là trên).

LỜI KINH

九二:利貞,征凶,弗損,益之.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Lợi trinh, chinh hung! Phất tổn, ích chi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Lợi về chính bền, đi thì hung! Chớ bớt, thêm đấy!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đức cứng giữa, đương vào lúc chất cứng bị bớt, ở ngôi mềm, đứng vào thể "đẹp lòng"[2] phía trên ứng với hào Sáu Năm là ông vua Âm mềm, dùng cách mềm mỏng đẹp lòng ứng với người trên thì mất cái đức cứng giữa, cho nên răn rằng: "chỉ lợi ở sự trinh chính mà thôi" 征 *(chinh)* nghĩa là đi, lìa khỏi mực giữa thì mất sự trinh chính mà hung, giữ được mực giữa là trinh. "Chẳng bớt, thêm đấy" nghĩa là không tự giảm bớt sự cứng giữa của mình, thì có thể cho người trên, mới là ích cho hắn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai cứng giữa, chí ở tự thủ, chẳng khứng tiến càn. Cho nên kẻ xem lợi về sự chính, mà đi thì hung. "Chẳng bớt, thêm đấy" ý nói không đổi cái sở thủ của mình, mới là cách làm ích cho người trên.

LỜI KINH

象曰:九二利貞,中以為志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Nhị lợi trinh, trung dĩ vi chí dã.*

---

[1] Đây là dịch theo Trình Di, còn theo Chu Hy thì chữ 尚 này phải dịch như trên.

[2] Chỉ về quẻ Đoái.

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Chín Hai lợi về chính bền, giữa lấy làm chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở ngôi Hai, không phải chỗ chính, đứng vào thể "đẹp lòng" không phải là cứng nhưng được chỗ giữa là hay. Nếu mà giữ được đức "giữa" thì có điều gì không hay? Há có lẽ nào giữa mà không chính? Há có lẽ nào giữa mà thá quá? Hào Hai gọi là lợi về chính bền, nghĩa là lấy mực giữa làm chi vậy. Chỉ ở mực giữa, thì tự nhiên phải chính. Đại để giữa trọng hơn chính, giữa thì chính rồi, chính thì chưa ắt đã giữa. Có thể giữ được mực giữa, thì là lợi ích cho người trên.

LỜI KINH

六三:三人行則損一人,一人行則得其友.

Dịch âm. - *Lục Tam: Tam nhân hành tắc tổn nhất nhân, nhất nhân hành tắc đắc kỳ hữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Ba người đi thì tổn một người, một người đi thì được thửa bạn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tổn là bớt chỗ có thừa, ích là thêm vào chỗ không đủ. Ba người là ba hào Dương ở dưới, và ba hào Âm ở trên. Ba hào Dương cùng đi, thì phải bớt hào Chín Ba để thêm lên hào Trên, ba hào Âm cũng đi thì phải bớt hào Sáu Trên để làm hào Ba, thế là ba người đi thì tổn một người. Hào Trên lấy chất mềm đổi chất cứng mà nói là tổn, ấy là chỉ nói về sự giảm đi một hào mà thôi. Hào Trên và hào Ba tuy vốn ứng nhau, nhưng bởi hai hàolên xuống mà hai quẻ đều nên, ấy là hai bên chung cùng với nhau. Hai hào Dương Đầu và hai hào Âm Tư và Năm đã cùng đức lại liền nhau, không ứng với hào Trên, mà đôi nào ứng với đôi ấy, thì chí của nó chuyên nhất, đều là được bạn vậy. Hào Ba tuy liền với hào Tư nhưng nó khác thể mà ứng nhau với hào Trên, không phải là cùng đi với nhau. "Ba người thì tổn một người, một người thì được bạn", nghĩa là ở gầm trời không cái gì mà có đôi. Một với hai đối đãi với nhau, là gốc của sự "sinh và sinh" vậy, ba thì thừa một mà nên bớt đi, đó là nghĩa lớn của sự tổn ích.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ dưới vốn là thể Kiền mà bớt hào Trên nhất để thêm vào thể Khôn, thế là ba người đi thì mất một người. Một hào Dương lên, thì một hào xuống, thế là một người đi thì được thửa bạn. Hai hào cùng nhau thì chuyên nhất, ba hào thì hỗn tạp mà loạn, quẻ này có tượng ấy, cho nên mới răn kẻ xem nên nhất trí vậy.

LỜI KINH

象曰:一人行,三則疑也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhất nhân hành, tam đắc nghi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Một người đi, ba thì ngờ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Một người đi mà được một người, thế là được bạn, nếu ba người đi thì không biết cùng người nào, lý nên bớt bỏ một người, đó là cái thừa vậy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Trung Khê nói rằng: Ôi một Âm, một Dương gọi là đạo, nếu lại xen đến số ba, thì lòng nghi hoặc sẽ sinh ra. Đó là thánh nhân, nhân một người đi mà hiểu được lẽ nhất trí vậy.

Hồ Vân Phong nói rằng: quẻ Tổn ở số ba mà thành ra, cho nên ắt bớt hào Sáu Ba đi, rồi sau Âm Dương mới đều thành đôi mà giúp lẫn nhau. Hào Sáu Ba bớt đi, thì hào Ba với hào Trên là được bạn, hào Trên với hào Ba là được bề tôi, thế là hào Ba với hào Trên là đôi, hào Chín Hai về chính bền, hào Sáu Năm cả tốt, thế là hào Ba với Năm là đôi, hào Đầu chuộng hợp chí, hào Tư cũng khá mừng, thế là hào Đầu với hào Tư là đôi. Nghĩa của trời đất trai gái, chẳng quá số đôi, cho nên nói rằng "Ba thì ngờ vậy".

LỜI KINH

六四:損其疾,使遄有喜,元吉,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Tổn kỳ tôn, sử xuyền hữu hỷ, nguyên cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Bớt thửa tật, khiến chóng có mừng, cả tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư lấy chất Âm mềm ở quẻ Trên, với hào Đầu là chất Dương cứng với nhau, ở thì *tổn* mà ứng với kẻ cứng, tức là biết tự mình để theo kẻ Dương cứng ấy là bớt sự không phải để theo kẻ phải vậy. Hào Đầu ích cho hào Tư, giảm bớt cái mềm mà thêm cho nó cái cứng, cũng là bớt sự không phải vậy, cho nên nói rằng: "Bớt thửa tật". Tật là tật bệnh, tức là sự không phải đó. Bớt sự không phải, chỉ nên làm cho mau chóng thì có sự mừng mà không lỗi. Người ta giảm bớt sự lầm lỗi, chỉ sợ không được mau chóng, nếu được mau chóng thì không đến nỗi lầm lỗi sâu quá, cho nên là đáng mừng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy Hào Chín Đầu là chất Dương cứng làm ích cho mình mà giảm bớt cái tật Âm mềm của mình, chỉ nên như thế thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰:損其疾,亦可喜也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tổn kỳ tật, diệc khả hỷ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bớt thửa tật, cũng đáng mừng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bớt cái tật đi, vẫn là đáng mừng, nói rằng "cũng" đó chỉ là tiếng phát ngữ mà thôi.

LỜI KINH

六五:或益之十朋之龜,弗克違,元吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Hoặc ích chi thập bằng chi quy, phất khắc vi, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Hoặc ích cho đấy, chưng con rùa mười "bằng"[1] chẳng hay trái, cả tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm ở thì tổn, lấy đức giữa thuận đứng vào ngôi tôn, để trống bên trong để ứng với hào Hai là hào Dương cứng, ấy là kẻ làm vua biết để trống lòng mình, và tự bớt để thuận theo người ở dưới vậy, cho nên hoặc có cái việc ích cho mình, thì người bạn sẽ giúp đỡ mình. "Mười" là tiếng chỉ sự nhiều. Rùa là con vật quyết đoán những sự phải trái, lành dữ. Công luận của nhiều người ắt hợp chính lý, dẫu thẻ rùa[2] cũng không thể trái. Như thế có gọi là điều tốt lành của sự cả hay vậy. Người xưa nói rằng: "Mưu theo nhiều người thì hợp lòng trời".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy đức mềm thuận, trống giữa mà ở ngôi tôn, ấy là kẻ gặp thì tổn được chịu sức ích của thiên hạ. Hai chiếc mai rùa là một "bằng"[3], mai rùa mười "bằng" tức là của báu lớn vậy. Hoặc có kẻ dùng của báu đó thêm cho mà không từ chối, đủ biết là tốt. Kẻ xem hễ có đức ấy thì cũng có sự ứng nghiệm ấy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Tượng của *Kinh Dịch* vẫn là một phép, ví như Ly là con rùa thì hai quẻ Tổn. Ích đều nói đến rùa, loại đó rất nhiều.

---

[1] Dịch theo ý của Chu Hy.

[2] Ý nói: dầu đem thẻ rùa mà bói cũng đúng như vậy.

[3] Đời xưa chưa có tiền tệ, người tiêu bằng mai rùa, hai chiếc mai rùa gọi là một bằng. Mười bằng tức là hai chục chiếc mai rùa.

Hai quẻ Tổn, Ích nói rùa, một ở Hai, một ở hào Năm, điên đảo nói đi. Quẻ Ký tế và quẻ Vị tế nói rợ Quỉ phương cũng vậy.

Uông Nghiện Chương nói quẻ Ly là rùa, các quẻ nói đến rùa đều có Tượng Ly, như rùa thiêng ở quẻ Di, rùa mười "bằng" ở quẻ Tổn và quẻ Ích. Tìm trong các quẻ đó, tuy là không có quẻ Ly, nhưng thông thể[1] của nó giống như quẻ Ly. Quẻ Di cả sáu hào, quẻ Tổn tự hào Hai đến hào Trên, quẻ Ích tự hào Đầu đến hào Năm, đó là cái khéo tự nhiên vậy. Nhưng quẻ Di còn dùng nghĩa của con rùa mà không dùng đến nghĩa của quẻ Ly, hai quẻ Tổn, Ích thì chỉ nói là được nhiều, mà nghĩa nó cũng không dính đến con rùa nữa.

LỜI KINH

象曰:六五元吉,自上祐也

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Ngũ: nguyên cát, tự thượng hựu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu Năm cả tốt, tự trên phù hộ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ được cả tốt, là vì có thể hợp hết ý kiến của nhiều người, hợp với lẽ của trời đất, cho nên tự trời ban phúc cho vậy.

LỜI KINH

上九:弗損,益之,無咎,貞吉,
利有攸往,得臣無家.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Phất tổn, ích chi, vô cữu, trinh cát, lợi hữu du vãng, đắc thần vô gia.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Chẳng bớt, thêm đấy, không lỗi, chính bền tốt, lợi có thửa đi, được bề tôi không nhà.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tất cả quẻ Tổn có ba nghĩa: tổn mình để theo người, bớt mình để thêm cho người, thực hành đạo "tổn" để bớt của người. Tổn mình theo người là tự dời sang điều nghĩa vậy, bớt mình để thêm cho người là ơn huệ tới kẻ khác vậy, thực hành đạo "tổn" để bớt của người, là làm theo nghĩa vụ vậy. Trong các nghĩa đó, nghĩa nào theo thì của nghĩa ấy, rồi lấy điều lớn hơn mà nói Hai hào Tư Năm dùng nghĩa "tổn mình theo người", ba hào thể dưới dùng

---

[1] Tính cả hai quẻ làm một. Như quẻ Tốn, hào Hai và hào Năm là vạch liền, ở giữa đều là vạch đứt, gần giống như hình quẻ Ly.

nghĩa "tự tổn để ích cho người", sự dùng của thì *tổn,* là thực hành đạo tổn để bớt những cái đáng bớt của thiên hạ vậy. Hào Chín Trên thì lại dùng nghĩa không làm việc "tổn", là vì hào Chín nhằm chót cuộc "tổn", *tổn* đến tột bậc thì nên biến đi. Lấy chất Dương cứng ở trên, nếu dùng sự cứng của mình để đẽo bớt kẻ dưới, thì không phải đạo người trên, lỗi đó lớn lắm. Nếu không làm việc tổn, mà lấy đạo Dương cứng, ích cho kẻ dưới thì là không lỗi mà được chính là tốt. Như thế thì có thửa đi, đi thì có ích vậy. Kẻ ở trên lại biết không làm tổn kẻ dưới mà làm cho ích cho họ, thiên hạ ai không phục theo? Theo phục nhiều không có trong ngoài khác nhau, cho nên nói rằng: "được bề tôi không nhà". "Được bề tôi" nghĩa là được lòng người qui phục, "không nhà" nghĩa là không có hạn giới xa gần trong ngoài vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Trên gặp thì "tổn dưới ích trên", ở trên quẻ, là kẻ được ích tột bậc, muốn tự bớt mình để thêm cho người. Nhưng ở trên cho kẻ dưới, có thể là "làm ơn mà không phí", chẳng cần bớt mình mà sau mới có ích cho người. Như thế thì không có lỗi. Song cũng ắt phải chính đính thì tốt, mà lợi có thửa đi. Làm ơn mà không khí, thì cái ơn đó rộng lắm, cho nên lại nói là "được bề tôi không nhà".

LỜI KINH

象曰:弗損益之,大得志也

Dịch âm. - *Tượng viết: Phất tổn, ích chi, đại đắc chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: chẳng bớt, thêm đấy, cả được chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ ở trên chẳng bớt kẻ dưới mà lại thêm cho họ, đó là đấng quân tử cả được thực hành chí mình vậy. Chí đấng quân tử chỉ ở làm ích cho người mà thôi.

QUẺ ÍCH


Tốn trên
Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ ích, Tự Quái nói rằng: Tổn mà không thôi, ắt phải ích, cho nên tiếp đến quẻ Ích. Thịnh suy, tổn ích như lần vòng tròn, tổn cực thì ắt phải *ích,* là lẽ tự nhiên, vì vậy quẻ Ích mới nối quẻ Tổn. Nó là quẻ Tốn trên Chấn dưới, đó là hai vật sấm gió làm ích cho nhau. Gió dữ thì sấm mạnh, sấm động thì gió gắt, hai đằng giúp ích cho nhau, cho nên mới là quẻ Ích. Đấy là lấy tượng mà nói. Hai quẻ Tốn, Chấn đều bởi vạch dưới biến đi mà thành ra. Dương biến ra Âm là quẻ Tốn. Âm biến ra Dương là quẻ Ích. Quẻ trên bớt đi mà quẻ dưới thêm lên, bớt trên thêm dưới, vì vậy mới là quẻ Ích. Đó là lấy nghĩa mà nói. Bên dưới đầy thì bên trên yên, cho nên thêm cho phía dưới là *ích.*

LỜI KINH

益利有攸往，利涉大川。

Dịch âm. - *Ích lợi hữu du vãng, lợi thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Ích lợi có thửa đi, lợi về sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Ích là đạo làm ích cho thiên hạ, cho nên lợi có thửa đi. Đạo *ích* có thể vượt qua hiểm nạn, đó là lợi sang sông lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ích là thêm ích. Nó là quẻ bớt vạch Dương ở ngôi đầu quẻ trên thêm vào vạch Âm ở ngôi đầu quẻ dưới, tự quẻ trên mà xuống phía dưới cho nên là *ích.* Trong quẻ, hào Chín Năm và hào Sáu Hai đều là trung chính, dưới Tốn trên Chấn đều là Tượng của loài cây, cho nên lời Chiêm của nó là "lợi có thửa đi mà lợi sang sông lớn".

LỜI KINH

彖曰：益，損上益下，民説無疆，
自上下下，其道大光。

Dịch âm. - *Thoán viết: Ích, tổn thượng ích hạ, dân nguyệt vô cương tự thượng há hạ, kỳ đạo đại quang.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Ích, bớt trên thêm dưới, dân đẹp lòng không bờ, tự trên xuống dưới, thửa đạo cả sáng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy nghĩa quẻ và tài quẻ mà nói. Quẻ này mà là quẻ Ích, vì nó *bớt* trên thêm dưới, *bớt* của trên để thêm cho dưới, thì dân đẹp lòng. "Không bờ" là không cùng cực vậy. Tự chỗ trên mà hạ mình xuống để xuống chỗ dưới, đó là đạo của nó cả sáng rệt vậy. Vạch Dương xuống ở ngôi Đầu, vạch Âm lên ở ngôi Tư, là nghĩa "tự trên xuống dưới".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thể quẻ thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

利有攸往，中正有慶.

Dịch âm. - *Lợi hữu du vãng, trung chính hữu khánh.*

Dịch nghĩa. - Lợi có thửa đi, trung chính có phúc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm lấy đức Dương cứng, trung chính, ở ngôi tôn, hào Hai lại lấy đức trung chính ứng nhau với nó, đó là dùng đạo trung chính làm ích cho thiên hạ, thiên hạ chịu phúc khánh của nó vậy.

LỜI KINH

利涉大川，木道乃行.

Dịch âm. - *Lợi thiệp đại xuyên, mộc đạo nãi hành.*

Dịch nghĩa. - Lợi sang lớn, đạo ích[1] mới cả thi hành.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo ích, trong lúc bình thường vô sự, cái ích của nó còn nhỏ, đến khi gian nguy hiểm nạn, thì cái ích của nó càng lớn, cho nên lợi về sự sang sông lớn. Khi qua được chỗ hiểm nạn tức là lúc đạo *ích* cả được thi hành. Chữ 益 *(ích)* làm ra chữ 木 *(mộc)*. Có người nói rằng: Trên Tốn dưới Chấn, cho nên gọi là "mộc đạo". Không phải thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đấy lấy thể quẻ, tượng quẻ thích lời quẻ.

---

[1]Đây là theo ý Trình Di, đổi chữ 木 (mộc) ở lời kinh ra làm chữ 益 (ích) cho nên dịch là "đạo ích".

LỜI KINH

益動而巽，日進無疆.

Dịch âm. - *Ích động nhi tốn, nhật tiến vô cương.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Ích động mà nhún, ngày tiến không bờ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lại lấy hai thể nói tài quẻ dưới động mà trên nhún, là động mà nhún. Là đạo ích, hễ động nhún thuận hợp lẽ, thì sự ích của nó mỗi ngày mỗi tiến, rộng rãi không có bờ ngăn nào hết. Động mà không thuận với lý, có thể nên được ích lớn chăng?

LỜI KINH

天施地生，其益無方.

Dịch âm. - *Thiên thi địa sinh, kỳ ích vô phương.*

Dịch nghĩa. - Trời thi hành, đất sinh, thửa ích không phương.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy công trời đất mà nói cái lớn lao của đạo "ích", đó là đấng thánh nhân thể theo công đó để làm ích cho thiên hạ vậy. Đạo trời giúp cuộc bắt đầu, đạo đất sinh ra các vật, trời thi hành, đất sinh, hóa nuôi muôn vật, nào đúng tính mệnh của vật ấy, cái ích đó có thể gọi là không phương. "Phương" là chốn, có phương chốn thì có hạn lượng, không phương chốn nghĩa là rộng lớn không cùng cực vậy. Trời đất ích cho muôn vật còn có cùng cực ư?

LỜI KINH

凡益之道，與時偕行.

Dịch âm. - *Phàm ích chi đạo, dữ thì giai hành.*

Dịch nghĩa. - Phàm chưng đạo Ích, cùng thì đều đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ích của trời vô cùng, là lý mà thôi. Cái đạo thánh nhân làm ích cho thiên hạ, ứng thì, thuận lẽ, hợp với trời đất, thế là "cùng thì đều đi".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Động và nhún là đức của hai quẻ, Kiền thi hành trở xuống, Khôn sinh trở lên, cũng là nghĩa thể quẻ ở đoạn trên. Đây lại lấy quẻ Tốn mà nói, để tán dương sự lớn lao của đạo *"ích"*.

LỜI KINH

象曰：風雨益，君子以見善則遷，有過則改.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong lôi Ích, quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gió sấm là quẻ Ích, đấng quân tử coi đó mà thấy điều thiện thì dời sang, có lỗi thì đổi đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gió dữ thì sấm mạnh, sấm động thì gió nổi, hai vật ích lẫn cho nhau. Đấng quân tử xem Tượng gió sấm ích nhau đó mà cầu ích cho mình. Cái đạo làm ích cho mình, không gì bằng thấy điều thiện, thì dời sang[1], có lỗi thì đổi đi. Thấy điều thiện mà biết dời sang, thì có thể thu hết điều thiện trong thiên hạ, có lỗi biết đổi thì không lỗi nữa. Ích cho người ta, không gì lớn hơn thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thế của gió sấm giúp ích lẫn nhau. Dời điều thiện, đổi lỗi là việc lớn lao trong đạo "ích" mà sự "ích nhau" của nó cũng giống như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Dời điều thiện nên chóng như gió, đổi lỗi nên mạnh như sấm... Gió là vật mau kíp, thấy điều thiện của người ta, mình sẽ không kịp, thì dời sang cho kịp như gió, sấm là vật hăng mạnh, mình có điều lỗi, thì cả quyết mà đổi cho mạnh như sấm, không nên có tí trì hoãn.

LỜI KINH

初九: 利用為大作, 元吉, 無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Lợi dụng vi đại tác, nguyên cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Lợi dùng làm việc lớn, cả tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Đầu chủ của thể động, là kẻ Dương cương đương thịnh, ở thì ích, tài đó đủ làm ích cho người, tuy ở chỗ rất thấp mà trên có bậc đại thần Sáu Tư ứng nhau với mình. Hào Tư chủ thể nhún nhuận, là kẻ trên biết nhún với vua, dưới biết thuận với bậc hiền tài, ở dưới thì không có thể làm gì, được ở kẻ ở trên ứng theo, thì nên đem đạo của mình, giúp cho người trên, làm việc cả ích cho thiên hạ. Thế là "lợi dùng làm việc lớn". Ở dưới mà được người trên dùng đến, để thực hành chí mình ắt phải những điều mình làm cả thiện mà tốt lành, thì không tội lỗi. Nếu không cả thiện mà tốt lành, thì chẳng những ở mình có lỗi, mà còn lụy đến người trên, làm cho người trên có lỗi. Ở chỗ rất thấp mà gánh trách nhiệm

---

[1] Dời sang điều thiện nghĩa là bắt chước điều thiện của người ta.

lớn, sự hay nhỏ không đủ khen, ắt phải cả thiện mà tốt lành, rồi sau mới không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu tuy ở dưới, nhưng nhằm thì "ích cho kẻ dưới", nó tức là kẻ được chịu sự ích của người trên, không thể trơ ra mà không báo đáp. Cho nên lợi dùng làm việc lớn, ắt phải cả tốt, mới được không lỗi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Tốt xấu là việc, lỗi là đạo lý. Bởi vì có việc tuy tốn mà lý thì sai lỗi, thế là tốt mà có lỗi.

LỜI KINH

象曰：元吉無咎，下不厚事也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nguyên cát vô cữu, hạ bất hậu, sự dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cả tốt không lỗi, kẻ dưới chẳng được dầy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ ở dưới vốn không xử được dầy, việc dầy tức là việc nặng lớn vậy - vì bị người trên dùng mình, cho nên phải gánh việc lớn, ắt phải làm cho xong việc của người mà đem lại sự cả tốt, mới là không lỗi. Đem lại được sự cả tốt thì kẻ ở trên dùng mình là biết người, mình đương vào đó là làm nổi trách nhiệm. Nếu không thể thì trên dưới đều có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nó vốn không phải gánh vác việc to, cho nên hễ không như thế, thì không lấp được tội lỗi.

LỜI KINH

六二：或益之十朋之龜，弗克違
永貞，吉，王用享于帝，吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Hoặc ích chi thập bằng chi qui, phất khắc vi vĩnh trinh cát, vương dụng hưởng vu đế, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Hoặc ích đấy, chưng rùa mười bằng[1] chẳng hay trái, vĩnh viễn chính bền, tốt, vua dùng hưởng chưng trời, tốt!

---

[1] Câu này giống câu ở hào Chín Năm quẻ Tốn. Đây dịch theo ý Chu Hy, đã chua ở quẻ Tốn. Nếu theo Trình Di thì phải dịch là "Hoặc ích đấy, mười bạn giúp đầy, rùa không thể trái". Bởi vì trong văn chữ nho, Trình Di chấm là: "Hoặc ích chi, thập bằng chi, qui phất khắc vi", ở hào Chín Năm quẻ Tốn. Nhưng Chu Hy giải chữ 朋 "bằng" là "hai chiếc mai rùa" có căn cứ ở sách Thực hoá chí, mà Trình Di không căn cứ vào đâu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai ở chỗ trung chính mà thể mềm thuận, có Tượng rỗng giữa. Cái đạo người ta ở chỗ trung chính phải để trống rỗng lòng mình đều cầu được ích mà biết thuận theo, thì thiên hạ ai không muốn bảo mà làm ích cho mình? Thầy Mạnh nói rằng: "Nếu mình thích điều thiện, thì trong bốn bể sẽ coi thường nghìn dặm mà đến bảo mình lấy điều thiện". Ôi, đầy thì không nhận được gì, mà rỗng thì tới vật lý tự nhiên như thế, cho nên hoặc có điều gì có thể ích thêm, thì các bạn đều giúp vào mà làm ích mình. "Mười" là tiếng chỉ số nhiều! Nhiều người bảo phải, là rất đúng lý. Rùa là giống để xem dữ lành, phân biệt phải trái, ý nói việc đã rất phải, dẫu đến con rùa cũng không thể trái được[1]. "Vĩnh viễn chính bền thì tốt" là theo tài hào Sáu Hai mà nói, hào Hai trung chính rỗng giữa là kẻ được nhiều người làm ích cho, nhưng mà chất nó còn là Âm mềm, cho nên răn rằng: "Phải mãi mãi chính bền thì tốt". Cái đạo cầu ích, nếu không mãi mãi chính bền, thì giữ sao được? Hào Sáu Năm quẻ Tổn, mười bạn giúp thì cả tốt, là vì nó ở ngôi tôn tự mình bớt mình để ứng với sự cứng của kẻ dưới, lấy chất mềm ở ngôi cứng thì mềm là trống rỗng, cứng là cố giữ, tức là cách rất phải trong đạo cần ích, cho nên cả tốt. Hào Sáu Hai để trống trong giữa để cầu ích, cũng có kẻ Dương cứng ứng với, nhưng nó lấy chất mềm ở ngôi mềm ngờ rằng sự ích chưa bền, cho nên răn rằng: "Có thể mãi mãi chí bền thì tốt". "Vua dùng hưởng chưng trời, tốt" nghĩa là trống rỗng bên trong như hào Hai mà có thể vĩnh viễn chính bền dùng để cúng đấng thượng đế, cũng còn được tốt, huống chi giao thiệp với người ta, lại không được thông ý mình hay sao? Cầu ích với người ta, người ta lại không ứng lại hay sao? Tế trời là việc của đấng thiên tử, cho nên nói là "vua dùng".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương lúc "ích cho kẻ dưới", hào này rỗng giữa, ở ngôi dưới, cho nên Tượng, Chiêm của nó cũng giống như hào Sáu Năm quẻ Tổn, nhưng hào và ngôi đều là Âm, nên mới răn nó phải vĩnh viễn chính bền. Vì nó ở dưới mà chịu sự làm ích của người trên, cho nên lại là lời Chiêm tốt trong việc xem bói tế Giao.

LỜI KINH

象曰：或益之，自外來也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoặc ích chi, tự ngoại lai dã.*

[1] Nghĩa là xem bói cũng thấy là phải.

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hoặc ích đấy, tự ngoài đến vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã trung chính rỗng giữa, biết nhân điều thiện của thiên hạ mà giữ cho Bền, thì có việc có ích, mọi người sẽ tự ngoài đến làm ích cho mình. Hoặc có người nói: "Từ ngoài đến" có phải là hào Năm chăng? Đáp rằng: "Trung chính rỗng giữa như hào Hai, thiên hạ ai không thuận theo mà làm ích cho nó? Hào Năm là chính ứng của nó, cố nhiên cũng phải ở trong đám ấy.

LỜI KINH

六三：益之，用凶事，無咎，
有孚，中行用告公用圭.

Dịch âm. - *Lục Tam: Ích chi, dụng hung sự, vô cữu, hữu phu, trung hàng, cáo công dụng khuê.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Ích đấy, dùng việc hung, không lỗi, có tin, đường giữa, bảo tước. Công dùng ngọc khuê.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên thể dưới, ấy là kẻ ở trên dân, tức là chức thú lệnh vậy, ở ngôi dương, ứng với kẻ cứng, đứng chỗ tột bậc thể động, đó là kẻ ở trên dân, mà cương quyết và quả cảm về sự làm ích. Quả cảm về sự làm ích, tình đó dùng vào việc hung thì không có lỗi việc hung chỉ vào những việc hoạn nạn phi thường. Hào Ba ở trên thể dưới, kẻ ở dưới thì nên vâng bẩm người trên, đâu được tự tiện làm việc ích? Chỉ có những việc hoạn nạn phi thường, thì có thể cân lẽ nên chăng, ứng lúc sảng sốt, hăng hái không đoái đến mình, ra sức che chở cho dân, cho nên không lỗi. Kẻ dưới mà chuyên quyền tự nhiệm, người trên ắt ghen ghét, tuy là đương gỡ nạn, nghĩa vẫn đáng làm, nhưng mà phải có thành tín, mà điều mình làm phải hợp với trung đạo, thì cái ý thành thực có thể thông với người trên, mà người trên mới tin mình. Tự tiện làm việc mà không có lòng chí thành của kẻ làm người trên, yên dân, đành không thể được, cho dẫu có ý thành thực mà điều mình làm không hợp trung đạo, cũng là không được. Ngọc Khuê là vật để thông tin. *Kinh Lễ* nói rằng: "Quan đại phu cầm ngọc khuê để nhắc lại sự tin", phàm lúc tế tự triều sinh mà dùng ngọc khuê để thông đạt sự thành tín vậy. Có thành tín mà được trung đạo, thì có thể khiến người trên tin mình, cũng như tâu đấng công thượng mà dùng ngọc khuê, sự thành tín của mình có thể thông đạt lên trên. Cái đạo ở dưới mà làm việc lớn, chỉn nên có tin, chữ "đường giữa" là vì hào Ba là hào Âm mà không giữa, cho nên phát ra nghĩa đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Ba chất Âm mềm, không giữa không chính, là kẻ không đáng được ích. Nhưng đương lúc "ích cho kẻ dưới" nó ở trên thế dưới, cho nên có kẻ làm ích cho nó bằng việc hung. Nghĩa là răn bảo, nhắc nhở, tức là để làm ích cho nó. Kẻ xem như thế mới không có lỗi. Lại răn rằng phải có tin, theo đường giữa tâu lên tước công thì dùng ngọc khuê. Dùng ngọc khuê là để thông sự tin.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Y Xuyên giảng *Kinh Dịch*, có nhiều chỗ không sao hiểu được. Như câu "ích đây, dùng việc hung" giải làm chữ "hung" trong tiếng "hung hoang", chỉ thẳng vào bọn thứ sử quận thú mà nói. Lúc ấy chưa thấy có chức thú lệnh, sợ rằng khó nói như thế.

LỜI KINH

象曰: 益用凶事, 固有之也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ích dụng hung sự, cố hữu chi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ích dùng việc hung, cố có đấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Ba "ích đấy" mà chỉ có thể dùng vào việc chung, vì nó cố nhận là có, nghĩa là chuyên cố tự gánh lấy việc vậy. Kẻ ở dưới nên phải bẩm vâng người trên, thế mà tự tiện làm việc, thì chỉ cứu sự hung tai của dân, chữa sự nguy cấp của đời là được. Đó là lẽ quyền nghi trong khi gặp chuyện cấp nạn, biến cố cho nên mới được không lỗi. Nếu là hình thi, thì không thể thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ích dùng việc hung, là muốn mệt lòng nhược trí, cố giữ cho có vậy.

LỜI KINH

六四: 中行, 告公從, 利用為依, 遷國.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Trung hành, cáp công tòng, lợi dụng vi y, thiên quốc.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đường giữa, tâu tước công theo, lợi dùng làm tựa, dời nước.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư đương thì ích, ở ngôi gần vua ở được chỗ chính, lấy sự mền nhún giúp người trên, mà phía dưới thuận ứng với hào Đầu là kẻ cương Dương, như thế thì có ích cho người trên, chỉ vì ở không được giữa, mà kẻ nó ứng lại cũng không giữa, đó là không đủ đúc "giữa", cho nên nói rằng: "Nếu đi được đường giữa thì có thể ích cho đấng quân thượng, tâu với bề trên mà

được tin theo". Lấy thể mềm nhún, không phải là kẻ có tiết tháo cứng mạnh đĩnh đạc, cho nên lợi dùng làm tựa, dời nước[1] "Tựa" là tựa nương vào bề trên, "dời nước" là xuôi xuống mà hành động vậy. Phía trên nương tựa vào ông vua cứng giữa, mà ra sức làm ích kẻ dưới thuận theo kẻ có tài Dương cương để làm việc mình, "lợi dùng" là như thế vậy. Từ xưa, nơi đô ấp của các nước, hễ dân không được ở yên, thì phải dời đi. "Dời nước" là thuận theo kẻ dưới mà hành động vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Ba, hào Tư đều không được giữa, cho nên lấy "đường giữa" mà răn. Đây nói: nếu bụng chỉ nghĩ về sự "ích cho kẻ dưới" mà hợp với đường giữa, thì tâu tước Công sẽ được nghe theo. Tả truyện nói rằng: "Nhà Chu dời sang bên đông, tựa vào nước Tống nước Trịnh". Bởi vì đời xưa nước để làm ích cho kẻ dưới, ắt phải có chỗ nương tựa, mới có thể đứng. Hào này lại là lời Chiêm tốt về việc dời nước.

LỜI KINH

象曰：告公從，以益志也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Cáo công tòng, dĩ ích chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: "Tâu tước Công, theo lấy chí làm ích vậy".

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời hào chỉ nói: "Được đường giữa thì tâu tước Công sẽ được nghe theo", lời Tượng lại tỏ thêm rằng: "Tâu tước Công mà được nghe theo là tại bảo họ lấy cái chí làm ích cho kẻ dưới". Nếu mà chí ở làm ích cho thiên hạ, thì người trên ắt tin mà theo. Kẻ thờ vua chẳng lo người trên không theo mình, chỉ lo chí mình không được thành thực mà thôi.

LỜI KINH

九五：有孚，惠心，勿問，元吉，有孚，惠我德。

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hữu phu, huệ tâm, vật vấn, nguyên cát, hữu phu,, huệ ngã đức.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Có tin lòng ơn, chớ hỏi, cả tốt, có tin, ơn đức ta.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm là bậc Dương cương trung chính, ở ngôi tôn, lại được hào Sáu Hai là kẻ trung chính, ứng nhau

---

[1] Tức là thiên đô.

với nó, để thi hành cái chí của nó, thì còn cái gì không lợi? Lấy chất Dương đặc ở giữa là Tượng "có tin". Lấy đức, tài và ngôi của hào Chín Năm mà trong lòng chí thành về làm ơn làm ích cho người, thì sự rất hay, cả tốt của nó, chẳng hỏi cũng có thể biết, cho nên nói rằng "chớ hỏi cả tốt". Kẻ làm vua ở ngôi làm được, cầm quyền làm được, nếu chí thành làm ích cho thiên hạ, thiên hạ được chịu phúc lớn của nó, không cần phải nói. "Có tin, ơn đức ta" nghĩa là kẻ làm vua chí thành làm ích cho thiên hạ, thì người thiên hạ ai cũng chí thành yên đội, lấy đức trạch của vua làm ơn huệ vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Người trên có đức tin để làm ơn cho kẻ dưới, kẻ dưới cũng có đức tin để làm ơn cho người trên, không hỏi cũng biết cả tốt.

LỜI KINH

象曰：有孚惠心，勿問之矣.惠我德，大得志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu phu huệ tâm, vật vấn chi kỹ: huệ ngã đức, đại đắc chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có tin, ơn lòng, chớ hỏi đấy vậy, ơn đức ta, cả được chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ làm vua có lòng chí thành, làm điều ơn ích cho thiên hạ, thì sự cả tốt của hắn không cần phải nói, cho nên nói rằng: "Chớ hỏi đấy vậy". Thiên hạ chí thành nhớ đức ta để làm nên, đó là đạo của mình cả thực hành, thế chí của kẻ làm vua được toại vậy.

LỜI KINH

上九：莫益之，或擊之，立新勿恒，凶.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Mạc ích chi, hoặc kích chi, lập tâm vật hằng, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Chẳng ích nó, hoặc đánh nó, lập tâm chớ thường hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào trên ở chỗ không ngôi, không phải là kẻ làm ích cho người. Lấy chất cứng ở chỗ cùng tột ích, là kẻ cầu ích dữ qua, ứng với nó là chất Âm, không phải kẻ biết học điều thiện làm ích cho mình. Lợi là cái mà mọi người đều muốn, chuyện muốn ích mình, thì hại lớn lắm. Muốn lợi quá dữ thì tối lấp mà quên nghĩa lý, cầu lợi cùng cực thì phải lấn cướp mà gây oán thù, chon ên đấng Phu Tử nói rằng: "Tựa theo lời mà làm, nhiều oán", thầy Mạnh Tử nói rằng: "Coi lợi là trước thì không cướp không đủ", đó là điều răn

sâu của thánh hiền. Hào Chín lấy chất cứng mà cầu ích đến cùng cực, ấy là mọi người cùng ghét, cho nên không ai làm ích cho nó mà hoặc có kẻ đánh nó. "Lập tâm chớ thường, hung" tức là thánh nhân răn rằng không thể để bụng chuyên nghĩ về lợi. Ý nói: Chớ thường như thế, đó là đạo phải nên mau mau đổi đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương ở chỗ cùng tột cuộc ích, cầu ích không thôi, cho nên chẳng ai làm ích cho nó mà hoặc có kẻ đánh nó. "Lập tâm chớ thường" ấy là răn người ta vậy.

LỜI KINH

象曰：莫益之，偏辭也；或擊之，自外來也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Mạc ích chi, thiên từ dã, hoặc kích chi, tự ngoại tại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng ích nó, lời nói lệch[1] vậy, hoặc đánh nó, tự ngoài đến vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lý là sự chí công trong thiên hạ, lợi là sự mọi người cùng muốn, nếu giữ lòng cho công, không mất chính lý thì phải cùng mọi người chung điều lợi, không lấn của người, người cũng muốn chung với mình, nếu thiết tha về muốn lợi, bị che lấp về sự riêng, cầu lấy ích mình, để hại cho người, người cũng cố sức tranh nhau với mình, cho nên chẳng ai làm ích cho mình, mà có kẻ còn đánh cướp mình. Nói rằng: "Chẳng ích nó" không phải là lời thiên lệch về mình. Nếu không thiện lệch về mình, mà hợp với đạo công, thì người ta cũng làm ích cho mình, làm gì đến đánh mình? Đã cầu ích ở người ta đến đỗi, cực thậm, thì người ta đều ghét mà muốn đánh mình, cho nên, đánh nó là kẻ tự ở ngoài mà lại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Chẳng ích nó" còn là lời lệch, chỉ theo về sự cầu ích của nó mà nói, chứ nếu nói cho tới cùng, thì lại có kẻ đánh nó nữa.

---

[1] Theo ý Chu Hy, thì lời nói lệch nghĩa là mới nói một phần.

QUẺ QUẢI


Đoái trên
Kiền dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. Tự Quái nói rằng: Ích mà chẳng thôi, ắt quyết, cho nên tiếp đến quẻ Quải. Quải nghĩa là quyết[1] ích đến cùng cực, ắt phải quyết liệt rồi sau mới thôi, lý không ích mãi mà chẳng thôi, thôi tức là quyết, vì vậy quẻ Quải mới nối quẻ Ích. Nó là quẻ Đoái trên Kiền dưới, lấy hai thể mà nói, thì chầm là chỗ nước tụ mà lên ở chốn rất cao, có tượng vỡ lở[2], lấy hào mà nói, thì năm hào Dương ở dưới, lớn lên sắp cùng cực, một Âm ở trên, tiêu đi sắp hết, các hào Dương tiến lên, quyết trừ một hào Âm, vì vậy mới là quyết. Quải là nghĩa cương quyết, mọi hào Dương tiến lên mà trừ một hào Âm, đó là lúc đạo đấng quân tử lớn lên, kẻ tiểu nhân tiêu suy vậy hầu hết vậy.

LỜI KINH

夬揚于王庭，孚號有厲，告自邑.
不利即戎，利有攸往.

Dịch âm. - *Quyết, dương vu vương đình, phu hiệu[3] hữu lệ. Cáo tự ấp, bất lợi tức nhung, lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Quải, giơ chưng sân vua, tin gọi, có nguy. Bảo từ làng, chẳng lợi tới quân, lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lúc kẻ tiểu nhân đương thịnh, đạo đấng quân tử chưa thắng, có thể nào hiển nhiên dùng chính đạo mà quyết trừ nó, cho nên phải kín đáo đợi thời, dần dần tính cách làm tiêu nó đi. Nay đảng tiểu nhân đang suy, quân tử đương thịnh, nên làm rõ rệt ở công triều, khiến cho người ta biết rõ sự thiện ác, cho nên nói rằng "giơ chưng sân vua". Phu là Điều tin ở trong lòng, tức là cái ý thành thực, hiệu là lời sai nhiều người, đạo đấng quân tử lớn thịnh, mà không giảm sự răn ngừa, cho nên dùng sự chí thành để sai mọi

---

[1,2] Chữ "quải" nghĩa là quyết, chữ quyết lại có nghĩa là vỡ lở, vì vậy họ Trình mới giải bằng lối dây cà dây muống như vậy.

[3] Theo Chu Hy, thì trong quẻ Quải này, chỉ có chữ (號) ở lời quẻ đọc là hiệu, nghĩa là gọi, còn các chữ (號) ở các hào, đều đọc là hào, nghĩa là kêu.

người, khiến họ biết rằng còn có sự nguy, ắt phải có lòng răn sợ, thì không có gì... Đấng quân tử trị kẻ tiểu nhân, vì nó bất thiện, ắt lấy đạo thiện của mình mà đổi được nó, cho nên đấng thánh nhân trừ kẻ làm loạn ắt trước sửa mình, tức như vua Thuấn sửa đức văn vậy[1]. Ấp là làng riêng, "bảo tử làng" nghĩa là trị mình. Đem sự thịnh vượng của các hào Dương, mà quyết trừ một hào Âm, sức vẫn có thừa, nhưng không nên dùng cách cương quyết thái quá, thái quá thì nó sẽ đến làm giặc như hào Chín Trên quẻ Mông. Nhưng là việc cường vũ của nhà binh, chẳng lợi tới quân tức là chẳng lợi về mặt chuộng sự tráng vũ, "tức" là tới, "tới quân" nghĩa là chuộng võ vậy. Lợi có thửa đi, nghĩa là khi Dương tuy thịnh, nhưng chưa tới ngôi Trên, khí Âm tuy suy, nhưng còn chưa đi hết, đó là tiểu nhân hãy còn, đạo của quân tử chưa thật đến nơi, cho nên, nên tiến mà đi chẳng chuộng cương vũ, mà đạo càng tiến, ấy là sự quyết rất khéo.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quải nghĩa là quyết[2], tức là khí Dương khơi tháo khí Âm, nó là quẻ về tháng ba. Lấy năm hào Dương trừ một hào Âm, chẳng qua khơi tháo nó đi mà thôi. Nhưng khi khơi tháo nó đi, ắt phải nêu rõ tội nó, mà hết lòng thành thực để hò gọi quân mình hợp sức với mình, và cũng còn phải lo sợ, không thể yên ổn phóng tứ, lại nên trị trước chỗ riêng tây mà không thể chuyên chuộng oai vũ, thì lợi có thửa đi. Hết thảy đều là lời răn người ta.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Có người bảo rằng: Quẻ Quải, thánh nhân với lúc Âm tiêu Dương lớn, cũng răn sợ như thế, cái ý cảnh giới người ta sâu lắm. Đáp rằng: Không thể nói thế. Nguyên là không có lúc nào mà không răn giữ lo sợ, chẳng phải đến khi đó mới răn sợ đâu. Nói rằng thiên hạ đã bình trị, có thể yên lòng phóng chí, hễ hơi có chút phóng tứ, liền đẻ ra không thiếu cái gì.

Hồ Vân Phong nói rằng: Quẻ Quải lấy năm hào Dương trừ một hào Âm, cũng là việc dễ dàng, thế mà lời Thoán (tức lời quẻ) làm ra nhiều lời lo sợ răn dỗ, là vì: ắt phải *giơ chưng sân vua,* khiến tội tiểu nhân được rõ, lấy lòng chí thành hò gọi mọi người, khiến bọn quân tử hợp lại, không thể vì tiểu nhân đã suy liền phóng tứ, thì phải có lo lắng đó, không thể vì quân tử đương thịnh mà chuộng uy vũ, thì có cách tự trị đó, ắt phải như thế mới có lợi có thửa đi. Quẻ Phục lợi về sự đi, là đi mà làm quẻ Kiền. Đấng thánh nhân đặt lời Thoán quẻ

---

[1] Kinh Thư nói rằng: Vua Thuấn đánh rợ Miêu không được, bèn rút quân về, thôi vũ dùng văn, rồi múa cái can cái vũ (hai thứ binh khí) ở hai thềm, bảy tuần mà rợ Miêu quy phục.

[2] Chữ 決 (quyết) có nghĩa là tháo, như khơi nước tháo nước.

Phục, chỉ nói bằng giọng bình thường, đặt lời Thoán quẻ Quải, thì nói bằng giọng lo sợ. Bởi vì thế Âm tuy suy, nó lan ra hoặc có thể sinh sôi, nó cùng quá hoặc lại thành kẻ chống chọi. Đấng quân tử không lúc nào mà không răn sợ, mà lúc tiểu nhân đã suy, lại càng không thể quên sự răn sợ. Đấng thánh nhân lo cho bọn quân tử thật cùng tột vậy.

LỜI KINH

彖曰：夬決也，剛決柔也；健而說，決而和.

Dịch âm. - *Thoán viết: Quải quyết dã, cương quyết nhu dã, kiện nhi duyệt, quyết nhi hòa.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quải là quyết vậy, cứng quyết mềm vậy, mạnh mà đẹp lòng quyết mà hòa.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa tên quẻ và thích đức quẻ.

LỜI KINH

揚于王庭，柔承五剛也.

Dịch âm. - *Dương vu vương đình, nhu thừa ngũ cương dã.*

Dịch nghĩa. - Giơ chưng sân vua, hào mềm cưỡi năm hào cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phần mềm tuy đã tiêu nhưng nó ở trên năm hào ứng, còn là cái Tượng cưỡi lấn. Âm mà cưỡi Dương, trái lẽ thái thậm, đấng quân tử thế đủ trừ nó, thì nên nêu rõ tội nó ở sân lớn phong trào nhà vua, khiến cho mọi người biết rõ sự thiện ác.

LỜI KINH

孚號有厲，其危乃光也.

Dịch âm. - *Phu hiệu hữu lệ, kỳ nguy nãi quang dã.*

Dịch nghĩa. - Tin gọi, có nguy, thửa nguy bèn sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hết lòng thành tín để sai mọi người, mà biết có sự lo sợ, thì đạo quân tử mới khỏi lo mà được sáng lớn.

LỜI KINH

告自邑不利即戎，所尚乃窮也.

Dịch âm. - *Cáo tự ấp, bất lợi tức nhung, sở thượng nãi cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Bảo tự làng, chẳng lợi tới quân, thửa chuộng bèn cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nên trước trị mình, chẳng nên chuyên chuộng sự cương vũ, tới quân thì cái mình chuộng bèn đến cùng cực. Trong thí *quyết,* cái *thửa* chuộng là nói về sự cương vũ.

LỜI KINH

利有攸往，剛長乃終也.

Dịch âm. - *Lợi hữu du vãng, cương trưởng nãi chung dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi có thửa đi, cứng lớn[1] bèn trọn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương cứng tuy đã thịnh lớn, nhưng còn chưa chót, vì còn có một hào Âm, còn phải quả quyết trừ đi, thì đạo quân tử mới được thuần nhất mà không có kẻ hại mình, thế là sự chót của cuộc *cứng lớn.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích lời quẻ. Hào mềm cưỡi năm hào cứng là lấy thế quẻ mà nói, ý bảo lấy một kẻ tiểu nhân ở trên các đấng quân tử, là tội của nó. "Cứng lớn bèn chót", nghĩa là biến một lần nữa, thì thành quẻ thuần Kiền.

LỜI KINH

象曰：澤上於天，夬，君子以施祿及下，居德則忌.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch thượng ư thiên, Quải, quân tử dĩ thí, lộc cập hạ, cư đức tắc ky.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chằm lên chưng trời, là quẻ Quải. Đấng quân tử coi đó mà ra lộc tới dưới, ở đức phép ky[2].

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chằm là chỗ nước tụ mà lên trên trời là chốn rất cao, cho nên là Tượng sự *khỏi.* Đấng quân tử coi tượng chằm *khỏi* ở trên mà chảy xuống dưới để ra lộc tới dưới, nghĩa là ban ơn lộc của mình cho kẻ dưới vậy: coi Tượng vỡ lở của nó, thì để ở đức phép ky. Ở đức nghĩa là ở yên với đức của mình, phép là ước, ky là ngừa, tức là ước dựng ra ngừa ngăn, có ngừa ngăn thì không vỡ tan. Chữ 則忌 *(tắc ky).* Vương Bật đổi làm 明忌 *(minh ky* - tỏ sự kiêng) cũng thông. Không nói chằm ở trên trời mà nói chằm lên chưng trời, là vì "lên chưng trời" thì có ý không nên mà có thể vỡ lở, "ở trên trời" thì là lời nói có vẻ yên ổn vậy.

---

[1] Tức là khí Dương lớn lên.

[2] Dịch theo ý Trình Di.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chằm lên chưng trời là thế vỡ lở, ra lộc tới dưới là ý vỡ lở, mấy chữ 居德則忌 *(cư đức tắc ky)* chưa rõ ý nghĩa ra sao.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Trung Khê nói rằng: Mây lên chưng trời là quẻ Nhu, thì ơn chẳng tới dưới, chằm lên chưng trời là quẻ Quải, thì cái mà trời để làm ơn cho muôn vật đã bị khỏi rồi. Đấng quân tử coi tượng chằm *khỏi ở* trời mà rút xuống dưới, để ra ban ơn lộc cho kẻ dưới. *Cư* 居 nghĩa là đậu, nếu tự ngừng đậu cái đức của mình mà ơn không ban xuống thì không hợp nghĩa khỏi tháo, cho nên phải kiêng[1].

Lý Long Sơn nói rằng: Trong câu "cư đức tắc ky", chữ "cư" nghĩa là chưa lại mà không chảy đi, cũng như chữ 居 *(cư)* trong câu 奇貨可居 *(kỳ hóa khả cư* - của lạ đáng chứa) ở *Liệt truyện* vậy.

Hạng Bình Âm nói rằng: Chữ 居 *(cư)* chua nghĩa là chứa, nhưng chữ 化居 *(hóa cư)* trong *Kinh Thư*, chữ 居業 *(cư nghiệp)* trong *Kinh Dịch*, đều thế cả. Người đời Hán hãy còn nói tiếng cư tích (ở chứa).

Hồ Vân Phong nói rằng: Câu "cư đức tắc ky". *Trình truyện* giải *tắc* là *ước, ky* là *ngừa,* cho là *ước dựng ngừa ngăn,* thì trái với ý vỡ lở. Vương Bật đổi là 明則 *(minh tắc)* cũng sai. Các nhà cho là "ngừng đậu đức mình thì kiêng" thì là trái lại ý trên, mà ở Đại tượng không có lệ nói trái lại, sách *Bản nghĩa* chừa lại chỗ đó là phải.

LỜI KINH

初九: 壯于前趾, 往不勝, 為咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Tráng vu tiền chỉ, vãng bất thắng, vi cữu*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Mạnh chưng ngón chân trước, đi thẳng được, là lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Dương mà thể Kiền, là vật cứng mạnh ở trên, mà lại ở dưới, nhằm vào thì *quyết,* là kẻ hăng hái về sự tiến lên, ngón chân trước chỉ sự tiến lên. Người ta *quyết* về việc đi, đi mà nên là phải, đi mà chẳng nên, thì là quyết quá, cho nên đi mà chẳng được là lỗi. Thì quyết mà đi, đi tức là quyết quá, cho nên đi mà chẳng được là lỗi. Thi quyết mà đi, đi tức là quyết, cho nên lấy sự được thua mà nói. Hào Chín ở ngôi Đầu, mà hăng hái về sự tiến lên, tức là nóng nẩy về hành động, cho nên, răn là không được. Âm tuy

---

[1] Theo Trương Trung Khê thì chữ "cư đức tắc ky" nghĩa là "ngừng đức thì kiêng" chứ không phải là ở đức phép ky, như ý Trình Di.

sắp hết, mà mình nóng nẩy hành động tự nhiên phải có cái lỗi "không được", không kể đến bên kia.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "trước" cũng như tiến lên, Đương thì quyết, ở dưới mà tự dùng sự hăng hái của mình, "chẳng được" là đáng, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰：不勝而往，咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất thắng nhi vãng, cữu da.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng được mà đi, là lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người ta làm việc, ắt phải cân nhắc việc đó có thể làm rồi mới *quyết,* thì không có lỗi, Lý không thể thắng mà hãy cứ đi, đủ biết là lỗi. Hễ làm việc mà có lỗi, đều do quyết quá.

LỜI KINH

九二：惕號，莫夜有戎，勿恤.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Dịch hào, mộ dạ hữu nhung, vật tuất.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Sợ kêu, đêm hôm có quân, chớ ngại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Quải là Dương *quyết* với Âm, tức là lúc quân tử *quyết* với tiểu nhân, không thể quên sự răn ngừa. Đương lúc khí Dương sắp cùng cực, mà hào Hai ở giữa, đứng vào chỗ mềm, không đến quá cứng, lại biết răn ngừa, là kẻ khéo xử thì *quyết,* bên trong nhớ sự lo sợ, mà bên ngoài nghiêm sự răn bảo, tuy là đêm hôm có sự binh nhung, cũng có thể không ngại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai đương thì *quyết,* Chất cứng ở ngôi mềm, lại được trung đạo, cho nên nó biết lo sợ kêu gọi, để tự ngăn ngừa, mà dù đêm hôm có việc binh nhung, cũng không lo.

LỜI KINH

象曰：有戎勿恤，得中道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu nhung, vật tuất, đắc trung đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có quân, chớ ngại, được đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đêm hôm nay vó việc binh nhung, là đáng sợ lắm. Nhưng mà có thể không ngại, là vì nó khéo tự xử. Đã được đạo giữa, lại biết sợ hãi và có ngăn ngừa, thì còn việc gì đáng ngại? Hào Chín ở ngôi Hai, tuy được giữa mà không chính, nó được

rất hay, là sao? Đáp rằng: Dương quyết với Âm, quân tử quyết với tiểu nhân mà được giữa, há lại có sự bất chính? Biết thời, biết thế, đó là phương pháp lớn trong việc học *Dịch*.

LỜI KINH

九三: 壯于頄, 有凶, 君子夬夬, 獨行遇雨, 若濡, 有慍, 無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Tráng vu cưu, hữu hung, quân tử quải quải, độc hành ngộ vũ, nhược nhu, hữu uấn, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Mạnh chưng gồ má, có sự hung, đấng quân tử quyết quyết, đi một mình, gặp mưa, đường ướt, có giận, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời hào sai lẫn, ông Hồ An Định đảo lại rằng:壯于頄, 有凶, 獨行遇雨, 若濡, 有慍, 君子夬夬, 無咎 *(Tráng vu cưu, hữu hung, độc hành ngộ vũ, nhược nhu, hữu uấn, hữu quân tử quải quải, vô cữu).* Thế cũng chưa yên, nên chữa thế này:壯于, 頄 有凶, 獨行遇雨, 君子夬夬, 若濡, 有慍, 無咎 *(Tráng vu cữu, hữu hung độc hành ngộ vũ, quân tử quải quải, nhược nhu, hữu uấn, vô cữu).* Quẻ Quải là thì quyết chuộng cứng mạnh, hào Ba ở trên thể dưới, lại đứng vào chỗ cùng tột thể mạnh, là kẻ cương quả về sự quyết, Cưu là xương gò má, ở trên chưa cùng tột bậc trên, hào Ba ở trên thể dưới, tuy là ở trên mà chưa trên nhất, trên còn có vua mà nó tự dùng sự cương quyết của mình, tức là mạnh ở xương gò má, có đạo hung vậy. Đi một mình gặp mưa, nghĩa là: Hào Ba với hào Sáu Trên chính ứng với nhau, đương lúc các hào Dương cùng quyết với một hào Âm, mình nếu vì có ứng riêng, chẳng cùng mọi người mà đi một mình, thì cùng hào Sáu Trên, Âm Dương hòa hợp, cho nên nói rằng gặp mưa. Trong *Kinh Dịch* nói mưa, đều chỉ về Âm Dương hòa hợp. Giữa lúc đạo đấng quân tử lớn lên, quyết trừ kẻ tiểu nhân, mà mình lại riêng hòa nhau với nó, đủ biết là trái. Chỉ có đấng quân tử ở vào thì đó, thì mới có thể quyết quyết, nghĩa là quyết về sự quyết, tức là quả quyết về sự phán đoán vậy - Tuy nó là riêng Tây chung đụng của mình, cũng nên xa tuyệt nó đi, dường như bị nó làm mình ướt bẩn, mà có vẻ giận dữ, như thế thì không tội lỗi. Hào Ba là thể mạnh, ở chỗ chính, không phải tất nhiên có điều lỗi đó, chẳng qua thánh nhân cũng nhân nghĩa đó mà dạy người ta. Lời hào sở dĩ sai lẫn, là vì chữ 遇雨 *(ngộ vũ)* lại có chữ 若濡 *(nhược nhu)* cho nên người ta tưởng lầm là nó liền nhau.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Cưu" là gò má. Hào Chín Ba đương thì quyết, là chất cứng mà quá bậc giữa, ấy là kẻ muốn trừ tiểu nhân,

mà sự cứng mạnh hiện ở mặt mũi. Như thế thì có đạo hung. Nhưng ở trong các hào Dương, nó riêng ứng nhau với hào Sáu Trên, nếu biết quả quyết về sự quyết của mình, mà không vướng về tình yêu riêng, thì tuy hợp với hào Sáu Trên, cũng như đi mình gặp mưa, đến nơi dường ướt mà bị quân tử giận ghét, nhưng sau chót ắt có thể quyết trừ được kẻ tiểu nhân mà không lỗi gì.

LỜI KINH

象曰：君子夬夬，終無咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử quải quải, chung vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử quyết quyết, chót không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vướng mắc về sự yêu riêng, chỉ vì không quyết, quân tử ở liền với nghĩa, quả quyết về đáng quyết, cho nên về sau không đến có lỗi.

LỜI KINH

九四：臀無膚,其行次且,牽羊，悔亡，聞言不信.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Điêu vô phu, kỳ hành tư thư, khiên dương, hối vong, văn ngôn bất tín.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Đít không da, thửa đi chật vật, dắt dê, ăn năn mất, nghe nói chẳng tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đít không da, tức là không ở yên, đi chật vật tức là tiến không lên, chật vật là dáng tiến khó. Hào Chín Tư lấy chất Dương ở ngôi Âm, sự cương quyết không đủ, muốn đậu thì các hào Dương cùng tiến ở dưới, thế không thể yên, nhưng đít không da mà ở không yên vậy, muốn đi, thì ở không mềm, mất sự cứng mạnh, không thể gượng tiến, cho nên sự đi của nó chật vật. Dắt dê, ăn năn mất là sao? Dê là con vật đi đàn, dắt là nghĩa co kéo, ý nói nếu nó tự cường mà dắt kéo để theo đàn cùng đi, thì sự ăn năn của nó sẽ mất. Nhưng nó đã ở ngôi mềm, tất không thể thế, tuy có nghe lời nói ấy đi nữa, cũng ắt không biết tin dùng. Ôi lỗi mà biết đổi nghe lời phải mà biết dùng, nén lòng riêng để theo điều nghĩa, phải kẻ cương minh mới làm được. Ở quẻ khác, hào Chín ở ngôi Tư, lỗi nó chưa tệ đến thế, trong thì quyết mà ở ngôi mềm, thì hại lớn lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương ở ngôi Âm, không giữa không chính, ở thì không yên, đi thì không tiến lên được, nếu biết cùng các hào Dương đưa tiến, mà chịu đi đằng sau nó, thì có thể mất sự ăn năn. Nhưng trong thì quyết, chí ở tiến lên, nó ắt không thể

như thế. Kẻ xem nghe lời đó mà tin thì sẽ chuyển hung ra cát. Người dắt dê chắn đằng trước rẽ thì nó không thể tiến lên, thả nó đi trước mà mình theo sau, thì có thể đi.

LỜI KINH

象曰: 其行次且, 位不當也; 聞言不信, 聰不明也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kỳ hành tư thư, vị bất đáng dã, văn ngôn bất tín, thông bất minh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thửa đi chật vật, ngôi chẳng đáng vậy, nghe nói chẳng tin, sự nghe chẳng sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín ở ngôi Âm, là ngôi chẳng đáng. Lấy chất Dương ở ngôi mềm, mất sự cương quyết, không thể gượng tiến, cho nên sự của nó chật vật. Kẻ cứng mới có thể sáng, ở ngôi mềm thì rời mất cái chính tính rồi, há lại sáng được? Cho nên nghe nói mà không biết tin, là vì sự nghe của nó không được sáng vậy.

LỜI KINH

九五:莧陸夬夬,中行無咎.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Nghiến lục quải quải, trung hàng vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Rau sam quyết quyết, đường giữa không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm tuy là Dương cứng trung chính, ở ngôi tôn, nhưng sát gần với hào Sáu Trên, hào Sáu Trên là thể đẹp lòng, cả quẻ có một hào Âm, hào Dương muốn liền với nó. Hào Năm là chủ việc quyết với hào Âm mà lại liền với hào Âm, thì lỗi lớn lắm, cho nên ắt phải tự quyết sự quyết, như rau sam vậy, thì với đức trung hàng là không có lỗi, trung hàng tức là đường giữa, nghiến lục nay gọi rau sam, phơi đi tuy khô, nhưng nó là vật cảm khí, Âm nhiều, mà giòn dễ gẫy hào Năm nếu như cây rau sam, tuy cảm khi Âm, mà quyết dứt nó dễ dàng, thì với đường giữa, không có lỗi gì. Nếu không thế thì là mất sự trung chính. Trong các vật cảm khí Âm nhiều, rau sam là thứ dễ đứt, cho nên lấy nó làm Tượng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nghiến lục này là cây rau sam, một vật cảm khí Âm nhiều. Hào Chín Năm đương thời quyết, là chủ việc quyết mà sát gần với hào Sáu Trên là một hào Âm, như rau sam vậy, nếu quả quyết mà quyết với nó, lại không làm sự quá dữ, cho hợp với đường giữa, thì không có lỗi. Răn kẻ xem như thế vậy.

LỜI KINH

象曰:中行無咎,中未光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trung hàng vô cữu, trung vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đường giữa không lỗi, giữa chưa sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời hào dẫn nói quyết về sự quyết thì với đường giữa không lỗi, lời Tượng lại giải cho hết nghĩa mà rằng: "Trong chưa sáng vậy". Ông, người ta, lòng ngay, ý thật, mới là hết đạo trung chính, mà dày đặc sáng tỏ, hào Năm trong lòng đã có chỗ "liền", vì nghĩa không thể như thế, mà quyết với nó, thì tuy điều làm ở ngoài, vẫn không mất nghĩa trung chính, có thể không lỗi, nhưng với đạo giữa vẫn chưa được là sáng lớn. Bởi vì lòng người đã có cái muốn, thì là lìa đạo rồi. Đó là ý dạy người sâu lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - *Trình truyện* giải nghĩa đủ rồi.

LỜI KINH

上六:無號,終有凶.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Vô hào, chung hữu hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Không kêu, sau chót có hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương lớn hầu cùng cực, Âm tiền hầu hết, riêng một hào Âm ở chỗ cùng cực, ấy là mọi đấng quân tử được thời, quyết trừ một kẻ tiểu nhân đã nguy cực điểm vậy. Thể nói ắt phải tiêu hết, cho nên nói rằng: Không dùng đến sự kêu gào, sự hãi, sau chót ắt có sự hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kẻ tiểu nhân Âm mềm, ở lúc cùng cực, đảng loại đã hết, không còn kêu gào với ai, sau chót ắt có sự hung. Kẻ xem nếu có đạo quân tử, thì bên địch với mình sẽ đương vào sự hung đó, nếu không thế, thì sẽ trái lại.

LỜI KINH

象曰:無號之凶,終不可長也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô hào chi hung, chung bất khả trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự hung của kẻ không kêu, sau chót không thể dài vậy.

GIẢI NGHĨA

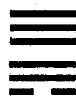
Truyện của Trình Di. - Đạo Dương cương của đấng quân tử, tiến lên mà càng thịnh, đạo kẻ tiểu nhân đã bị cùng cực, tự nhiên tiêu

mất, há lại có thể dài lâu? Tuy kêu gào, cũng không làm gì, cho nên nói rằng: "Sau chót không thể dài". Tiên nho vì thấy trong quẻ có chữ 孚號 *(phu hiệu)*, 惕號 *(dịch hiệu)* muốn chữ 無號 *(vô hào)* cũng đọc là "vô hiệu", cắt nghĩa là "không cần dùng đến hiệu lệnh". Như thế là lầm. Trong quẻ tình cờ có hai chữ khứ thanh[1] một chữ bình thành[2] có hại gì đâu, mà kẻ đọc Dịch lại cứ nghi ngờ chỗ đó? Hoặc có người nói: Đấng thánh nhân với thiên hạ, dẫu kẻ đại ác cũng chưa từng tất nhiên tuyệt nó, nay lại bắt nó không kêu, bảo rằng ắt có sự hung, có thể như thế chăng? Đáp rằng: Thì quyết là lúc đạo kẻ tiểu nhân tiêu mất, quyết trừ đạo kẻ tiêu nhân, há phải giết hết đi đâu, chỉ làm cho nó thay đổi, tức là đạo kẻ tiểu nhân bị mất, mà đạo nó mất tức là sự hung của nó.

---

[1] 2. Ý nói hai chữ đọc là 號 "hiệu" và một chữ đọc là hào.

QUẺ CẤU


Kiền trên
Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Cấu, Tự Quái nói rằng: Quải nghĩa là quyết, quyết ắt có gặp, cho nên tiếp đến quẻ Cấu. Cấu là gặp, quyết là ghẽ ra[1]. Các vật quyết ghẽ thì có gặp hợp, cái gốc hợp nhau, thì có thể gặp nhau, vì vậy quẻ Cấu mới nối quẻ Quải. Nó là quẻ Kiền trên, Tốn dưới, lấy hai thể mà nói, thì là gió đi dưới trời, dưới trời tức là muôn vật, gió đi, không đâu mà trả đụng, tức là Tượng "gặp". Lại, một hào Âm mới sinh ở dưới tức là Âm với Dương gặp nhau, cho nên là Cấu.

Lời bàn của Tiên Nho. - Phùng Hậu Trai nói rằng: Trong *Kinh Dịch*, cổ, chữ 姤*(cấu)* viết làm chữ 遘 *(cấu)*, nghĩa là gặp, cũng là dâu gia, lấy sự con gái gặp con trai làm Tượng. Bản *Kinh Dịch* của Vương Thù mới đổi ra chữ ngày nay[2], ở Tạp quái còn là chữ đời cổ[3], bản *Kinh Dịch* của Trịch Huyền cũng vậy.

LỜI KINH

姤，女壯，勿用取女

Dịch âm. - *Cấu, nữ tráng, vật dụng thú nữ.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Cấu, con gái mạnh, chớ dùng lấy con gái.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Một khi Âm mới sinh, từ đó mà lớn dần dần, rồi đến thịnh lớn, đó là con gái sắp sửa lớn mạnh, Âm lớn thì Dương tiêu, con gái mạnh thì con trai yếu, cho nên nói rằng: "Chớ lấy hạng con gái như thế". Lấy vợ muốn được những người mềm mỏng, thuận theo, để làm cho nên đạo nhà. Quẻ Cấu là khí Âm tiến, dần dần mạnh lên mà địch nhau với khí Dương, cho nên không thể lấy. Con gái mạnh dần thì mất sự chính đính trong đạo trai gái, thế là đạo nhà hỏng rồi. Quẻ Cấu tuy một hào Âm rất nhỏ, nhưng nó có cơ lớn dần, vì vậy phải răn.

---

[1] Chia ra, tách ra, phân biệt.
[2] Tức là chữ 姤 (cấu)
[3] Tức là chữ 遘 (cấu)

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cấu nghĩa là gặp, *quyết* hết thì là quẻ thuần Kiền, tức là quẻ về tháng Tư, đến quẻ Cấu, rồi một khí Âm có thể hiện được, mới quẻ tháng Năm. Vì nó vốn không phải cái là mong đợi, thình lình gặp nó, như kẻ chẳng hẹn mà gặp, cho nên là *gặp, sự gặp,* như thế đã bất chính rồi. Lại một hào Âm mà gặp đến năm hào Dương, thì là đức của con gái không trinh mà lại mạnh lắm. Lấy người ấy để sánh với mình, ắt là làm hại đến khí Dương, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：姤遇也，柔遇剛也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Cấu ngộ dã nhu ngộ cương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Cấu là gặp vậy, mềm gặp cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa Cấu là gặp. Quẻ này mà là quẻ Cấu vì chất mềm gặp chất cứng, một Âm mới sinh, bắt đầu gặp Dương.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

勿用取女，不可與長也.

Dịch âm.- *Vật dụng thú nữ, bất khả dữ trường dã.*

Dịch nghĩa. - Chớ dùng lấy con gái, chẳng khá cùng dài lâu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Một Âm đã sinh, dần dần lớn thịnh, Âm thịnh thì Dương phải suy, lấy con gái muốn ở với nhau dài lâu, để thành cửa nhà, khí Âm dương thịnh dần đó, sẽ làm tiêu mất khí Dương, không thể cùng nó ăn ở lâu dài, cho nên nói rằng: Chớ lấy những người con gái như thế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích lời quẻ.

LỜI KINH

天地相遇，品物咸章也.

Dịch âm. - *Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã.*

Dịch nghĩa. - Trời đất gặp nhau, các phẩm các vật đều rõ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Cấu, Âm mới sinh ở dưới, gặp nhau với Dương, tức là trời đất gặp nhau. Trời đất không gặp nhau,

thì muôn vật không thể sinh ra; trời đất gặp nhau thì sẽ hóa nuôi mọi loài. Các phẩm các vật đều rõ, tức là muôn vật rõ rệt vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thể quẻ mà nói.

LỜI KINH

剛遇中正，天下大行也.

Dịch âm. - *Cương ngộ trung chính, thiên hạ đại hành dã.*

Dịch nghĩa. - Cứng gặp giữa chính thiên hạ cả thi hành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy tài quẻ mà nói, hào Năm và hào Hai đều lấy chất Dương cứng ở vào ngôi giữa và chính, đó là lấy sự giữa chính gặp nhau. Ông vua được người bề tôi cứng giữa, bề tôi gặp ông vua giữa chính, vua tôi lấy chất Dương cứng gặp kẻ giữa chính thì đạo của họ có thể cả được thi hành ở thiên hạ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây chỉ về hào Chín Năm.

LỜI KINH

姤之時，義大矣哉

Dịch âm. - *Cấu chi thì nghĩa đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Thì nghĩa của quẻ Cấu vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Khen thì quẻ Cấu và nghĩa quẻ Cấu rất lớn. Trời đất không gặp nhau thì muôn vật không sinh, vua tôi không gặp nhau, thì chính trị không dấy lên, thánh hiền không gặp nhau thì đạo đức không hanh thịnh, sự vật không gặp nhau thì công dụng không thành. Thì và nghĩa quẻ Cấu đều rất lớn cả.

LỜI KINH

象曰：天下有風，姤，後以施命誥四方.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thiên hạ hữu phong, Cấu, hậu dĩ thi mệnh cáo tứ phương.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dưới trời có gió, là quẻ Cấu vui coi đó mà ra mệnh bảo bốn phương.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gió đi dưới trời, không đâu không khắp, kẻ làm vua chúa coi tượng quay khắp đó để thi hành mệnh lệnh, bảo khắp bốn phương. Giá đó trên đất, với dưới trời có gió, đều là Tượng "quanh khắp mọi vật" mà đi ở trên đất, khắp đụng muôn vật thì là quẻ Quán, đó là Tượng, từng trải xem xét vậy, "đi ở dưới trời quanh khắp bốn phương" thì là quẻ Cấu, đó là Tượng thi hành mệnh lệnh

vậy. Các Tượng, hoặc nói "đấng tiên vương", hoặc nói "vua", hoặc nói "đấng quân tử", bậc "người lớn", nói "đấng tiên vương" như "đấng tiên vương" dùng để lập phép, dựng nước, dấy nhạc, xét các phương, truyền pháp, đóng ải, nuôi các vật, cúng trời, nói "vua" là việc vua chúa thửa làm, như "sử nên đạo trời đất" "ra mệnh bốn phương", "quân tử" là tiếng gọi chung người trên người dưới, "người lớn" thì tiếng gọi tước vương công.

LỜI KINH

初六：繫于金柅，貞吉，有攸往，見凶，羸豕孚蹢躅.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Hệ vu kim nỷ, trinh cát, hữu du vãng, kiến hung, luy thỉ phu chích chúc.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Buộc chưng neo sắt, chính tốt, có thửa đi, thấy hung, con lợn còm tin nhảy nhót.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cấu là quẻ khí Âm mới sinh mà sắp lớn, một hào Âm đã sinh thì nó lớn lên mà thịnh dần, Âm lớn thì Dương tiến, tức là đạo kẻ tiểu nhân lớn lên vậy, ngăn nó phải từ khi còn nhỏ mà chưa thịnh. Neo là vật để ngăn cái xe, dùng sắt mà làm, rắn cứng đến tột bậc vậy. Ngăn bằng neo sắt mà lại buộc lại, tức là ngăn nó bằng cách bền chặt. Ngăn thật bền chặt, khiến nó không tiến, thì đạo Dương cứng, trinh chính được tốt. Để nó tiến lên thì nó thịnh dần, mà hại khí Dương, đó là thấy hung. "Con lợn còm tin nhảy nhót", tức là đấng thánh nhân làm ra lời răn lần nữa, nói rằng "khí Âm dù nhỏ cũng không thể quên". Lợn là loài vật Âm nóng, cho nên dùng làm xý dụ. Con lợn còm yếu tuy chưa mạnh tợn, nhưng mà bụng nó vẫn để ở sự nhảy nhót. Khí Âm nhỏ mà ở dưới, có thể bảo là còm yếu, nhưng mà bụng nó vẫn để ở sự làm tiêu khí Dương. Đấng quân tử và kẻ tiểu nhân vẫn là khác đạo, kẻ tiểu nhân dù lúc nhỏ yếu, chưa từng không có bụng hại quân tử, đề phòng từ khi còn nhỏ, thì nó không thể làm gì.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Neo là cái để ngăn xe, dùng sắt mà làm, đủ biết là cứng. Một khí Âm mới sinh, im lặng chính đính, thì tốt, đi mà tiến lên thì hung. Cho nên dùng hai nghĩa đó răn kẻ tiểu nhân, khiến nó không làm hại đấng quân tử, thì chỉ có tốt mà không có hung. Nhưng mà thế nó không thể ngăn nổi, cho nên phải lấy "con lợn nhảy nhót" mà bảo đấng quân tử, để họ phòng bị cho nghiêm.

LỜI KINH

象曰：繫于金柅，柔道牽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hệ vu kim nỷ, nhu đạo khiên dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Buộc chưng neo sắt, đạo mềm kéo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kéo là dắt cho tiến lên. Khí Âm mới sinh mà tiến dần, tức là đạo mềm đương được dắt kéo. Buộc vào neo sắt, là để ngăn cản sự tiến của nó, không cho nó tiến, thì nó không thể làm tiêu chính đạo, mới là chính tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kéo là tiến lên. Vì nó tiến lên, cho nên ngăn lại.

LỜI KINH

九二：包有魚，無咎，不利賓.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Bao hữu ngư, vô cữu, bất lợi tân.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Bọc có cá, không lỗi chẳng lợi khách.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cấu tức là gặp, Hào Hai với hào Đầu liền xát với nhau, tức là gặp nhau. Ở quẻ khác, thì hào Đầu chính ứng với hào Tư, ở quẻ Cấu thì lấy sự gặp làm trọng. Cái đạo gặp nhau, chủ ở chuyên nhất, hào Hai cứng giữa, sự gặp của nó vẫn bằng lòng thật, nhưng hào Đầu là kẻ Âm mềm, có các hào Dương ở trên, mà nó lại là kẻ ứng với, ấy là chí nó định tìm. Những vật Âm mềm, ít khi chính bền, hào Hai với hào Đầu, khó mà được lòng thành của nó. Kẻ "gặp" không được lòng thành, tức là trái với đạo "gặp". Bọc là đùm gói, cá là thứ ngon trong loài Âm. Dương với Âm là vật mà nó vui thích, cho nên mới lấy Tượng cá. Hào hai với hào Đầu, nếu mà có thể cố nuôi chứa nó, như trong bọc gói có cá, thì với đạo "gặp" là không có lỗi. Khách là kẻ ở ngoài đến, "chẳng lợi khách", nghĩa là cá trong bọc gói, há lại có thể được đến phần khách? Ý nói không thể kịp đến người ngoài. Đạo "gặp" nên chuyên nhất, nếu đã đến hai thì là lạp nhạp.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cá là loài Âm, hào Hai với hào Đầu gặp nhau, là Tượng trong bọc có cá. Nhưng mà chế nó vẫn là ở mình, cho nên có thể không lỗi, nếu không chế nó mà để nó gặp nhiều người, thì sự nó làm hại rộng lắm, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰：包有魚，義不及賓也.

Dịch âm. *Tượng viết: Bao hữu ngư, nghĩa bất cập tân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bọc có cá, nghĩa chẳng kịp khách vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai gặp hào Đầu, không thể để nó hai lòng với người khác, nên như bọc gói có cá. Cá trong bọc gói, nghĩa không đến phần khách khứa.

LỜI KINH

九三：臀無膚，其行次且，厲，無大咎.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Điến vô phu, kỳ hành tư thư, lệ! Vô đại cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Đít không da, thửa đi chật vật, nguy! Không lỗi lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai với hào Đầu đã gặp nhau, hào Ba thích hào Đầu mà liền sát với hào Hai, không phải chỗ yên ổn của nó, lại bị hào Hai thửa ghét, sự ở của nó không yên, như đít không da vậy. Ở đã không yên thì nên đi đi, mà ở thì "gặp", chí nó chỉ cầu được *gặp,* một hào Âm ở dưới là chỗ mà nó vẫn muốn, cho nên ở dẫu không yên, mà đi thì lại chật vật, chật vật tức là bộ dạng tiến lên khó khăn, nghĩa là không thể bỏ ngay. Nhưng hào Ba là bậc cương chính mà ở thể Tốn, có nghĩa không mê đến cùng. Nếu biết thế là bất chính mà nhớ lo sợ không dám động can, thì có thể không có lỗi lớn. Dùng kiểu phi nghĩa mà cầu cho gặp, vẫn là có lỗi rồi, biết nguy mà thôi, thì sẽ không đến lỗi lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Ba quá cứng không giữa, phía dưới không gặp với hào Đầu, phía trên không ứng với hào Trên ở thì không yên, đi thì không tiến lên được, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Nhưng đã không gặp thì không bị hại về kẻ âm tà, cho nên, dù có nguy lo mà không có lỗi lớn.

LỜI KINH

象曰：其行次且，行未牽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kỳ hành tư thư, hành vị khiên dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thửa đi chật vật, đi chưa kéo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lúc đầu chí nó cầu *gặp* hào Đầu, cho nên sự đi chầm chậm. "Chưa kéo" nghĩa là không giục sự đi của mình. Đã biết là nguy mà đổi lại, cho nên không đến lỗi lớn.

LỜI KINH

九四：包無魚，起凶.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Bao vô ngư, khởi hung.*

Dịch âm. - Hào Chín Tư: Bọc không cá, dấy hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bọc là cái đùm chứa, cá là vật nó lấy làm ngon. Hào Tư với hào Đầu là chính ứng, đáng lẽ phải gặp nhau, mà hào Đầu đã gặp hào Hai, thì nó bị mất sự gặp của nó, cũng như trong bọc không có cá, tức là mất cái vẫn có. Hào Tư đương thì *gặp gỡ*, ở ngôi trên mà mất kẻ dưới, kẻ dưới lìa mình, vì mình thất đức, cái lỗi của hào Tư, chỉ tại nó không trung chính. Vì không trung chính mà mất dân chúng, cho nên mới hung. Có người nói rằng: Hào Đầu theo hào Hai, là vì gần nhau, há phải tội của hào Tư? Đáp rằng: Đứng về hào Tư mà nói, theo nghĩa thì nó nên phải có lỗi, không giữ được dân, vì nó mất đạo, há có lẽ nào người trên không mất đạo mà kẻ dưới lìa bỏ? Trông đạo gặp, vua, tôi, dân, chủ, vợ, chồng, bè bạn, đều ở tại đó, hào Tư vì bị kẻ dưới lìa bỏ, cho nên mới chủ về dân mà nói. Làm người trên mà bị kẻ dưới lìa bỏ, ắt có hung biến. "Dấy" là sắp sửa sinh ra, lòng dân đã lìa, nạn sắp lên rồi đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Đầu là chính ứng của hào Tư, đã gặp hào Hai mà không tới mình, (chỉ hào Tư), cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：無魚之凶，遠民也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vô ngư chi hung, viễn dân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái hung của sự - không cá, vì xa dân vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ dưới lìa bỏ, là do ở mình làm ra, xa dân là mình xa họ, tức là kẻ làm người trên có cái khiến cho họ lìa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dân họ xa mình, cũng như là mình xa họ.

LỜI KINH

九五：以杞包瓜，含章，有隕自天.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Dĩ kỷ bảo qua, hàm chương, hữu vẫn tự thiên.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: lấy cây kỷ bọc quả dưa, ngậm văn vẻ, có sa tự trời.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm phía dưới cũng không có ứng, nhưng vì nó được đạo *gặp,* cho nên ắt là có gặp. Ôi, trên dưới

gặp nhau là vì tìm nhau. Kỷ là thứ cây cao mà lá lớn, ở cao thể lớn có thể bọc được vật khác là cây kỷ, quả tốt ở dưới là quả dưa. Tốt mà ở dưới, là Tượng người hiền ở chốn ẩn vi, hào Chín Năm cao ở ngôi vua mà xuống phía dưới tìm người hiền tài, lấy kẻ cao tìm kẻ rất thấp, cũng như lấy lá cây kỷ mà bọc quả dưa, có thể hạ mình uốn mình như thế, lại đức trung chính chứa ở bên trong của nó dày đặc rỡ ràng, kẻ làm vua như thế, thì không lẽ nào không *gặp* cái người mình tìm. Tuy là uấn mình để tìm người hiền, nhưng nếu đức mình không chính, người hiền cũng không thèm, cho nên ắt phải ngậm chứa văn vẻ, bên trong chứa lòng chí thành, thì sẽ có sa tự trời, cũng như nói rằng tự trời mà xuống, nghĩa là ắt được vậy. Từ xưa kẻ làm vua chí thành hạ mình, uấn mình, lấy đạo trung chính mà tìm người hiền trong thiên hạ, chưa có người nào không gặp. Vua Cao Tôn cảm khí mơ màng[1], vua Văn Vương gặp lúc chài câu[2] đều bởi cách đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dưa là Âm ở dưới, ngọt ngon mà hay vỡ, kỷ là thứ cây cao lớn rắn đặc, hào Năm lấy đức Chương cứng giữa chính, làm chủ cả quẻ ở trên, mà phía dưới phòng bị loài Âm mới sinh và ắt vỡ, Tượng nó như thế. Nhưng mà Âm Dương đắp đổi hơn được, là sự thường của thì vận, nếu biết ngậm che văn vẻ, im lặng mà chế nó, thì sẽ có thể xoay lại được cơ tạo hóa. "Có sa tự trời" là Tượng "vốn không mà thình lình có" vậy.

LỜI KINH

象曰：九五含章，中正也，有隕自天，志不舍命也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Ngũ hàm chương, trung chính dã, hữu vẫn tự thiên, chí bất xả mệnh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Chín Năm ngậm văn vẻ, giữa chính vậy, có sa tự trời, chí chẳng bỏ mệnh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Mệnh" là lẽ trời, "bỏ" tức là trái. Chí thành trung chính, uấn mình để tìm người hiền, chí muốn hợp với lẽ trời, vì vậy mới "có sa tự trời", nghĩa là ắt được cái người mình tìm.

---

[1] Theo Kinh Thư, vua Cao Tôn nhà Thương nằm mơ thấy một người hiền, thức dậy liền vẽ hình tượng người ấy sai sứ đi tìm, đến đất Phó Nham, gặp ông Phó Duyệt đương đắp tượng thuê ở đó, bèn mời về triều, cho làm tể tướng.

[2] Theo Sử ký, vua Văn Vương khi sắp đi săn có bói một quẻ, lời quẻ bảo là sẽ gặp người hiền, quả nhiên khi đến Bàn Khê, gặp ông Khương Thượng ngồi câu ở đó, liền chở lên xe đem về và phong làm chức Thượng phủ.

LỜI KINH

上九: 姤其角, 吝, 無咎.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Cấu kỳ giốc, lận, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Gặp thửa sừng, đáng tiếc, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Rất cứng mà ở chỗ cao là cái sừng, hào Chín lấy chất cứng ở ngôi trên, cho nên lấy sừng làm tượng. Người ta *gặp* nhau, là do ở sự hạ mình uấn mình để theo nhau, hòa thuận để tiếp nhau, cho nên có thể hợp nhau, hào Chín Trên cao quá, cứng quá người ta ai còn đi cùng với nó? Dùng các đó mà cầu sự *gặp* vẫn là đáng tiếc. Mình đã như thế thì người ta xa mình, không phải là tội người ta; bởi mình làm ra, không thể đổ lỗi cho ai[1].

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sừng là vật cứng mà ở trên. Hào Chín Trên lấy chất cứng ở bậc trên, mà không có ngôi. Không được *gặp* kẻ đáng gặp, cho nên Tượng, Chiêm của nó cũng giống như hào Chín Ba.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lý Long Sơn nói rằng: Trong thì gặp, mình (chỉ hào Chín Trên) riêng *cứng cang,* không hợp với người, đó là cách đáng tiếc. Nhưng Âm đương lớn lên mà Dương muốn hợp với nó, cần phải có cái chế nó như buộc như bọc mới được, chế nó nếu lỡ, ắt bị Âm tà làm hại. Riêng hào Chín Trên chót vót ở trên, *cứng cang* tuyệt với mọi người, tuy là không hợp với ai, nhưng cũng không gần Âm tà, có thể khỏi bị sự lo bất ngờ.

Hồ Vân Phong nói rằng: Hào Chín Ba lấy chất cứng ở trên quẻ dưới, với hào Âm Đầu không *gặp,* cho nên tuy nguy mà không lỗi lớn: hào Chín Trên lấy chất cứng ở trên quẻ trên, với hào Âm Đầu cũng không được *gặp,* cho nên tuy là không *gặp* mà cũng không lỗi. Sự *gặp* đã không phải chính đạo, thì sự không *gặp* không đủ là lỗi.

LỜI KINH

象曰: 姤其角, 上窮吝也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cấu kỳ giốc, thượng cùng lận dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gặp thửa sừng, trên cùng, đáng tiếc vậy.

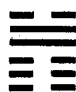
---

[1] *Chữ "không thể đổ lỗi cho ai" thì khác hẳn những chữ "không lỗi" khác, mà cũng* trái với văn pháp của chữ 無咎 (vô cữu).

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã ở chỗ cùng bậc trên, tính cứng cũng tột bậc, ấy là trên cùng mà đến đáng tiếc. Lấy chất cực cứng, ở ngôi cao mà cầu sự *gặp*, chẳng cũng khó sao?

QUẺ TỤY


Đoái trên
Khôn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tụy, Tự Quái nói rằng: Cấu là gặp, các vật gặp nhau rồi sau mới họp, cho nên tiếp đến quẻ Tụy. Tụy là họp, các vật gặp gỡ với nhau thì phải thành đàn, vì vậy quẻ Tụy mới nối quẻ Cấu. Nó là quẻ Đoái trên Khôn dưới, chằm lên trên đất, tức là nước tụ, cho nên là họp. Không nói "chằm ở trên đất" mà nói "chằm lên trên đất" là vì nó "lên trên đất" thì là nghĩa tụ họp.

LỜI KINH

萃亨，王假有廟.

Dịch âm. - *Tụy hanh, vương cách[1] hữu miếu.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tụy hanh, vua đến có miếu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ông vua có đạo tụ họp thiên hạ đến chưng có miếu là tột bậc rồi[2]. Các loài là thứ rất nhiều, mà có thể thống nhất sự quy ngưỡng của chúng, lòng người là thứ không biết nơi đâu là nơi chốn, mà có thể cho họ phải thành kính, quỷ thần là đấng không thể lường biết, mà có làm cho các ngài lại đến, cái đạo tụ họp lòng người, tóm thu chí dân, không phải chỉ có một đường, nhưng trong đó, không gì lớn bằng tôn miếu, cho nên đạo họp thiên hạ của kẻ làm vua, đến chưng có miếu thì tột bậc của *sự họp*. Việc báo đáp trong cuộc tế tự vốn ở lòng người mà ra, đấng thánh nhân đặt ra lễ nghi để làm cho nên đức ấy, cho nên con chồn, con gái, cũng đều biết tế, tính nó như vậy. Quẻ Tụy có chữ 亨 *(hanh),* tức là lời khen ngợi, chữ 亨 *(hanh)* phải ăn xuống dưới, khác với quẻ Hoán. Quẻ Hoán trước nói tài quẻ, quẻ Tụy trước nói nghĩa Quẻ, ý đó coi ở lời Thoán rất rõ.

---

[1] Chữ (cách), xưa vẫn cắt nghĩa là "đến", tiếng "đến" này có khi nói về quỷ thần. Khi cúng, được quỷ thần về hưởng, đó tức là "đến".

[2] Ý nói ông vua có cách tụ họp khôn khéo, đến nỗi khi cúng tôn miếu quỷ thần về hưởng, thì là kết quả tột bậc

LỜI KINH

利見大人，亨，利貞.

Dịch âm. - *Lợi kiến đại nhân, hanh, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Lợi thấy bậc người lớn, hạnh, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thiên hạ họp lại, phải được bậc người lớn trị cho. Người họp thì loạn, vật họp thì tranh nhau, các việc họp lại thì lộn xộn, không có bậc người lớn trị cho, thì sự họp tức là cái đưa đến sự tranh loạn. Họp lại bằng cách bất chính, thì người họp là cẩu hợp[1] của họp là hội nhập[2], không thể được hanh, cho nên lợi về chính bền.

LỜI KINH

用大牲，吉，利有攸往.

Dịch âm. - *Dụng đại sinh cát, lợi hữu du vãng.*

Dịch nghĩa. - Dùng con sinh, lớn, tốt, lợi có thửa đi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tụy là thời phong hậu, sự dùng nên cho xứng đáng, cho nên dùng con sinh lớn thì tốt. Việc không gì trọng bằng việc tế, cho nên lấy việc cúng tế, mà nói: Trên thì giao với quỷ thần, dưới thì tiếp với nhân vật, trăm thứ dùng đều vậy. Nhưng đương thời họp mà giao với người bằng cách hậu kỹ, thì ta được hưởng cái tốt của sự phong phú, thiên hạ không ai không chung cuộc giàu vui của mình. Nếu gặp thời phong hậu mà mình giao thiệp với người bằng cách bôi bác, thì là tự mình không muốn hưởng sự giàu đẹp, thiên hạ chẳng ai chung chạ với mình, mà sự hối tiếc sẽ sinh ra. Đó là theo sự thích nghi của từng thời, thuận lẽ mà làm, cho nên lời Thoán nói là thuận mệnh trời. Ôi, không thể có làm là vì sức không đủ làm, gặp thời họp, cho nên lợi có thửa đi, Đại phàm dấy công dựng việc, quý ở được thời đáng làm, mà sau nhúng tay vào đâu sẽ được dư dụ ở đấy, lẽ trời thế vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tụy nghĩa là hợp, Khôn thuận mà Đoái đẹp lòng, hào Chín Năm cứng giữa mà hào Hai ứng nhau với nó, lại là cái Tượng chằm lên trên đất, muôn vật tụ họp, cho nên là Tụy. Chữ 亨 *(hanh)* là chữ thừa. "Vua đến có miếu" nghĩa là kẻ làm vua có

---

[1] Nghĩa là tụ bạ bằng cách cẩu thả.

[2] Nghĩa là đi vào bằng cách bất chính.

thể đến trong tôn miếu, tức là là lời Chiêm tốt lành về việc bói tế vậy. Thiên *Tế nghĩa* (ở *Kinh Lễ*) nói "Ông đến chưng nhà thái miếu" cũng là nghĩa thế. Miếu là chỗ để họp tinh thần của ông cha, lại, người ta ắt phải họp tinh thần của mình thì mới có thể đến miếu mà vâng ông cha. Người đã họp lại, thì ắt thấy bậc người lớn mà sau có thể được hanh, nhưng lại ắt phải lợi về chính đạo mới được, họp nhau không bằng chính đạo thì không thể hanh. Con sinh lớn ắt phải dùng đến rồi sau mới có sự họp, thì có thể thửa đi. Đều là lời Chiêm tốt lành mà phải có sự răn sợ.

LỜI KINH

彖曰：萃，聚也.順以說，剛中而應，故聚.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tụy tụ dã, thuận dĩ tuyệt, cương trung nhĩ ứng, có tụ.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Tụy là họp vậy, thuận và đẹp lòng, cứng giữa mà có ứng, cho nên họp.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa là của chữ Tụy là họp, Thuận và đẹp lòng, là lấy tài quẻ mà nói. Trên đẹp lòng mà dưới thuận, là nghĩa người trên dùng cách đẹp lòng sai dân mà thuận với lòng người, kẻ dưới đẹp lòng về chính lệnh của người trên mà thuận theo với người trên. Đã trên dưới thuận và đẹp lòng, lại Dương cứng ở ngôi trung chính mà dưới có ứng giúp như thế, cho nên thể họp được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy đức quẻ, thể quẻ thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

王假有廟，致孝享也.

Dịch âm. - *Vương cách hữu miếu, trí hiếu hưởng dã.*

Dịch nghĩa. - Vua đến có miếu, đem hết sự hiếu hưởng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo kẻ làm vua họp lòng người, đến chưng xây dựng tôn miếu, là để làm hết lòng thành về sự hiếu hưởng của mình vào đó. Tế tự là việc người ta tự phải hết lòng, cho nên họp lòng thiên hạ, không gì bằng việc hiếu hưởng. Đạo kẻ làm vua họp thiên hạ đến chưng có miếu, thì là tột bậc vậy.

LỜI KINH

利見大人亨，聚以正也.

Dịch âm. - *Lợi kiến đại nhân, hanh, tu dĩ chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi thấy người lớn, hanh, họp bằng chính đạo vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thì "họp", thấy bậc người lớn thì có thể hanh, là vì họp bằng chính đạo vậy. Thấy bậc người lớn, thì sự họp của mình sẽ dùng chính đạo, hễ được chính đạo thì hanh, chẳng dùng chính đạo thì hanh sao được?

LỜI KINH

用大牲吉，利有攸往，順天命也.

Dịch âm. - *Dụng đại sinh cát, lợi hữu du vãng, thuận thiên mệnh dã.*

Dịch nghĩa. - Dùng con sinh lớn, tốt lợi có thửa đi, thuận mệnh trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Dùng con sinh lớn" là nói theo chữ "có miếu" ở trên, lấy việc cúng tế mà nói, các việc đều thế, trong thì *giàu họp* giao tiếp với người nên hậu, mới xứng với sự thích nghi. Người ta họp lại mà sức đủ, mới có thể làm việc, lợi có thửa đi: đều là lẽ trời như thế, cho nên nói rằng "thuận mệnh trời".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích lời quẻ.

LỜI KINH

觀其所聚而天地萬物之情可見矣.

Dịch âm. - *Quan kỳ sở tụ nhi thiên địa vạn vận chi tình khả kiến hỹ.*

Dịch nghĩa. - Xem cái thửa họp, mà tình trời đất muôn vật khá thấy vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xe lẽ sự "họp", có thể thấy được tình của trời đất muôn vật. Trời đất hóa nuôi, muôn vật sinh nên, phàm những cái "có" đều là họp cả. Cái lẽ có không, động tĩnh, trước sau, chỉ là họp và tan mà thôi. Cho nên xem cái sở dĩ họp lại, thì tình trời đất muôn vật có thể thấy được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là nói cho cùng cái lẽ của nó mà khen ngợi thêm.

LỜI KINH

象曰：澤上於地，萃，君子以除戎器，戒不虞.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch thượng ư địa, Tuy, quân tử dĩ trừ nhung khí, giới bất ngu.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chằm lên chưng đất, là quẻ Tụy, đấng quân tử coi đó mà trừ đồ quân, răn sự chẳng lường.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chằm lên chưng đất, là Tượng tụ họp, đấng quân tử xem Tượng "họp" đó mà trừ, sửa đồ binh, để răn ngừa việc chẳng lường. Phàm vật họp lại, thì phải có việc không thể lường đoán, cho nên loài người họp lại thì tranh nhau, loài vật họp lại thì cướp nhau, đại để chỉ vì đã họp thì nhiều, cho nên xem Tượng quẻ Tụy mà răn sợ sẵn. *Trừ* là kén chọn sửa trị, tức là bỏ cái nát xấu. Trừ mà họp, là để răn ngừa việc chẳng lường.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Trừ" là sửa sang mà họp nó lại.

LỜI KINH

初九：有孚，不終，乃亂，乃萃，若號，一握為笑，勿恤，往無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Hữu phu, bất chung, nãi loạn, nãi tụy, nhược hào, nhất ác vi tiếu, vật tuất, vãng vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Có tin, không chót, bèn loạn, bèn họp, bằng kêu, một nắm làm cười, chớ lo, đi không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu với hào Tư là chính ứng, vốn có sự tin để theo sau. Nhưng trong thì *họp,* ba hào Âm tụ lại, chất mềm không có cái tiết tự giữ chính đạo, nếu bỏ chính ứng mà theo đồng loại của mình, thì là có tin mà không chốt. Bèn loạn nghĩa là loạn rối lòng mình; bèn họp, nghĩa là cùng đồng loại mình tụ họp. Hào Đầu nếu tự giữ chính đạo, không theo các hào Âm mà kêu gọi chính ứng, thì một nắm cười nó. "Một nắm" tiếng tục tức là một đoàn, ý nói mọi người lấy làm cười vậy. Nếu nó không lo đến sự cười đó mà cứ đi theo chính ứng Dương, thì là không có tội lỗi. Không thể thì sẽ vào đàn tiểu nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Đầu phía trên ứng nhau với hào Chín Tư, mà bị cách hai hào Âm, đương thì *họp,* nó không tự giữ mình được ấy là có tin mà không chót, chí loạn mà họp càn. Nếu nó kêu gọi kẻ chính ứng thì chúng lấy làm cười. Nhưng chớ đoái lo, mà cứ đi theo kẻ chính ứng thì không có lỗi. Răn kẻ nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰：乃亂，乃萃，其志亂也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nãi loạn, nãi tụy, kỳ chí loạn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bèn loạn, bèn họp, thửa chí loạn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tâm chí nó bị kẻ đồng loại làm cho mê loạn, cho nên nó bèn họp với các hào Âm. Không thể cầm chắc sự thao thủ của mình, thì kẻ tiểu nhân làm cho mê loạn, mà mất chính đạo vậy.

LỜI KINH

六二：引吉，無咎，孚乃利，用禴.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Dẫn cát, vô cữu, phu nãi lợi, dụng Thược.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Dẫn tốt, không lỗi, tin bèn lời, dùng tế Thược.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu Âm mềm, lại không trung chính, sợ nó không thể giữ chót sự tin, cho nên mới nhân tài nó mà làm lời răn. Hào Hai tuy là Âm mềm mà được trung chính, cho nên, tuy cũng răn, nhưng lời nhẹ nhàng. Phàm những lời hào khơi ra hai mối được và hỏng, để làm phép và để làm răn, đều là theo tài của nó mà đặt ra vậy. *Dẫn tốt không lỗi* là gì? Dẫn tức kéo nhau, người ta tìm nhau thì hợp, *giữ nhau* thì lìa, hào Hai với hào Năm là chính ứng, nên phải họp nhau, mà nó xa nhau, lại ở giữa các hào Âm, ắt phải dẫn kéo lẫn nhau thì mới được họp. Hào Năm ở ngôi tôn, có đức trung chính, hào Hai cũng lấy đạo trung chính đi họp với nó, ấy là vua tôi hòa hợp, cái mà chúng nó cùng nhau đem lại há có thể lường? Thế cho nên tốt mà không lỗi. Không lỗi nghĩa là khéo chữa lỗi đó. Nếu hào Hai với hào Năm không kéo dẫn nhau, thì là lỗi rồi. *Tin bèn lợi dùng Tế Thược* là gì? Tin là đức tín ở trong, tức là lòng thành, Thược là thứ tế giản dị đơn sơ, tế bằng những món xuềnh xoàng, tức là không cần đủ đồ, chỉ dùng lòng thành giao tiếp với đấng thần minh. "Tin bèn" nghĩa là có lòng tin thì có thể không cần văn sức, chuyên lấy lòng chí thành giao tiếp với người trên. Lấy việc tế Thược mà nói, ý bảo chỉ dâng lòng thành mà thôi. Kẻ trên, người dưới họp nhau, mà còn chuộng sự văn sức, thì là chưa thực. Bên trong đã thực, không cần mượn sự trang sức bề ngoài, đó là nghĩa chữ "dùng tế Thược". Phu tín là gốc sự *hợp,* chẳng những vua tôi họp nhau, hết thảy sự họp ở gầm trời, chỉ ở lòng thành mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai ứng với hào Năm mà ở lẫn trong các hào Âm, ắt phải kéo dẫn nhau mà họp, mới tốt mà không lỗi. Lại hào Hai trung chính mềm, thuận, trống rỗng trong lòng để ứng nhau với bề trên. Hào Chín Năm cứng mạnh trung chính, thành

thực mà giao với kẻ dưới, cho nên dâng tế hễ có lòng thành tín, thì tuy lễ vật đơn sơ cũng có thể tế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Câu "Tín bèn lợi, dùng tế Thược" giải như Y Xuyên vẫn hay, nhưng, nếu như thế, thì ra thánh nhân chỉ nói cái bóng, e rằng nó không phải vậy mà chỉ là nói việc tế. Quẻ thăng cũng thế.

Chu Hán Thượng nói rằng: Thược là tế về mùa hè, lấy âm nhạc làm chủ, tức là cuộc tế sơ sài vậy.

Hồ Song Hồ nói rằng: Sách *Chu Lễ* có câu: "Quan Đại tôn bá dùng tế Thược mùa hè cúng đấng tiên vương", họ Vương chua rằng: "Mùa hè thì khí Dương thịnh, việc cúng lấy nhạc làm chủ; mùa thu tế Thường thì cúng gạo mới; mùa đông tế Chưng thì đủ các món.

LỜI KINH

象曰：引吉無咎，中未變也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dẫn cát, vô cữu, trung vị biến dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dẫn tốt, không lỗi, giữa chưa đổi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì họp, lấy sự được họp làm tốt, cho nên hào Chín Tư là được trên dưới sum họp; hào Hai với hào Năm tuy là chính ứng, nhưng ở khác chỗ và có ngăn cách, ấy là dương thì họp mà chưa được họp, cho nên có thể dẫn nhau mà họp thì tốt mà không lỗi, vì nó có đức giữa chính mà chưa vội thay đổi, nếu thay đổi thì nó không cần nhau nữa.

LỜI KINH

六三：萃如，嗟如，無攸利，往無咎，小吝.

Dịch âm. - *Lục Tam: Tụy như, tư như, vô du lợi, vãng vô cữu, tiểu lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Dường họp vậy, dường than vậy không thửa lợi, đi không lỗi, hơi tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba là người Âm mềm không trung chính, cầu họp với người, mà người không họp với, cầu đến hào Tư, thì hào ấy không phải chính ứng của nó, lại không phải đồng loại với nó, ấy là nó vì bất chính mà bị hào Tư ruồng bỏ; cầu đến hào Hai thì hào này tự lấy đức trung chính mà ứng với hào Năm, ấy là nó vì bất chính mà hào Hai không đi cùng; cho nên muốn họp thì bị người ta *dứt bỏ mà than,* tức là không được sum họp mà than giận vậy. Trên dưới đều không cùng với, thế là không cái gì lợi. Chỉ có đi lên mà hào

Sáu Trên thì sẽ được họp mà không lỗi. Hào Ba với hào Trên tuy không phải là Âm Dương chính ứng nhưng trong thì *họp,* lấy loại theo nhau, cả hai đều lấy chất mềm ở trên hai thể, lại đều không có kẻ nào cùng ở vào chỗ ứng nhau với nó, hào Trên ở vào cùng tột của sự thuận và đẹp lòng, cho nên được sum họp mà không có lỗi. Đạo *Dịch* biến động không thường, cốt ở người ta suy biết mà thôi. - Thế mà hơi tiếc là sao? Là vì hào Ba lúc đầu cầu họp với hào Tư và hào Hai, không được, rồi mới đi lên theo hào Sáu Trên, người mà hành động như thế, tuy là được cái mình cầu, song cũng hơi đáng thẹn tiếc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào sáu là kẻ Âm mềm không giữa không chính, phía trên lại không có kẻ ứng với, cầu họp ở chỗ gần mình không được, cho nên phải than; mà không thửa lợi, chỉ có đi lên mà theo hào Trên thì có thể không lỗi. Nhưng vì nó không được *họp,* bị khối rồi sau mới đi, lại gặp cái hào Âm cực không ngôi, cũng hơi đáng thẹn. Đây răn kẻ xem nên bỏ những kẻ cường viện[1] bất chính ở gần, mà giao kết với kẻ cùng giao[2] chính ứng ở xa, thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰：往無咎，上巽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vãng vô cữu, thượng tốn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đi không lỗi, trên nhún vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Trên ở chỗ cùng tột của sự mềm và đẹp lòng, hào Ba đi mà không lỗi, là vì hào Trên nhún thuận mà nhận nó vậy.

LỜI KINH

九四：大吉無咎.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Đại cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Cả tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư đương thì *họp,* phía trên được họp với hào Chín Năm, ấy là được vua tôi họp nhau, phía dưới liền với các hào Âm ở thể dưới, ấy là được hạ dân họp với. Được cả trên dưới sum họp với mình, đáng cho là hay. Nhưng vì hào Tư lấy chất Dương ở ngôi Âm, không phải đính chính, ắt được cả tốt, rồi sau mới

[1] Kẻ cứu viện mạnh

[2] Người bạn nghèo khốn

không có lỗi. Chữ "cả" là nghĩa quanh khắp, không đâu không khắp thì mới là cả, không cái gì không chính thì mới là cả; cả *tốt* thì không lỗi vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này trên liền với hào Chín Năm, dưới liền với các các hào Âm, tức là được sum họp rồi. Nhưng nó lấy chất Dương ở ngôi Âm, ấy là bất chính, cho nên mới răn kẻ xem ắt được cả tốt mới không lỗi.

LỜI KINH

象曰：大吉無咎，位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại cát, vô cữu, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cả tốt không lỗi, ngôi chẳng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vì là ngôi nó không đáng, ngờ điều nó làm chưa chắc phải cả, cho nên răn rằng: "Ắt được cả tốt, rồi sau mới là không lỗi".

LỜI KINH

九五：萃有位，無咎匪孚，元永貞，悔亡.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Tụy hữu vị, vô cữu, phỉ phu, nguyên vĩnh trinh hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Họp có ngôi, không lỗi, chẳng tin, cả, dài, chính, ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm ở chỗ tôn của thiên hạ, họp dân chúng trong thiên hạ, mà làm vua họ, cai trị họ, thì nên đính chính ngôi mình, sửa sang đức mình; lấy chất Dương cứng ở ngôi tôn, đó là xứng ngôi, đó là có ngôi, đó là được đạo trung chính mà không sai lỗi. Như thế mà còn có kẻ chưa tin, chưa về với mình, thì nên trở lại thân mình, để sửa cái đức "Cả, dài, chính" của mình, thì rồi không đâu không phục mà sự ăn năn phải mất. "Cả, dài, chính" là đức của vua, cái mà dân vẫn theo về. Cho nên cái đạo "liền với thiên hạ" và "đạo họp với thiên hạ" đều ở trong ba điều đó. Kẻ làm vua đã có ngôi, lại có đức trung chính không lỗi, mà thiên hạ còn có kẻ chưa chịu tin phục theo về, thì là bởi đạo của mình chưa được sáng lớn, tức là đạo "cả, dài, chính" chưa cùng tột vậy, cốt ở sửa đức làm cho họ lại, như là "dân Miêu trái mệnh, vua Thuấn bèn cả ra đức văn". Đức vua Thuấn không phải là không tột bậc, vì có xa, gần, tối sáng khác nhau, cho nên thiên hạ theo về với ngài, cũng có kẻ trước kẻ sau. Đã còn có kẻ chưa về với mình, thì nên sửa đức của mình, thế gọi là "cả, dài,

chính". Cả tức là đầu, là trưởng, là đức vua đứng đầu mọi vật, là trùm mọi loài, có nghĩa cao lớn, có nghĩa thâu tóm, mà lại *thường lâu, chính bền,* thì có thể thông với thần minh, sáng khắp bốn bể, không đâu không phục, thế là không còn kẻ nào chẳng tin mà sự ăn năn mất hết. Gọi là ăn năn, chỉ là chí chưa được tỏ, lòng chưa được xướng mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm Dương cứng trung chính, đương thời *họp* mà ở ngôi tôn, vẫn không có lỗi rồi. Nếu còn có kẻ chưa tin, thì cũng tự sửa đức "cả, dài, chính" của mình mà sự ăn năn sẽ mất. Răn kẻ xem nên như thế đó.

LỜI KINH

象曰：萃有位，志未光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tụy hữu vị, chí vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Họp có ngôi, chí chưa tỏ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Tượng nhắc lại câu trên của lời hào. Chí kẻ làm vua ắt muốn thành tín tỏ với thiên hạ, có cảm ắt thông, những loại có sống thảy đều mến về. Nếu còn có kẻ chưa tin, ấy là chí mình chưa được sáng lớn vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chưa tỏ chỉ về kẻ chẳng tin.

LỜI KINH

上九：賫咨，涕洟 無咎

Dịch âm. - *Thượng Lục: Tê tư, thế di, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Than thở, nước mắt, nước mũi, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu làm chủ sự đẹp lòng, tức là kẻ tiểu nhân thích được ngôi cao mà ở, thiên hạ ai chịu đi cùng với nó? Cầu họp, mà người ta không thèm họp với, cùng quá đến nỗi than thở và chảy nước mắt nước mũi. Người ta tuyệt mình là do mình tự gây ra thì còn trách ai? Bị người ghét dứt, không biết làm thế nào, thì tủi chán mà đến than khóc, thật là tình trạng kẻ tiểu nhân.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở chót thì họp, Âm mềm không ngôi, cầu họp không được, cho nên răn kẻ xem ắt phải như thế mới có thể không lỗi.

LỜI KINH

象曰：賫咨涕洟，未安上也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tê tư, thế di, vị an thượng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Than thở, nước mắt nước mũi, chưa yên ngôi trên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tiểu nhân cư xử thường trái với lẽ đáng nên, đã tham lam mà theo lòng ham muốn, không biết tự chọn nơi yên ổn, đến khi khốn cùng thì lại sấp ngửa lật đật, không biết làm ra thế nào. Hào Sáu phải chảy nước mắt nước mũi, tức là ở trên không yên Đấng quân tử cẩn thận chỗ ở, hễ không phải nghĩa thì không chịu ở, chẳng may mà bị sự nguy khốn, thì cũng thản nhiên yên lặng, không lấy sự đó làm bợn lòng mình. Kẻ tiểu nhân ở không chọn nơi, thường xéo vào chỗ mình không đáng ở, tới khi cùng gấp, thì lại tủi chán bối rối, thậm chí chảy cả nước mắt nước mũi, thật là đáng thẹn. "Chưa" là lời "chẳng vội" cũng như người ta vẫn nói "chưa tiện", tức là "chưa tiện ở yên ngôi trên". Hào Âm ở ngôi trên, trơ trọi không ai cùng với, lại không phải chỗ mình đáng ở, há được yên sao?

QUẺ THĂNG

☷ Khôn trên
☴ Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Thăng, Tự Quái nói rằng: Tụy là họp, họp mà cao lên gọi là lên, cho nên tiếp đến quẻ Thăng[1]. Các vật tích tụ mà càng cao lớn, ấy là họp mà cao lên, vì vậy quẻ Thăng mới nối quẻ Tụy. Nó là quẻ Khôn trên Tốn dưới, cây ở dưới đất, tức là trong đất mọc dậy. Cây mọc trong đất, lớn thì càng cao, đó là Tượng "lên".

LỜI KINH

升元亨，用見大人，勿恤，南征吉.

Dịch âm. - *Thăng nguyên hanh, dụng kiến đại nhân, vật tuất, nam chinh cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Thăng, cả hanh, dùng thấy người lớn, chớ lo, đi về phương Nam tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Thăng là tiến mà lên, tiến lên thì có nghĩa hanh, mà vì tài quẻ hay khéo, cho nên cả hanh. Dùng cách đó để thấy người lớn, không cần lo lắng, tiến lên phía trước thì tốt. Đi về phương Nam tức là tiến lên phía trước vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thăng tức là tiến mà lên. Quẻ này vốn tự quẻ Giải lai, chất mềm lên ở ngôi Tư, trong nhún ngoài thuận, hào Chín Hai cứng giữa mà hào Năm ứng nhau với nó, cho nên lời Chiêm của nó như thế. Đi về phương Nam, tức là tiến lên phía trước vậy.

LỜI KINH

彖曰: 柔以時升，巽而順，剛中而應，是以大亨.

Dịch âm. - *Thoán viết: Nhu dĩ thì thăng, tốn nhi thuận cương trung nhi ứng, thị dĩ đại hanh.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Mềm lấy thì lên, nhún mà thuận, cứng giữa mà ứng, cho nên cả hanh.

---

[1] Chữ 升 (thăng) nghĩa là lên.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy hai thể mà nói "Mềm lên", là Khôn đi lên. Tốn đã thể chấp mà tới dưới, Khôn bèn thuận thì mà lên trên, thế là lấy thì mà lên. *Thì* nghĩa là lúc đáng lên vậy. Chất mềm đã lên mà thành quẻ Thăng, thì dưới nhún mà trên thuận, lấy đạo nhún thuận mà lên, có thể gọi là phải thì vậy. Hào Hai lấy đạo cứng giữa ứng với hào Năm, hào Năm lấy đức giữa thuận ứng với hào Hai, biết nhũn mà thuận, tiến lên Phải thì, cho nên cả hanh. Chữ 元亨 *(nguyên hanh)* lời Thoán lầm ra 大亨 *(đại hanh)* đã giải ở quẻ Đại hữu.

LỜI KINH

用見大人，勿恤，有慶也；南征吉，志行也.

Dịch âm. - *Dụng kiến đại nhân, vật tuất, hữu khánh dã, nam chinh cát, chí hành dã.*

Dịch nghĩa. - Dùng thấy người lớn, chớ lo, có phúc vậy, đi về phương Nam tốt, chí được thi hành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phàm đạo "lên" ắt bởi các bậc người lớn, lên về ngôi thì bởi tước vương, tước công, lên về đạo thì bởi ông thánh ông hiền. Dùng đạo nhún thuận, cứng giữa mà thấy người lớn, ắt được thỏa mãn sự *lên,* thì là phúc khánh của mình mà cũng là phúc khánh tới kẻ khác nữa. Nam là phương mà người ta thường vẫn ngảnh trông, đi về phương Nam tức là tiến lên phía trước. Tiến lên phía trước thì thỏa mãn sự lên, mà được thi hành chí mình, vì vậy mới tốt.

LỜI KINH

象曰：地中生木，升，君子以順德，積小而高大.

Dịch âm. - *Tượng viết: Địa trung sinh mộc, Thăng, quân tử dĩ thuận đức, tích tiểu dĩ cao đại.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trong đất mọc cây là quẻ Thăng, đấng quân tử coi đó mà thuận đức, chứa điều nhỏ để cao lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cây mọc trong đất, lớn mà lên trên, là Tượng "lên". Đấng quân tử coi Tượng "lên", đó mà thuận sửa đức mình, chứa chất những cái nhỏ nhặt, cho đến cao lớn. Hễ thuận thì có thể tiến, mà nghịch thì là phải lụi, muôn vật tiến lên, đều dùng đạo thuận tất cả. Điều thiện nếu không chứa lại thì không có thể thành

danh, học nghiệp được đầy đặc đạo đức được cao thẳm, đều bởi chứa chất mà ra, chứa cái nhỏ để làm nên cái cao lớn, đó là nghĩa "lên".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bản của Vương Túc, chữ 順 *(thuận)* chép làm chữ 慎 *(thận).* Nay xét sách khác dẫn câu này, phần nhiều, cũng nói là 慎 *(thận),* ý càng rõ ràng. Đó là cổ văn hai chữ vẫn thông dụng. Thuyết đó đã thấy ở quẻ Mông thiên trên.

LỜI KINH

初六：允升，大吉.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Doãn thăng, đại cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Tin lên, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu lấy chất mềm ở dưới thể Tốn, là chủ của quẻ Tốn, phía trên vâng hào Chín Hai là một hào cứng, ấy là nhún đến tột bậc vậy. Hào Hai lấy đức cứng giữa, phía trên ứng nhau với vua, chính là kẻ gánh vác trách nhiệm cuộc "lên". Tin là tin theo, hào Đầu mềm nhún, chỉ biết tin theo hào Hai, tin hào Hai mà theo nó cùng lên, thế là cả tốt. Hào Hai lấy đức mà nói, thì là người cứng giữa, lấy sức mà nói thì là kẻ gánh vác trách nhiệm, hào Đầu Âm mềm, lại không có kẻ ứng viện, không thể tự *lên,* theo với người hiền cứng giữa để *lên,* ấy là nói đường cứng giữa vậy, còn sự tốt nào lớn hơn thế nữa?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu lấy chất mềm thuận ở ngôi dưới, là chủ quẻ Tốn, đương thì "lên", phải nhún với hai hào Dương, kẻ xem như thế thì chắc lên được mà cả tốt vậy.

LỜI KINH

象曰：允升大吉，上合志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Doãn thăng đại cát, thượng hợp chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tin lên cả tốt, trên hợp chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tức là cùng kẻ ở trên họp chí cùng lên Trên chỉ vào hào Chín Hai, theo hào Hai mà lên, tức là cùng chí với hào Hai. Vì biết tin theo người hiền có đức cứng giữa, cho nên cả tốt.

LỜI KINH

九二：孚乃利，用禴，無咎.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Phu nãi lợi, dụng Thược, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Tin bèn lợi, dùng tế Thược, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai Dương cứng mà ở dưới, hào Năm Âm mềm mà ở trên, ôi lấy kẻ cứng, mà thờ kẻ mềm, lấy chất Dương mà theo chất Âm, tuy rằng có lúc phải thế, nhưng cũng không phải chính đạo. Lấy kẻ tối mà coi người sáng, lấy người cứng mà thờ kẻ mềm, chẳng qua cũng vì sự thế mà phải gắng gượng, không phải thành thực phục nhau. Sự giao kết của kẻ trên người dưới đã không do ở lòng thành, còn lâu được chăng? Còn có làm việc được chăng? Hào Năm tuy là Âm mềm, nhưng ở ngôi tôn, hào Hai tuy là Dương cứng, nhưng vẫn phải thờ người trên, nên giữ lòng chí thành ở trong không cần văn sức ở ngoài, sự thành thật chứa ở bên trong, thì tự nhiên không cần chăm chỉ văn sức ở ngoài, cho nên nói rằng: "lợi dùng tế Thược", nghĩa là chuộng sự thành kính vậy. Từ xưa bề tôi cứng mạnh, phải thờ ông vua nhu nhược, chưa có người nào không dùng đến sự kiểu sức. Thược là thứ tế giản dị chất phác, nói rằng "tin bèn", nghĩa là "đã tin bèn nên", không dùng đến sự văn sức, chỉ lấy lòng thành của mình, cảm thông với người trên vậy. Như thế thì được không lỗi. Lấy kẻ bề tôi cứng mạnh, mà thờ ông vua nhu nhược, lại đương thời lên, nếu không thực ý giao tiếp với nhau, thì khỏi lỗi chăng?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Câu này đã thấy ở quẻ Tụy.

LỜI KINH

象曰：往無咎，上巽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Nhị chi phu, hữu hỷ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự tin của hào Chín Hai, có mừng vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai biết lấy sự thành tín mà thờ người trên, thì chẳng những về đạo làm tôi không lỗi mà thôi, lại còn có thể thi hành được đạo cứng giữa, ơn tới thiên hạ, thế là có mừng.

LỜI KINH

九三：升虛邑.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Thăng hư ấp.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Lên làng trống không.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba lấy tài Dương cứng, đã chính đính lại nhún nhường, kẻ trên đều thuận với nó, mà nó lại có ứng viện, dùng tư cách đó mà *lên,* thì sẽ như vào cái làng không người, còn ai chống nó?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dương đặc, Âm rỗng, mà thể Khôn có Tượng làng nước. hào Chín Ba lấy chất Dương cứng, đương thì lên mà tiến tới thể Khôn, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：升虛邑，無所疑也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thăng hư ấp, vô sở nghi dã.*

Dịch âm. - Lời Tượng nói rằng: Lên làng trống không, không thửa ngờ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Vào làng không người, sự tiến không còn nghi ngờ trở ngại gì nữa.

LỜI KINH

六四：王用亨于岐山，吉，無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Vương dụng hưởng*[1] *vu Kỳ Sơn, cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Vua dùng hưởng ở núi Kỳ, tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư là tài mềm thuận, trên thuận với cuộc *lên* của vua, dưới thuận với cuộc tiến của kẻ dưới, mình thì đậu vào nơi chốn của mình, lấy chất Âm ở ngôi mềm, mềm mà ở dưới, tức là đậu vào nơi chốn vậy. Xưa kia, vua Văn ở dưới núi Kỳ trên thì thuận với thiên tử, muốn đưa ông ta đến chỗ ở đạo, dưới thì thuận với người hiền thiên hạ mà khiến họ tiến, mình thì mềm thuận khiêm kính, không dám vượt khỏi ngôi mình, có đức tột bậc như thế, cho nên nghiệp vua của nhà Chu, nhờ đó mà hanh. Hào Tư có thể như thế, thì Hanh và tốt vả không lỗi nữa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nghĩa câu này đã thấy ở quẻ Tùy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Có người hỏi: Hanh ở núi Kỳ là sao? Chu Hy đáp rằng: Chữ 亨 *(hanh)* đó chỉ là chữ 享 *(hưởng).* "Vua hưởng ở núi Kỳ" với "vua dùng hưởng ở núi tây, chỉ là nói việc tế núi sông.

LỜI KINH

象曰：王用亨于岐山，順事也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vương dụng hưởng vu Kỳ sơn, thuận sự dã.*

---

[1] Theo ý Chu Hy.

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Vua dùng hưởng chưng núi Kỳ, việc thuận này.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào tư ở ngôi gần vua, đương thì *lên,* được tốt mà không lỗi, là vì ở đức thuận, lấy chất mềm ở thể Khôn, thuận đến tột cùng vậy. Vua Văn được hanh thông ở núi Kỳ, cũng vì thuận thì mà thôi. Trên thuận với người trên, dưới thuận với người dưới, mình thì thuận ở với nghĩa của mình, cho nên gọi là việc thuận.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cứ thuận mà lên, là Tượng lên tế ở núi.

LỜI KINH

六五:貞吉，升階

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Trinh cát, thăng giai.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Chính bền, tốt, lên thềm[1].

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm vì ở dưới có kẻ cứng giữa ứng với, cho nên có thể ở ngôi tôn mà tốt. Nhưng mà chất nó vốn Âm mềm, ắt phải giữ được chính bền mới là được tốt. Nếu không giữ được chính bền, thì tin người hiền không dốc, dùng người hiền không chót, đâu có thể tốt? Thềm là chỗ để noi mà lên. Dùng người hiền cứng giữa giúp mình đi lên, cũng như trèo lên tự thềm, ý nói chỗ để noi mà dễ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở ngôi Dương, đương thời lên mà ở ngôi tôn, ắt phải chính bền, thì có thể được tốt mà lên thềm. Thềm tức là chỗ lên dễ.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trình Sa Tùy nói rằng: Hào này phía dưới ứng nhau với người bề tôi có đức cứng, từ ngôi Hai mà lên ngôi Năm, như thềm có bậc. Đây là tượng ông vua nâng nhắc người hiền.

Họ Lôi nói rằng: Hào Sáu Năm chính bền lên thềm, tiên nho cho là lên ngôi, bởi vì hễ có chính bền, rồi mới có thể lên ngôi thiên tử.

LỜI KINH

象曰: 貞吉，升階，大得志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trinh cát, thăng giai, đại đắc chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chính bền, tốt lên thềm, cả được chí vậy.

---

[1] Có thể dịch là lên tháng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tựa dùng kẻ hiền tài mà có thể chính bền, như thế mà lên, có thể đưa thiên hạ đến cuộc đại trị chí mình cả được thỏa vậy. Cuộc lên của đạo làm vua, chỉ lo không có người hiền tài giúp đỡ, có người giúp đỡ, thì cũng giống như tự thềm mà lên vậy.

LỜI KINH

上六：冥升，利于不息之升.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Minh thăng, lợi vu bất tức chi trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Tối lên, lợi về sự chính bền chẳng nghỉ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy chất Âm ở chỗ cùng cực của thì *lên*, tối về sự *lên,* ấy là kẻ biết tiến mà không biết lui bất minh lắm vậy. Nhưng lòng cầu tiến không thôi, có khi dùng về việc trinh chính mà không thôi nghỉ thì là xứng đáng. Đấng quân tử với đức trinh chính, trọn ngày săng sắc, tự cường không nghỉ, nhưng lòng không thôi của hào Sáu Trên, dùng về việc đó thì lợi. Đem lòng tham cầu không thôi của kẻ tiểu nhân, mà dời sang đường tiến đức, còn gì hay bằng?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở chỗ cùng cực của thì *lên,* là kẻ tối tăm không thôi vậy. Kẻ xem gặp hào đó, không còn đi đâu mà lợi, chỉ có thể quay lại cái lòng "chẳng thôi" ở ngoài mà thi hành vào sự chính đáng "không nghỉ" mà thôi.

LỜI KINH

象曰：冥升在上，消不富也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Minh thăng tại thượng, tiêu bất phú dã.*

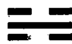
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tối lên ở trên, tiêu chẳng giàu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tối tăm ở chỗ cùng tột bậc trên, mà không biết thôi, thì chỉ tiêu vong, há còn thêm ích? Chẳng giàu nghĩa là không thêm ích Lên đã cùng cực, chỉ có lui không có tiến vậy.

QUẺ KHỐN

 Đoái trên

 Khảm dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Khốn, Tự Quái nói rằng: Lên mà chẳng thôi, ắt khốn, cho nên tiếp đến quẻ Khốn[1]. Lên là tự dưới mà lên, tự dưới lên trên, là lấy sức mà tiến, không thôi ắt khốn, cho nên sau quẻ Thăng tiếp đến quẻ Khốn. Khốn là nghĩa khốn thiếu. Nó là quẻ Đoái trên Khảm dưới, nước ở trên chằm, thì là trong chằm có nước, nhưng nước lại ở dưới chằm, thì tức là Tượng dưới chằm khô cạn không nước, đó là nghĩa khốn thiếu. Lại Đoái là Âm ở trên. Khảm là Dương ở dưới và hào Sáu Trên ở trên hai hào Dương, mà hào Chín Hai bị hãm trong hai hào Âm, đều là Âm mềm lấp lên Dương cứng, vì vậy mới là *khốn*. Đấng quân tử bị kẻ tiểu nhân che lấp, là thời cùng khốn.

LỜI KINH

困亨貞，大人吉，無咎，有言不信.

Dịch âm. - *Khốn, hanh trinh, đại nhân cát, vô cữu, hữu ngôn bất tín.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Khốn hanh, chính bền, người lớn tốt, không lỗi, có nói không tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Như tài quẻ này, thì *khốn* mà có thể hanh, vả được trinh chính là đạo người lớn ở thì *khốn* vậy, cho nên có thể tốt mà không lỗi. Người lớn ở thì khốn, chẳng những đạo của mình tự nhiên vẫn tốt, mà "vui trời yên mệnh"[2], ấy là không mất sự tốt, huống chi theo thì khéo xử, lại còn lỗi gì? Có nói chẳng tin, là vì đương thời *Khốn* mà nói, thì còn ai tin?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Khốn là cùng mà không thể tự mình nhấc lên. Khảm cứng bị Đoái mềm che lấp, hào Chín Hai bị hai hào Âm che lấp, hào Tư hào Năm bị hào Sáu Trên che lấp, cho nên là *khốn*. Khảm hiểm. Đoái đẹp lòng, ở chỗ hiểm mà đẹp lòng, ấy là thân

---

[1] Chữ 困 (Khốn) nghĩa là cùng khốn, mỏi mệt, thiếu thốn, bị hãm, bị mắc.
[2] Tức là vui với số mệnh tự nhiên.

tuy *khốn* mà đạo thì hanh. Hào Hai hào Năm cứng giữa, lại có Tượng người lớn, kẻ xem ở thì *khốn* có thể hanh thông và chính đính, không phải người lớn, ai được như thế? Cho nên nói rằng "chính bền". Lại nói "người lớn" là để tỏ rằng: những kẻ tiểu nhân bất chính, không thể đương nổi? "Có nói không tin" là câu răn người đương vào cảnh đó cần phải kín đáo im lặng, chớ chuộng mồm miệng, mà càng rước lấy khốn cùng.

LỜI KINH

彖曰：困剛揜也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Khốn cương yểm dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Khốn là cứng bị lấp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ này sở dĩ là Khốn là vì kẻ cứng bị kẻ mềm che lấp, bị hãm ở dưới mà bị che ở trên, vì vậy mới là khốn. Hãm cũng là lấp. Đấng quân tử Dương cương, bị kẻ tiểu nhân Âm nhu che lấp, đó là lúc đấng quân tử khốn tắc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng quẻ thích nghĩa tên quẻ.

LỜI KINH

險以說，困而不失其亨，其唯君子乎.

Dịch âm. - *Hiểm dĩ duyệt, khốn nhi bất thất kỳ hanh, kỳ duy quân tử hồ?*

Dịch nghĩa. - Hiểm mà đẹp lòng, khốn mà không mất cái hanh của mình, chỉ có đấng quân tử như thế chăng?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ nó cách ở thì khốn. Dưới hiểm mà trên đẹp lòng, tức là ở chỗ hiểm mà vẫn đẹp lòng, dẫu ở trong lúc khốn cùng gian hiểm, mà vui trời yêu nghĩa[1], tự mình được sự vui thích của mình. Thời tuy *khốn*, mình xử vẫn không mất nghĩa, thì đạo của mình tự nhiên vẫn hanh. Đó là "khốn mà không mất cái hanh của mình". Có thể như thế chỉ có đấng quân tử. Nếu thời đương *khốn* mà mình lại hanh, ấy là thân tuy hanh mà đạo thì *khốn*. Quân tử là tiếng gọi chung của bậc người lớn.

LỜI KINH

貞大人吉，以剛中也.

---

[1] Nghĩa như thế nào, thì yên lòng thế ấy.

Dịch âm. - *Trinh, đại nhân cát, dĩ cương trung dã.*

Dịch nghĩa. - Chính bên, người lớn tốt, vì cứng giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Khốn mà vẫn chính, người lớn vì thế mới tốt lành, cũng là tại họ có đạo cứng giữa. Đây là chỉ về hào Hai với hào Năm. Nếu không cứng giữa, thì gặp cảnh khốn sẽ mất sự chính.

LỜI KINH

有言不信，尚口不窮也.

Dịch âm. - *Hữu ngôn bất tín, thượng khẩu nãi cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Có nói chẳng tin, chuộng miệng bèn cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương lúc *khốn* mà nói, người ta không tin, muốn lấy mồm miệng làm cho khỏi khốn, ấy là làm cho thêm cùng. Đây vì lấy thể đẹp lòng mà ở thì khốn, cho nên mới có lời răn về sự chuộng miệng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây là đức quẻ, thể quẻ mà thích lời quẻ.

LỜI KINH

象曰：澤無水，困，君子以致命遂志.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch vô thủy, Khốn, quân tử dĩ tri mệnh toại chí.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chằm không nước là quẻ Khốn, đấng quân tử coi đó mà đến mệnh thỏa chí.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chằm không nước là Tượng khốn thiếu. Đấng quân tử đương lúc khốn cùng, đã hết cách ngừa lo, mà không được khỏi, thì là mệnh đó, nên suy đến mệnh mình để thỏa chí mình, biết là mệnh phải thế ấy, thì sự cùng tắc vạ lo không thể lay động lòng mình, mình chỉ làm theo cái nghĩa của mình mà thôi. Nếu biết mệnh, thì sẽ lo sợ về hiểm nạn, luống cuống về cùng ách, cái thao thủ của mình ắt mất, đâu được thỏa chí làm điều thiện?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dưới rò thì trên khô, cho nên nói là "chằm không nước". "Đến mệnh" như nói "trao mệnh", tức là "cầm mà cho người, mình không có nữa". Có thể như thế thì tuy là khốn quẫn mà vẫn hanh thông.

LỜI KINH

初六：臀困于株木，入于幽谷，三歲不覿.

Dịch âm. - *Sơ lục: Điến khốn vu châu mộc, nhập vu u cốc, tam tuế bất thục*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Đít khốn chưng trồi cây, vào chưng hang tối, ba năm chẳng thấy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào sáu lấy chất Âm mềm ở chỗ rất thấp, lại ở dưới nơi Khảm hiểm, là kẻ không thể tự mình vượt qua, ắt được người cứng sáng ở trên cứu giúp, thì mới có thể vượt khỏi sự *khốn.* Hào Đầu với hào Tư là chính ứng, hào Chín Tư lấy chất Dương ở ngôi Âm, tức là bất chính, cứng mà không giữa, lại đương khốn vì bị hào Âm che lấp, không có thể làm qua sự khốn của người, cũng như ở dưới chồi cây, không thể che chở cho vật khác. Chồi cây là cái gốc cây không có cành lá vậy. Hào Tư là ngôi gần vua, ở quẻ khác nó không phải là không giúp được người, vì ở thì khốn, không thể che chở kẻ khác, cho nên mới là chồi cây. Đít là cái để ngồi, *đít khốn chưng chồi cây,* nghĩa là không có vật vì che chở mà không được yên - nếu yên thì không phải là *khốn. Vào chưng hang tối* là vì những người Âm mềm, không phải là kẻ yện với cảnh ngộ, đã không khỏi *khốn,* thì càng mê tối, động càn, vào mãi nơi khốn sâu, hang tối tức là chỗ sâu tối vậy. Đương vào chỗ khọn ách, không có thể tự mình ra khỏi, cho nên, đến chưng ba năm chẳng thấy, khốn đến cùng chót vậy. Chẳng thấy nghĩa là không gặp được sự hanh thông?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đít là đáy các vật, *Khốn chưng chồi cây* tức là đau không thể yên. Hào Sáu Đầu lấy chất Âm mềm ở đáy cuộc khốn, ấy là ở nơi tối tăm, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：入于幽谷，幽不明也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhập vu u cốc, u bất minh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vào chưng hang tối, tối chẳng sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tối chẳng sáng là càng vào chỗ tối tăm, tự hãm vào nơi sâu khốn vậy. Nếu sáng thì không đến nỗi hãm.

LỜI KINH

九二：困于酒食,朱紱方來,利用享祀,征凶,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Nhi: Khốn vu tửu tửu thực, chu phất phương lai, lợi dụng hưởng tự, chính hung, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Khốn chưng rượu cơm, cái phất đỏ đương lại, lợi dùng cúng tế, đi hung không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Rượu cơm là cái người ta đều muốn và cũng là cái để mà thi ân. Hào Hai lấy tài cứng giữa mà ở thì khốn. Đấng quân tử yên với cảnh ngộ, tuy cùng ách hiểm nạn, không hề động lòng, không e quản rằng mình bị khốn, cái làm cho người ta khốn, chỉ là khốn về sự muốn của mình mà thôi. Điều mà đấng quân tử vẫn muốn là việc làm ơn cho thiên hạ, khiến cho thiên hạ vượt khỏi cảnh khốn, hào Hai chưa thỏa lòng "muốn làm ơn cho thiên hạ", cho nên là khốn chưng rượu cơm. Các bậc đại nhân quân tử, ôm ấp đạo học mà bị khốn ở dưới, ắt được ông vua có đạo tìm kiếm mà dùng, rồi mới có thể thi thố những cái chứa chất của mình, hào Hai lấy đức cứng giữa bị khốn ở dưới, phía trên có hào Chín Năm là một ông vua cứng giữa, cùng đạo hợp đức, ắp đến tìm nó, cho nên nói là "cái phất đỏ đương lại". Đương lại tức là đương sắp đến, phất đỏ là đồ mặc của kẻ làm vua, cái che gối đó. Đấy lấy nghĩa về việc đi lại, cho nên mới nói đến cái che gối. *Lợi dụng cúng tế* là thế nào? Cúng tế là việc lấy lòng chí thành mà thông với đấng thần minh, trong thì khốn, lợi về dùng lòng chí thành như cúng tế vậy, đức mình đã thành, tự nhiên sẽ cảm thông đến người trên. Từ xưa các đấng hiền triết bị khốn ở chỗ tối tăm xa xôi, mà rồi đức của họ cũng lên đến tại người trên, đạo của họ cũng được đem dùng, chỉ vì họ tự giữ rất thành thực mà thôi. *Đi hung không lỗi* là thế nào? Đương thì *khốn,* nếu chẳng chí thành ở yên để đợi mệnh trời, đi mà cầu cạnh người ta, thì sẽ phạm vào nạn, được điều dở, đó là tự mình gây lấy, còn đổ lỗi cho ai? Không đo đắn thời thế mà đi, là không ở yên nơi chốn của mình, bị cảnh khốn nó lay động vậy. Mất đức cứng giữa, tự rước lấy sự hung hối, còn oán trách gì? Các quẻ, hào Hai hào Năm Âm Dương ứng nhau thì tốt, riêng quẻ Tiểu xúc và quẻ Khốn các hào này bị ách về Âm, cho nên đồng đạo tìm nhau, quẻ Tiểu xúc Dương bị Âm chứa, quẻ Khốn Dương bị Âm lấp vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. Khốn về rượu cơm là ý no chán khổ não. Rượu cơm là cái người ta vẫn muốn, nhưng say no quá độ thì lại bị nó làm khốn. Cái phất đỏ đương lại, tức là người trên ứng với nó vậy. Hào Chín Hai có đức cứng giữa để ở thì Khốn, tuy không gở hại, nhưng lại bị khốn về nỗi được hưởng cái muốn của mình quá nhiều, cho nên Tượng nó như thế, mà Chiêm thì chỉ lợi về tế tự, nếu đi mà

làm việc khác thì không phải thì, cho nên hung, nhưng về nghĩa vẫn là không lỗi.

LỜI KINH

九二：困于酒食，中有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khốn vu tửu thực, trung hữu khánh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Khốn chưng rượu cơm, giữa có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tuy bị khốn về cái mình muốn, chưa thể ra ân cho người, nhưng giữ được đức cứng giữa, ắt có thể đem lại sự hanh thông mà có phúc khánh. Dù cho thì chưa hanh thông, mà mình giữ được đức giữa, cũng là đạo đấng quân tử, thế là có phúc.

LỜI KINH

六三：困于石,據于蒺藜,入于其宫,不見其妻,凶.

Dịch âm. - *Lục Tam: Khốn vu thạch, cứ vu tật lệ, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, hung.*

Dịch nghĩa. Hào Sáu Ba: Khốn chưng đá, vin chưng cây cà gai, vào chưng thửa buồng, chẳng thấy thửa vợ, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Ba lấy chất Âm mềm không giữ không chính ở chỗ hiểm cực mà dùng kiểu cứng - ở ngôi Dương là dùng kiểu cứng - là kẻ rất không khéo ở thì *khốn* vậy. Đá là vật rắn nặng, khó thắng nổi, cà gai là vật gai góc không thể vin vào, hào Ba lấy sức cứng hiểm tiến lên, thì bị có hai hào Dương ở trên, sức nó không thể thắng nổi - vì là rắn quá không thể dụng phạm - càng tự khốn thêm, đó là "khốn chưng đá" vậy. Lấy đức bất thiện, ở trên hào Chín Hai là hào cứng giữa, sự chẳng yên của nó cũng như vịn tựa vào cây cà gai vậy. Tiến lui đã đều càng khốn, muốn ở yên chỗ cũng không thể được, buồng là nơi ở, tức là chỗ nó lấy làm yên, vợ là chủ yên thân của nó, biết là tiến lui hay ở lại đều không được cả, chỉ còn có chết mà thôi. Đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm mềm mà không trung chính, cho nên có Tượng đó, mà Chiêm thì hung. Đá chỉ hào Tư, cây cà gai chỉ hào Hai, buồng chỉ ngôi Ba, mà vợ thì là hào Sáu, còn nghĩa của nó. Hệ từ nói đủ rồi[1].

[1] Coi thiên Hệ từ dịch sau đây.

LỜI KINH

象曰:據于蒺藜,承剛也,入于其宮,不見其妻,不祥也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cứ vu tật lê, thừa cương dã, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, bất tường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vịn chưng cà gai, cưỡi cứng vậy, vào chưa thửa buồng, chẳng thấy thửa vợ, chẳng lành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vịn chưng cây cà gai, ý nói cưỡi hào Chín hai là hào cứng, sự không yên như thể tựa vào gai vậy. Chẳng lành là điềm chẳng hay. Mất chỗ yên ổn, tức là hiệu quả chẳng hay, cho nên nói rằng: "chẳng thấy thửa vợ, chẳng lành vậy".

LỜI KINH

九四: 來徐徐, 困于金車, 吝, 有終.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Lai từ từ, khốn vu kim xa, lận hữu chung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Lại thong thả, khốn chưng xe sắt, đáng tiếc! có chót.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chỉ vì sức không đủ, cho nên mới *khốn*. Cái đạo làm cho hanh thông sự *khốn* ắt phải nhờ sức giúp đỡ. Đương thì *khốn,* kẻ trên người dưới tìm nhau, lý nên thế vậy. Hào Tư với hào Đầu là chính ứng nhưng hào Tư lấy đức không trung chính mà ở thì *khốn,* tài nó không đủ làm qua sự *khốn* của người, hào Đầu liền với hào Hai, hào Hai có tài cứng giữa, đủ để cứu vớt sự *khốn*, thì đáng được hào Đầu theo. Sắt là vật cứng, xe là thứ để chở đồ hào Hai lấy chất cứng ở dưới chở mình, cho nên gọi là xe. Hào Tư muốn theo hào Đầu mà bị hào Hai ngăn cách, cho nên sự lại của nó chầy chậm mà thong thả, ấy là khốn chưng xe sắt. Kẻ ứng với mình, ngờ nó chê mình mà đi với kẻ khác, muốn theo nó, lại dùng dằng không dám tiến vội, há chẳng là đáng thẹn tiếc? "Có chót" nghĩa là chỗ rốt cục của việc được chính. Hào Đầu hào Tư là chính ứng, rốt cục ắt theo nhau. Vợ kẻ sĩ nghèo, bề tôi nước yếu, đều yên với cự chính định của mình mà thôi. Nếu chọn kẻ có thế lực mà theo, thì là ác lớn, không thể dong ở đời. Hào Hai và hào Tư đều lấy chất Dương ở ngôi Âm, mà hào Hai vì có tài cứng giữa, cho nên có thể làm qua cuộc *khốn,* ở ngôi Âm là chuộng mềm mỏng, được chỗ giữa là không trái với sự cứng mềm phải chăng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Đầu là chính ứng của hào Chín Tư, hào Chín Tư ở ngôi không đáng, không thể giúp người, mà hào Sáu Đầu đương khốn ở dưới, lại bị hào Chín Hai ngăn cách, cho

nên Tượng nó như thế. Nhưng, tà không thể thắng được chính, cho nên lời Chiêm tuy là đáng tiếc, mà ắt có sau chót. Xe sắt chỉ hào Chín Hai. Tượng đó chưa rõ, ngờ rằng thể Khảm có Tượng bánh xe.

LỜI KINH

象曰：來徐徐，志在下也；雖不當位，有與也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lai từ từ, chí tại hạ dã: tuy bất đáng vị, hữu dữ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lại thong thả, chí ở dưới vậy, tuy chẳng đáng ngôi, có kẻ cùng với vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư với hào Đầu mà cách hào Hai, chí nó cốt ở tìm xuống, cho nên nó mới thong thả mà lại, tuy nó ở không đáng ngôi, cũng là chưa hay, nhưng có chính ứng của nó chung cùng với nó, cho nên có chốt.

LỜI KINH

九五：劓刖，困于赤紱，乃徐有說，利用祭祀.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Ty ngoạt, khốn vu xích phất, nãi từ hữu duyệt, lợi dụng tế dự.*

Dịch nghĩa. - Xẻo mũi, chặt chân, khốn chưng cái phất[1] đỏ, bèn thong thả có đẹp lòng, lợi dùng tế tự.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cắt mũi gọi là ty, bị thương ở trên, chặt chân gọi là ngoạt, bị thương ở dưới. Trên dưới đều phải che lấp với hào Âm, bị nó làm cho đau hại, đó là Tượng xẻo mũi chặt chân. Hào Năm là ngôi vua, ông vua bị *khốn* là bởi ở trên và dưới không ai cùng với. Cái phất đỏ là đồ mặc của thần hạ, lấy nghĩa đi lại, cho nên nói đến cái phất. Kẻ làm vua bị *khốn*, là vì thiên hạ không lại, thiên hạ đều lại, thì không khốn nữa. Hào Năm tuy ở thời *khốn*, mà nó có đức cứng giữa, phía dưới có hào Chín Hai cũng là người hiền có đức cứng giữa cùng đạo hợp đức với nó ắt phải ứng nhau mà lại, cùng giúp thiên hạ cho qua sự khốn, đó là trước khi *khốn* mà thong thả thì có vui mừng. "Lợi dùng tế tự" nghĩa là việc tế tự ắt hết lòng thành kính mà sau mới được thụ phúc. Kẻ làm vua ở thời *khốn*, nên nghĩ sự *khốn* của thiên hạ, tìm người hiền trong thiên hạ như tế tự cần phải hết lòng thành kính, thì có thể làm cho người hiền trong thiên hạ kéo

---

[1] Tức là che gối, đã chua ở trên.

đến, giúp cho sự khốn của thiên hạ - Hào Năm với hào Hai cùng đức mà nói trên dưới không cùng với là sao? Đáp rằng: Âm Dương ứng nhau là nó tự nhiên ứng nhau, như thể vợ chồng xương thịt, phận nó định sẵn như thế. Hào Năm với hào Hai đều là hào Dương vì đức cứng giữa giống nhau mà ứng nhau, tìm nhau, rồi sau mới họp với nhau, cũng như vua tôi bè bạn, lấy nghĩa mà hợp với nhau. Đương lúc mới *khốn,* đâu có kẻ trên người dưới cùng với? Nếu mà có người cùng với, thì không là *khốn,* cho nên thong thả hợp nhau thì sau mới, có vui mừng. Hào Hai nói hưởng tự, hào Năm nói tế tự, đại ý là nên dùng chí thành mới được, thụ phúc. Chữ "tế" với chữ "tự", "hưởng", nói phiếm thì có thể thông nhau mà nói tách bạch, thì tế để nói về thiên thần, *tự* để nói về địa lý, *hưởng* để nói về nhân quỷ. Hào Năm là ngôi vua, nói chữ tế, hào Hai ở dưới, nói chữ *hưởng,* chỗ nào theo sự xứng đáng của chỗ ấy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Xẻo mũi, chặt chân là bị thương ở trên và dưới, trên dưới đã bị thương thì cái phất đỏ không dùng gì đến mà lại làm *khốn* cho mình. Hào Năm đương thì khốn, trên bị Âm che, dưới thì cưỡi cứng cho nên có Tượng đó. Nhưng nó cứng giữa mà ở thể đẹp lòng, cho nên chầy lâu thì có sự đẹp lòng. Lời Chiêm đủ ở trong Tượng, lại lợi dùng về việc tế tự, lâu thì được phúc.

LỜI KINH

象曰：劓刖，志位得也；乃徐有說，以中直也；利用祭祀，受福也.

Dịch âm. - *Tượng viết Ty ngoạt chí vị đắc dã, nãi từ hữu tuyệt, dĩ trung trực dã, lợi dụng tế tự, thụ phúc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xẻo mũi, chặt chân, chí chưa được vậy, bèn thong thả có đẹp lòng, vì giữa thẳng vậy: lợi dùng tế tự, chịu phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lúc đầu bị hào Âm che lấy, không có kẻ trên kẻ dưới cùng với, mới khốn, ấy là lúc chưa đắc chí, thong thả mà có đẹp lòng, là vì cái đạo giữa thẳng được có người hiền ở dưới cùng giúp cuộc *khốn.* Chẳng nói "giữa chính", là vì nó hợp với hào Hai, nói "thẳng" mới phải "Thẳng" so với "chính" thì hơi nhẹ hơn. Dùng hết thành ý của mình, như tế tự vậy, để tìm người hiền trong thiên hạ, thì mới có thể làm hanh thông cuộc *khốn* của thiên hạ mà nhận lấy phúc khánh.

LỜI KINH

上九：困于葛藟，于臲卼，曰：動悔，有悔，征吉.

Dịch âm. - *Thượng lục: Khốn vu cát lũy, vu nghiết ngột, viết: động hối, hữu hối, chính cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Khốn chưng cây sắn dây, nhưng cheo leo, rằng: động ăn năn, có ăn năn, đi tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vật đến cùng cực thì quay lại, việc đến cùng cực thì thay đổi, sự *khốn* đã cùng cực rồi lẽ phải thay đổi. Cây sắn dây là vật ràng bó, cheo leo là dáng cao vút lay động, hào Sáu ở chỗ cùng cực *khốn,* nó bị sự *khốn* ràng bó mà ở nơi rất cao và ngay nghèo, đó là khốn chưng cây sắn dây và cheo leo vậy. "Động ăn năn" nghĩa là hễ động cựa thì có ăn năn, không việc gì, không khốn. "Có ăn năn" là trách cái lỗi trước "rằng" là mình tự bảo mình. Nếu như nó biết rằng: "thế này thì động đâu sẽ ăn năn đấy, phải đổi lại những việc trước kia đã làm", đó là có ăn năn. Nếu biết ăn năn, thì đi mà được tốt. Khốn đến cùng cực mà đi, thì sẽ ra khỏi cuộc *khốn,* cho nên tốt. Hào Ba lấy chất Âm ở trên quẻ dưới hung; hào Trên ở trên cả quẻ mà không hung là sao? Đáp rằng: Hào Ba ở ngôi cứng đóng chỗ hiểm mà dùng sự cứng, hiểm, vì vậy mới hung; hào Trên lấy chất mềm ở chỗ đẹp lòng, chỉ là *khốn* đến cùng cực mà thôi. Khốn đến cùng cực thì có cách thay đổi cuộc *khốn.* Hào Trên quẻ Khốn và quẻ Chuân đều không có người ứng mà lại ở về chót quẻ, quẻ Chuân thì khóc ra đìa, quẻ Khốn thì có ăn năn, đi tốt, là vì quẻ Chuân hiểm cực mà quẻ Khốn ở thể đẹp lòng, lấy sự đẹp lòng xuôi thuận mà tiến, có thể lìa khỏi cuộc *khốn.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm ở chỗ *khốn* cực cho nên có Tượng "khôn chưng cây sắn dây, chưng cheo leo, rằng động thì ăn năn". Nhưng mà các vật đã cùng thì biến, cho nên lời Chiêm của nó là: "Nếu biết ăn năn, thì có thể đi mà tốt".

Lời bàn của Tiên Nho. - Phùng Hội Vân nói rằng: Sắn dây bám vào cây khác mà leo lên đến ngọn cây, đó là cái Tượng "khốn chưng cây sắn dây" của hào Sáu Trên.

Lý Xuân Niên nói rằng: Từ hào Tư trở lên là thời khốn đến cùng cực, từ hào Tư trở xuống là ở thời khốn cực mà nghĩ cách làm cho hanh thông. Hành động đành ăn năn rồi, nếu im lặng mà không ăn năn sao bằng hành động mà có ăn năn, để làm cho sự cũng được thông? Vì vậy mới là đi tốt.

LỜI KINH

象曰：困于葛藟，位當也；動悔有悔，吉行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khốn vu cát lũy, vị đáng dã, động hối, hữu hối, cát hành dã*

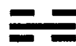
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Khốn chưng cây sắn dây, chưa đáng vậy động thì ăn năn, có ăn năn, đi tốt vậy.

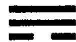
GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bị sự khốn ràng buộc, mà không đổi được, thế là chưa phải cách, tức là xử trí chưa đáng. Biết rằng hễ hành động thì ăn năn, cứ ăn năn mà đi, có thể ra khỏi cuộc khốn, đó là đi mà tốt.

Lời bàn của Tiên Nho. - Khâu Kiến An nói rằng: Quẻ Khôn là quẻ hào cứng bị lấp. Trong quẻ ba hào mềm che lấp ba hào cứng, ấy là Tượng quẻ. Nhưng hào cứng bị hào mềm che lấp thì tốt, mà hào mềm che lấp hào cứng thì hung. Quẻ dưới hào Đầu hào Ba là hào mềm che lấp hào Chín hai là hào cứng, nhưng hào Đầu nói "Khốn chưng chồi cây", hào Ba nói "khốn chưng đá", hào Hai thì nói "khốn chưng rượu cơm", lời Tượng lại cho là giữa có phúc, đó là hào Đầu hào Ba đều hung mà hào Hai tốt. Quẻ trên hào Sáu Trên là hào mềm che lấp hai hào Tư Năm là những hào cứng, nhưng hào Tư nói "thong thả có sau chót", hào Năm nói "thong thả có đẹp lòng" mà hào Trên thì nói "khốn chưng cây sắn dây", lời Tượng lại cho là chưa đáng, ấy là hào Tư hào Năm đều tốt mà hào Trên thì hung...

QUẺ TỈNH

 Khảm trên

 Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tỉnh, Tự quái nói rằng: Khốn ở phía trên, ắt phải trở lại phía dưới, cho nên tiếp đến quẻ Tỉnh[1]. Tiếp theo câu "lên mà chẳng thôi, ắt khốn" ở trên mà nói, ý bảo "lên trên không thôi mà khốn, thì ắt trở lại phía dưới". Các vật ở dưới, không gì bằng giếng, vì vậy, quẻ Tỉnh mới nói quẻ Khốn. Nó là quẻ Khảm trên Tốn dưới, Khảm là nước, mà tượng của Tốn là cây, nghĩa của Tốn thì là vào. Cái Tượng đồ gỗ vào dưới nước mà lên khỏi nước, ấy là tượng múc nước giếng.

Lời bàn của Tiên Nho. - Từ Tiến Trai nói rằng: Lấy thể quẻ mà nói, thì hào Đầu mềm là mạch suối, hào Hai, hào Ba cứng là đá suối, hào Tư mềm là chỗ rỗng trong giếng, hào Năm cứng là nước suối đã kín sắp ra khỏi giếng, hào Trên lại là chỗ rỗng trong giếng, có tượng cả một cái giếng.

Lý Long Sơn nói rằng: Đời xưa dựng nên ấp nước, ắt phải tìm chỗ có suối[2], vì vậy mà ông Công Lưu[3] mở kinh đô ở đất Mân, phải xem khí Âm Dương của đất ấy, xem nước suối của đất ấy, trước hết hãy bói xem suối giếng có tiện hay không, rồi sau mới ở. Lại rằng: Khảm là thứ nước do số một của trời sinh ra; hiện ở quẻ khác, nó đều hỏng vì trôi xuống, cho nên phần nhiều đều ví nó với chỗ hiểm; không mất tính trinh của nước, chỉ có quẻ Tỉnh mà thôi. Lấy nết quẻ mà xem, thì một hào Dương đầy đặc ở trong, hai hào Âm bao vây ở ngoài, cũng ví như khí Dương mới đem sức nóng về trong Âm lạnh, nước mùa Đông nhân đó mà thành ra ấm, ấy là chân tính của Khảm. Từng dùng sách đó mà xem nước ở gầm trời, trong mùa đông mà nước ấm, chỉ có nước giếng mà thôi, ấy là nó được mạch đất, không mất cái tính bản chân. Tới khi chảy ra sông chằm, gió mưa sương móc đẽo gọt, nó mất bản tính, không còn cái ấm áp của một khí Dương khi trước nữa. Lại xem trong đáy giếng, ở thân thể người ta thì là tinh huyết; nước trong sông ngòi ở thân thể người ta thì là nước mắt nước mũi. Tinh huyết chứa đựng chắc chắn, tức là tính sinh động của nước giếng, mà

---

[1] Chữ 井 (tỉnh) có nghĩa là giếng, có nghĩa là làng, lại có nghĩa là tề chỉnh rành rọt.

[2] Ta gọi mạch nước.

[3] Ông tổ nhà Chu.

nước mắt mũi đi rồi không lại, tức là cái hỏng của những dòng chảy xuống chỗ thấp.

LỜI KINH

井,改邑不改井,無喪無得, 往來井井.

Dịch âm. - *Tỉnh, cải ấp bất cải tỉnh, vô đắc vô táng, vãng lai tỉnh tỉnh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tỉnh, đổi làng chẳng đổi giếng, không mất không được, đi lại giếng giếng[1]

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giếng là một vật mà không thể đổi, làng có thể đổi đi chỗ khác, mà giếng thì không thể dời, cho nên nói rằng: "Đổi làng không đổi giếng". Giếng, múc nó chẳng hết, để nó chẳng đầy, tức là không mất được. Người nào đến đó cũng được dùng nó, tức là đi lại giếng giếng. Không mất không được là đức của giếng, đi lại giếng giếng là công dụng của giếng vậy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Trung Khê nói rằng: Đức của giếng là trời đất vậy, mà nó lấy sự chẳng đổi làm đức riêng. Thể dưới vốn là Kiền, thể trên vốn là Khốn, hào Đầu hào Năm cứng mềm đối nhau mà thành quẻ Tỉnh. Khôn là làng, đổi Khôn là Khảm là đổi làng. Nước Khảm là giếng, hào Năm lấy chất cứng ở ngôi giữa mà không thay đổi, thế là không đổi giếng. Làng ở nơi chốn của nó mà họp được, có thể dời đi tới giếng; giếng ở nơi chốn của nó mà có thường, không thểdời đi tới làng. Múc nó không hết cho nên không mất; không múc nó cũng không đầy, cho nên không được. Cứng đi ở ngôi Năm, mềm lại ở ngôi Đầu, kẻ đi được nước mà lên, kẻ lại tìm nước ở dưới, đi lại đều "giếng"[2] cái giếng của mình, không bị hại về đói khát, cho nên nói rằng "đi lại giếng giếng".

LỜI KINH

汔至,亦未繘井, 羸其瓶,凶.

Dịch âm. - *Hất chí, diệc vị quất tỉnh, luy kỳ bình hung.*

Dịch nghĩa. - Hầu đến, cũng chưa dong trạc đến giếng, hỏng thửa lọ, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Hất" là "hầu "quất" là dây chạc. Cái

[1] Theo Trình Di và Trương Trung thì hai chữ "giếng giếng" chữ trên là động từ (verbe), chữ dưới là danh từ (nom). Giếng giếng là "giếng cái giếng" cũng như nói "cuốc cái cuốc" "cày cái cày" "quạt cái quạt" vậy.

[2] Nghĩa là múc nước giếng mà dùng.

giếng lấy sự nên dùng làm công, hầu đến mà chưa kịp dùng thì cũng như cha buông chạc xuống giếng. Đạo đấng quân tử quý ở có nên, vì vậy mà ngũ cốc không chín, chẳng bằng cây đề bãi[1]; đào giếng chín bậc mà chưa tới suối, cũng là giếng bỏ. Có công dụng giúp cho các vật chưa tới các vật, cũng như không có vậy. Làm hỏng cái lọ mà đánh mất đi, thì sự dùng của nó mất rồi, cho nên mới hung. "Luy" là hủy cho hỏng đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Giếng là chỗ đào đất ra nước, lấy cây Tốn vào dưới nước Khảm mà đưa nước lên, cho nên là giếng. Đổi làng không đổi giếng, cho nên không mất không được, mà kẻ đi kẻ lại đều được "giếng" cái giếng đó. "Hất" là hầu "quất" là dây chạc "luy" là hỏng. Múc nước giếng, khi hầu tới, chưa hết dây chạc mà hỏng lọ thì hung. Lời Chiêm của nó, là, các việc cứ để như cũ thì không được gì, mất gì, lại nên kính cẩn cố gắng, chớ để hầu thành mà hỏng.

LỜI KINH

彖曰: 巽乎水而上水,井, 井養而不窮也, 改邑不改井, 乃以滗中也,汔至,亦未繘井, 未有功也,羸其瓶,是以凶也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tốn hồ thủy nhi thượng thủy, tỉnh, tỉnh dưỡng nhi bất cùng dã, cải ấp bất cải tỉnh, nãi dĩ cương trung dã, hất chí, diệc vị quất tỉnh, vị hữu công dã, huy kỳ bình, thị dĩ hung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Vào chưng nước mà đưa nước lên, là giếng, giếng là vật nuôi mà không cùng vậy, đổi làng chẳng đổi giếng, bèn vì cứng giữa vậy, hầu tới, cũng chưa dong chạc đến giếng, chưa có công vậy, hỏng thửa lọ, cho nên hung vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhún vào trong nước mà đưa nước lên là giếng. Giếng nuôi các vật không hề cùng thôi, lấy mãi mà không hết ấy là đức nó có thường độ, làng có thể đổi, giếng không thể dời, cũng là thường độ của đức giếng đó. Đức cứng giữa của hai hào Hai, Năm có thường độ đến thế, do ở tài quẻ hợp với nghĩa vậy. Dẫu cho hầu đến, nếu chưa được dùng, thì cũng giống như chưa dòng dây chạc đến giếng, là vì giếng phải lấy sự nên dùng làm công, nước ra mới là có dùng, chưa ra thì còn công gì? Lọ là cái để đun nước lên mà dùng hư hỏng cái lọ, tức là không được việc gì, vì vậy mới hung.

---

[1] Một thứ cỏ sàn ở phía Bắc nước Tàu, có hột như lúa, nhưng phần nhiều chỉ để nuôi gia súc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoạn trên dùng Tượng quẻ thích nghĩa tên quẻ, đoạn dưới dùng thể quẻ thích lời quẻ. Hai câu "không mất không được, đi lại giếng giếng" với câu "không đổi giếng" cùng ý, cho nên không nhắc lại nữa. Cứng giữa chỉ về hai hào Hai, Năm, chưa có công mà hỏng mất lọ, cho nên là hung.

LỜI KINH

象曰: 木上有水,井,君子以勞民勸相.

Dịch âm. - *Tượng viết: Mộc thượng hữu thủy, Tỉnh, quân tử dĩ lạo dân khuyến tưởng.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên cây có nước là quẻ Tỉnh, đấng quân tử coi đó mà yên ủi dân, khuyến khích sự giúp đỡ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cây hứng nước mà lên, là Tượng cái đồ máu mắt đầm múc nước ra khỏi giếng. Đấng quân tử coi tượng giếng, bắt chước đức giếng, để yên ủi dân mình mà khuyến miễn họ về cách giúp nhau. Yên ủi dân mình là bắt chước sự dùng của cái giếng, khuyên dân khiến họ giúp nhau là bắt chước sự ra ơn của cái giếng vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trên cây có nước thấm nhuần đi lên là Tượng cái giếng, Yên ủi dân là để trị nuôi dân, khuyến khích sự giúp đỡ là để dân nuôi nhau, đều lấy về nghĩa "cái giếng nuôi người".

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: "Trên cây có nước là quẻ Tỉnh" câu đó, những người chú giải cho là đồ múc nước, thì ở trên có lọ, lọ là đồ sành (không phải đồ gỗ), chỗ đó không thể hiểu. E đó chỉ nói tính nước nhuần thấm đi lên, đến tận ngọn cây, ấy là Tượng nước giếng đi lên... Trong loài cây cỏ, tân dịch đều đi lên, thẳng đến ngọn cây, đó là nghĩa trên cây có nước.

Có người hỏi rằng: "Câu đó, Trình Tử cho là cái thùng múc nước ở giếng", có phải hay không? Đáp rằng: Không phải. "Trên cây có nước" tức là cây dùi trong nước, đưa nước ấy lên, nếu cho là cái thùng múc nước, thì giải không thông và lại không hợp với câu "hỏng thưa lọ" nữa.

LỜI KINH

初六: 井泥不食,舊井無禽.

Dịch âm. - *Sơ lục: Tỉnh mê bất thực, cựu tỉnh vô cầm.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Giếng bùn chẳng ăn, giếng cũ không chim.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Giếng và vạc đều là đồ vật, cho nên đều

theo đồ vật mà tìm ra nghĩa. Hào Sáu lấy chất Âm mềm ở dưới, phía trên không có ứng viện, là Tượng không đưa nước lên, không thể giúp cho các loài. Đó là cái giếng không thể ăn. Giếng không thể ăn vì nó bùn bẩn, ở dưới giếng là Tượng bùn. Công dụng của giếng do ở nước của nó nuôi được người ta. Không có nước thì phải bỏ đó không dùng. Nước giếng đưa lên, người ta được hưởng sự dùng của nó, chim chóc cũng tới mà tìm, cái giếng cũ bỏ, người đã chẳng ăn, nước chẳng đưa lên, chim chóc cũng không buồn đến. Vì nó không có cái để giúp các loài. Giếng vốn là vật giúp người, hào Sáu lấy chất Âm ở ngôi dưới, là Tượng không có nước lên, cho nên là không thể ăn. Giếng không thể ăn, vì nó là bùn, cũng như người ta đương lúc giúp cho mọi người, mà mình tài hèn, không kẻ cứu giúp, không thể giúp ai, bị đời ruồng bỏ vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Công của cái giếng ở chỗ nó là Dương cứng mà có nước mạch chảy lên. Hào Sáu Đầu lấy chất Âm ở ngôi, dưới, cho nên mới là Tượng này. Bởi nó không có nước mạch mà chỉ có bùn, thì người ta không ăn mà chim chóc cũng không đoái tới.

LỜI KINH

象曰: 井泥不食, 下也, 舊井無禽, 時舍也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tỉnh mê bất thực, hạ dã; cựu tỉnh vô cầm thì xả dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giếng bùn chẳng ăn, ở dưới vậy; giếng cũ không chim, thì bỏ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy chất Âm mà ở dưới giếng, là Tượng bùn vậy. Không có nước mà là bùn, người ta không ăn. Người không ăn thì nước không lên, không có cái gì kịp tới chim chóc, chim chóc cũng chẳng buồn đến nữa, chỗ đó đủ thấy nó không giúp cho các loài, bị đời bỏ đó không dùng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói bị đời ruồng bỏ.

LỜI KINH

九二: 井谷, 射鮒, 甕敝漏.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Tỉnh cốc, xạ phụ, úng tệ lậu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Giếng hang, bắn loài ếch nhái[1], vò nát dò.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai tuy là tài Dương cứng mà nó ở

---

[1] Dịch theo Trình Di.

dưới, phía trên không có kẻ ứng, lại liền với hào Đầu, là Tượng không lên mà xuống. Đào giếng là thứ đi lên, nước của khe hang thì ra đằng cạnh mà đi trở xuống. Hào Hai ở quẻ Tỉnh mà mất đạo của giếng, ấy là cái giếng mà như cái hang. Giếng đi lên thì nuôi được loài người mà giúp được loài vật, này nó đi xuống, chỉ là bùn bẩn, rót vào loài ếch nhái mà thôi. Chữ "phụ" có người cho là con cóc, có người cho là con ễnh ương, là loại vật nhỏ ở trong giếng vậy. "Xạ" nghĩa là rót như nước hang chảy xuống rót vào loài ếch nhái vậy. "Vò nát dò" tức là cái vò bị vỡ mà dò. Là tài Dương cứng, vốn vẫn có thể nuôi người giúp vật, mà phía trên không có ứng viện, cho nên không thể đi lên mà phải đi xuống, vì vậy mới không có công giúp cho sự dùng, cũng như nước ở trong vò, vốn có thể dùng, chỉ vì vỡ nát mà dò, không dùng được nữa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai chất ứng ở giữa, có Tượng nước mạch, nhưng vì trên không ứng, dưới thì liền với hào Sáu Đầu, công dụng không đi lên, cho nên Tượng nó như thế.

LỜI KINH

九二: 井谷射鮒, 無與也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tỉnh cốc, xạ phụ, vô dữ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giếng hang, bắn ếch nhái, không cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái giếng lấy sự chảy lên làm công, hào Hai là tài Dương cứng, vốn vẫn có thể nên dùng, vì nó ở dưới, mà phía trên không kẻ ứng viện, cho nên phải liền xuống dưới mà bắn vào ếch nhái. Nếu như phía trên có kẻ cùng với, thì sẽ kéo cho nó lên, mà làm nên công dụng của cái giếng vậy.

LỜI KINH

九三: 井渫不食, 為我心惻, 可用汲, 王明, 并受其福.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Tỉnh điệp bất thực, vi ngã tâm trắc, khả dụng cấp, vương minh, tịnh thụ kỳ phúc*

Dịch nghĩa. - Hào chín Ba: Giếng trong chẳng ăn, làm sự bùi ngùi cho lòng ta, khá dùng múc nước; vua sáng, cùng chịu thửa phúc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba lấy chất Dương cứng ở được chỗ chính, ấy là kẻ có tài giúp cho sự dùng. Nó ở lớp trên của phần dưới cái giếng, tức là thứ nước trong sạch, có thể ăn được. Cái giếng, lấy sự lên là đắc dụng, ở dưới là chưa được dùng. Tỉnh Dương thích lên, lại ứng với hào Sáu Trên, ở chỗ cứng mà quá bậc giữa, săng sắc

về sự tiến lên, ấy là kẻ có tài dụng mà thiết tha về đường thi hành. Khi chưa được dùng, cũng như cái giếng trong trẻo sạch sẽ mà không được người ta ăn đến, làm cho lòng phải bùi ngùi. Hào Ba ở thì quẻ Tỉnh, cứng mà không giữa, cho nên thiết tha về đường thi thố, khác với tư tưởng "dùng thì làm, bỏ thì giấu đi" của đức Khổng Tử. Nhưng đấng minh vương dùng người, há nên cầu toàn trách bị? Cho nên vua sáng thì được chịu phúc. Tài hào Ba đủ để giúp cho sự dùng, như giếng trong sạch, có thể múc lên mà ăn. Nếu ở trên có ông vua sáng thì nên dùng họ mà được hiệu quả của họ; kẻ hiền tài đắc dụng, thì mình được thi hành đạo của mình, vua được hưởng công của mình, người dưới cũng được chịu ơn của mình. Đó là trên dưới cùng chịu phúc vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Điệp" là không đọng chất dơ bẩn. Giếng trong không ăn mà khiến người ta lòng phải bùi ngùi, thì có thể múc vậy. Lấy chất Dương, ở ngôi Dương, đứng trên quẻ dưới, mà chưa được đời dùng, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 井渫不食, 行惻也, 求王明, 受福也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tỉnh điệp bất thực, hành trắc dã, cầu minh vương, thụ phúc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giếng trong chẳng ăn, kẻ đi bùi ngùi vậy: tìm vua sáng, cùng chịu phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giếng trong sạch mà không được người ta ăn đến, tức là người có tài trí mà không được dùng, lấy sự không được hành đạo làm điều lo lắng ngậm ngùi vậy. Đã lấy sự không được hành đạo làm điều lo lắng bùi ngùi, thì sao cho khỏi có sự cầu cạnh? Cho nên nó tìm vua sáng mà chịu phúc, là tại trí nó thiết tha về sự hành đạo vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Hành trắc" nghĩa là kẻ đi đường lấy làm bùi ngùi.

LỜI KINH

六四: 井甃, 無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Tỉnh thịu, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Giếng xây bờ, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư tuy là Âm mềm mà nó ở được chỗ chính, trên thờ ông vua Chín Năm, là kẻ tài tuy không đủ thi thố

rộng rãi, làm lợi cho người, nhưng cũng có thể tự giữ lấy mình, cho nên, nó biết sửa trị thì không có lỗi "Thịu" là xây cách chồng chất, tức là sửa trị vậy. Hào Tư là tài hèn, không thể thi thố cái công giúp người một cách rộng rãi, nhưng nếu sửa trị việc mình, không để hư bỏ, thì được. Bằng cách không sửa trị, bỏ mất cái công nuôi người, ấy là mất đạo cái giếng, lỗi đó lớn lắm. Ở ngôi cao, gặp vua Dương cương trung chính, chỉ nên xử cho chính đính, vâng thờ bên trên, chẳng bỏ việc mình, cũng được khỏi lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là hào Sáu, ở ngôi Tư, tuy được chỗ chính, nhưng vì là chất Âm mềm chẳng thành nước mạch, thì chỉ có thể sửa trị mà không có công tới người, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Kẻ xem nếu biết tự mình sửa trị thì tuy là không có công tới người, mà cũng có thể không lỗi.

LỜI KINH

象曰：井甃無咎，修井也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tỉnh thịu vô cữu, tu tỉnh dã.*

Dịch nghĩa. Lời Tượng nói rằng: Giếng xây dựng bờ không lỗi, sửa giếng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xây bờ tức là sửa trị cho giếng, tuy là không thể làm lớn cái công giúp người, nhưng biết sửa trị, thì không phải bỏ, cho nên không lỗi. Chỉ được khỏi lỗi mà thôi. Nếu nó là Dương cương, thì không đến nỗi như thế.

LỜI KINH

九五：井冽，寒泉食.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Tỉnh liệt, hàn toàn thực.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Giếng mát, suối lạnh, ăn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm lấy chất Dương cương trung chính ở ngôi tôn, tài nó đức nó rất hay rất đẹp. "Giếng mát, suối lạnh, ăn" là sao? Mát là ngọt sạch, nước giếng lấy lạnh làm ngon, suối lạnh ngọt sạch, có thể để người ta ăn; để tạo giếng thế là rất hay. Nhưng không nói tốt, là vì giếng phải vọt lên mới là thành công, chưa đến bậc trên thì chưa tới sự dùng, cho nên, đến hào Trên mới nói cả tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Mát" tức là sạch. Dương cứng giữa chính, công tới các loài, cho nên thành ra Tượng ấy. Kẻ xem có đức kia thì hợp Tượng này.

LỜI KINH

象曰：寒泉之食，中正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hàn toàn chi thực, trung chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Suối lạnh chưng ăn, giữa chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Suối lạnh mà có thể ăn, là điều chí thiện trong đạo giếng. Hào Chín Năm có đức giữa chính, tức là cái nghĩa chí thiện vậy.

LỜI KINH

上六：井收，勿幕，有孚，元吉.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Tỉnh thu, vật mục, hữu phu, nguyên cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Giếng thu, chớ chùm, có tin, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Công dụng của giếng là sự vọt lên. Ở lấp, lấy mà không che, lợi đó vô cùng, ơn của giếng rộng lắm lớn lắm. Có *tin* là có thường độ mà không thay đổi, ra ơn rộng mà có thường độ, tức là sự tốt trong điều cả hay. Thể theo công dụng của giếng, ra ơn rộng mà có thường độ, phi bậc người lớn thì ai làm nổi? Cùng chót quẻ khác là cực, là biến, chỉ có quẻ Tỉnh quẻ Đỉnh, cùng chót là thành, vì vậy mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thu là múc lấy, họ Triều nói “thu là trục kéo dây chạc lên”, cũng thông. “Trùm” là che úp. “Có tin” là nó chảy ra có nguồn mà không cùng kiệt. Giếng lấy sự vọt lên làm công, mà cửa Khảm không lấp, cho nên hào Sáu Trên tuy chẳng phải là chất Dương cứng, mà Tượng nó như thế. Nhưng, kẻ xem ứng được hào này, cũng ắt phải có đức tin mới là cả tốt.

LỜI KINH

象曰：元吉在上，大成也.

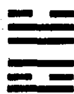
Dịch âm. - *Tượng viết: nguyên cát tại thượng, đại thành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nó rằng: Cả tốt ở trên, cả nên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy cái tốt về sự cả hay mà ở trên quẻ, tức là đạo giếng cả nên. Bởi vì quẻ Tỉnh lấy hào Trên làm thành công.

QUẺ CÁCH


Đoái trên
Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Cách Tự quái nói rằng: Đào *giếng* không thể không đổi, cho nên tiếp đến quẻ Cách[1]. Giếng là một vật chứa mãi thì dơ hỏng, đổi đi thì trong sạch, không thể không đổi, cho nên ở sau quẻ Tỉnh, tiếp đến quẻ Cách. Nó là quẻ Đoái trên Ly dưới, tức là trong chằm có lửa. Cách là biến đổi, nước lửa là giống làm tắt lẫn nhau, nước diệt lửa, lửa làm cạn nước, ấy là biến đổi cho nhau. Tính lửa bốc lên, tính nước chảy xuống, nếu có trái nhau mà đi, thì đi quẻ Khuê mà thôi. Nay lửa ở dưới mà nước ở trên, ấy là nói tới với nhau, khắc chế nhau, làm tắt dứt nhau, vì vậy là *cách.* Lại, hai con gái cùng ở, mà chỗ về khác nhau, chí không giống nhau, tức là không tương đắc với nhau, cho nên là *Cách.*

LỜI KINH

革,已日乃孚,元亨,利貞,悔亡.

Dịch âm. - *Cách, dĩ nhật nãi phu, nguyên hanh lợi trinh, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Cách, hết ngày bèn tin, cả hanh lợi trinh, ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cách là đổi cái cũ, đổi cái cũ thì người ta chưa chịu tin ngay, cho nên phải đợi hết ngày, lòng người mới tin theo "Cả hanh lợi trinh, ăn năn mất" là sao? Có hỏng nát mới phải thay đổi, mà thay đổi là để làm cho hanh thông, cho nên, đổi đi mà có thể cả hanh, đổi đi mà lợi về chính đạo, thì có lâu dài mà được cái nghĩa "bỏ cũ", không phải ăn năn về sự biến động, thế là "ăn năn mất". Đổi thay mà không ích lắm, còn đáng ăn năn, huống chi đổi thay mà lại có hại. Vì vậy, cổ nhân mới coi việc cải cách là việc quan trọng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cách là biến đổi, chằm Đoái ở trên, lửa Ly ở dưới, lửa cháy thì nước cạn, nước vỡ thì lửa tắt. Hai gái nhớ và nhỏ hợp làm một quẻ, mà gái nhỏ ở trên, gái nhỡ ở dưới, chí không

---

[1] Chữ (cách) nghĩa là cải cách, thay cũ đổi mới.

tương đắc với nhau, cho nên quẻ nó là Cách. Lúc mới biến cách người ta chưa tin, cho nên mới đợi hết ngày mới tin. Lại vì bên trong mà đức văn vẻ sáng sủa, bên ngoài có vẻ hào vui đẹp lòng, cho nên lời Chiêm của nó là hễ có thay đổi thì đều cả hanh, mà được chính đạo, những sự thay đổi xứng đáng mà sự ăn năn về cái thay đổi đó đều mất. Nếu có gì bất chính, thì việc thay đổi không được ai tin, không thể hanh thông, lại có ăn năn nữa.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Trịnh Đông Hương giải nghĩa quẻ Cách, cho là hỏa lò. Giải vậy cũng hay. Hào Đầu là đáy lò, hào Hai là mắt lò, hào Ba, hào Tư, hào Năm là chỗ lưng lò, hào Trên là miệng lò. Trong quẻ, muốn xem đến nơi đến chốn, cần phải xem gồm cả Tượng, có điều Tượng đã thất truyền mất rồi. Trịnh Đông Hương là người chuyên lấy về Tượng, như bảo quẻ Đỉnh là cái vạc, quẻ Cách là cái lò, quẻ Tiểu quá là con chim bay, cũng đủ nghĩa lý, ngoài ra còn nhiều chỗ hay, nhưng cũng có chỗ bịa tạc.

LỜI KINH

彖曰: 革,水火相息, 二女同居, 其志不相得, 曰革.

Dịch âm. - *Thoán viết: Cách, thủy hỏa tương tức, nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất tương đắc, viết Cách.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Cách, nước lửa làm tắt lẫn nhau, hai con gái cùng ở, mà bụng dạ không hợp nhau, gọi rằng Cách.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chằm và lửa làm tắt dứt nhau, lại hai con gái bụng dạ không hợp nhau, cho nên là *Cách.* Chữ "tức" nghĩa là thôi tắt, lại là sinh đẻ, loài vật phải có thôi tắt rồi mới sinh đẻ. Chữ "tương tức" trong quẻ Cách thì là thôi tắt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy tượng quẻ thích nghĩa tên quẻ đại lược cũng giống quẻ Khuê, nhưng trái nhau là quẻ Khuê, mà làm tắt nhau thì là quẻ Cách. *Tức* là dứt tắt, lại là nghĩa sinh đẻ, có đứt mà sau mới sinh đẻ được.

LỜI KINH

以日乃孚, 革而信之.

Dịch âm. - *Dĩ nhật nãi phu, cách nhi tín chi.*

Dịch nghĩa. - Hết ngày bèn tin, đổi mà tin đó.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc mới thay đổi, nhân dân đâu đã tin ngay? Ắt phải hết ngày rồi họ mới tin. Kẻ ở trên, trong khi cải cách, cần phải tuyên cáo rành rọt, nhắc lại mệnh lệnh, cho đến hết ngày,

khiến người ta tin. Lòng người không tin, khó mà bắt họ làm gương, không thể thành công. Chính lệnh của tiên vương, có khi lúc đầu lòng người còn ngờ, nhưng chẳng bao lâu rồi họ ắt tin. Dân không tin mà nên được cuộc thiên trị, thì chưa từng có.

LỜI KINH

文明以說, 大亨以正, 革而當, 其悔乃亡.

Dịch âm. - *Văn minh dĩ duyệt đại hanh dĩ chính, cách nhi đảng, kỳ hối nãi vong*

Dịch nghĩa. - Văn vẻ sáng sủa và đẹp lòng, cả hanh và chính, đổi mà xứng đáng, sự ăn năn ấy mới mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ mà nói về đạo *thay đổi.* Ly là văn vẻ sáng sủa, Đoái là đẹp lòng, văn vẻ sáng sủa thì không lẽ gì không nết, không việc gì không xét, đẹp lòng thì người hòa thuận, *thay đổi* mà soi xét được sự lý, hòa thuận được lòng người thì có thể đem đến sự cả hanh mà được trinh chính, nếu thế thì việc biến cách được xứng đáng, cho nên sự ăn năn phải mất. Việc trong thiên hạ, thay đổi không phải đạo, thì sẽ lại đến tệ hại, cho nên việc thay đổi có thể phải ăn năn, chỉ có thay đổi rất xứng đáng, thì sự ăn năn mới cũ đều mất.

LỜI KINH

天地革而四時成, 湯武革命,
順乎天而應乎人, 革之時大矣哉!

Dịch âm. - *Thiên địa cách nhi tứ thì thành, Thang Vũ cách mệnh, thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân, Cách chi thì đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Trời đất đổi mà bốn mùa nên; vua Thang vua Vũ đổi mệnh thuận với trời mà ứng với người, thì của quẻ Cách lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây là suy rộng đạo đổi, cùng cực cho đến trời đất biến đổi, bốn mùa đầu chót vậy. Trời đất Âm Dương dời dịch thay đổi mà thành bốn mùa, muôn vật nhờ đó mà đẻ ra, lớn lên, thành hình, chót đời, vật nào được sự thích nghi của vật ấy, đó là "đổi mà bốn mùa thành". Thì vận đã hết, ắt nó thay đổi cho mới ra đấng vương giả dấy lên, chịu mệnh ở trời, cho nên đổi đời gọi là "đổi mệnh". Vua Thang vua Vũ làm nên nghiệp vua, trên thì thuận với mệnh trời, dưới thì ứng lòng người, đó là "thuận với trời mà ứng với người". Đạo

trời biến cải, cuộc dời lần dời, ấy là việc lớn trong sự *thay đổi,* cho nên khen rằng "thì của quẻ Cách lớn vậy thay".

LỜI KINH

象曰: 澤中有火,革.君子以治厤明時.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch trung hữu hỏa, cách, quân tử dĩ trị lịch minh thì.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trong chằm có lửa, là quẻ Cách. Đấng quân tử coi đó mà trị lịch rõ mùa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nước lửa làm tắt lẫn nhau là quẻ Cách. Cách là *thay đổi,* đấng quân tử coi Tượng *thay đổi,* suy xét sự dời dịch của mặt trời mặt trăng ngôi sao, vì sao, để làm lịch số, tỏ rõ thứ tự của bốn mùa. Ôi, trong đạo biến đổi, việc rất lớn, lẽ rất rõ, dấu rất rệt, chẳng gì bằng bốn mùa, xem bốn mùa mà thay đổi theo đó, thì sẽ hợp thứ tự với trời đất vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bốn mùa là cuộc *thay đổi* lớn.

LỜI KINH

初九: 鞏用黃牛之革

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Củng dụng hoàng ngưu chi cách.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Giàng bó dùng da trâu vàng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Biến đổi là việc lớn, ắt phải có thời có ngôi có tài, xét lo cẩn thận sẽ hành động, thì sau mới khỏi ăn năn. Hào Chín này, nói về thời thì là lúc đầu, hành động công việc, hào Đầu không có ý suy xét cẩn thận, mà lại có tượng nóng nẩy thay đổi; nói về ngôi thời là ở dưới, không có thời không có ứng viện, mà hành động ở dưới, thì hay bị lỗi về sự càn dỡ, mà không biết trọng về đường thể chế; nói về tài thì nó thể Ly chất Dương, tính Ly thích lên, mà thể Dương cứng mạnh, đều là nóng về hành động, tài nó như thế, nếu có làm gì, thì sự hung cữu đến ngay. Bởi vì có *cứng* mà không *giữa,* lại ở vào thể nóng nảy, cái thiếu của nó là đức *giữa* và nết *thuận,* nên lấy đức *giữa* và nết *thuận,* tự giữ cho bền mà đừng động càn mới được *Củng* là *giàng* bó, da là cái để bọc, vàng là sắc giữa, trâu là giống thuận "giàng bó dùng da trâu vàng" nghĩa là cần phải lấy đạo *giữa thuận,* tự giữ cho bền chớ có động càn.

Bản nghĩa của Chu Hy.- Dẫu đương thì đổi, nhưng hào này ở ngôi Đầu, không có ứng viện, chưa thể làm gì, cho nên mới là Tượng ấy. *Củng* là làm cho bền chắc, vàng là sắc giữa, trâu là giống thuận,

da là vật để làm cho bền chặt cái đồ vật, chữ "Cách" là "da" cũng lấy chữ "Cách" tên quẻ mà nghĩa khác nhau. Lời Chiêm của hào này là nên cố giữ bền chặt, không thể làm gì. Thánh nhân với việc biến cách, cẩn thận như vậy.

LỜI KINH

象曰: 鞏用黄牛,不可以有為也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Củng dụng hoàng ngưu, bất khả dĩ hữu vi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Giàng bó dùng trâu vàng, chẳng khá có làm vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là hào Chín Đầu, thì, ngôi và tài đều không thể làm gì, cho nên, chỉ lấy đức *giữa thuận* tự giữ cho bền.

LỜI KINH

六二: 已日乃革之,征吉,無咎.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Dĩ nhật nãi cách chi, chinh cát, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Hết ngày bèn đổi đấy, đi tốt, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy hào Sáu ở ngôi Hai, mềm thuận mà được trung chính, lại là chủ cái thể "văn vẻ sáng sủa", phía trên có công vua Dương cứng cùng đức trung chính ứng nhau với mình; trung chính thì không thiên tư, văn vẻ sáng sủa thì soi xét hết sự lý, ứng với bề trên thì được quyền hành, ở vào thể thuận thì không có việc ngang trái, thì được, ngôi được, tài đủ, ấy là kẻ xử cuộc *thay đổi* rất hay. Nhưng đạo làm tôi, không nên làm kẻ đi trước trong cuộc *thay đổi,* ắt đợi trên dưới tin mình, cho nên hết ngày mới đổi. Như tài đức của hào Hai này, và cái chỗ nó ở, cái thì nó gặp, đủ để *đổi thay* điều tệ của thiên hạ, làm mới cuộc trị cho thiên hạ, nên tiến lên mà giúp vua, để thực hành cái đạo của mình, thì tốt mà không có lỗi. Nếu không tiến lên thì mất cơ hội có thể làm việc, tức là có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Hai mềm thuận trung chính mà là chủ thể "văn vẻ sáng sủa", có ứng viện ở trên, với tư cách ấy có thể cải cách được rồi. Nhưng ắt phải đợi hết ngày rồi sẽ cải cách, thì đi được tốt mà không có lỗi. Đó là răn kẻ xem không nên biến cải một cách vội vàng vậy.

LỜI KINH

象曰: 已日革之,行有嘉也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Dĩ nhật cách chi, hành hữu gia dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hết ngày đổi đấy, đi có tốt vậy.

Truyện của Trình Di. - Hết ngày mà đổi, đi thì tốt mà không lỗi thế là đi có phúc tốt.

LỜI KINH

九三: 征凶,貞厲,革言三就,有孚.

Dịch âm. - *Cửu tam: Chính hung trinh lệ, cách ngôn tam tựu, hữu phu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Đi hung, chính nguy, nói đổi ba nên có tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba lấy chất Dương cứng ở trên quẻ dưới, lại đứng trên thể Ly, mà không được giữa, đó là kẻ nóng nẩy về sự *thay đổi,* ở dưới lại nóng nảy về việc biến cách, dùng kiểu đó mà đi, thì hung. Nhưng mà ở trên kẻ dưới, việc nếu đáng phải thay đổi, há lại có thể không làm? Cốt ở giữ trinh chính, nhớ lo sợ, thuận theo công luận, thì có thể làm mà không ngờ gì. "Nói đổi" tức là lời bàn về cuộc *thay đổi;* "tựu" nghĩa là nên, là hợp, xét những lời bàn về cuộc *thay đổi* đến ba lần mà đều hợp thì có thể tin. Ý nói cực kỳ thận trọng, có thể như thế, thì ắt được xứng đáng rất mực, mới là có tin. "Có tin" nghĩa là mình tin được mà mọi người cũng tin nữa như thế thì có *thay đổi.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quá cứng không giữa, ở chỗ cùng cực của thể Ly, là kẻ nóng nảy về sự *cải cách,* cho nên lời Chiêm của nó mới có câu răn "đi hung, chính nguy". Nhưng cái thì của nó thì đáng *cải cách,* cho nên đến lời nói về việc *cải cách* đã ba lần nên, thì có tin và có thể *cải cách.*

LỜI KINH

象曰: 革言三就,又何之矣?

Dịch âm. - *Tượng viết: Cách ngôn tam tựu, hựu hà chi hỹ?*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nói đổi ba lên, lại đi đâu vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xét về lời bàn của công chúng, đến ba lần, thì việc rất đáng rồi?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói đã đích xác rồi.

LỜI KINH

九四: 悔亡,有孚,改命吉.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Hối vong, hữu phu, cải mệnh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Ăn năn mất, có tin đổi mệnh tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chín Tư là lúc cuộc *đổi* đương thịnh, Dương cứng là hạng có tài *thay đổi,* lìa thể dưới và tiến lên thể trên, là thử có thể thay đổi, ở vào khoảng giữa nước lửa, là thế có thể *thay đổi* được ngôi gần vua, là trách nhiệm phải thay đổi, phía dưới không có hệ ứng, là chí muốn *thay đổi,* lấy hào Chín ở ngôi Tư, cứng mềm xen nhau, là công dụng của việc thay đổi, hào Tư đủ bấy nhiêu điều, có thể bảo là kẻ xứng đáng với thời *cải cách,* việc đáng ăn năn mới *thay đổi, thay đổi* được xứng đáng, sự ăn năn mới mất. *Thay đổi* đã xứng đáng cốt ở xử trí bằng lòng chí thành, cho nên "có tin thì đổi mệnh tốt". Đổi mệnh là đổi chính trị, nghĩa là cải cách nó đi. Việc đã xứng đáng, mối tệ đã đổi rồi, lại thi hành bằng cách chí thành, người trên tin mà người dưới theo, đủ biết là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương ở ngôi Âm; cho nên có ăn năn. Nhưng quẻ đã quá giữa, nhằm vào khoảng giữa nước lửa, tức là lúc đáng *cải cách,* mà hào này cứng mềm không thiên, lại là công dụng của cuộc cải cách, cho nên sự ăn năn mất đi. Song mà ắt phải có tin, rồi sẽ cải cách thì mới được. Kẻ xem có đức ấy, gặp thời ấy, lại ắt phải có đức tin, thì sự ăn năn mới mất và mới được tốt.

LỜI KINH

象曰: 改命之吉,信志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cải mệnh chi cát, tín chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của sự đổi mệnh, là tín chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đổi mệnh mà tốt, là vì trên dưới tin bụng của nhau. Lòng thành đã tộc bậc, thì kẻ trên, người dưới tin nhau. Đạo đổi lấy sự tin nhau của kẻ trên người dưới làm gốc.

LỜI KINH

九五: 大人虎變, 未占有孚.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Đại nhân hổ biến, vị chiêm hữu phu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Người lớn cọp biến, chưa xem có tin.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm lấy tài Dương cứng, đức giữa chính, ở ngôi tôn, là người lớn đó. Dùng đạo "người lớn" *cải cách* việc thiên hạ, không có việc gì không xứng đáng, không việc gì không

hợp thời, qua đâu thì đấy biến hóa, sự lý rõ rệt, như vằn con cọp, cho nên nó là "cọp biến". *Rồng cọp* là Tượng người lớn, biến là cuộc thay đổi của sự vật. Lấy đạo "người lớn trung chính" mà cải cách việc đời, rõ rệt sáng sủa, không đợi xem xét đã biết là rất xứng đáng, thiên hạ ắt tin; thiên hạ đội ơn *cải cách* của người lớn cũng chẳng đợi xem xét, biết là rất xứng đáng mà tự tin ngay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cọp là Tượng người lớn, biến là thửa đổi mà lông mượt, ở bậc người lớn, thì là làm mới thân mình, làm mới dân mình, đến bậc cùng tột, tức là lúc thuận với trời ứng với người vậy. Hào Chín Năm lấy đức Dương cương trung chính làm chủ *cuộc đổi,* cho nên có Tượng ấy. Kẻ xem mà được hào này thì cũng có sự ứng nghiệm đó, nhưng ắt phải tự khi chưa xem, người ta đã tin mình như thế, thì mới có thể đương nổi.

Lời bàn của Tiên Nho. - Hồ Vân Phong nói rằng: "Cọp biến" là nó thưa da mà lông mượt, vì tháng trọng hạ thì loài thú lông thưa, da đổi, đến mùa thu, lông rụng lại mọc, nhẫy mượt mà tươi đẹp. Thể quẻ, Ly là mùa hạ đổi ra Đoái là mùa thu, cho nên mới có Tượng ấy.

LỜI KINH

象曰: 大人虎變,其文炳也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đại nhân hổ biến, kỳ văn bính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Người lớn cọp biến, thửa vẻ tỏ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự lý rõ ràng, như vằn cọp tỏ rệt, sáng sủa, thiên hạn còn không tin chăng?

LỜI KINH

上六: 君子豹變,小人革面,征凶, 居貞.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Quân tử báo biến, tiểu nhân cách diện, chinh hung, cư trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Đấng quân tử beo biến, kẻ tiểu nhân đổi mặt, đi hung, ở chính.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cuối cuộc *đổi* tức là đạo *đổi* đã thành. Đấng quân tử chỉ vào người thiện. Lương thiện thì mình theo cuộc *đổi* mà biến hóa, tỏ rõ như vẻ sặc sỡ của vằn con beo. Tiêu nhân là kẻ ngu tối khó dời, tuy chưa thật bụng hóa hẳn, nhưng cũng đổi mặt để theo giáo lệnh của người trên. Rồng cọp là Tượng người lớn, cho nên người lớn nói rồng, quân tử nói beo... Kẻ tiểu nhân đã *đổi* bề ngoài thì đạo *đổi* có thể là thành, nếu lại theo đuổi mà trị họ mãi, thì là quá thậm.

Quá thậm là không phải đạo, cho nên đến cuối cuộc *đổi* mà lại đi nữa thì hung, chỉ nên chính bền tự giữ mà thôi. Cuộc *đổi* đến chót mà không giữ bằng cách chính bền, thì sự *đổi* đó sẽ lại thay đổi đi mất. Việc trong thiên hạ, lúc đầu thì lo khó đổi khi đã *đổi* rồi thì lo khó giữ, cho nên đến chót cuộc đổi mới răn người ta "ở chính thì tốt".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đạo *đổi* đã thành, đấng quân tử như beo *đổi* vằn, kẻ tiểu nhân cũng *đổi* mặt nghe theo, không nên đi nữa, mà cứ ở chính thì tốt. Cái việc *biến cách,* là việc không đừng được, không thể làm quá, mà tài của hào Sáu Trên cũng không có thể làm lớn, cho nên kẻ xem cũng như thế.

LỜI KINH

象曰: 君子豹變,其文蔚也.
小人革面, 順以從君也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử báo biến, kỳ văn uất dã, tiểu nhân cách diện, thuận dĩ tòng quân dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đấng quân tử báo biến, thửa vẻ sặc sỡ vậy, kẻ tiểu nhân đổi mặt, thuận để theo vua vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Đấng quân tử theo thói hay, dời điều thiện, thành ra văn vẻ sặc sỡ hiện ra ngoài. Từ bậc trung nhân trở lên, chẳng ai không biến đổi, cho đến tiểu nhân là kẻ không dời chuyển, cũng không dám động sự ác của nó, mà phải biến đổi bề ngoài, để theo giáo lệnh của người trên, thế là đổi mặt. Đến đó đạo *đổi* thành rồi, kẻ tiểu nhân cố gượng mà giả làm lành, đấng quân tử cũng nên dong họ, nếu lại theo đổi mà trị họ nữa thì hung.

QUẺ ĐỈNH

 Ly trên
 Tốn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đỉnh, Tự quái nói rằng: Thay đổi các vật, không gì bằng cái vạc, cho nên tiếp đến quẻ Đỉnh[1]. Sự dùng của cái vạc, là để thay đổi các vật, biến thứ sống ra thứ chín, đổi cái rắn thành cái mềm. Nước lửa giống không thể cùng ở với nhau, mà lại có thể khiến nó hợp nhau làm việc, mà không hại nhau, ấy là nó đổi được các vật, vì vậy quẻ Đỉnh mới nối quẻ Cách. Nó là quẻ trên Ly dưới Tốn, sở dĩ là *vạc,* là lấy Tượng nó là lấy nghĩa nó. Sự lấy Tượng có hai cách: Nói về toàn thể, thì cắm xuống là chân, giữa đặc là lòng, tức là cái Tượng chứa nhận đồ vật; đối nhau mà dỏng lên ở trên là tai, nằm ngang ở trên là quai, đó là Tượng cái vạc. Nói về hai thể trên dưới thì bầu rỗng ở trên, phía dưới có chân đón lấy cũng là Tượng cái vạc. Còn sự lấy nghĩa, thì, cây là vật theo lửa, Tốn là vào, là nghĩa thuận theo. Lấy cây theo lửa, tức là Tượng cháy. Công dụng của lửa, có nướng với nấu, nướng không cần đồ, cho nên lấy về Tượng nấu mà là cái vạc; lấy cây vào lửa là Tượng ninh nấu vậy.

LỜI KINH

鼎,元吉亨.

Dịch âm. - *Đỉnh nguyên cát hanh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đỉnh, cả tốt hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ mà nói. Như tài quẻ này, có thể đem đến được sự cả hanh vậy. Chỉ nên nói, "nguyên hanh", chữ "cát" là thừa. Vì tài quẻ này có thể đem đến được sự cả hanh, chưa thể có sự cả tốt. Lời Thoán nói "nguyên hanh" nghĩa đó rõ lắm.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vạc là đồ để ninh nấu. Trong quẻ, hào Âm ở dưới chân, hào Hai, hào Ba, hào Tư, thuộc Dương, là lòng; hào Năm thuộc Âm là tai, hào Trên thuộc Dương là quai, có Tượng cái vạc. Lại lấy cây Tốn vào lửa Ly, mà nên ninh nấu, cũng là công dụng của cái vạc, cho nên mới là quẻ Đỉnh. Thể Tốn ở dưới là nhún, thể Ly ở trên là mắt, mà hào Năm là tai, có Tượng trong nhún thuận

---

[1] Chữ 鼎 (đỉnh) nghĩa là cái vạc.

mà ngoài sáng suốt[1]. Quẻ này do ở quẻ Tốn mà lại; hào Âm lên ở ngôi năm mà phía dưới ứng nhau với hào Chín Hai là một hào Dương, cho nên lời Chiêm của nó là "cả hanh" chữ "cát" thừa.

LỜI KINH

彖曰：鼎象也,以木巽火,亨飪也聖人亨以享上帝,而大亨以養聖賢.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đỉnh tượng dã; dĩ mộc tốn hỏa, phanh nhẫm dã, Thánh nhân hanh dĩ hưởng thượng đế, nhi đại hanh dĩ dưỡng thánh hiền.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Đỉnh là Tượng vậy; lấy cây nhún lửa, ninh nấu vậy, đấng thánh nhân dùng sự hanh để cúng đấng thượng đế, dùng sự cả hanh để nuôi bậc thánh hiền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ này mà thành quẻ Đỉnh là lấy theo Tượng cái vạc; cái vạc mà thành ra đổ, là bắt chước Tượng của quẻ này "Lấy cây nhúm lửa" nghĩa là dùng cây theo lửa, để mà ninh nấu. Vạc là thứ đồ loài người phải nhờ, rất là cần thiết. Nói cho cùng cực công dụng lớn lao của nó, thì là "đấng thánh nhân dùng sự hanh để cúng đấng thượng đế, dùng sự cả hanh để nuôi bậc thánh hiền". Chữ "thánh nhân" chỉ về các đấng thánh vương đời xưa, chữ "cả" là nói về sự rộng của nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy hai Tượng trong thể quẻ thích nghĩa tên quẻ, nhân thể nói cho cùng cực sự lớn lao của nó. Cúng đấng thượng đế quý ở lòng thành, dùng con bê thôi; nuôi người hiền thì phải bữa sớm, bữa tối, có cỗ thịt bò, nên rất thịnh soạn, cho nên nói là "cả hanh".

LỜI KINH

巽而耳目聰明,柔進而上行, 得中而應乎剛,是從元亨.

Dịch âm. - *Tốn nhi nhĩ mục thông minh, nhu tiến nhi thượng hành, đắc trung nhi ứng hồ cương, thị dĩ nguyên hanh.*

Dịch nghĩa. - Nhún mà tai mắt suốt sáng, mềm tiến mà đi lên được giữa mà ứng nhau với hào cứng cho nên cả hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên đã nói về công dụng của cái vạc, đây lại lấy tài quẻ mà nói. Người ta có thể như tài quẻ này, thì sẽ có thể đem đến được sự cả hanh. Thể dưới là quẻ Tốn, tức là nhún thuận

[1] Sáng là tinh mắt, suốt là thính tai, hai chữ khác nghĩa nhau.

với lẽ; quẻ Ly sang mà rỗng giữa ở trên, là tượng tai mắt suốt sáng. Hễ mà quẻ Ly ở trên đều nói "mềm tiến mà đi lên" mềm là vật ở dưới, thế mà lại ở ngôi tôn, tức là tiến mà đi lên. Lấy chất sáng ở ngôi tôn mà được đạo giữa, ứng nhau với hào cứng, ấy là biết dùng cách Dương cứng Hào Năm ở giữa, lại lấy chất mềm ứng nhau với hào cứng là được đạo giữa. Tài nó như thế, cho nên mới được cả hanh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây dùng tượng quẻ, sự biến đổi của quẻ và thể quẻ mà thích lời quẻ.

LỜI KINH

象曰: 木上有火,鼎,君子以正位凝命.

Dịch âm. - *Tượng viết: Mộc thượng hữu hỏa, Đỉnh, quân tử dĩ chính vị ngưng mệnh.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên cây có lửa, là quẻ Đỉnh. Đấng quân tử coi đó mà chính ngôi đóng mệnh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên cây có lửa, ấy là lấy cây vào lửa, tức là Tượng việc ninh nấu, cho nên mới là cái vạc. Đấng quân tử coi Tượng cái vạc đó mà tự chính ngôi, đóng mệnh. Vạc là thứ đồ bắt chước ở Tượng mà làm ra, hình nó ngay thẳng, thể nó yên lặng. Lấy về tượng ngay thẳng của cái vạc, thì phải làm cho chính đính cái ngôi của mình ở. Đấng quân tử đã ở, ắt phải chính đính từ cái nhỏ nhặt, chiếu không ngay không ngồi, không khếch chân, không dựa dẫm. Lấy về Tượng yên lặng của cái vạc, thì phải "đóng đọng" mệnh lệnh của mình, nghĩa là làm cho mệnh lên yên trọng vậy. "Đóng" là "tụ lại", "đậu lại", chỉ về sự an trọng vậy. Đây chỉ nói về mệnh lệnh mà thôi, thật ra hết thảy các sự hành động đều nên an trọng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vạc là vật nặng, cho nên có ý "chính ngôi đóng mệnh". Chữ "đóng" này cũng như chữ "đóng" trong câu "chí đạo chẳng đóng"[1] của sách Lão Tử, tức là cái ý "hợp chưng trên dưới, để vâng mệnh của trời" ở *Thư truyện* vậy.

LỜI KINH

初六: 鼎顛趾,利出否,得妾以其子,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Đỉnh điên chỉ, lợi xuất bĩ, đắc thiếp dĩ kỳ tử, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Vạc chổng chân, lợi ra vật hư xấu, được, nàng hầu, lấy thửa con, không lỗi.

[1] Nghĩa là cái đạo cùng tột, không có ngừng đọng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở dưới vạc, là Tượng cái chân, phía trên, nó ứng nhau với hào Tư, chân mà ngảnh lên, là Tượng chổng ngược. Vạc đổ thì chân chổng, chân chổng thì đổ cái chứa của nó, đó không phải là cách thuận, nhưng cũng có khi nên chổng; nghĩa là giốc hết những vật hư xấu, để làm cho nó sạch sẽ và lấy cái mới mẻ, thì được. Cho nên, chổng chân lợi về vật hư xấu, "bĩ" nghĩa là "xấu"... "Được nàng hầu lấy thửa con, không lỗi" là sao? Sáu là hào Âm mà thấp, cho nên là nàng hầu. "Được nàng hầu" nghĩa là được người. Nếu được nàng hầu tử tế, thì nó có thể giúp đỡ cho chủ, khiến chủ không lỗi. "Con" tức là chủ; "lấy thửa con" nghĩa là đưa chủ đến chỗ không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở dưới quẻ Đỉnh là Tượng chân vạc, phía trên ứng với nhau với hào Chín Tư, thì là đổ rồi. Nhưng đương đầu quẻ, vạc chưa đựng gì, mà vật hư xấu, từ trước vẫn chứa ở đó, nhân nó đổ mà dốc hết ra, thì là lợi rồi. "Được nàng hầu, rồi được thửa con" cũng bởi cớ đó. Hào này Tượng như thế mà Chiêm thì không lỗi, vì nhân bị hỏng mà thành công, nhân hèn hạ mà nên sang.

LỜI KINH

象曰: 鼎顛趾, 未悖也, 利出否,以從貴也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đỉnh điên chỉ, vị bội dã, lợi xuất bĩ, dĩ tòng quí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vạc chổng chân, chưa trái vậy, lợi ra vật hư xấu, vì theo sang vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vạc đổ mà chân chổng lên, tức là trái đạo. Nhưng mà chưa hẳn là trái, vò nó có khi phải dốc hết vật hư xấu đi. Bỏ cái cũ mà đựng cái mới, đổ cái hư xấu mà nhận cái tốt, là nghĩa "theo sang", ứng với hào Tư tức là lên theo kẻ sang.

LỜI KINH

九二: 鼎有實,我仇有疾,不我能即,吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Đỉnh hữu thật, ngã cừu hữu tật, bất ngã năng tức, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Vạc có cái chứa, kẻ thù ta có tật, chẳng ta hay tới, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy chất cứng đặc ở giữa, tức là trong vạc có cái chứa. "Thù" nghĩa là đối nhau. Âm đối với Dương, chỉ về hào Đầu. Theo nó thì, không chính đính mà hại đến nghĩa, thế là "có

tật". Hào Hai nên tự giữ bằng cách chính đính, khiến nó - hào Đầu - không thể đi đến với mình, người ta hễ biết tự giữ bằng cách chính đính, thì kẻ bất chính không thể đi đến với mình, vì vậy mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất cứng ở ngôi giữa, là Tượng trong vạc có đồ chứa. "Kẻ thù ta" chỉ hào Đầu. Âm Dương tìm nhau và không chính đính, thì sẽ hãm nhau vào sự ác mà thành ra thù. Hào Hai lấy đức cứng giữa tự giữ, thì hào Đầu tuy gần, không thể tới nói, Tượng như thế mà Chiêm như thế là tốt.

LỜI KINH

象曰：鼎有實，慎所之也；我仇有疾，終無尤也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đỉnh hữu thật, thận sở chi dã, ngã cừu hữu tật, chung vô vưu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vạc có đồ chứa, cẩn thận thửa đi vậy; kẻ thù ta có tật, trọn không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai không chịu gần gũi với hào Đầu mà lên theo hào Sáu Năm là chính ứng của nó, thế là cẩn thận thửa đi. Kẻ thù là kẻ đối nhau với mình, chỉ về hào Đầu. Đã tự giữ bằng cách chính đính, thì nó không thể tới lại với ta. Vì vậy, sau chót không có sai lỗi.

LỜI KINH

九三：鼎耳革，其行塞，雉膏不食，方雨，虧悔終，吉.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Đỉnh nhĩ cách, kỳ hành tắc, trĩ cao bất thực, phương vũ, khuy hối chung, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Tai vạc đổi, thửa đi lấp, mỡ con chim trĩ không ăn, đang mưa, ăn năn về thiếu, chọn tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tai vạc tức hào Sáu Năm, là chủ quẻ Đỉnh. Đổi là thay đổi cho thành khác nhau; hào Ba với hào Sáu Năm khác nhau mà không hợp nhau vậy. *Thửa đi lấp,* nghĩa là không được hanh thông; không hợp với vua, thì không được có trách nhiệm để thi hành tài dụng của mình. Mỡ là vật ngon ngọt, tức là lộc vị vậy; *con chim trĩ* chỉ hào Năm, hào ấy có văn vẻ sáng sủa, cho nên gọi là chim trĩ; hào Ba có tài dụng mà không được lộc vị của hào Năm, đó là "không được mỡ con chim trĩ mà ăn" Âm Dương hòa hợp với nhau thì mưa, *đang mưa* nghĩa là đang sắp mưa, ý nói hào Năm với hào Ba dương sắp hòa hợp. *Ăn năn* về *thiếu trọn* tốt nghĩa là có, cái ăn năn về sự chẳng đủ, sau chót nên được tốt lành. Hào Ba có tài mà không

gặp thì, cho nên có sự ăn năn về lỗi không được như nguyền, nhưng nó có đức Dương cứng, người trên là bậc sáng suốt, kẻ dưới là thể nhún thuận, sau chót ắt tương đắc với nhau, cho nên được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương ở trong bụng vạc, vốn là sự tốt đẹp đầy đặc, nhưng vì nó quá cứng, mất giữa, vượt hào Năm mà ứng nhau với hào Trên, lại ở chỗ chót thể dưới, là thời biến đổi, cho nên mới là tai vạc đương đổi, không thể nhắc mà dời đi. Dầu nó được cái "béo" về sự văn vẻ sáng sủa của quẻ trên mà không được dùng làm đồ ăn cho người. Song nó lấy chất Dương ở ngôi Dương là được chỗ chính, nếu biết tự giữa, thì Âm Dương sẽ hòa hợp nhau mà làm mất sự ăn năn. Kẻ xem như thế, thì lúc đầu tuy chẳng lợi, nhưng về sau ắt được tốt.

LỜI KINH

象曰: 鼎耳革,失其義也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đỉnh nhĩ cách, thất kỳ nghĩa dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tai vạc đổi, mất thửa nghĩa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lúc đầu đổi khác với tai vạc, là mất cái nghĩa tìm nhau; không phải kẻ ứng với hào Năm, là mất cái đạo cầu hợp với nhau; không được giữa, là Tượng không phải cùng chí với nhau. Vì thế sự đi của nó bị lấp không thông. Nhưng trên sáng mà dưới có tài, sau cùng ắt hòa hợp, cho nên "sắp mưa mà tốt".

LỜI KINH

九四: 鼎折足,覆公餗,其形渥,凶!

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Đỉnh chiết túc, phúc công tốc, kỳ hình ốc, hung!.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Vạc gẫy chân, đổ đồ ăn của Ông, thửa tột giết kín[1] hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư phía dưới ứng với hào Đầu, hào Đầu là kẻ tiểu nhân Âm nhu không thể dùng được, mà hào Tư dùng nó, thì không gánh nổi công việc, cũng như vạc gẫy chân vậy. Vạc bị

---

[1] Theo Trình Di, thì chữ "hình ốc", nghĩa là hình dáng đầm đìa. Đây dịch theo ý Chu Hy. "Hình ốc" là tội nặng. Ở sách Chu lễ Thiên Thu quan, có chữ 渥誅(ốc tru). Trịnh Tư Nông chua rằng: "Ốc tru tức là giết cả ba họ". Trần Kiến thích hai tự truyện của Hán thư, thì cho "ốc tru" là giết kẻ đại thần trong nhà, không để lộ ra. Vậy chữ "ốc tru" có thể dịch là giết kín hay là giết cả ba họo

gãy chân ắt làm nghiêng đổ đồ ăn của đấng công thượng; đồ ăn tức là cái chứa trong vạc vậy. Ở ngôi đại thần, gánh vác việc của thiên hạ, mà dùng không phải người đáng dùng, đến nỗi sụp đổ, không làm nổi việc, đáng hổ thẹn lắm. "Thửa hình đầm đìa" nghĩa là xấu hổ dơ dáy vậy. Đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Họ Triều nói rằng: Hai chữ 形渥 (*hình ốc:* hình dáng đầm đìa), các bản đều chép là 刑剭 (*hình ốc:* tội giết kín), chỉ về hình phạt nặng, nay theo thuyết đó. Hào Tư ở ngôi trên, là kẻ gánh vác việc nặng, mà nó lại ứng với hào Đầu ở dưới là một hào Âm, thì không gánh nổi trách nhiệm, cho nên Tượng nó như thế mà Chiêm thì hung.

LỜI KINH

象曰: 覆公餗,信如何也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phúc công tốc, tín như hà dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đổ đồ của Ông, tin đường sao vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ đại thần gánh lấy cái trách nhiệm của thiên hạ, ắt phải làm nên cuộc thịnh trị cho thiên hạ, thì mới không lỡ sự nương tựa của đấng quân thượng, sự trông mong của kẻ hạ dân, và chí "đem thân gánh đạo" của mình, chẳng sai sự hẹn, là "tin". Nếu không được thế, thì là bỏ mất chức việc, làm lỡ sự ủy thác của người trên, còn được là "tin" nữa chăng? Vì vậy mới nói: "tin dường sao vậy".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ý nói mất sự tin.

LỜI KINH

六五: 鼎黄耳,金鉉,利貞.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Đỉnh hoàng nhĩ, kim huyên, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Vạc tai vàng, quai màu vàng, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở trên quẻ Đỉnh, là Tượng tai vạc. Cái vạc nhắc lên đặt xuống, cốt ở cái tai, nên nó là chủ quẻ Đỉnh, hào Năm có đức giữa, cho nên nói là tai vàng. Quai là vật để vào cái tai; hào Hai ứng với hào Năm, đến theo cái tai, tức là cái quai. Hào Hai có đức cứng giữa, thể Dương cứng giữa sắc vàng, cho nên nói là quai màu vàng. Hào Năm văn vẻ sáng sủa, được chỗ giữa mà ứng với kẻ cứng, hào Hai cứng giữa, thể nhún, mà ứng lên, tài nó không gì không đủ, thế là ứng nhau rất khéo, lợi ở chính bền mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Năm, về Tượng là tai, mà có đức giữa, cho nên nói rằng "tai vàng". Vàng là vật cứng rắn, quai là cái xâu vào tai vạc để nhấc vạc lên. Hào Năm trống rỗng bên trong để ứng với hào Chín Hai là hào cứng rắn, cho nên Tượng nó như thế, mà Chiêm thì là lợi về chính bền.

LỜI KINH

象曰: 鼎黄耳,中以為實也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đỉnh hoàng nhĩ, trung dĩ vi thật dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vạc tai vàng giữa lấy làm thật vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm lấy sự được giữa làm hay, đó là lấy "giữa" làm đức thật vậy.

LỜI KINH

上九:鼎玉鉉,大吉,無不利.

Dịch âm. - *Thượng cửu: Đỉnh ngọc huyên, đại cát, vô bất lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Đỉnh quai ngọc, cả tốt, không gì không lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở trên là Tượng cái quai, cứng mà ôn hòa là ngọc. Hào Chín tuy cứng mà ở ngôi Âm, xéo chỗ mềm, là không cứng quá mà biết ôn hòa. Cứng mềm vừa phải, động tĩnh không thái quá, thì là cả tốt, không gì không lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Trên, về Tượng là cái quai, mà nó lấy chất Dương ở ngôi Âm, cứng mà lại biết ôn hòa, cho nên có Tượng "quai ngọc", mà lời Chiêm thì là "cả tốt, không gì không hợp".

LỜI KINH

象曰: 玉鉉在上,剛柔節也.

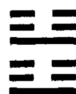
Dịch âm. - *Tượng viết: Ngọc huyên tại thượng, cương nhu tiết dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tai ngọc ở trên, cứng mềm có chừng độ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cứng mà ôn hòa là có chừng độ. Hào Trên ở chỗ "nên công đến dùng" mà cứng mềm đúng với tiết độ, cho nên cả tốt, không gì không lợi.

QUẺ CHẤN

 Chấn trên

Chấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Chấn, Tự quái nói rằng: Chủ về đồ đạc, không ai bằng con lớn, cho nên tiếp đến quẻ Chấn. Quẻ Đỉnh là đồ đạc, quẻ Chấn là con trai lớn, cho nên lấy nghĩa làm chủ đồ đạc, mà nối đằng sau quẻ Đỉnh. Quẻ Chấn là quẻ một khí Dương sinh ở dưới hai khí Âm, đương động mà lên, cho nên là *chấn*[1]. *Chấn* nghĩa là động. Không gọi rằng *động,* là vì chữ "chấn" có nghĩa động mà phấn phát, kinh sợ. Kiền Khôn giao nhau, một lần tìm mà thành Chấn, là trường của việc sinh ra các vật, cho nên mới là trai lớn, mà Tượng là sấm, nghĩa thì là động. Sấm có tượng phấn chấn, động là nghĩa kinh khiếp.

LỜI KINH

震亨,震來虩虩,笑言啞啞,震驚百里,不喪匕鬯.

Dịch âm. - *Chấn hanh, Chấn lại hích hích, tiếu ngôn ách ách, chấn kinh bách lý, bất táng chủy Xưởng.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Chấn hanh, sợ lại ngơm ngớp, cười nói khanh khách, nhức kinh trăm dặm, chẳng mất môi và rượu Xưởng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương sinh ở dưới mà tiến lên có nghĩa là hanh thông. Lại, chấn là động, là sợ hãi, có khi chủ về nhức mà phấn phát, động mà tiến lên, sợ hãi mà sửa mình; có khi chủ về gìn giữ lấy sự lớn lao, đều có thể đem lại sự hanh thông, cho nên, nhức thì hanh. Đương lúc sự nhức động kéo lại, thì sợ hãi không dám, rồi liền ngảnh lại lo nghĩ, thì ngơm ngớp vậy: "hích hích" là vẻ đoái lo chẳng yên. Con nhện trắng có tên là "hích", vì nó quanh co đoái lo, không dám tự yên. Ở thì *nhức* mà biết như thế, thì có thể giữ được sự yên ổn ung dung, cho nên cười nói khanh khách; "ách ách" là vẻ cười nói vui thích. Động lớn thì không gì bằng sấm. Chấn là Sấm, cho nên nói lấy sấm mà nói: Sấm động sợ đến chỗ xa trăm dặm, người ta không ai không sợ mà tự mất, chỉ có cúng tế ở nhà tôn miếu, kẻ cầm môi và rượu Xưởng thì không đến nỗi mất. Người ta hết lòng thành

[1] Chữ 震 (chấn) nghĩa là nhức động, khiếp sợ.

kính, không gì bằng lúc cúng tế. *Môi* là cái để múc đồ nấu trong vạc mà đổ lên mâm; *Xưởng* là thứ rượu để rót xuống đất mà giáng thần, lúc rót phải bỏ trần tay áo mà cầu thân, dâng con sinh[1] mà cầu hưởng, hết lòng thành kính như thế, thì tuy oai của sấm động, cũng không khiến mình sợ hãi mà đánh mất cái của mình giữ. Cho nên tới cuộc sợ hãi to lớn, có thể yên ổn mà không hoảng hốt, chỉ nhờ về lòng thành kính mà thôi. Đó là cách ở thì "sợ".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chấn nghĩa là động, một khí Dương mới sinh dưới hai khí Âm, nhức mà tự động; Tượng nó là Sấm, loại nó là con lớn, *nhức* thì có cách hanh thông. "Sợ lại" nghĩa là lúc sự nhức sợ kéo lại. "Ngơm ngớp là đáng khiếp sợ ngó đi ngó lại". Nhức sợ trăm dặm" là nói về sấm. "Môi" là cái để múc đồ múc trong vạc, "Xưởng" là thứ rượu dùng rượu gạo nếp hòa lộn với nghệ, để đổ lộn xuống đất mà cầu thần xuống. "Chẳng mất môi và rượu Xưởng" là lấy con lớn mà nói. Lời Chiêm quẻ này là biết lo sợ thì đem được phúc đến mà chẳng bị mất cái sở chủ hệ trọng của mình.

LỜI KINH

彖曰：震亨,震來虩虩,恐致福也;
笑言啞啞,後有則也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Chấn hanh, chấn lại hích hích, khủy trí phúc dã, tiếu ngôn ách ách, hậu hữu tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Chấn hanh, sợ lại ngơm ngớp, vì mà sợ đến phúc vậy: cười nói khanh khách, sau có phép vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Chấn tự nó đã có nghĩa hanh, không phải do tài quẻ. *Nhức* lại mà biết lo sợ, tự sửa mình, tự giữ mình, tự gìn giữ, thì lại có thể đem đến phúc lành. *Cười nói khanh khách* là nói về vẻ tự nhiên. Bởi biết lo sợ mà sau tự xử mới có phép tắc, có phép thì sẽ yên mà không sợ. Đó cách ở thì *nhức.*

LỜI KINH

震驚百里,驚遠而懼邇也.

Dịch âm. - *Chấn kinh bách lý, kinh viễn nhi cụ nhỉ dã.*

Dịch nghĩa. - Nhức kinh trăm dặm, kinh xa mà sợ gần vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm động kịp tới trăm dặm, kẻ xa thì kinh, kẻ gần thì sợ, ý nói oai nó xa lớn vậy.

---

[1] Tức là con hy sinh.

LỜI KINH

出可以守宗廟社稷,以為祭主也.

Dịch âm. - *Xuất khả dĩ thủ tôn miếu xã tắc, dĩ vi tế chủ dã.*

Dịch nghĩa. - Ra khá lấy[1] giữ tôn miếu xã tắc, để làm chủ tế vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Thoán sót một câu "Chẳng mất môi và rượu Xưởng". Lời quẻ nói "chẳng mất môi và rượu Xưởng" là nói "thành kính tột bậc, oai dọa không thể khiến nó tự mất, lời Thoán cho rằng con lớn phải nên như thế, nhân theo câu trên dùng nghĩa con lớn mà giải luôn đi, nói rằng: Nếu sự thành kính của nó có thể "chẳng mất môi và rượu Xưởng, thì vua đi vắng, nó có thể giữ được tôn miếu xã tắc mà làm chủ tế.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trình Tử cho là chữ dưới 邇也 *(nhĩ dã)* sót mất bốn chữ 不喪匕鬯 *(bất táng chủy xưởng),* ta cũng theo thế. "Ra" là nối đời mà làm chủ việc tế. Có người bảo chữ 出 *(xuất)* là do chữ 鬯 *(xưởng)* lầm ra.

LỜI KINH

象曰: 洊雷,震,君子以恐懼修省.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tấn lôi, Chấn, quân tử dĩ khủng cụ tu tỉnh.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Liền sấm là quẻ Chấn, đấng quân tử coi đó mà sợ hãi sửa xét.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Tấn" là lần kép, trên dưới đều là thể Chấn, cho nên liền sấm. Sấm động trùng điệp thì oai càng thịnh. Đấng quân tử soi sấm liền dữ dội đó mà sợ hãi, tự mình sửa sang, tự mình ngẫm xét. Đấng quân tử sự oai của trời thì sửa chính mình mình, nghĩa xét lỗi mình mà đổi nó đi. Chẳng những trong lúc sấm động, hễ gặp phải việc sợ hãi đều nên như thế.

LỜI KINH

初九: 震來虩虩, 後笑言啞啞,吉.

Dịch âm. - *Sơ cửu: Chấn lai hích hích, hậu tiếu ngôn ách ách cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Nhức lại ngơm ngớp, sau cười nói khanh khách, tốt.

---

[1] Theo Trình Di, chữ này muốn chỉ về con trưởng của vua chúa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu là chủ làm nên quẻ Chấn, tức là kẻ đem lại sự *sợ;* ở dưới quẻ là ở vào đầu cuộc *sợ.* Hay sự sợ đến, ở đầu cuộc *sợ,* nếu biết sợ hãi mà quanh co lo ngắm, ngơm ngớp vậy không dám yên đậu, thì sau ắt giữ được yên lành, cho nên sau mới cười nói khanh khách.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này là chủ làm nên quẻ Chấn ở đầu cuộc sợ, cho nên lời Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：震來虩虩，恐致福也，笑言啞啞，後有則也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấn lai hích hích, khủng trí phúc dã tiếu ngôn ách ách, hậu hữu tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sợ lại ngơm ngớp, vì sợ mà đến phúc vậy; cười nói khanh khách, sau có phép vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự sợ đến nơi mà biết lo hãi, đoái ngắm thì sẽ không có vạ lo, thế là lo sợ mà đến được phúc. Nhân lo sợ mà tự mình tu tỉnh, chẳng dám trái với phép tắc, thế là bởi sự sợ mà sau có phép tắc, cho nên có thể giữ được yên lành mà cười nói khanh khách vậy.

LỜI KINH

六二：震來厲億，喪貝，躋于九陵，勿逐，七日得.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Chấn lai lệ ức, táng bối, tê vu cửu lăng, vật trục, thất nhật đắc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Nhức lại, nguy đồ (?) mất của, lên chân chín gò, chớ đuổi, bảy ngày được.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Hai ở giữa, được chỗ chính, là kẻ khéo ở cuộc *sợ,* mà cưỡi lên hào Chín Đầu là một hào cứng, hào Chín là chủ sự *nhức,* nó *nhức* động mà hăng lên, ai chống lại được? "Lệ" là mạnh là nguy, nó lại đã mạnh, thì ở vào chỗ nguy; "ức" là đồ đoán, "bối" là của mình có, "tê" là lên, "cửu lăng" là chỗ gò cao, "trục" là đi theo. Sự *nhức* kéo lại dữ dội, đoán chừng không thể đương nổi mà ắt phải mất cái của mình có, thì lên hẳn chỗ rất cao, để mà tránh nó. Chữ "Chín" là nói nhiều tầng là cao tột bậc, nhiều đến chín tầng, cũng như những chữ "chín trời", "chín đất" vậy. "Chớ đuổi, bảy ngày được" là sao? Cái quý của hào Hai là đức trung chính, gặp khi *nhức* sợ kéo đến, tuy phải lượng thế nhún tránh, cũng nên giữ đức trung

chính, chớ để mất đi. Đoán là ắt mất, cho nên tránh xa để tự giữ lấy, nó qua thì lại trở lại bình thường, ấy là không đuổi mà tự nhiên vẫn được. *Đuổi* là đi theo vật khác, đem mình đi theo vật khác, thế là mất sự tự chủ, cho nên răn rằng chớ đuổi. Ngôi quẻ có sáu, số bảy là lại bắt đầu, thì đã chót, việc đã thay đổi. Chẳng để mất cái sở thủ, tuy là một lúc không chống được nó kéo lại, nhưng thời qua, việc hết thời sẽ trở lại bình thường, cho nên nói rằng "bảy ngày được".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Năm cưỡi lên hào Chín Đầu là một hào cứng, cho nên nhằm khi sự *nhức* kéo lại, tự thấy nguy dữ, chữ "ức" chưa rõ nghĩa là gì. Lại nên mất hết của cải mà phải lên trên chín gò. Nhưng nó mềm thuận trung chính, đủ để tự giữ, cho nên không tìm mà tự được. Hào này lời chiêm đủ ở trong Tượng, có điều Tượng ở "chín gò" "bảy ngày", chưa rõ ra sao.

LỜI KINH

象曰：震來厲,乘剛也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấn lai lệ, thừa cương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhức lại, nguy, cưỡi cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương thì nhức, cưỡi lên kẻ cứng, cho nên nó mạnh mà mình nguy, nhức cứng kéo lại, còn chống sao nổi?

LỜI KINH

六我：震蘇蘇,震行無眚.

Dịch âm. - *Lục Tam: Chấn tô tô, chấn hành vô sảnh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Nhức, thom thỏm, nhức đi, không tội.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thom Thỏm là vẻ thần khí hoạn tan tự mất. Hào Ba lấy chất Âm ở ngôi Dương thế là bất chính. Ở chỗ bất chính, lúc bình thì không thể yên, huống chi ở lúc nhức sợ, vì vậy mà nó *nhức sợ* thom thỏm. Nếu nó nhân sự *nhức sợ* mà biết đi đi, bỏ chỗ bất chính để tới chỗ chính, thì có thể không có tội lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thom thỏm là vẻ hoãn tan tự mất. Lấy chất Âm ở ngôi Dương, đương thì *nhức sợ* mà ở vào chỗ bất chính, cho nên như thế. Kẻ xem nếu nhân sự lo sợ mà biết đi đi, để bỏ chỗ bất chính, thì có thể không tội.

LỜI KINH

象曰：震蘇蘇,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấn tô tô, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhức thom thỏm, ngôi chẳng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nó phải sợ hãi tự mất thom thỏm vậy, là vì nó ở vào chỗ không được chính đáng. Chẳng giữa chẳng chính, thì yên sao được?

LỜI KINH

九四: 震遂泥.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Chấn ngoại nật.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Nhức bèn đắm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư đương thì *nhức động,* chẳng giữa chẳng chính, ở chỗ mềm là mất đạo cứng mạnh, đóng ngôi Tư là không có đức trung chính, hãm đắm giữa mấy hào Âm, là kẻ không thể tự mình phấn chấn, cho nên nói rằng: "bèn đắm". "Đắm" là chìm đắm; lấy chất Dương bất chính, mà trên dưới đều hai hào Âm, thì sao khỏi đắm? "Bèn" là không còn có ý trở lại; ở chỗ *nhức sợ* thì không thể tự giữ, muốn chấn động thì không thể nhức nhổ, đạo *nhức* mất rồi, há lại sáng tỏ hanh thông được chăng?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất cứng ở chỗ mềm, chẳng giữa, chẳng chính, lại bị hãm giữa hai hào Âm, là kẻ không thể tự mình phấn chấn vậy.

LỜI KINH

象曰: 震遂泥,未光也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấn toại nật, vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhức bèn đắm, chưa sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương là vật *cứng,* nhức là nghĩa động, lấy chất cứng ở thì động, tự nó vốn đã có đạo sáng sủa hanh thông. Vì mất sự cương chính mà bị hãm giữa hai hào Âm đến nỗi "bèn đắm", há có thể sáng?

LỜI KINH

六五: 震往來厲,億無喪有.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Chấn vãng lai lệ, ức vô táng hữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Nhức đi lại nguy, đồ (?) không mất cái có.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm mà động, đi lên thì nó vốn là chất mềm, không thể ở chỗ cùng tột cuộc *động,* đi xuống thì sẽ phạm vào kẻ cứng, thế là đi lại đều nguy. Đương ngôi vua, làm chủ cuộc động, tùy nghi ứng biến, cốt ở trung đạo mà thôi, cho nên phải đồ chừng không để mất cái "vẫn có" của nó. Cái "vẫn có" của nó tức là đức giữa, không mất đức giữa, tuy có nguy mà không đến hung. Hào Năm sở dĩ phải nguy, vì không phải Dương cương, lại không có kẻ giúp đỡ. Nếu là Dương cương có kẻ giúp đỡ, làm chủ cuộc động, thì có thể hanh.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy hào Sáu đóng ngôi Năm mà ở thì nhức, chẳng lúc nào mà không nguy. Vì nó được giữa, cho nên không mất gì, mà còn có thể có việc. Kẻ xem không mất đức giữa, thì tuy có nguy cũng chẳng mất gì.

LỜI KINH

象曰: 震來厲,危行也,其事在中,大無喪也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chấn lai lệ, nguy hành dã; kỳ sự tại trung, đại vô táng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhức lại nguy, đi hiểm nghèo vậy, thửa việc ở giữa, lớn không mất vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đi lại đều nguy, thế là đi thì có nguy. Động đều có nguy, chỉ cốt không mất thửa việc mà thôi. "Thửa việc" chỉ về đức giữa; không mất đức giữa, thì tự giữ được. "Lớn không mất" nghĩa là lấy sự không mất làm lớn vậy.

LỜI KINH

上六: 震索索,視矍矍,征凶,震不于其躬,
于其鄰,無咎,婚媾有言.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Chấn tác tác, thị quắc quắc, chinh hung chấn bất vu kỳ cung, vu kỳ lân, vô cữu, hôn cấu hữu ngôn.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Nhức xơ xác, trông ngơ ngác, đi thì hung; nhức chẳng chưng thửa mình, chưng thửa láng giềng, không lỗi, dâu gia có nói.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Xơ xác là dáng tan tác không còn. Ý nói chí khí của nó như thế. Hào Sáu lấy chất Âm mềm ở chỗ cùng cực cuộc *nhức động,* kinh sợ tệ quá, chí khí tan tác đi hết. Ngơ ngác là dáng không yên ổn; chí khí tan tác thì phải trông ngó quanh co. Lấy

chất Âm mềm chẳng trung chính, ở chỗ cùng cực cuộc *nhức động,* cho nên hễ đi thì hung. Sự nhức sợ tới mình ấy là “chưng thửa mình”, “chẳng chưng thửa mình” nghĩa là chưa tới mình vậy. Láng giềng là chỗ gần với mình mình. Biết lo sợ trước khi nó chưa tới mình, thì không đến nỗi cùng cực, cho nên mới được không lỗi. Nếu như chưa đến cùng cực, mà còn có cách đổi được, thì hết thì *nhức* sẽ có thay đổi, kẻ mềm không thể bền giữ, cho nên sợ láng giềng răn bảo mà đổi đi. Dâu gia là người mình thân chỉ về kẻ cùng động. Có nói là có lời oán trách. Hào Sáu ở trên cuộc *nhức,* lúc trước làm đầu mọi kẻ nhức động, bây giờ lại sợ láng giềng răn bảo mà không dám, khác hẳn với mọi kẻ cùng ở cuộc *nhức,* cho nên “dâu gia có nói”.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm ở chỗ cùng cực cuộc *nhức,* cho nên có Tượng: “xơ xác ngơ ngác”. Dùng kiểu đó mà đi thì hung hẳn rồi. Nhưng nếu trong khi sự nhức sợ chưa tới mình, mà biết lo hãi từ tỉnh, thì có thể không lỗi, song cũng không khỏi bị người dâu gia nói đến. Răn kẻ xem nên như thế vậy.

LỜI KINH

象曰: 索索中未得也,雖凶無咎,畏鄰戒也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tác tác trung vị đắc dã, tuy hung vô cữu, úy lân giới dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Xờ xạc giữa chưa được vậy; tuy hung không lỗi, sợ láng giềng răn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ sợ hãi tự mất như thế là vì nó chưa được đạo giữa, nghĩa là quá chỗ giữa vậy. Cùng cực rồi mà lại đi nữa thì hung. Nếu thấy láng giềng răn bảo mà biết sợ, và tự đổi đi trước khi chưa đến cùng cực, thì không có lỗi. Hào Sáu Trên là chỗ cùng cực sự động, động đến cùng cực thì có nghĩa thay đổi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ “trung” nghĩa là trong lòng.

QUẺ CẤN

 Cấn trên

 Cấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Cấn, Tự quái nói rằng: Chấn là động, các vật không thể động mãi, ngăn nó cho nên tiếp đến quẻ Cấn[1]. Cấn nghĩa là ngăn, động với tĩnh phải nhân nhau, động thì có tĩnh, tĩnh thì có động, các vật không lẽ động luôn, vì vậy quẻ Cấn mới nối quẻ Chấn. Cấn là đậu, không nói *đậu* mà nói cấn, là vì Cấn là Tượng núi, có ý yên nặng rắn đặc, nghĩa chữ "đậu" không thể hết được. Kiền Khôn giao nhau, ba lần mà thành quẻ Cấn, một khí Dương ở trên hai khí Âm, Dương là vật động mà tiến lên, đã đến bậc trên thì phải *đậu* lại. Âm là im lặng, trên đậu mà dưới im lặng, cho nên là Cấn. Thế thì với nghĩa "chứa đậu" khác nhau thế nào? Đáp rằng: Chứa đậu là nghĩa ngăn chế mà chứa lại, lấy sức mà làm cho đậu; cấn *đậu* là nghĩa yên ổn mà đậu, tức là *đậu* vào nơi chốn của nó.

LỜI KINH

艮其背,捕獲其身,行其庭, 不見其人, 無咎.

Dịch âm. - *Cấn kỳ bối, bất hoạch kỳ thân, thành kỳ đình, bất kiến kỳ nhân, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Đậu thửa lưng, chẳng được thửa mình, đi thửa sân, chẳng thấy thửa người, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Người ta sở dĩ không yên đậu[2] được là vì bị động về sự ham muốn. Sự ham muốn có kéo ở đằng trước, mà cần nó *đậu* thì không thể được, cho nên đạo *đậu,* nên *đậu* cái lưng. Những cái trông thấy đều ở đằng trước, mà lưng thì trái ngược lại, ấy là nó không trông thấy. *Đậu* vào chỗ không trông thấy, thì không có sự ham muốn làm loạn lòng mình, sự *đậu* mới yên. "Chẳng được thửa mình" tức là chẳng thấy mình mình, nghĩa là quên mình đi vậy. Không có mình nữa, thì là *đậu* rồi... "Đi thửa sân chẳng thấy thửa người" là sao? Sân thềm là chỗ rất gần, ở đằng lưng tuy chỗ rất gần cũng không thấy, nghĩa là không giao tiếp với vật ngoài nữa. Vật

---

[1] *Chữ 艮 (cấn) có nghĩa là "ngăn, là đậu".*

[2] Đậu là dừng lại, đứng lại, đỗ lại

ngoài không tiếp xúc, sự ham muốn bên trong không sinh ra; như thế mà *đậu,* mới đúng đạo "đậu", với thì *đậu* là không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cấn là *đậu.* Một Dương *đậu* trên hai Âm, Dương tự dưới lên, đến chỗ nhất thì *đậu.* Tượng nó là núi, lấy về dáng "đất Khôn cao lên", cũng là ý "đậu chỗ cùng tột mà không tiến nữa". Lời Chiêm của nó thì là "ắt phải đậu ở đằng lưng mà không có mình, đi ở sân mà không thấy người, mới là không lỗi". Bởi vì thân thể là vật hay động, chỉ có cái lưng là *đậu, đậu* ở lưng thì là *đậu* chỗ đáng *đậu, đậu* chỗ đáng *đậu* thì sẽ không theo thân thể mà động, ấy là không có mình nữa. Như thế thì tuy đi ở sân thềm là chỗ có người mà cũng không trông thấy người. Bởi vì "đậu thửa lưng mà chẳng thấy được mình" là *đậu* mà *đậu.* "Đi thửa sâu mà chẳng thấy thửa người" là đi mà *đậu.* Động tĩnh đều *đậu* vào nơi chốn mà lưng thì chủ về tĩnh, vì vậy mới được không lỗi.

LỜI KINH

彖曰: 艮止也, 時止則止, 時行則行, 動靜不失其時, 其道光明.

Dịch âm. - *Thoán viết: Cấn chỉ dã. Thì chỉ tắc chỉ, thì hành các hành. Động tĩnh bất thất kỳ thì, kỳ đạo quang minh.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Cấn là đậu vậy. Lúc đáng đậu thì đậu, lúc đáng đi thì đi. Động tĩnh không lỗi thửa thì, thửa đạo sáng tỏ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cấn là đậu, Đạo "đậu" chỉ cốt ở thời Đi đậu, động tĩnh không theo thời là càn. Chẳng lỗi thời thì là thuận lẽ mà hợp nghĩa. Ở việc là lẽ, khu xử với việc là nghĩa. Động tĩnh hợp lẽ và nghĩa là không lỗi thời, ấy là đạo mình sáng tỏ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa tên quẻ. Nghĩa Cấn là *đậu,* nhưng đi hay *đậu* đều phải có thời, cho nên lúc đáng *đậu* mà *đậu* là *đậu,* lúc đáng đi mà đi cũng là *đậu.* Thể Cấn dầy đặc, cho nên có nghĩa sáng tỏ. Quẻ Đại xúc vè thể Cấn cũng nói sáng láng.

LỜI KINH

艮其止, 止其所也.

Dịch âm. - *Cấn kỳ chỉ, chỉ kỳ sở dã.*

Dịch nghĩa. - Đậu thửa đậu, là đậu thửa chốn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Đậu thửa đậu" nghĩa là bị *ngăn* đậu lại mà *đậu* vậy. Bị *ngăn đậu* lại mà là tại *đậu* được nơi chốn. Đậu mà không đúng nơi chốn thì không có lẽ đậu được.

LỜI KINH

上下敵應, 不相與也.

Dịch âm. - *Thượng hạ địch ứng, bất tương dữ dã.*

Dịch nghĩa. - Trên dưới chọi ứng, chẳng cùng nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ mà nói. Hai thể trên dưới, lấy sự chọi nhau mà ấn với nhau, thì không có nghĩa cùng với nhau, Âm Dương ứng nhau thì tình thông nhau mà cùng với nhau, đằng này vì sự chọi nhau, cho nên không cùng với nhau. Không cùng với nhau thì là trái nhau.

LỜI KINH

是以不獲其身, 行其庭, 不見其人, 無咎也

Dịch âm. - *Thĩ dĩ bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân, vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Vì vậy chẳng được thửa mình, đi thửa sân chẳng thấy thửa người, không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trái nhau cho nên chẳng thấy thửa mình, chẳng thấy thửa người nên mới *đậu* được, *đậu* được thì không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích lời quẻ, đổi chữ 背 *(bối)* làm chữ 止 *(chỉ)*[1], để tỏ lưng tức là *đậu.* Lưng là chốn *đậu.* Lấy thể quẻ mà nói: quẻ trong quẻ ngoài. Âm Dương chọi ứng với nhau mà không cùng nhau. Không cùng nhau thì trong chẳng thấy mình, ngoài chẳng thấy mình, và không có lỗi. Họ Triều nói rằng: "Câu 艮其止 *cấn kỳ chỉ*", chữ 止 *(chỉ)* nên theo lời quẻ[2] đổi làm chữ 背 *(bối).*

LỜI KINH

象曰: 兼山艮, 君子以思不出其位.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kiêm sơn Cấn, quân tử dĩ tư bất xuất kỳ vị.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gồm núi là quẻ Cấn. Đấng quân tử coi đó mà nghĩ chẳng việc thửa ngôi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên dưới đều là núi, cho nên nói là

---

[1] Tức là chữ 止(chỉ) trong câu 艮其止(Cấn kỳ chỉ) ở đoạn trên.

[2] Tức là câu 艮其背(Cấn kỳ bối).

gồm núi. Cái này nhập với cái kia là "gồm" tức là trùng điệp vậy. Trùng điệp là tượng của Cấn. Đấng quân tử coi tượng Cấn *đậu* mà nghĩ chỗ *đậu* không vượt ra ngoài ngôi mình. Ngôi tức là phận mình ở. Muôn việc đều có nơi chốn, hễ đúng nơi chốn thì là *đậu* yên. Hoặc thái quá, hoặc bất cập, đều là vượt ra ngoài ngôi.

LỜI KINH

初六: 艮其趾, 無咎, 利永貞

Dịch âm. - *Sơ Lục: Cấn kỳ chỉ, vô cữu, lợi vĩnh trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Đậu thửa ngón chân, không lỗi, lợi về dài lâu chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở chỗ thấp nhất, là Tượng ngón chân, và là vật động trước vậy. "Đậu thửa, ngón chân" tức là đậu ngay từ khi mới động. Các việc *đậu* từ lúc đầu, chưa đến bị hỏng, cho nên không lỗi. Lấy chất mềm, ở chỗ thấp, đứng vào thì đậu, nếu đi thì mất sự chính, cho nên *đậu* lại mới không lỗi. Những kẻ Âm mềm chỉ lo không thể giữ được thường thường, vì không được bền cho nên khi đầu cuộc *đậu,* phải lấy sự lợi về thường lâu chính bền mà răn, có thể mới không sai đạo *đậu.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm ở đầu cuộc *đậu,* tức là tượng đậu ngón chân. Kẻ xem như thế thì không có lỗi. Lại vì nó là Âm mềm, cho nên phải răn thêm rằng: "Lợi về dài lâu chính bền".

LỜI KINH

象曰: 艮其趾, 未失正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cấn kỳ chỉ, vị thất chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đậu thửa ngón chân, chưa mất chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đáng *đậu* mà đi, không phải là chính. *Đậu* từ lúc đầu, cho nên đến mất sự chính. Đậu từ lúc đầu thì dễ mà chưa đến lỗi vậy.

LỜI KINH

六二: 艮其腓, 不拯其隨, 其心不快.

Dịch âm. - *Lục nhị: Cấn kỳ phì, bất chửng kỳ tùy, kỳ tâm bất khoái.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Đậu thửa bụng chân, chẳng cứu thửa theo, thửa lòng chẳng sướng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai ở giữa được chính là được đạc *đậu*. Hào Ba ở trên thể dưới là chủ cuộc *đậu*, nhưng nó cứng mà mất đạo giữa, không được sự vừa phải của đạo *đậu*. Hào Hai đi *đậu* thuộc về quyền kẻ làm chủ, không được tự do, cho nên là Tượng bụng chân. Đùi động thì bụng chân phải theo, động hay đậu là ở cái đùi không ở bụng chân, hào Hai đã không thể lấy đạo giữa chính cứu sự "chẳng giữa" của hào Ba, thì ắt gượng mà theo nó. Chẳng cứu được mà phải dạ theo, tuy lỗi không phải tại mình, nhưng mà lòng nó há muốn như thế? Nói không nghe, đạo không thực hành, cho nên lòng nó không sướng, vì nó không được thi hành ý chí của nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Hai ở giữa được chỗ chính, đã *đậu* bụng chân rồi. Hào Ba là chỗ giới hạn tức là kẻ mà hào Hai phải theo, nhưng nó quá cứng không giữ mà đậu ở trên, hào Hai tuy là giữa chính mà thể chất mềm yếu, không thể đi mà cứu nó, cho nên trong lòng không sướng. Hào này lời Chiêm ở trong Tượng, hào dưới cũng vậy.

LỜI KINH

象曰：不拯其隨，未退聽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất chửng kỳ tùy, vị thoái thính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng cứu thửa theo, chửa lui nghe vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ chẳng cứu nó mà lại dạ theo, là vì kẻ ở trên chưa xuống mà theo. Lui nghe nghĩa là xuống mà theo vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Ba *đậu* ở trên, cũng chẳng chịu xuống mà theo hào Hai.

LỜI KINH

六三：艮其限，列其夤，厲薰心.

Dịch âm. - *Cửu tam: Cấn kỳ hạn, liệt kỳ di, lệ huân tâm.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Đậu thửa hạn, xé thửa thăn, nguy hun lòng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hạn là chia cách, chỉ về khoảng giữa trên dưới. Hào Ba lấy chất cứng ở chỗ cứng mà không giữa, làm chủ việc làm nên quẻ Cấn, quyết đậu đến tột bậc vậy. Đã ở trên thể dưới mà ngăn giới hạn trên, dưới, đều là nghĩa *đậu*, cho nên là đậu thửa hạn. Đó là kẻ ấn định đậu lại mà không tiến lui. Ở thân thể người ta,

thì như xé thăn vậy. Thăn là thịt thăn, là chỗ trên dưới giao nhau; xé đứt thịt thăn thì trên dưới không theo thuộc với nhau, ý nó nói *đậu ở* dưới chắc lắm. Người ta cố đậu một xó, cả đời không ai ưng vừa với mình, thì sự khó khăn tức sợ đốt rối trong lòng, lẽ nào mà yên nhàn được? Nguy hun lòng nghĩa là cái thế không yên hun đốt cháy trong lòng vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hạn chỉ về chỗ trên dưới giao nhau trong thân thể người ta, tức là từ chỗ ngang lưng đến đùi. Thăn là thịt thăn. Hào Chín Ba lấy chất quá cứng không giữa, nằm ở chỗ giới hạn mà đậu thửa hạn thì không có duỗi được nữa mà trên dưới chia cách như xé thịt thăn vậy. Nguy hun lòng nghĩa là chẳng yên một cách thái thậm vậy.

LỜI KINH

象曰: 艮其限,危薰心也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cấn kỳ hạn, nguy huân tâm dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đậu thửa hạn, nguy hun lòng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ý nói nó cứ cố *đậu* không thể tiến lui, cái lo về sự hiểm nghèo thường thường hun đốt trong lòng.

LỜI KINH

六四: 艮其身, 無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Cấn kỳ thân, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Đậu thửa mình, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư là ngôi đại thần, *đậu* chỗ đáng đậu trong thiên hạ. Vì nó Âm mềm mà không gặp vua Dương cứng, cho nên không thể làm *đậu* người khác mà chỉ tự đậu thân mình, thì được không lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ngôi Âm, lúc đáng *đậu* mà *đậu*, cho nên là Tượng "đậu thửa mình" mà Chiêm thì là không lỗi.

LỜI KINH

象曰: 艮其身, 止諸躬也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cấn kỳ thân, chỉ chư cung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đậu thửa mình, là đậu chưng mình vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không thể làm cho thiên hạ cùng *đậu,* mà chỉ *đậu* được thân mình, há đủ xứng ngôi đại thần?

LỜI KINH

六五: 艮其輔, 言不序, 悔亡.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Cấn kỳ phụ ngôn hữu tự, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Đậu thửa mép, nói có thứ tự, ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái mà người ta cần phải cẩn thận là nói và làm, hào Năm ở trên, cho nên lấy mép mà nói. Mép là chỗ tiếng nói bởi đó mà ra, *đậu* ở mép thì nó sẽ không ra càn mà có thứ tự. Nói ra bằng cách khinh xuất thì có ăn năn, ngăn nó ngay tự cái mép thì sự ăn năn sẽ mất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Năm nhằm vào chỗ mép, cho nên tượng nó như thế mà Chiêm thì là "năm năm mất". Ăn ăn chỉ về nó lấy chất Âm mà ở ngôi Dương.

LỜI KINH

象曰: 艮其輔, 以中正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cấn kỳ phụ, dĩ trung chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đậu thửa mép, lấy giữa chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái hay của hào Năm là đức giữa. Đậu thửa mép là đậu ở giữa, ý nói lấy đức giữa làm chính vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 正 *(chính)* là chữ thừa, kháp vần[1] đủ thấy.

LỜI KINH

上九: 敦艮, 疾.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Đôn Cấn cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên - Dầy đậu, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín lấy chất cứng ở ngôi trên, lại là chủ làm thành quẻ Cấn, đóng chốt cuộc đậu, tức là kẻ *đậu* rất bền dốc, "dầy" là dốc thực, ở chỗ cùng cực cuộc *đậu,* cho nên không là thái

---

[1] Nghĩa là đem chữ "trung" ở câu này kháp vần với chữ "cung" ở lời Tượng hào Tư và chữ "chung" ở lời Tượng hào dưới đây.

quá mà là dầy dốc. Sự *đậu* của người ta có thể chỉ khó giữ lâu tới chót, cho nên tiết tháo khi về già thì đổi, sự thao thủ có khi đến chót thì mất, công việc có khi đến lâu thì hỏng, đó là cái lo chung của mọi người. Hào Chín Trên có thể dầy dốc tới lúc sau chót, tức là cách *đậu* rất hay, cho nên mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương cứng ở trót cuộc *đậu,* tức là kẻ hậu kỹ về sự *đậu.*

LỜI KINH

象曰: 敦艮之疾,以厚終也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đôn Cấn chi cát, dĩ hậu chung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đầy đậu mà tốt, vì dầy chót vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc trong thiên hạ; chỉ có giữ được đến trót là khó Dầy dốc[1] về sự đậu, là kẻ có trót đó. Hào Trên mà tốt, vì giầy dốc được đến trót vậy.

[1] Những chữ "dầy", chữ "dốc" ở hào này là để dốc lòng, dốc sức, không có nghĩa khác.

QUẺ TIỆM

 Tốn trên

 Cấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiệm. Tự quái nói rằng: Các vật không thể đậu mãi, cho nên tiếp đến quẻ Tiệm[1]. Tiệm là tiến lên, *đậu* ắt có tiến, đó là lẽ co duỗi, tiêu sinh[2]. Cái của sự *đậu* sinh ra, cũng là sự tiến, cái phản lại với sự *đậu,* cũng là sự tiến vì vậy quẻ Tiệm mới nối quẻ Cấn. Tiến bằng thứ tự là *dần dần,* ngày nay người ta bảo tiến thong thả là tiến *dần dần,* vì không vượt qua thứ tự mới thong thả. Nó là quẻ trên Tốn dưới Cấn, trên núi có cây, cây cao nhân núi, sự cao của nó có chỗ nhân theo. Sự cao của nó có nhân theo, tức là sự tiến của nó có thứ tự. Vì vậy mới là quẻ Tiệm.

LỜI KINH

漸女歸,吉,利貞.

Dịch âm. - *Tiệm, nữ qui, cát, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tiệm, con gái về, tốt, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ gồm nghĩa chữ "tiệm" mà nói. Kiền Khôn biến đi là Tốn, Cấn, Tốn, Cấn chồng lại là quẻ Tiệm. Nói về thể quẻ Tiệm, thì hai hào giữa giao nhau, bởi sự giao nhau của hai hào ấy mà sau con trai con gái đều được chính ngôi; hai hào đầu và chót tuy không đáng ngôi, nhưng cũng Dương trên Âm dưới, tôn ty chính đáng con trai con gái bên nào được chính đạo của bên ấy, như thế cũng là được ngôi, rõ ràng đối nhau với quẻ Qui muội. Con gái về nhà chồng, có thể chính đính như thế thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tiệm là tiến lên dần dần. Nó là quẻ *đậu ở* dưới mà *nhún ở* trên, tức là nghĩa không tiến gấp vội, có Tượng con gái về nhà chồng. Lại, tức hào Hai đến hào Năm, ngôi đều được chính, cho nên lời Chiêm của nó là con gái về nhà chồng thì tốt, và lại răn rằng: lợi về chính bền.

---

[1] Chữ 漸 (tiệm) nghĩa là dần dần.

[2] Tức là tiêu đi, sinh ra.

LỜI KINH

象曰: 漸之進也, 女歸吉也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Tiệm chi tiến dã, nữ qui cát dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Tiệm là tiến vậy, con gái về nhà chồng tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Theo nghĩa quẻ Tiệm mà tiến, tức là sự tốt của con gái về nhà chồng, nghĩa là chính đáng mà đi dần dần vậy. Con gái về nhà chồng là chỉ nói về nhà chồng là chỉ nói về việc lớn hơn đó thôi, các sự tiến khác cũng thế cả.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 之 *(chi)* ngờ thừa, hoặc là chữ 漸 *(tiệm).*

LỜI KINH

進得位, 往有功也.

Dịch âm. - *Tiến đắc vi, vãng hữu công dã.*

Dịch nghĩa. - Tiến được ngôi, đi có công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì *dần tiến* mà Âm Dương đều được ngôi, tức là tiến mà có công.

LỜI KINH

進以正, 可以正邦也.

Dịch âm. - *Tiến dĩ chính, khả dĩ chính bang dã.*

Dịch nghĩa. - Tiến bằng cách chính đáng, có thể chính nước vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy đạo chính đáng mà tiến lên, có thể làm cho chính đính nước nhà đến cả thiên hạ. Phàm tiến về việc, tiến về đức, tiến về ngôi, cái gì cũng nên dùng cách chính đáng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy sự biến đổi của quẻ mà thích hai chữ "lợi trinh". Bởi vì quẻ này, một phần do quẻ Hoán lại, thì hào Chín tiến lên ngôi Ba, một phần do quẻ Lữ lại, thì hào Chín tiến lên ngôi Năm, đều là được ngôi chính đáng.

LỜI KINH

其位, 剛得中也.

Dịch âm. - *Kỳ vị, cương đắc trung dã.*

Dịch nghĩa. - Thửa ngôi, cứng được giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chữ "ngôi" này chỉ về hào Năm lấy chất Dương cứng trung chính được ngôi tôn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thế quẻ mà nói và chỉ về hào Chín Năm.

LỜI KINH

止而巽, 動不窮也.

Dịch âm. - *Chỉ nhi tốn, động bất cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Đậu mà nhún, động chẳng cũng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong ngừng đậu ngoài nhún thuận, đậu là Tượng yên tĩnh, nhún là nghĩa hòa thuận. Người ta tiến lên, nếu theo sự động của lòng dục, thì sẽ nóng nảy mà không thể dần dần, cho nên có sự khốn cùng. Ở nghĩa quẻ Tiệm, trong đậu im mà ngoài nhún thuận, cho nên sự tiến động của nó không bị khốn cùng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy đức quẻ nói về nghĩa dần tiến.

LỜI KINH

象曰: 山上有木, 漸 ,君子以居賢德, 山俗.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn thượng hữu mộc, Tiệm, quân tử dĩ cư hiền đức, thiện tục.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên núi có cây là quẻ Tiệm, đấng quân tử coi đó mà chứa đức hiền, làm hay thói tục.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên núi có cây, sự cao của nó có chỗ nhân theo, đó là nghĩa *dần dần*. Đấng quân tử coi Tượng "dần dần" mà chứa đức hiền thiện, làm tốt cho phong tục. Người ta tiến về hiền đức ắt, phải tập dần mới được, không thể vượt qua chừng độ mà tới ngay. Ở mình còn thế, thì dạy bảo người, nếu không dùng cách *dần dần* sao được? Dời thói đổi lễ, không thể là việc một sớm một tối có thể làm xong, cho nên làm hay phong tục cũng phải *dần dần*.

LỜI KINH

初六: 鴻漸于干, 小子厲有言,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Hồng tiệm vu can, tiểu tử lệ, hữu ngôn, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Con sếu tiến chưng bến, trẻ nhỏ nguy, có nói, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các hào quẻ Tiệm đều lấy Tượng con Sếu. Sếu là giống đến có thi tiết, đan có thứ tự. Chẳng sai thi tiết thứ tự tức là dần dần. Bến là bến nước, chim nước đậu ở bến nước, với nước rất gần, sự tiến của nó có thể bảo là *dần dần.* Hào Sáu ở ngôi Đầu là rất thấp, tài mềm là rất yếu, mà phía trên lại không có ứng viện, dùng cách đó mà tiến lên, thì thường tình đều phải lo ngại, tiểu nhân trẻ nhỏ chỉ có thể thấy việc đã rồi, theo sự biết của mọi người, không thể soi cho rõ lẽ, cho nên lo sợ mà không có tiếng nói. Bởi vì họ không biết rằng: ở dưới là để mà tiến, dùng sự mềm là để khỏi nóng, không kẻ viện là để có thể dần dần, với nghĩa, tự nhiên không lỗi. Nếu đầu cuộc tiến mà dùng cách cứng gấp tiến, thì mất cái nghĩa *dần dần,* không thể tiến mà ắt có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chim sếu đi có thứ tự mà tiến *dần dần,* đó là tiến chưng bến nước vậy. Mới tiến ở dưới, chưa được yên ổn mà phái trên không có ứng viện, cho nên Tượng nó như thế, mà Chiêm thì là: trẻ nhỏ nguy, tuy có tiếng nói mà với nghĩa thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰: 小子之厲,義無咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tiểu tử chi lệ, nghĩa vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trẻ nó chưng nguy, nghĩa không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tuy là trẻ nhỏ lấy làm nguy nghèo, mà với nghĩa lý thực không có lỗi.

LỜI KINH

六二: 鴻漸于磐,飲食衎衎.

Dịch âm. - *Hồng tiệm vu bàn, ẩm thực hãn hãn.*

Dịch nghĩa. - Con Sếu tiến chưng tảng đá, ăn uống hơn hớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai giữa, được chỗ chính, phía trên ứng nhau với hào Năm, là kẻ tiến được yên ổn khoan thai. Nhưng ở thì *dần dần,* cho nên nó tiến không chóng. Tảng đá là hòn đá yên ổn bằng phẳng, các bến sông ngòi thường có. Tự bến nước tiến lên tảng đá, lại là tiến *dần* vậy. Hào Hai với vua Chín Năm lấy đạo giữ chính ứng nhau, sự tiến của nó yên vững dễ dàng, không còn gì hơn, cho nên nó uống ăn hòa vui, có vẻ hớn hở vậy. Đủ biết là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tảng đá là hòn đá lớn, dần xa với bến nước. Tiến lên tảng đá mà càng yên thêm. Hơn hớn là ý hòa vui. Hào Sáu Hai mềm thuận trung chính, nó tiến bằng cách dần dần mà phía trên có hào Chín Năm ứng với, cho nên Tượng nó như thế mà Chiêm thì tốt.

LỜI KINH

象曰: 飲食衎衎, 不素飽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ẩm thực hãn hãn, bất tố bão dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Uống ăn hơn hớn, chẳng nó không vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gọi là uống ăn hơn hớn, nghĩa là đắc chí hòa vui, không thể bảo là chỉ ăn no không mà thôi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "no không" cũng như chữ "ăn không" trong *Kinh Thi*, nghĩa là được sự "no" ấy có đạo, không phải chỉ ăn cho no mà ở cho yên[1].

LỜI KINH

九三: 鴻漸于陸, 夫征不復, 婦孕不育, 凶, 利禦寇.

Dịch âm. - *Cửu tam: Hồng tiệm vu lục, phu chinh bất phục, phự dựng bất dục, hung, lợi ngữ khấu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Con sếu tiến chưng đất liền, chồng đi chẳng lại, vợ chửa chẳng nuôi, hung, lợi về chống giặc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phẳng cao là đất liền, tức là đồng bằng. Hào Ba ở trên quẻ dưới, ấy là tiến đến đất liền. Chồng chỉ về hào Ba, hào Ba nếu không tự giữ chính đạo mà hợp với hào Tư, ấy là biết đi mà không biết lại, không lại nghĩa là không đoái gì đến nghĩa lý. Vợ chỉ hào Tư, nếu dùng cách bất chính mà hợp nhau, thì tuy có chửa mà không thể nuôi, vì nó trái đạo, như thế thì hung. Cái lợi của hào Ba, chỉ có việc đánh giặc. Kéo đến bằng cách phi lý là giặc; giữ đường chính để ngăn điều tà, thế là chống giặc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sếu là chim nước, đất liền không phải chỗ yên ổn của nó. Hào Chín Ba quá cứng không giữ, không có ứng viện, cho nên Tượng nó như thế, mà Chiêm thì là "chồng đi chẳng lại, vợ đẻ chẳng nuôi" không gì hung hơn. Vì nó quá cứng, cho nên lợi về chống giặc.

LỜI KINH

象曰: 夫征不復,離群醜也, 婦孕不育, 失其道也, 利用禦寇, 順相保也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phu chinh bất phục, ly quần sũ dã; phụ dựng bất dục, thất kỳ đạo dã; lợi dụng ngữ khấu, thuận tương bảo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời tượng nói rằng: Chồng đi chẳng lại, lìa đàn loài vậy; vợ chửa chẳng nuôi, lỗi thửa đạo vậy; lợi dùng chống giặc, thuận cùng giữ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chồng đi chẳng lại, thì lỗi chính đạo của sự tiến, theo lòng ham muốn mà mất chính đạo, lìa phản đàn loài, là đáng xấu vậy. Vợ chửa không dùng chính đạo, cho nên không thể nuôi được. Chỉ lợi về sự chống giặc, tức là lấy sự hòa thuận giữ lẫn cho nhau.

LỜI KINH

六四: 鴻漸于木,獲得其桷,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Hồng tiệm vu mộc, hoặc đắc kỳ giốc, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Con sếu tiến chưng cây, hoặc được thửa cành ngang, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương thì *dần dần,* hào Tư lấy chất Âm mềm ở trên Dương cứng, há ở yên được? Hào Tư ở chỗ không yên, cũng như con sếu tiến chưng cây vậy. Con sếu ngón chân liền, không thể quặp lấy cành cây, cho nên không đỗ ở cây. "Giốc" là cái cành ngang bằng. Chỉ trên cành ngang, nó mới có thể ở yên. Ý nói chỗ ở của Hào Tư vốn là nguy nghèo, nếu có tự được cái đạo yên ninh thì không có lỗi, cũng như con sếu trên cây vốn không thể yên, hoặc được cành ngang mà ở, thì yên.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Con sếu không đậu ở cây. "Giốc" là cành ngang, hoặc được cành ngang thì có thể yên. Hào Sáu Tư cưỡi cứng, mà nhún thuận, cho nên Tượng nó như thế. Kẻ xem như nó thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰: 獲得其桷, 順以巽也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoặc đắc kỳ giốc, thuận dĩ tốn dã.*

---

[1] Ngô Lâm Xuyên nói rằng: Đợi lúc đáng tiến mới tiến, không phải chỉ ăn uống cho no để tự nuôi mình mà thôi.

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hoặc được thửa cành ngang, thuận và nhún vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cành ngang là chỗ bình yên, cái đạo cầu yên, chỉ thuận và nhún. Thuận chính mà nhún như hào Tư, tức là được cành ngang vậy.

LỜI KINH

九五: 鴻漸于陸,婦三歲不孕,中莫之勝, 吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hồng tiệm vu lăng, phụ tam tuế bất dựng, chung mạc chi thắng, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Con sếu tiến chưng gò, vợ ba năm chẳng chửa, trọn chẳng gì thắng, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gò là đống cao, con sếu vẫn đậu, là chỗ rất cao, giống như ngôi vua. Hào Năm với Hào Hai là chính ứng, cái đức trung chính giống nhau, thế mà bị cách hào Ba hào Tư, hào Ba liền với hào Hai, hào Tư liền với hào Năm, đều là kẻ ngăn sự giao tiếp của nó. Nó chưa hợp nhau được ngay, cho nên ba năm không chửa. Nhưng đạo trung chính, có lý ắt phải hanh thông, há làm cách hại được nó? Cho nên rút lại không gì thắng nó. Có điều sự hợp của nó cũng phải *dần dần,* vì vậy, sau chót được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm ở ngôi tôn, hào Sáu Hai là chính ứng với hào Năm, mà bị hào Ba vào Tư ngăn cách; nhưng rút lại vẫn không cướp được chính đạo của nó, cho nên Tượng nó như thế, mà kẻ xem như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰: 終莫之勝吉,得所願也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chung mạc chi thắng, cát, đắc sở nguyện dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chọn thẳng gì được, tốt, được thửa muốn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Vua tôi lấy sự trung chính giao nhau, đạo đó đáng được thực hiện, tuy là có kẻ ngăn cách ở giữa, há thắng được chăng? Lâu rồi ắt được cái sở nguyện của nó, thế là việc tốt trong đạo *dần dần.*

LỜI KINH

上九: 鴻漸于陸, 其羽可用為儀, 吉.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Hồng tiệm vu quỳ, kỳ vũ khả dụng vi nghi, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Con sếu tiến chưng đường mây, lộng nó khá dùng làm miều cờ, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ông Hồ An Định cho chữ 陸 *(lục)* là chữ 陸 *(quì),* 逵 *(qui)* là đường mây, chỉ về trong đám hư không; sách Nhĩ nhã bảo con đường chín ngả thì gọi là "quì", vậy "quì" tức là nghĩa thông đạt không ngăn che vậy. Hào Chín Trên ở chỗ rất cao, lại càng tiến lên, ấy là ra hẳn ngoài ngôi, giống như con sếu lìa hẳn chỗ đỗ mà bay lên chốn mây không, ở người ta thì là siêu việt ra ngoài việc thường. Tiến đến như vậy mà không lỗi đạo *dần dần,* đó là thái độ cao thượng của kẻ hiền đạt, cho nên có thể dùng làm khuôn phép[1].

Bản nghĩa của Chu Hy. - Họ Hồ, họ Trình đều bảo chữ 陸 *(lục)* nên là chữ 逵*(quì),* chỉ về đường mây, lấy vần mà đọc, thật phải. "Miều"[2] là thứ trang sức của cờ mao, cờ tinh, hay cờ đạo, Hào Chín Trên rất cao, ra ngoài ngôi người, mà lông cánh của nó có thể dùng làm đồ nghi sức, đó là cái Tượng "ngôi tuy cực cao mà không đến nỗi vô dụng", cho nên lời Chiêm của nó là được như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰: 其羽可用為儀吉, 不可亂也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kỳ vũ khả dụng vi nghi, cát, bất khả loạn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thửa lông khả dùng làm miếu cờ, tốt, chẳng khá loạn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có thể dùng làm khuôn phép, vì nó có thứ tự mà không thể loạn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Dần tiến càng cao, mà chẳng đến nỗi vô dụng, chí nó vững vàng, há làm rối được?

[1,2] Chữ (nghi) Trình Di giải nghĩa là khuôn phép, Chu Hy thì cho là miều cờ.

QUẺ QUI MUỘI


Chấn trên
Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Qui muội Tự quái nói rằng: Tiệm là tiến lên, tiến lên ắt có chỗ về, cho nên tiếp đến quẻ Qui muội[1]. Tiến lên tất nhiên phải tới chỗ nào, cho nên quẻ Tiệm có nghĩa về. Vì vậy quẻ Qui muội mới nối quẻ Tiệm. Qui muội tức con gái về nhà chồng, chữ "muội" là tiếng để gọi những người thiếu nữ. Nó là quẻ Chấn trên Đoái dưới, ấy là gái nhỏ theo trai lớn vậy. Con trai động mà con gái đẹp lòng, lại, lấy sự đẹp lòng mà động, đều là nghĩa trai đẹp lòng gái, gái theo trai. Qui muội là quẻ trên chằm có sấm, sấm nhức mà chằm động, tức là tượng theo. Loài vật theo động, không gì bằng nước. Con trai động ở trên mà con gái theo đó gả về, ấy là gái theo trai. Chấn là trai lớn. Đoái là gái trẻ, gái trẻ theo trai lớn, lấy sự đẹp lòng mà động, tức là động mà đẹp lòng. Cái mà người ta đẹp lòng là con gái trẻ, cho nên nói là em gái, là Tượng con gái về nhà chồng, lại có ý nghĩa trai lớn đẹp lòng gái trẻ, cho nên là quẻ Qui muội.

LỜI KINH

歸妹征凶,無攸利.

Dịch âm. - *Qui muội chinh hung, vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Qui muội, đi hung không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy sự đẹp lòng mà động, động mà.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đàn bà gọi sự lấy chồng là về; em gái là con gái trẻ. Đoái lấy tư cách gái trẻ theo Chấn là trai lớn, mà tính của nó lại là lấy sự đẹp lòng mà động, không phải chính đạo. Cho nên quẻ là "em gái lấy chồng" mà các hào trong quẻ, từ hào Hai đến hào Năm đều không được chính, hào Ba hào Năm lại lấy chất mềm cưỡi chất cứng, cho nên lời Chiêm của nó là đi thì hung mà không lợi về sự gì.

LỜI KINH

彖曰: 歸妹,天地之大義也.天地不交二萬物不興,歸妹, 人之終始也.

---

[1] Chữ 歸妹 (qui muội) nghĩa là em gái về nhà chồng.

Dịch âm. - *Thoán viết: Qui muội thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng, qui muội nhân chi chung thủy dã.*

Dịch nghĩa. - Lời thoán nói rằng: Quẻ Qui muội là nghĩa lớn của trời đất vậy. Trời đất giao nhau mà muôn vật chẳng dấy lên. Quẻ Qui muội là chót và đầu của loài người vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Một Âm một Dương gọi là đạo. Âm Dương cảm nhau, trai gái sánh hợp, là lẽ thường của trời đất vậy. Quẻ Qui muội con gái về với con trai, cho nên gọi là nghĩa lớn của trời đất. Trời đất chẳng giao nhau thì muôn vật bởi đâu mà sinh ra? Gái theo trai là đạo sinh sinh nối nhau, trai gái giao nhau rồi sau mới có sinh đẻ, có sinh đẻ rồi sau đằng chót không cùng. Đằng trước có chót mà đằng sau có đầu, nối nhau không cùng, đó là chót và đầu của loài người.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa tên quẻ. Về nhà chồng là cuộc chót của con gái, sinh nuôi là cuộc đầu của loài người.

LỜI KINH

說以動,所歸妹也,征凶,位不當也,無攸利,柔乘剛也.

Dịch âm. - *Duyệt dĩ động, sở qui muội dã; chinh hung, vị bất đáng dã; vô du lợi, nhu thừa cương dã.*

Dịch nghĩa. - Đẹp lòng mà động, người về là em gái vậy; đi hung ngôi chẳng đáng vậy; không thửa lợi, mềm cưỡi cứng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trai gái cảm thích nhau mà động là việc của con gái trẻ, cho nên lấy sự đẹp lòng mà động, thì người theo về là em gái vậy. Sở dĩ đi thì bị hung, là vì các hào đều không đáng ngôi. Ở chỗ bất chính, hành động gì mà chẳng hung? Chẳng những là ngôi không đáng, lại có cái lỗi về "cưỡi cứng" nữa. Hào Ba hào Năm đều cưỡi kẻ cứng. Trai gái có thứ tự tôn ty, vợ chồng có lễ xướng tùy, ấy là lẽ thường, như quẻ Hằng đó. Nếu không do đạo đường chính, theo tình riêng, động lòng dục, chỉ thấy đẹp lòng là đẹp, thì vợ chồng nhàm loạn, trai vướng lòng dục mà mất nết cứng, gái quen đẹp lòng mà quên nết thuận, như quẻ Qui muội cưỡi cứng đó, vì vậy mới hung, không đi đầu mà lợi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trai gái giao nhau, vốn vẫn đều là lẽ chính, chỉ như quẻ này, thì không được chính.

LỜI KINH

象曰: 澤上有雷,歸妹,君子以永終知敝.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch thượng hữu lôi, Qui muội, quân tử dĩ vĩnh chung tri tệ.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên chằm có sấm là quẻ Qui muội. Đấng quân tử coi đó mà dài lúc chót, biết điều hỏng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm nhức ở trên, chằm theo mà động, trai động ở trên, gái đẹp lòng mà theo, đó là Tượng con gái theo con trai, cho nên là quẻ "Em gái lấy chồng". Đấng quân tử coi tượng trai gái sánh hợp, sinh đẻ với nhau, để làm dài lâu cuộc chót, biết có điều hỏng. Chót là sinh đẻ nối tiếp, dài là làm cho sự truyền nối được lâu: *biết điều hỏng* là biết các vật có lúc hư hỏng mà làm ra cách nối nhau vậy. Gái về nhà chồng thì có sinh đẻ, cho nên có nghĩa làm dài cuộc chót. Lại, đạo vợ chồng thì nên thường lâu có chót, ắt biết có lẽ hư hỏng, mà răn dỗ cẩn thận. Hư hỏng là chỉ về sự khích bác. Con gái trẻ đẹp lòng là do ở tình cảm động, động thì lỗi với chính đạo, không phải đạo vợ chồng chính đáng có thể thường thường, lâu rồi ắt phải hư hỏng. Biết rằng ắt hỏng thì nên nghĩ cách làm dài cuộc chót. Những đôi vợ chồng trở mặt với nhau ở thiên hạ, điều là không có cuộc chót vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sấm động chằm theo, là Tượng "Em gái về nhà chồng" đấng quân tử coi tượng hợp nhau bất chính đó là biết lúc chót sẽ hỏng. Suy ra sự vật, cái gì cũng thế.

LỜI KINH

初九: 歸妹以娣,跛能履,征吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Quy muội dĩ đệ, bí năng lý, chinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Em gái về nhà chồng bằng vợ lẽ, quẻ biết xéo, đi tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gái về nhà chồng, ở dưới mà không có chính ứng, là Tượng vợ lẽ vậy, Dương cứng với đàn bà là đức hiền trinh, mà ở chỗ thấp thuận, tức là vợ lẽ hiền chính. Vợ lẽ hèn thấp, dẫu hiền có thể làm gì? Chẳng qua tự làm hay cho thân mình để vâng giúp chồng mà thôi. Ví như kẻ què biết xéo, ý nói không thể tới chỗ xa. Nhưng ở phận nó thì hay, cho nên dùng cách đó mà đi thì tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Đầu ở dưới mà không chính ứng, cho nên là Tượng vợ lẽ. Những Dương cứng ở dưới, về con gái thì là đức hiền chính, có điều làm kẻ hèn mọn như người vợ lẽ, thì

chỉ vâng giúp chồng mình mà thôi, cho nên lại là Tượng kẻ què biết xéo, mà Chiêm của nó thì là "đi tốt".

LỜI KINH

象曰：歸妹以娣,以恒也,跛能履吉,相承也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Qui muội dĩ đệ, dĩ hằng dã; bí năng lý, cát, tương thừa dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Em gái về nhà chồng, bằng vợ lẽ, vì thường thường vậy; què biết xéo, tốt, vâng nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa quẻ Qui muội lấy sự đẹp lòng mà động, không phải đạo vợ chồng có thể thường thường. Hào Chín là kẻ Dương cương có đức hiền trinh, tuy là vợ lẽ hèn mọn, lại có thể giữ được thường thường, dù nó ở dưới không thể làm gì, như kẻ què biết xéo, nhưng đi mà tốt, là ví nó biết vậy giúp nhau; biết vâng giúp chồng, tức là sự tốt của vợ lẽ.

LỜI KINH

九二：眇能視,利幽人之貞.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Diểu năng thị, lợi u nhân chi trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Chột biết trông, lợi về sự chính bền của bậc u nhân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Hai Dương cứng mà được giữa, tức là con gái hiền chính; phía trên có chính ứng mà lại là chất Âm mềm, tức là kẻ động về đẹp lòng. Đó là gái hiền, mà lấy phải chồng bất lương, cho nên hào Hai tuy hiền, cũng không thể tự thỏa để làm nên công việc nội trợ chỉ có thể làm hay thân minh, thi hành một cách nho nhỏ, nhưng kẻ chột biết trông mà thôi, nghĩa là không tới được chỗ xa vậy. Hào Năm tuy bất chính, nhưng hào Hai tự giữ lấy đức u tĩnh trinh chính, ấy là đều lợi của nó. Hào Hai có đức cứng chính, tức là người u tĩnh vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Chột biết trông" là theo đoạn trên mà nói: Hào Chín Hai Dương cứng được giữa, tức là bậc con gái hiền. Phía trên có chính ứng mà lại là chất Âm mềm bất chính, tức là gái hiền mà lấy chồng bất lương, không thể làm lớn cái công nội trợ, cho nên là Tượng kẻ chột biết trông, mà Chiêm thì là lợi về nết chính bền của bậc u nhân. U nhân cũng là người ôm đạo, giữ sự chính đính mà không gặp thời.

LỜI KINH

相曰：利幽人之貞,未變常也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lợi u nhân chi trinh, vị biến thường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lợi về sự chính bền của bậc u nhân, chưa đổi sự thường vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giữ nết u trinh, chưa mất đạo thường chính, của vợ chồng.

Lời bàn của Tiên Nho. - Khâu Kiến An nói rằng: Vợ lẽ theo vợ cả, ắt như kẻ què biết xéo, không đủ để cùng đi thì không bị ngờ về lấn người trên, mà phận cả, lẽ rõ ràng; vợ theo chồng ắt như kẻ chột nhìn trông, không đủ có sáng, thì không bị hiềm về sự trở mặt, mà đạo vợ chồng chính đính. Đó là đạo thường của hạng vợ lẽ, đàn bà. Lời Tượng ở hào Đầu nói vì nết thường, ở hào Hai nói chưa đổi thường. Chỉ vì ay nấy đều yêu với lẽ thường của mình, cho nên hào Đầu mới tốt, hào Hai mới lợi đó chăng?

LỜI KINH

六三：歸妹以須,反歸以娣.

Dịch âm. - *Lục Tam: Qui muội dĩ tu, phản qui dĩ đệ.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Em gái về bằng sự đợi, lại về bằng vợ lẽ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ở trên thể dưới, vốn không phải hèn, vì nó thất đức mà không có chinh ứng, cho nên là kẻ muốn về nhà chồng mà chưa được về, "Tu" là đợi. *Đợi* tức là chưa lấy ai. Hào Sáu ở ngôi ba, không đáng ngôi là đức không chính, mềm mà chuộng cứng là nết không thuận; làm chủ thể "đẹp lòng" là dùng sự đẹp lòng mà cầu lấy chồng, tức là động bằng cách trái lẽ; phía trên không có ứng, tức là không có kẻ nào nhận nó, không lấy ai cho nên phải đợi. Con gái xử trí như thế ai còn lấy nó? Nó không thể sánh với người ta, chỉ nên quay lại cầu làm lẽ mọn thì được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Ba Âm mềm mà chẳng trung chính, lại làm chủ thể đẹp lòng, tức là con gái bất chính, người ta không lấy, cho nên là Tượng "chưa lấy người nào mà lại trở lại làm lẽ. Hoặc có người nói: "Tu" là hạng con gái hèn".

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hán Thượng nói rằng: Sách *Thiên quan* chép: "Ngôi Tu nữ bốn sao, là tiếng gọi của bọn vợ lẽ hèn mọn". Lục Chấn nói rằng: "Trong thiên văn, sao Chức Nữ sang, sao Tu nữ hèn". Coi đó đủ biết chữ "tu" là con gái hèn.

LỜI KINH

象曰: 歸妹以須,未當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Qui muội dĩ tu, vị đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Em gái về nhà chồng lấy đợi, chưa đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chưa đáng nghĩa là chỗ ở của nó, đức nó, cách cầu lấy chồng của nó đều không đáng, không ai lấy nó, cho nên phải đợi.

LỜI KINH

九四: 歸妹愆期,遲歸有時.

Dịch âm. - *Cửu tứ: Qui muội khiên kỳ, trì qui hữu thì.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Em gái về nhà chồng lỗi hẹn, chậm về có thời.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín lấy chất Dương ở ngôi Tư, ngôi Tư ở thể trên là chỗ cao, đức Dương cứng ở con gái là đức chính, tức là người hiền minh, không có chính ứng, tức là chưa được chỗ về, quá thời chưa về nhà chồng, cho nên nói là lỗi hẹn. Con gái ở chỗ sang cao, có đức hiền minh, lòng người ai cũng muốn lấy, cho nên sự lỗi hẹn chính là "có thời", nghĩa là tự nó còn có chờ đợi, không phải là không đắt chồng, là đợi được kẻ tốt đôi mới đi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Tư lấy chất Dương ở thể trên mà không có chính ứng, tức là gái hiền không chịu khinh suất theo người. Mà cố lỗi hẹn để đợi. Chính là trái lại với hào Sáu Ba.

LỜI KINH

象曰: 愆期之志,有待而行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khiên kỳ chi chí, hữu đãi nhi hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái chí lỗi hẹn, có đợi mà đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sở dĩ lỗi hẹn là do ở mình không do ở kẻ kia. Con gái hiền là người mà người ta muốn lấy, sở dĩ lỗi hẹn, là tại chí nó muốn có chờ đợi, chờ đợi được người tốt đôi mới đi.

LỜI KINH

六五: 帝乙歸妹,其君之袂
不如其娣之袂良,月幾望,吉.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Đế Ất qui muội, kỳ quân chi quệ, bất như kỳ đệ chi quệ lương, nguyệt cơ vọng, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Vua Đế Ất gả chồng em gái, vạt áo của vua nó không đẹp bằng vạt áo của vợ lẽ nó. Mặt trăng hầu tuần vọng, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Năm ở ngôi Tôn là hạng em gái sang cao, phía dưới ứng nhau với hào Chín Hai, là tượng gả xuống[1]. Con gái nhà vua gả xuống kẻ dưới, tự xưa vẫn thế, có điều đến vua Đế Ất mới chính lễ hôn nhân, rõ phận trai gái, dẫu là hạng gái rất sang cũng không được lỗi đạo mềm nhún, có lòng quí kiêu. Cho nên trong *Kinh Dịch*, chỗ nào hào Âm ở ngôi tôn mà có ý nhún xuống thì nói là "vua Đế Ất gả chồng em gái", tức như hào Sáu Năm quẻ Thái đó. Con gái sang về nhà chồng, chỉ nhún xuống để theo lễ, đó là cái đức sang cao, không chuộng trang sức để làm đẹp lòng người ta. Lẽ mọn là kẻ lấy sự trang sức làm công làm việc, vạt áo là đồ để trang sức, hào Sáu Năm chuộng lễ mà không chuộng sự trang sức, cho nên vạt áo của nó không đẹp bằng vạt áo của vợ lẽ nó. Mặt trăng đến tuần vọng là Âm đã đầy, đầy thì chọi nhau với Dương, hầu đến tuần vọng tức là chưa đến nỗi đầy. Hào Năm cao sang, thường không đến nỗi đầy cực, thì không chống nhau với chồng, như thế mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Năm mềm giữa, ở ngôi tôn, phía dưới ứng nhau với hào Chín Hai, chuộng đức mà không chuộng sự trang sức, cho nên là Tượng "con gái vua đi lấy chồng mà đồ mặc không choang chóe". Nhưng, con gái đức thịnh, không thể hơn thế, cho nên lại là Tượng "mặt trăng hầu tuần vọng", mà kẻ xem như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰:帝乙歸妹,不如其娣之袂良也,其位在中,以貴行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đế Ất qui muội, bất như kỳ đệ chi quệ lương dã, kỳ vị tại trung, dĩ quí hành dã*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Vua Đế Ất gả chồng em gái chẳng đẹp bằng vạt áo của vợ lẽ nó, là tại ngôi nó ở giữa, lấy sang đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy cách gả chồng em gái của vua Đế Ất mà nói, vạt áo nó không đẹp bằng vợ lẽ nó, tức là chuộng lễ mà

---

[1] Con gái vua chúa lấy chồng, gọi là "gả xuống".

không chuộng sự trang sức. Hào Năm lấy chất mềm giữa ở ngôi sang cao, tức là lấy sự tôn quí mà đi bằng "đường giữa" vậy. Mềm thuận nhún khuất, chuộng lễ mà không chuộng sự trang sức, đó là "đường giữa".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Vì có đức giữa là đức sang trọng mà đi, cho nên không chuộng đến sự trang sức.

LỜI KINH

上六：女承筐,無實,士刲羊, 無血, 無攸利.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Nữ thừa không, vô thật: sĩ khuê dương vô huyết; vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Con gái vâng giỏ, không đồ đựng; con trai giết dê, không máu; không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Trên chót thì *gái về nhà chồng* mà không có ứng, tức là gái về nhà chồng mà không chót. Vợ là người để thờ tiên tổ, vâng tế tự, không vâng được việc tế tự thì không thể làm vợ. Đồ đựng trong giỏ vuông giỏ tròn[1], là do chức của người vợ phải cung. Đời xưa, đồ cúng trong nhà thờ, như loài dưa dấm, hoàng hậu và phu nhân phải coi; các vua chư hầu khi tế, tự mình phải cắt con sinh[2]; quan khanh và quan đại phu đều thế, cắt con sinh lấy tiết để tế. Con gái nên vâng việc giỏ vuông, giỏ tròn mà không đồ đựng, không có đồ đựng thì không lấy gì mà tế. Ý nói không thể vâng việc tế tự vậy. Vợ chồng cùng vâng thờ nhà tôn miếu, vợ không thể vâng nổi việc tế tự tức là chồng không vâng nổi việc tế tự đó, cho nên cắt con dê mà không có máu, cũng là không lấy gì tế, ý nói không thể vâng việc tế tự vậy. Vợ không vâng được việc tế tự thì nên tuyệt rồi, đó là đạo vợ chồng không chót, còn đi đâu mà lợi nữa?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Trên lấy chất Âm mềm ở chót thì "em gái về nhà chồng", mà không có ứng, tức là kẻ đã hẹn kết hôn mà không chót, cho nên Tượng nó như thế, mà Chiêm thì không lợi về sự gì.

LỜI KINH

象曰：上六無實, 承虛筐也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thượng Lục vô thật, thừa hư khuông dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu Trên không đồ đựng, vâng giỏ không vậy.

---

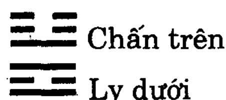
[1]Đời xưa thường đựng các thứ rau dưa để cúng vào giỏ.

[2] Tức là con vật để cúng, như bò lợn v.v...

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giỏ không đồ đựng ấy là giỏ không. Giỏ không có thể tế chăng? Ý nói không vâng nổi việc tế tự vậy. Con gái không vâng nổi việc tế tự, thì lìa đứt đi mà thôi. Đó là gái về nhà chồng không chót.

QUẺ PHONG


Chấn trên
Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Phong, Tự quái nói rằng: Được chỗ về ắt lớn, cho nên tiếp quẻ Phong[1]. Loài vật về họp, ắt thành sự lớn, cho nên sau quẻ Qui muội, tiếp đến quẻ Phong. Phong là nghĩa thịnh lớn. Nó là quẻ Chấn trên Ly dưới. Chấn là động, Ly là sáng, lấy sự sáng mà động, động mà sáng được, đều là cách làm đến cuộc *thịnh*. Sáng đủ để soi, động đủ để hanh, rồi mới đem đến được cuộc *thịnh* lớn.

LỜI KINH

豐亨, 王假之, 勿憂, 宜日中.

Dịch âm. - *Phong hanh, vương cách chi, vật ưu nghi nhật trung.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Phong hanh thông, vua đến đấy, chớ lo, nên mặt trời giữa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phong là thịnh lớn, nghĩa nó vẫn hanh thông. Làm cho tột bậc sang lớn ở gầm trời, chỉ đấng vương giả có thể được thế. *Đến* là tột bậc vậy. Cao đến như ngôi trời, giàu đến như bốn bể, nhiều đến như các loài, lớn đến như đạo vương, làm cho cùng tột đạo *thịnh*, chỉ có đấng vương giả. Trong thời thịnh, nhân dân đông nhiều, các vật thịnh vượng, trị chúng há dễ? Việc đó vẫn đáng lo lắng, phải nên như mặt trời giữa trưa, sáng rõ soi rộng, không đâu không tới, rồi mới không lo.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phong là lớn, lấy sức sáng mà động, tức là cái thế thịnh lớn, cho nên lời Chiêm của nó có đạo hanh thông. Nhưng đấng Vương giả tới bậc đó, thịnh cực sẽ suy, có cách đáng lo, thánh nhơn cho rằng lo suông vô ích, hễ biết giữ thường, chẳng đến quá thịnh thì được, cho nên răn rằng: “Chớ lo, nên mặt trời giữa”.

LỜI KINH

彖曰: 豐,大也,明之動,故豐,王假之,

---

[1] Chữ 豐(Phong) có nghĩa là thịnh, là giàu, là lớn lao.

尚大也；勿憂，宜日中，照天下也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Phong đại dã, minh dĩ động; cố phong; vương cách chi, thượng đại dã; vật ưu, nghi nhật trung, chiếu thiên hạ dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Thịnh là lớn vậy; sáng và động, cho nên thịnh;: vua đến đó, chuộng lớn vậy; chớ lo, nên mặt trời giữa, soi gầm trời vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Phong là nghĩa *thịnh lớn.* Ly sáng mà Chấn động, sáng và động giúp nhau mà thành thịnh lớn. Kẻ làm vua có đất rộng đến bốn bể, dân nhiều hàng triệu, tức là cùng tột sự lớn ở gầm trời, cho nên cái đạo *thịnh lớn,* chỉ kẻ làm vua đem đến được. Cái của họ có đã lớn; thì đạo trị những cái ấy, giữ những cái ấy cũng phải lớn. Cho nên điều của kẻ làm vua vẫn chuộng, là điều rất lớn. Cái của họ có đã rộng, cái của họ trị đã nhiều, thì nên lo rằng không thể tới khắp, phải sáng rõ như mặt trời giữa trưa, soi khắp gầm trời, không đâu không tới, thì mới khỏi lo.

LỜI KINH

日中則昃，月盈則食，天地盈虛，與時消息，
而況於人乎？而況于鬼神乎？

Dịch âm. - *Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực; thiên địa doanh hư dữ thì tiêu tức, nhi huống ư nhân hồ? Nhi huống ư quỷ thần hồ?*

Dịch nghĩa. - Mặt trời giữa thì dé, mặt trăng đầy thì khuyết trời đất đầy rỗng, cùng thì cùng tiêu sinh, mà phương chi với người? Phương chi với quỷ thần?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên đã nói sự tột bậc của cuộc *phong, thịnh,* đây lại tỏ rằng: Khó giữ được nó thường thường như thế để răn người ta mà rằng: Mặt trời giữa là thịnh cực rồi thì phải dé tối; mặt trăng đầy tròn thì phải vơi thiếu, sự đầy rỗng của trời đất, còn theo thời mà tiêu sinh, huống chi người và quỷ thần? Tiêu sinh nghĩa là tiến lui, vận của trời, cũng phải theo thời mà tiến lui. Quỷ thần là dấu của tạo hóa, với sự thịnh suy của muôn vật, có thể thấy sự tiêu sinh của quỷ thần.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lại phát minh cái ý ở ngoài lời quẻ nói là không thể quá mực giữa vậy.

LỜI KINH

象曰: 雷電皆至,豐.君子以折獄致刑.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lôi điện giai chí, Phong, quân tử dĩ triết ngục trí hình.*

Dịch nghĩa. - Sấm chớp đều đến là quẻ Phong. Đấng quân tử coi mà bẻ ngục đến hình.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm chớp đều đến, tức là sự sáng và sự động cùng đi; hai thể hợp nhau, cho nên nói là "đều đến". Sự sáng và sự động giúp nhau thành ra tượng *thịnh,* Ly là sáng, tức là Tượng soi xét; Chấn là động, tức là Tượng oai đoán. *Bẻ ngục*[1] phải soi cho đến tình thật, chỉ có sáng suốt mới có thể tin. *Đến hình*[2] là ra oai với kẻ gian tà, phải quyết đoán mới được. Cho nên đấng quân tử coi Tượng sấm chớp sáng động để mà bẻ ngục đến hình.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là lấy về Tượng "oai và sự sáng cùng đi với nhau".

LỜI KINH

初九: 遇其配主,雖旬無咎,往有尚.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Ngộ kỳ phối chủ, tuy tuần vô cữu, vãng hữu thượng.*

Dịch nghĩa. - Hào chín Đầu: Gặp thứ chủ sánh dẫn đều không lỗi, đi có chuộng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Đầu là đầu thể sáng, hào Chín Tư là đầu thể động, hai hào đó phải chờ nhau mà làm nên công dụng, cho nên tuy là đều nhau mà vẫn ứng với nhau. Ngôi thì ứng nhau, công dụng thì giúp nhau, cho nên hào Đầu gọi hào Tư là "chủ sánh", tức là kẻ mình sánh với. Chữ "sánh" tuy tiếng gọi là kẻ "đánh đôi", nhưng mà mình phải tới với họ, như nói "sánh trời", "để sánh đấng quân tử", cho nên hào Đầu với hào Tư nói là "sánh", hào Tư với hào Đầu nói là "ngang". "Tuần" nghĩa là đều. Những cái ứng nhau ở gầm trời, thường không đều ngang với nhau, như Âm ứng với Dương, mềm đi theo cứng, kẻ dưới bám vào người trên... nếu đã ngang nhau, thì sao nó chịu theo nhau? Chỉ có hào Đầu hào Tư quẻ Phong, thì công dụng giúp nhau, ứng viện để làm nền cho nhau, cho nên tuy đều là Dương cứng, cũng theo nhau mà không lỗi. Bởi vì không "sáng" thì

---

[1] *Tức là xét án.*

[2] Tức là ghép vào tội.

"động" không thể đi đâu, không "động" thì "sáng" không thể dùng gì, nhờ nhau mà nên công dụng, chung thuyền thì Hồ, Việt một lòng, chung nạn thì thù oán hợp sức, sự thế khiến phải thế. Đi mà theo nhau, thì sẽ làm nên cuộc thịnh, cho nên nói rằng: "Có chuộng" nghĩa là có điều đáng khen chuộng vậy. Ở quẻ khác thì hai hào đó không chịu nhau mà lìa khích nhau.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Phối chủ" chỉ hào Tư, "Tuần" nghĩa là đều, ý nói đều là hào Dương. Trong thì *thịnh*, sự sáng và sự động nhờ nhau, cho nên hào Chín Đầu gặp hào Chín Tư tuy đều là Dương cứng, mà lời chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 雖旬無咎,過旬災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tuy tuần vô cữu, quá tuần tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dẫu đều không lỗi, quá đều hại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lý thế đều nhau thì không chịu nhau, đó là lẽ thường. Nhưng cũng có khi tuy là ngang nhau mà phải nhờ nhau thì sẽ tìm nhau, tức như hào Đầu và hào Tư vậy. Vì vậy dù "đều" mà vẫn không lỗi. Chung cùng với người ta mà sức đều nhau thì cốt hạ mình để tìm nhau, họp sức để theo đuổi công việc, nếu có lòng riêng muốn mình hơn người và có ý riêng muốn lấn thêm lên thì vạ lo sẽ đến, cho nên nói rằng: "Quá đều, hại vậy".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây răn kẻ xem không nên cầu thắng kẻ sánh với mình, cũng là ý ngoài lời hào.

LỜI KINH

六二:豐其蔀日中見斗,往得疑疾,有孚發若,吉.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Phong kỳ bộ, nhật trung kiến Đẩu, vãng đắc nghi tật, hữu phu phát nhược, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Thịnh thửa trướng mặt trời giữa thấy sao Đẩu, đi được ngờ ghét, có tin dường mở ra vậy tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự sáng và sự động nhờ nhau mới thành cuộc thịnh. Hào Hai là chủ thể sáng, lại được giữa chính, có thể bảo là kẻ sáng, mà hào Năm ở chỗ chính ứng với nó, lại Âm mềm bất chính, không phải kẻ có thể động. Hào Hai hào Năm tuy đều là Âm, nhằm thì "sáng","động" nhờ nhau, ở chỗ ứng nhau mà tài hào Năm không đủ. Tài của kẻ ứng với nó đã không đủ nhờ, thì một sức "sáng" không thể làm nên cuộc *thịnh*. Đã không thể làm nên cuộc

thịnh, thì mất công "sáng" cho nên là "thịnh thửa trướng". Hào Hai là tài rất sáng, vì kẻ ứng với nó không đủ cộng sự mà không thể làm nên cuộc *thịnh*, mất công "sáng", thì là tối tăm, cho nên nói rằng "thấy sao Đẩu". Đẩu là sao mọc về tối. Bộ là nghĩa quanh khắp, tức là dùng vật che ngăn để che tối bóng sáng vậy. Hào Năm lấy tài Âm mềm, đương vào ngôi vua, mặt trời là lúc sáng rõ, mà thấy sao Đẩu, cũng như đương thời *thịnh lớn*, mà gặp ông vua nhu nhược. Sao Đẩu mọc về tối, nói "thấy sao Đẩu" tức là sự sáng bị mất thành tối rồi. Hào Hai tuy là có tài rất sáng và trung chính, gặp phải ông vua nhu ám bất chính, đã không chịu hạ xuống tìm mình, nếu mình đi mà tìm nó thì lại bị nó ngờ vực ghét bỏ, những vì ám chúa thường như vậy cả. Thế thì làm ra thế nào? Đấng quân tử thờ người trên, nếu mà không được lòng họ thì phải đem hết bụng chí thành của mình để cảm phát chí ý của họ. Nếu cái ý thành thực của mình lay động được họ, thì dù họ tối tăm, cũng mở mang được, dù họ nhu nhược, cũng giúp được, dù họ bất chính cũng làm cho chính đính được. Người đời xưa thờ hạng vua hèn, chúa tối, mà vẫn thực hành được đạo của mình, là do cái ý thành thực thấu lên, mà được họ dốc lòng tin đó thôi. Nếu lấy lòng thành tín của mình, mở mang chí ý của họ, thì sẽ thực hành được đạo của mình, như vậy mới là tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Hai ở thì *thịnh*, làm chủ thể Ly, là kẻ rất sáng, mà phía trên ứng nhau với hào Sáu Năm mềm tối, cho nên là Tượng "thịnh thửa trướng che, thấy sao Đẩu". Bộ là trướng che, làm lớn cái trướng che, cho nên giữa ngày mà tối. Đi mà theo họ, thì ông vua hôn ám ắt ngờ, chỉ nên chứa chất lòng thành để cảm phát họ thì tốt. Răn kẻ xem nên như thế đó. Giữa rỗng[1] là Tượng "có tin".

LỜI KINH

象曰:有孚發若,信以發志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu phu phát nhược, tín dĩ phát chí dã*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có tin dường mở ra vậy, là dùng sự tin để mở chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Có tin dường mở ra vậy" nghĩa là dùng phu tín cảm phát tâm chí của người trên vậy.

LỜI KINH

九三:豐其沛, 日中見沬,折其右肱, 無咎.

---

[1] Chỉ về hào giữa quẻ Ly.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Phong kỳ bái, nhật trung kiến mạt*[1]*, triết kỳ hữu quăng, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Thịnh thửa màn, mặt trời giữa thấy sao Mạt, gãy thửa cánh tay phải, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chữ 沛 *(bái)*[2] bản cổ có cuốn chép ra chữ 旆 *(bái)*[3]. Vương Bật cho là dù màn thì chính là chữ 旆 *(bái)* đó. Dù màn vây che ở trong, tức là "thịnh thửa màn", sự tối càng tệ hơn trướng che. Hào Ba ở thể sáng mà tối hơn hào Tư, là vì kẻ ứng với nó là chất Âm tối. Hào Ba ở trên thể sáng, chất Dương cứng được chỗ chính, vốn là kẻ sáng, đạo *thịnh* ắt phải "sáng" "động" giúp nhau mới thành, hào Ba ứng với hào Trên, hào Trên là hạng Âm mềm lại không có ngôi mà ở chót thể Chấn, đã chót thì phải đậu, không thể động - quẻ khác đến chót thì cùng cực, quẻ Chấn đến chót thì đậu - hào Ba không có kẻ ứng ở trên, thì không thể làm nên cuộc *thịnh*. Mạt là hạng sao nhỏ nhen, không có tên số, "thấy sao Mạt", tức là tối lắm. Thời *thịnh* mà gặp hào Sáu Trên, tức là giữa, tức là "giữa ngày thấy sao Mạt". Cánh tay phải là cái người ta hay dùng, nó bị gãy rồi, đủ biết là không làm gì được nữa. Những người hiền trí, gặp đấng minh quân, thì có thể làm việc với thiên hạ; nếu ở trên không có ông vua có thể nhờ cậy, thì không thể làm được việc gì, cũng như người gãy cánh tay phải. Người ta làm việc bị hỏng thì có chỗ đổ lỗi, để mà nói rằng: "bởi thế cho nên đến thế", muốn động mà không cánh tay phải, muốn làm mà người trên không thể nhờ, thì không thể làm mà thôi, còn nói gì nữa? Vì không đổ lỗi cho ai được.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 旆 *(bái)* một bản chép là chữ 沛 *(bái)*, chỉ về dù màn, sự che của nó lại tệ hơn trướng, 沬 *(mạt)* là sao nhỏ. Hào Ba ở chỗ sáng cực mà ứng với hào Sáu Trên, tuy không thể dùng, mà không phải lỗi tại nó, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：豐其沛，不可大事也；
折其右肱，終不可用也。

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong kỳ bái, bất khả đại sự dã: triết kỳ hữu quăng, chung bất khả dụng dã.*

---

[1] Chữ 沬(mạt là bọt nước), nguyên văn chua rằng: "nên đổi ra chữ 昧 (mạt là tên những sao nhỏ).

[2] Chữ 沛(bái) nghĩa là nước trút xuống.

[3] Chữ 旆 (bái) là tên thứ cờ lớn.

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thịnh thửa màn, chẳng khá làm việc lớn vậy; gãy thửa cánh tay phải, trọn chẳng khá dùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba ứng với hào Trên, kẻ trên ứng với mà không có ngoi. Âm mềm không thế lực, lại ở chỗ đã chót còn cùng làm nên việc lớn được chăng? Đã không thể nhờ, như gãy cánh tay phải, thì rút cục không thể dùng được.

LỜI KINH

九四：豐其蔀，日中見斗，遇其夷主，吉.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Phong kỳ bộ, nhật trung kiến Đẩu, ngộ kỳ di chủ, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Thịnh thửa trướng, mặt trời giữa thấy sao Đẩu, gặp thửa chủ ngang tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư tuy là Dương cứng làm chủ thể động, là được ngôi đại thần, nhưng lấy đức không trung chính mà gặp ông vua Âm tối nhu nhược, há còn có thể đem đến cuộc *thịnh lớn?* Cho nên là "thịnh thửa trướng". Trướng che là thứ đồ vây quanh che lấp, vây quanh thì không lớn, che lấp thì không sáng, "mặt trời giữa thấy sao Đẩu" nghĩa là đương lúc sáng rõ mà lại tối tăm vậy. "Chủ ngang" là người bằng đẳng, vì nó ứng nhau, cho nên gọi là "chủ". Hào Đầu với hào Tư đều là chất Dương, mà ở ngôi đầu, ấy là có đức nó giống hào Tư, lại ở vào chỗ ứng nhau, cho nên gọi là chủ ngang. Ở ngôi đại thần mà được người hiền ở dưới cùng đức giúp nhau, thì sự đỡ đần đó há phải là nhỏ? Vì vậy mới tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tượng của hào này giống hào Sáu Hai. "Di" là ngang hành, chỉ hào Chín Đầu. Lời Chiêm của nó thì đương thời thịnh, gặp phải ám chúa, đi xuống với kẻ cùng đức thì tốt.

LỜI KINH

象曰：豐其蔀，位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong kỳ bộ, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thịnh thửa trướng, ngôi chẳng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ngôi chẳng đáng ý nó hào này lấy đức không giữa không chính mà ở ngôi cao, vì tối tăm không đem được cuộc *thịnh* đến.

LỜI KINH

日中見斗, 幽不明也.

Dịch âm. - *Nhật trung kiến Đẩu, u bất minh dã.*

Dịch nghĩa. - Mặt trời giữa thấy sao Đẩu, tối chẳng sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ý nói tối tăm không thể sáng láng, là vì vua Tượng Âm mà tối thì không trung chính.

LỜI KINH

遇其夷主, 吉行也.

Dịch âm. - *Ngộ kỳ di chủ, cát hành dã.*

Dịch nghĩa. - Gặp thửa chủ ngang, đi tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương cứng gặp nhau là sự đi tốt lành. Tới xuống với hào Đầu, cho nên nói là "đi", nghĩa là trở xuống mà tìm thì tốt.

LỜI KINH

六五: 來章有慶譽,吉.

Dịch âm. - *Lục ngũ: Lai chương hữu khánh dự, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Lại đẹp có phúc khen, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm lấy tài Âm mềm làm chủ thì *thịnh,* chỉn không thể làm nên cuộc thịnh lớn. Nếu có thể làm cho người hiền đẹp tốt tới đến mà dùng, thì có phúc khánh, lại được tiếng hay, thế gọi là tốt. Hào Hai văn vẻ sáng láng giữa chính, là tài đẹp tốt vậy, kẻ làm hào Năm nếu thực đem được nó tới ở ngôi mà giao công việc cho nó, thì có thể đưa lại cái phúc thịnh lớn, cái đẹp danh dự, cho nên là tốt. Hào Năm với hào Hai tuy không phải là chính ứng, nhưng mà ở thì "sự sáng và sự động giúp nhau" thì nó có nghĩa là làm lẫn sự dùng cho nhau, hào Năm nếu có thể đem đến kẻ đẹp tốt đó thì có phúc khen mà tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chất tuy mềm tốt, nếu nó đưa được kẻ sáng thiên hạ tới nơi thì có phúc khen mà tốt. Vì nó mềm tốt mới đặt lời đó để mở mang cho nó. Kẻ xem như thế, thì cũng được tốt như thế.

LỜI KINH

象曰: 六無之吉,有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lục Ngũ chi cát, hữu khánh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của hào Sáu Năm, có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gọi là tốt, vì có phúc khánh tới thiên hạ. Kẻ làm vua tuy là mềm tối, nếu biết dùng người hiền tài, thì có thể làm phúc cho thiên hạ, chỉ lo không thể như thế mà thôi.

LỜI KINH

上六: 豐其屋,蔀其家,闚其戶,

闃其無人,三歲不覿,凶.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Phong kỳ ốc, bộ kỳ gia, khuy kỳ hộ, khuých kỳ vô nhân, tam tuế bất thục, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Thịnh thửa mái, che thửa nhà, nhòm thửa cửa, hiu quạnh thửa không người, ba năm chẳng thấy, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở thì *thịnh lớn* nên khiêm nhún mà lại đóng chỗ rất cao, đem đến cái công thịnh lớn cốt ở cứng mạnh mà lại là thể Âm mềm, gánh cái trách nhiệm thịnh lớn cốt ở được thì mà lại không đáng ngôi, như hào Sáu Trên này không được một điều nào xứng đáng, đủ biết là hung. "Thịnh thửa mái" tức là ở chỗ quá cao. "Che thửa nhà" tức là ở nơi không sáng". Lấy chất Âm mềm đương thì *thịnh lớn,* ở vào chỗ không ngôi mà lại cao kỳ tối tăm, tự mình tuyệt với người ta, thì người ta ai cùng với nó? Cho nên nhòm vào cửa nó mà thấy hiu quạnh không có người. Lâu đến ba năm mà không biết đổi, hung là đáng lắm. "Chẳng thấy" nghĩa là còn chẳng thấy người, ý nói nó không thay đổi vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm mềm ở chót thời *thịnh,* đóng cuối thể động, tức là kẻ sáng cực mà lại hóa tối, cho nên là Tượng "làm lớn mái nhà mà lại tự che mình". "Không người "chẳng thấy" cũng che lấp sâu quá, sự hung tệ lắm.

LỜI KINH

象曰: 豐其屋, 天際翔也,

闚其戶, 闃其無人, 自藏也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong kỳ ốc, thiên tế tường dã, khuy kỳ hộ, khuých kỳ vô nhân, tự tàng dã.*

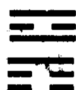
Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Thịnh thửa mái nhà, giữa trời lượn vậy, nhòm thửa của hiu quạnh thửa không người, tự giấu vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đứng chỗ chót thời *thịnh lớn*, ở trên mà tự cao, như bay lượn lên giữa trời, ý nói cao lớn thái thậm, nhòm vào cửa mà không có người, là vì tuy ở chỗ cùng tột cuộc *thịnh lớn* mà thật ra thì là nơi không ngôi, người ta vì nó tối tăm lại tự tôn đại, đều dứt bỏ nó mà tự nấp tránh, không gần với nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Giấu" nghĩa là ngăn che.

QUẺ LỮ


Ly trên
Cấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Lữ, Tự quái nói rằng: Phong là lớn, lớn tới cùng ắt mất chỗ ở, cho nên tiếp đến là quẻ Lữ[1]. Lớn thịnh cùng tột, thì ắt mất nơi yên ở, vì vậy quẻ Lữ mới nối quẻ Phong. Nó là quẻ Ly trên Cấn dưới, núi thì đậu mà không dời, lửa thì đi không ở, là Tượng "xa đi chẳng ở" cho nên là sự hành lữ. Lại, bám mắc ở ngoài, cũng là Tượng "hành lữ".

LỜI KINH

旅小亨，旅貞吉.

Dịch âm. - *Lữ tiểu hanh, lữ trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Lữ nhỏ hanh thông sự đi đường chính bền tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ mà nói. Như tài quẻ này có thể hanh thông nho nhỏ được lẽ trinh chính của sự đi đường mà tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lữ là ky lữ, núi đậu ở dưới, lửa bốc ở trên, là Tượng "bỏ chỗ ngừng đậu không ở" cho nên là lữ, lấy hào Sáu Năm được chỗ giữa ở ngoài, mà thuận với hào Dương ở trên và dưới Cấn đậu mà Ly thì bám vào chỗ sáng, cho nên lời Chiêm của nó là có thể nho nhỏ hanh thông, mà giữ được chính bền của việc hành lữ thì tốt. Hành lữ không phải chỗ ở thường, hình như có thể cẩu thả, song "đạo" không chỗ nào không ở, cho nên việc hành lữ cũng có chỗ chính của nó, không thể phút chốc mà lìa cái lẽ chính đó.

LỜI KINH

彖曰：旅小亨，柔得終乎外而順乎剛，止而麗乎明，是以小亨，旅貞吉也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Lữ tiểu hanh, nhu đắc trung hồ ngoại nhi thuận hồ cương, chỉ nhi lê hồ minh, thị dĩ tiểu hanh, lữ trinh cát dã.*

---

[1] Chữ 旅(lữ) nghĩa là đường đi, ở trọ, tức là kẻ hành lữ.

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Lữ nhỏ hanh thông, mềm được giữa ở ngoài mà thuận với cứng, đậu mà mắc với sáng, cho nên nhỏ hanh thông, đi đường chính bền tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Trên ở ngôi Năm là "mềm được giữa ở ngoài", nó mắc vào hai hào cứng ở trên và dưới là "thuận với cứng", dưới Cấn đậu mà trên Ly mắc là "đậu mà mắc với sáng". Mềm thuận mà được chỗ giữa trong sự ở ngoài, chỗ đậu lại mắc vào thể sáng, cho nên nho nhỏ hanh thông được sự trinh chính của việc đi đường mà tốt. Trong lúc lữ khốn[1], không phải là kẻ Dương cứng trung chính có người giúp đỡ dưới, thì không thể đem đến được sự cả hanh. Gọi là "chỗ giữa trong sự ở ngoài", là vì chỗ giữa không phải chỉ có một lối, sự đi đường cũng có chỗ giữa của sự đi đường. Đậu vào chỗ sáng, thì không lỗi mất thì nghi[2] rồi mới đúng với cách xử cuộc hành lữ.

LỜI KINH

旅之時，義大矣哉.

Dịch âm. - *Lữ chi thì nghĩa đại hỹ tai!*

Dịch nghĩa. - Thì nghĩa của quẻ Lữ lớn vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc trong thiên hạ, nên tùy thời mà làm cho việc nào đúng sự "nên phải" của việc ấy, mà riêng việc ky lữ là khó xử hơn, cho nên khen cái thời nghĩa của nó lớn lao.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thời cuộc của ky lữ là thời khó xử.

LỜI KINH

象曰：山上有火，旅，君子以明慎用刑而不留獄.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn thượng hữu hỏa, Lữ quân tử dĩ minh thuận dụng hình nhi bất lưu ngục.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên núi có lửa là quẻ Lữ, đấng quân tử coi đó mà sáng ghín[3] dùng hình, mà chẳng để ngục đọng lại.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lửa ở chỗ cao, cái sáng của nó không đâu không soi tới. Đấng quân tử coi Tượng sáng soi đó thì để sáng

---

[1] Tức là cảnh trọ đậu cùng khốn.
[2] Tức là sự "nên phải" của từng thời.
[3] Tức là cẩn thận.

ghín dùng hình. Cái sáng không thể cậy, cho nên phải lấy sự ghín mà răn. Sáng mà đậu, cũng là Tượng ghín. Coi tượng "lửa đi không ở yên", thì không để ngục đọng lại. Ngục là cái chẳng đừng được mà đặt ra. Kẻ dân có tội vào đó, há lại có thể để nó lưu đọng chậm trễ?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cẩn thận việc hình như núi, chẳng để đọng trễ việc ngục như lửa.

LỜI KINH

初六: 旅瑣瑣, 斯其所取災.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Lữ tỏa tỏa, tư kỳ sở thủ tai.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Hành lữ nhỏ mọn, ấy là cái lấy vạ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Đầu lấy tài âm mềm ở thì ky lữ, lại ở vào chỗ dưới thấp, ấy là người nhu nhược, gặp cảnh *lữ khốn* mà ở vào nơi hèn thấp, bụng dạ dơ hèn vậy. Cái người bụng dạ hèn kém, đã ở vào cảnh *lữ khốn,* thì những sự bỉ ổi nhỏ nhặt, không việc gì mà không làm, đó là cái để đưa sự hối nhục đến mà tự rước lấy vạ lỗi vậy. Đương thời lữ khốn, tài chất như thế, dẫu có ứng viện, cũng không có thể làm gì.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương thời ky lữ, lấy chất Âm mềm ở ngôi dưới, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 旅瑣瑣, 志窮災也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lữ tỏa tỏa, chí cùng tai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hành lữ nhỏ mọn, chí cùng hại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí ý cùng gặt càng tự rước lấy tai vạ. Chữ "tai" và chữ "sảnh" đối nhau mà nói thì có phân biệt, nói riêng một mình, chỉ là "vạ lo" mà thôi.

LỜI KINH

六二: 旅即次, 懷其資, 得童僕貞.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Lữ tức thứ, hoài kỳ tư, đắc đồng bộc trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Hành lữ tới chỗ trọ, ôm thửa của, được thằng nhỏ, đầy tớ chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai có đức mềm thuận, giữa chính, mềm thuận thì mọi người cùng với, giữa chính thì cư xử không mất lẽ

xứng đáng, cho nên mới giữ được cái mình có, mà thằng nhỏ, đầy tớ cũng hết lòng trung tín với mình, dẫu nó không bằng hào Năm có đức văn vẻ sáng sủa kẻ trên người dưới đều giúp, nhưng cũng là kẻ xử cuộc *hành lữ* được hay. Nhà trọ là nơi mà kẻ hành lữ yên ở; tiền của là vật mà kẻ *hành lữ* trông cậy, thằng nhỏ đầy tớ là kẻ mà người *hành lữ* nương nhờ; được tới chỗ trọ, ôm chứa tiền của, lại được thằng nhỏ đầy tớ chính đính lương thiện, đó là cuộc *hành lữ* rất hay. Mềm yếu ở dưới là thằng nhỏ, khỏe mạnh ở ngoài là đầy tớ, hào Hai mềm thuận ở giữa chính, cho nên được lòng kẻ trong người ngoài. Ở thời *ky lữ,* cái kẻ gần sát với mình tức là thằng nhỏ đầy tớ. Chẳng nói là tốt, vì rằng trong lúc *trọ đậu*, được khỏi vạ nguy, đã là hay rồi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kẻ hành lữ tới nhà trọ thì yên, có mang của thì dư dụ, được thằng nhỏ đầy tớ trinh tín thì không bị lừa dối mà còn có chỗ nương chờ. Đó là sự rất tốt trong cuộc hành lữ. Hào Hai có đức mềm thuận giữa chính, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 得童僕貞,終無尤也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đắc đồng bộc trinh, chung vô cưu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Được thằng nhỏ đầy tớ chính bền, chọn không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái người ky lữ, nhờ vào thằng nhỏ đầy tớ, đã được thằng nhỏ, đầy tớ trung trinh, thì không oán hối gì nữa.

LỜI KINH

九三: 旅焚其次,喪其童僕, 貞厲.

Dịch âm. - *Cửu tam. Lữ phần kỳ thứ, táng kỳ đồng bộc, trinh lệ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Hành lữ cháy thửa nhà trợ, mất thửa thằng nhỏ, đầy tớ, chính bền nguy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cách cư xử trong thời ky lữ, lấy sự mềm thuận nhún nhường làm đầu, hào Ba cứng mà không giữa, lại ở trên thể dưới, đóng trên quẻ Cấn, có Tượng tự cao, ở thời kỳ lữ mà quá cứng tự cao, là cách đưa sự khốn hại đến vậy. Tự cao thì không thuận với người trên, người trên không cùng với, mà đốt cháy nhà trọ của nó, tức là mất chỗ ở yên, thể Ly ở trên tức là tượng cháy; quá cứng thì tàn bạo với kẻ dưới, cho nên kẻ dưới lìa bỏ mà mất sự trinh *tín của thằng nhỏ đầy tớ,* tức là mất lòng họ vậy. Như thế thì là đạo nguy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quá cứng không giữa, ở trên thể dưới cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. "Mất thửa thằng nhỏ đầy tớ" thì không những mất lòng của bọn chúng nó mà thôi, cho nên chữ "trinh" phải liền câu dưới mới đúng nghĩa.

LỜI KINH

象曰：旅焚其次，亦以傷矣；以旅與下，其義喪也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lữ phần kỳ thứ, diệc dĩ thương kỹ, dĩ lữ dữ hạ, kỳ nghĩa táng dã.*

Dịch âm. - Lời Tượng nói rằng: Hành lữ cháy thửa nơi trọ cũng đã hại vậy; lấy thì hành lữ cùng với kẻ dưới, thửa nghĩa mất vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Kẻ hành lữ cháy mất nhà trọ, cũng đã khốn hại rồi; lấy thời hành lữ mà cách cùng với kẻ dưới như thế, nghĩa nên mất vậy. Ở thời *hành lữ,* mà lấy sự quá cứng tự cao đối đãi kẻ dưới, ắt phải mất sự trung trinh của họ, nghĩa là mất lòng họ vậy. Trong thời *hành lữ* mà mất lòng thằng nhỏ đầy tớ, là đáng lo lắm.

LỜI KINH

九四：旅于處，得其資斧，我信不快.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Lữ vu xử, đắc kỳ tư phủ, ngã tâm bất khoái.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Hành lữ chưng ở, được thửa của búa, lòng ta chẳng sướng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư là chất Dương cứng, tuy chẳng ở giữa nhưng ở vào ngôi mềm, đứng dưới thể trên, có Tượng "dùng đạo mềm, biết nhún mình", thế là được sự nên phải của thời *hành lữ.* Lấy tài cứng sáng được hào Năm cùng với, hào Đầu ứng với, là kẻ ở thời *hành lữ* rất hay. Nhưng mà ngôi Tư không phải là ngôi chính của nó, cho nên tuy là được nơi ở đậu, mà không bằng hào Hai tới nơi trọ. Có tài cứng sáng lại được trên dưới cùng với mà được nhờ về của cải, lợi về đồ dùng, tuy ở thời *hành lữ* là hay, nhưng phía trên không có kẻ Dương cứng cùng với, phía dưới chỉ có kẻ Âm mềm ứng với, cho nên không thể trổ hết tài mình, thi hành chí mình, lòng nó không sướng. Rằng "ta" là theo hào Tư mà nói.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Dương cứng ở ngôi Âm, đứng dưới thể trên, là kẻ dùng sự mềm, biết nhún mình, cho nên Tượng Chiêm của nó như thế. Nhưng không phải ngôi chính của nó lại, phía trên không kẻ Dương cùng với, phía dưới chỉ kẻ Âm mềm ứng với, cho nên lòng nó không sướng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chu Hy nói rằng: Chữ 資斧 *(tư phủ)* có người giải làm 齎斧 *(tê phủ).* Chữ (tư phủ) nay giải trên quẻ Tốn[1] tự nhiên hiểu rõ. Nhưng mà trong chỗ trọ đậu, há lại không có thứ đồ để giã mình? Sắp đặt nó lại như thế nào cho đúng[2].

Từ Tiến Trai nói rằng: Có người bảo rằng: chữ 資 *(tư)* nên đổi là chữ 齊 *(tư).* Xem sách *Hán thư,* khi Vương Mãng sai Vương Tầm ra đóng đồn ở Lạc Dương, sắp đi thì bị mất lưỡi búa vàng, bộ hạ của hắn là Phòng Dương nói rằng: "Đó tức như ở *Kinh Dịch* nói 喪其資斧 *(táng kỳ tư phủ),* ứng Thiện chua rằng: 齊 *(tư)* nghĩa là sắc, đọc như tiếng 齊 *(tư)* trong chữ 齊衰 *(tư thôi - áo xổ gấu).* Chữ 資 *(tư)* với chữ 齊 *(tư)* cung âm, cho nên làm ra chữ (tư).

Hồ Song Phương nói rằng: Thuyết "có người bảo" của họ Từ[3] cũng tức như nghĩa "giải làm" 資斧 *(tư phủ)* của sách Ngữ Lục. Lại xét chữ 資 *(tư)* này với chữ *(tư)* ở hào Hai, Tượng giống như nhau. "Búa" tức là Tượng "Ly là cái gươm", cũng là thể "Vàng Đoái đắp đổi ở trên cây Tốn"[4] Ly, Đoái ở hào Tư, cho nên là "được". Còn như ở hào Chín Trên quẻ Tốn "mất thửa của, búa" cũng có Tượng Ly, Đoái, Tốn, nhưng đều ở trên, cho nên là "mất". Hợp cả thái quẻ mà xem, rất rõ.

LỜI KINH

象曰: 旅于處, 未得位也; 得其資斧,心未快也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lữ vu xử, vị đắc vị dã, đắc kỳ tư phủ, tâm vị khoái dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hành lữ chưng ở, chưa được ngôi vậy, được thửa của búa, lòng chưa sướng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư lấy sự gần vua làm đáng ngôi, ở quẻ Lữ, hào Năm không dùng nghĩa vua, cho nên hào Tư là chưa đáng ngôi. Có người nói rằng: Như thế thì hào Chín ở ngôi Tư, không được chính đính là có lỗi rồi. Đáp rằng: Lấy chất cứng ở ngôi mềm là sự "đáng nên" của kẻ hành lữ. Hào Chín là tài cứng sáng, muốn được thời mà thực hành chí mình, cho nên dù được của búa, với cuộc hành lữ là hay mà tâm chí nó chưa sướng.

---

[1] Coi hào Chín Trên quẻ Tốn ở sau đây.

[2] Chu Hy muốn nói đi đường phải có đồ giữ mình, lại phải có tiền, như thế thì ở câu này, cứ để y nguyên chữ 資 (tư là của) cũng được.

[3] Tức là lời bàn của Từ Tiến Trai ở trên.

[4] Quẻ này trên Ly dưới Cấn, nếu bỏ hào trên của thể Ly mà lấy hào trên của thể Cấn phụ vào, thì thành thể Đoái, thế là đắp đổi thể Đoái; nếu bỏ hào dưới thể Cấn mà lấy hào dưới thể Ly phụ vào, thì thành thể Tốn, thế là đắp đổi thể Tốn.

LỜI KINH

六五：射雉，一失亡，終以譽命.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Xạ trĩ, nhất thỉ vong, chung dĩ dự mệnh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Bắn chim trĩ, một phát tên mất, chọn lấy khen mệnh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ly là chim trĩ, con vật văn vẻ sáng sủa. Bắn chim trĩ là bắt chước cái đạo văn vẻ sáng sủa mà ắt hợp với việc bắn chim trĩ, một phát tên làm mất được nó, thế là bắn không phát nào không trúng, sau chót có thể đem đến được khen mệnh vậy. “Khen” là tiếng tốt, “mệnh” là phúc lộc. Hào Năm ở ngôi văn vẻ sáng sủa. Năm là ngôi vua, ông vua không có sự *hành lữ* có sự hành lữ là mất ngôi, cho nên không dùng nghĩa vua.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chim trĩ là vật văn vẻ sáng sủa, tức là tượng Ly. Hào Sáu Năm mềm thuận văn vẻ sáng sủa lại được trung đạo, làm chủ quẻ Ly, cho nên kẻ được hào này là Tượng bắn chim trĩ, dù có hao tổn về sự mất tên, mà cái mất không bao nhiêu, sau chót ắt có khen mệnh.

LỜI KINH

象曰：終以譽命，上逮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chung dĩ dự mệnh, thượng đãi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trọn lấy khen mệnh trên kịp vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Có đức văn vẻ sáng sủa, thì kẻ trên người dưới cùng với, “Kịp” tức là cùng, biết thuận vâng người trên mà người trên cùng với, tức là “được người trên kịp”. Ở ngôi trên mà được lòng kẻ dưới, tức là “được kẻ dưới kịp”. Ở thời hành lữ mà được trên dưới cùng với, vì vậy mới đem được khen mệnh đến.

Bản nghĩa của Chu Hy. - “Kịp” là tiếng khen mệnh tốt của nó đến tai người trên.

LỜI KINH

上九：鳥焚其巢，旅人先笑，
後號咷，喪牛于易，凶.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Điểu phần kỳ sào, lữ nhân tiên tiếu, hậu hào diêu, táng ngưu vu dị, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Chim cháy thửa tổ, kẻ hành lữ trước cười, sau kêu gào, mất trâu chưng dễ dàng, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chim là giống bay lượn và ở chỗ cao. Hào Chín Trên cứng mà chẳng giữa, ở chỗ rất cao lại thể Ly, đủ biết là sự quá cực, cho nên lấy Tượng con chim. Trong thời *hành lữ,* nhún mềm ôn hòa, mới giữ được mình, mà quá cứng tự cao, thì phải mất chỗ yên ổn. Tổ là chỗ con chim yên đậu, cháy tổ tức là mất chỗ yên, không đậu đâu được. Ở trên thể Ly là Tượng cháy. Kẻ Dương cứng tự ở vào nơi rất cao, lúc đầu sướng ý, cho nên trước cười, sau rồi không ai cùng với, cho nên kêu gào, khinh dị làm mất đức thuận của mình vì vậy mới hung. Trâu là giống vật hay thuận, (mất trâu chưng dễ dàng) nghĩa là làm mất nết thuận bằng cách khinh rẻ coi thường vậy. Lửa Ly tính hay bốc lên, là Tượng nóng nẩy khinh suất. Tiếp theo câu "Chim cháy thửa tổ" ở trên, cho nên phải có chữ "kẻ hành lữ". Nếu không nói "kẻ hành lữ", thì là con chim cười khóc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Trên quá cứng ở trên quẻ Lữ và chót thể Ly, kiêu mà không thuận, là đạo hung đó. Cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 以旅在上,其義焚也;
喪牛于易,終莫之聞也.

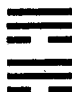
Dịch âm. - *Tượng viết: Dĩ lữ tại thượng, kỳ nghĩa phần dã; táng ngưu vu dị, chung mạc chi văn dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lấy kẻ hành lữ ở trên, thửa nghĩa cháy vậy; mất trâu chưng dễ dàng, trọn chẳng nghe vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Là kẻ hành lữ ở trên, mà tự xử bằng cách cao đại, há lại giữ được chỗ ở? Nghĩa nó ắt phải có việc cháy tổ. Đương lấy sự cực cứng tự cao làm đắc chí mà cười, không biết bị mất đức thuận bằng cách nóng nẩy dễ dàng, ấy là "trọn chẳng chưng nghe". Nghĩa là sau chót vẫn không hề tự mình biết. Nếu nó tự biết thì chẳng đến nỗi quá cực mà phải kêu gào.

QUẺ TỐN



GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tốn, Tự quái nói rằng: Hành lữ mà không có chỗ chứa, cho nên tiếp đến quẻ Tốn[1]. Tốn là vào, kẻ đi đường họ hàng ít, nếu không nhún thuận thì kiếm đâu được chỗ dung thân? Nếu biết nhún thuận, thì tuy ở cảnh hành lữ cùng khốn mà đi vào đâu không được? Vì vậy quẻ Tốn mới nối quẻ Lữ. Nó là quẻ một Âm ở dưới hai Dương, nhún thuận với Dương, vì vậy mới là Tốn.

LỜI KINH

巽小亨,利有攸往,利見大人.

Dịch âm. - *Tốn tiểu hanh, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân.*

Dịch âm. - Quẻ Tốn nhỏ hanh thông, lợi có thửa đi, lợi thấy người lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tài quẻ này có thể nho nhỏ hanh thông, lợi có thửa đi, lợi thấy người lớn. Quẻ Tốn và quẻ Đoái đều là kẻ cứng được chỗ giữa chính, nhún và đẹp lòng, nghĩa cũng giống nhau, thế mà quẻ Đoái thì hanh, quẻ Tốn thì nhỏ hanh, là vì quẻ Đoái Dương làm việc, quẻ Tốn Âm làm việc, quẻ Đoái hào mềm ở ngoài, tức là dùng cách mềm, quẻ Tốn hào mềm ở trong, tức là tính nó mềm, vì vậy sự hanh thông của quẻ Tốn mới nhỏ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tốn là vào một hào Âm nấp dưới hai hào Dương, tính nó biết nhún để vào; Tượng nó là gió, cũng là lấy về nghĩa "vào". Quẻ này hào Âm là chủ, cho nên lời Chiêm của nó là sự hanh nhỏ; lấy Âm theo Dương, cho nên lại "lợi có thửa đi". Nhưng ắt biết chỗ đáng theo mới được chính đính, vì vậy lại nói "lợi thấy người lớn".

LỜI KINH

彖曰: 重巽以申命.

Dịch âm. - *Thoán viết: Trùng Tốn dĩ thân mệnh.*

---

[1] Chữ 巽(tốn) có nghĩa là núp, là vào, lại có nghĩa nhún nhường.

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Hai lần nhún để nhắc lại mệnh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hai lần nhún tức là trên dưới đều nhún, người trên dùng đạo thuận mà ra mệnh lệnh, kẻ dưới vâng mệnh lệnh mà thuận theo, trên dưới đều thuận là Tượng "hai lần nhún". Lại chữ "trùng" còn có ý nghĩa là trùng phúc nữa. Đấng quân tử thể theo cái nghĩa "hai lần nhún" đó mà nhắc lại mệnh lệnh của mình, nhắc lại tức là làm cho trùng phúc, nghĩa là đinh ninh vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây thích nghĩa quẻ. Nhún thuận mà vào ắt đến chỗ thấp là Tượng mệnh lệnh. Hai lần Tốn cho nên là nhắc lại mệnh.

LỜI KINH

剛巽乎中正而志行,柔皆順乎剛,
是以小亨,利有攸往, 利見大人.

Dịch âm. - *Cương tốn hồ trung chính nhi chí hành, nhu giai thuận hồ cương, thị dĩ tiểu hành, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân.*

Dịch nghĩa. - Cứng vào chưng giữa chính mà chí được thi hành, mềm đều thuận chưng cứng, cho nên nhỏ hanh, lợi có thửa đi, lợi thấy người lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đây lấy tài quẻ mà nói. Dương cứng ở thể Tốn mà được giữa chính, tức là nhún thuận về đạo giữa chính. Tính Dương đi lên, tức là chí nó muốn đem đạo giữa chính thi hành lên trên; lại các hào mềm trên dưới đền nhún thuận với hào cứng, tài nó như thế, tuy bên trong mềm, cũng có thể nho nhỏ hanh thông. Cái đạo nhún thuận, không đâu không vào được, cho nên lợi có thửa đi. Nhún thuận tuy là đạo hay, nhưng ắt phải biết chỗ đáng theo, nhún thuận với bậc người lớn trung chính, thì là lợi, cho nên lợi thấy người lớn. Dương cứng giữa chính như hào Năm hào Hai tức là người lớn đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Cứng vào chưng giữa chí mà chí được thi hành" là chỉ vào hào Chín Năm, "mềm" chỉ vào hào Đầu và hào Tư.

LỜI KINH

象曰: 隨風巽,君子以申命行事.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tùy phong Tốn, Quân tử dĩ thân mệnh hành sự.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Theo gió là quẻ Tốn. Đấng quân tử coi đó mà nhắc lại mệnh lệnh, làm việc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hai luồng gió chồng nhau, tức là theo gió. "Theo" nghĩa là nối nhau, đấng quân tử coi Tượng hai lần Tốn nối nhau mà nhắc lại mệnh lệnh, thi hành chánh sự. "Theo" và "Chồng" tức là trên dưới đều thuận. Người trên thuận với kẻ dưới mà ban ra, kẻ dưới thuận với người trên mà làm theo, đó là trên dưới đều thuận theo cái nghĩa "hai lần nhún" vậy. Mệnh lệnh chính sự thuận lẽ thì hợp lòng dân mà dân thuận theo.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Theo" là nghĩa nối nhau.

LỜI KINH

初六: 進退,利武人之貞.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Tiến thoái, lợi vũ nhân chi trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Tiến lui, lợi về sự chính bền của người võ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy chất Âm mềm ở chỗ nhún thấp mà không được giữa, tức là người ở chỗ rất thấp mà vâng theo kẻ cứng một cách quá nhún thấp vậy. Cái người Âm mềm nhún thấp thái quá thì chí ý sợ hãi không yên, hoặc tiến hoặc lui, không biết đi theo đường nào. Cái lợi của nó chỉ là nết trinh của người võ. Nếu nó có thể dùng theo cái chí cương trinh của hạng võ nhân thì hay. Vì rằng cố làm cương trinh, thì không bị lỗi về sự quá hèn, sợ hãi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Đầu lấy chất Âm ở dưới, làm chủ thể Tốn, là kẻ nhún thấp thái quá, cho nên là Tượng tiến lui không quyết, nếu lấy nết trinh của bọn võ nhân xử vào cảnh đó, thì có thể giúp thêm vào chỗ sức nó không tới, mà được thích nghi.

LỜI KINH

象曰: 進退,志疑也;
利武人之貞,志治也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tiến thoái, chí nghi dã, lợi vũ nhân chi trinh, chí trị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tiến lui chí ngờ vậy; lợi về nết chính bền của người võ; chí trị vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tiến lui không biết chỗ nào ở yên, là tại chí nó ngờ sợ. Lợi dụng nết cương trinh của người dùng võ để dựng chí mình, thì chí mình trị: "Trị" nghĩa là sửa dựng vậy.

LỜI KINH

九二：巽在床上，用史巫紛若，吉！無咎！

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Tốn tại sàng hạ, dụng sử vu phân nhược, cát! Vô cữu!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Nhún ở dưới giường, dùng thày bói, thày cúng bời bời vậy, tốt! Không lỗi!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai thực là cứng giữa, tuy thể Tốn mà ở chỗ mềm, là kẻ quá nhún, không phải là có tà tâm. Kính nhún quá độ, tuy chẳng phải là lễ chính, nhưng cũng có thể xa sự sỉ nhục, tuyệt sự oán trách. Thày bói thày cúng là người thông đạt lòng thành tín với đấng thành minh. "Bởi vậy" tức là nhiều. Nết rất thành thực mà yên về đường khiêm nhún, có thể khiến cho thành ý thông đạt được nhiều thì tốt mà không lỗi, nghĩa là lòng thành của mình đủ để cảm động người ta vậy. Người ta không xét đến cái thành ý của mình, thì sẽ cho sự quá nhún là sự nịnh hót.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai là chất Dương, động ngôi Âm mà ở chỗ thấp, có ý chẳng yên. Nhưng trong thì nhún, chẳng chán sự thấp[1], mà hào Hai lại có đức giữa, không đến quá lắm, cho nên lời Chiêm của nó, là: Có thể quá nhún mà lại đinh ninh phiền phức nói cho hết lời, để tự thông đạt, thì có thể tốt mà không lỗi. Cũng là lời Chiêm tốt lành về việc hết lòng thành để cúng tế vậy.

LỜI KINH

象曰：紛若之吉，德中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phân nhược chi cát, đắc trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dường hời vậy mà tốt, được giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai vì đóng ngôi mềm, ở chỗ thấp là tượng quá *nhún,* mà có thể khiến cho thông đạt thành ý của mình, nhiều đến bời bời vậy, là tại nó được giữa vậy. Hào Dương ở giữa là Tượng trong thật. Bên trong đã thành thật thì người ta tự nhiên tin mình bằng ý thật, mà không phải là nịnh hót, sợ sệt nữa. Vì vậy mới tốt mà không lỗi.

LỜI KINH

九三：頻巽吝.

---

[1] Tức là khiêm tốn.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Tần tốn lận.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Liền nhún, đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba là chất Dương đóng ngôi cứng, không được giữa, lại ở bên trên thể dưới, lấy chất Dương kháng mà ở vào thì *nhún thuận,* không phải kẻ có thể nhún, miễn cưỡng mà làm, cho nên hay lỗi. Đương thời *nhún,* ở thể dưới mà kẻ ở trên đã lấy sự *nhún* sát tới, và hào Tư lại lấy chất *mềm nhún* gần nhau với nó, kẻ có cưỡi lên là chất cứng, ở trên lại có hai lần cứng nữa, dẫu muốn không nhún được chăng? Vì vậy liền lỗi mà liền phải *nhún,* đó là đáng tiếc vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quá cứng chẳng giữa, ở trên thể dưới, không phải kẻ có thể *nhún.* Cố gượng mà làm, luôn luôn lỗi mất, là cách đáng tiếc vậy, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 頻巽之吝,志窮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tần tốn chi lận, chí cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Liền nhún mà đáng tiếc, chí cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tài chất hào Ba vốn không phải kẻ biết nhún, kẻ ở trên lại sát tới nó bằng sự nhún, vâng hai lần cứng mà xéo lên hào cứng, thế nó không thể thi hành chí mình, cho nên liền lỗi mà liền nhún, ấy là chí nó cùng quẫn, đáng tiếc lắm vậy.

LỜI KINH

六四: 悔亡,田獲三品.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Hối vong, điền hoạch tam phẩm.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Ăn năn mất, săn được ba phẩm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Âm mềm không có ứng viện, mà kẻ nó vâng theo và kẻ nó cưỡi lên đều cứng, đáng có ăn năn, nhưng hào Tư lấy chất Âm đóng ở ngôi Âm, được lẽ chính của sự nhún, ở dưới thể trên, là kẻ ở trên mà biết *nhún.* Ở dưới thể trên là *nhún* với người trên; lấy sự nhún tới kẻ dưới; là nhún với kẻ dưới; khéo xử như thế, cho nên được sự ăn năn mất đi. Sở dĩ được ăn năn mất đi, là vì nó giống như việc đi săn được ba phẩm. Đi săn được ba phẩm tức là kịp thời trên dưới. Số bắt được trong khi săn bắn, chia làm ba phẩm: một là phần ướp mắm, hai là phần để cung khách khứa và dùng vào bếp

nước, ba là phần để ban cho quân sĩ và kẻ đánh xe[1]. Hào Tư biết nhún với các hào Dương trên dưới, như săn bắn được ba phẩm, nghĩa là khắp tới trên dưới vậy. Địa vị của hào Tư vốn có ăn năn, vì nó ở khéo, cho nên sự ăn năn mất đi mà lại có công.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm mềm không có ứng viện, kẻ nó vâng theo và kẻ nó cưỡi lên, đều là chất cứng, đáng có ăn năn, nhưng nó lấy chất Âm đóng ngôi Âm, ở dưới quẻ trên cho nên được sự ăn năn mất đi mà lại là lời Chiêm tốt về việc bói đi săn vậy. Ba phẩm là: một phần để ướp mắm, một phần để cung khách khứa, một phần để cung vào bếp nước.

Lời bàn của Tiên Nho. - Chu Hy nói rằng: Câu "săn được ba phẩm" Y Xuyên chủ trương giải làm "nhún với người dưới" giải vậy thật khiên cưỡng.

Hồ Song Hồ nói rằng: Ở Thiên Vương Chế (*Kinh Lễ*) thì mỗi năm ba lần đi săn, một để làm "cau đậu", hai để cung khách khứa, ba để cung vào bếp của tiên quân. Truyện họ Cốc Lương chua rằng: "Cau đậu" tức là ướp mắm để làm đồ cúng.

LỜI KINH

象曰: 田獲三品,有攻也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Điền hoạch tam phẩm, hữu công dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Săn được ba phẩm, có công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhún với trên dưới, như đi săn được ba phẩm mà khắp tới trên dưới, tức là thành công của sự nhún vậy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Trung Khuê nói rằng: Săn bắn mà được ba phẩm, là được mồi nhiều, cho nên nói là có công.

LỜI KINH

九五: 貞吉,悔亡,無不利,無初有終,
先庚三日,後庚三日,吉.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Trinh cát, hối vong, vô bất lợi, vô cơ hữu chung, tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Chính bền tốt, ăn năn mất, không gì lợi, không đầu có chót, trước canh ba ngày, sau canh ba ngày tốt!

[1] Ngày xưa, vua đi săn, thường dùng quân lính bổ vây, rồi cho xe ngựa xông vào, trên xe có người chuyên việc đánh xe, có người chuyên dùng cung tên bắn các thú vật.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi tôn làm chủ thì *nhún,* mệnh lệnh do đó mà ra. Ở được giữa chính, hết sự khéo của đạo nhún, nhưng nhún là cách mềm thuận, lợi ở chính bền, chẳng phải hào Năm có thiếu đức đó, ở thì *nhún* thì phải răn thế. Đã chính bền thì tốt mà sự ăn năn sẽ mất. Không gì không lợi, vì nó trinh và trung chính vậy. Ở thì *nhún,* ra mệnh lệnh đều lấy trung chính làm tốt, nhún thuận mà không trinh, thì có ăn năn, đậu được không gì không lợi? Mệnh lệnh ban ra, có chỗ phải thay đổi, "không đầu" là lúc đầu chưa phải "có chót" là đổi đi cho phải. Nếu đã phải rồi, thì dùng gì đến mệnh lệnh? Dùng gì đến sự thay đổi? "Trước canh ba ngày, sau canh ba ngày, tốt" nghĩa là: cái đạo ra lệnh canh cải nên như thế đó. *Giáp* là đầu mối của việc *canh* là lúc đầu sự biến canh. Trong mười "can" *mậu, kỷ* là giữa, quá giữa thì phải đổi đi, cho nên mới gọi là *canh.* Việc đã cải canh, thì nên suy nguyên lúc đầu, rốt lại lúc chót, như nghĩa "trước giáp sau giáp", như thế thì tốt. Lời giải nghĩa đó đã ở quẻ cổ.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Năm cứng mạnh giữa chính mà ở thể Tốn, cho nên có sự ăn năn. Vì nó có đức chính bền, mà tốt, cho nên được sự ăn năn mất đi mà không gì không lợi. Có ăn năn là "không đầu" sự ăn năn mất đi là có chót. *Canh* là canh cải, tức là việc bị thay đổi. Trước *canh* ba ngày là *đinh,* sau *canh* ba ngày là *quý, định* là để mà *đinh ninh* về trước khi chưa thay đổi, *quý* là để *quỹ đạc*[1] về sau khi thay đổi. Có sự thay đổi mà được hào này, kẻ xem như thế thì tốt.

LỜI KINH

象曰：九五之吉，位中正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Ngũ chi cát, vị chính trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của hào Chín Năm ngôi chính giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái tốt của hào Chín Năm, vì nó ở chỗ giữa chính. Được đạo chính giữa thì tốt mà sự sự ăn năn mất đi.

LỜI KINH

上九：巽在床上，喪其資斧，凶!

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Tốn tại sàng hạ, táng kỳ tư phủ, hung!*

---

[1] Nghĩa là cân nhắc đắn đo. Chu Hy muốn dùng chữ "quỹ" để thích chữ "quý" mà ghép cho nó có nghĩa.

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Nhún ở dưới giường, mất thửa của búa, hung!.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giường là chỗ người ta ở yên. "Ở dưới giường" tức là vượt qua chỗ ở yên. Hào Chín ở chỗ cùng cực thể Tốn, tức là kẻ quá *nhún*. *Của* là vật nó có, *búa* là đồ để chặt. Dương cứng vốn có tính quyết đoán[1], vì nó quá nhún mà mất cái tính cương đoán, mất cái sẵn có, tức là mất của, búa đó. Ở trên mà quá nhún, tự mình làm mất bản tính của mình, với đạo "thẳng" là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nhún ở dưới giường là quá nhún, mất thửa của, búa, là mất cái để chặt, như thế thì tuy chính cũng hung. Ở vào cùng cực thể Tốn, mất đức Dương cứng, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 巽在床上,上窮也; 喪其資斧,正乎凶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tốn tại sàng hạ, thượng cùng dã; táng kỳ tư phủ, chính hồ hung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nhún ở dưới giường, trên cùng vậy; mất thửa của búa, chỉnh chưng[2] hung vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nhún ở dưới giường là quá *nhún*, ở chỗ trên quẻ là *nhún* đến cùng cực. Ở trên mà quá cực về sự *nhún*, đến nỗi tự mình làm mất bản tính, được là chính đính ư? Đó là đạo hung vậy. Sự *nhún* vốn là nết hay, cho nên đặt lời hoài nghi mà rằng: "được là chính chăng?" và lại đoán rằng "Đó là hung vậy".

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Chính chưng hung", ý nói ắt hung.

---

[1] Trong Nho văn "đoạn" là chặt và "đoán" là quyết đoán vốn cùng một chữ mà đọc khác đi. Vì vậy, Trình Di mới dùng cách dây cà dây muống mà giải chữ "phủ" là búa là ra nghĩa quyết đoán, cương quyết.

[2] Câu này *Trình Di, Chu Hy không đồng ý nhau, Theo Trình Di chữ (hồ) phải dịch là* "chăng" mà theo Chu Hy thì nghĩa là "chưng".

QUẺ ĐOÁI

 Đoái trên

 Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Đoái, Tự quái nói rằng: Tốn là vào, vào mà sau mới đẹp lòng, cho nên tiếp đến quẻ Đoái. Đoái là đẹp lòng, loài vật vào nhau thì đẹp lòng nhau, đẹp lòng nhau thì vào nhau, vì vậy quẻ Đoái mới nối quẻ Tốn.

LỜI KINH

兑亨利貞.

Dịch âm. - *Đoái hanh lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Đoái hanh, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đoái là đẹp lòng, đẹp lòng tức là cách đem đến sự hanh thông. Có thể đẹp lòng với người ta, người ta ai cũng đẹp lòng mà cùng với mình? Như thế đủ để đem đến sự hanh thông. Nhưng cái đạo làm sự đẹp lòng, lợi tại trinh chính, nếu trái đạo mà cầu đẹp lòng thì là tà xiểm, mà có hối lỗi, cho nên răn rằng "lợi về chính bền".

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đoái là đẹp lòng. Một Âm tiến lên trên hai Dương, tức là sự mừng hiện ra bên ngoài. Tượng nó là chằm lấy nghĩa đẹp lòng muôn vật, lại lấy về tượng nước Khảm mà lấp dòng dưới. Thể quẻ cứng trong mà mềm ngoài, cứng trong cho nên đẹp lòng mà hanh, mềm ngoài cho nên lợi về chính bền. Bởi vì sự đẹp lòng vẫn có cách hanh thông, nhưng cái đẹp lòng càn bậy, thì không thể không răn, cho nên lời Chiêm của nó như thế. Lại, mềm ngoài cho nên đẹp lòng hanh thông, cứng trong cho nên lợi về chính bền, cũng là một nghĩa nữa.

LỜI KINH

彖曰: 兑説也,剛中而柔外,是以順乎天
而應乎人.説以先民,民忘其勞;
説以犯難,民念其死.説之大,民勸矣哉.

Dịch âm. - *Thoán viết: Đoái duyệt dã, cương trung nhi nhu ngoại, duyệt dĩ lợi trinh, thị dĩ thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân.*

Duyệt dĩ tiên dân, dân vong kỳ lao; duyệt dĩ phạm nan, dân niệm kỳ tử. Duyệt chi đại, dân khuyến hỹ tai!

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Đoái là đẹp lòng. Cứng trong mà mềm ngoài, đẹp lòng và lợi về chính bền, cho nên thuận với trời mà ứng với người. Dùng sự đẹp lòng mà đi trước dân, dân quên sự nhọc của nó. Dùng sự đẹp để phạm vào hiểm nạn, dân nghĩ sự có chết của nó. Sự đẹp lòng lớn lao, dân khuyến khích vậy thay!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa của quẻ Đoái là *đẹp lòng*. Một Âm ở trên hai Dương, tức là Âm đẹp lòng với Dương mà bị Dương đẹp lòng. Dương cứng ở trong, là Tượng trong lòng thành thực; hòa mềm ở ngoài, là Tượng tiếp người bằng cách hòa mềm, cho nên là đẹp lòng mà chính bền. Lợi trinh nghĩa là cái đẹp đẹp lòng cho nên chính đính vậy. Trong quẻ có đức cứng giữa, là kẻ có thể chính bền. Đẹp lòng mà lại chính bền, cho nên trên thuận lẽ trời, dưới ứng lòng người, tức là việc rất chính rất phải trong đạo *đẹp lòng*. Đạo đấng quân tử đẹp lòng với dân, giống như trời đất ra ơn, cảm được lòng họ mà họ vui phục không chán. Cho nên dùng cách đó mà đi trước dân thì dân đẹp lòng theo mà quên sự khó nhọc; đem dân phạm vào sự hiểm nạn, thì dân thực bụng vui phục với nghĩa là không ngại sự chết. Cái đạo *đẹp lòng* lớn lao, dân không kẻ nào không biết khuyến khích. Khuyến khích nghĩa là tin mà cố sức thuận theo. Đạo của kẻ làm vua lấy sự lòng người vui phục làm gốc, cho nên thánh nhân ngợi khen cái lớn của nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy thể quẻ thích lời quẻ mà nói cho thật cùng tột.

LỜI KINH

象曰：麗澤兌,君子以朋友講習.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lệ trạch Đoái, quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bám chằm là quẻ Đoái, đấng quân tử coi đó mà bè bạn giảng tập.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Bám chằm nghĩa là hai chấm phụ bám vào nhau. Hai chằm bám nhau là Tượng thấm nhuần lẫn nhau, đắp đổi giúp ích cho nhau. Cho nên đấng quân tử coi tượng đó mà bè bạn giảng tập, bè bạn giảng tập tức là đắp đổi làm ích cho nhau. Tiên Nho bảo việc đẹp lòng ở gầm trời, không gì bằng bè bạn giảng tập. Bè bạn giảng tập vẫn là điều lớn trong sự đáng đẹp lòng, nhưng nên hiểu rõ *cái Tượng làm ích cho nhau.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hai chằm bám vào nhau, đắp đổi thêm ích cho nhau. Bè bạn giảng tập, Tượng cũng như thế.

LỜI KINH

初九: 合兌,吉.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Hòa đoái, cát!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Hòa đẹp lòng, tốt!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu tuy là Hào Dương mà ở thể đẹp lòng, ở chỗ rất thấp, không có hệ ứng, ấy là kẻ biết nhún thấp hòa thuận để làm cách đẹp lòng mà không thiên tư. Lấy hòa thuận làm đẹp lòng mà không thiên tư với ai, tức là cách chính đáng trong đạo *đẹp lòng*. Dương cứng thì không hèn, ở dưới thì biết nhún, đẹp lòng thì có thể hòa, không có ứng thì không thiên tư. Ở cảnh *đẹp lòng* như thế, cho nên được tốt.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Là Hào Dương ở thể đẹp lòng lại ở chỗ rất thấp mà không có hệ ứng, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰:和兌之吉,行未疑也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hòa đoái chi cát, hành vị nghi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của sự hòa đẹp lòng, đi chưa ngờ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu theo thì xử thuận, lòng không vướng víu, không định làm gì chỉ cần lấy hòa mà thôi, cho nên mới tốt. Lời Tượng lại vì nó ở thể *đẹp lòng,* đứng chỗ thấp, mà không giữa chính, cho nên nói rằng: "Đi chưa ngờ vậy". Nghĩa là sự đi của nó chưa có vẻ đáng ngờ, tức là chưa thấy nó có lỗi vậy. Nếu nó mà được giữa chính, thì sẽ không có câu nói ấy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở về đầu quẻ, sự *đẹp lòng* của nó, chưa có điều ngờ.

LỜI KINH

九二: 孚兌,吉,悔亡.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Phu đoái cát, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Tin đẹp lòng, tốt ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai vâng liền với hào Âm mềm,

Âm mềm là kẻ tiểu nhân đó, đẹp lòng với nó thì có ăn ăn. Hào Hai có đức cứng giữa, sự phu tín đầy ở bên trong, tuy liền với kẻ tiểu nhân, mà nó tự mình giữ gìn, chẳng để mất đức cứng giữa, cho nên mới tốt mà sự ăn năn mới mất.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Cứng giữa là đức tin, ở ngôi Âm là ăn năn, kẻ xem lấy sự tin *làm đẹp* lòng thì tốt mà sự ăn năn mất đi.

LỜI KINH

象曰: 孚兌之吉,信志也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phu đoái chi cát, tín chí dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tín đẹp lòng mà tốt, tín chí vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái để trong lòng là chí. Hào Hai cứng đặc ở giữa, tức là phu tín để ở bên trong. Chí nó đã để về đường thành tín, há lại đến nỗi đẹp lòng với kẻ tiểu nhân mà tự mình làm mất bản tính của mình? Vì vậy mới tốt.

LỜI KINH

六三: 來兌,凶.

Dịch âm. - *Lục Tam: Lai đoái, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Lại đẹp lòng hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu là người Âm mềm không trung chính, tức là kẻ *đẹp lòng* không theo đạo, tự lại để cầu *đẹp lòng*. Liền với hào Dương ở dưới uốn mình, trái đạo để cầu đẹp lòng, vì vậy mới hung. Đi vào trong là lại. Trên dưới đều là Dương, mà riêng đi vào bên trong, vì nó cùng thể mà tính Âm thấp, thế là trái đạo đi xuống.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào này Âm mềm chẳng giữa, chẳng chính, làm chủ sự *đẹp lòng*, trên không có ứng mà trở lại với hai hào Dương để cầu *đẹp lòng* đó là đạo hung.

LỜI KINH

象曰: 來兌之凶,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Lai đoái chi hung, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lại đẹp lòng mà hung, ngôi chẳng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Âm ở chỗ không trung chính, không kẻ cùng với, mà cố liều cầu lấy đẹp lòng, vì vậy mới hung.

LỜI KINH

九四: 商兑,未寧介疾,有喜.

Dịch âm. - *Cửu tứ: Thương đoái, vị ninh, giới tật, hữu hỷ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Đắn đo đẹp lòng chưa yên, thẳng ghét, có mừng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư phía trên vâng theo Hào Năm là hào trung chính, mà phía dưới liền với hào Ba là hào Âm tà, nó tuy Dương cứng mà ở chỗ bất chính, hào Ba Âm mềm, tức là kẻ mà hào Dương đẹp lòng, cho nên không thể quyết đoán mà đắn đo chưa yên, nghĩa là so sánh bàn bạc nên theo đằng nào mà chưa thể định. Nếu nó cương quyết giữa đường chính đính, mà xa ghét kẻ tà ác, thì có sự mừng. Theo Hào Năm là chính đáng, đẹp lòng hào Ba là cong queo. Hào Tư ở ngôi gần vua, nếu có cương quyết giữa đường chính, ghét xa kẻ tà ác, thì sẽ được vua để hành đạo, phúc khánh tới người, thế là có mừng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Tư phía trên vâng theo hào Chín Năm là hào trung chính, mà phía dưới liền sát với hào Sáu Ba là hào nhu tà, cho nên không thể quyết đoán mà phải đắn đo cân nhắc chỗ nên đẹp lòng, chưa thể định được. Nhưng chất nó vốn là Dương cứng, cho nên có thể kiên quyết giữa đường chính đính mà ghét bỏ kẻ nhu tà, như thế thì có mừng. Tượng Chiêm như thế, cái ý răn người sâu lắm.

LỜI KINH

象曰: 九四之喜,有慶也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu tứ chi hỷ, hữu khánh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái mừng của hào Chín Tư, có phúc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gọi là cứng, nghĩa là nếu có giữ đường chính đính mà vua đẹp lòng, thì được thi hành cái đạo Dương cứng của nó mà phúc khánh tới người.

LỜI KINH

九五: 孚于剝,有厲.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Phu vu bác, hữu lệ.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Tin chung đẽo, có nguy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - "Đẽo" là tiếng nói việc làm tiêu khí

Dương. Khí Âm là thứ làm tiêu khí Dương, đó là chỉ về hào Sáu Trên, cho nên "tin chưng đẽo" thì nguy. Vì hào Năm ở thì *đẹp lòng* mà liền sát với hào Sáu Trên, cho nên mới làm ra lời răn đó. Thánh như vua Thuấn, còn sợ xảo ngôn lệnh sắc, không răn sao được? Sự đẹp lòng mê hoặc người ta, dễ vào mà đáng sợ như thế đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - "Đẽo" là Âm đẽo được Dương. Hào Chín Năm Dương cứng giữa chính, nhưng đương thời *đẹp lòng*, mà ở ngôi Tôn, liền sát với hào Sáu Trên, hào Sáu Trên Âm mềm là chủ sự *đẹp lòng*, ở về cùng cực thể *đẹp lòng*, là kẻ có thể càn quấy đẹp lòng để làm tiêu Khí Dương, cho nên lời Chiêm chỉ răn: Hễ tin hào Sáu Trên thì có nguy.

LỜI KINH

象曰：孚于剝,位正當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phu vu bác, vị chính đương dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tin chưng đẽo, ngôi chính nên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Răn đừng tin chưng đẽo là ngôi của hào Năm chính nên răn vậy. Liền sát với kẻ Âm mềm, có cách sẽ đẹp lòng nhau, cho nên răn đừng tin nó.

LỜI KINH

上六：引兌.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Dẫn đoái.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Dẫn đẹp lòng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ khác đến chỗ cùng cực thì biến, quẻ Đoái là cuộc *đẹp lòng*, cùng cực thì càng *đẹp lòng*. Hào Sáu Trên là chủ làm thành cuộc *đẹp lòng*, ở chỗ cùng cực *đẹp lòng*, tức *đẹp lòng* không biết thôi, cho nên sự *đẹp lòng* đã cùng cực mà lại dẫn cho dài ra. Vậy mà không đến hối lỗi là sao? Đáp rằng: Đương khi nói nó *đẹp lòng* không biết thôi, chưa thấy cái nó *đẹp lòng* là thiện hay ác.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Trên là chủ làm thành cuộc *đẹp lòng*, lấy chất Âm mềm ở chỗ cùng cực thể *đẹp lòng*, dẫn ba hào Dương cùng làm *đẹp lòng* mà không hẳn là theo hào nào. Cho nên hào Chín Năm nên răn mà hào này không nói là cát hay hung.

LỜI KINH

象曰：上六引兌,未光也.

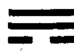
Dịch âm. - *Tượng viết: Thượng Lục dẫn đoái, vị quang dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Sáu Trên dẫn đẹp lòng chưa sáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Đẹp lòng* đã cùng cực, lại dẫn cho dài ra, tuy là bụng *"đẹp lòng"* đó không thôi mà sự lý đã quá, thật không có gì *đẹp lòng*. Việc đến khi thịnh thì có sáng sủa, mà miễn cưỡng dẫn cho dài ra, thì vô ý vị tệ lắm, há có sáng sủa? "Chưa" là tiếng "chẳng ắt hẳn", trong lời Tượng dùng nhiều "Chẳng ắt hẳn có sáng sủa" nghĩa là không thể sáng sủa.

QUẺ HOÁN

 Tốn trên

 Khảm dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Hoán, Tự quái nói rằng: Đoái là đẹp lòng, đẹp lòng mà sau tan đó, cho nên tiếp đến quẻ Hoán, tức là đẹp lòng thì phải giãn tan. Khí của người ta, lo thì kết lại, đẹp lòng thì giãn tan. Vì vậy quẻ Hoán[1] mới nối quẻ Đoái. Nó là quẻ Tốn trên Khảm dưới gió đi trên nước, nước gặp gió tan, cho nên là *hoán*.

LỜI KINH

渙亨,王假有廟,利涉大川,利貞.

Dịch âm. - *Hoán hanh, vương cách hữu miếu, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Hoán hanh, vua đến có miếu, lợi sang sông lớn, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hoán là lìa tan. Người ta lìa tan bởi ở bên trong, lòng người lìa thì *tan;* chữa sự lìa tan cũng gốc ở bên trong, thu thập lòng người thì tan có thể hợp; cho nên nghĩa quẻ đều chủ về bên trong. "Lợi trinh" nghĩa là cái đạo hợp sự lìa tan, cốt ở chính bền.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hoán là tan. Nó là quẻ dưới Khảm trên Tốn, gió đi trên nước, là Tượng tơi tả giải tán, cho nên là *tan.* Sự biến hóa của nó thì vốn tự quẻ Tiệm, hào Chín ở ngôi Hai mà được giữa, hào Sáu đi ở ngôi Ba được ngôi của hào Chín, mà phía trên cùng nhau với hào Tư, cho nên lời Chiêm của nó là có thể hanh. Lại vì tinh thần tổ khảo đã tan, cho nên kẻ làm vua phải đến miếu thờ mà hợp lại. Lại vì Tốn cây Khảm nước, có Tượng thuyền lái, cho nên lợi sang sông lớn. Còn nói "lợi về chính bền" thì là lời răn kẻ xem.

LỜI KINH

彖曰: 渙亨,剛來而不窮,柔得位乎外而上同.

Dịch âm. - *Thoán viết: Hoán hanh, cương lai nhi bất cùng, nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng.*

[1] Chữ 渙 (hoán) nghĩa là tan.

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Hoán hanh, cứng lại mà chẳng cùng[1], mềm được ngôi ngoài mà cùng[2] trở lên.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Hoán có thể hanh thông, là vì tài quẻ như thế. Quẻ Hoán là thành quẻ Hoán là bởi hào Chín đến ở ngôi Hai, hào Sáu lên ngôi Tư. Dương cứng lại thì không cùng cực ở dưới mà ở được chỗ giữa; mềm đi thì được ngôi chính mà phía trên cùng với hào Năm là hào có đức giữa. Nhún nhuận với hào Năm là "cùng trở lên". Hào Tư hào Năm là ngôi vua tôi, đương *thời tan* mà liền lại, nghĩa nó thông nhau. Cùng hào Năm mà theo đức giữa. Đương *thời tan* mà giữ được đức giữa thì không đến nỗi lìa tan, cho nên có thể hanh thông.

LỜI KINH

王假有廟,王乃在中也.

Dịch âm. - *Vương cách hữu miếu, vương nãi tại trung dã.*

Dịch nghĩa. - Vua đến có miếu, vua bèn ở trong vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nghĩa câu" Vua đến có miếu" ở quẻ Tụy rõ rồi. Trong thì thiên hạ lìa tan, kẻ làm vua thu hợp lòng người, đến chưng có miếu, thế là ở giữa. Ở giữa nghĩa là tìm được chỗ giữa, tức là thu được lòng họ vậy. Giữa là Tượng trái tim, cứng lại mà chẳng cùng, mềm được ngôi mà cùng trở lên, nghĩa của tài quẻ đều chủ về chỗ giữa. Cái đạo cứu cuộc tan của kẻ làm vua, cốt ở được đạo giữa mà thôi. Thày Mạnh nói rằng: "Được dân có cách, được lòng họ là được dân rồi". Cúng trời dựng miếu là việc lòng dân theo về. Cái cách làm cho lòng dân theo về không gì lớn hơn thế, cho nên nói rằng "Đến chưng có miếu" cái đạo cứu vớt cuộc tan, cùng cực ở chỗ đó.

LỜI KINH

利涉大川,乘木有功也.

Dịch âm. - *Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc hữu công dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi sang sông lớn, cưỡi cây có công vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cách chữa cuộc *tan,* nên vượt qua chỗ hiểm nạn, mà quẻ này có Tượng cưỡi cây sang sông. Trên Tốn là cây, dưới nước Khảm là sông lớn, tức là lợi về việc sang khỏi chỗ hiểm để

[1-2] Hai chữ "cùng" nghĩa khác nhau.

vượt qua cuộc *tan*. Cây ở trên nước là Tượng cưỡi cây, cưỡi cây là để sang sông. Sang được thì có công vượt qua cuộc tan, quẻ có nghĩa đó, có Tượng đó.

LỜI KINH

象曰: 風行水上,渙,先王以享于帝,立廟.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phong hành thủy thượng, Hoán, tiên vương dĩ hưởng vu đế, lập miếu.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Gió đi trên nước là quẻ Hoán. Đấng tiên vương coi đó mà cúng chưng trời, dựng miếu.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gió đi trên nước, có Tượng tan lìa, đấng tiên vương coi tượng đó mà cứu sự tan lìa của thiên hạ, đến chưng cúng trời dựng miếu. Thu họp lòng người không gì bằng nhà tôn miếu; sự báo đáp trong việc cúng tế, do ở trong lòng mà ra; cho nên cúng trời, dựng miếu là việc mà lòng người theo về. Cái đạo buộc lòng người, họp sự lìa tan không gì lớn hơn thế.

LỜI KINH

初六: 拯馬壯,吉.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Chửng mã tráng, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Vớt ngựa mạnh, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu ở đầu quẻ, tức là buổi đầu cuộc *tan*. Mới *tan* mà cứu vớt, lại được ngựa mạnh, vì vậy mới tốt. Ngựa là con vật mà người ta ỷ thác, ỷ thác vào ngựa mạnh, cho nên cứu vớt được cuộc *tan*. Ngựa mạnh chỉ về hào Hai. Hào Hai có tài cứng giữa hào Đầu chất mềm thuận, cả hai đều không có ứng, không có ứng thì gần gũi tìm nhau, hào Đầu là hào mềm thuận mà ỷ thác được kẻ có tài cứng giữa, để cứu vớt cuộc *tan*, như được ngựa mạnh để đến chỗ xa, ắt là có nên, cho nên là tốt. Cuộc *tan* cứu vớt từ lúc đầu, thì dễ dùng sức, vì là thời thuận.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở đầu quẻ, là đầu cuộc *tan*, mới tan mà cứu ngay, dùng sức đã dễ, lại có ngựa mạnh, đủ biết là tốt. Hào Sáu Đầu không phải có tài vượt qua cuộc tan, chỉ thì biết thuận với hào Chín Hai, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 初六之吉,順也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơ lục chi cát, thuận dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của hào Sáu Đầu, thuận vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Hào Đầu sở dĩ được tốt, vì nó biết thuận theo kẻ có tài cứng giữa. Mới *tan* mà cứu ngay, là biết thuận với thời.

LỜI KINH

九二: 渙奔其機,悔亡.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Hoán bôn kỳ ngột, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Tan chạy thửa ghế! ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương thời *lìa tan* mà ở trong chỗ hiểm, đủ biết là có ăn năn. Nếu mà có thể chạy tới chỗ yên, thì sự ăn năn mất đi. *Ghế* là cái để cúi xuống mà tựa cho yên. *Cúi xuống* là tới chỗ dưới, *chạy* là đi kíp. Hào Hai với hào Đầu tuy không phải chính ứng, nhưng đương thì *lìa tan,* cả hai đều không kẻ cùng với, vì Âm Dương liền gần thì phải tìm nhau mà nhờ nhau, cho nên hào Hai kể hào Đầu là cái ghế, hào Đầu bảo hào Hai là con ngựa. Hào Hai kíp tới với hào Đầu cho yên, thì có thể mất sự ăn năn.

Bản nghĩa của Chu Hy.- Hào Chín mà ở ngôi Hai, nên có ăn năn, nhưng đương thời tan lại mà chẳng cùng, có thể mất sự ăn năn, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Nghĩa là hào Chín thì chạy mà ngôi Hai tức là cái ghế vậy.

LỜI KINH

象曰: 渙奔其機,得順也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoán bôn kỳ ngột, đắc nguyện dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tan chạy thửa ghế, được ý muốn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Trong thì *lìa tan,* lấy sự hợp lại mà yên ổn. Hào Hai ở trong chỗ hiểm, kíp tới vào hào Đầu, là tìm sự yên ổn vậy. Nhờ nó như thể cái ghế mà mất sự ăn năn của mình, ấy được thỏa ý muốn đó.

LỜI KINH

六三: 渙其躬,無悔.

Dịch âm. - *Lục Tam: Hoán kỳ cung, vô hối.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Tan thửa mình, không ăn năn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở thì *tan,* một mình có kẻ ứng tới, tức là không phải ăn năn về sự *lìa tan.* Nhưng vì chất Âm mềm, tài không trung chính, lên ở vào chỗ không ngôi, há cứu được sự lìa tan trong thì mình để ơn với người ta? Nó, chỉ có thể làm cho thân mình không phải ăn năn mà thôi. Trên thêm chữ 渙 *(hoán),* nghĩa là ở thời *tan,* mình không ăn năn sự *tan* vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm mềm không trung chính, là Tượng có lòng riêng tây với mình. Nhưng được ngôi Dương, chí ở giúp đời nó biết làm *tan* lòng riêng của mình, để khỏi ăn năn, cho nên Tượng Chiêm như thế. Đại để bốn hào từ đây trở lên, đều là nhân cuộc *tan* để vượt sự *tan* vậy.

Lời bàn của Tiên Nho. - Lý Long Sơn nói rằng: Quẻ Khảm có hai hào Âm vốn là chỗ hãm hiểm, hào Ba ở trên thể Khảm, gần tiếp thể Tốn, nước Khảm được gió mà tan, cây Tốn được nước mà thông, cho nên có thể cho thân mình tan giãn ra khỏi chỗ hiểm, tự nhiên không có ăn năn.

LỜI KINH

象曰：渙其躬,志在外也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoán kỳ cung, chí tại ngoại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tan thửa mình, chí ở ngoài vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chí ứng với hào Trên, tức là ở ngoài. Nó với hào Trên ứng nhau, cho nên thân nó được khỏi lìa tan mà không ăn năn.

LỜI KINH

六四：渙其群,元吉,渙有丘,匪夷所思.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Hoán kỳ quân, nguyên cát; hoán hữu khâu, phi di sở tư.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Tan thửa đàn, cả tốt; tan có gò, chẳng phải thường thửa nghĩ.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Hoán hai hào Tư, Năm nghĩa cùng chờ nhau, cho nên mới nói thông luôn. Vì vậy lời Thoán có nói là "cùng trở lên". Hào Tư nhún thuận mà ở chính ngôi đại thần, hào Năm cứng giữa mà ở chính ngôi vua, tức là vua tôi hợp sức, cứng mềm giúp nhau để cứu vớt cuộc *tan* cho thiên hạ đó. Hào Tư lấy đạo nhún thuận, giúp đỡ ông vua cứng mà giữa chính, vua tôi cùng công,

vì vậy mới vượt qua được cuộc *tan*. Thiên hạ *lìa tan* mà có thể khiến họ quần tụ, tức là cái tốt của sự cả hay vậy. "Tan có gò, chẳng phải thường thửa nghĩa" là lời khen nó đó. Gò là chỗ tụ họp lớn lao. Đương *lìa tan* mà đem đến được cuộc tụ họp lớn lao, công đó to lắm, việc đó khó lắm, sự dùng của nó rất mầu, chẳng phải kẻ kiến thức bình thường có thể nghĩ tới. " Di" là bình thường vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở ngôi Âm, được chỗ chính, phía trên vâng thờ ông của Chín Năm, tức là kẻ gánh cái trách nhiệm làm qua cuộc *tan*. Phía dưới không kẻ ứng với, là Tượng *tan* được bè đảng. Kẻ xem như thế thì cả hai mà tốt. Lại nói tan được đàn nhỏ, để làm nên đàn lớn, khiến kẻ bị *tan* họp lại dường cái gò vậy, thì đó không phải là việc mà người tầm thường nghĩ được tới nơi.

LỜI KINH

象曰：渙其群元吉,光大也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoán kỳ quần, nguyên cát, quang đại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tan thửa đàn, cả tốt, sáng lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Gọi là cả tốt, nghĩa là công đức của nó sáng lớn." Cả tốt sáng lớn" chẳng ở hào Năm mà ở hào Tư, là vì nghĩa của hai hào thông luôn với nhau. Ở hào Tư nói về sự thi hành công dụng, ở hào Năm nói về sự thành công, đó là sự khác nhau của vua tôi vậy.

LỜI KINH

九五：渙汗其大號,渙王居, 無咎.

Dịch âm. - *Cửu ngũ: Hoán hãn kỳ đại hiệu, hoán vương cư, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Tan bồ hôi thửa hiệu lớn, tan chỗ ở của vua, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư với hào Năm vua tôi hợp đức, lấy đạo cứng, giữa chính, nhún thuận chữa cuộc *tan*, là đúng cách rồi, chỉ cốt làm cho thấm khắp lòng người thì họ thuận theo. Vậy thì nên khiến hiệu lệnh của mình thấm ở lòng dân, như thể bồ hôi người ta khắp cả tư chi, thì họ tin phục mà theo. Như thế thì có thể làm qua cuộc tan của thiên hạ, ở ngôi vua xứng đáng mà không có lỗi. *Hiệu lớn* tức là chính lệnh lớn, chỉ về mệnh lớn làm mới dân, tức là chính lớn của việc cứu cuộc tan vậy. Lại nói "tan" nữa, là sao? Chữ "tan" trên chỉ về thời *tan*, chữ "tan" dưới nói rằng cách xử thời *tan* như thế

thì không có lỗi. Ở hào Tư đã nói cả tốt, hào Năm chỉ nói xứng ngôi của nó mà thôi. Hào Tư hào Năm quẻ Hoán nói thông luôn với nhau là vì quẻ Hoán lấy sự *lìa tan* là hại, cứu nó nghĩa khiến cho hợp lại. Nếu vua tôi mà không đồng công hợp sức, thì sao nên được? Nghĩa của hai hào chờ nhau, là tại thời nên thế vậy.

Bản nghĩ của Chu Hy. - Lấy đức Dương cứng, giữa chính để ở ngôi tôn, Dương thì *tan,* biết làm *tan* hiệu lệnh và sự chứa chất của mình thì có thể qua được cuộc tan mà không lỗi, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Hào Chín Năm thể Tốn có tượng hiệu lệnh, chữ "bồ hôi" ý nói như thể bồ hôi toát ra không trở lại nữa; chữ "tan chỗ ở của vua" thì như ý của Lục Chi đã nói: "làm tan sự chứa chất nhỏ để gây sự chứa chất lớn" vậy.

LỜI KINH

象曰: 王居無咎,正位也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vương cư vô cữu, chính vị dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chỗ ở của vua ở không lỗi, ngôi chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chỗ ở của vua ý nói ngôi chính tức là ngôi tôn của kẻ làm vua. Có thể như hào Năm đã làm, thì ở ngôi tôn là xứng đáng mà không có lỗi.

LỜI KINH

上九: 渙其血去,逖出,無咎.

Dịch âm. - *Thượng cửu: Hoán kỳ huyết khứ, địch[1], xuất, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Tan thửa máu đi, rùng rợn[2] ra, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Các hào quẻ Hoán đều không hệ ứng, cũng là Tượng lìa tan, duy có hào Trên ứng với hào Ba, hào Ba ở chỗ hiểm cực, hào Trên nếu xuống mà theo nó thì không thể ra khỏi cuộc tan. Chỗ hiểm có Tượng đau hại sợ hãi, cho nên nói rằng máu rùng rợn. Hào Chín lấy chất Dương cứng, ở ngoài cuộc *tan*, có tượng ra được cuộc *tan*, lại ở cùng cực thể Tốn, là biết nhún thuận với sự lý, cho nên nói rằng: Nếu mà có thể khiến thửa máu đi, thửa rùng rợn ra, thì không có lỗi. "Thửa" là tiếng chỉ về cái sở hữu. Thời tan, lấy sự hợp được là có công, riêng hào Chín ở chỗ cùng cực cuộc *tan,* có hệ

[1-2] Dịch theo Chu Hy.

ứng mà tới chỗ hiểm, cho nên lấy sự ra khỏi cuộc *tan,* xa được điều hại là hay.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Trên lấy chất Dương ở chỗ cùng cực cuộc *tan,* có thể ra khỏi cuộc *tan,* cho nên Tượng, Chiêm như thế. Chữ "máu" chỉ sự đau hại; chữ 逖 *(địch)* nên đổi làm chữ 惕 *(dịch),* giống như hào Sáu Tư quẻ Tiểu súc, nghĩa là tan thửa máu thì đi, tan thửa sự rùng rợn thì ra được vậy.

LỜI KINH

象曰: 渙其血,遠害也.

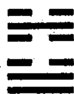
Dịch âm. - *Tượng viết: Hoán kỳ huyết, viễn hại dã.*

Dịnh nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tan thửa máu, xa hại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nếu như Tượng là "tan thửa máu" thì cũng giống câu "chuân thửa mỡ", nghĩa lại không thế. Bởi vì ở dưới chữ 血 *(huyết)* còn sót chữ 去 *(khứ).* "Máu đi rùng rợn ra", nghĩa là có thể xa sự hại thì không lỗi.

QUẺ TIẾT


Khảm trên
Đoái dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiết, Tự quái nói rằng: Hoán lìa, loài vật không thể lìa đến cùng chót, cho nên tiếp đến quẻ Tiết[1]. Loài vật đã lìa tan, thì nên ngăn chỉ nó lại, vì vậy quẻ Tiết mới nối quẻ Hoán. Nó là quẻ trên chằm có nước, sự chứa của chằm có hạn, trên chằm để nước, đầy thì không chứa được nữa, là Tượng có tiết độ, cho nên là *tiết.*

LỜI KINH

節亨,若節不可貞.

Dịch âm. - *Tiết hanh, khổ tiết bất khả trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tiết hanh, sự dè dặt khổ không thể chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Việc mà đã có tiết độ, thì có thể đem đến được sự hanh thông, cho nên quẻ Tiết có nghĩa hanh. Tiết chế quí ở vừa phải, thái quá thì khổ: tiết chế đã đến khổ, há giữ thường thường được sao? Không thể cố giữ làm sự thường thường tức là không thể chính bền.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Tiết là có hạn mà ngừng lại. Là quẻ dưới Đoái trên Khảm, trên chằm có nước, sức chứa có hạn, cho nên là *tiết.* Quẻ Tiết tự nó có nghĩa hanh thông. Lại thể quẻ Âm Dương đều một nửa, mà hào Hai hào Năm đều là Dương, cho nên lời Chiêm được hanh nhưng đến thái thậm thì khổ, cho nên lại răn rằng: Không thể giữ làm chính bền .

LỜI KINH

彖曰:節亨,剛柔分而剛得中.若節不可貞其道窮也.
說以行險,當位以節,中正以通.天地節而四時成.
節以制度,不傷財,不害民.

---

[1] Chữ 節(tiết) nghĩa chính là dóng tre, nghĩa bóng là chừng mực, là tiết độ, là dè dặt, là nết cứng thẳng kiên nhẫn, như nói tiết nghĩa, tiết tháo v.v...

Dịch âm. - *Thoán viết: Tiết hanh, cương nhu phân nhi cương đắc trung. Khổ tiết bất khả trinh kỳ đạo cùng dã. Duyệt dĩ hành hiểm, đáng vị dĩ tiết, trung chính dĩ thông. Thiên địa tiết nhi tứ thì thành. Tiết dĩ chế độ, bá thương tài, bất hại dân.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Tiết hanh, cứng mềm bằng nhau mà cứng được giữa. Tiết khổ không thể chính bền, thửa đạo cùng vậy. Đẹp lòng để đi chỗ hiểm, đáng ngôi để dè dặt, giữa chính để suốt. Trời đất có chừng mực là bốn mùa nên. Chừng mực bằng phép tắc, chẳng hại của, chẳng hại dân.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đạo *tiết* tự nó đã có nghĩa danh. Việc tiết độ thì có thể hanh thông. Tài quẻ cứng mềm ngang nhau, cứng được giữa mà không thoái quá, vì vậy mới là *tiết độ*, vì vậy mới hanh. *Tiết chế* đến cùng cực mà khổ, thì không nên kiên cố giữ mãi, đạo đó đã cùng cực rồi. Trong Đoái ngoài Khảm, tức là dùng sự đẹp lòng mà đi chỗ hiểm. Người ta với điều mình đẹp lòng thì không biết thôi, gặp gian hiểm thì muốn ngừng lại, đương đẹp mà ngừng lại là nghĩa *tiết chế*. Hào Năm ở ngôi tôn là đáng ngôi, ở trên chằm là có *tiết độ*. Đáng ngôi mà dùng *tiết độ*, tức là chủ về *tiết độ*. Ở được giữa chính, tức là *tiết độ* mà thông suốt được. Giữa chính thì thông, quá thì khổ. Trời đất có *chừng mực* cho nên làm nên bốn mùa. Đấng thánh nhân dựng phép tắc để làm chừng mực cho nên không hại của hại dân. Lòng ham muốn của người ta không biết thế nào là cùng, nếu không lập ra phép tắc, thì sẽ xa xỉ không dở, rồi đến hại của hại dân.

LỜI KINH

象曰: 澤上有水,節,君子以制數度,議德行.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch thượng hữu thủy, Tiết, quân tử dĩ chế số độ, nghị đức hạnh.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên chằm có nước là quẻ Tiết. Đấng quân tử coi đó mà chế độ, bàn đức nết.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chằm nó chứa nước có hạn, quá hạn thì đầy tràn. Đó là có tiết độ, cho nên mới là quẻ Tiết. Đấng quân tử coi tượng quẻ Tiết mà chế dựng số độ, phàm trong các vật lớn nhỏ, nhẹ nặng, cao thấp, văn hoa, mộc mạc đều có số độ để làm *chừng mực*, "số" là kẻ về nhiều ít, "độ" là nói khuôn phép. Bàn đức nết là gì? Cái chứa ở trong cái đức, cái phát ra ngài là nết, đúng nghĩa thì trúng *tiết độ*, bàn là cân nhắc so đo, cầu trúng *tiết độ* vậy.

LỜI KINH

初九: 不出戶庭, 無咎.

Dịch âm. - *Sơ cửu: Bất xuất hộ đình, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Chẳng ra sân cửa, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sân cửa là sân ngoài cửa, sân cổng là sân trong cổng. Hào Đầu lấy chất Dương ở ngôi dưới, phía trên lại có ứng viện, không phải kẻ biết dè dặt, lại nhằm đầu thì dè dặt, cho nên răng nó giữ gìn cẩn thận, đến nỗi chẳng ra sân cửa thì không có lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sân cửa là sân ngoài cửa. Chất Dương cứng được chỗ chính, ở đầu thì *dè dặt,* chưa thể đi đâu, biết dè dặt mà đậu, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 不出戶庭, 知通塞也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất xuất hộ đình, tri thông tắc dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng ra sân cửa, biết thông tắc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lời Hào, ở đầu thì *dè dặt,* răn nó giữ gìn cẩn thận, cho nên nói rằng: "chẳng ra sân cửa, không lỗi". Lời Tượng sợ người ta câu nệ câu đó, cho nên lại nói rõ rằng: Dẫu nên giữ gìn cẩn thận, chẳng ra sân cửa, lại phải biết thì thông hay tắc. Thông thì đi, tắc thì đậu, hễ nghĩa nên ra thì ra.

LỜI KINH

九二: 不出門庭, 凶.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Bất xuất môn đình, hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Chẳng ra sân cổng, hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo *dè dặt,* nên phải cứng mà giữa chính, hào Hai mất đức cứng giữa, khác với hào Năm là hào cứng giữa. Chẳng ra sân cổng là chẳng đi đến ngoài, nghĩa là không theo hào Năm, hào Hai với hào Năm chẳng phải Âm Dương chính ứng với nhau, cho nên nó không theo nhau. Nếu lấy đạo cứng giữa hợp nhau thì có thể nên công *dè dặt.* Vì nó mất đức lỗi thời, cho nên mới hung. Chẳng hợp với hào Năm, là sự *dè dặt* bất chính, như keo cú về sự dùng; nhút nhát về việc làm v. v...

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sân cổng là sân trong cổng. Hào Hai gặp thì làm được, mà nó mất cứng, chẳng chính, phía trên không kẻ ứng với, chỉ biết *dè dặt* mà không biết thông biến, cho nên Tượng Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：不出門庭凶,失時極也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất xuất môn đình hung, thất thì cực dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng ra sân cổng, hung, lỗi thời đến tột bậc vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Không thể đi lên mà theo đạo cứng và chính giữa của hào Chín Năm, để làm nên công dè dặt, mà lại vướng với kẻ Âm mềm riêng tây, ấy là lỗi thời đến tột bậc, vì vậy mới hung. Lỗi thời là lỗi với sự "đáng nên" vậy.

LỜI KINH

六三：不節若,則嗟若,無咎.

Dịch âm. - *Lục Tam: Bất tiết nhược, tắt ta nhược, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Chẳng dè dặt vậy, thì than thở vậy, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Ba chẳng giữa chẳng chính, cưỡi cứng mà tới chỗ hiểm vẫn nên có lỗi. Nhưng nó mềm thuận, hòa vui, nếu biết tự *dè dặt* mà thuận với nghĩa thì có thể không lỗi. Chẳng thế thì hung cữu ắt đến, đáng đau than vậy, cho nên "chẳng dè dặt vậy thì than thở vậy", ấy là tự mình làm ra không thể đổ lỗi cho ai.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm mềm không trung chính, vì Dương thì *dè dặt* mà nó không phải kẻ có *dè dặt* cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰：不節之嗟,有誰咎也?

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất tiết chi ta, hựu thùy cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lời than của kẻ chẳng tự dè dặt, lại đổ lỗi cho ai?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - *Dè dặt* thì có thể khỏi lỗi, mà chẳng tự dè dặt để đến đáng than thì còn trách ai?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "Vô cữu" này khác với các hào, ý nói không thể đổ lỗi cho ai vậy.

LỜI KINH

六四: 安節,亨.

Dịch âm. - *Lục Tứ: An tiết, hanh.*

Dịch âm. - Hào Sáu Tư: Yên dè dặt, hanh.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy chất Âm ở ngôi Âm, là yên lòng về đường chính đính, đáng ngôi là Tượng có tiết độ, phía dưới ứng với hào Đầu, hào Tư thể Khảm là nước, nước tràn lên là không tiết độ, chảy xuống là có tiết độ, như nghĩa hào Tư, không phải gượng mà *dè dặt,* tức là yên lòng với sự dè dặt, cho nên có thể đem đến sự hanh thông.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Mềm thuận được chỗ chính, phía trên vâng theo hào Chín Năm, là kẻ tự nhiên có tiết độ, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 安節之亨,承上道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: An tiết chi hanh, thừa thượng đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Yên dè dặt mà hanh, vâng đạo trên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái nghĩa của hào Tư yên lòng với sự dè dặt, không phải chỉ có một tượng, đây chỉ nói điều trọng yếu hơn. Trở nên vâng theo cái đạo cứng và giữa chính của hào Chín Năm để làm tiết độ, vì vậy mới hanh. Các điều hay khác cũng chẳng ra ngoài sự giữa chính.

LỜI KINH

九五: 甘節,吉,往有尚.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Cam tiết, cát vãng hữu thượng.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Sự dè dặt ngọt, tốt, đi có chuộng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Năm cứng mà giữa chính, ở ngôi tôn, làm chủ cuộc *dè dặt,* tức mà kẻ ở lời Thoán đã nói "Đáng ngôi để *dè dặt,* giữa chính để suốt" vậy. Ở mình thì yên lòng mà làm thiên hạ mà đẹp lòng mà theo, đó là cuộc *dè dặt* ngọt ngon, đủ biết là

tốt. Dùng cách đó mà đi, thì có công lớn, cho nên đi thì có sự đáng khen chuộng.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây tức là kẻ mà ở lời Thoán nói là "Đáng ngôi để *dè dặt,* giữa chính để suốt" cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 甘節之吉,居位中也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cam tiết chi cát, cư vị trung dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Cái tốt của sự dè dặt ngọt ở ngôi giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã ở ngôi tôn, lại được đạo giữa, vì vậy tốt mà có công sự *dè dặt* lấy vừa phải làm quý, được mực giữa là chính đáng rồi.

LỜI KINH

上六: 若節,貞凶,悔亡.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Khổ tiết, trinh hung, hối vong.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Sự dè dặt khổ, chính bền hung, ăn năn mất.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Trên ở chỗ cùng cực cuộc *dè dặt,* là sự *dè dặt* khổ sở vậy. Ở chỗ hiểm cực cũng là nghĩa khổ, cố giữ kiểu đó thì hung, ăn năn đi thì sự hung sẽ mất. Ăn năn nghĩa là bớt sự thái quá để theo mực giữa. Chữ "ăn năn mất" ở quẻ Tiết, với chữ "ăn năn mất" ở quẻ khác, lời giống nhau mà nghĩa khác nhau.

LỜI KINH

象曰: 若節貞凶, 其道窮也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Khổ tiết trinh hung, kỳ đạo cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Dè dặt khổ, chính bền hung, thửa đạo cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự *dè dặt* đã khổ mà cứ cố giữ thì hung. Bởi vì đạo *dè dặt* đến vùng cực vậy.

QUẺ TRUNG PHU



GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Trung phu, Tự quái nói rằng: Dè dặt mà tin đó, cho nên tiếp đến quẻ Trung phu[1]. Dè dặt là làm ra tiết chế, khiến cho không đến quá vượt, có tin mới thực hành được. Người trên biết tin mà giữ, kẻ dưới biết tin mà theo, tức là dè dặt mà tin, vì vậy kẻ Trung phu mới nối kẻ quẻ Tiết. Nó là quẻ trên Chằm có gió, gió đi trên chằm, mà cảm với trong nước, là Tượng "trong tin". Cảm nghĩa là cảm mà động. Trong ngoài đều đặc mà giữa rỗng, là Tượng" giữa tin". Lại hai hào Năm và Hai đều là chất Dương, giữa đặc, cũng là nghĩa tin. Ở hai thể thì giữa đặc, ở cả quẻ thì giữa rỗng; giữa rỗng là gốc sự tin, giữa đặc là chất sự tin.

LỜI KINH

中孚豚魚吉,利涉大川,利貞.

Dịch âm. - *Trung phu, đồn ngư cát, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Trung phu: Cá lợn tốt, lợi sang sông lớn, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lợn nóng nảy, cá lờ mờ, là giống khó cảm trong loài vật. Sự tin có thể cảm đến cá lợn, thì không đâu không tới, vì vậy mới tốt. Lòng trung tín có thể xéo lên nước sôi, lửa bỏng huống chi sang sông, cái đạo giữ đức tin, cốt ở kiên chính, cho nên lợi về chính bền.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Phu là tin. Nó là quẻ hai hào Âm ở trong, bốn hào Dương ở ngoài, mà hai hào Dương Hai và Năm đều được chỗ giữa. Nói về quẻ là giữa rỗng, nói về hai thể thì là giữa đặc, đều là Tượng phu tín. Lại cây ở trên Chằm, ngoài đặc trong rỗng đều là Tượng thuyền lái. Rất tin có thể cảm được cá lợn, có thể qua chỗ hiểm nạn, mà không thể làm cho sự chính bền lớn ra, cho nên kẻ xem hễ có thể đem đến sự cảm ứng của loài lợn cá thì tốt mà lợi về sang sông lớn, lại ắt lợi về chính bền.

---

[1] Chữ 中孚(trung phu) nghĩa là giữa tin hay trong tin.

LỜI KINH

彖曰：中孚,柔在内而剛得中,説而巽,孚乃化邦也；豚魚吉；利涉大川,承木舟虛也；中孚以利貞,乃應乎天也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Trung phu, nhu tại nội nhi cương đắc trung. Duyệt nhi tốn, phu nãi hóa bang dã; đồn ngư cát, cập đồn ngư dã; lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc châu hư dã; trung phu dĩ lợi trinh nãi ứng hồ thiên dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Trung phu, mềm ở trong mà cứng được giữa, đẹp lòng mà nhún, tin bèn hóa nước vậy: Lợn cá tốt, tin kịp lợi cá vậy; lợi sang sông lớn, cưỡi cây thuyền không vậy; giữ tin để lợi về chính bền, bèn ứng với trời vậy

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hai hào mềm ở trong, giữa rỗng là Tượng thành thực; hai hào cứng được chỗ giữa của hai thể trên dưới, giữa đặc là Tượng đức tin, vì vậy quẻ này mới là quẻ Trung phu. Trên nhún dưới đẹp lòng, tức là người trên đem lòng chí thành mà nhún thuận với kẻ dưới, kẻ dưới có đức tin để đẹp lòng theo với người trên, như thế thì sự tin mới có thể hóa được bang quốc. Sự tin có thể tới loài lợn cá, tức là *tin* tột bậc, vì vậy mới tốt. Dùng sự *giữa tin* vượt chốn hiểm nạn, thì cái lợi đó như thể cưỡi cây vượt ra mà dùng thuyền không vậy. Thuyền không thì không lo chìm đắm, quẻ này rỗng giữa là Tượng thuyền không. *Giữa tin* mà chính bền, thì ứng với trời, đạo trời chỉ có chính bền mà thôi.

LỜI KINH

象曰：澤上有風,中孚,君子以議獄緩死.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trạch thượng hữu phong, Trung phu, quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên chằm có gió là quẻ Trung phu. Đấng quân tử coi đó mà bàn việc ngục, hoãn tội chết.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trên chằm có gió, cảm ở trong chằm. Thể nước trống không, cho nên gió mới vào được; lòng người trống không, cho nên các việc mới cảm được. Gió động ở trong chằm cũng như đức tin cảm ở trong lòng, cho nên là Tượng "giữ tin". Đấng quân tử coi tượng đó để bàn việc ngục và hoãn tội chết. Đấng quân tử với sự bàn ngục, chỉ biết lòng thành thực mà thôi; với việc quyết đoán tội chết, cực kỳ thương xót mà thôi, cho nên thành ý thường cần được

thư hoãn, thư hoãn là rộng rãi vậy. Với việc thiên hạ không việc gì không hết lòng thành thật của mình, bàn việc ngục, hoãn tội chết là việc lớn nhất trong các việc đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Gió cảm nước nhận, là Tượng "giữa tin", bàn việc ngục, hoãn tội chết, là ý "giữa tin".

LỜI KINH

初九: 虞吉,有它,不燕.

Dịch âm. - *Sở Cửu: Ngu cát, hữu tha, bất yên.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Lo tốt, có khác, chẳng yên.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương đầu cuộc giữa tin, cho nên răng phải xét về sự tin. Lo là đo đắn, đo đắn có thể tin được mới theo. Dù mình có đức rất tín, mà dùng không đúng chỗ, thì có hối lỗi, cho nên lo lường đo đắn rồi sau sẽ tin thì tốt. Đã được người tin, thì nên thành tâm nhất chí mà tin, nếu không có ý, thì không được yên ổn. Yên là yên ổn thảnh thơi, có khác là chí không định. Người ta chí không định thì hay nghi hoặc không yên.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương lúc đầu cuộc *giưã tin*, phía trên ứng nhau với hào Sáu Tư, biết đo đắn là có thể tin là tin, thì tốt lại có ý khác thì mất sự chính đính trong việc đo đắn, mà không được chỗ yên ổn. Đó là lời răn kẻ xem.

LỜI KINH

象曰: 初九虞吉,志未變也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơ cửu ngu cát, chí vị biến dã.*

Dịch nghĩa. - Lời nói Tượng nói rằng: Hào Chín Đầu lo tốt, chí chưa đổi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đương lúc mới *tin,* chí mình chưa thể để hẳn vào đâu mà biết lo lường đo đắn cái điều mình *tin,* thì được chính đạo cho nên mới tốt, là vì chí mình đã còn chưa biến động. Nếu mà chí mình đã định theo về đường nào, thì là biến động rồi, sự lo lường không được chính đáng nữa.

LỜI KINH

九二:鶴鳴自陰,其子和之,
我友好爵,吾與爾縻靡之.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Minh hạc tại âm, kỳ tử họa chi; ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhĩ my chi.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Con Hạc kêu ở chỗ tối, con nó họa đấy, ta có tước tốt, tớ cùng mày ràng[1] đấy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai cứng đặc ở trong, tức là *tin* đến tột bậc. *Tin* đến tột bậc thì có thể cảm thông. Con hạc kêu ở chỗ tối ẩn, tức là không thể nghe tiếng, thế mà con nó ứng họa với nó là tại sự muốn trong bụng thông nhau. Tước tốt ta có mà kẻ kia cũng vấn vít ham mến, ấy là cái ý vui thích tước tốt giống nhau. Có tin ở trong, không vật gì không ứng, là tại lòng thành giống nhau.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín Hai là kẻ đầy đặc về *giữa* mà hào Chín Năm cũng lấy đức đầy đặc về *giữa tin* ứng nhau với nó, cho nên có Tượng "hạc kêu con họa, tước ta mày giàng" Con hạc ở chỗ tối chỉ hào Chín mà ở ngôi Hai, tước tốt nghĩa là được giữa. Chữ *(my)* cũng như chữ *(my* là ràng buộc) ý nói đức tốt là cái mà người ta yêu, cho nên tước tốt tuy là cái mà ta riêng có, nhưng nó cũng vấn vít quyến luyến vậy.

LỜI KINH

象曰:其子和之,中心願也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Kỳ Tử họa chi, trung tâm nguyệt dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Con có họa đó, trong lòng muốn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong lòng muốn tức là điều mà ý thực vẫn muốn, cho nên nó mới thông nhau mà ứng nhau.

LỜI KINH

六三:得敵,或鼓或罷,或泣或歌.

Dịch âm. - *Lục Tam: Đắc địch, hoặc cổ hoặc bãi, hoặc khấp hoặc ca.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Được kẻ địch, hoặc khua trống, hoặc thôi, hoặc khóc hoặc múa.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Địch là đối địch chỉ kẻ mình tin, tức hào Chín Trên, chính ứng của nó. Hào Ba chẳng giữa mất sự chính, cho nên được kẻ đối địch mà bợn lòng. Là chất mềm và đẹp lòng, đã có vướng víu, thì chỉ theo sự mình tin, hoặc khua giương lên, hoặc

---

[1] Dịch theo ý Chu Hy.

thôi bỏ đi, hoặc thương khóc, hoặc hát vui đều vướng víu với sự mình tin. Chỉ vì vướng víu với sự mình tin, cho nên chưa biết tốt xấu.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Kẻ địch chỉ hào Chín Trên, tức là kẻ tin đã cùng, Hào Sáu Ba, lấy chất Âm mềm chẳng trung chính ở chỗ cùng cực của thể " đẹp lòng" mà ứng nhau với nó, mình không làm chủ được mình, cho nên tượng nó như thế.

Lời bàn của Tiên Nho. - Trương Trung Khê nói rằng: Hào Sáu Ba tuy được hào Chín Trên ứng với, là kẻ sáng địch với mình, nhưng Hào Ba ở chỗ cùng cực của thể Đoái duyệt, trong lòng không có sở chủ, cho nên hoặc thúc trống mà tiến lên, hoặc thôi đi mà đậu lại, hoặc khóc thương, hoặc hát mà vui. Nói "hoặc" là ý nghi ngờ.

LỜI KINH

象曰:或鼓或罷,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hoặc cổ hoặc bãi, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hoặc khua trống, hoặc thôi, ngôi chẳng đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở chẳng đáng ngôi, cho nên không có chủ trương, chỉ theo cái sự mình tin được đáng ngôi, thì sự mình tin có phương hướng rồi.

LỜI KINH

六四:月幾望,馬匹亡,無咎.

Dịch âm. - *Lục tứ: Nguyệt cơ vọng, mã xất vong, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Mặt trăng hầu tuần vọng, đôi ngựa mất, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư là chủ làm nên cuộc tin, ở ngôi gần vua, ở được chỗ chính mà người trên tin đến tột bậc, tức là kẻ gánh vác trách nhiệm cuộc *tin.* Như mặt trăng hầu tuần vọng là thịnh đến tột bậc, nếu đã tuần vọng, thì là chọi nhau rồi. Bề tôi mà chọi nhau với vua, họa bại ắt tới, cho nên lấy hầu tuần vong làm rất thịnh. Đôi ngựa mất là sao? Hào Tư với hào Đầu là chính ứng, tức là sánh đôi. Đời xưa đóng xe thường dùng bốn ngựa, không thể đá ngựa thuần sắc thì hai ngựa giữa, hai ngựa xem mỗi cặp một sắc, lại, lớn nhỏ ắt phải xứng nhau, cho nên hai ngựa gọi là đôi, nghĩa là đối nhau vậy. Ngựa là giống hay đi, hào Đầu ứng với hào Tư, hào Tư cũng tiến theo hào Năm mà cùng đi lên, cho nên lấy ngựa làm Tượng. Đạo *tin* cốt ở chuyên nhất, hào Tư đã theo hào Năm nếu lại xuống mà vướng víu với hào Đầu, thì là không chuyên nhất mà hại với đạo tin tức là

có lỗi. Cho nên đôi ngựa mất thì không lỗi. Lên theo hào Năm mà chẳng vướng với hào Đầu, là mất đôi đó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Tư ở ngôi Âm, được chỗ chính, ngôi gần với vua, là Tượng mặt trăng hầu tuần vọng. Đôi ngựa ý nói hào Đầu với mình là đôi, hào Tư bèn tuyệt nó mà lên theo hào Năm, cho nên là Tượng "đôi ngựa mất "Kẻ xem như thế thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰:馬匹亡,絕類上也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Mã xất vong, tuyệt loại thượng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Đôi ngựa mất, dứt loài lên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dứt loài mình mà lên theo hào Năm. *Loài* là ứng nhau vậy.

LỜI KINH

九五: 有孚攣如,無咎.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Hữu phu loan như, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Có tin dường co quắp vậy, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi vua, cái đạo ông vua nên lấy lòng chí thành mà cảm thông thiên hạ, khiến lòng thiên hạ tin mình bền chặt như co quắp vậy, thì không có lỗi. Sự tin của kẻ làm vua, không thể khiến cho thiên hạ cố kết như thế, thì lòng kẻ dân nhiều hàng ức triệu giữ sao khỏi lìa?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hòa Chín Năm cứng mạnh giữa chính là chỗ thực của cuộc *giữa tin* mà ở ngôi tôn, là chủ sự *tin,* phía dưới ứng nhau với hào Chín Hai là kẻ động đức với nó, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 有孚攣如

Dịch âm. - *Tượng viết: Hữu phu loan như vị chính đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Có tin dường co quắp vậy. ngôi chính đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm ở ngôi vua là chỗ tôn quý, bởi đạo giữa chính, có thể khiến cho thiên hạ tin mình bền chặt như co quắp lấy, mới là xứng ngôi. Cái đạo của kẻ làm vua nên như thế vậy.

LỜI KINH

上九：翰音登于天，貞凶.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Hãn âm đăng vu thiên, trinh hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Tiếng cánh lên chưng trời, chính bền hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tiếng cánh là tiếng bay đi mà cái thực chẳng theo. Hào này ở chót cuộc *tin*, cuộc *tin* đã chót thì phải suy, lòng trung thực đã mất ở trong sự hoa mỹ vẫn bay ra ngoài, cho nên nói rằng: "tiếng cánh lên chưng trời". Tính Dương bốc lên, thể gió tung bay, hào Chín ở thì *giữa tin*, đóng chỗ rất cao, là kẻ tin về tiến lên mà không biết lui, cùng cực đến nỗi cái tiếng lông cánh nghe lên đến trời, chính bền về cách đó mà không biết đổi, đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Ở chót cuộc *tin* mà không biết đổi, tuy được chính bền, cũng là đạo hung, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Con gà - *Kinh Lễ* - gọi là "tiếng cánh", tức là Tượng của quẻ Tốn. Ở chót thể Tốn là chưng trời. Gà không phải giống lên trời, mà muốn lên trời, *tin* vào kẻ không đáng tin mà không biết đổi, cũng giống thế.

LỜI KINH

象曰：翰音登于天，何可長也.

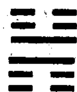
Dịch âm. - *Tượng viết: Hãn âm đăng vu thiên, hàn khả trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Tiếng cánh lên chưng trời, sao khá dài vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Giữ sự tin đến cùng cực không biết đổi, há dài lâu được? Cố giữ mà không thông như thế thì hung.

QUẺ TIỂU QUÁ


Chấn trên
Cấn dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiểu quá, Tự quái nói rằng: Có sự tin ắt đi, cho nên tiếp đến quẻ Tiểu Quá[1]. Người ta đã tin thì ắt đi, đi thì phải qua, vì vậy quẻ Tiểu quá mới nối quẻ Trung phu. Nó là quẻ trên núi có sấm, sấm nhức ở chỗ cao, tiếng nó quá mực thường cho nên là nhỏ qua. Lại, hào Âm ở ngôi tôn, hào Dương mất ngôi mà không được giữa, tức là kẻ nhỏ vượt quá mực thường. Nghĩa là kẻ nhỏ qua, lại là việc nhỏ qua, lại là lỗi nhỏ.

LỜI KINH

小過亨,利貞.

Dịch âm. - *Tiểu quá hanh, lợi trinh.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Tiểu quá hanh, lợi về chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quá là vượt qua mực thường. Nếu uốn cong là quá thẳng, sự quá đó cốt để tới sự chính vậy, việc cũng có khi nên thế, phải đợi quá đi mới hanh được, cho nên quẻ Tiểu quá tự nó đã nghĩa hanh. Lợi trinh nghĩa là đạo quá lợi về chính bền. Chẳng lỗi với lẽ nên phải ở đương thời, thì gọi là chính.

LỜI KINH

可小事,不可大事,飛鳥遺之音,不宜上,宜下,大吉.

Dịch âm. - *Khả tiểu sự, bất khả đại sự, phi điểu di chi âm bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát.*

Dịch nghĩa. - Khá việc nhỏ, chẳng khá việc lớn, chim bay để chưng tiếng, chẳng nên lên, nên xuống, cả tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Qua là để cầu tới mực giữa. Cái quá là việc nhỏ việc lớn há lại quá được? Nghĩa đó ở quẻ Đại quá nói đã rõ rồi. Chim bay để chưng tiếng, tức là sự qua chẳng xa vậy. Chẳng nên

---

[1] 小過(Tiểu quá) nghĩa là nhỏ quá, hay là lỗi nhỏ.

lên, nên xuống, nghĩa là nên thuận vậy, thuận thì cả tốt, qua để mà tới, tức là thuận lẽ, qua mà thuận lẽ, sự tốt ắt lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ "nhỏ" chỉ về Âm, quẻ này là quẻ bốn hào Âm ở ngoài, hai hào Dương ở trong. Âm nhiều hơn Dương, tức là cái *nhỏ* được *qua*. Đã qua với Dương thì có thể hanh. Nhưng ắt lợi về giữ đường chính đính, sự đó lại không thể không răn. Hào Hai hào Năm trong quẻ đều lấy chất mềm được chỗ giữa, cho nên có thể làm việc nhỏ; hào Ba hào Tư đều là chất cứng mà mất ngôi không được giữa, cho nên không thể làm việc lớn. Thể quẻ trong thực ngoài hư, như con chim bay, tiếng nó xuống mà không lên, cho nên, hễ đem đến được sự ứng nghiệm của con chim bay để tiếng thì nên trở xuống mà cả tốt. Cũng là loại không thể làm việc lớn vậy.

LỜI KINH

彖曰; 小過,小者過也,而亨也.

Dịch âm. - *Thoát viết: Tiểu quá, Tiểu giả quá dã, nhi hanh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Tiểu quá là cái nhỏ nó qua mà hanh vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương lớn Âm nhỏ, Âm được ngôi, Dương mất ngôi mà không giữa, ấy là cái nhỏ nó qua, cho nên là việc *nhỏ* qua. Sự *qua nho nhỏ* mà việc nhỏ có khi nên *quá, qua* đó cũng *nhỏ* cho nên là "nhỏ qua". Việc cũng có khi phải đợi *quá* rồi mới hanh thông được. Vì vậy sự quá mới có thể hanh thông.

LỜI KINH

過以利貞,與時行也.

Dịch âm. - *Quá dĩ lợi trinh, dữ thì hành dã.*

Dịch nghĩa. - Quá để lợi về chính bền, cùng thì đi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quá mà lợi về chính bền, tức là cùng thì cùng đi. Thì nên *quá* mà *quá,* không phải là *quá,* thì nên thế vậy, thế mới là chính.

LỜI KINH

柔得中,是以小事吉也.

Dịch âm. - *Nhu đắc trung, thị dĩ tiểu sự cát dã.*

Dịch nghĩa. - Mềm được giữa, cho nên việc nhỏ tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đây lấy hào Hai hào Năm mà nói.

LỜI KINH

剛失位而不中,是以不可大事也.

Dịch âm. - *Cương thất vị nhi bất trung, thị dĩ bất khả đại sự dã.*

Dịch nghĩa. - Cứng mất ngôi mà chẳng giữa, cho nên chẳng khá việc lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản chính của Chu Hy. - Đây lấy hào Ba hào Tư mà nói.

LỜI KINH

有飛鳥之象焉,飛鳥遺之音,
不宜上,宜下,大吉,上逆而下順也.

Dịch âm. - *Hữu phi điểu chi tượng yên. Phi điểu di chi âm, bất nghị thượng, nghi hạ, đạt cát, thượng nghiệp nhi hạ thuận dã.*

Dịch nghĩa. - Có Tượng có chim bay vậy. Chim bay để chưng tiếng, chẳng nên lên, nên xuống, cả tốt, lên nghịch mà xuống thuận vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo *nhỏ qua* với việc nhỏ có khi *quá* được thì tốt. *Mềm được giữa* chỉ hào Hai hào Năm ở giữa. Âm mềm được ngôi, có thể làm cho việc nhỏ tốt lành mà thôi, không thể làm việc lớn. Cứng mất ngôi mà không giữa, cho nên không làm được việc lớn. Thời *nhỏ* quá vẫn là không thể làm việc lớn, mà tài quẻ này lại không kham nổi việc lớn, tức là hợp với thời vậy. Câu "có tượng chim bay vậy" không giống thể Thoán. Đó là lời của kẻ giải lầm vào lời Thoán. Trong cứng ngoài mềm là Tượng chim bay, cho nên mới dùng "chim bay" làm nghĩa. Việc cũng có khi nên *quá* để theo với lẽ nên phải, nhưng mà há nên *quá* lắm? Như quá cung kính, quá thương xót, quá tằn tiện v.v..., quá lớn thì không nên. Vì vậy ở thời *nhỏ quá,* cái *quá* nên như chim bay để tiếng lại mà thôi. Chim bay nhanh chóng, tiếng phát ra thân đã *qua* rồi, song mà há đi xa được? Việc mà nên quá như thế. Thân không thể xa hơn tiếng nhiều, việc không thể qua mực thường xa, cốt ở đúng mực vừa phải mà thôi. *Không nên lên,* nên *xuống* là theo tiếng chim bay là lấy về nghĩa nên thuận. Đạo "quá" nên như chim bay để tiếng, ôi tiếng, ngược mà đi lên thì khó, thuận mà đi xuống thì dễ, cho nên nó ở chỗ cao thì lớn, vì thế trên núi có sấm mới là *quá.* Đạo *quá* đi thuận thì tốt, như *chim bay để tiếng,* là nên thuận vậy. Sở dĩ phải *quá* là để cho thuận với lẽ nên phải. Thuận được với lẽ nên phải, cho nên cả tốt.

LỜI KINH

象曰: 山上有雷,小過,君子以行過于恭,喪過于哀,用過于儉.

Dịch âm. - *Tượng viết: Sơn thượng hữu lôi, Tiểu quá, quân tử dĩ hạnh quá hồ cung, tang quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trên núi có sấm là quẻ Tiểu quá. Đấng quân tử coi đó mà nết quá chưng kính, tang quá chưng thương, dùng quá chưng kiệm.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sấm nhức trên núi, tiếng nó vượt qua vượt thường, cho nên là *nhỏ quá*. Việc trong thiên hạ có khi nên *quá* mà không thể *quá lắm,* cho nên là *nhỏ quá*. Đấng quân tử coi tượng *nhỏ quá* đó mà việc gì nên quá thì cố gắng, như là nết *quá* chưng kính, tang quá chưng thương, dùng quá chưng kiệm. Đáng *quá* mà *quá* tức là nên phải; chẳng đáng *quá* mà quá thì *quá* rồi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trên núi có sấm, tiếng nói nhỏ quá[1]. Sự *quá* của ba điều đó[2], đều là sự quá của những việc nhỏ. Có thể *quá* về việc nhỏ mà không thể *quá* về việc lớn, có thể quá nhỏ mà không thể *quá lớn*. Đó cũng như ở lời Thoán nói "khá việc nhỏ" và "nên xuống" vậy.

LỜI KINH

初六: 飛鳥以凶.

Dịch âm. - *Sơ Lục: Phi điểu dĩ hung.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Chim bay lấy hung.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu Đầu, Âm mềm ở dưới, là Tượng tiểu nhân, phía trên nó ứng với hào Tư, hào Tư lại là thể động, kẻ tiểu nhân nóng nảy khinh dị mà bên trên có kẻ ứng giúp, với việc nên quá, tất nhiên nó sẽ quá lắm, huống chi việc không nên *quá* mà *quá?* Sự quá của nó nhanh như chim bay. Vì vậy mới hung. Nóng kíp như thế, cho nên nó quá đã nhanh lại xa, cứu ngăn không kịp.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu Đầu là chất Âm mềm, phía trên ứng nhau với hào Chín Tư, lại ở thời *quá,* tức là kẻ lên mà chẳng xuống. Chim bay để tiếng, không nên lên nên xuống, cho nên Tượng,

---

[1] Tức là hơi quá mức thường.

[2] Tức là nết, tang và dùng.

Chiêm của nó như thế. Sách Đông Lâm của Quách Phác nói rằng: “Xem được hào này, hoặc giả gặp phải tai vạ của loài có cánh”.

LỜI KINH

象曰: 飛鳥以凶,不可如何也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phi điểu dĩ hung, bất khả như hà dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chim bay lấy hung, chẳng khá dường sao vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sự quá của nó nhanh chóng như thể chim bay, há cứu ngăn được? Hung là đáng lắm! *Chẳng khá dường sao,* nghĩa là không thể dùng sức được nữa.

LỜI KINH

六二: 過其祖,過其妣,不及其君,過其臣,無咎.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Quá kỳ tổ, ngộ kỳ tỷ, bất cập kỳ quân, ngộ kỳ thần, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Quá thửa ông, gặp thửa bà; chẳng kịp thửa vua, gặp thửa bề tôi, không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương ở trên là Tượng Cha, cao hơn cha là Tượng ông. Hào Tư ở trên hào Ba cho nên là ông. Hào Hai với hào Năm ở chỗ ứng nhau, cùng có đức mềm giữa, chí nó không theo hào Ba, hào Tư, cho nên *qua* hào Tư mà gặp hào Năm, ấy là qua thửa ông. Hào Năm chất Âm mà cao, là Tượng bà nội, nó với hào Hai cùng ứng nhau. Ở quẻ khác thì Âm Dương tìm nhau, thì “quá” ắt qua mực thường, cho nên khác hẳn, không có sự gì không *quá,* cho nên hào Hai với hào Năm cũng răn nó *qua.* Chẳng kịp thửa vua gặp thửa bầy tôi nghĩa là tiến lên mà không lấn tới vua, vừa đúng với đạo bề tôi, thì không có lỗi “Gặp” nghĩa là đáng. Quá phận bề tôi, đủ biết là lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy.- Hào Sáu Hai mềm thuận giữa chính tiến lên thì *qua* hào Ba hào Tư mà gặp hào Sáu Năm, ấy là *qua* Dương mà lại gặp Âm. Như thế thì chẳng kịp hào Sáu Năm mà tự được phận mình, ấy là không kịp vua mà gặp bề tôi. Điều đó cái ý quá mà chẳng *quá,* giữ chính được giữa, tức là cách không có lỗi đó, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰: 不及其君,臣不可過也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Bất cập kỳ quân, thần bất khả dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng kịp thửa vua, bề tôi không thể quá vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thời "quá", việc gì cũng quá mực thường, cho nên với việc tiến lên, thì răn đừng kịp thửa vua, là vì bề tôi không thể *quá* phận bề tôi vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Sở dĩ chẳng kịp vua lại gặp bề tôi, là vì làm tôi không thể *quá*.

LỜI KINH

九三: 弗過防之,從或戕之,凶!

Dịch âm. - *Cửu Tam: Phất quá phòng chi, tòng hoặc tường chi, hung!*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Chẳng quá ngừa đó, theo hoặc hại đó, hung!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Tiểu quá là lúc Âm quá, Dương mất ngôi, hào Ba riêng ở chỗ chính, nhưng ở dưới, không thể làm gì, mà lại bị các hào Âm ghen ghét cho nên cũng phải có việc nên quá, tức là quá ngừa kẻ tiểu nhân. Nếu không quá ngừa chúng nó, thì hoặc có khi chúng nó sẽ theo mà làm hại mình, như thế thì hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Trong thời *tiểu quá,* các việc thường nên *quá* đi, rồi mới được giữa. Hào Chín Ba lấy chất cứng ở chỗ chính, là kẻ bị các hào Âm muốn hại, mà nó tự cậy mình cứng, chẳng chịu ngừa trước, cho nên Chiêm của nó như thế. Kẻ xem nếu biết quá ngừa thì có thể khỏi.

LỜI KINH

象曰: 從或戕之,凶如何也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tòng hoặc tường chi, hung như hà dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng noi rằng: Theo hoặc hại đấy, hung dường sao vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thời Âm quá, ắt phải hại Dương, đạo kẻ tiểu nhân thịnh, ắt hại đến người quân tử, nên *quá* ngừa đó. Ngừa nó không đến cùng tột, thì bị nó hại, cho nên nói rằng "hung dường sao" nghĩa là tệ lắm vậy.

LỜI KINH

九四: 無咎,弗過遇之,往厲,必戒,勿用永貞.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Vô cựu, phất quá ngộ chi, vãng lệ, tất giới vật dụng vĩnh trinh.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: không lỗi chẳng quá gặp đấy, đi nguy, ắt răn, chớ dùng dài lâu chính bền.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư đương thời *nhỏ quá,* lấy chất cứng ở chỗ mềm, tức là sự cứng không *quá,* cho nên không lỗi. Đã không *quá* thì là hợp mực vừa phải, cho nên nói rằng "gặp đấy" nghĩa là được đúng đạo vậy. Nếu *đi* thì có sự nguy, ắt nên răn sợ, vì *đi* là bỏ chỗ mềm dùng tính cứng mà tiến lên. *Chớ dùng dài lâu chính bền* là vì tính Dương rắn cứng, cho nên răn phải tùy lẽ nên phải, không thể cố chấp.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương thời *quá,* lấy chất cứng ở ngôi mềm; tức là quá về cung kính, ấy là đạo không lỗi đó. "Chẳng quá gặp đấy" ý nói không quá về cứng mà vừa đúng với sự nên phải vậy. Đi thời *quá* rồi, cho nên có nguy mà nên răn. Tính Dương rắn cứng, cho nên lại răn rằng " chớ dùng dài lâu chính bền" ý nên theo với lẽ nên phải của từng thời, không nên cố giữ một mực. Có người nói rằng: Câu "Chẳng quá, gặp đấy", nếu theo lệ hào Sáu Hai thì nên giải như thế, nếu theo lệ hào Chín Ba thì chữ "quá gặp" nên như nghĩa chữ "quá ngừa". Chưa rõ thế nào là phải. Hãy chừa lại đó để đợi kẻ biết.

LỜI KINH

象曰: 弗過遇之,位不當也;
往厲,必戒,中不可長也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Phất quá, ngộ chi, vị bất đáng dã; vãng lệ, tất giới, chung bất khả trường dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng quá, gặp đấy, ngôi chẳng đáng vậy; đi nguy, ắt răn, trọn chẳng khá lớn vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ngôi chẳng đáng chỉ về ở chỗ mềm. Hào Tư đương thời *quá,* chẳng quá cứng mà lại ở chỗ mềm, ấy là đúng mực vừa phải, cho nên nói là "gặp đấy", nghĩa là gặp chỗ vừa phải vậy. Lấy hào Chín ở ngôi Tư là ngôi không đáng; ở chỗ mềm là gặp chỗ vừa phải. Đương thời Âm quá, Dương phải lui, nhụt tự giữ lấy mình, cũng là đủ rồi, há lại lớn mà thịnh được? Cho nên đi thì có nguy, ắt nên răn vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nghĩa hào chưa rõ, chỗ này cũng nên chừa lại.

LỜI KINH

六五: 密雲不雨,自我
西郊,公弋取彼,在穴.

Dịch âm. - *Lục Ngũ: Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao, công dặc thủ bỉ, tại huyệt.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Năm: Mây dầy chẳng mưa, ở cõi tây ta, ông bắn lấy nó ở hang.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm lấy chất Âm mềm ở ngôi tôn, tuy muốn *quá* làm, há nên công được? Cũng như mây dầy mà không thành mưa mà thôi. Sở dĩ không thành mưa, là vì tự *ở* cõi tây. Khí Âm không thể thành mưu, ở quẻ Tiểu súc đã giải rồi. *Ông bắn lấy nó ở hang* là sao? Hang là chỗ trống trong núi, giữa rỗng tức là cái hang. Ở hang là chỉ về hào Sáu Hai, hào Năm với hào Hai vốn không ứng nhau, chỉ là bắn mà lấy nó, hào Năm đáng ngôi, cho nên nói "ông", tức là đấng công thượng vậy. Cùng loại lấy nhau, tuy rằng được đó, nhưng hai khí Âm không thể làm nên được việc lớn, cũng như mây dầy không thể thành mưa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở ngôi tôn, lại nhằm vào thời *Âm quá*, không thể làm việc, mà lấn lấy hào Sáu Hai để làm giúp kẻ cho mình, cho nên có Tượng ấy. Ở hang là vật về Âm, hai khí gặp nhau, đủ biết không thể làm nên việc lớn.

LỜI KINH

象曰: 密雲不雨,已上也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Mật vân, bất vũ, dĩ thượng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Mây dầy chẳng mưa, đã lên vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Dương lên Âm xuống, hợp nhau thì hòa nhau mà thành mưa, Âm đã ở trên, mây tuy dầy há nên được mưa? Đó là nghĩa Âm quá không thể thành mưa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đã trên tức là quá cao.

LỜI KINH

上六: 弗遇過之,飛鳥離之,凶,是謂災眚.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Phất ngộ quá chi, phi điểm ly chi, hung thị vị tai sảnh.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Chẳng gặp, quá đấy, chim bay lìa đấy, hung, ấy rằng vạ tội.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu chất Âm, thể động, ở chỗ cùng cực của thì *quá* chẳng gặp với lẽ, làm gì cũng quá, sự trái lẽ quá mực thường của nó như thể con chim bay nhanh, vì vậy mới hung. *Lìa* là quá đi xa lắm. Như thế thì nên phải có vạ tội, vạ là hại của trời làm ra, tội là việc của người làm ra. Đã quá đến cùng cực, há chỉ tội người mà thôi, vạ trời cũng kéo đến nữa, đủ biết là hung.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Sáu lấy chất Âm ở trên thể động đứng chỗ cùng tột của cuộc *Âm quá,* tức là kẻ *quá* di đã cao mà rất xa, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Có người nói rằng: Hai chữ 遇過 *(ngộ quá)* chỉ nên đổi làm 過遇 *(quá ngộ),* nghĩa giống như hào Chín Tư, chưa biết phải không.

LỜI KINH

象曰: 弗遇過之,已亢也.

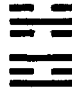
Dịch âm. - *Tượng viết: Phất ngộ quá chi, dĩ kháng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chẳng gặp quá đấy, đã quá cực vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Ở chót cuộc quá, chẳng gặp với lẽ mà quá đó, *quá* đã *quá* cực, hung là đáng vậy.

QUẺ KÝ TẾ


Khảm trên
Ly dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Ký tế, Tự quái nói rằng: Có qua, vật ắt phải sang, cho nên tiếp đến quẻ tế[1]. Qua được với vật, ắt có thể sang, cho nên sau quẻ Tiểu quá tiếp đến quẻ Ký tế. Nó là quẻ nước ở trên lửa, nước lửa giao nhau, thì thành công dụng, vật nào xứng đáng sự dùng của vật ấy, cho nên là đã sang, tức là cái thì muôn việc thiên hạn đã nên vậy.

LỜI KINH

既濟亨,小利貞,初吉,終亂.

Dịch âm. - *Ký tế hanh, tiểu lợi trinh, sơ cát, chung loạn.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Ký tế hanh, nhỏ lợi về chính bền, đầu tốt, chót loạn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì đã *sang,* cái lớn đã hanh thông rồi, cái nhỏ còn chưa hanh thông. Tuy là trong thì đã *sang,* không thể không có cái nhỏ chưa hanh thông. Chữ "nhỏ" ở dưới, lời nói lên thế. Nếu nói "nhỏ hanh" thì sự hanh thông nhỏ. *Lợi về chính bền* là vì ở thì đã sang, lợi ở gìn giữ bằng cách chính bền. Đầu tốt là lúc đương *sang, chót loạn* là tại *sang* đã cùng cực thì phải trái lại.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đã sang là việc đã nên. Nó là quẻ nước lửa giao nhau, thứ nào được dùng của thứ ấy. Ngôi của sáu hào đều được chính đính, cho nên là đã *sang.* Chữ "hanh nhỏ" nên đổi ra làm "nhỏ hanh". Đại để quẻ này và lời Chiêm của sáu hào đều có ý răn dỗ, thì nên thế vậy.

LỜI KINH

彖曰: 既濟亨,小者亨也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Ký tế hanh, tiểu giả hanh dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Ký tế hanh, cái nhỏ hanh vậy.

GIẢI NGHĨA

Bản của Chu Hy. - Dưới chữ 濟 *(tế)* ngờ sót chữ 小 *(tiểu).*

---

[1] Chữ 既濟 (Ký tế) nghĩa là đã sang sông, đã nên việc, hay đã xong việc.

LỜI KINH

利貞,剛柔正而位當也.

Dịch âm. - *Lợi trinh, cương nhu chính nhi vị đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lợi về chính bền, cứng mềm chính mà ngôi đáng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trong thì đã sang, cái lớn chỉn đã hanh thông rồi, chỉ có cái nhỏ chưa hanh thông. Thì đã hanh thông, chỉn nên chính bền mà giữ. Tài quẻ cứng mềm cứng đáng với ngôi của nó đáng ngôi là sự thường, đó tức là nghĩa chính bền, lợi về nết trinh, như thế, Âm Dương đều được chính ngôi, cho nên mới là đã *sang*.

LỜI KINH

初吉,柔得中也,終止則亂,其道窮也.

Dịch âm. - *Sơ cát, nhu đắc trung dã; chung chỉ tắc loạn, kỳ đạo cùng dã.*

Dịch nghĩa. - Đầu tốt, mềm được giữa vậy; chót đậu thì loạn, thửa đạo cùng vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Hai là chất mềm thuận, văn vẻ, sáng láng mà được chỗ giữa, cho nên mới làm nên công "đã sang". Hào Hai ở thể dưới, là lúc đầu cuộc "đương sang" mà lại khéo xử, cho nên mới tốt. Việc trong thiên hạ, không tiến thì lùi, không có cái lẽ nhất định. Đến chót cuộc *sang,* chẳng tiến mà đậu, tức là sự đậu bất thường, suy loạn đến rồi, vì là đạo nó đã cùng cực rồi. Tài hào Chín Năm, không phải không hay, chỉ vì thời cực, đạo cùng, lẽ ắt phải biến.

LỜI KINH

象曰: 水在火上,既濟,君子以思患而預防之.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thủy tại hỏa thượng, Ký tế, quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Nước ở trên lửa là quẻ Ký tế, đấng quân tử coi đó để nghĩ sự lo mà ngừa sẵn đấy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nước lửa đã giao nhau, thứ nào được sự dùng của thứ ấy, tức là đã *sang.* Gặp thì "đã sang". Chỉ sợ vạ hại sinh ra, cho nên nghĩ cách mà ngừa sẵn đi, khiến cho không đến phải lo. Từ xưa thiên hạ yên rồi mà lại đến phải vạ loạn, đều tại không biết lo nghĩ mà ngừa sẵn cả.

LỜI KINH

初九: 曳其輪,濡其尾,無咎.

Dịch âm. - *Sơ Cửu: Duệ kỳ luân, nhủ kỳ vỹ, vô cữu.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Đầu: Kéo thửa bánh xe, ướt thửa đuôi không lỗi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Đầu lấy chất Dương ở chỗ dưới, phía trên ứng nhau với hào Tư, lại là thể lửa, cái chí tiến lên của nó đương mạnh, nhưng thì đã sang rồi, tiến lên không thôi, thì đến hối cữu, cho nên phải kéo bánh xe, ướt đuôi, mới không có lỗi. Bánh xe là vật để đi, kéo ngược trở lại, tức là khiến nó khỏi tiến. Con thú lội nước ắt phải ngỏng đuôi, ướt đuôi thì không thể sang. Đầu thì đã *sang,* biết ngăn sự tiến mới được không lỗi. Nếu không biết thôi thì đến phải lỗi.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Bánh xe ở dưới, đuôi ở đằng sau, là Tượng hào Đầu. Kéo bánh xe lại thì xe không đi lên được, ướt đuôi thì con cáo không sang sông được, đầu thì *sang,* cẩn thận răn dỗ như vậy là cách không lỗi đó. Kẻ xem như thế thì không có lỗi.

LỜI KINH

象曰: 曳其輪,義無咎也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Duệ kỳ luân, nghĩa vô cữu dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Kéo thửa bánh xe, nghĩa không lỗi vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đầu lúc đã *sang,* biết ngăn sự tiến thì không đến lỗi cùng cực, nghĩa đó tự nhiên không lỗi.

LỜI KINH

六二: 婦喪其茀,勿逐,七日得.

Dịch âm. - *Lục Nhị: Phụ táng kỳ phất, vật trục, thất nhật đắc.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Hai: Đàn bà mất thửa khăn trùm[1] chớ đuổi bảy ngày được.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di.- Hào Hai là Âm, cho nên lấy đàn bà mà nói khăn trùm là đồ của đàn bà khi ra khỏi cửa, dùng để tự che, mất khăn trùm thì không thể đi. Hào Hai không được hào Năm tìm kiếm mà dùng, thì không được đi, cũng như đàn bà mất khăn trùm vậy.

---

[1] Dịch theo Trình Di. Theo Chu Hy thì chữ 茀 (phất) nghĩa là mui xe.

Nhưng đạo trung chính, há có thể bỏ? Thì đã qua rồi thì sẽ đi được. *Đuổi* là chạy theo vật khác. Chạy theo vật khác thì mất cái sở thủ của mình, cho nên răn rằng chớ đuổi. Tự giữ không mất, thì bẩy ngày lại được. Quẻ có sáu ngôi, đến bẩy thì biến đổi rồi. *Bẩy ngày* chỉ về thì biến đổi vậy. Tuy chẳng được người trên dùng đến, nhưng đạo trung chính, không có lẽ bị bỏ mãi, tuy chẳng thi hành trong lúc này, ắt được thi hành ở lúc khác, lời răn của thánh nhân thật là sâu xa.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Hai lấy đức văn vẻ sáng sủa giữa chính, phía trên ứng nhau với hào Chín Năm là ông vua Dương cứng giữa chính, đáng được thực hành chí mình, mà hào Chín Năm ở thì đã sang, không chịu trọng đãi người hiền để thi hành cái đạo của mình, cho nên hào Hai có Tượng "đàn bà mất thửa mui xe". Mui xe là đồ che xe của đàn bà, ý nói mất cái để đi vậy. Nhưng đạo giữa chính không thể bị bỏ mãi mãi, thì qua sẽ được thực hành, cho nên lại có lời răn "chớ đuổi tự nhiên sẽ được".

LỜI KINH

象曰：七日得，以中道也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Thất nhật đắc, dĩ trung đạo dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Bẩy ngày được, vì đạo giữa vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Cái đạo giữa chính tuy chẳng được dùng đến, nhưng không có lẽ đến cùng không được thi hành, cho nên mất khăn trùm, bẩy ngày sẽ lại được, nghĩa là tự giữ đạo giữa, lúc khác ắt được thi hành. Không mất mực giữa thì là chính rồi.

LỜI KINH

九三：高宗伐鬼方，三年克之，小人無用.

Dịch âm. - *Cửu Tam: Cao Tông phạt Quỉ Phương, tam niên khắc chi, tiểu nhân vật dụng.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Ba: Vua Cao Tông đánh nước Quỉ Phương, ba năm được đấy, kẻ tiểu nhân chớ dùng.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Ba đương thì đã sang, lấy chất cứng ở ngôi cứng, là kẻ dùng đạo cứng đến tột bậc vậy. Đã sang mà dùng đạo cứng như thế, tức là việc vua Cao Tông đánh nước Quỉ Phương. Cao Tông ắt là Cao Tông nhà Thương, việc trong thiên hạ đã xong, mà đi xa đánh kẻ bạo loạn. Oai vũ tới được, mà lấy sự cứu dân làm lòng, đó là việc của đấng vương giả, chỉ có ông vua thánh hiền thì được. Nếu sinh oai vũ, tức kẻ bất phục, tham đất cát, thì là tàn dân

động lòng ham muốn, cho nên răn rằng: chớ dùng kẻ tiểu nhân. Vì kẻ tiểu nhân mà làm việc đó, chỉ tại cáo ý tham lam tức tối riêng tây, nếu không tham lam tức tối thì họ không chịu làm. "Ba năm được đấy" thấy rằng nhọc mệt tệ lắm. Đấng thánh nhân, nhân hào Chín Ba đương thời đã sang mà dùng cách cứng, mới phát nghĩa đó để làm phép và làm răn, kẻ kiến thức nông nổi không thể nghĩ tới.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Thời đã *sang,* lấy chất cứng ở ngôi cứng, là Tượng vua Cao Tông đánh nước Quỉ Phương. "Ba năm được đấy" tức là phải lâu mới được, đó là ý răn kẻ xem không nên hành động, bằng cách khinh suất. Câu "tiểu nhân chớ dùng" phép xem giống hào Sáu Trên quẻ Sư.

LỜI KINH

象曰：三年可之,憊也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Tam niên khắc chi, bại dã.*

Dịch nghĩa. - Lời của Tượng nói rằng: Ba năm được đó, mệt vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nói mệt cho thấy việc đó rất khó, vua Cao Tông làm thì được, nếu không có bụng như vua Cao Tông, thì là tham lam tức tối, để làm hại dân.

LỜI KINH

六四：繻有衣袽,終日戒.

Dịch âm. - *Lục Tứ: Nhu hữu y như, chung nhật giới.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Tư: Ướt có áo giẻ, trọn ngày răn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Tư ở quẻ Tế mà thể nước, cho nên lấy thuyền làm nghĩa. Hào Tư ở ngôi gần vua là kẻ gánh vác trách nhiệm. Đương thì đã *sang,* lấy sự ngừa vạ lo biến làm gấp, chữ 繻 *(nhu)* nên đổi làm chữ 濡 *(nhu)* nghĩa là thăm dò vậy. Thuyền có hẻ dò thì nhét bằng áo giẻ. Có áo giẻ để phòng bị sự dò mà lại trọn ngày răn sợ, không nhắc, lo vạ nên như thế vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đương thì đã *sang,* lấy chất mềm ở ngôi mềm, là kẻ biết dự bị lo sợ, cho nên Tượng nó như thế.

LỜI KINH

象曰：終日戒有所疑也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Chung nhật giới, hữu sở nghi dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Trọn ngày răn, có thửa ngờ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Trọn ngày răn sợ, là thường ngờ rằng vạ lo sắp tới. Ở thì đã *sang*, nên răn sợ như thế.

LỜI KINH

九五: 東鄰殺牛,不如西鄰之禴祭,實受其福.

Dịch âm. - *Cửu Ngũ: Đông lân sát ngưu, bất như tây lân chi thược tế, thật thụ kỳ phúc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Láng giềng bên Đông giết trâu, chẳng bằng láng giềng bên Tây tế Thược, thật chịu thửa phúc.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm giữa đặc là có đức tin, hào Hai giữa rỗng là có đức thành, cho nên đều lấy việc tế tự làm nghĩa. Láng giềng bên Đông là Dương, chỉ vào hào Năm; Láng giềng bên tây là Âm, chỉ vào hào Hai, giết trâu là cuộc tế thịnh soạn. Thược là thứ tế đơn sơ. Thịnh soạn không bằng đơn sơ, là tại thời không giống nhau. Hào Hai hào Năm đều có đức tin thành giữa chính, hào Hai ở dưới cuộc *sang*, còn có cơ lên, cho nên chịu phúc; Hào Năm ở chỗ cùng tột cuộc *sang*, không thể tiến nữa, nếu giữ bằng cách chí thành giữa chính, chỉ không đến nỗi trái lại mà thôi; lý không khi nào cùng cực mà không quay lại, đã đến cùng cực, tuy rằng khéo xử, cũng không làm thế nào được, cho nên tượng của hào này chỉ nói về thời.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Đông là Dương, Tây là Âm, ý nói hào Năm ở ngôi tôn mà thời quá rồi, chẳng bằng hào Hai ở dưới mà mới được thời. Lại đương vào thời vua Văn và vua Trụ, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Lời Thoán trước tốt sau loạn cũng là ý đó.

LỜI KINH

象曰: 東鄰殺牛,不如西鄰之
時也,實受其福,吉大來也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Đông lân sát ngưu bất như tây lân chi thì dã; thật thụ kỳ phúc, cát đại lai dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Láng giềng bên Đông giết trâu, chẳng bằng láng giềng bên Tây phải thời vậy; thật chịu thửa phúc, tốt cả lại vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Tài đến hào Năm không phải chẳng hay, nhưng không phải thì bằng hào Hai. Hào Hai ở dưới, là thời có tiến, cho nên giữa chính mà tin, thì sự tốt cả lại, thế gọi là chịu phúc.

"Tốt cả lại" nghĩa là thời đang sang, tức là "cả lại" tức là "hanh nhỏ, đầu tốt" vậy.

LỜI KINH

上六: 濡其首,厲.

Dịch âm. - *Thượng Lục: Nhu kỳ thủ, lệ!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Trên: Ướt thửa đầu, nguy!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chót cuộc đã *sang* vẫn là chẳng yên mà nguy. Lại kẻ mềm ở ngôi đó mà đứng trên thể hiểm, khảm là nước, *sang* cũng lấy nghĩa là nước, cho nên nói có cùng cực đến nỗi ướt đầu, đủ biết là nguy. Chót cuộc đã *sang* mà kẻ tiểu nhân ở vào ngôi đó, sự bại hoại của nó có thể đứng mà đợi được.

Bản của Chu Hy. - Chót cuộc đã *sang,* trên thể hiểm, mà lấy tài Âm mềm ở vào chỗ đó, là Tượng con cáo lội nước mà ướt đầu. Kẻ xem không biết răn sợ, tức là đạo nguy.

LỜI KINH

象曰: 濡其首,厲,何可久也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhu kỳ thủ, lệ, hà khả cửu dã?*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ướt thửa đầu, nguy, sao khá dài vậy?

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Đã sang mà cùng đến nỗi ướt đầu, có thể dài lâu được chăng?

QUẺ VỊ TẾ

 Ly trên

 Khảm dưới

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Quẻ Vị tế, Tự quái nói rằng: Vật không thể cùng, cho nên tiếp đến quẻ Vị tế[1] là hết. Đã sang rồi là vật bị cùng. Vật đã cùng mà không biến đổi, thì không có lý "chẳng thôi". *Dịch* là biến đổi mà chẳng cùng, cho nên sau quẻ Ký tế, tiếp đến quẻ Vị tế mà hết. *Chưa sang* là chưa cùng. Chưa cùng có nghĩa sinh sinh. Nó là quẻ Ly trên Khảm dưới, lửa ở trên nước, không làm sự dùng cho nhau, cho nên là chưa sang.

LỜI KINH

未濟亨,小狐汔濟,濡其尾,無攸利.

Dịch âm. - *Vị tế hanh, tiểu hồ hất tế, nhu kỳ vĩ, vô du lợi.*

Dịch nghĩa. - Quẻ Vị tế hanh, con cáo nhỏ hầu sang, ướt thửa đuôi, không thửa lợi.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Thì chưa *sang*, có lẽ hanh thông, mà tài quẻ lại có cách đem đến sự hanh thông, chỉ cốt xử cho cẩn thận. Con cáo là vật có thể lội nước, ướt đuôi thì không sang được. Cáo già hay ngờ sợ, cho nên xéo nước thì còn nghe ngóng, sợ rằng hãm; cáo nhỏ chưa biết sợ hãi cẩn thận, cho nên mạnh bạo mà sang. Chữ 汔 nên đổi thành chữ 仡 *Kinh Thư* nói, 仡仡勇夫 *(ngật ngật dũng phu* - hăng hái kẻ mạnh), con cáo nhỏ quả quyết về sự *sang*, thì ướt thửa đuôi mà không *sang* được. Trong thì chưa *sang*, cái đạo cầu *sang*, nên rất cẩn thận thì có thể hanh thông. Nếu quả quyết như con cáo nhỏ, thì không *sang* được. Đã không sang được, thì không còn lại cái gì.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Quẻ Vị tế là lúc việc chưa thành. Nước lửa chẳng giao nhau, chẳng làm sự dùng cho nhau. Sáu hào trong quẻ đều mất ngôi, cho nên là chưa *sang*, 汔 *(hất)* nghĩa là hầu, hầu *sang* mà ướt đuôi là còn chưa *sang*. Kẻ xem như thế, thì còn lợi gì?

[1] 未濟(Vị tế) nghĩa là chưa sang hay xong.

LỜI KINH

彖曰: 未濟亨,柔得中也,小狐汔濟,未出中也,濡其尾,無攸利,不續終也,雖不當位,剛柔應也.

Dịch âm. - *Thoán viết: Vị tế hanh, nhu đắc trung dã; tiểu hồ hất tế, vị xuất trung dã; nhu kỳ vĩ, vô sở lợi, bất tục chung dã; tuy bất đáng vị, cương nhu ứng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Thoán nói rằng: Quẻ Vị tế hanh, mềm được giữa vậy; cáo nhỏ hầu sang, chưa ra trong vậy; ướt thửa đuôi, không thửa lợi, chẳng nối chót vậy; tuy chẳng đáng ngôi, cứng mềm ứng nhau vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Lấy tài quẻ mà nói, sở dĩ hanh được, là vì chất mềm được ngôi giữa. Hào Năm lấy chất mền ở ngôi tôn, ở chỗ cứng mà ứng với hào cứng là được mực giữa của đạo mềm. Cứng mềm được vừa phải, ở thì *chưa sang* có thể hanh thông. Theo hào Hai mà nói, hào Hai lấy chất Dương cứng ở trong chỗ hiểm, là kẻ sắp sang, phía trên lại ứng với hào Năm, chỗ hiểm không phải nơi có thể yên, hào Năm có lẽ nên theo, cho nên nó mới quả quyết về sự *sang,* như con cáo nhỏ vậy. Đã quả quyết về sự sang, cho nên có cái lo về ướt đuôi, chưa kể ra khỏi chỗ hiểm. Tiến mạnh thì lui chóng, lúc đầu tuy hăng hái về sự *sang,* nhưng không tiếp tục mà làm cho trọn, thì không đi đâu mà lợi. Tuy là Âm Dương không đáng ngôi, nhưng cứng mềm đều ứng với nhau, đương thì *chưa sang* mà có kẻ cùng với, nếu biết thận trọng thì có lẽ sang được. Hào Hai vì hăng *sang* cho nên ướt đuôi. Các hào trong quẻ đều không được ngôi, cho nên là *chưa sang.*

LỜI KINH

象曰: 火在水上,未濟,君子以慎辨物,居方.

Dịch âm. - *Tượng viết: Hỏa tại thủy thượng. Vị tế, quân tử dĩ thận biện vật, cư phương.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Lửa ở trên nước, là quẻ Vị tế, đấng quân tử coi đó mà cẩn thận phân biệt các vật, ở phương.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Nước lửa chẳng giao với nhau, không giúp nhau làm sa sự dùng, cho nên là *chưa sang.* Lửa ở trên nước là không phải nơi. Đấng quân tử coi Tượng "ở không đáng" đó, để cẩn thận xử với sự vật, phân biệt sự xứng đáng của nó, khiến nó đều ở thửa phương, nghĩa là đậu vào nơi chốn của nó.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Nước lửa khác giống, thứ nào ở vào nơi chốn của thứ ấy, cho nên đấng quân tử coi Tượng đó mà xem xét phân biệt các việc các vật.

LỜI KINH

初六: 濡其尾,吝!

Dịch âm. - *Sơn lục: Nhu kỳ vĩ lận!*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Đầu: Ướt thửa đuôi, tiếp đáng!

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Sáu lấy chất Âm mềm ở dưới, đóng chỗ hiểm mà ứng với hào Tư, ở chỗ hiểm thì không yên, có ứng thì chí đi trở lên, nhưng mình đã Âm mềm mà hào Tư không phải là tài giữa chính, không cứu mình để sang. Giống thú vượt nước, ắt phải ngỏng đuôi, đuôi ướt thì không *sang* được, ướt thửa đuôi là không thể *sang*. Không lượng tài lực mà tiến, rút lại, không thể *sang,* đáng thẹn tiếc vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất Âm ở ngôi dưới, đương thì *chưa sang,* chưa thể tự mình tiến lên, cho nên Tượng, Chiêm như thế.

LỜI KINH

象曰: 濡其尾亦不知極也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Nhu kỳ vĩ, diệc bất trí cực dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Ướt thửa đầu, cũng chẳng biết cực (?) vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chẳng lượng tài lực mà tiến, đến chưng ướt đầu, ấy là "chẳng biết" đến tột bậc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Chữ 極 *(cực)* chưa rõ nghĩa là gì. Xét vần trên dưới cũng không hợp, e là chữ 敬 *(kính),* nay hãy chữa lại đó.

LỜI KINH

九二: 濡其輪,貞吉.

Dịch âm. - *Cửu Nhị: Duệ kỳ luân, trinh cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Hai: Kéo thửa bánh xe, chính bền, tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. Ở quẻ khác, hào Chín ở ngôi Hai là ở chỗ mềm được mực giữa, không có nghĩa quá cứng. Ở quẻ Vị tế, đấng thánh nhân cốt lấy tượng quẻ làm răn, để tỏ đạo thờ trên kính thuận, quẻ Vị tế là lúc đạo vua khó nhọc, hào Năm lấy chất mềm ở ngôi vua mà Hào Hai là tài Dương cứng ở chỗ ứng nhau với nó, tức là kẻ gánh

các trách nhiệm vậy. Cứng có nghĩa lấn mềm, nước có tượng thắng lửa, đương thời khó nhọc, kẻ nhờ cậy được là người bề tôi có tài, càng nên hết đạo kính thuận, cho nên răn rằng: kéo thửa bánh xe thì được chính mà tốt. Kéo ngược bánh xe, bớt thế nó, hoãn sự tiến của nó, tức là răn đừng dùng cứng thái quá. Cứng quá thì hay xúc phạm người trên, mà thiếu đường kính thuận. Quách Tử Nghi, Lý Thạnh nhà Đường, đương khi gian nan chưa nên việc, biết kính thuận đến tột bậc, vì vậy mới được chính đạo mà giữ được tốt lành tới cùng. Ở hào Sáu Năm thì nói chính tốt sáng láng, hết cái phải của đạo làm vua; ở hào Chín Hai thì răn phải kinh thuận, hết sự chính của đạo làm tôi, ấy hết đạo trên dưới vậy.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy hào Chín Hai ứng nhau với hào Sáu Năm mà ở ngôi mềm được chỗ giữa, tức là kẻ biết tự thôi mà không tiến, được sự chính đáng trong đạo làm kẻ dưới, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế.

LỜI KINH

象曰：九二貞吉,中以行正也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Cửu Nhị trinh cát, trung dĩ hành chính dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Hào Chín Hai chính bền tốt, giữa để làm chính vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Hai được chính mà tốt, vì kéo bánh xe mà được đạo giữa, ấy là chính đính.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Hào Chín ở ngôi Hai, vốn không phải chính đính, vì là chỗ giữa, cho nên được chính đính.

LỜI KINH

六三：未濟征凶,利涉大川.

Dịch âm. - *Lục Tam: Vị thế chinh hung, lợi thiệp đại xuyên.*

Dịch nghĩa. - Hào Sáu Ba: Chưa sang đi hung, lợi về sang sông lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Chưa sang đi hung, ý nói chỗ hiểm không có đồ dùng để ra chỗ hiểm mà đi thì hung. Ắt phải ra chỗ hiểm đã, rồi mới đi được. Hào ba lấy tài Âm mềm chẳng giữa chính mà ở chỗ hiểm, chẳng đủ để *sang*, chưa có cách *sang* được, chưa có đồ dùng để ra chỗ hiểm, mà cứ đi, vì vậy mới hung. Nhưng quẻ Vị Tế có cách *sang* được, rồi cũng có lẽ ra khỏi chỗ hiểm, phía trên có kẻ Dương

cứng ứng với nếu quá chỗ hiểm mà đi theo nó thì sẽ *sang* được, cho nên lợi về sang sông lớn.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Âm mềm chẳng giữa chính, ở thì *chưa sang* mà đi thì hung. Nhưng nó lấy chất mềm cưỡi kẻ cứng, sắp sửa ra khỏi thể Khảm, có Tượng về sang sông, cho nên Tượng, Chiêm của nó như thế. Nghĩa là kẻ đi có thể vượt nước mà không thể đi cạn. Hoặc có người ngờ rằng trên chữ 利 *(lợi)* còn có chữ 不 *(bất)*.

LỜI KINH

象曰：未濟征凶,位不當也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Vị tế chinh hung, vị bất đáng dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chưa sang đi hung, ngôi chẳng đang vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Ba đi thì hung, vì ngôi không đáng. Ý nói nó là kẻ Âm mềm chẳng giữa chẳng chính, lại không có tài ra khỏi chỗ hiểm. Nếu vượt được qua chỗ hiểm để theo kẻ ứng với mình thì có lợi.

LỜI KINH

九四：貞吉,悔亡,震用伐鬼方,三年,用賞于大國.

Dịch âm. - *Cửu Tứ: Trinh cát, hối vong, chấn dụng phạt Quỉ Phương, tam niên hữu thưởng vu đại quốc.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Tư: Chính bền, ăn năn mất, nhức dùng đánh nước Quỉ Phương, ba năm, có thưởng chưng nước lớn.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín Tư là chất Dương cứng, ở ngôi đại thần, trên có ông vua trống giữa sáng thuận, lại đã ra khỏi chỗ hiểm, *chưa sang* nhưng quá giữa rồi, tức là có cách *sang* được. Làm cho thiên hạ quá sự gian nan, nếu không có tài cứng mạnh, thì không làm nổi, hào Chín tuy là Dương mà ở ngôi Tư, cho nên răn phải chính bền thì tốt, mà sự ăn năn sẽ mất, không chính bền thì không *sang* được, là có ăn năn. *Nhức* là động đến tột bậc. Người xưa dùng sức nhiều nhất là việc đánh nước Quỉ Phương, cho nên lấy nó làm nghĩa, sức siêng mà đánh xa, đến chừng ba năm, rồi mới thành công mà thi hành cuộc thưởng của nước lớn. Ắt phải như thế mới nên việc.

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy hào Chín ở ngôi Tư, chẳng chính mà có ăn năn. Có thể gắng mà chính bền, thì sự ăn năn sẽ mất. Nhưng vì nó là tư chất không chính bền, thì sự ăn năn sẽ chết.

Nhưng vì nó là tư chất chính bền, muốn gắng mà chính bền, nếu không do đức Dương cứng dùng sức rất lâu thì không thể được, cho nên là Tượng "đánh nước Quỉ Phương ba năm mà được nhận thưởng".

LỜI KINH

象曰: 貞吉,悔亡,志行也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Trinh cát, hối vong, chí hành dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Chính bền tốt, ăn năn mất, chí được thi hành vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Như tài hào Tư, hợp được với thì mà lại thêm đức chính bền, thì có thể thực hành chí mình, thế là tốt lành mà sự ăn năn sẽ mất. Việc đánh nước Quỉ Phương, là chính bền đến tột bậc vậy.

LỜI KINH

六五: 貞吉,悔亡,君子之光,有孚,吉.

Dịch âm. - *Cửu ngũ: Trinh cát, vong hối, quân tử chi quang, hữu phu, cát.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Năm: Chính bền tốt, không ăn năn, sự sáng của đấng quân tử, có tin tốt.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Năm là chủ sự văn vẻ sáng sủa, ở ngôi cứng, ứng với kẻ cứng, đã ở chỗ giữa, lại trống bên trong, mà có hào Dương làm kẻ giúp đỡ, tuy lấy chất mềm ở ngôi tôn, nhưng nó xử được rất khéo rất chính, thì không làm gì không được, đã được trinh chính, cho nên tốt lành mà không ăn năn. Giữ cho chính bền những sự vẫn có của nó, không phải lời răn, dùng cách mà *sang,* thì không chỗ nào không *sang* được. Hào Năm là chủ sự văn vẻ sáng sủa, cho nên khen nó sáng láng, đấng quân tử đức sáng đã thịnh, mà công với sự thật xứng đáng chỗ đó, tức là có tin. Trên nói "tốt" là vì chính bền, mềm mà chính bền, là sự tốt hành của phần đức; dưới nói "tốt" là vì công đã sáng mà có tin, tức là thì có thể *sang.*

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy hào Sáu ở ngôi Năm cũng không phải chính, nhưng nó là chủ văn vẻ sáng sủa, ở giữa mà ứng nhau với kẻ cứng, trống rỗng trong lòng để cầu kẻ dưới giúp mình, cho nên được chính mà tốt và không ăn năn, lại có đức sáng láng được thịnh, tin thật mà không càn, đức là tốt mà lại tốt.

LỜI KINH

象曰: 君子之光,其暉吉也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Quân tử chi quang, kỳ huy cát dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Sự sáng của đấng quân tử, thửa tia sáng tốt vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Sáng thịnh thì có tia sáng, tia sáng tức là ánh sáng tan ra. Đấng quân tử chứa chất đầy đủ mà sự sáng đến chưng có tia, tức là hay đến tột bậc, cho nên lại nói là tốt.

LỜI KINH

上九: 有孚于飲酒,無咎,濡其首,有孚,失是.

Dịch âm. - *Thượng Cửu: Hữu phu vu ẩm tửu, vô cữu, nhu kỳ thủ, hữu phu, thất thị.*

Dịch nghĩa. - Hào Chín Trên: Có tin chưng uống rượu, không lỗi, ướt thửa đầu, có tin, mất phải.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Hào Chín lấy chất cứng ở ngôi Trên, là cứng tột bậc; ở trên thể sáng, là sáng tột bậc. Đã cứng tột bậc mà lại sáng nữa, thì không phải là nóng nảy mà là quả quyết. Sự sáng có thể xét lý, sự cứng có thể đoán nghĩa, ở cùng cực thì *chưa sang,* không được ngôi để *sang,* không có thể *sang* được, thì nên vui trời thuận mệnh mà thôi; nếu ở chót cuộc "bĩ", thì có thể xoay thời vận lại, *chưa sang* thì không có lẽ cùng cực mà tự sang được, cho nên sự đậu là chỗ cùng cực của sự *chưa sang,* chí thành yên với nhĩa mệnh mà tự vui, thì có thể không lỗi. Uống rượu tức là tự vui, nếu không vui với cảnh mình ở, thì bực tức, chán nản, tức là vào chỗ hung cữu. Nếu theo sự vui mà đắm đuối, công dỡ quá lễ, đến ướt thửa đầu, cũng không phải là biết yên với cảnh mình ở. Có tin tức là tin ở trong lòng, mất phải nghĩa mất sự nên đáng. Như thế, thì có tin là lỗi. Người ta ở cảnh hoạn nạn, biết là không thể sao được, mà phóng túng bừa bãi, không chịu quay lại, há phải là kẻ yên với nghĩa mệnh?

Bản nghĩa của Chu Hy. - Lấy chất cứng sáng ở chỗ cùng cực của cuộc *chưa sang,* thì thế có thể làm việc, mà biết tự tin tự nuôi, để đợi mệnh trời đó là cách không lỗi. Nếu phóng túng không quay lại, như con cáo lội nước mà ướt đầu, thì là tự tin thái quá và tự mình làm mất cái nghĩa của mình.

LỜI KINH

象曰: 飲酒濡首,亦不知節也.

Dịch âm. - *Tượng viết: Ẩm tửu nhu thủ, diệc bất tri tiết dã.*

Dịch nghĩa. - Lời Tượng nói rằng: Uống rượu ướt đầu, cũng chẳng tiết độ vậy.

GIẢI NGHĨA

Truyện của Trình Di. - Uống rượu đến chừng ướt đầu là không biết tiết lộ lắm. Sở dĩ đến thế, là tại không biết yên với nghĩa mệnh, nếu biết yên thì đã không mất thường độ.

MỤC LỤC

* Lời người dịch:
NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT

* CHU DỊCH THƯỢNG KINH

* CHU DỊCH HẠ KINH

NHÓM BIÊN SOẠN:

LỮ HUY NGUYÊN *chủ biên*
PHAN CỰ ĐỆ *giới thiệu*

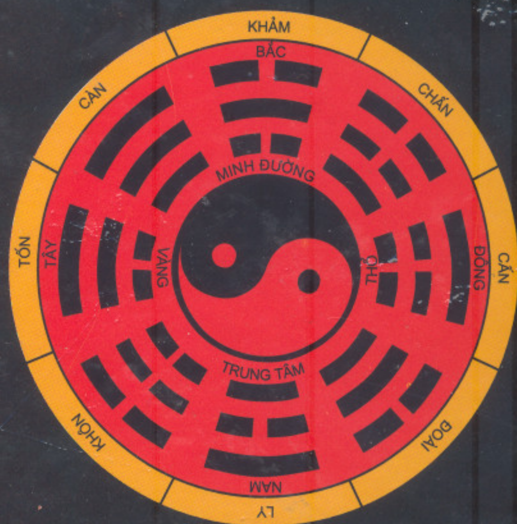
Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU
Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN CỪ

Biên tập: BAN BIÊN TẬP
Trình bày: PHÒNG CHẾ BẢN

NHÀ SÁCH MINH LÂM
18 NGÔ QUYỀN - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
ĐT: (04) 934.4435 - Mobile: 090.4050606

In 700 cuốn, khổ 16x24cm tại Công ty in Thương mại - Bộ Thương mại
Giấy TNKHXB số: 1678/CXB ngày 05/12/2003
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2004.

KINH DỊCH
TRỌN BỘ





GIÁ: 84.000Đ